

**Hội đồng biên tập Nhà xuất bản EK3AMEH Mátxcova**

**E.P. GLADUNỐP - V.P. BUIANỐP - M. I. VÔRÔBIẾP - N. N. CÔLÊXNHÍCH**

**A. Ph. PÔĐỒĐÊẾP - A.I. KHIUPÊNEN - P. Iu. XVÉTỐP**

# **CHIẾN TRANH VIỆT NAM LÀ NHƯ THẾ ĐÓ**

Người dịch: Đào Tấn Anh-Nguyễn Đăng Nguyên



**Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia**

# Chiến Tranh Việt Nam Là Như Thế Đó

Nhiều tác giả

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Table of Contents

[CHIẾN TRANH VIỆT NAM LÀ NHƯ THẾ ĐÓ!](#)

[CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN](#)

[CÙNG BẠN ĐỌC](#)

[LỜI MỞ ĐẦU](#)

[THIẾU TƯỚNG ĐEMSENCÔ IURI ALÉCHXÊÊVÍCH](#)

[ĐÃ CÓ BAO NHIÊU ĐIỀU TRÁI QUA Ở VIỆT NAM...](#)

[GLADUNỐP ÉPGHÊNI PAVLÔVÍCH](#)

[QUẢNG ĐỜI KHÔNG THỂ NÀO QUÊN CỦA TÔI](#)

[ĐẠI TÁ CÔNXTANTINỐP VLAĐIXLÁP MIKHAILÔVÍCH](#)

[HỒI ỨC VỀ NHỮNG NGƯỜI BẠN CHIẾN ĐẤU](#)

[ĐẠI TÁ DAICA ANATÔLI BÔRIXÔVÍCH](#)

[NHỮNG CHIẾN THẮNG KHÔNG ĐẾN DỄ DÀNG](#)

[THƯỢNG SĨ CẬN VỆ CÔLÊXNHÍCH NICÔLAI NICÔLAÊVÍCH. Giáo Sư danh dự của RAEN \(PAEH\)](#)

[CHUYỂN CÔNG TÁC BÍ MẬT ĐẾN VIỆT NAM](#)

[THIẾU TƯỚNG BÊLỐP GRIGÔRI ANĐRÊÊVÍCH](#)

[NHỮNG HỒI ỨC VỀ CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM](#)

[CÔVALÉP NICÔLAI IVANÔVÍCH](#)

[MIỀN ĐẤT ẤY... HẢI PHÒNG](#)

[ĐẠI TÁ PÊTỜỐP ALÉCHXÂY LACỐPLÊVÍCH](#)

[NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CÔNG VIỆC CỦA KỸ SƯ TRƯỞNG TRONG TRUNG ĐOÀN TÊN LỬA PHÒNG KHÔNG Ở VIỆT NAM](#)

[THIẾU TƯỚNG CANAÉP VLACHEXLÁP MIKHAILÔVÍCH, Giáo sư, Phó tiến sĩ khoa học quân sự.](#)

[KHẨU ĐỘI CHIẾN ĐẤU CỦA CHÚNG TÔI](#)

[THIẾU TÁ SÊLÔMUTỐP GHENĂĐI IACỐPLÊVÍCH](#)

[MỌI NGƯỜI ĐỀU CHO RẰNG ĐIỀU ĐÓ KHÔNG BAO GIỜ CÓ THỂ XẢY RA](#)

[ISENCO IVAN CÔNXTANTINÔVÍCH](#)

[CỨU NGUY CHO MÙA MÀNG](#)

[BÔNĐARENCÔ IGO VLAĐIMIRÔVÍCH](#)

[TRẬN PHỤC KÍCH TRÊN DÃY TAM ĐẢO](#)

[ĐẠI TÁ SIXLỐP GHENĂĐI VAXILIÊVÍCH, Phó giáo sư, tiến sĩ khoa học quân sự.](#)

[MỘT NĂM TRONG ĐỘI NGŨ CHIẾN ĐẤU](#)

[ĐẠI TÁ VÔICÔ ĐMITỜRI ĐANILÔVÍCH, Phó tiến sĩ khoa học kỹ thuật, cán bộ khoa học chủ chốt.](#)

[TRÊN MẢNH ĐẤT VIỆT NAM NÓNG BỎNG TRONG KHÁNG CHIẾN](#)

[RÔXLIACÔVA LIUBỐP IVANỐPNA](#)

[NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN](#)

[ĐẠI TÁ VÔRÔNỐP BÔRÍT ALÉCHXANĐRÔVÍCH](#)

[NHỮNG GHI CHÉP CỦA THAM MƯU TRƯỞNG ĐOÀN CHUYÊN GIA QUÂN SỰ LIÊN XÔ TẠI VIỆT NAM](#)

[ĐẠI TÁ MÔIXÊÉP ANATÔLI PÊTRÔVÍCH. Công dân danh dự của Thành phố Hà Nội.](#)

CUỘC THÍ NGHIỆM Ở HÀ NỘI

BÊLỐP ALÉCHXÂY MIKHAILÔVÍCH

BÚT KÝ CỦA TRƯỞNG ĐOÀN CHUYÊN GIA QUÂN SỰ LIÊN XÔ TẠI TRUNG ĐOÀN TÊN LỬA PHÒNG KHÔNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

TRUNG TƯỚNG VÔRÔBIẾP MÁC IVANÔVÍCH, Phó tiến sĩ khoa học - kỹ thuật, Viện sĩ danh dự Viện hàn lâm Metrôlôgia.

CẢI TIẾN VỀ MẶT TÁC CHIẾN BỘ KHÍ TÀI TÊN LỬA PHÒNG KHÔNG XA-75 “ĐVINA” TRONG QUÁ TRÌNH CHIẾN ĐẤU

THƯỢNG UỶ - KỸ SƯ ANÔXỐP ALÉCHXANĐRÔ MIKHAILÔVÍCH

BÀI HÁT ĐÃ RA ĐỜI NHƯ THẾ ĐÓ

THIẾU TƯỚNG XTUCHILỐP ALÉCHXANĐRÔ IVANÔVÍCH

CUỘC CHIẾN TRANH THỨ BA CỦA TÔI

ĐẠI TÁ SÁCSÁTKIN PIỐT ANĐRÊÊVÍCH, Phó tiến sĩ khoa học kỹ thuật.

CHIẾN TRANH ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM

THIẾU TƯỚNG PÔĐƠĐÊP ANATÔLI PHILIPPÔVÍCH

THỬ LỬA

THIẾU TƯỚNG BLAGÔĐÊRỐP ANATÔLI VAXILIÊVÍCH, Phó tiến sĩ, Giáo sư, Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học quân sự

TRÍCH NHẬT KÝ CỦA TRƯỞNG NHÓM CHUYÊN GIA QUÂN SỰ LIÊN XÔ TẠI TRƯỜNG KỸ THUẬT - QUÂN SỰ CỦA QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

CLÂMÊNỐP PHÊĐO IVANÔVÍCH

HỒI ỨC VỀ THỜI GIAN CÔNG TÁC TẠI VIỆT NAM

ĐẠI TÁ PIATÔEP TAUNÔ PHÊĐÔRÔVÍCH

CHÚNG TÔI CÒN NHỚ CUỘC ĐẤU TRANH CHUNG

ĐẠI TÁ CÔNACỐP VÍCHTO IACỐPLÊVÍCH

CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM - QUA SỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI ĐÃ THAM GIA - MỘT SĨ QUAN BỘ TỔNG THAM MƯU BINH CHỦNG PHÒNG KHÔNG LIÊN XÔ

ĐẠI TÁ XÔDRANỐP ANATÔLI KHÁTGIMURATÔVÍCH, Phó tiến sĩ khoa học quân sự.

300 NGÀY TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM ANH HÙNG

THƯỢNG TƯỚNG KHIUPÊNEN ANATÔLI IVANÔVÍCH, Giáo sư tiến sĩ khoa học quân sự.

GIAI ĐOẠN KẾT THÚC CỦA CUỘC CHIẾN TRANH TRÊN KHÔNG

# CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Năm 2005, nhân kỷ niệm 60 năm chiến thắng chủ nghĩa phát xít Nhà xuất bản “EK3AMEH” Mátxcova (Liên bang Nga) ấn hành cuốn sách “Chiến tranh Việt Nam là thế đó (1965-1973)” với lời đề tựa: “để tưởng nhớ các chuyên gia quân sự Xô Viết - các cựu chiến binh tại Việt Nam. Có thể dùng làm sách giáo khoa về chiến tranh yêu nước cho sinh viên”. Đây là một tập hồi ký chân thực, sinh động và hấp dẫn của các chuyên gia Liên Xô - cả dân sự lẫn quân sự - từng công tác tại Việt Nam trong những năm 1965-1973.

Được sự đồng ý của các tác giả, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tổ chức dịch và xuất bản cuốn sách này vào dịp đất nước kỷ niệm 32 năm ngày toàn thắng. Thiết nghĩ, đây cũng là cách tỏ lòng tri ân đất nước và nhân dân Liên Xô đã gửi những người con thân yêu của mình sang giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mặc dù đã tham vấn ý kiến của các chuyên gia và tham khảo thêm nhiều nguồn tư liệu, tuy nhiên một số địa danh, tên người được nhắc đến trong cuốn sách có thể chưa thật chuẩn xác, chúng tôi xin ghi thêm cả tiếng nguyên bản để bạn đọc tiện theo dõi. Nhà xuất bản rất mong được bạn đọc và người trong cuộc lượng thứ.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.  
Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia

# CÙNG BẠN ĐỌC

Cuốn sách mà bạn đang mở ra là một cuốn sách độc đáo về mặt nội dung.

Trong sách đã ghi lại những sự kiện, những công việc mà đến nay ở nước ta rất ít người biết đến...

Lần đầu tiên trong sách đã tập hợp và công bố hồi ký của các chuyên gia quân sự Xô Viết đã từng công tác tại Việt Nam trong những năm 60 và 70 của thế kỷ XX khi còn chiến tranh và đã từng giúp đỡ trực tiếp cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược.

Rất tiếc rằng không phải tất cả các tác giả của tập hồi ký này đều còn sống trước khi cuốn sách ra đời.

Hội đồng biên tập không có tham vọng gộp từng hồi ký lại và biến nó thành một sợi chỉ xuyên suốt như một cuốn tiểu thuyết, mà chỉ có ý định làm một việc là sắp xếp lại theo trình tự thời gian và giữ nguyên ở mức tối đa tính cá biệt của từng tác giả.

Hội đồng biên tập hy vọng bạn đọc sẽ không quá nghiêm khắc đối với các tác giả do có sự trùng lặp trong hồi ký hoặc do có cách nhìn nhận không giống nhau về cùng một sự kiện.

Chúng tôi cũng hy vọng rằng cuốn sách sẽ giúp bạn đọc, nhất là giới trẻ, sẽ tìm được câu trả lời cho nhiều vấn đề của lịch sử hiện đại và đánh giá một cách khách quan các sự kiện của các năm đó.

# LỜI MỞ ĐẦU

Cuốn sách này là để tưởng nhớ tới các chuyên gia quân sự và dân sự Liên Xô đã từng công tác tại Việt Nam trong những năm chiến tranh, những người bằng lao động quả cảm của mình, đã góp phần làm cho thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược và tái thống nhất đất nước mau đến gần.

Trong lịch sử hiện đại, cuộc xung đột vũ trang ở Việt Nam là cuộc chiến tranh kéo dài nhất, tiêu hao nhiều nhất về tiền của, vật chất và chiến cụ và dẫn tới những hy sinh tính mạng nhiều nhất nếu so sánh với các cuộc chiến tranh cục bộ khác ở thế kỷ XX.

Cuộc can thiệp vũ trang của Mỹ vào công việc của Việt Nam bắt đầu từ năm 1961, sau đó đã biến thành cuộc chiến tranh kéo dài nhất trong lịch sử hiện đại và bao trùm lên cả Lào và Campuchia.

Như đã rõ, Hoa Kỳ bắt đầu can thiệp vào công việc nội bộ các nước Đông Dương gần như ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc và sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam năm 1945. Họ đã khước từ việc công nhận Hiệp định Giơnevơ ký kết năm 1945 quy định tạm thời chia cắt Việt Nam từ vĩ tuyến 17. Chính quyền Mỹ đã tìm mọi cách để phá hoại việc thực hiện các ký kết đó. Năm 1955 tại miền Nam Việt Nam, trên đồng đồ nát của thuộc địa Pháp đã lập ra cái gọi là Việt Nam Cộng hòa do Mỹ hoàn toàn kiểm soát.

Nhưng nhân dân miền Nam đã không chấp nhận điều đó và kiên quyết đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ. Sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời năm 1960, phong trào đó đã có quy mô đặc biệt rộng lớn.

Về phần mình, năm 1961 Hoa Kỳ đã can thiệp mạnh hơn vào công việc của Nam Việt Nam. Thay vì phải tìm ra giải pháp chính trị, Oasinhton lại chuyển sang các hành động chiến tranh trực tiếp ở Nam Việt Nam, đưa quân vào Nam Việt Nam và năm 1968 số quân đó đã lên trên 500 ngàn. Nhưng sự giúp đỡ to lớn về quân sự và kinh tế của Mỹ cho chế độ Sài Gòn đã không mang lại kết quả như mong muốn. Không đàn áp nổi phong trào giải phóng dân tộc ở Nam Việt Nam, đồng thời cho rằng phong trào đó duy trì được chỉ là nhờ có sự ủng hộ của Bắc Việt Nam, nên Mỹ đã quyết định ném bom bắn phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để xóa bỏ nguyên nhân chủ yếu đã ngăn cản Mỹ “giải quyết” vấn đề Nam Việt Nam. Ngày 5-8-1964, sau khi nạn ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ, Mỹ đã gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân để chống lại miền Bắc Việt Nam.

Quyết định đó đã làm cho Mỹ phải trả giá qua nhiều năm chiến tranh ác liệt, mất hàng trăm tỷ đô la, hàng trăm nghìn lính Mỹ bị chết và bị thương.

Cuộc xâm lược của Mỹ chống Việt Nam, về thực chất, là sự tiếp tục cuộc chiến tranh được bắt đầu từ năm 1940 với việc quân Nhật đổ bộ vào Đông Dương. Nói cách khác, cuộc chiến tranh ở Việt Nam, với một vài gián đoạn, đã kéo dài gần 35 năm. Hàng chục năm gian khổ đó đã tác động đến không chỉ một thế hệ người Việt Nam, để lại dấu ấn trên mọi mặt của đời sống chính trị - xã hội; kinh tế - xã hội của đất nước, làm cho hàng triệu người Việt Nam bị hy sinh và tàn phế.

Phát biểu tại cuộc họp báo ngày 18-1-1971 Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ Mỹ G. Măchôven tuyên bố. “Nước Mỹ đã tiêu hao mồ hôi và máu của mình trong các rừng rậm Đông Nam Á, công khai phớt lờ lương tri của thế giới văn minh”.

Sau đó, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ R. Măcnamara trong cuốn hồi ký gây xôn xao dư luận có nhan đề “Nhìn lại quá khứ. Việt Nam - Tấn thảm kịch và bài học lịch sử” (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995) cũng thừa nhận rằng đất nước đó là rất khó hiểu đối với ông ta và cuộc chiến tranh đó là “một sai lầm bi thảm và người Mỹ không thể thắng trong cuộc chiến tranh đó”.

Những nhận định tương tự về cuộc xâm lược của Mỹ chống Việt Nam trước và sau đó đã nhiều lần được các đại diện chính quyền Mỹ, các nhân vật chính thức, các nhà hoạt động chính trị, xã hội nhiều nước phương Tây nhắc lại.

Mọi người đã biết, Hoa Kỳ đã dùng Việt Nam làm nơi thử nghiệm các loại vũ khí và kỹ thuật quân sự, các cách thức sử dụng chúng trong điều kiện chiến tranh, là nơi vạch ra các nguyên tắc chủ yếu của cuộc chiến chống du kích, và nói chung là cuộc đấu tranh chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

Nhưng cả việc tham gia trực tiếp của quân Mỹ ở miền Nam, cả những cuộc ném bom khốc liệt ở miền Bắc đều không mang lại thắng lợi cho họ trong cuộc chiến tranh đó. Oasinhton buộc phải đi tới giải pháp chính trị và năm 1968, cuộc đàm phán Pari đã bắt đầu. Cuộc đàm phán ấy đã kéo dài và rất khó khăn, nhưng cuối cùng vào tháng Giêng 1973, Hiệp định Pari được ký kết và tháng Ba năm đó những đơn vị cuối cùng của quân đội Mỹ đã rời khỏi Việt Nam.

Toàn thế giới đã hài lòng đón nhận việc ký kết Hiệp định Pari chấm dứt sự xâm lược của Mỹ chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và trên thực tế là ghi nhận sự thất bại hoàn toàn của Mỹ trong cuộc chiến tranh này.

Chế độ Sài Gòn, mặc dù có số lượng lớn vũ khí khí tài do Mỹ để lại mặc dầu vẫn tiếp tục nhận được viện trợ kinh tế, chính trị từ Mỹ, vẫn không giữ nổi chính quyền và mùa xuân 1975 nó đã tan rã dưới đòn tấn công của những người yêu nước.

Lịch sử của cuộc xung đột Mỹ - Việt Nam đã được mô tả trong các tài liệu nghiên cứu và hồi ký. Lịch sử của sự hợp tác quân sự - kỹ thuật giữa Liên Xô và Việt Nam thì ngược lại, được ít người biết. Sự hợp tác đó đã được bắt đầu từ những năm 50 sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng Giêng 1950, nhưng cho đến trước khi cuộc xâm lược của Mỹ bắt đầu, sự hợp tác đó chỉ mang tính chất thứ yếu.

Sau khi Mỹ dùng không quân tấn công Việt Nam thì tình hình đã thay đổi hẳn. Những phương hướng chính của sự hợp tác trong tình hình mới đã được xác định trong chuyến thăm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Còxurghin tháng Hai 1965 trong tiếng bom đạn của không quân Mỹ.

Rõ ràng cuộc chiến tranh đã đặt dấu ấn ảm đạm lên tất cả các mặt của đời sống của Bắc Việt Nam. Các cơ sở công nghiệp trọng yếu, các trường học, nhiều cơ quan nhà nước, các cơ sở y tế đã phải sơ tán khỏi thành phố.

Tuy vậy cuộc sống vẫn cứ tiếp diễn. Sau các trận ném bom, nhiều xí nghiệp, cơ quan, trường học, bảo tàng, rạp hát lại được khôi phục và tiếp tục hoạt động. Chẳng hạn, tháng 3-1967, tại Nhà hát thành phố Hà Nội đã diễn ra buổi hòa nhạc cổ điển trong tiếng động cơ máy bay Mỹ gầm rú trên bầu trời Hà Nội và tiếng bom rền.

Trong những năm chiến tranh khó khăn đó, ở Việt Nam không chỉ có các chuyên gia quân sự và dân sự Xôviết làm việc mà cả các chuyên gia đến từ các nước xã hội chủ nghĩa khác. Sự hợp tác quốc tế của đại diện các nước đó ở Việt Nam, cũng như sự ủng hộ vô cùng rộng lớn của quốc tế dành cho Việt Nam thời kỳ đó không chỉ đơn giản là lời nói, khẩu hiệu mà là công việc thực tế hàng ngày.

Đầu năm 1973, tại Pari đã diễn ra Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Đại diện của tất cả các nước tham gia Hội nghị đã nồng nhiệt chào mừng việc ký kết Hiệp định Pa ri.

Nhưng chiến tranh chỉ hoàn toàn chấm dứt vào tháng 4-1975, khi các lực lượng dân tộc yêu nước hoàn toàn giải phóng Nam Việt Nam. Ước mơ hàng thế kỷ của nhân dân Việt Nam đã được thực hiện - Tổ quốc của họ đã được tự do và thống nhất.

Tháng 4-1976 đã diễn ra cuộc bầu cử lịch sử Quốc hội thống nhất của cả nước, và trong không khí phấn chấn của toàn dân, Quốc hội đã tuyên bố việc thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tháng Bảy năm đó. Đó là thắng lợi của sự nghiệp chính nghĩa, thắng lợi của tất cả các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Các chuyên gia quân sự Xôviết, những người đã từng công tác tại Việt Nam trong những năm đó đã có đóng góp xứng đáng cho thắng lợi, họ đã dành sự giúp đỡ vô tư trên tinh thần quốc tế chủ nghĩa đối với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu. Ngày nay, khi chủ nghĩa thực dụng mang tính thị trường đang chế ngự, thì nói về điều đó không hợp mốt, song đó là sự thật lịch sử và không thể bỏ nó ra khỏi lịch sử được.



Cuốn sách này là một ý tưởng muốn chỉ rõ một phần không lớn, nhưng rất quan trọng của một giai đoạn lớn trong lịch sử quan hệ Xô - Việt. Chúng tôi hy vọng rằng những câu chuyện thật không hề kèm theo một yêu cầu nào của những người đã tham gia các sự kiện đó sẽ giúp những người đồng hương của chúng tôi hiểu rõ hơn sự thật lịch sử về cuộc đấu tranh của Việt Nam chống bọn xâm lược Mỹ, về hoạt động dũng cảm của các chuyên gia Liên Xô trong những điều kiện vô cùng khó khăn của cuộc chiến tranh bằng không quân.

\*\*\*

# THIẾU TƯỚNG ĐEMSENCÔ IURI ALËCHXÊÊVÍCH

Ông sinh ngày 28-12-1938 tại làng Nô vô - Musatôp thuộc tỉnh Craxnôđa, là người Nga.

Năm 1956 ông học xong lớp 10 phổ thông và vào học Trường sĩ quan Không quân Cadan và đã tốt nghiệp năm 1959. Ông tiếp tục phục vụ quân đội, là kỹ thuật viên phụ trách hỏa lực trên máy bay trong Trung đoàn không quân phóng ngư lôi số 49 thuộc Hạm đội Thái Bình Dương, về sau chỉ huy trung đội, trở thành sĩ quan chỉ huy khẩu đội bê phóng tên lửa, Tham mưu trưởng tiểu đoàn hỏa lực của Trung đoàn tên lửa phòng không số 345 thuộc Quân khu phòng không Ba cu.

Năm 1971 ông tốt nghiệp Học viện đào tạo sĩ quan chỉ huy của Binh chủng phòng không và được cử làm Tham mưu trưởng, Phó chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không số 708, sau đó được bổ nhiệm làm chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không số 726. Năm 1976 ông được bổ nhiệm làm Chỉ huy phòng tác chiến của Bộ tham mưu, Tham mưu trưởng - phó chỉ huy Lữ đoàn đặc nhiệm số 17 Quân khu phòng không Mátxcova.

Từ tháng 3-1965 đến tháng 2-1966 ông đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam, với chức vụ chỉ huy khẩu đội bê phóng Tiểu đoàn hỏa lực số 82 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không số 238 của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, Huân chương Vì phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô hạng III và được tặng thưởng 9 huy chương, trong đó có Huy chương Hữu nghị, do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng.

# ĐÃ CÓ BAO NHIÊU ĐIỀU TRẢI QUA Ở VIỆT NAM...

- Tiếp nhận các phương tiện kỹ thuật và những cuộc diễn tập bắn đạn thật tại bãi thử tên lửa ở Capuxtın Iarơ.

Năm 1964 tôi được lệnh làm thủ tục để thực hiện chuyến đi ra nước ngoài. Tháng 8-1964 tôi được đưa tới địa điểm tập huấn và đào tạo - trường đào tạo các cán bộ chuyên môn sơ cấp của binh chủng tên lửa phòng không thuộc Quân khu Bacu, tại thị trấn Subanur. Ở đó chẳng có ai giấu giếm việc chúng tôi sẽ sang nước Angiêri. Nhóm chúng tôi chủ yếu gồm các sĩ quan và các đơn vị được gia hạn phục vụ thuộc binh chủng tên lửa phòng không của quân khu và các học viên thuộc Trường quân sự Oócgiônikitde. Thời gian đào tạo đã kết thúc vào tháng 11. Đã có chỉ thị cho tất cả chúng tôi được nghỉ phép năm 1965. Đầu tháng 1-1965, trong thời gian nghỉ phép năm ở tỉnh Ieccút tôi nhận được bức điện của chỉ huy tiểu đoàn là Trung tá I. P. Têrêkhin cho biết cần lập tức có mặt tại trung tâm huấn luyện. Tôi đã lập tức đáp máy bay từ Ieccút đến Bacu.

Khi đến địa điểm tập kết tôi được biết là chúng tôi không đi Angiêri, mà sẽ có chuyến công tác quan trọng hơn đến một nước khác, một nước cũng có khí hậu nhiệt đới nhưng độ ẩm cao. Bất ngờ tiếp theo là việc cơ cấu khung ban chỉ huy mới được bổ nhiệm gồm: Chỉ huy trung đoàn là Đại tá Nicôlai Vaxiliêvích Bagienốp, tham mưu trưởng là Trung tá A. Musencô, kỹ sư trưởng là Đại úy Anatôli Bôrixôvích Daica và phó chỉ huy trung đoàn phụ trách công tác chính trị là Đại tá I. I. Xmiécnốp. Trung tá I. A. Liakisép đã được bổ nhiệm giữ chức chỉ huy tiểu đoàn tên lửa phòng không thay cho Trung tá I. P. Têrêkhin.

Hàng ngày lại có thêm những sĩ quan mới, những trung sĩ và các binh sĩ đến từ các đơn vị thuộc quân khu. Tôi được lệnh xây dựng khẩu đội bộ phóng tên lửa gồm những sĩ quan, các trung sĩ và các binh sĩ mới tới. Sau khi đã tổ chức xong nhân sự của khẩu đội bộ phóng tên lửa thì bắt đầu giai đoạn tổ chức các khẩu đội chiến đấu. Trung úy Iu. N. Dakhmưlốp và A. I. Miacuscô được bổ nhiệm làm chỉ huy các trung đội, còn các trung sĩ V. Súpsencô, N. Rêva, V. Xêmercô, N. Cônscô và N. Maruxencô thì được bổ nhiệm làm chỉ huy các bộ phóng tên lửa. Đó là những chàng trai có thể lực tráng kiện, được đào tạo rất chu đáo và nắm rất vững công việc của mình. Trong các bài tập hiệp đồng thao tác của khẩu đội, Đại úy A. B. Daica đều luôn có mặt. Ông đã nhiều lần động viên những sĩ quan, các trung sĩ và binh sĩ luyện tập xuất sắc.

Đến cuối tháng 1, về cơ bản đã kết thúc công việc sắp xếp hình thành các khẩu đội chiến đấu và tiểu đoàn. Hầu hết các cán bộ chuyên môn đã nâng cao thứ hạng của mình. Tôi cũng đạt được bằng "master".

Đến đầu tháng 2-1965 toàn bộ anh em trong nhóm đã tập trung khẩn cấp theo lệnh của Chỉ huy trung đoàn. Đại tá N. V. Bagienốp công bố cho chúng tôi biết lệnh điều động chúng tôi thực hiện chuyến công tác đặc biệt sắp tới ra nước ngoài và toàn bộ trung đoàn được chuyển sang quy chế thời chiến: đã quy định quân phục dã ngoại, mỗi người đã được cấp bổ sung 5 bộ quần áo lót; tất cả các sĩ quan, các trung sĩ và binh sĩ được hưởng khẩu phần thời chiến. Chúng tôi cũng bị tuyệt đối cấm thông báo bất kỳ thông tin nào về chuyến công tác đặc biệt sắp tới thông qua các thư từ và trong những buổi tiếp xúc. Sau đó mọi người được yêu cầu một lần nữa cân nhắc khả năng hoàn thành nhiệm vụ sắp tới và tự đưa ra quyết định cuối cùng. Chỉ có hai sĩ quan tỏ ý không muốn sang Việt Nam: một người tỏ ý bức tức vì gia đình anh ta không được cấp căn hộ, còn người thứ hai thì tỏ ý bất bình vì không được giải quyết nguyện vọng được mua chiếc ô tô. Cả hai sĩ quan này đã lập tức được điều trở lại đơn vị cũ của mình.

Sau đấy toàn bộ trung đoàn được đưa lên một đoàn tàu để đến bãi phóng tên lửa Capuxtın Iarơ nhận các thiết bị kỹ thuật và tiến hành các cuộc diễn tập bắn đạn thật. Việc tiếp nhận các phương tiện kỹ thuật bị kéo dài vì một số nguyên nhân. Trước hết vì nguyên nhân các thiết bị ấy không đồng bộ và hiệu chỉnh chưa tốt. Nhưng chúng tôi được lệnh không tham gia vào công việc khắc phục những sự trục trặc: phía cung cấp các thiết bị kỹ thuật phải khắc phục mọi trục trặc ấy. Những thiết bị máy móc của khẩu đội kỹ thuật vô tuyến thì chủ yếu được lấy từ trung tâm huấn luyện thuộc Học viện đào tạo sĩ quan chỉ huy thuộc binh chủng phòng không tại thành phố Calinin. còn thiết bị bộ phóng thì được lấy từ quân đoàn phòng không Xvéclốp. Đó là

phiên bản đầu tiên của bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 mang tên "Dexna". Thiết bị này được cải tiến từ bộ khí tài tên lửa có 6 cabin thành loại có 3 cabin. Các bộ khí tài tên lửa này được trang bị các tên lửa thuộc thế hệ đầu tiên V-750 (1d). Do thiết bị bộ phóng không đồng bộ nên đã có quyết định nhận các thiết bị này tại Quân khu phòng không Ba cu.

Cuối cùng, sau khi tiểu đoàn đã nhận được đầy đủ các thiết bị kỹ thuật, sẽ còn nhiệm vụ kiểm tra hoạt động của các thiết bị ấy thông qua khâu bắn thử như trong chiến đấu. Để làm việc này chúng tôi đã triển khai khẩu đội kỹ thuật vô tuyến với đầy đủ quân số và vền vẹn chỉ một giàn tên lửa XM-63. Ngay khi mở máy lần đầu đã phát hiện thấy hiện tượng không ăn khớp trong hệ thống theo dõi mục tiêu: giàn phóng quay một đằng, cabin "P" quay một nẻo. Viên sĩ quan điều hành bãi phóng đã điều tiểu đoàn tên lửa phòng không bên cạnh đó - tiểu đoàn này đến từ nước Tiệp Khắc và đã nhận được sự đánh giá không tốt về lần bắn diễn tập, ông cũng đã triệu tập hai sĩ quan của giàn phóng, tuyên bố với họ rằng nếu đến sáng mai họ chuẩn bị tốt giàn phóng thì ông ấy sẽ thay đổi cách đánh giá họ. Các sĩ quan ấy (các thượng úy) đã hăng hái bắt tay và chuẩn bị giàn phóng và đến sáng thì họ đã báo cáo với sĩ quan điều hành bãi phóng rằng giàn phóng đã sẵn sàng.

Cuộc bắn thử được ấn định vào lúc 10 giờ sáng. Sĩ quan chỉ huy lần bắn thử này là Đại tá Đemidốp. Còn chúng tôi có nhiệm vụ theo dõi và ghi nhận những thiếu sót. Tuy nhiên, vì sĩ quan trực ban tác chiến ra lệnh cấm tuyệt đối không được phát sóng, cho nên vào ngày hôm ấy cuộc bắn thử đã không được tiến hành.

Mấy ngày sau lệnh cấm phát sóng đã được bãi bỏ, nhờ vậy đã tiến hành cuộc bắn thử. Khâu hướng dẫn đường bay cho tên lửa đã được thực hiện rất tốt, và tên lửa đã bắn trúng mục tiêu và tuyệt đối không sai sót.

Giai đoạn đầu của cuộc chuẩn bị đã kết thúc. Các viên chỉ huy các khẩu đội đã có những báo cáo bằng văn bản, sau đó chỉ huy các tiểu đoàn đã báo cáo với ban chỉ huy trung đoàn về việc tiếp nhận các khí tài kỹ thuật và về tình hình các khí tài ấy đã sẵn sàng cho việc sử dụng. Sau đấy các khí tài đã được bốc xếp lên một đoàn tàu, đến cuối tháng 2-1965 thì trung đoàn đã rời Capuxtin Iarơ đi xe lửa về hướng Sêliabinxơ.

Trước lúc lên tàu, Ban chỉ huy trung đoàn đã chỉ thị cho tất cả đội ngũ các sĩ quan và binh sĩ về sự cần thiết phải tuân thủ chế độ giữ bí mật hết sức nghiêm ngặt trên đường hành quân. Trên thực tế các trung sĩ và anh em binh sĩ đã bị cấm ra khỏi các toa tàu, không được phép tiếp xúc với dân thường. Trong những trường hợp hết sức đặc biệt chỉ cho phép trả lời tất cả các câu hỏi bằng một câu trả lời duy nhất: "Chúng tôi đi diễn tập". Trong phiếu ghi lộ trình, điểm đến cuối cùng của đoàn tàu là thành phố Khabarốpxcơ.

Nhưng tại thành phố Sêliabinxơ đoàn tàu chúng tôi lại quay về hướng đông, đến sáng hôm sau chúng tôi đã có mặt tại ga Cuốcgan, vào lúc 19 giờ chúng tôi đã có mặt tại Ômxcơ.

Vì vợ tôi đang mang thai, nên tháng 8-1964 tôi đã đưa cô ấy về ở với mẹ vợ tại thành phố Angácxcơ. Để cô ấy lại một mình ở tiểu đoàn xa xôi trong tình trạng như vậy quả thật không yên tâm. Ngày 29-12-1964, con gái của chúng tôi đã chào đời. Tôi chỉ được ở bên cháu không quá một tuần, vào kỳ nghỉ phép. Tôi có ý định và hy vọng sẽ được gặp vợ và con gái một lần nữa. Chúng tôi được phép rời khỏi các toa tàu, nhưng chỉ được ở quanh gần đoàn tàu. Tôi và một số sĩ quan nữa đã đến nhà ga. Ở đó tôi gửi cho vợ bức điện, trong đó tôi thông báo một cách áng chừng thời điểm đoàn tàu của chúng tôi sẽ đi qua thành phố Angácxcơ và bảo vợ ra ga, đưa theo cả con gái nữa.

Vào thời điểm tôi nêu trong bức điện, đoàn tàu đã đến Angácxcơ. Tôi mặc áo khoác và bước ra lối lên xuống của toa xe. Tôi thử mở cánh cửa toa xe, nhưng nó bị khoá. Đoàn tàu lúc ấy đang vào đoạn đường cua, từ xa tôi trông thấy tòa nhà ga có ánh đèn chiếu sáng, phía đối diện là ngôi nhà của mẹ vợ tôi. Nhà ga mỗi lúc một gần. Cuối cùng tôi đã nhìn thấy vợ tôi đứng cạnh cửa vào ga, em gái của vợ tôi và cả chiếc xe nôli của con gái. Đoàn tàu chạy rất nhanh như cố tình. Vậy là đã không diễn ra cuộc gặp mặt của vợ chồng chúng tôi, mà cứ tưởng là hoàn toàn có khả năng gặp nhau được. Tôi đứng một mình hồi lâu ở lối ra vào toa xe với những suy nghĩ của mình. Đằng sau ô cửa sổ là bóng đêm.

Trong toa chúng tôi chẳng có lúc nào cảm thấy buồn tẻ, đặc biệt vào các đêm. Trong nhóm chúng tôi có một chuẩn úy được gia hạn phục vụ trong quân đội. Anh ấy đến từ trung đoàn Pôtitxki, là kỹ thuật viên của hệ thống vô tuyến thu - phát, là một người miên hành. Tuy anh này nằm ở giường tầng phía trên, nhưng anh ta hoàn toàn dễ dàng nhóm dậy giữa đêm tối, mặc quân phục gọn gàng và đầy đủ mắt nhắm rồi đi đi lại lại suốt đêm trong toa xe đến sáng, đưa ra các chỉ thị khác nhau hoặc bình thản chuyện trò với người vợ tưởng tượng của mình. Nhưng không một ai trong ban chỉ huy trung đoàn biết hiện tượng này. Còn viên chuẩn úy miên hành ấy lại hoàn thành đầy đủ và xuất sắc mọi bốn phân của mình trong những tình huống bất thường và nhờ vậy đã được chính phủ khen thưởng ở mức cao.

Đoàn tàu chúng tôi lao nhanh về hướng đông. Khi đến sát thành phố Sita đoàn tàu dừng lại gần một ngày đêm. Sau này chúng tôi được biết, việc này được thực hiện nhằm mục đích đánh lạc hướng cơ quan tình báo của địch. Khoảng 22 giờ đoàn tàu đã đến ga Sita, đến sáng thì đến ga biên giới Dabaicanxơ. Người ra đón đoàn tàu chúng tôi là Cục trưởng Cục tổ chức cơ động của Quân khu phòng không, Trung tướng V. Đ. Gôđun. Chỉ đến lúc ấy tất cả chúng tôi mới hay biết mình sẽ đến đâu?

Toàn bộ đơn vị có mặt trên đoàn tàu này được đưa lên những chiếc ô tô có bạt che và được chuyển đến những doanh trại đã dành sẵn cho chúng tôi. Đại tá N. V. Bagienốp đã trao cho tôi nhiệm vụ: dẫn theo một số lượng binh sĩ cần thiết và tiến hành gia cố việc bảo quản các khí tài trên các toa tàu của đoàn tàu và nguy trang thật tốt cho các khí tài ấy. Sau khi mang theo tất cả những gì cần thiết cho việc bảo quản khí tài trên đoàn tàu, chúng tôi đã lập tức bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao. Một lúc sau Trung tướng Gôđun đến. Từ lúc ấy cho đến khi kết thúc mọi việc vị tướng này đã có mặt cạnh chúng tôi để kiểm tra chất lượng công việc của chúng tôi. Sau khi kết thúc việc chằng buộc khí tài, chúng tôi đã tiến hành nguy trang khí tài. Tất cả các ca bin điều khiển khí tài đều được phủ lưới nguy trang.

Phải nói rằng đây là công việc cực nhọc, vì lúc ấy trời rất lạnh và gió thổi mạnh. Sau khi kết thúc công việc, người ta đưa chúng tôi lên ô tô mui trần và chở thẳng đến nhà tắm. Vì chúng tôi là những người cuối cùng đến nhà tắm, nên nước đã cạn kiệt, do vậy chúng tôi đành phải bằng lòng với những giọt nước vắt từ những chiếc khăn tắm, cốt để lau người mà thôi. Mặc dù phải "tắm" theo kiểu ấy, nhưng chúng tôi vẫn thấy thỏa mãn về mặt tinh thần: dù sao thì cũng trở nên sạch sẽ hơn.

- Hướng đến biên giới Việt Nam - quá cảnh qua Trung Quốc thân hữu

Từ nhà tắm toàn bộ nhóm chúng tôi được đưa đến địa điểm tạm trú. Khi tôi bước vào trong doanh trại, tôi không thể hiểu được gì cả: tất cả các cán bộ chuyên môn chúng tôi đều mặc thường phục. Hầu như mọi người đều lao về phía chúng tôi, rối rít thúc giục chúng tôi khẩn trương, vì tất cả mọi người chỉ chờ đợi chúng tôi: thời gian đoàn tàu khởi hành để đi tiếp sẽ phụ thuộc vào chúng tôi. Khi tôi hỏi Trung tá Liakisép, chỉ huy tiểu đoàn chúng tôi, rằng tại sao chúng tôi lại mặc "thường phục" thì được trả lời rằng Chính phủ Trung Quốc yêu cầu như vậy.

Ngoài bộ quần áo vét, mỗi chúng tôi còn được phát 1 áo măng tô, 2 bộ quần áo, 1 mũ, đôi giày đen kiểu Trung Quốc. Mỗi người chúng tôi đựng bộ quân phục của mình vào một chiếc túi đặc biệt; ghi trên đó địa chỉ đơn vị phục vụ trước kia. Mỗi người đều mang theo tiền. Chúng tôi được yêu cầu tiêu hết số tiền ấy ngay lúc đó để không mang theo qua biên giới. Trong số tiền 120 rúp có trong túi, sau khi mua mọi thứ tôi vẫn còn lại cả thảy 8 rúp.

Khi đã kết thúc mọi công việc chuẩn bị, tất cả chúng tôi xếp thành đội hình, Trung tướng V. Đ. Gôđun đã dặn dò chúng tôi lần cuối trước lúc lên đường. Ông nhắc nhở chúng tôi rằng chúng tôi đại diện cho một quốc gia vĩ đại - Liên bang Xôviết, vì vậy mọi hành động của chúng tôi phải được cân nhắc và suy nghĩ kỹ càng; chúng tôi sẽ phải hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu cùng với các chiến sĩ Việt Nam, và chúng tôi phải hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ ấy.

Trước khi ngừng lời, ông hỏi:

- Có ai nhát gan không?

Không một ai lên tiếng. Sau đó, các quân nhân thuộc diện trong hạn phục vụ và gia hạn phục

vụ được đưa ra khỏi phòng họp, chỉ còn lại các sĩ quan. Một lần nữa vị tướng đã nhắc đến nghĩa vụ quân nhân, đến danh dự của người sĩ quan và đến sự cần thiết phải tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong cách hành xử tại một nước khác. Và vị tướng ấy đã khiến chúng tôi hết sức ngạc nhiên khi tuyên bố rằng ở Việt Nam hầu hết các chị em phụ nữ đều mặc áo rộng cổ"! Cuối cùng ông hỏi lại:

- Có ai không muốn đi tiếp không?

Từ trong hàng quân có hai sĩ quan bước ra và tỏ ý không muốn sang Việt Nam, viện lý do sức khoẻ của các thành viên gia đình mình không được tốt. Người ta đã chấp nhận nguyện vọng của hai sĩ quan này.

Mỗi chuyên gia được cấp phát 75 nhân dân tệ. Sau đó tất cả mọi người được bố trí vào các toa tàu. Ban chỉ huy trung đoàn và các sĩ quan cấp cao được bố trí trong các cupê, những người còn lại thì được bố trí trong các toa có giường nằm cứng. Các toa tàu có hình dáng dễ coi, tất cả các cửa sổ đều buông rèm kín mít. Chúng tôi được lệnh về chỗ của mình, không được ra ngoài và chờ giờ khởi hành. Sau đó ít lâu, các toa tàu của chúng tôi đã lăn bánh trên lãnh thổ Trung Quốc.

Đêm buông xuống. Tất cả chúng tôi đã thấm mệt, tuy chưa có chăn gối, nhưng chúng tôi mặc nguyên quần áo rồi thiếp đi trên các giường nằm của mình. Vào thời gian đó, các cán bộ chuyên môn Trung Quốc tiến hành việc chuyển các toa trần với các khí tài quân sự của chúng tôi sang các toa tàu của họ, vì chiều rộng đường sắt Trung Quốc hẹp hơn đôi chút so với đường sắt ở nước chúng tôi.

Công việc thay khung toa xe bị kéo dài và chúng tôi đã thấy buồn chán vì ngồi rỗi việc. Mọi người khẩn khoản đề nghị cho phép ra ngoài toa xe. Chúng tôi đã được phép ra ngoài, đến cửa hàng tại ga xe lửa, đi dạo quanh các toa tàu. Lần đầu trong đời được đến một đất nước khác là sự kiện lớn! Khi tôi bước ra ngoài toa xe và ngó nhìn chung quanh thì vật đầu tiên đập vào mắt là vô số những ống khói cao từ 3 đến 5 mét của những ngôi nhà nằm sát ga xe lửa. Tôi đã lập tức đoán ngay được thực chất của bức tranh này.

Vào đầu những năm 60 Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thực hiện trên toàn quốc chính sách "đại nhảy vọt". Một trong những bộ phận cấu thành của chính sách ấy trong lĩnh vực kinh tế là nhiệm vụ chiến lược: đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến (Mỹ và Anh) về sản lượng gang và thép (gần 220 triệu tấn/năm). Đảng Cộng sản Trung Quốc đã huy động mọi sức lực và của cải để đạt cho được những cái mốc đã định. Nhằm thực hiện mục tiêu ấy đâu đâu người ta cũng xây dựng những lò cao loại nhỏ. Trung Quốc đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra, nhưng chất lượng của gang và thép đã đạt mức thấp đến nỗi không thể sử dụng chúng được. Tại các nhà ga xe lửa, cạnh các ngôi nhà, tại các lều cư trú của những người chăn thả súc vật, hầu như trên suốt chiều dài của tuyến đường sắt chạy từ biên giới đến Bắc Kinh đâu đâu cũng thấy la liệt những thỏi gang không được sử dụng, còn những lò cao thủ công thì đã ngừng hoạt động từ lâu.

Sau khi dạo quanh các toa trần, chúng tôi bước vào các toa tàu. Cuối cùng đoàn tàu đã chuyển bánh.

Kể từ thời điểm ấy các khí tài kỹ thuật của chúng tôi được các chiến sĩ Trung Quốc bảo vệ, công việc quản lý trong toa tàu do người Trung Quốc đảm nhiệm. Cùng với chúng tôi còn có các chuyên gia sửa chữa đi trên tàu, trong một khoang riêng, và có hai phiên dịch người Trung Quốc. Cuối cùng chúng tôi được phát chăn gối và đệm trải giường. Các chiếc gối được nhồi chặt bằng rơm. Những chiếc gối ấy rất cứng và nặng đến mức có thể dùng để làm cho một người nào đó bị thương! Đệm trải giường cũng không mềm hơn.

Trong đoàn tàu này, trên một toa xe có trang bị đặc biệt, người ta đã bố trí một bếp nấu ăn và phòng ăn. Chúng tôi ăn uống tại đó. Kíp nấu ăn là một tổ gồm các đầu bếp Trung Quốc và một chuyên gia Liên Xô, đó là đầu bếp bình nhất Páckhôm-súc. Mọi công việc phục vụ được thực hiện với chất lượng cao nhất. Các bàn ăn được trang bị đầy đủ những dụng cụ cần thiết, trên các bàn ăn có thừa thãi các bao thuốc lá Trung Quốc. Sau khi nếm thử những miếng thuốc rất thơm nhưng quá nhẹ ấy, tất cả chúng tôi đều kết luận rằng những sản phẩm thuốc lá của

chúng tôi có ưu thế hơn.

Trên đường đi dần dần đã hình thành những mối quan hệ giữa chúng tôi với các chuyên gia Trung Quốc. Chúng tôi bắt đầu tích cực tiếp xúc với họ thông qua những người phiên dịch. Cả họ và chúng tôi đều đưa ra cùng một câu hỏi: có điều gì chúng tôi đã không chia sẻ với nhau, vì chúng tôi là những con người bình thường?

Những người Trung Quốc trên đoàn tàu có quyền tự do ra ngoài tại các nơi tàu dừng bánh. Lợi dụng quyền này, có một lần họ đưa vào toa những chai rượu cô nhắc Trung Quốc và bia. Đến chiều chúng tôi đã tổ chức một bữa nhậu nhỏ cùng nhau. Chúng tôi đã cùng hát bài hát nổi tiếng mà người Trung Quốc nào cũng biết: "Mátxcova - Bắc Kinh. Các dân tộc tiến lên, vì nền hòa bình bền vững, vì con đường sán lạn, dưới ngọn cờ tự do! Xtalin và Mao Trạch Đông nghe thấy tiếng nói của chúng ta, nghe thấy tiếng nói của chúng ta?..." và v.v.. Chúng tôi đã dạy tất cả những người ấy biết chơi bài tây.

Trong suốt lộ trình chạy qua lãnh thổ Trung Quốc, ở tất cả các ga xe lửa chúng tôi đều không thấy bóng một người nào khi đoàn tàu chúng tôi đi ngang qua. Tất cả các cửa sổ trong các toa tàu chở khách của Trung Quốc dùng để nhìn ra ngoài đều đóng kín. Hành khách đi trên những đoàn tàu ấy cũng bị cấm ra khỏi các toa tàu tại những nơi tàu dừng lại. Không thấy bóng dáng con người thì mọi thứ chung quanh như không có sự sống.

Đến ngày thứ mười đoàn tàu chúng tôi đã đến thủ đô Bắc Kinh của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cách Bắc Kinh khoảng 30 kilômét, đoàn tàu đi vào đường cut. Các đại diện phía Trung Quốc đã đến chỗ chúng tôi, xem xét tất cả các toa tàu của chúng tôi, sau đó họ triệu tập mọi người vào phòng ăn để nghe ý kiến phản ánh của phía chúng tôi. Chúng tôi không đưa ra ý kiến phàn nàn gì. Tuy nhiên, phía Trung Quốc lại có những ý kiến phàn nàn. Người đại diện của Trung Quốc chịu trách nhiệm lo việc ăn uống cho các chuyên gia Liên Xô đã bày tỏ thái độ không hài lòng do trên đường đi chúng tôi đã trả tiền ăn uống. Ông ta cho biết, lẽ ra không nên làm như thế, vì vấn đề này đã được giải quyết trong cuộc viếng thăm gần đây của A. N. Côxughin đến Trung Quốc và số tiền trả về khoản ăn uống đã được đưa vào tổng số tiền (50 triệu rúp) mà Liên Xô đã trả cho phía Cộng hòa nhân dân Trung Hoa để đảm bảo việc vận chuyển các đoàn tàu của chúng tôi qua lãnh thổ Trung Quốc. Dĩ nhiên, số tiền mà chúng tôi đã trả thì không được hoàn lại. Nhưng từ lúc ấy cho đến hết lộ trình chúng tôi đã không trả tiền ăn uống nữa.

Sau khi đến Bắc Kinh chúng tôi được đưa lên xe buýt và được đi tham quan thành phố. Trước hết đập vào mắt là số lượng người đông đúc trên các đường phố Bắc Kinh, có nhiều cửa hàng và quầy hàng, có hàng nghìn chiếc xe đạp được sắp xếp cẩn thận ở các bãi để xe thuộc các xí nghiệp công nghiệp, cũng như ở bên ngoài các cửa hàng. Có nhiều xe xích lô.

Các xe buýt dừng lại tại quảng trường chính của thành phố, và người ta đề nghị chúng tôi ra khỏi xe. Phía bên trái là dãy khán đài, cao hơn một chút, ở phía xa là tòa nhà, nơi làm việc của Mao Trạch Đông, phía bên phải là tòa nhà to lớn làm bằng kính. Đó là nơi diễn ra tất cả những cuộc hội họp chính trị quan trọng. Sau đó các xe buýt hướng đến Bảo tàng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Vào thời điểm đó rất nhiều đơn vị quân đội có mặt tại địa điểm này. Họ được trang bị các khẩu súng CKC do Trung Quốc sản xuất. Trong các đơn vị ấy có nhiều cô gái. Ngay trước lối vào Bảo tàng là bức tượng cao và lớn của Mao Trạch Đông được làm bằng đá cẩm thạch trắng. Trên một khoảng trống ngoài trời có những chiếc máy bay cánh quạt một động cơ tịch thu được của Tưởng Giới Thạch.

Sau đó toàn thể nhóm chúng tôi đến công viên phía nam. Tại đó chúng tôi rất thích thú xem tất cả những gì được giới thiệu. Đặc biệt đáng ghi nhớ là các loài cây, hồ nước do các nô lệ ngày xưa đào, những hoa văn trên tường trong các tòa nhà, những hình rồng, ngôi nhà hai tầng bằng đá được xây dựng trên một cái cột. Loại vữa xây tòa nhà này được làm bằng nước cơm với lòng trứng; được sử dụng từ trước công nguyên.

Sau khi đi thăm công viên đã diễn ra buổi chiều dài chung tại nhà hàng, do phía Trung Quốc tổ chức. Sau bữa tiệc chúng tôi trở lại đoàn tàu. Tháp tùng chúng tôi vẫn là những nhân vật đã

đón tiếp chúng tôi. Phía trước vẫn còn 2 ngày đêm đi trên lãnh thổ Trung Quốc. Trên đường đi, sau cùng chúng tôi đã nhìn thấy một gia đình những nông dân lao động bình thường ở Trung Quốc: người chồng, người vợ và đứa con. Người chồng kéo cày, người vợ cõng trên lưng đứa con nhỏ thì đi sau chiếc cày để trợ giúp cho người chồng. Tôi muốn nêu rõ rằng trên suốt lộ trình chạy trên lãnh thổ Trung Quốc chúng tôi đã không nhìn thấy một máy cày nào hoặc một máy gặt đập liên hợp nào.

Sang ngày hôm sau, vào khoảng 20 giờ, theo giờ địa phương, đoàn tàu của chúng tôi đã tới ga biên giới với Việt Nam.

- Người “Liên Xô” trong rừng Việt Nam.

Mỗi khi có ai đó trong những người Việt Nam phát âm cụm từ này thì chúng tôi hiểu rằng đó là nói về chúng tôi. Sau khi đoàn tàu đến ga biên giới với Việt Nam, chúng tôi được các xe buýt chở đến nhà khách. Chưa kịp tắm rửa cẩn thận sau khi đi đường và chưa kịp ổn định chỗ ở thì tất cả chúng tôi đã được mời đi ăn tối. Sau đấy mọi người trở về các phòng ở của mình để chờ những chỉ dẫn tiếp theo. Nhà khách là một tòa nhà không lớn, đâu đâu cũng ngăn nắp trật tự. Tôi và viên sĩ quan chỉ huy trung đội là Trung úy lu. Dakhmurlop được bố trí vào một căn phòng có 2 giường với đầy đủ tiện nghi: 2 chiếc giường gỗ cao, những chiếc gối mềm, mỗi giường có 1 chiếc quạt làm bằng lông công, bên cạnh là phòng tắm và toa lét. Ý nghĩ trước tiên từ lâu đã theo đuổi tôi - đó là được tắm vòi sen. Tôi cởi quần áo và bắt đầu đứng dưới vòi tắm. Tôi chưa kịp gội đầu xong thì nghe thấy tiếng gõ cửa. Một binh sĩ ở ban chỉ huy trung đoàn đến và thông báo rằng Đại tá Bagienốp triệu tập gấp tôi đến gặp ông. Tôi lập tức mặc quần áo và đến trình diện.

Trong phòng, ngoài Đại tá Bagienốp, còn có tất cả các sĩ quan chỉ huy của trung đoàn, viên chỉ huy tiểu đoàn là Trung tá I. A. Liakisép và một nhân vật dân sự Liên Xô mà tôi chưa quen biết. Đại tá Bagienốp thông báo: vì khung đường sắt, cũng như tất cả các cây cầu và đường hầm trên lãnh thổ Việt Nam đều hẹp hơn nhiều so với của Liên Xô và Trung Quốc, cho nên cần chuyển tất cả các khí tài của chúng tôi từ các toa xe của chúng tôi sang các toa xe trần của Việt Nam, chẳng buộc chặt các khí tài và nguy trang. Tất cả công việc này được giao cho khẩu đội của tôi. Tôi phải chỉ huy công việc này và hoàn thành công việc trước lúc rạng đông. Để trợ giúp, một trung đội các binh sĩ Trung Quốc sẽ tới ngay sau đó, đến nơi tiến hành công việc này.

Mọi vấn đề đều phải được giải quyết với nhân vật đại diện của Bộ Tổng tham mưu Liên Xô là người chịu trách nhiệm về việc vận chuyển các đoàn tàu chở hàng của Liên Xô qua biên giới Việt - Trung. Vị này chính là nhân vật dân sự Liên Xô mà tôi chưa quen biết và đã có mặt trong cuộc họp.

Tôi đã đem theo 6 chiến sĩ trong khẩu đội bộ phóng của mình: Súpsencô, Côsencô, Xêmen-cô, Rê va, Máctun-súc, Lítvinốp. Tôi đã cùng họ khẩn trương đi xe buýt đến đoàn tàu. Không chờ tới lúc có thêm bộ đội Trung Quốc tới giúp, chúng tôi đã bắt tay ngay vào việc tháo gỡ dây chằng khí tài ra khỏi khung toa xe. Ngay sau đó một đội binh sĩ Trung Quốc (gồm 15 binh sĩ) đã tới giúp, chỉ huy toán binh sĩ này là một trung sĩ. Theo lệnh của viên trung sĩ này, những binh sĩ Trung Quốc đã tiến đến một bộ phóng và tìm cách chuyển dịch nó ra khỏi bộ toa xe, nhưng tất cả mọi nỗ lực của họ đều vô hiệu. Họ hội ý, sau đó họ đem từ đâu đến một dây cáp lớn, buộc nó vào bộ phóng. Họ nắm chặt dây cáp và lại cố chuyển dịch bộ phóng xuống mặt đường nhưng không có kết quả. Sau đó, theo mệnh lệnh của viên chỉ huy, tất cả toán bộ đội Trung Quốc đã xếp hàng trên mặt đường nhựa và bắt đầu thực hiện những động tác thể dục thư giãn. Việc này diễn ra khoảng 15 phút. Tôi không còn thích thú xem cảnh đó nữa, vì trời sắp sáng rồi. Theo lệnh của tôi, 6 binh sĩ của chúng tôi tiến đến bộ phóng và theo hiệu lệnh “Một - hai, ba kéo nào” đã kéo bộ phóng ra khỏi sàn toa tàu xuống mặt đường nhựa, kéo thêm khoảng 30 mét nữa. Điều này tác động rất mạnh đến tất cả toán bộ đội Trung Quốc. Sau đó họ làm việc nhịp nhàng cùng với chúng tôi.

Ngay sau đấy người ta đã chuyển những toa xe trần Việt Nam đến. Chúng quả thật hẹp hơn nhiều so với các toa xe lửa của chúng tôi. Chúng tôi bắt tay vào việc chuyển khí tài lên toa trần. Sự khác biệt về bề rộng của các toa xe trần đã gây khó khăn rất nhiều cho công việc. Mặc dù gặp những phức tạp, nhưng đến khi trời sáng chúng tôi đã kịp kết thúc công việc.



Đến chiều tối người ta đưa chúng tôi lên các toa tàu có giường cứng, bây giờ là các toa giường cứng của Việt Nam. Chúng tôi cảm thấy những toa tàu ấy hẹp đến nỗi 2 người gập nhau trong hành lang của toa tàu thì khó mà đi qua nổi. Các giường nằm thì ngắn đến nỗi nếu một người có chiều cao trung bình mà nằm xuống giường ở phía dưới thì đôi chân của anh ta sẽ thò ra ngoài chạm đến sàn.

Trên đường đi, từ toa tàu có thể nhìn thấy nhiều điều thú vị. Tại một trong số các trạm dừng tàu, điều đập vào mắt là vô số những ô tô tải hạng nặng nhãn hiệu ZIL-157 do Trung Quốc sản xuất, được chất đầy hàng nghìn khẩu súng trường CKC.

Cùng đi với chúng tôi có một Đại tá của Quân đội nhân dân Việt Nam, nói tiếng Nga khá tốt và kể tỉ mỉ cho chúng tôi biết về tình hình chính trị ở Đông Dương. Vị Đại tá này kiểm tra chặt chẽ việc tuân thủ tất cả các biện pháp nguy trang. Ông này cũng hút thuốc như chúng tôi. Do vậy, lúc hút thuốc chúng tôi thường ra đầu toa xe và, thận trọng châm thuốc, lấy hai tay che điều thuốc để hút. Vị Đại tá này đã nhiều lần nhắc chúng tôi rằng bất cứ lúc nào cũng có thể xuất hiện máy bay trinh sát của Mỹ. Chúng tôi không hiểu điều này: tại sao máy bay Mỹ lại có thể bay trên không phận Việt Nam mà không bị trừng phạt?

Chúng tôi đi tàu gần 8 giờ trên đất Việt Nam và đến mờ sáng thì đến điểm dân cư có tên gọi là Trại Cau. Lúc đó trời nóng, ẩm ướt, mưa nhẹ. Tại nhà ga, các quân nhân Việt Nam đang chờ đón chúng tôi. Họ đã lập tức bắt tay vào bốc dỡ hàng trên tàu xuống. Và ở đây chúng tôi đã phải giúp họ vì các hòm đựng ZIP (bộ linh kiện dự trữ và dụng cụ chuyên dùng) của các bộ phóng quá nặng đối với các binh sĩ Việt Nam.

Khoảng 9 giờ đã có lệnh báo động đầu tiên đối với chúng tôi: trên bầu trời Việt Nam đã xuất hiện 1 máy bay trinh sát của Mỹ. Mọi công việc lập tức ngừng lại. Phải nói là tất cả những chuyên gia Liên Xô chúng tôi trong ba ngày cuối cùng ấy đã bị mệt mỏi bởi lao động chân tay và ngồi tàu căng thẳng. Do mệt mỏi, mọi người đã thật sự không đứng vững, khát nước và muốn ngủ kinh khủng.

Toàn bộ số khí tài vừa bốc dỡ khỏi đoàn tàu đã được bố trí phân tán từng phần quanh khu vực nhà ga và được nguy trang. Chỉ đến tối người ta mới chuyển các khí tài ấy vào rừng là nơi dự định triển khai Trung tâm huấn luyện. Sau khi kết thúc công việc bốc dỡ, tất cả chúng tôi được chuyển đến địa điểm cư trú sau này và được đưa đến nhà ăn.

Sự mệt mỏi tích tụ trong suốt thời gian đi qua một quãng đường dài, cũng như khí hậu nóng bức đã có tác động: sau vài ngày, trong số các chuyên gia chúng tôi đã bắt đầu phát sinh bệnh tật. Trên thực tế, tất cả chúng tôi trong ít nhất ba ngày liền đã bị sốt cao và bị nhức đầu ghê gớm. Đây có phải là bệnh sốt nóng hay là sốt rét - về chuyện này tốt hơn hãy để các bác sĩ phát biểu, vì họ chữa chạy và chăm sóc cho chúng tôi. Bệnh tật đã làm chậm lại đôi chút việc triển khai các khí tài và việc chuẩn bị khí tài để huấn luyện cho các khẩu đội Việt Nam.

Trong vòng một tuần lễ, tất cả chúng tôi đã được bố trí về các phòng. Tôi đã được sắp xếp nơi ở cùng với các sĩ quan chỉ huy của các trung đội - Dakhmulốp và Miacuscô. Nhưng về đêm những con muỗi và những con thạch sùng bò trên trần nhà không để chúng tôi yên. Sau cùng: theo chỉ thị của ban chỉ huy Việt Nam, tất cả các giường nằm của chúng tôi đều có màn chống muỗi. Bấy giờ chúng tôi có thể ngủ yên giấc.

Trong nhà ăn có quầy giải khát, tại đây có bán nước khoáng nhãn hiệu "Boócgiômi", nhưng chúng tôi không có tiền Việt Nam để mua. Chẳng bao lâu sau đó mỗi người chúng tôi được phát các biđông quân đội. Thế là mỗi buổi sáng chúng tôi đổ đầy nước sôi vào đáy hoặc đổ nước trà vào đáy và uống cả ngày.

Hàng ngày, sau bữa điểm tâm buổi sáng toàn đoàn tập hợp để nhận các nhiệm vụ trong ngày. Ít lâu sau chúng tôi đến địa điểm triển khai Trung tâm huấn luyện tương lai. Địa điểm ấy nằm sâu trong rừng, cách điểm dân cư Trại Cau 20 phút đi xe. Đến thời điểm ấy tất cả số khí tài đã được tập trung ở đây và được bọc kín. Chúng tôi có nhiệm vụ cùng với các khẩu đội Việt Nam chuẩn bị địa điểm để triển khai tổ hợp tên lửa với quân số hạn chế, nhằm đảm bảo khâu huấn luyện lý thuyết và thực hành cho các khẩu đội với điều kiện giữ lại tối đa số lượng cây cối và đảm bảo nguy trang.

Khi mọi việc đã chuẩn bị xong, chúng tôi đã bắt tay vào huấn luyện các khẩu đội Việt Nam. Trong mỗi nhóm có hai khẩu đội chiến đấu, với đầy đủ quân số theo biên chế thời chiến, được huấn luyện. Những buổi lên lớp về lý thuyết được tiến hành trong các nhà lán đơn sơ bằng tre, còn những buổi tập thực hành thì được tiến hành trên các khí tài chiến đấu. Mỗi chuyên gia - huấn luyện viên đều có một phiên dịch viên. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng để thiết lập được sự hiểu biết lẫn nhau một cách nhanh chóng. Thoạt đầu các phiên dịch viên gặp khó khăn rất nhiều trong việc dịch văn bản tài liệu của chúng tôi, đành phải vài lần nhắc lại cùng một vấn đề, và phải thay đổi một số cách diễn đạt.

Có một lần, trong những bài giảng lý thuyết trong nhóm của tôi đã xảy ra một trường hợp rất buồn cười. Trong lúc nghe giảng, các học viên của tôi bỗng nhiên kêu ầm lên, một số nhảy ra khỏi phòng học, nhiều người giơ cao chân lên và nhảy lên bàn. Sau đấy có một số người nhảy bổ về phía tường, lao xuống đất và trong nháy mắt, họ đã long trọng giơ lên cho mọi người thấy một con rắn to vừa bị tóm! Đến hôm sau người phiên dịch cho tôi biết rằng con rắn bắt được hôm qua là loại rắn ăn được và thịt nó rất ngon?

Trên quãng đường từ Trại Cau đến Trung tâm huấn luyện có một nhánh sông đã bị cạn của một con suối nào đó. Trong trận mưa rào nhiệt đới, nhánh nước cạn ấy đã lập tức tràn đầy nước, thế là con suối ấy lập tức tỏ rõ sự hung dữ của mình, trong dòng thác ào ào nó cuốn trôi không những cây cối, mà đôi khi còn cuốn trôi cả những con trâu. Đối với chúng tôi đây là lần đầu tiên, khi trở về từ Trung tâm huấn luyện, cảnh tượng không đơn giản ấy trở thành một tình huống hoàn toàn bất ngờ. Tất cả chúng tôi đã phải cởi quần áo, chỉ mặc quần đùi, để quần áo trên nóc xe buýt, đóng chặt các cửa xe và hò nhau đẩy xe buýt sang bờ suối bên kia.

Cũng như khi còn ở Liên Xô, chỗ chúng tôi cũng có tổ chức đảng hoạt động, các cuộc họp đảng vẫn được tiến hành. Trong cuộc họp tổ đảng, đầu tiên tôi được bầu làm phó bí thư chi bộ của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô thuộc Trung tâm huấn luyện số 2. Có lần, trong cuộc trao đổi với tôi Đại tá I. I. Xmiécốp, phó chỉ huy phụ trách công tác chính trị, vì đã nắm rõ các thành tích của tôi trong trung đoàn, nên đã khuyên tôi tổ chức hoạt động văn nghệ nghiệp dư.

Sau khi nhận thêm việc này, tôi đã tích cực tìm kiếm các tài năng, lựa chọn những người biểu diễn. Trong hàng ngũ chuyên gia chúng tôi hóa ra có khá nhiều người có tài năng văn nghệ. Cần suy nghĩ và soạn thảo chương trình văn nghệ và tổ chức tập luyện cho những người tham gia hoạt động văn nghệ. Đối với tôi đó là công việc bình thường, vì trước kia tôi cũng đã tổ chức hoạt động văn nghệ nghiệp dư như vậy tại Tiểu đoàn số 2 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không số 345, Quân khu phòng không Ba cu. Tập thể của chúng tôi đã thành công trong những buổi biểu diễn văn nghệ trước toàn đội ngũ đơn vị và đã luôn luôn giữ những vị trí hàng đầu trong các cuộc thi văn nghệ.

Sau một tháng, tổ văn nghệ nghiệp dư của Trung tâm huấn luyện số 2 đã sẵn sàng trình diễn. Một lần vào buổi sáng người ta đã cho một chiếc ô tô "Pôbêda" đến Trung tâm huấn luyện đón tôi với lệnh của Đại tá N. V. Bagienốp yêu cầu đến gặp ông ngay lập tức. Người ta dẫn tôi vào nhà ăn. Khi tôi bước vào phòng ăn, tôi trông thấy có nhiều người Việt Nam, chủ yếu là các cô gái. Tất cả họ đều mặc quân phục, mỗi cô đều có hành lý để cạnh và có các phương tiện nguy trang.

Đại tá I. I. Xmiécốp giới thiệu tôi với những người có mặt rằng tôi là người chỉ đạo hoạt động văn nghệ. Tôi được mời ngồi vào bàn. Đối diện với tôi là một cô gái duyên dáng có nước da bánh mật. Cô lập tức tự giới thiệu tên cô là Vũ Thanh (By Тахь) và bắt đầu vồn vã rót trà và mời tôi ăn bánh. Mọi người đều có thái độ thoải mái: họ cùng nhau trò chuyện, uống trà, hút thuốc. Đó là Đoàn ca múa của lực lượng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đoàn ca múa này từ Hà Nội đã phải đi mất ba ngày mới đến được chỗ chúng tôi. Tại đây người ta đã quyết định tiến hành buổi biểu diễn văn nghệ chung để phục vụ các chuyên gia của Trung tâm và toàn thể đội ngũ của Trung đoàn tên lửa phòng không số 238 sau này của Quân đội nhân dân Việt Nam. Chúng tôi đã thỏa thuận chi tiết các tiết mục biểu diễn, ấn định thời gian và địa điểm tiến hành buổi biểu diễn.

Đến tối đã diễn ra buổi văn nghệ chung đầu tiên và đã rất thành công. Đội văn nghệ nghiệp dư của tôi đã giành được quyền trình diễn. Chẳng bao lâu sau chúng tôi đã biểu diễn thành

công trước dân chúng trong tỉnh. Đã có vài nghìn người Việt Nam tụ họp trong rừng để xem buổi biểu diễn văn nghệ ấy.

Vào đầu tháng 8, vị Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Liên Xô tại Việt Nam - ông I. X. Sébacốp - đã đến thăm Trung tâm huấn luyện của chúng tôi. Vị đại sứ đã tìm hiểu tiến trình đào tạo các khẩu đội Việt Nam, đã tham quan các khí tài chiến đấu và đứng trước đội ngũ các chuyên gia Liên Xô, ông đại sứ đã tuyên bố rằng thời gian sắp tới chúng tôi sẽ ra các trận địa để tác chiến.

I. X. Sébacốp đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết ở mỗi chuyên gia Xôviết phải có ý thức trách nhiệm cao, vì điều đó sẽ có ý nghĩa quyết định rất lớn đối với nhiều vấn đề trong quan hệ của chúng tôi với Việt Nam. Việc cung cấp các phương tiện kỹ thuật chiến đấu đã được Liên Xô đẩy nhanh. Một phần số phương tiện ấy đã được vận chuyển qua ngã Trung Quốc, cũng như bằng đường biển.

Những phương tiện kỹ thuật được chở đến đã được tập trung trong rừng bên cạnh Trung tâm huấn luyện. Để trung đoàn chúng tôi xuất kích thì cần phải thành lập bốn tiểu đoàn hỏa lực, một khẩu đội điều khiển và một tiểu đoàn kỹ thuật của trung đoàn. Tất cả số chuyên gia quân sự Liên Xô của Trung tâm huấn luyện đã được phân bổ về các đơn vị ấy, với số chuyên gia còn lại người ta đã thành lập Tiểu đoàn tên lửa phòng không số 82 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không thứ hai (trung đoàn 238) của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Rõ ràng là phía Mỹ đã phát hiện được địa điểm đóng quân của Trung tâm chúng tôi, và chẳng bao lâu sau trên bầu trời Trại Cau đã có ba máy bay tiêm kích Mỹ bay qua rất thấp. Sang ngày hôm sau, vào khoảng 17 giờ các máy bay địch đã phóng xuống Trung tâm huấn luyện một số tên lửa không điều khiển, nhưng không gây ra tổn thất nào cả. Đến thời điểm ấy đã có ba máy bay Mỹ bị hai tiểu đoàn thuộc Trung đoàn tên lửa thứ nhất (Trung đoàn 236) bắn rơi. Tình hình luôn luôn trở nên phức tạp. Vậy là trung đoàn của chúng tôi nhận được lệnh tiến ra trận địa chiến đấu. Đó là vào giữa tháng 8 - 1965. Đã kết thúc thêm một giai đoạn bình yên trong đời sống của Tiểu đoàn 82 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không thứ hai (trung đoàn 238) của Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Những hoạt động chiến đấu của Tiểu đoàn tên lửa phòng không 82. Những thắng lợi và những sai sót.

Trận địa hỏa lực thứ nhất của tiểu đoàn nằm ở phía bắc Hà Nội, trên một cánh đồng bằng phẳng với nền đất mềm và những con đường đất dẫn vào trận địa. Bên cạnh là những đồng lúa và một rặng cây non nhỏ. Trận địa không phải là một công trình kỹ thuật được xây đắp hẳn hoi. Toàn bộ khí tài được bố trí lộ thiên. Chỉ được ngụy trang bằng lưới.

Tiểu đoàn luôn được đặt trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Do vậy hàng ngày cả khí tài và con người đều hoạt động từ 12 giờ đến 16 giờ trong một chế độ căng thẳng và trong những điều kiện khác thường. Do bị quá hun nóng và do độ ẩm cao nên một số cụm linh kiện khí tài bắt đầu hư hỏng. Trước hết đó là những máy biến thế trong các bộ nguồn của các máy điện tử khuếch đại thuộc hệ phóng tên lửa. Những hỏng hóc ấy rất thường xảy ra. Vì trong kho linh kiện dự trữ (ZIP) không có các máy biến thế, nên chúng tôi đành phải tự sửa lại những biến thế đã hư hỏng. Một người gỡ máy biến thế ra, còn người kia thì quấn dây đồng lên một cái chai rỗng. Dây đồng có đường kính bằng sợi tóc. Cứ làm như vậy cho đến khi tìm ra chỗ dây bị đứt. Sau đấy hàn chỗ bị đứt, kiểm tra mạch điện, rồi quấn trở lại. Các sĩ quan thuộc khẩu đội kỹ thuật vô tuyến là V. Lursaghin và V. Sennhicốp luôn giúp đỡ tôi trong việc khôi phục lại các máy biến thế và sửa chữa những hỏng hóc khác của những thiết bị phóng tên lửa.

Việc thay đổi trận địa chiến đấu chỉ được tiến hành ban đêm, còn việc thu gom khí tài thì tiến hành vào khoảng 17 giờ. Thông thường thì tất cả những lần thay đổi trận địa đều diễn ra sau mỗi trận phóng tên lửa chiến đấu vào các mục tiêu. Trong suốt thời gian tôi có mặt trong quân số của Tiểu đoàn tên lửa phòng không 82, đã có 17 lần thay đổi trận địa. Đôi khi các trận địa cũ được sử dụng trở lại. Dần dần các chuyên gia Việt Nam đã có được những kỹ năng thực hành, kinh nghiệm. Do vậy họ đã có thể độc lập thực hiện đa số các thao tác.

Cần phải nói rằng tổ chức đảng trong các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam có những

quyền hạn rất lớn. Khi đưa ra lệnh thay đổi trận địa, ban chỉ huy đã tính đến tình hình thực tế trên không và những khuyến nghị của tổ chức đảng. Trên tuyến đường di chuyển của đơn vị tên lửa khi thay đổi trận địa trong khu vực có các cây cầu, hoặc đường hẹp, thì chính quyền địa phương phái các đơn vị dò đường gồm các chiến sĩ tự vệ, phần lớn là các chị phụ nữ. Họ được trang bị khá thô sơ, bằng những khẩu súng cổ lỗ, những giáo mác tự làm.

Hầu như luôn luôn có các quan sát viên Trung Quốc đi theo cùng đơn vị tên lửa của chúng tôi. Họ ở cách tiểu đoàn chúng tôi không xa. Có một lần, trên đường hành quân một bộ phận của đơn vị đã bị kẹt lại do lỗi của các sĩ quan Trung Quốc tại đoạn đường hẹp. Tôi đã phải can thiệp bằng cách giằng họ sang một bên để nối lại đội hình đơn vị chúng tôi. Điều đập vào mắt là nhiều sĩ quan Việt Nam nói thạo tiếng Trung Quốc.

Tình hình diễn biến tiếp theo đã buộc phía Việt Nam phải có những biện pháp bổ sung để đảm bảo an toàn. Tất cả đều được phát mũ sắt, các tiểu đoàn tên lửa bắt đầu được sự yểm trợ bảo vệ của các đơn vị pháo cao xạ với số lượng ngày càng tăng. Tất cả các sĩ quan và binh sĩ Việt Nam đều được cấp vũ khí. Họ luôn mang vũ khí bên mình. Các trận địa của chúng tôi bắt đầu được nguy trang bằng cách trồng thêm các bụi tre hoặc bụi chuối. Tại các trận địa có các buồng điều khiển và các bộ phóng người ta bắt đầu đào hầm trú ẩn, chung quanh các bộ phóng đôi khi người ta đắp những thành bằng đất không cao. Để xây đắp trận địa người ta ngày càng sử dụng dân chúng ở các khu dân cư kế cận.

Vì trời nắng nóng và độ ẩm cao nên tại trận địa tất cả các chuyên gia Liên Xô đều mặc quần đùi, đầu đội mũ cối, tay cầm bidông đựng nước trà. Để phòng bắt trộm, những chiếc mũ sắt được để trong xe buýt.

Theo thông lệ, buổi tối và đêm thứ bảy chúng tôi được đưa đến trụ sở của Bộ tư lệnh trung đoàn để nghỉ ngơi, nhận thư từ, nhận tiền chi tiêu và mua sắm. Lần nào cũng vậy các đồng chí Việt Nam đều gửi tiền và liệt kê tên hàng nhờ tôi mua đủ thứ. Tại Hà Nội có duy nhất một cửa hàng quốc tế. Tại đó có thể mua sắm vài thứ, nhưng người Việt Nam không được vào cửa hàng ấy. Tại cửa hàng này cũng quy định số hàng hóa được mua mỗi lần. Vì thế, tôi đành phải xếp hàng vài lần, bởi vì có một lần người ta nhờ tôi mua, chẳng hạn, 65 chiếc đèn pin, nhưng mỗi lần chỉ được mua 5 chiếc. Cuối cùng thì tôi đã xuất hiện quá nhiều trước mặt các nhân viên bán hàng, làm cho họ ngao ngán, đến nỗi họ để mặc tôi đến khi đóng cửa và bán hết các mặt hàng tôi mua. Chủ yếu người ta nhờ tôi mua đèn pin Trung Quốc, bật lửa, xăng dùng cho bật lửa, len đan áo.

Đến mùa thu năm 1965 máy bay Mỹ tăng cường rõ rệt các trận bắn phá miền Bắc Việt Nam. Những trận bắn phá dữ dội nhất của máy bay Mỹ thường diễn ra vào những ngày chủ nhật. Thứ hai là ngày nghỉ đối với chúng. Tôi sẽ trình bày chi tiết hơn về các sự kiện đã diễn ra vào các ngày chủ nhật - 17 và 31-10-1965.

Đầu tháng 10 chúng tôi đóng quân trong một trận địa không thuận lợi xét về mặt chiến thuật: trên tất cả các hướng chính, các góc che khuất lại lớn, bên cạnh là những đồi núi, nền trận địa thì có đá và cứng như sắt. Tiểu đoàn được triển khai theo đúng "điều lệnh" - tất cả các góc, các cự ly v. v. đều hợp chuẩn. Nhưng khí tài không được bảo vệ bằng bức tường thành đất, cũng không có vật liệu nguy trang ngoài số lưới nguy trang được cấp.

Người ta đào một số hầm trú ẩn dành cho khẩu đội chiến đấu và dựng hai nhà bạt quân y. Bên cạnh các nhà bạt của chúng tôi, trong một nhà bạt khác cùng loại là nơi ở của ban chỉ huy Việt Nam và bộ phận cơ yếu. Cách chúng tôi 100 mét về phía bắc là trận địa của trung đội súng máy cao xạ 4 nòng.

Để nghỉ qua đêm, chúng tôi được bố trí trong một trường học cũ (có phen bằng tre, không có cửa ra vào và không có cửa sổ).

Vào hôm trước ngày thứ bảy khẩu đội của tôi đã tiếp nhận một binh sĩ trẻ Vitali Xmiéc-nốp vừa từ Liên Xô sang được mấy ngày. Anh này đến từ Trường trung cấp kỹ thuật vô tuyến Craxnôia. Tại đó anh đã phục vụ theo thời hạn nghĩa vụ quân sự tại một đơn vị phụ trợ. Vợ và con gái một tuổi của anh sống ở khu nhà ga Iaia, thuộc tỉnh Kê-mê-rốp. Tôi có ý định chỉ định anh làm trách thủ của bộ phóng và để anh trong tổ trực chiến tại trận địa trong thời gian thực

tập.

Vào chủ nhật ngày 17-10, vào lúc 8 giờ, đã có các nhân viên kỹ thuật tới trận địa để kiểm tra khí tài. Sau khi kiểm tra tư thế sẵn sàng của khí tài, chúng tôi để lại ở trận địa một tổ trực chiến và trở về nơi đóng quân. Trong khi dùng bữa điểm tâm chúng tôi trao đổi về kế hoạch công việc trong ngày hôm đó. Người thì dự định viết thư, người đi giặt quần áo, người thì chơi bài, v.v..

Chưa kịp kết thúc bữa sáng, chúng tôi đã nghe thấy còi báo động. Thế là vứt bỏ mọi việc, chúng tôi lao vào xe buýt và ra trận địa. Lúc ấy là gần 10 giờ sáng. Khi chúng tôi đến nơi thì máy móc đã được khởi động, các quả tên lửa đã được tháo bịt che, khẩu đội đang tìm kiếm mục tiêu. Đội ngũ của khẩu đội phóng tên lửa đã ở khu vực trú ẩn, một số người tụ họp chung quanh bản đồ tác chiến vừa được đem đến từ buồng điều khiển và được bảo quản ở lều bên cạnh. Trong nhà bạt lớn, ngồi trên sàn là nhân viên cơ yếu Việt Nam đang bỏ tài liệu cơ yếu vào cặp, trong nhà bạt khác chiến sĩ Vitali Xmiéc-nốp đang nằm trên giường gấp, tay cầm quyển sách. Phía sau các lều bạt là một thợ cắt tóc vừa từ Hà Nội đến đang cắt tóc cho một binh sĩ Việt Nam, cạnh đó còn có 5 người nữa chờ đến lượt mình.

Tôi hô to gọi Xmiéc-nốp vào hầm trú ẩn, còn tôi bước vào ca bin "U". Trung úy Dakhmurlop báo cáo với tôi, tôi báo cáo với chỉ huy tiểu đoàn là Trung tá Liakisép rằng khẩu đội bộ phóng đã sẵn sàng chiến đấu.

Trên bản đồ quan trắc không lưu đã hiện lên những lộ trình rầm rối của các mục tiêu. Nhân viên bản đồ quan trắc người Việt đã báo cáo mọi thông tin nhận được cho vị chỉ huy tiểu đoàn của mình. Chỉ sau đó người phiên dịch mới thông báo bằng tiếng Nga cho chúng tôi. Trung tá I. A. Liakisép tỏ ra bức xúc. Trong tình hình như vậy ông đã ra lệnh cho viên sĩ quan điều khiển tên lửa là Đại úy Nicôlai Ômêlensúc phát sóng và tiến hành tìm mục tiêu, ông lệnh cho tôi đưa tên lửa vào tư thế chuẩn bị. Bắt đầu tiến hành quét sóng vòng tròn tìm mục tiêu, các bộ phóng đã được đưa vào tư thế hoạt động đồng bộ, các tên lửa đã trong tư thế sẵn sàng phóng.

Sĩ quan điều khiển tên lửa báo cáo đã phát hiện một tổp mục tiêu tại một hướng. Mục tiêu này được che khuất bằng phương pháp gây nhiễu mạnh. Tách mục tiêu ra khỏi khu vực nhiễu là điều không thể làm được. Trung tá Liakisép lệnh cho tôi đem bản đồ quan trắc đặt ở cạnh ca bin "U", rồi từ đó dùng điện thoại báo cho Trung tá biết góc phương vị và khoảng cách đến mục tiêu. Tôi lập tức thực hiện lệnh này và lập tức tính toán thông số về mục tiêu trên bản đồ quan trắc, đồng thời cũng theo dõi hướng quay của các bộ phóng.

Tất cả sự chú ý của tiểu đoàn đều tập trung vào các mục tiêu đang hoạt động ở hướng bắc. Nhưng các màn hình bị nhiễu dày đặc, do đó sẽ vô nghĩa nếu phóng tên lửa vào các mục tiêu. Toàn khẩu đội ở trong tình trạng căng thẳng và tỏ ra bức xúc. Vào lúc ấy tôi nghe thấy tiếng kêu vọng lại từ các khẩu đội súng máy trợ tiểu đoàn chúng tôi. Vén chiếc màn của lều bạt lên, tôi bỗng nhìn thấy ở khoảng cách 1,5 - 2 km bóng dáng đen sẫm của chiếc máy bay Mỹ, nó bay đến từ hướng nam, sà rất thấp, ngay phía trên những ngọn núi. Nó bay thấp đến nỗi tưởng chừng như sắp sà chạm vào những ngọn núi ấy. Tôi lập tức dùng điện thoại báo cáo với Trung tá Liakisép về chiếc máy bay Mỹ. Tôi xét theo vị trí của các bộ phóng thì thấy rằng trắc thủ dẫn đường cho tên lửa đã không ngắm về hướng đó. Tôi liền thét vào điện thoại: "Ngắm về hướng trái! Về hướng trái chút nữa". Các ăngten và bộ phóng bắt đầu quay về hướng mục tiêu.

Vào thời điểm đó, theo hiệu lệnh bằng cờ của viên chỉ huy trung đội, các khẩu đội súng máy phòng không 4 nòng đã khai hoả. Sau vài giây chiếc máy bay đã bốc cháy, kéo theo một vệt khói đen. Bay thêm 500 mét nó đâm vào núi, cách chỗ chúng tôi không xa. Mọi người trong trung đội súng máy đã reo hò.

Vào thời điểm ấy, bỗng nhiên từ hướng khác - hướng tây có một âm thanh giống như tiếng sấm rền, cứ mỗi lúc một to. Sau vài giây có ba tiếng nổ mạnh ở phía sau cabin điều khiển. Tôi nhìn về hướng đó và trông thấy hai đám khói đen do vụ nổ, đúng chỗ các lều bạt của chúng tôi, một quả tên lửa từ bộ phóng số 1 tung lên trời và vỡ ra thành nhiều mảnh, và tôi nhìn thấy 3 chiếc máy bay Mỹ đang vòng sang hướng trái. Sau vài giây lại vang lên loạt đạn súng máy và vài tiếng nổ. Ngay lập tức tiếng động cơ các máy diên-đen của chúng tôi đã im bật. Tôi nhìn thấy

bóng các binh sĩ nhảy ra khỏi các cabin điều khiển và các sĩ quan chạy theo hướng vào các hầm trú ẩn gần nhất. Có ai đó đẩy tôi theo hướng ấy. Chẳng mấy chốc Chuẩn úy Nicôlencô bế trên tay anh thợ máy diêden người Việt bị thương vào ngực và đưa anh ta vào hầm trú ẩn. Sau đó binh nhất Máctunsúc bị thương vào vai cũng chạy tới.

Đột nhiên mọi chuyện im bật, và tôi đã nhảy ra khỏi hầm trú ẩn. Điều tôi nhìn thấy trước tiên là lưới nguy trang trên các ca bin điều khiển đang bốc cháy, trên bệ phóng số 6 lửa đang bốc cháy ở khoang chứa nhiên liệu của tên lửa. Sức nổ đã làm văng quả tên lửa ra khỏi bệ phóng số 1 và bệ phóng này ở trong vị trí xuất phát ban đầu. Còn 5 bệ phóng có các quả tên lửa thì nằm im theo cùng một hướng. Tất cả mọi người lao vào dập tắt lửa cho các tấm lưới nguy trang. Trong lúc đó chỉ huy của tiểu đoàn, Trung tá Liakisép kêu gào mọi người hãy vào hầm trú ẩn ngay lập tức, vì bộ phận nổ (gồm 3600 mảnh) của quả tên lửa đang cháy ở bệ phóng số 6 có thể phát nổ bất cứ lúc nào.

Tôi không chui vào hầm trú ẩn mà chỉ ngồi tránh ở một phía và đau xót nhìn quả tên lửa đang bốc cháy. Thật uất quá vì tiểu đoàn chúng tôi đã không kịp giáng trả các máy bay Mỹ và đã bị ném bom. Thật không thể tin được rằng cảnh tượng ấy đã có thể diễn ra: tên lửa của chúng tôi đang bốc cháy, còn những chiếc máy bay ấy đã bay đi mà không bị trừng phạt, nếu không kể chiếc máy bay đã bị các chiến sĩ súng máy Việt Nam bắn rơi.

Khoang nhiên liệu của quả tên lửa trên bệ phóng số 6 vẫn tiếp tục cháy, nhiên liệu chảy xuống đất. Sau vài giây đã vang lên một tiếng nổ rất mạnh mà cường độ của nó to hơn hẳn những tiếng nổ do bom gây ra. Những mảnh của đầu đạn tên lửa đã choc thủng vỏ các cabin. Trên bệ phóng chỉ còn lại các mảnh tên lửa được giữ lại nhờ các ốc chốt và các bánh xích ở phía sau. Quả tên lửa này không gây nổ được nữa, nhưng để chắc ăn hơn, tôi đã ra lệnh tách phần khớp nối điện, tách bộ phận vận hành ra khỏi bệ phóng.

Bệ phóng bị cháy mất một nửa, đa số các nắp khoang bị bong ra, trên thực tế hệ thống dây điện và các cụm linh kiện khí tài trên bệ phóng đã bị cháy trụi. Các đường dây cáp điện và cáp tín hiệu dẫn từ bệ phóng đến các động cơ diêden và dẫn đến cabin "P" đã bị vỡ đứt do một loạt đạn pháo từ máy bay Mỹ phóng xuống. Đó cũng là nguyên nhân khiến các động cơ diêden bị hư hỏng ngay từ đầu.

Không đụng chạm thêm vào bất cứ thứ gì, mọi người tiến đến bệ phóng số 1. Sức nổ đã làm cho tên lửa trên bệ phóng này bị hất tung ra. Bệ phóng đã không bị hỏng. Một số quả bom rơi cạnh lều bạt. Trong một cái hố bom người ta thấy phần đầu đạn của tên lửa, còn cạnh đó, trong ruộng lúa, là những thỏi thuốc cháy của động cơ phản lực nhiên liệu rắn của tên lửa. Những thỏi nhiên liệu ấy nằm tung toé trong ruộng lúa nước. Còn thân động cơ tên lửa thì bị vỡ toang ra, bị xé nát như tờ giấy bị rách không còn dấu vết gì của khoang chứa nhiên liệu tên lửa và khoang chứa máy móc trong tên lửa.

Trung úy Iu. Dakhmurlop tiến đến đầu đạn của tên lửa, rút ống kíp nổ ra rồi đem nó ra xa, thận trọng đặt nó xuống đất. Đầu đạn của tên lửa không nguy hiểm nữa. Sau đấy tôi tới chỗ trước kia là những lều bạt. Như lúc đầu tôi đã nói, tôi đã nhìn thấy hai đám khói đen do bom nổ, nghĩa là đó là tất cả những gì còn lại của các lều bạt. Ở đấy tôi còn tìm thấy chiếc thắt lưng quần mà sau khi giặt tôi đã phơi trên dây phơi bên cạnh lều bạt.

Nơi mà anh thợ cạo đã cắt tóc cho các chiến sĩ Việt Nam đã đọng lại một vũng máu lớn - anh ấy đã hy sinh.

Từ trong một hầm trú ẩn ở giữa trận địa vọng ra những tiếng rên. Tôi tiến đến chỗ ấy. Có mấy đồng chí Việt Nam đang đỡ trên tay Vitali Xmiécnpố bị thương nặng. Anh ấy rên rất to. Người phiên dịch cho tôi biết rằng vào phút chót, khi nửa người đã vào được hầm trú ẩn, đồng chí Xmiécnpố lại bị hai vết thương do mảnh bom - vào sườn và vào chân.

Tại nơi trước đó là lều bạt với các tài liệu mật, tôi trông thấy một cánh tay trái nằm lại, trên ngón tay đeo nhẫn vẫn còn chiếc nhẫn vàng. Cách đó không lâu khẩu đội của tôi tiếp nhận trung sĩ Côbuncô đến từ Quân khu phòng không Mátxcova. Đồng chí ấy đã có vợ và cũng đeo nhẫn. Nhưng, những lo lắng của tôi không đúng. Trung sĩ Côbuncô vẫn còn sống. Người bị mất cánh tay là nhân viên người Việt Nam.

Lúc đó một chiếc máy bay lên thẳng xuất hiện trên bầu trời và đã nhanh chóng hạ cánh cạnh trận địa chúng tôi. Có vài người bước ra từ máy bay, đem theo cáng thương và đi về phía trận địa. Tất cả những người bị thương và hy sinh đã được chuyển đi ngay.

Sau đó tôi đã xem xét 4 bộ phóng còn lại với các quả tên lửa. Có hai tên lửa bị hư hại vì mảnh bom - các cánh ổn định hướng bay, và các cánh ổn định phía trước đã bị uốn cong queo. Trên 2 bộ phóng, những nắp đậy các khoang đã bị hất tung. Như vậy, trong 6 bộ phóng chỉ còn 2 bộ phóng và chỉ còn 2 quả tên lửa còn có khả năng chiến đấu.

Tôi kiểm tra quân số của khẩu đội và thấy rằng trong thời gian bị máy bay tập kích đã có 3 chiến sĩ trẻ vì hết hoảng do tiếng bom và tên lửa nổ, họ đã bỏ chạy khỏi trận địa và bị dân quân địa phương “bắt làm tù binh”, vì họ bị nhận lầm là các phi công Mỹ nhảy dù. Người ta đã thông báo chuyện này cho chỉ huy tiểu đoàn là Trung tá Liakisép. Ông đã khẩn trương đi xe commăngca đến hiện trường để “giải thoát cho các tù binh” ấy. Viên chỉ huy khẩu đội 1 là Đại úy Iu. C. Pêtorốp tạm thay ông chỉ huy tại trận địa. Tôi đã báo cáo tình hình với đồng chí Pêtorốp và đề nghị khẩn trương chuyển những quả tên lửa còn nguyên vẹn sang các bộ phóng chưa bị hư hỏng.

Sau khi được “duyet”, tôi đã lập tức cùng với các khẩu đội bắt đầu chuyển dịch các tên lửa. Mất gần một giờ để làm việc này. Sau đó chúng tôi tháo dỡ tất cả các dây cáp và các dây điện bị đứt. Sau cùng đã khởi động được toàn bộ máy móc và bắt đầu khâu kiểm tra.

Vào khoảng 12 giờ trưa người ta bắt đầu thông báo tọa độ của một tốp mục tiêu tiến đến từ hướng bắc ở độ cao trung bình, không gây nhiễu. Tốp mục tiêu này đã nhanh chóng tiến đến gần trận địa của tiểu đoàn tên lửa. Tất cả đã sẵn sàng chiến đấu. Theo lệnh của Đại úy Pêtorốp, 2 quả tên lửa cuối cùng đã sẵn sàng xuất phát theo hướng có mục tiêu. Mọi chuyện diễn ra thuận lợi, có 2 máy bay bị bắn rơi, những chiếc khác không dám tấn công vào trận địa của tiểu đoàn, hạ độ cao, chuyển hướng và bay đi mất.

Cách trận địa không xa, trong một tòa nhà lớn, chắc là một kho hàng cũ, còn có 12 quả tên lửa chưa nạp nhiên liệu được để trên các giá đỡ: Tôi lưu ý Đại úy Pêtorốp rằng tại trận địa của chúng tôi không còn một quả tên lửa nào cả và chúng tôi cần gấp rút nạp nhiên liệu vào 12 quả tên lửa ấy và chở chúng đến trận địa. Đại úy Pêtorốp ra lệnh cho tôi trực tiếp tới kho tên lửa ấy và đảm bảo nạp nhiên liệu rồi chuyển các tên lửa tới trận địa. Sau khi đưa ra những chỉ dẫn và ủy nhiệm cho Trung úy Dakmulốp thay mình chỉ huy, tôi đã đem theo trác thủ số 1 thuộc khẩu đội bộ phóng, hai thiết bị chống hơi độc, sau đó đi trên xe kéo pháo loại ZIL-157 để đến địa điểm bảo quản các tên lửa.

Sau khi tới nơi, chúng tôi tháo dỡ các tấm bạt che phủ các giá đỡ tên lửa, đeo thiết bị phòng hơi độc vào và lập tức tiến hành nạp nhiên liệu vào các quả tên lửa. Để tranh thủ thời gian, chúng tôi thực hiện công việc nạp nhiên liệu mà không sử dụng các quần áo bảo vệ, xem thường sự nguy hiểm. Sau hai giờ, tất cả các quả tên lửa đã được chuyển đến trận địa. Đến lúc này Trung tá Liakisép đã trở về cùng với mấy vị đào binh. Tiện đây xin nói rằng sau này những binh sĩ ấy không bao giờ tỏ thái độ nhát gan nữa và trong những trận bị tập kích sau này họ đã tỏ ra xứng đáng.

Gần đến chiều tối, Đại tá A. M. Đứđa và Đại úy A. B. Daica đã từ Hà Nội lên trận địa. Họ đã quan sát kỹ lưỡng trận địa và quyết định dời trận địa đến nơi khác. Mãi đến lúc ấy tôi mới nhận ra rằng toàn bộ trận địa đều vương vãi các mảnh bom trông giống như các mảnh gỗ. Sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn là Trung tá Liakisép đã ra lệnh “Báo yên - lên đường hành quân”.

Sau khi kết thúc cuộc hành quân, tiểu đoàn chúng tôi được bố trí trong một khu rừng nhỏ, nhưng không triển khai khí tài. Còn chúng tôi thì, theo thông lệ, đã được bố trí nơi ở tại một ngôi làng gần nhất. Sang ngày hôm sau đã có những chuyên gia sửa chữa đến đơn vị chúng tôi và bắt tay vào sửa chữa những hư hỏng cơ khí trong các khí tài. Đến chiều tối đã có 5 bộ phóng thuộc khẩu đội bộ phóng đã sẵn sàng, còn bộ phóng có quả tên lửa bị nổ tung thì vẫn trong tình trạng cũ. Tôi hỏi Đại úy A. B. Daica rằng liệu bộ phóng ấy sẽ được đưa về Liên Xô phục hồi hay không, hay là chúng tôi sẽ thử tìm cách khôi phục nó bằng sức mình. Đại úy Daica trả lời rằng tốt nhất hãy tự mình khôi phục bộ phóng ấy. Chúng tôi đã quyết định như vậy.

Sau này, khi vừa có cơ hội là tôi đã lập tức bắt tay vào công việc phục hồi bộ phóng này, cũng như trước kia, trong công việc này tôi luôn nhận được sự giúp đỡ vô giá của các sĩ quan xác định tọa độ V. Sennhicốp và V. Lუსaghin. Khó khăn lớn nhất đã nảy sinh khi phục hồi các mạch điện, vì các dây dẫn không có các ký hiệu, cho nên chúng tôi đã buộc phải tìm kiếm rất lâu các dây kếp ấy ở những chỗ bị đứt dùng đồng hồ kiểm tra chúng, rồi hàn chúng lại.

Điều làm chúng tôi kinh ngạc là việc này được thực hiện rất hợp lý trên các máy bay Mỹ. Các linh kiện trên các máy bay ấy là do các đồng chí Việt Nam cung cấp cho chúng tôi: cứ cách hai xăngtimét thì dây dẫn lại được nhà máy đánh dấu số hiệu của các dây. Căn cứ vào hiệu ấy có thể dễ dàng tìm ra đoạn dây thứ hai sau khi bị đứt.

Tuy nhiên, bất chấp tất cả những khó khăn và những bất tiện, đến cuối tháng 12 bộ phóng này đã được khôi phục hoàn toàn và được bố trí tại trận địa. Những nỗ lực của chúng tôi không uổng phí: ngày 11-1-1966 quả tên lửa được phóng đi từ bộ phóng này đã bắn rơi chiếc máy bay trinh sát không người lái. Không cần phải nói, không những chúng tôi, mà cả ban chỉ huy trung đoàn và cả các đồng chí Việt Nam đã phấn khởi biết nhường nào.

Đến cuối tháng 10 Trung tá Liakisép cho tôi biết rằng có chuyến xe buýt của chúng tôi về Hà Nội và tôi cần đến Quân y viện trung ương để thăm đồng chí Vitali Xmiécốp đang dưỡng thương tại đó. Trước đó Đại úy Daica đã thăm anh Vitali rồi. Cũng tại quân y viện này tôi đã gặp ba nhà phẫu thuật Xôviết được điều từ Liên Xô sang để phẫu thuật thận cho anh Xmiécốp.

Ở cổng vào quân y viện có một con khỉ to, bị cột vào một ống sắt, đã làm trò giải khuây cho những người rồi việc xúm quanh nó. Tôi cũng dừng lại và lấy làm kinh ngạc trước những khả năng của con khỉ này. Nó nóng lòng chờ đợi người cho nó ăn, luôn ngó nghiêng nhìn về phía người kia có thể xuất hiện. Khi người ấy, mặc bộ pigiama của bệnh viện và cầm chiếc bát nhôm xuất hiện thì con khỉ đứng thẳng lên, đứng nghiêm, giơ tay trái lên đầu, tay phải ấn vào thái dương để chào, rồi nó kêu to lên những âm thanh giống như những tiếng: “Chào đồng chí?”. Sau khi nhận được bát cơm với rau, con khỉ đã lập tức ăn hết, vươn thẳng người, úp chiếc bát lên đầu và phát ra câu “Tiến về Sài Gòn?” đồng thời đưa tay phải về phía trước, khiến cho những người vây chung quanh trầm trồ khâm phục.

Tại quân y viện, người ta đã không cho chúng tôi gặp anh Xmiécốp, với lý do anh ấy đang trong tình trạng nguy kịch. Không được gặp anh ấy, tôi đã quay trở về tiểu đoàn. Như đã biết, ngay sau khi bị thương người ta đã lập tức phẫu thuật cho đồng chí ấy và cắt bỏ quả thận bị dập nát vì mảnh bom. Mặc dù các bác sĩ đã cố gắng hết sức, song quả thận còn lại đã không chịu đựng nổi sự quá tải trong điều kiện khí hậu nóng bức của Việt Nam. Đến ngày 24-10 Xmiécốp đã qua đời.

Đây là tổn thất nặng nề đối với tất cả chúng tôi. Mỗi người đều hiểu rằng mình có thể rơi vào tình cảnh như anh ấy. Người ta đã đưa thi hài anh ấy về Liên Xô. Dĩ nhiên, cha mẹ của anh ấy đã không biết con mình đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ chiến đấu ở chiến trường nào. Sau này anh Xmiécốp đã được truy tặng Huân chương Cờ đỏ.

Sau khi kết thúc mọi công việc khôi phục khí tài, tiểu đoàn chúng tôi đã thực hiện cuộc hành quân ban đêm. Trận địa mới được chọn bố trí trên một ruộng lúa trước kia và là một khoảng trống bằng phẳng với nền đất mềm. Cách trận địa 2-3 kilômét về phía nam có những ngọn núi. Cách đó không xa là một trường học. Người ta đã bố trí nơi ở của chúng tôi tại đó. Có khoảng 100 người dân địa phương được huy động để xây dựng trận địa. Họ được trang bị những chiếc thúng, quang gánh, xẻng và cuốc. Công việc chủ yếu của họ là dùng đất áp những bức tường thành chung quanh bộ phóng và tạo những vật liệu nguy trang tự nhiên bằng các cành tre hoặc bằng các cây chuối.

Vào thời điểm công việc diễn ra sôi nổi nhất thì Đại tá N. V. Bagienốp và Đại úy A. B. Daica đã đến thăm trận địa. Tôi báo cáo vắn tắt tình hình cho họ biết. Khi quan sát trận địa, Đại tá Bagienốp bắt đầu trao đổi về những việc làm của tôi ngày 17-10. Tôi đã cảm nhận được ngay lập tức thái độ thân mật đối với tôi, thân mật hơn bất kỳ những cuộc gặp gỡ nào trước kia.

Công việc chuẩn bị trận địa đã nhanh chóng được hoàn tất: Tiểu đoàn đã tiếp nhận trận địa. Sau khi triển khai khí tài, khẩu đội chiến đấu đã kiểm tra, hiệu chỉnh khí tài khả năng hoạt



động của nó. Đến sáng thì tất cả đã sẵn sàng chiến đấu. Tất cả mọi người, trừ những người trực chiến, đều lên xe buýt đi về nơi đóng quân của chúng tôi. Tôi và Trung tá I. A. Liakisép đi cùng với Đại tá N. V. Bagienốp trên chiếc xe có nhãn hiệu "Vácsava" (trước kia có tên gọi là "Pôbêđa"). Trên đường đi chúng tôi trông thấy cạnh một thửa ruộng có một khẩu pháo cao xạ 57 ly không hiểu lý do gì lại nằm ở đáy một hố sâu mà nông dân vẫn lấy nước từ đó lên để tưới ruộng. Quay thẳng về phía tôi, Đại tá Bagienốp nói:

- Đồng chí Đemsencô. Hãy đem theo các binh sĩ, một xe kéo ATL và thử kéo nó lên nhé.

Sau khi đến nơi đóng quân, tôi đã đem theo hai chiến sĩ trong khẩu đội của mình và sau nửa giờ đã đưa xe kéo hạng nhẹ ATL đến sát khẩu pháo bị mắc kẹt. Một chiến sĩ sau khi buộc dây thừng vào xe kéo, đã bám vào dây rồi tụt xuống đáy hố nước, cột dây cáp vào khẩu pháo. Chúng tôi đã dùng tời của xe kéo đưa khẩu pháo ấy lên phía trên. Khẩu đội pháo phòng không được chỉ định yểm trợ tiểu đoàn chúng tôi và được bố trí cách đó không xa trên một điểm cao. Chúng tôi chuyển khẩu pháo tới đó và chuyển giao nó cho khẩu đội pháo trực chiến ở đó. Đến chiều một trung úy chỉ huy khẩu đội pháo phòng không ấy đã đến nơi đóng quân của chúng tôi và nồng nhiệt cảm ơn đồng chí chỉ huy, Trung tá I. A. Liakisép, về việc đã chuyển giao khẩu pháo đó cho họ.

Sang ngày hôm sau, ngày 30-10-1965 (thứ bảy), ngay từ sáng sớm đã có báo động: đã phát hiện một mục tiêu bay chậm ở tầm cao. Xét theo mọi thông số thì chúng tôi xác định đây là máy bay trinh sát không có người lái. Độ cao của mục tiêu là 22 nghìn mét. Khi bộ phóng vừa kịp khởi động đồng bộ thì Trung tá Liakisép phát lệnh.

- Tiêu diệt mục tiêu bằng một quả tên lửa! Điều này khiến tất cả chúng tôi ngạc nhiên.

Theo "quy tắc xạ kích" thì trong trường hợp này được ấn định phóng 3 tên lửa và bắn theo loạt, mỗi lần phóng cách nhau 6 giây. Chỉ vài giây sau mục tiêu đã rơi vào rìa vùng bị tiêu diệt. Đến khi tên lửa bay đến điểm đã được tính toán thì mục tiêu đã ra khỏi vùng bị tiêu diệt, và ở độ cao lớn tên lửa đã tự nổ tung. Việc phóng tiếp tên lửa nữa là vô ích, bởi vì xét theo các thông số của mục tiêu thì thậm chí cũng không thể bắn đuổi theo được.

Máy bay trinh sát đã bay đi, giờ đây có thể máy bay sẽ đến oanh tạc Nhưng trong ngày hôm đó đã không xảy ra một cuộc bắn phá nào. Một thời gian sau Đại úy Daica đến gặp tiểu đoàn chúng tôi. Thế là đã diễn ra một cuộc phân tích không thú vị về lần phóng tên lửa không thành công. Trung tá Liakisép đã công khai thừa nhận sai sót của mình, nhưng đã tuyên bố ngay rằng ông sẽ không bắn 3 quả tên lửa vào một mục tiêu như vậy! Trung tá Liakisép ở lại chỉ huy tiểu đoàn tên lửa này cho đến lúc đồng chí ấy trở về Liên Xô.

Không rõ vì lý do gì mà lần này tiểu đoàn đã không thay đổi trận địa.

Chúng tôi được lệnh trao quyền tự chủ nhiều hơn nữa cho các khẩu đội Việt Nam, bởi vì sẽ đến một lúc nào đó chúng tôi sẽ trao mọi thứ cho họ và trở về nước. Ngoài ra, bản thân các đồng chí Việt Nam cũng hết sức mong muốn được tự chủ tiến hành tác chiến. Chấp hành mệnh lệnh nói trên, chúng tôi đã để cho các khẩu đội tên lửa và những chuyên viên Việt Nam đảm nhiệm độc lập khâu trực chiến. Trên thực tế, trong tác chiến tại chỗ, khẩu đội hỗn hợp đã cùng tác chiến.

Do rút ra những bài học từ trận địch đánh trúng trận địa lần trước và do phía Mỹ sử dụng các tên lửa tự tìm mục tiêu kiểu "Sraico", cho nên bộ chỉ huy của Việt Nam đã áp dụng một loạt cách nghi binh mới: xây các trận địa giả, làm giả hoạt động của các phương tiện trinh sát, v.v. . Giờ đây các đường hào để ẩn nấp dành cho đơn vị đã được xây dựng hầu như chung quanh trận địa và có hình ngoằn ngoèo chứ không thẳng, để ngăn cản không cho các mảnh bom văng theo đường hào ẩn nấp. Các dây cáp dẫn đến bộ phóng tên lửa được vùi xuống những đường hào nông, đường hào cho người thì được che phủ bằng các cành tre. Trung tâm của tiểu đoàn cũng được bao quanh bằng một bức tường đất.

Vì theo lời khai của các phi công Mỹ bị bắt làm tù binh thì thấy rằng những quả tên lửa màu trắng bạc của chúng ta rất dễ trông thấy từ xa. Do vậy chúng tôi đã bức xúc nêu lên vấn đề cần sơn các quả tên lửa thành màu ngụy trang và nhất thiết cần phải ngụy trang bộ phóng tên lửa và ăngten thu - phát của ca bin "P". Đáng tiếc là chúng tôi đã được các đại diện của ngành công

nghiệp quốc phòng đưa ra câu trả lời không hoàn toàn có sức thuyết phục. Nội dung câu trả lời ấy là: nếu các quả tên lửa được sơn thì sẽ làm giảm tính năng khí động học của tên lửa. Chẳng bao lâu sau lại xảy ra một sự việc liên quan trực tiếp đến vấn đề nguy trang? tiểu đoàn phụ trách kỹ thuật bị oanh tạc (chỉ huy tiểu đoàn này là Thiếu tá N. I. Ivanốp). Tiểu đoàn này bị phát hiện trước hết do không được nguy trang khi tiến hành kiểm tra các quả tên lửa.

Việc tranh luận về vấn đề sơn nguy trang cho khí tài và các quả tên lửa đã kéo dài gần nửa năm. Chỉ mãi đến cuối năm 1965 vấn đề này mới được giải quyết ổn thoả. Điều đó đã cản trở nhiều đối với việc quan sát bằng mắt thường của các tiểu đoàn, nhất là khi khởi động các hoạt động đồng bộ và khi tắt cả các bộ phóng được đặt vào tư thế phóng.

Sang ngày hôm sau, chủ nhật 31-10-1965, vào khoảng 12 giờ trưa, chúng tôi nhận được thông báo có vài tốp mục tiêu đang hoạt động ở hướng tây và tây - nam. Nếu ở hướng tây - nam có núi thì ở hướng tây có đồng bằng. Ở phía đó, cách chúng tôi khoảng 8 - 10 kilômét, có sân bay Kép, là căn cứ của các máy bay tiêm kích MIG-17. Các khí tài hoạt động không ngơi nghỉ, các quả tên lửa đã sẵn sàng, các máy móc đã được đưa vào tư thế hoạt động đồng bộ. Chúng tôi liên tục tìm kiếm và theo dõi các mục tiêu ở hướng tây. Các quả tên lửa đã nhiều lần được đưa vào tư thế chuẩn bị phóng.

Sau này, theo lời kể của những người có mặt tại trận địa, người ta đã khôi phục lại toàn bộ sơ đồ vụ oanh tạc vào tiểu đoàn. Một tốp máy bay gồm khoảng 30 chiếc đã bao vây sân bay Kép và ném một số bom và bắn một số tên lửa nhằm không để cho các máy bay tiêm kích có thể cất cánh. Tốp thứ hai gồm 3 chiếc bay ở phía trên dãy núi từ hướng tây - nam về phía tiểu đoàn chúng tôi. Khi những chiếc máy bay này hướng về phía tiểu đoàn chúng tôi thì khẩu đội pháo yểm hộ chúng tôi - và được chúng tôi trao cho khẩu pháo vót được từ dưới hố sâu - đã khai hỏa từ tất cả các khẩu pháo và tạo một lưới lửa phía bên trên tiểu đoàn chúng tôi. Các máy bay này vòng sang phía trái, lợi dụng dãy núi để bay đi.

Vào thời điểm ấy có vài tốp, mỗi tốp có 2-3 máy bay, đã tách khỏi nhóm hoạt động ở hướng tây. Chúng bay hết sức thấp và lao vào trận địa của tiểu đoàn. Chúng tôi kịp phát hiện mục tiêu đi đầu và phóng 2 quả tên lửa vào nó. Khi tên lửa bay tới gần mục tiêu đi đầu thì có 2 chiếc tiêm kích ném bom được nguy trang đã lộn nhào để tránh tên lửa rồi bay về hướng cũ. Các quả tên lửa bay tới tốp mục tiêu rồi nổ, tiêu diệt được 2 máy bay.

Vào lúc ấy từ hướng đông ngày càng nghe rõ những loạt đạn pháo cao xạ. Điều này chứng tỏ máy bay đang tới gần. Nhờ những hoạt động hữu hiệu của pháo cao xạ yểm hộ, cho nên chỉ có một máy bay địch lao được vào trận địa của tiểu đoàn để oanh tạc và cũng phóng được một vài loạt rốc két. Vào thời khắc ấy bỗng nhiên tất cả các máy móc đều bị tắt.

Sau khi bước ra khỏi ca bin điều khiển, tôi phát hiện thấy từ trong khoang chứa nhiên liệu của một tên lửa có luồng khói vàng tỏa ra. Sau khi xem xét tên lửa, tôi nhận ra rằng khoang chứa nhiên liệu không bị hỏng, chỉ có thùng chứa chất ôxy hóa bị một lỗ thùng nhỏ ở sườn. Nhưng trong tình trạng này không thể sử dụng được tên lửa. Nó liền được một khẩu đội Việt Nam dỡ khỏi bộ phóng và đưa tới tiểu đoàn kỹ thuật.

Khi đi kiểm tra số khí tài còn lại, tôi nghe thấy từ hầm trú ẩn vọng ra những câu chửi thề rất to và không biết bao nhiêu lời nguyền rủa bọn Mỹ bằng tiếng Nga. Khi đến gần, tôi nhìn thấy một trác thủ của khẩu đội bộ phóng. Người anh ta bị nhiều vết thương do mảnh quả rốc két nổ bên cạnh. Binh sĩ này được đưa lên cang và đem đi khỏi trận địa. Hóa ra, trong lúc máy bay đang oanh tạc anh lính này chộp lấy khẩu tiểu liên và quát:

- Lũ khốn! Tao sẽ cho chúng mày thấy". Rồi anh ta xả súng bắn vào chiếc "Con ma" lúc ấy đang bổ nhào sát đất.

Rất tiếc là tôi không nhớ họ tên của binh sĩ ấy, vì anh ta được đưa ngay về Liên Xô để chữa trị các vết thương. Sau đấy tôi không gặp lại anh ta nữa.

Ngay cạnh hầm trú ẩn còn một quả rốc két nữa không nổ. Nó không có ngòi nổ. Cách bộ phóng 3 mét có một hố bom sâu. Ở gần sát nơi này đã không có các mục tiêu không kích.

Ngày đã hết, cần phải đưa ra quyết định chuyển trận địa. Lần này đã lập tức nhận được lệnh

di chuyển tiểu đoàn. Về cơ bản, khẩu đội Việt Nam và một số chuyên gia của chúng tôi đã kết thúc chuyến hành quân đến khu vực đã ấn định. Sau khi cho đơn vị xuất phát, chúng tôi đã thu dọn đồ đạc và lên xe buýt đến trận địa mới. Trên đường đi chúng tôi ghé thăm các chiến sĩ pháo cao xạ Việt Nam. Trung tá Liakisép đã nồng nhiệt cảm ơn họ đã yểm trợ bằng hỏa lực.

Sau khi đến khu vực mới, tiểu đoàn đã triển khai khí tài bên cạnh một điểm dân cư nào đó, dưới tán lá những hàng cây. Khi chỉ còn cách địa điểm này khoảng 1 kilômét thì chúng tôi nhìn thấy một tốp 3 chiếc máy bay đang đến gần tiểu đoàn. Do thời tiết xấu, trời âm u, những chiếc máy bay ấy trông đen ngòm và hùng dữ. Chúng tôi dừng lại và bước ra khỏi xe buýt, chờ đợi những hậu quả nghiêm trọng. Nhưng những máy bay ấy đã bay qua phía trên tiểu đoàn, không phát hiện ra tiểu đoàn và không gây hại gì cho tiểu đoàn nhờ được ngụy trang tốt.

Đã kết thúc những ngày chủ nhật nặng nề ấy đối với nhiều chuyên gia quân sự Liên Xô và các chiến sĩ Việt Nam. Mặt khác, những sự kiện xảy ra trong hai ngày ấy đã buộc chúng tôi phải xem xét nhiều vấn đề về lý thuyết và thực tiễn các hoạt động tác chiến của binh chủng phòng không. Chính vào thời gian ấy chúng tôi đã bắt đầu hiểu chiến thuật tác chiến của không quân Mỹ nhắm vào các phương tiện phòng không. Trong chiến đấu đã bộc lộ những thiếu sót và phát hiện ra những mặt yếu của khí tài.

Mọi người đã biết, vào thời kỳ ấy bộ đội chúng ta đã được trang bị những bộ khí tài tên lửa phòng không và những hệ thống điều khiển tối tân nhất. Khoa học quân sự đã làm thay đổi hẳn những quan điểm của chúng ta về lý thuyết và thực hành trong tác chiến. Trong vấn đề này có sự cống hiến không nhỏ của những người đã tham gia vào những sự kiện ấy.

Sau khi di chuyển trận địa, tiểu đoàn đã không triển khai trong mấy ngày liền. Chúng tôi được phép nghỉ ngơi đôi chút. Không để uổng phí thời gian, nhiều người trong chúng tôi đã giúp bà con nông dân địa phương gặt lúa bằng liềm.

- Tổ quốc không quên chúng tôi.

Khi mới đến Việt Nam tất cả chúng tôi đều trải qua cùng một khó khăn: sự nóng bức và độ ẩm cao, khát nước liên tục, thời gian dài vắng bóng thư từ của gia đình. Chỉ mãi tháng 8-1965 mới nhận được những bức thư đầu tiên. Khí hậu ẩm ướt, tình trạng thiếu thốn các phương tiện cần thiết bảo đảm vệ sinh cá nhân, trước hết là thiếu vòi tắm và bồn tắm, - đó là nguyên nhân đầu tiên khiến cho nhiều chuyên gia chúng tôi bị ngã bệnh. Thông thường, những căn bệnh ấy không chữa trị được ở đây và bệnh nhân được đưa về Liên Xô chữa trị.

Ngoài ra, những khoản tiền cấp phát thời gian đầu là quá ít ỏi hầu như chật vật lắm mới đủ chi dùng cho ăn uống và thuốc lá. Mọi người bắt đầu công khai phàn nàn. Ban chỉ huy Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã thông báo vấn đề này với Cục trưởng hữu quan trong Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô. Đến cuối tháng 8-1965 có một đại diện Tổng cục Tài chính Bộ Quốc phòng Liên Xô đến Hà Nội để giải quyết tất cả những vấn đề đã chín muồi. Chẳng bao lâu sau quả thật tất cả các sĩ quan đã được tăng lương, các gia đình chúng tôi ở Liên Xô được trích 70% - chứ không phải 30% - số lương của chúng tôi theo chức vụ khi còn ở Liên Xô. Việc nhận thư từ cũng được cải thiện. Giờ đây đã có thể mua sắm đôi chút cho bản thân và cho gia đình.

Ngày 6-11-1965, nhân kỷ niệm Quốc khánh Liên Xô, Bộ tư lệnh phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam đã tổ chức tại Hà Nội buổi chiêu đãi trọng thể tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô. Trong buổi lễ này Thượng tá Đứđa đã công bố lệnh phong quân hàm như thường lệ! quân hàm thiếu tướng cho Đại tá N. V. Bagienốp; quân hàm thiếu tá cho Đại úy A. B. Daica. Cuối cùng mỗi chuyên gia được phát một bao thuốc lá Liên Xô. Sau buổi tiếp đón long trọng, đoàn ca múa của Binh chủng phòng không - không quân Việt Nam đã có buổi biểu diễn văn nghệ ngắn.

Vào giữa tháng 11 đã bắt đầu việc rút về Liên Xô các chuyên gia quân sự đã đến Việt Nam hồi tháng 4-1965, trong nhóm chuyên gia quân sự đầu tiên của Liên Xô. Những người về nước chủ yếu là những chuyên gia mà vai trò giúp đỡ của họ không còn cần thiết nữa, vì đa số các chuyên viên Việt Nam đã tự mình đảm đương được công việc hoặc là những người bị đau ốm hoặc do hoàn cảnh gia đình. Dĩ nhiên, những người còn ở lại cũng mong được như họ. Trong số

những chuyên gia về nước có viên chỉ huy trung đoàn, Tướng N. V. Bagienốp, các viên chỉ huy các tiểu đoàn là Trung tá I. A. Liakisép, Thiếu tá Iu. G. Têrêscô và những chuyên gia khác.

Ngay trước Tết, Thiếu tá Daica đã thông báo cho chúng tôi về chuyến thăm Hà Nội sắp tới của đoàn đại biểu cao cấp của Đảng và Chính phủ Liên Xô. Hơn nữa, chúng tôi sẽ được gặp gỡ với những vị lãnh đạo của phái đoàn ấy, vì họ sẽ trao cho chúng tôi các phần thưởng của Chính phủ.

Chúng tôi, mặc lễ phục, xếp hàng theo đội hình. Thiếu tá Daica kiểm tra từng người, nhắc nhở về phong cách bề ngoài và ấn định thời hạn sửa chữa các khiếm khuyết.

Đây là Đoàn đại biểu quan trọng và có thẩm quyền. Đứng đầu phái đoàn này là ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô A. N. Sêlêpin. Các đoàn viên gồm có Đ. Ph. Uxtinốp là nhân vật hồi ấy phụ trách các vấn đề quốc phòng, Đại tướng pháo binh Tôlúpô và những nhân vật quan trọng khác. Tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô đã tập hợp tại Sứ quán Liên Xô. Tôi ngồi cạnh Thiếu tá A. B. Daica, ở ghế thứ hai, cách bục phát biểu khoảng 5 mét. Ngay sau đó, tất cả các thành viên của phái đoàn đã xuất hiện trong hội trường. Ông A. N. Sêlêpin phát biểu đầu tiên. Ông đánh giá cao công việc của chúng tôi và tuyên bố rằng Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô chăm chú theo dõi tình hình diễn biến tại Việt Nam. Cuối cùng, A. N. Sêlêpin chúc tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô đạt được nhiều thành tích hơn nữa trong nhiệm vụ quan trọng của mình.

Sau đó Đại tá A. M. Đudra công bố danh sách những người lưu lại hội trường và những người rời sang hội trường khác. Trong hội trường của chúng tôi có Đ. Ph. Uxtinốp, một cán bộ công bố Sắc lệnh khen thưởng và một nhân viên nhiếp ảnh.

Đứng đầu danh sách những người được khen thưởng là Tướng G. A. Bêlốp - Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam. Người thứ hai trong danh sách này là tôi. Tôi bước lên gờ tay chào Uxtinốp theo điều lệnh. Uxtinốp đã trao cho tôi Huân chương Cờ đỏ và chúc mừng tôi đã được nhận phần thưởng cao quý. Sau khi quay người với câu đáp lễ thông thường: "Nguyện phục vụ Liên bang Xôviết?", tôi trở về chỗ ngồi. Thiếu tá Daica cũng chân thành chúc mừng tôi đã được nhận phần thưởng. Sau 2 người nữa đã đến lượt thiếu tá Daica được nhận phần thưởng như vậy. Sau buổi trao thưởng mọi người đã tập hợp ở hội trường. Tướng G. A. Bêlốp tiến lại chỗ ông A. N. Sêlêpin và nghiêng đầu nói nhỏ gì đó với ông Sêlêpin. Ông Sêlêpin lập tức lớn tiếng tuyên bố. "Dĩ nhiên là có thể!". Tướng Bêlốp nhìn xuống hội trường và hỏi: "Ai biết cách mở rượu sâm banh nào?"

Không hẹn nhau, tựa hồ như theo mệnh lệnh, tôi và 3 anh bạn ngồi cạnh - V. Sennhicốp, V. Lursaghin và A. Nikitin đã gờ tay. Ngay lập tức Tướng Bêlốp chỉ thị cho chúng tôi sang phòng bên cạnh, mở tất cả các chai sâm banh và rót vào cốc. Chúng tôi đã nhanh chóng bước sang phòng bên và rất tích cực thực hiện tất cả mọi việc theo yêu cầu. Một lúc sau ông A. N. Sêlêpin và các thành viên phái đoàn đã có mặt trong hội trường. Mọi người đã nâng cốc, sau câu chúc mừng vắn tắt, đã cạn chén.

Cùng với phái đoàn Đảng và Chính phủ đến Hà Nội còn có một máy bay nữa chở quà tặng cho chúng tôi. Mỗi người được nhận một gói quà: các sĩ quan cấp trên thì nhận được gói số 1, các sĩ quan cấp dưới nhận được gói quà số 2, những chuyên gia được gia hạn phục vụ, các hạ sĩ quan và binh sĩ phục vụ theo thời hạn nghĩa vụ thì nhận được gói quà số 3.

Nội dung trong các gói quà đều giống nhau, nhưng chỉ có sự khác nhau về độ giá trị của loại rượu: các sĩ quan cấp trên nhận được rượu sâm banh và 2 chai cô-nhắc, các sĩ quan cấp dưới thì nhận được rượu sâm banh, 1 chai vốt ca "Thủ đô", 1 chai rượu trắng "Mátxcova", những chuyên gia khác thì nhận được 1 chai sâm banh, 2 chai rượu trắng "Mátxcova".

Ngoài ra, trong mỗi gói quà đều có tấm thiệp của Bộ trưởng Quốc phòng đích thân chúc mừng, có cả giò, trứng cá, bánh bích quy, thuốc lá nhãn hiệu "Nôvốt", đôi dép đi trong nhà, đôi giày cao cổ theo .. kiểu giày mà bộ binh Mỹ vẫn sử dụng ở Nam Việt Nam, áo đi mưa, quần dài, áo len. Cũng còn có thêm một túi đựng 4kg bánh mì đen cho mỗi người! Bánh mì đen, cá trích muối và nước ướp lạnh - đó là mơ ước của mỗi chúng tôi. Cuối cùng thì một phần ước mơ ấy đã thành sự thật! Ai ai cũng có bánh mì đen, chỉ ăn mọi thứ với bánh mì đen, nhắm rượu cũng

với bánh mì đen:

Những túi quà được trao vào ngày 31-12 tại nơi ở của chúng tôi, ngay sau khi nhận phần thưởng. Vẫn còn lâu mới tới nửa đêm. Mọi người long trọng xử lý các phần thưởng vừa nhận được. Để đón đêm giao thừa Năm mới 1966, vào đúng nửa đêm tất cả mọi người tập hợp tại nhà ăn. Tại đây A. B. Daica đã tổ chức các hình thức vui chơi có thưởng, thi hát, thi khiêu vũ và thi đọc tiểu văn nghệ nghiệp dư. Mọi người đều hồ hởi tham gia vào các tiết mục ấy.

Chúng tôi cũng không quên các đồng chí Việt Nam. Tôi đã tặng chiếc áo choàng và đôi giày cao cổ cho anh phiên dịch. Hầu hết các chuyên gia chúng tôi đều làm như vậy. Những ngày vui đã kết thúc như thế. Nhưng chiến tranh thì vẫn tiếp tục. Thế là chúng tôi lại ra trận địa để thi hành nhiệm vụ.

- Những ngày cuối cùng trên đất Việt Nam.

Ngay từ trước khi ra trận địa chúng tôi đã được biết các khẩu đội tên lửa của Việt Nam thuộc các Tiểu đoàn tên lửa 81 và 82 đã bắn rơi một máy bay trinh sát không người lái. Đã có 7 tên lửa phóng vào chiếc máy bay ấy. Trong quá trình phân tích những loạt tên lửa vừa được phóng, người ta đã tìm ra nguyên nhân của việc bắn ra một số lượng lớn tên lửa như vậy: chưa có được sự điều khiển một cách thích đáng từ sở chỉ huy trung đoàn và thiếu sự hiệp đồng tác chiến giữa các tiểu đoàn. Trường hợp này cũng bộc lộ một điều nữa: các khẩu đội và ban chỉ huy trung đoàn chưa có được một sự chuẩn bị đầy đủ. Điều này có nghĩa là nếu không có sự giúp đỡ của chúng tôi thì phía Việt Nam chưa thể tác chiến một mình được. Do vậy, nhiều chuyên gia quân sự Liên Xô đã phải hoãn thời gian trở về nước muộn hơn. Trong số đó có tôi.

Theo quyết định của Trưởng đoàn chuyên gia binh chủng tên lửa phòng không A. M. Đurda người ta đã tiến hành kiểm tra sự sẵn sàng của các khẩu đội Việt Nam trong việc tác chiến độc lập. Về khâu này đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết. Chỉ mãi đến cuối tháng 1 mới đạt được những kết quả mong muốn. Có một nhóm đồng đảo chuyên gia quân sự Liên Xô chuẩn bị về nước. Trong số này có cả tôi.

Trong những ngày ấy Đoàn ca múa Craxnôia đã đến Hà Nội biểu diễn. Đến tối người ta chở chúng tôi đến xem buổi biểu diễn văn nghệ kéo dài đến 3 giờ sáng. Sau đó chúng tôi còn có mặt thêm vài ngày ở trận địa. Trước ngày lên đường về nước chúng tôi tập hợp tại khách sạn Kim Liên.

Đến sáng Thiếu tá Daica cho chúng tôi biết vào khoảng 5 giờ sáng mai máy bay sẽ cất cánh. Tất cả mọi người đều phấn chấn. Bỗng nhiên vào khoảng 16 giờ có một xe buýt đến khu chung cư của chúng tôi. Từ trong xe bước ra là Thiếu tá Daica và người phiên dịch. Cả hai đều tiến đến chỗ tôi. Thiếu tá cho tôi biết hiện nay bộ phóng tên lửa mà tôi phục hồi lại bị trục trặc: nó không quay đồng bộ với ăngten của ca bin "P". Do vậy tôi cần đến ngay trận địa và khắc phục sự trục trặc mới nảy sinh.

Trận địa ở cách Hà Nội khoảng một giờ rưỡi đi xe. Tiểu đoàn đã triển khai trong một vườn chuối. Người ta nóng lòng chờ đợi tôi. Tôi lập tức bắt tay vào việc. Chẳng có gì đặc biệt phức tạp trong việc tìm ra và khắc phục sự cố, trên bộ phóng bộ ly hợp truyền đã bị lỏng. Để hiệu chỉnh nó chỉ cần vài phút. Sau khi kiểm tra bộ phóng đồng bộ với hệ thống ăngten và hướng dẫn thêm cho người chỉ huy khẩu đội, tôi sửa soạn ra về, nhưng người ta lại giữ tôi lại.

Toàn thể khẩu đội tỏa về các phía, họ lôi từ đâu ra những chiếc bàn, những chiếc bạng, tạo thành một chiếc bàn dài để tiến hành một tiết mục gì đó. Trên bàn có rượu Lúa mới (chúng tôi gọi nó là "rượu gạo"), bia, nước khoáng, các thức nhắm. Mọi người đã nhanh chóng ngồi vào bàn. Thế là bắt đầu bữa tiệc chia tay. Tất cả các bạn Việt Nam đã cảm ơn tôi, hỏi han về gia đình, về nhà cửa và v.v.. Sau đó họ tặng cho tôi 12 chiếc nhẫn rất đẹp làm bằng nhôm lấy từ các ống trên các máy bay Mỹ bị bắn rơi. Họ đeo ngay 10 chiếc nhẫn lên các ngón tay của tôi, tôi bỏ 2 chiếc còn lại vào túi. Cuối cùng chúng tôi chia tay và tôi quay về khách sạn Kim Liên.

Khi chúng tôi quay trở về khách sạn thì trời đã tối. Chúng tôi cho xe chạy chậm, không bật đèn. Chúng tôi đến một điểm dân cư nào đó. Trong túi tôi có 15 đồng Việt Nam, không có lý gì đem nó về nước. Dọc đường đi, tại một quán cà phê tôi đã dùng số tiền ấy mua 5 chai rượu vang nhãn hiệu "Đồng Tháp".

Đến gần nửa đêm tôi về đến khách sạn Kim Liên. Tại đó hầu như không có người nào ngủ cả: mọi người sốt ruột chờ đến sáng và chờ đợi giờ phút cất cánh, vì phía trước là ngày gặp lại Tổ quốc. Cho đến sáng mọi thứ uống có cồn đều được uống hết với bạn bè. Gần 5 giờ sáng một xe buýt đến đưa chúng tôi ra sân bay.

Ra tiễn chúng tôi có Thiếu tá A. B. Dai ca và viên chỉ huy tiểu đoàn tên lửa, Đại úy Iu. P. Bôgdanốp. Dĩ nhiên, mặc dù đã hết sức cố giấu nỗi hồi hộp, nhưng chúng tôi vẫn hồi hộp: tại nơi đây, trên đất Việt Nam đã có biết bao nhiêu điều trải qua. Những bạn chiến đấu của chúng tôi vẫn đang lưu lại nơi đây. Chắc chắn chúng tôi sẽ chẳng bao giờ còn được nhìn thấy họ.

Mọi người đã nhanh chóng vào chỗ ngồi trên máy bay. Sau vài phút máy bay bay về phía biên giới Trung Quốc. Sau 30 phút chúng tôi đã bay trên không phận Trung Quốc và mãi mãi từ biệt Việt Nam. Vậy là đã kết thúc một trong những giai đoạn quan trọng và không thể quên trong cuộc đời binh nghiệp của tôi. Giai đoạn ấy đã có vai trò to lớn trong số phận sau này của tôi.

Thị trấn Lexnôi, tháng 1-2003

\*\*\*

# GLADUNỐP ÉPGHÊNHİ PAVLÔVÍCH

Ông là Phó tiến sĩ kinh tế, cố vấn ngoại giao cấp 1, viện sĩ Viện Hàn lâm quốc tế các công trình nghiên cứu hệ thống.

Ông sinh ngày 4-4-1931 tại thành phố Bixơ thuộc miền An tai. Bắt đầu cuộc đời lao động, ông làm công nhân từ năm 1943.

Năm 1963 ông tốt nghiệp Học viện quan hệ quốc tế Mátxcova thuộc Bộ Ngoại giao Liên Xô.

Từ năm 1963 đến năm 1965 là tùy viên, sau đó là Bí thư thứ ba, và từ năm 1974 đến năm 1978 là Tham tán công sứ của Sứ quán Liên Xô tại Việt Nam.

Trong những năm 1965 - 1974 là chuyên viên của Ban đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Đã nhiều lần có mặt tại Việt Nam trong những chuyến công tác.

Từ năm 1978 đến năm 1991 là Vụ trưởng Vụ các nước Đông Dương thuộc Ban đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

Từ năm 1991 là Chủ tịch Hội hữu nghị Xô - Việt. Năm 2004 được bầu làm Chủ tịch Hội liên hiệp hợp tác quốc tế của Liên bang Nga.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Hữu nghị giữa các dân tộc, Huy hiệu Vẻ vang, các Huy chương Vì lao động xuất sắc trong cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại 1941 - 1945; 50 năm Chiến thắng trong cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại 1941 - 1945; Lao động lão thành. Ông được tặng thưởng Huân chương Hữu nghị, Huân chương Lao động hạng 1 và hạng II và các Huy chương của Việt Nam

# QUĂNG ĐỜI KHÔNG THỂ NÀO QUÊN CỦA TÔI

Theo tôi, viết hồi ký là công việc khá khó khăn. Không chỉ vì phải lục lọi các tài liệu lưu trữ trong lớp bụi, tìm kiếm những ghi chép cũ, khẳng định và làm rõ thêm những sự việc nào đó, những ngày tháng, những tình tiết. Mà còn vì trong những tìm kiếm ấy ta cảm nhận được một cách đặc biệt rõ ràng thời gian trôi đi rất nhanh. Thật vậy, khi ta nhìn vào những bức ảnh cũ, những trang ghi chép ngày xưa trong các cuốn nhật ký, bỗng nhiên ký ức buộc ta quay trở về quá khứ, ta bắt đầu nghĩ về nhiều dự định đã không được thực hiện. Những suy nghĩ ấy đã xuất hiện trong tôi khi tôi bắt đầu viết các bài báo kể về những ngày công tác xa xưa của tôi tại Việt Nam.

Rõ ràng mỗi con người đều trải qua con đường đời của riêng mình. Con đường ấy không giống đường đời của người khác. Đúng như vậy, nhưng rõ ràng điều chủ yếu lại ở chỗ khác: con đường đời ấy sẽ để lại dấu tích gì trong ký ức của người thân, trong ký ức của mọi người. Đó có phải là một luống cày sâu hay chỉ là một vết xước khó nhận biết mà bụi thời gian sẽ che phủ mất rất nhanh.

Vào những năm 60 của thế kỷ XX chúng tôi còn là những nhà ngoại giao trẻ tuổi, hôm qua vừa mới tốt nghiệp Viện quan hệ đối ngoại Mátxcova và cũng vừa mới tới Hà Nội công tác. Chúng tôi vẫn còn có thói quen trình diễn các tiết mục văn nghệ nghiệp dư và diễn những tiết mục của Câu lạc bộ những người vui tính và tháo vát, các vở kịch ngắn trong câu lạc bộ của Sứ quán chúng tôi. Dĩ nhiên, tất cả những tiết mục văn nghệ nghiệp dư và những buổi trình diễn các tiết mục của Câu lạc bộ những người vui tính và tháo vát ấy đã phai mờ trong ký ức; ngoại trừ một số tình tiết. Chỉ còn nhớ lại sự hài hước bất tận của những vở kịch thời thanh niên ấy và khẩu hiệu chính của những vở diễn ấy là: “Những ai tháo vát thì làm việc ở Pa ri, còn tất cả những ai vui tính thì làm việc ở Hà Nội”.

Tại thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày ấy bao trùm bầu không khí tĩnh lặng, ngoại giao đoàn không đông đảo, chủ yếu gồm sứ quán các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu và châu Á. Thành viên của các đoàn ngoại giao ấy còn trẻ tuổi, do vậy chúng tôi đã sớm làm quen với nhau.

Tôi đã đến Hà Nội sau lần làm việc với đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu, thăm chính thức Liên Xô vào hồi tháng 7-1961. Do vậy tôi đã có được khá nhiều người quen trong Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngoài việc đọc và tìm hiểu qua báo chí địa phương, tất cả những điều đó đã giúp tôi nhanh chóng tìm hiểu đất nước Việt Nam, có thêm những người bạn mới và những người quen mới.

Vào đầu năm 1965 các cán bộ trẻ của Sứ quán Liên Xô, cùng với các đồng chí lớp trên trong Sứ quán và cùng với những bạn Việt Nam cũng trẻ tuổi như chúng tôi và mới hôm qua còn là những bạn đồng môn với chúng tôi, đã tiến hành Lễ kỷ niệm 15 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô. Chúng tôi hồi tưởng những lần chúng tôi đi xe lửa từ Mátxcova đến Hà Nội, xuyên qua toàn bộ đất nước Liên Xô và Trung Quốc, thay đổi chỗ ngồi trên các toa xe tại biên giới Xô - Trung và biên giới Việt - Trung. Chúng tôi đã mơ ước đến ngày mở đường bay sấp tới Mátxcova - Hà Nội sẽ tạo điều kiện cho chúng tôi đi lại bằng máy bay và không phải nghe suốt hai tuần lễ những tiếng lách cách của các bánh xe lửa. Cảnh vật thường xuyên thay đổi, thấp thoáng sau các ô cửa sổ. Thoạt đầu đó là cảnh tượng thú vị, nhưng sau đấy làm cho người ta nhanh chóng mệt mỏi.

Bắt đầu viết hồi ký từ đâu? Cần nêu bật những giây phút nào trong quãng đời “Việt Nam” của tôi trong vô vàn những sự kiện lớn nhỏ, những cuộc gặp gỡ và những công việc đan kết chặt với nhau và tạo nên thực chất cuộc sống của chúng tôi?

Số là, chuyến công tác đầu tiên của tôi đến Việt Nam năm 1962 đã liên quan đến một vài sự việc còn lưu lại trong ký ức tôi trong nhiều năm. Sự việc thứ nhất là chuyến du ngoạn cùng với một người bạn Việt Nam. Trong lần làm quen đó anh ấy cho tôi biết rằng anh ấy làm nghề luật sư và đang trở về nước sau chuyến công tác đến một số nước châu Âu. Anh ấy nói chuyện rất hay và là một con người rất thú vị. Tuy nhiên, cuộc gặp gỡ ấy lẽ ra chỉ là một câu chuyện nhỏ



trên đường, nếu không có một chi tiết thú vị: sau nhiều năm tôi gặp lại người bạn đường xa xưa ấy. Anh ấy hỏi về tình hình công việc của tôi, làm tôi kinh ngạc về trí nhớ của anh ấy. Anh ấy gọi tên vợ tôi, tên con gái tôi mà anh ấy đã cùng trò chuyện ngày xưa ngày xưa trên xe lửa. Tôi kể ra điều này vì trong những năm tôi công tác ở Việt Nam tôi đã nhiều lần lấy làm kinh ngạc về trí nhớ kỳ lạ của nhiều bạn Việt Nam của tôi. Họ kể chi tiết về những sự việc đã qua từ lâu và đôi khi lại là những sự việc không có ý nghĩa gì lắm.

Sự việc thứ hai là thời gian dừng chân ngắn ngủi tại Thiên Tân. Tại đó tôi đã gặp lại anh bạn đồng môn với tôi. Anh ấy đến Trung Quốc sớm hơn một chút để thực tập. Tôi đã cùng với anh ấy, và được anh ấy hướng dẫn nếm thử lần đầu tiên các món ăn Trung Quốc, trong đó có món ăn được nấu từ những con cầu gai. Chúng tôi đã cùng nhau đến Bắc Kinh và đã lưu lại Bắc Kinh mấy ngày đi dạo quanh thành phố, chúng tôi đã đến tham quan các ngôi mộ thời Minh vừa được phát hiện trước đó ít lâu. Sau đó lại lên đường tới Hà Nội. Tôi còn nhớ chuyến đi xe lửa của chúng tôi trên nền đường sắt và qua cây cầu mới xây tạm, vì những nền đường và cây cầu cố định trước đó đã bị phá huỷ nặng nề bởi nước sông Hoàng Hà tràn mạnh vào. Trận lụt năm ấy đã phá huỷ nhiều chục kilômét đường bộ và đường sắt, hàng trăm ngôi làng. Trong nhiều năm tôi vẫn còn lưu giữ những ấn tượng về chuyến xe lửa đi qua khu vực bị ngập lụt ấy. Ở đó lần đầu tiên tôi đã chứng kiến tác động phá huỷ dữ dội của sức mạnh thiên nhiên.

Sự việc thứ ba: những bước chân đầu tiên trên đất Việt Nam và những ấn tượng đầu tiên tại ga biên giới Đồng Đăng đã gặp phải một sự cố buồn: con gái của tôi lúc ấy ở tuổi mẫu giáo, đã chạy băng qua đường sắt, bị vấp ngã và bị gãy tay. Tiếng kêu thét của cháu đã làm tất cả mọi người chung quanh đó nhón nhác - chỉ có bà con Việt Nam chạy tới giúp chúng tôi, khiến vợ chồng tôi lại càng lúng túng hơn, không biết phải làm gì. Nhưng các cán bộ của nhà ga đã nhanh chóng tìm được các bác sĩ. Các bác sĩ đã bôi một loại thuốc nước màu đỏ lên tay con gái tôi và băng bó chặt chỗ đó. Giữa những lời động viên, chúng tôi bước vào toa xe và xe lửa chuyển bánh về Hà Nội.

Cho đến tận cuối năm 1964 công việc tại Sứ quán vẫn diễn ra bình thường. Đã có nhiều cuộc gặp gỡ, những chuyến công vụ ở trên đất nước này cùng với vị Đại sứ và những cán bộ khác của Sứ quán. Ngày ấy ngay ở Hà Nội - chưa kể ở đâu đó nơi tỉnh lẻ - mọi sự xuất hiện của người châu Âu trên đường phố đều làm xuất hiện một tốp những cậu bé tò mò và hết sức hồn nhiên. Chúng nhất thiết chăm chú liếc ngắm, còn những cậu bé bạo dạn nhất thì sờ mó những ông Tây "mũi dài" ấy. Cuộc làm quen ấy thường hay kèm theo những tiếng hô: "Liên Xô! Liên Xô!", mặc dù những câu hô ấy có thể không liên quan đến những công dân Liên Xô. Nhưng đó không phải là điều chủ yếu trong lúc này. Điều chủ yếu là ở chỗ khác: tại Việt Nam thời hiện đại, một Việt Nam đang tiến nhanh trên con đường tiến bộ, có thể chưa nhanh lắm, nhưng đã không còn nữa những nét hồn nhiên đáng yêu, không còn sự giao tiếp cởi mở giữa mọi người, đó cũng đã từng là những nét vốn có trước đây ở các tỉnh lẻ của nước Nga.

Chúng tôi đi ô tô đến khu vực phi quân sự ở Vĩ tuyến 17. Từ những rặng cây chúng tôi nhìn thấy lá cờ có các vạch sọc vàng của chế độ Sài Gòn bay trên bờ bên kia sông Bến Hải. Năm 1963 chúng tôi đã cùng Đại sứ đến dự lễ khai mạc đợt một của Nhà máy thủy điện Thác Bà. Báo chí Việt Nam đã đưa tin về buổi lễ khai mạc ấy. Báo "Nhân Dân" đã đăng bức ảnh chụp buổi lễ khai mạc. Tóm lại, cuộc sống trôi đi một cách bình thản và đều đều.

Tình hình này kéo dài đến tháng 8-1964, khi nổ ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ mà ngày nay toàn thế giới đã biết đến. Các tuần dương hạm của Mỹ đã bắn phá vùng duyên hải Việt Nam, sau đó là những trận ném bom đầu tiên của không quân Mỹ vào vùng mỏ than Hòn Gai. Những sự kiện ấy không chỉ làm chấn động thế giới và Việt Nam, mà còn làm thay đổi hẳn phong cách sống của chúng tôi ở Hà Nội. Ngày ấy người ta thường nói: trên bầu trời Hà Nội đã sục mùi chiến tranh. Trước đó, đối với chúng tôi chiến tranh chỉ tồn tại trong những câu chuyện kể của các thành viên trong ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Đó là đầu năm 1965, khi bầu trời Bắc Việt Nam chỉ mới bị vẩn đục ở ngưỡng cửa của một nguy cơ chiến tranh sẽ nổ ra trong tương lai. Thời điểm ấy Sứ quán chúng tôi đang tích cực chuẩn bị cho chuyến viếng thăm sắp tới của Đoàn đại biểu Liên Xô, do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A. N. Côxughin dẫn đầu.

Cuộc viếng thăm ấy diễn ra đầu tháng 2-1965. Những cuộc gặp gỡ trước đó của các nhà lãnh đạo hai nước, hoạt động tích cực của tất cả các đơn vị thuộc các cơ quan ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật và văn hóa của Liên Xô và của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tạo mọi tiền đề cần thiết cho cuộc viếng thăm ấy, là cuộc viếng thăm sẽ mở ra giai đoạn mới trong mối quan hệ Việt - Xô.

Tôi còn nhớ rõ chuyến viếng thăm ấy của phái đoàn Liên Xô, cuộc đón tiếp phái đoàn tại sân bay Gia Lâm. Trên thực tế tại đó đã có mặt toàn bộ ban lãnh đạo của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, (lúc đó sân bay Gia Lâm là sân bay quốc tế duy nhất của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng sân bay này chỉ có khả năng tiếp nhận những máy bay không lớn như loại IL-14. Vì vậy, đoàn đại biểu Liên Xô do bay từ Mátxcova trên loại máy bay IL-18, nên đã phải hạ cánh xuống sân bay quân sự Nội Bài, từ đó lại bay trên máy bay IL-14 hạ cánh xuống sân bay Gia Lâm).

Tôi sẽ không nói về những cuộc hội đàm, vì trước kia đã có nhiều bài viết về những cuộc hội đàm ấy rồi. Tôi chỉ nói rằng những hiệp định được ký kết nhờ kết quả cuộc viếng thăm ấy đã tạo các tiền đề cần thiết để mở rộng sự hợp tác kinh tế và quân sự - kỹ thuật giữa Liên Xô và Việt Nam. Sự hợp tác ấy đã trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất cho thắng lợi trong tương lai của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam Việt Nam và thống nhất đất nước.

Nhân tiện tôi cũng kể lại rằng gần sáng hôm sau, sau khi phái đoàn Liên Xô tới Việt Nam, giữa đêm tôi đã bị cán bộ trực ban của nhà nghỉ đánh thức dậy và yêu cầu đi ngay. Sau khi tới nơi, tôi được biết có một bức điện từ miền Nam Việt Nam gửi cho ông A. N. Côxưghin và cần dịch ngay bức điện ấy sang tiếng Nga. Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ chào mừng phái đoàn Liên Xô đã đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nêu rõ rằng nhân dân miền Nam Việt Nam đánh giá cao sự giúp đỡ của Liên Xô, coi sự giúp đỡ ấy là “nguồn khích lệ hết sức mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của mình”, đồng thời bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Chính phủ Liên Xô và nhân dân Liên Xô đã dành sự ủng hộ cho nhân dân Việt Nam.

Trở lại cuộc viếng thăm của ông A. N. Côxưghin tại Hà Nội, tôi muốn kể về một sự việc mà hồi ấy các nhà báo không để ý tới nhưng, theo tôi, sự việc ấy đã có vai trò không nhỏ trong sự hình thành những quan hệ thân hữu giữa cá nhân hai nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng của Liên Xô và Việt Nam - giữa ông Phạm Văn Đồng và ông A. N. Côxưghin.

Câu chuyện xảy ra vào một trong những ngày diễn ra cuộc viếng thăm đáng ghi nhớ ấy. Buổi trưa đã diễn cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng buổi chiều thì không có hoạt động nào trong chương trình làm việc. Hồi ấy vị đứng đầu Chính phủ Liên Xô và những nhân vật tháp tùng ông đã nghỉ tại Phủ Chủ tịch ở trung tâm thành phố Hà Nội. Hôm ấy tôi là đại diện của Sứ quán ngồi trực tại đó. Sau bữa trưa mọi người đi nghỉ. Tôi bước ra ngoài hành lang và suy nghĩ xem lấp chỗ trống trong chương trình như thế nào. Bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng chân phía sau lưng, tôi ngoảnh lại và trông thấy ông A. N. Côxưghin. Ông cho biết không muốn ngồi trong phòng, tỏ ý muốn đi dạo quanh vườn bao quanh Phủ Chủ tịch.

Vì Thủ tướng Liên Xô sau bữa trưa muốn nghỉ ngơi, cho nên tất cả các nhân vật Liên Xô tháp tùng ông và các đồng chí Việt Nam cũng tảo về các phòng của mình hoặc đi làm việc. Tôi tìm cách can ngăn ông A. N. Côxưghin không đi dạo hoặc chỉ ít cho phép tôi gọi ai đó trong đội bảo vệ đến. Ông trả lời rằng không nên làm phiền mọi người, rồi bảo tôi đi dạo cùng ông. Dĩ nhiên, tôi không thể tranh cãi với Thủ tướng. Thế là chúng tôi đi tham quan khu vườn.

Ở cổng ra của khuôn viên, tại cái gọi là Cổng Đỏ, nơi có trụ sở của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chúng tôi trông thấy xe ô tô của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, lúc ấy ông trở về làm việc sau bữa trưa. Khi vừa trông thấy chúng tôi, ông bước ra khỏi xe và lấy làm ngạc nhiên hỏi vị đồng nhiệm Liên Xô: “Tại sao đồng chí vi phạm chế độ nghỉ ngơi? Cuối buổi hội đàm đồng chí có nói rằng sau bữa trưa đồng chí sẽ nghỉ trưa cơ mà”

A. N. Côxưghin đáp lại rằng ông muốn nghỉ ngơi một cách tích cực và tìm hiểu đôi chút về

Hà Nội. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đề nghị cùng trò chuyện với ông. Thế là cả hai vị Thủ tướng đã đi về phía Hồ Tây. Trên đường đi, tất cả các nhân vật được gọi là các nhân vật hữu quan của phía Liên Xô và Việt Nam đều đuổi kịp chúng tôi.

Trong đồng giấy tờ lưu trữ riêng của tôi còn lưu giữ một tấm ảnh nghiệp dư khổ nhỏ, ghi lại cuộc đi dạo ấy. Còn có một tấm ảnh như thế đã được công bố nhiều năm về trước trên một tạp chí nào đó của Liên Xô.

Chúng tôi đi dạo dọc đường Thanh Niên (tôi nghĩ, đó là tên gọi con đường ngăn cách hai hồ. Con đường này đã được đắp lên từ thời xưa theo lệnh của một ông vua thích đi dạo quanh hồ vào những buổi chiều). Ông Phạm Văn Đồng đã kể cho vị khách về lịch sử của thành phố và của hồ này. Khi chúng tôi tiến gần nhà thuyền mới được xây dựng, ông đã nhắc tới nó và nói rằng hiện chưa có nhiều thuyền, nhưng nam nữ thanh niên rất thích bơi thuyền trên hồ.

A. N. Côxughin (ông vốn ưa thích bơi thuyền, thích thực hiện những chuyến đi bộ đường dài và nói chung, theo tôi nghĩ, là một người ưa thể thao) đã rất chăm chú nghe những lời kể đó và đã lập tức đề nghị Thủ tướng Phạm Văn Đồng bơi thuyền trên hồ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng là một người ưa thể thao, và người ta bảo rằng hồi trẻ ông đã từng là cầu thủ trong đội tuyển bóng đá của Đông Dương. Một phút suy nghĩ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng sau đó đã vui vẻ ủng hộ sáng kiến ấy. Nhưng những người tháp tùng hai vị Thủ tướng ấy thì chẳng hào hứng chút nào với sáng kiến ấy. Những lời khuyên can tập thể của chúng tôi về việc từ bỏ ý định bơi thuyền đã vô hiệu.

Hai vị thủ tướng say mê thể thao. Họ ngồi vào hai chiếc thuyền nhỏ, thuộc kiểu thuyền cá nhân (vào thời điểm ấy ở nhà thuyền này hoàn toàn chẳng có loại thuyền nào khác). Hai vị đã vui vẻ bơi thuyền. Đội bảo vệ đã lao tới chiếc canô cũ kỹ đậu gần đó. Rất lâu họ mới nổ máy được. Có mấy người nữa, trong đó có tôi, ngồi vào mấy chiếc ô tô vừa tới và đi xe dọc bờ hồ, về phía bên kia hồ. Nơi đó hồi ấy có những biệt thự của chính phủ và chờ đón hai vị thủ tướng bơi thuyền tới. Hai vị Thủ tướng đã bơi thuyền tới đó, tuy mệt nhoài nhưng rất vui. Họ lập tức lên xe và quay về nơi nghỉ. Trên đường hai vị đã trao đổi cảm tưởng về chuyến du ngoạn.

Tôi tin chắc rằng chuyến du ngoạn ngẫu hứng ấy đã có ảnh hưởng rõ rệt đến mối quan hệ sau này của hai vị thủ tướng - họ là những người bạn tốt. Dù sao thì sau này, trong những cuộc gặp gỡ với ông tại Mátxcova hoặc tại Hà Nội, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhiều lần nhắc đến cuộc dạo chơi ấy. Còn ông A. N. Côxughin cũng nhắc tới cuộc du ngoạn ấy hồi tháng 9-1969 khi tôi cùng ông đến Hà Nội để tham gia Lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tôi nhớ lại những cuộc bắn phá đầu tiên của không quân Mỹ vào nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hồi mùa xuân 1965. Một trong những cuộc bắn phá ấy đã xảy ra đúng vào những ngày phái đoàn Liên Xô đang ở thăm Hà Nội. Điều này đã gây ra sự phản đối gay gắt từ phía Chính phủ Liên Xô. Cuộc oanh tạc lần khác đã diễn ra đúng vào ngày sinh của tôi, hồi tháng 4, vì vậy tôi đặc biệt nhớ kỹ. Sự việc xảy ra vào buổi sáng, vào lúc chúng tôi vừa tới nơi làm việc. Đột nhiên vang lên còi báo động "Báo động có máy bay địch!".

Theo chỉ thị cách đó không lâu của Đại sứ, tất cả các nhân viên của Sứ quán, trong trường hợp như vậy phải ẩn nấp trong những căn phòng kín không có cửa sổ, để tránh mảnh bom. Tại tầng một của Sứ quán Liên Xô có hai phòng như vậy. Thay vì thực hiện chỉ thị của vị Đại sứ, tất cả chúng tôi bỏ nhà ra khỏi Sứ quán, quay về nhà để cứu giúp gia đình mình. Vào cái ngày hôm ấy chúng tôi không có lý do để vui cười. Chúng tôi - trong đó có cả tôi - đã chạy dọc theo đường phố giữa những tiếng đạn nổ loạn xạ và những tiếng hô của công an Hà Nội và các đội tuần tiễu của quân đội. Họ tỏ ra có kỷ luật hơn chúng tôi, họ nấp trong các hầm trú ẩn cá nhân đào dọc bên đường, hoặc nấp dưới những tán lá cây.

Mấy ngày sau trận oanh kích ấy, theo chỉ thị của Đại sứ chúng tôi đào hầm trú ẩn tại Sứ quán, vui vẻ đùa với nhau và kể cho nhau hay về việc từng người đã chạy về nhà như thế nào, trong khi ấy các bà vợ và con cái của chúng tôi lại chạy đến nấp dưới mái nhà của Sứ quán. Phải thú thực rằng vị Đại sứ - ông Iliia Xécghêêvích Sécbacốp, bản thân ông đã tham gia cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại - sau sự kiện trên đã mở hội nghị kiểm điểm và như người ta vẫn thường nói, đã "cạo chúng tôi một trận".

Việc xây dựng hầm tránh bom trong khuôn viên Sứ quán, với công sức tập thể của chúng tôi sau giờ làm việc, đã kết thúc một cách hoàn toàn ngoài mong đợi. Cuối cùng thì chúng tôi đã rất vất vả đào được hầm trú ẩn (tại địa điểm vốn là công trường với đồng gạch và rác thải xây dựng) sâu bằng chiều cao của người. Nhưng đêm hôm ấy có trận mưa rào như trút nước và trận mưa đã hoàn toàn làm ngập công trình của chúng tôi. Tất cả mọi người, kể cả vị Đại sứ đều đi đến kết luận cho rằng thật vô nghĩa nếu cứ làm theo kiểu nghiệp dư như vậy.

Mãi sau này, sau khi tôi trở về nước, tại địa điểm ấy đã được xây dựng lên một hầm trú ẩn vững chắc thật sự. Tôi đã từng trú ẩn trong hầm tránh bom ấy cùng với anh chị em nhân viên Sứ quán Liên Xô để tránh máy bay Mỹ trong những lần tôi sang Hà Nội sau đấy.

Chẳng bao lâu sau đó đã diễn ra những cuộc oanh kích liên tiếp nhau vào ban đêm. Đó không chỉ là tiếng còi báo động khó chịu giữa đêm, mà còn có tiếng súng nổ dữ dội xé toạc bầu trời về đêm thành hàng nghìn hình vuông và những hình đa cạnh chói lòa. Trong một trận oanh kích như vậy, tôi đã không thuyết phục được vợ xuống nơi trú ẩn ở tầng một, còn bản thân tôi lại trèo lên mái nhà để ngắm “vở kịch ban đêm”. Tôi lặng người theo dõi những loạt đạn bắn lên xé toạc màn đêm, ánh sáng chói lòa của các loạt đạn ấy hòa lẫn với ánh sáng của các vì sao, trên cao lần lượt loé lên những chùm sáng của đạn pháo cao xạ nổ và ngay trên đầu tôi có những loạt rốc két nổ do máy bay Mỹ bắn xuống.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy cách không xa có những tiếng động xào xạc trong những cành lá của những cây cao phía trên mái nhà. Một tiếng “bịch” khô khốc vang lên ngay bên cạnh, có cái gì đó rơi gần chân tôi. Tôi cúi xuống, bò một đoạn và dùng tay lần theo mái nhà. Đột nhiên tay tôi bị bỏng. Hóa ra, đây là mảnh rốc két. Tôi nghĩ, mảnh rốc két này cũng có thể không rơi trúng mái nhà, mà rơi đúng vào đầu tôi. Tâm trạng của tôi liền thay đổi. Tôi đã quyết định từ bỏ trò trình diễn nghiệp dư ấy và lập tức tụt xuống phía dưới, nấp dưới mái nhà mình. Nhưng tôi vẫn lưu giữ mảnh đạn rốc két ấy rất lâu, về sau nó bị thất lạc mất.

Sau những lần oanh tạc ấy không lâu, Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị sơ tán tất cả phụ nữ và trẻ em thuộc đoàn ngoại giao ra khỏi Hà Nội, trừ những người ở lại vì nhiệm vụ. Trong quyển sổ nhật ký cũ tôi đọc thấy dòng chữ sau đây, được ghi vào tháng 4-1965: “Vợ và con gái đi sơ tán vì lý do máy bay Mỹ bắt đầu bay quá gần bầu trời Hà Nội”.

Đoàn tàu chở phụ nữ và trẻ em “dưới sự hướng dẫn” của một người đàn ông châu Âu duy nhất - đó là một cán bộ của Sứ quán Bungari đã hết hạn công tác tại Việt Nam và cùng gia đình về nước - đã từ từ chuyển bánh rời sân ga Hà Nội. Còn chúng tôi tiễn đưa họ, nghẹn ngào trong hòng, vẫy tay tiễn đưa đoàn tàu khuất dần. Đa số những người đi tiễn đưa đều hiểu rõ cụm từ “sơ tán” với tất cả những hậu quả của nó. Vì nhiều người trong số đó, đặc biệt là trong số các cán bộ Liên Xô, đã từng tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Vài tháng sau cuộc tiễn đưa ấy tôi về nước nghỉ phép, nhưng được giữ lại làm việc ở Mátxcova.

Trong những năm tháng chiến tranh ấy, trên thực tế, hàng ngày - đôi khi vài lần trong ngày, có khi cả ban đêm - ở một khu vực nào đó của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những tiếng còi vang lên báo động cho người dân Việt Nam về những cuộc oanh kích của không quân Mỹ. Sau những cuộc oanh tạc ấy là những ngôi nhà, những trường học, những con đường, những công trình thủy lợi và bệnh viện bị phá huỷ. Tiềm thể tôi cũng nói thêm rằng hồi ấy báo chí Mỹ nhiều lần đưa tin cho biết các máy bay Mỹ chỉ ném bom vào các cơ sở quân sự của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng theo các số liệu của ủy ban điều tra tội ác của Mỹ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì: tính đến tháng 10-1966 các cuộc ném bom của Mỹ ở miền Bắc Việt Nam đã phá huỷ 294 trường học, 74 bệnh viện, 80 nhà thờ và 30 ngôi chùa. Nếu đó là những cơ sở có ý nghĩa quân sự chiến lược, vậy thì liệt những gì vào danh sách các công trình dân sự?

Trong những năm chiến tranh, mãi đến tận năm 1974, khi tôi trở lại làm việc tại Sứ quán Liên Xô ở Hà Nội, tôi đã có dịp mỗi năm vài lần đáp máy bay đến Việt Nam trong những lần tháp tùng các phái đoàn và đi công tác một mình. Trong những chuyến công tác như vậy có nhiều chuyện xảy ra. Nhưng tôi chỉ kể về một chuyến đi như thế. Tháng 3-1967 phái đoàn của chúng tôi, đứng đầu là Chủ tịch ủy ban quan hệ văn hóa của Liên Xô X. C. Rômanốpski, đã đáp máy bay quá cảnh Trung Quốc để sang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hồi đó ở Trung Quốc “cách mạng văn hoá” đã đạt đến đỉnh điểm.

Nói chung, tôi ghi nhớ chuyến đi này vì nhiều nguyên nhân: vì rằng ở mọi nơi phái đoàn chúng tôi luôn được các cảnh binh đeo súng tiểu liên đón tiếp... Và cũng còn vì lẽ trên đường bay trở về Mátxcova, cùng với trên chuyến bay ấy có một họa sĩ mới mở đầu con đường sáng tác của mình, nhưng nay đã nổi tiếng trên toàn thế giới - đó là người trùng họ với tôi - họa sĩ Ilia Gladunốp. Do nghề nghiệp, họa sĩ ấy mang một số lượng khổng lồ giấy vẽ và đến đâu cũng thực hiện các bức ký họa bằng bút chì, trong đó có cả những bức ký họa các nghệ sĩ nghiệp dư đã từng trình diễn cho chúng tôi xem và ca ngợi Mao Trạch Đông giữa tiếng reo hò thán phục của người Trung Quốc.

Tại mỗi sân bay mà chúng tôi được cung cấp đồ ăn thì họa sĩ Ilia Xécghêêvích đều tranh cãi với các nhân viên chạy bàn người Trung Quốc đem món ăn đến cho chúng tôi theo yêu cầu. Tôi yêu cầu các món Trung Quốc, còn họa sĩ Ilia Xécghêêvích thì gọi các món châu Âu. Nhưng các nhân viên chạy bàn Trung Quốc không rõ vì sao cứ luôn luôn nhầm lẫn tôi với họa sĩ: họ mang món ăn do tôi gọi đến chỗ họa sĩ Ilia Gladunốp. Ông ấy lập tức lớn tiếng phản đối rằng ông sẽ không ăn món đó. Họ lại đem món do ông ấy đặt đến chỗ tôi sau đấy, giữa tiếng cười của mọi người, các nhân viên chạy bàn đã ngưng nghịu chuyển đổi các món ăn.

Thời tiết buộc chúng tôi lưu lại Nam Ninh thêm một ngày nữa. Trong thời gian cực chẳng đã phải ngồi không ở Nam Ninh, tôi đã nhờ các cán bộ của Lãnh sự quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sở tại cung cấp một số tờ báo Việt Nam và tôi chăm chú đọc những số báo ấy, tường thuật lại nội dung chủ yếu những gì đã đọc cho các đồng chí của tôi trong phái đoàn. Ví dụ, báo "Nhân Dân" số ra ngày 5-3-1967 đã viết như sau về tỉnh Hà Tĩnh. Tờ báo nêu lên rằng tỉnh này rất nghèo và thường xuyên phải chịu thiên tai (lũ lụt, hạn hán) và viết tiếp: "Ngoài ra, năm 1966 tỉnh này còn gánh chịu những trận đánh phá ác liệt của không quân Mỹ. Trong 6 tháng đầu năm 1966 số lượng lần đánh phá đã tăng hơn 3 lần so với 6 tháng cuối năm 1965. Ngoài những trận bắn phá các bệnh viện, trường học, nhà thờ và chùa chiền, máy bay Mỹ đã ném bom 166 lần vào các công trình thủy lợi của tỉnh này, gây ra thiệt hại đáng kể về vật chất và những hy sinh về nhân mạng".

Chuyến đi này còn được ghi nhớ, vì khi bay đến gần biên giới Việt Nam máy bay của chúng tôi rơi vào một cơn dông cường độ rất mạnh. Vào thời kỳ ấy chúng tôi đi máy bay đến Việt Nam chủ yếu vào ban đêm, tắt các đèn trên thân sườn máy bay, vì ban ngày các phi công Mỹ hết sức đeo bám quấy rầy các máy bay của chúng tôi trên đường bay, thật sự nhòm thẳng vào các máy bay này. Trong những chuyến bay sau này đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôi đã nhiều lần nhìn qua cửa sổ và thấy rõ mặt các phi công Mỹ bay quanh máy bay chúng tôi.

Khi máy bay chúng tôi bay gần đến biên giới Việt Nam trên bầu trời tối đen bỗng vang lên một tiếng ầm hết sức mạnh, làm im bật tiếng động cơ máy bay. Một ánh chớp loé lên sáng chói, làm đau cả mắt. Nó như một thanh kiếm lửa xé toang bầu trời ban đêm. Ghế ngồi của tôi không rõ biến đi đâu mất. Máy bay bị hạ độ cao rất nhiều và đột ngột. Sau cùng là những tiếng kêu hoảng hốt của các cô gái tiếp viên Trung Quốc mà trước đó một giờ đã "chiêu đãi" chúng tôi bằng những đoạn trích trước tác của Mao Trạch Đông. Tất cả tình cảnh ấy đã buộc chúng tôi quên đi những điều nhỏ nhặt hàng ngày trong cuộc sống, chúng tôi bắt đầu vĩnh biệt nhau. Tình hình lúc ấy thật hoàn toàn bi đát. Rồi đột nhiên chúng tôi nghe thấy tiếng động cơ, nghe hết sức phấn chấn! Hoan hô! Thế là máy bay của chúng ta vẫn bay

Trong nhật ký của tôi có đoạn ghi rất ngắn về sự cố này: "Khoảng 30 phút trước lúc hạ cánh, thiên nhiên đã đón chào chúng tôi nồng nhiệt. Thoạt đầu ở mạn bên phải máy bay, bầu trời như bị vỡ làm đôi, còn tia lửa ngoằn ngoèo của sét đã ngược nhìn chúng tôi với vẻ hung dữ. Sau đấy, người đẹp ấy thấp thoáng phía bên trái với tiếng nổ hết sức mạnh mà tiếng vang rền của nó còn theo đuổi chúng tôi mãi".

Sau cuộc thử thách ấy chúng tôi hạ cánh xuống sân bay Hà Nội trong tình trạng hoàn toàn kiệt quệ. Cũng khó nhận ra tổ lái Trung Quốc - họ cũng rất khó nhọc bước ra khỏi máy bay.

Sau khi ổn định nơi nghỉ tại khách sạn, chúng tôi đã quyết định đi dạo quanh Hà Nội vào buổi tối. Tôi lại trở lại đọc cuốn nhật ký cũ nát. Trong đó có đoạn ghi: "ở đây tôi phải thú thật rằng sau Nam Ninh tôi đã đến Hà Nội như trở lại nhà mình. Tôi cho rằng nguyên nhân chủ yếu của cảm nhận này là: tại đây tôi được gặp lại nhiều người quen. Cảm tưởng trước hết về buổi

tối ở Hà Nội là tựa hồ như không có chiến tranh và hòa bình đang ngự trị trên đất nước Việt Nam. Chỉ có một cảnh đập vào mắt là trên đường phố có rất ít người, có ít thanh niên mà trước kia thường sống đôi bên nhau đi dạo quanh hồ Hoàn Kiếm. Có một dấu hiệu nữa của chiến tranh - chung quanh hồ này có nhiều hầm tránh bom, những tường nhô cao của những hầm này luôn đập vào mắt. Một sự sắp xếp lại cho phù hợp với hoàn cảnh.

Tình hình ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quả thật rất phức tạp. Đại sứ Liên Xô I. X. Sécbacốp cũng cho chúng tôi biết tình hình này trong buổi gặp gỡ với phái đoàn chúng tôi. Các đồng chí Việt Nam cũng nói đến điều đó. Những cuộc bắn phá của không quân Mỹ vẫn tiếp diễn - mỗi ngày có 150 - 250 lần chiếc máy bay. Mặc dù những chiến sĩ bảo vệ Việt Nam có tinh thần chiến đấu cao, nhưng sự mỗi mệ về tâm lý, tình trạng thiếu ngủ thường xuyên, khó khăn về lương thực - tất cả những yếu tố ấy đã tác động đến tâm trạng của dân chúng. Có nhiều người bắt đầu bộc lộ hoài nghi về khả năng chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Điều này cũng được những người trò chuyện với chúng tôi không giấu giếm nói ra tại Hà Nội, cả trong lần về Nam Định.

Nhân tiện xin nói, ngay vào thời gian ấy trong cuộc trò chuyện với tôi, giáo sư Chung (TIOHR), chuyên gia nổi tiếng về khoa thần kinh hồi ấy tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã nêu ý kiến cho rằng những cuộc ném bom thường xuyên cả ngày lẫn đêm đã làm cho mọi người kiệt quệ, thời gian gần đây đã gia tăng mạnh số người mắc các bệnh thần kinh, đặc biệt trong các trẻ em. Vì thiếu lương thực, tình trạng suy dinh dưỡng cũng khá phổ biến.

Ban lãnh đạo của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa biết rõ những vấn đề ấy và đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức đời sống và lao động của mọi người trong những điều kiện thời chiến hết sức khó khăn. Đầu năm 1967, trong bài phát biểu tại tỉnh Thái Bình, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh đã nói như sau: "Việc phòng không nhân dân phải làm tốt hơn nữa. Địch càng thua càng liều lĩnh. Chiến tranh có thể còn gay go hơn. Cho nên phải đào nhiều hầm hào để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân". Tại từng gia đình, tại nơi sản xuất, hễ ở đâu có người thì đều phải có hầm trú ẩn. Cần tổ chức ở khắp mọi nơi các đội cấp cứu, các đội cứu hoả, đảm bảo kịp thời chuyển những người bị thương vào bệnh viện. Các đội dân quân tự vệ phải trở thành nòng cốt và người khởi xướng toàn bộ công tác này.

Bài phát biểu này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được đăng trên báo "Nhân Dân", số ra ngày 17-1-1967. Tôi dẫn ra bài phát biểu này vì tôi đã đọc nó trên đường từ Hà Nội đến Nam Định. Nội dung bài phát biểu này hoàn toàn khớp với những gì tôi đã nhìn thấy và nghe thấy. Do vậy, nó gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt.

Ngày 26-3 tôi ghi những dòng dưới đây trong nhật ký: Vào lúc 15 giờ đã bắt đầu cuộc hội đàm chính thức tại trụ sở ủy ban liên lạc văn hóa. Sau đó ít phút người ta loan báo máy bay Mỹ cách Hà Nội 20 km. Còi báo động rú lên. Các đồng chí Việt Nam khẩn thiết đề nghị chúng tôi xuống hầm trú ẩn. Cuộc bắn phá kéo dài 40 phút. Chúng tôi không muốn ngồi trong hầm trú ẩn theo yêu cầu của các đồng chí Việt Nam và chỉ đứng cạnh đó thôi. Chúng tôi nhìn thấy những chiếc máy bay bay qua và nghe thấy tiếng bom và đạn rốc két nổ, cũng như những loạt súng máy phòng không và pháo cao xạ nổ chát chúa. Chúng tôi đã đội những chiếc mũ sắt do phía Việt Nam phát và thậm chí đã chụp ảnh.

Sau khi báo yên, Chủ tịch ủy ban liên lạc văn hóa là ông Thuận (Txyah) đã nói đùa: "Ngài Giôn-xơn đã thu thuế 40 phút của chúng ta, là khoản thuế trả về bước mở đầu cuộc hội đàm".

Dù gì đi nữa, nhưng cuộc hội đàm về hợp tác văn hóa giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô đã mở đầu từ cuộc tránh bom. Đối với tôi, tất cả những cái đó như có ý nghĩa biểu tượng: chiến tranh đang diễn ra. Vậy mà chúng tôi lại tiến hành hội đàm về hợp tác văn hóa và khoa học. Chắc chắn điều này chứng tỏ chúng tôi đã tin vào thắng lợi chung của chúng tôi. Nhân tiện xin nói, sang ngày hôm sau tôi ghi những dòng sau đây: "Cả ngày hôm qua chúng tôi đã có cuộc hội đàm khó khăn, kéo dài tới tận đêm. Trên bầu trời Hà Nội đã có 3 máy bay bị bắn hạ".

Đặc biệt cần kể về chuyến đi đến thành phố Nam Định. Chúng tôi khởi hành từ Hà Nội ngày 27-3-1967, đi trên 2 chiếc ô tô, có đội bảo vệ đi theo. Thật ra xe đã phải chạy suốt đêm, mặc dù quãng đường đến Nam Định chưa đến 100 km. Theo lộ trình, chúng tôi phải đi qua thị xã Phủ

Lý. Chung quanh khu vực này có các khẩu đội pháo cao xạ bảo vệ bầu trời Hà Nội. Cho nên Mỹ đã ném bom đặc biệt tàn khốc khu vực này. Nhật ký ghi như sau: “Phủ Lý là địa danh Lidixe (tên một thành phố bị tàn phá khủng khiếp trong Chiến tranh thế giới thứ hai - BT.) ở Việt Nam. Hiện nay trong thị xã này không còn một bóng người. Mọi nhà cửa đã bị phá hủy. Tất cả dân cư đã rời khỏi thị xã. Anh tài xế trên xe chúng tôi kể rằng Mỹ đã ném bom Phủ Lý suốt mấy ngày liền”.

Chúng tôi không được phép đi ngang qua thị xã Phủ Lý, vì theo lời của các chiến sĩ bảo vệ chúng tôi thì tất cả các cây cầu trong thị xã này đều đã bị phá hủy và đi qua thị trấn ấy vào ban đêm là không an toàn. Khi xe chúng tôi đến gần Phủ Lý thì chúng tôi bị kẹt trong cuộc tập kích dữ dội. Sự việc xảy ra như sau: Chúng tôi đi trên con đường nham nhở hố bom, nắm chặt vào tay vịn trên xe và bám chắc vào nhau để không văng ra khỏi xe. Cả lúc này, cả trong những lần sau đó đến Việt Nam trong thời chiến, tôi đều rất ngạc nhiên trước tài năng của các chiến sĩ lái xe Việt Nam. Họ có thể lái xe trong bóng tối của đêm miền nhiệt đới, với ánh sáng tối thiểu của một đèn pha - ít khi cả hai đèn sáng - có chụp đèn che kín.

Đọc đường, phía bên dưới các hàng cây, thường lập loè ánh sáng le lói của những con đom đóm. Có người trong phái đoàn nói rằng trong rừng nhiệt đới có nhiều loài côn trùng phát ra ánh sáng. Nhưng trong trường hợp này không phải là những con đom đóm, mà đó là những đội tuần tra thanh niên trực đêm. Họ được trang bị bằng những cây đèn dầu bé nhỏ được làm từ vỏ đạn súng máy cỡ lớn. Những chàng trai và những cô gái đi tuần tra dọc suốt con đường.

Đến gần Phủ Lý họ buộc chúng tôi dừng xe và cho biết không thể đi tiếp vì sắp đến giờ máy bay địch oanh tạc. Ngay lúc ấy chúng tôi nghe thấy tiếng ầm ầm của những chiếc máy bay đang đến gần. Đột nhiên, ngay phía trên đầu chúng tôi vụt sáng lên một quả pháo sáng do máy bay thả xuống. Chắc chắn tôi sẽ không bao giờ quên được thứ ánh sáng trắng bệch, chói lòa làm đau nhức mắt, chỉ muốn lập tức vùi đầu vào nền đường. Cả hai chiếc xe của chúng tôi đã rẽ ngoặt - một cách kỳ lạ, gần như ngay tại chỗ - và lập tức ẩn dưới rặng cây. Các chiến sĩ trong đội tuần tra chộp lấy tay chúng tôi và lôi vào ẩn nấp dưới tán cây.

Ngay vào giờ phút ấy đã mở màn “buổi hòa nhạc” trong đêm. Một cây cầu nhỏ, cách chúng tôi không xa, mà lẽ ra chúng tôi phải vượt qua đó, đã bay tung lên không trung. Đã nghe thấy những tiếng nổ, xa hơn một chút đã xuất hiện những vầng lửa, làm nổi lên đám khói dày đặc. Bầu trời bừng sáng với những đường đạn bay lên từng loạt, với những loạt rốc két và đạn pháo cao xạ nổ. Đâu đó rất gần đã nghe thấy những mảnh đạn quen thuộc rơi ào ào xuống những ngọn cây quanh chúng tôi. Sau một hồi “buổi hòa nhạc” kết thúc. Trở lại im lặng hoàn toàn. Sự im lặng ấy đặc biệt thật nặng nề trong bóng tối mù mịt. Phải một lúc sau, sau những ánh sáng chói lóa, những con mắt mới lại nhận biết trong bóng tối.

Sau đó chúng tôi lại lên đường, vòng phía sau Phủ Lý. Con đường chạy ngoằn ngoèo trên một địa hình bằng phẳng. Lần đầu tiên tôi đi trên một con đường như thế, và dĩ nhiên, tôi ngạc nhiên nhìn vào những hàng cây hùng dũng được trồng ven đường. Đó là những cây bạch đàn. Có thể giấu cả đàn trâu dưới tán lá một số cây bạch đàn ấy. Chúng tôi đi được chừng 30-40 km thì mãi suy nghĩ về bức tranh hòa bình, tôi ngược nhìn lên bầu trời tối đen về đêm và trông thấy vầng trăng đỏ như bị nung chảy. Trên cánh đồng lúa chạy dọc con đường là những con đom đóm bay lập loè ánh sáng xanh lam hoặc ánh sáng xanh. ánh sáng của những chiếc đèn pha được che đầy thỉnh thoảng lại làm lộ rõ trong bóng đêm những tốp thanh niên đứng bên đường, hoặc bóng một cô thôn nữ trở về nhà sau một ngày lao động, hoặc một con trâu. Tất cả đều tạo thành bức tranh yên bình và hòa bình, tựa hồ như chưa diễn ra cuộc bắn phá vừa rồi, tựa hồ như chưa xảy ra những cuộc bắn phá của máy bay và đạn pháo của Mỹ trên mảnh đất yên lành này.

Tôi bừng tỉnh khỏi trạng thái yên bình ấy khi nghe thấy giọng nói khe khẽ của người lái xe. Hình như anh ta cũng đang suy nghĩ điều gì đó rồi nhìn lên vầng trăng, nói to:

- Ngày trước các cụ già của chúng tôi thường nói: gấu ăn trăng và coi đây là điềm xấu. Khi tôi hỏi điều đó có nghĩa là gì thì người lái xe trả lời rằng có thể thời tiết sẽ xấu hoặc sẽ xảy ra điều bất hạnh. Các cụ bô lão đã giải thích như vậy.

Câu chuyện ấy đưa tôi trở lại hiện tại. Tôi nghĩ, họ làm tất cả những cái đó để làm gì? Vì điều gì mà ngày mai phi công Mỹ phải bay đến nơi này và ném bom xuống mảnh đất xa lạ đối với người phi công ấy, một mảnh đất đang đem lại nước uống và thức ăn cho một dân tộc tốt bụng, dũng cảm và yêu chuộng hòa bình? Vì sao mà các em bé hiện đang đứng bên đường và tò mò nhìn theo xe của chúng tôi, nhưng ngày mai chúng sẽ lại phải ẩn nấp trong hầm trú ẩn khi có báo động? Vì sao và trên cơ sở luật pháp nào mà tên phi công Mỹ ấy lại có thể cướp đi tuổi thơ và cuộc sống của các em đó?

Chúng tôi đã bắt đầu thấm mệt, trong xe mọi người không còn chuyện trò nữa. Khi đến gần Nam Định, một đồng chí Việt Nam ngồi cạnh tôi hỏi xem trước kia tôi đã có lần nào đến thành phố này chưa? Tôi trả lời rằng đã đến đó vài lần, đã đến thăm Nhà máy dệt Nam Định nổi tiếng trên toàn Việt Nam. Đáp lại, đồng chí ấy bảo: Vậy thì anh đã biết khách sạn lớn của thành phố này. Khách sạn này được xây dựng từ những năm 30 của thế kỷ XX. Chúng ta sẽ nghỉ tại đó, tắm rửa, ăn sáng và sẽ nghỉ ngơi. Sau bữa trưa chúng ta sẽ tham quan nhà máy dệt.

Tôi nhớ lại khách sạn cổ duy nhất và khá tiện nghi của thành phố này. Quả thật ở khách sạn này có thể nghỉ ngơi tốt.

Đến rạng sáng chúng tôi tới thành phố Nam Định. Chỉ còn cách thành phố ấy khoảng 3 -5 km thì bỗng nhiên nghe thấy còi báo động rú lên và một đội tuần tra của thanh niên bước ra từ bụi cây và dừng xe chúng tôi lại. Trong khoảnh khắc xe của chúng tôi đã ngoặt vào bóng cây chúng tôi được đưa đến một căn nhà tranh tuềnh toàng. Đây là nhà khách địa phương ở nơi sơ tán. Bên trong là một căn phòng lớn có chiếc bàn lớn đặt ở giữa. Dọc theo tường là những chiếc giường được sắp đặt gọn gàng.

Bất giác tôi muốn trở lại những dòng nhật ký cũ. Những dòng ấy ghi như sau: "... tôi viết những dòng này nhờ ánh sáng đèn dầu của nhà khách ở nơi sơ tán. Nhà khách này tọa lạc trong một hợp tác xã nông nghiệp". Chúng tôi đã ngạc nhiên không ít khi nhìn thấy dưới bàn có một đường hào khá sâu. Có thể đi theo cái hào ấy để nhanh chóng rút ra khỏi đó và chạy đến một hầm trú ẩn cách đó không xa.

Nhân thể xin nói thêm rằng cả phía bên dưới chiếc giường mà người ta dành cho tôi để nghỉ ngơi cũng có một cái hầm cá nhân. (Theo lời của người cán bộ đại diện cho tỉnh ủy đón tiếp chúng tôi thì một người phải mất nửa ngày mới đào xong chiếc hầm cá nhân có ống thông hơi. Nói cách khác, trong một ngày lao động một người có thể đào được hai cái hầm trú ẩn cá nhân. Theo lời người cán bộ ấy, năm 1966 đã có hơn 100 héc ta được dùng vào các công trình quốc phòng. Việc đó được thực hiện trong điều kiện diện tích ruộng đất cày cấy rất có hạn ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa!) Chung quanh nhà khách ngẫu nhiên ấy của chúng tôi có những cây anh đào Nhật Bản, với thân cây mảnh mai vươn lên cao. Mùi hương thoang thoang của hoa anh đào gợi cho tôi nhớ đến ngôi nhà của chúng tôi ở Xibiri. Tại đó hồi còn thơ ấu tôi đã cùng mẹ tôi trồng vài bụi tử đinh hương.

Khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn, mỗi người đều được phát một hộp nhỏ chứa những thức ăn đơn giản - gà rán, khoai tây luộc cả vỏ và mấy quả trứng. Giống như thể chúng tôi đang ngồi không phải cạnh thành phố bị tàn phá, đến đó thật nguy hiểm, mà giống như là một cuộc du ngoạn dã ngoại ra ngoại thành. Nhưng chúng tôi không muốn ngồi lì trong căn nhà tranh ấy. Chúng tôi bước ra ngoài, bắt chấp những lời can ngăn của các vị chủ nhà và ngồi dưới tán lá cây quan sát cuộc oanh tạc của không quân Mỹ vào thành phố này (về sau người ta cho chúng tôi biết rằng đến thời điểm ấy thành phố Nam Định đã bị đánh phá 68 lần và gần một nửa thành phố này đã bị phá hủy. Còn các công trình thủy lợi của tỉnh Nam Định thì bị đánh phá gần 170 lần).

Khi quan sát cuộc bắn phá, tôi bỗng nhớ lại cuộc trò chuyện trước đó không lâu tại Hà Nội rằng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề ra những biện pháp bảo vệ sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh. Báo "Nhân Dân" số ra ngày 5-3-1967 đã đăng tin cho biết tỉnh Quảng Bình đã được ủy ban bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh Trung ương thưởng Cờ đỏ luân lưu và bằng khen về hoạt động tốt trong lĩnh vực này. Vâng... tình hình là như thế đó. Có những người tìm mọi cách tiêu diệt cuộc sống, nhưng có những người khác lại tìm cách bảo vệ và duy trì cuộc sống.



Cuộc oanh tạc thành phố Nam Định đã nhanh chóng kết thúc. Máy bay Mỹ đã bay đi. Thế là chúng tôi lại lên xe và đi tiếp. Dưới ánh sáng ban ngày, những khuôn mặt của các đồng chí Việt Nam thắp từng chúng tôi như thể được tạc từ loại cẩm thạch xám, không còn những dấu vết của những nụ cười ngày hôm qua. Họ chỉ nhìn vào con đường, và có cảm giác là họ không nhìn thấy chúng tôi. Tâm trạng của chúng tôi cũng u sầu hết chỗ nói.

Chúng tôi vào thành phố giữa làn khói. Chung quanh hai bên đường các ngôi nhà vẫn cháy, đâu đâu cũng nghe thấy những tiếng la hét và nước mắt. Về sau chúng tôi được biết là do cuộc oanh tạc xảy ra vào sáng sớm, khi mọi người sửa soạn đến nơi làm việc, cho nên có nhiều thương vong. Khi chúng tôi tới gần nhà khách thì thật ra chúng tôi chỉ thấy đồng đồ nát - khách sạn ấy đã bị phá huỷ nghiêm trọng. Anh bạn Việt Nam mới hồi tối hôm trước còn mơ mộng nói đến khả năng chúng tôi nghỉ tại khách sạn ấy thì nay đã bước ra khỏi xe, lánh sang một bên và hoàn toàn im lặng hồi lâu. Anh bạn ấy nghĩ gì thì chỉ có Thượng đế mới biết. Nhưng khi quay trở lại xe, anh ấy đã trở nên già đi rõ rệt.

Chúng tôi được đưa đến một nhà khách khác. Tại đó chúng tôi nghỉ ngơi chút ít và ăn sáng. Sau đấy theo chương trình, chúng tôi đến thăm Nhà máy dệt Nam Định. Đến đây tôi lại muốn trở lại một đoạn viết tay trong nhật ký. Đoạn nhật ký này có đầu đề "Bông màu đen" và được tôi ghi lại mấy ngày sau khi thực hiện chuyến đi nêu trên: "Trên tay tôi là một vốc những sợi bông bị cháy sém. Tôi không biết nó được chở từ đâu đến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - từ Liên Xô hay là từ Cộng hòa Ả-rập thống nhất. Vả lại, đó không phải là điều chủ yếu. Điều quan trọng là những sợi bông ấy được sản xuất ra bởi những bàn tay cần cù của người nông dân và được các thủy thủ Liên Xô chở tới hoặc được một con tàu của nước khác chở tới để những người thợ dệt Việt Nam có thể cung cấp cho nhân dân nước mình những thước vải đẹp.

Nhưng lần này những thợ dệt đang thận trọng lựa chọn những đồng bông đã cháy sém còn đang nóng bỏng. Họ gỡ những sợi bông đã cháy sém và cố cứu vãn phần còn lại của kiện bông. Họ chẳng cần có thêm ánh sáng, ánh sáng như vậy đã đủ ánh sáng đến từ nguồn sáng chung - mặt trời, ánh sáng ấy đã dễ dàng xuyên qua những mái nhà bị phá huỷ để chiếu rọi cho họ. Những phần mái nhà còn sót lại nằm vương vãi trên sàn nhà, đôi chỗ những mảnh mái nhà ấy đã che đỡ cho những đường hào được đào ngay giữa phân xưởng.

Tưởng chừng như phân xưởng bị phá huỷ và trơ trọi ấy, với những chiếc cột cô quạnh của mình, đã cầu xin mọi người hãy giúp nó che đậy sự trơ trọi của nó. Thế nhưng những người nữ công nhân ngồi quanh những kiện bông lớn đã bị cháy sém thì tưởng như họ không cảm nhận thấy những sự bất tiện ấy và hồ hởi làm việc bằng đôi tay của mình". Tuy nhiên, tại nhà máy dệt này, cũng như ở khắp nơi tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giờ đây phần lớn công nhân là phụ nữ. Đã có nhiều bài viết về chủ nghĩa anh hùng của họ. Tuy vậy, tại đây, tại nhà máy này tôi lại nghĩ suy về gánh nặng to lớn mà chiến tranh đã trút lên những bờ vai mảnh mai ấy. Thật ra, đã có lần tôi thử kiểm tra độ bền của những đôi vai ấy, khi tôi quấy trên vai chiếc đòn gánh với hai thúng lúa. Ôi chao ôi? Quả thật rất bất tiện. Nhưng tôi phải công nhận rằng tôi đã không thể di chuyển một cách dễ dàng và uyển chuyển với tải trọng nặng gần 60 kg như một phụ nữ có tuổi đã làm, người mà tôi đã yêu cầu để tôi gánh hộ.

Song điều tôi muốn nói lại hoàn toàn không phải như vậy. Kiện bông bị cháy sém đã làm trời đây trong tôi những ký ức hoàn toàn khác. Trước mắt tôi là những phân xưởng bị phá huỷ của Nhà máy dệt Nam Định, nơi đã lộ ra bầu trời xám xịt ảm đạm được chiếu rọi qua những mái nhà bị tàn phá. Nhân thể xin nói, nếu bầu trời xanh thì có nghĩa là hãy chuẩn bị chờ đợi sự có mặt của những vị khách không mời...

Không lâu trước ngày chúng tôi đến thăm thành phố Nam Định, tại trung tâm thành phố này đã dựng đài tưởng niệm những nạn nhân của khu tập thể công nhân. Chúng tôi đứng cạnh đài tưởng niệm này. Ngược nhìn tấm bia khiêm tốn ấy tôi nghĩ rằng cũng như ngày hôm nay, tại đài tưởng niệm ấy những đóa hoa thể hiện tình thương yêu và quý trọng của nhân dân sẽ đòi đòi xanh tươi và lấp lánh trong ánh mặt trời nhiệt đới. Nhưng, như dòng nhật ký ngày ấy của tôi đã ghi, tôi không tin chắc rằng sẽ có những bông hoa trên mồ tên phi công Mỹ đã theo mệnh lệnh của các viên tướng của mình đến oanh tạc và ném bom thành phố này. Dĩ nhiên, đã mấy chục năm qua đi từ sau sự kiện ấy, giờ đây tôi đã có những suy nghĩ khác, bình thản hơn.

Trong trường hợp này tôi quyết định không đung vào những dòng ghi trong cuốn nhật ký ngày xưa. Hãy để cho bạn đọc phán xét xem những suy nghĩ của chúng tôi lúc đó có đúng hay không.

Tôi có ấn tượng đặc biệt về chuyến đến thăm một bệnh viện sơ tán ra khỏi thành phố và được đặt dưới lòng đất, cách thành phố Nam Định không xa. Chỉ có vài phòng nhỏ, nếu có thể gọi như vậy về những căn buồng ấy dưới lòng đất. Tại một phòng như thế, dưới ánh sáng của bóng đèn điện phía trên chiếc bàn, đã diễn ra cuộc phẫu thuật. Chúng tôi không vào đó mà chỉ nhìn vào qua tấm phong màu trắng. Ở trong một phòng khác, còn nhỏ hơn, có một ông trung niên, vã mồ hôi, ngồi trên một chiếc xe đạp và guồng pèdan làm quay đinamô phát điện cho phòng mổ. Phái đoàn chúng tôi không thể lưu lại đó lâu được. (sau đó nhiều năm tôi nhớ lại bệnh viện ấy khi tôi có mặt tại khu tam giác thép” Củ Chi cách Sài Gòn không xa. Tại đó tôi đã xuống những ngách hầm địa đạo để xem trước kia các du kích Nam Việt Nam đã sống và chiến đấu như thế nào).

Tôi không thể không dẫn ra đây một đoạn ghi chép nữa trong cuốn nhật ký: “Chu Thị Hoa - cô gái thuộc một gia đình theo đạo Thiên Chúa. Trước kia cô vẫn đều đặn đến nhà thờ và là một giáo dân mẫu mực. Giờ đây cô ấy là chỉ huy phó của đội dân quân, đã nhiều lần tham gia chiến đấu chống không quân Mỹ.

Sau khi trở về Hà Nội chúng tôi được mời tới dự buổi trình diễn văn nghệ. Buổi văn nghệ này diễn ra tại Nhà hát thành phố và giữa những hồi còi báo động phòng không và tiếng máy bay từ xa vọng lại. Nhưng hội trường vẫn đông nghịt người và không một khán giả nào muốn xuống hầm tránh bom ở bên cạnh. Trong cuốn nhật ký có ghi lại một số tiết mục mà tôi thích. Ví dụ, ca khúc hát về người nữ anh hùng dân tộc của Việt Nam Võ Thị Sáu, do nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn sáng tác. “Phải nghe giai điệu của bài hát này mới hình dung được đầy đủ tinh thần bất khuất của người nữ anh hùng, nỗi đau mất mát và lòng khâm phục trước chiến công của người nữ anh hùng ấy”. Đã có nhiều bài ca và điệu múa được trình diễn trong buổi văn nghệ ấy. Tất cả những tiết mục ấy đều ngợi ca tinh thần dũng cảm và chủ nghĩa anh hùng của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược ngoại bang, ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên của Việt Nam.

Buổi biểu diễn văn nghệ hôm ấy phục vụ những đại biểu tham dự hội nghị cán bộ ngành vận tải của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 29-3-1967 tờ báo thanh niên “Tiền Phong” đã viết như sau: “Ngày 27-3 đã có hơn 600 đại biểu của đội quân 100 nghìn nam nữ thanh niên công tác trong ngành vận tải về Hà Nội tụ hội để kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam”.) Trong quyển nhật ký có đoạn viết: “Tôi không biết tại sao, nhưng tôi ví buổi biểu diễn văn nghệ ngày hôm nay với cuộc trình diễn lần đầu bản giao hưởng số 7 hoặc số 9 của Xôxtacôvích tại thành phố Leningrát lúc ấy đang bị bao vây.

Có thể sự so sánh ấy là không đạt cho lắm, nhưng trong lúc diễn ra buổi biểu diễn văn nghệ trong tôi đã xuất hiện một cảm giác đúng là như vậy. Nên nhớ rằng một nửa miền Bắc Việt Nam đã bị phá huỷ một cách căn bản, vẫn đang diễn ra cuộc chiến tranh ác liệt. Vậy mà tại đây, tại Hà Nội, lại đang diễn ra buổi biểu diễn văn nghệ tràn đầy tinh thần lạc quan. Chúng tôi xem vở vũ ba lê của Thuý Quỳnh - phiên bản Việt Nam của vở “Hồ Thiên nga”. Sau đó nam ca sĩ nổi tiếng của Việt Nam Trần Hiếu đã hát bài hát Liên Xô mà chúng ta đã quen thuộc “Đất nước tôi bao la” đã có thời được nam ca sĩ Mỹ nổi tiếng Pôn Rốp-xơn trình bày. Giai điệu Nga êm đềm ấy đã vang lên dưới bầu trời nhiệt đới của Hà Nội”.

Sau đấy lại diễn ra những cuộc hội đàm, thường bị cắt ngang do những cuộc báo động phòng không và do phải xuống hầm trú ẩn. Tiện đây xin nói rằng trong hầm trú ẩn không khí thật nóng bức và ngột ngạt. Vì vậy, tuy có sự phản đối của các đồng chí Việt Nam, chúng tôi vẫn đứng ở cửa hầm thôi. Chúng tôi không nhìn cười được khi thấy anh chàng phóng viên Nhật Bản, với chiếc micrô giơ xa ra phía trước, cứ chạy quanh chiếc hầm trú ẩn để ghi lại toàn bộ “cuộc trình diễn” trận chiến đấu trên bầu trời Hà Nội.

Ngày 30-3-1967 đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã tiếp phái đoàn chúng tôi. Trong cuộc trao đổi với phái đoàn chúng tôi, đồng chí Lê Duẩn cho biết: Báo chí Việt Nam đưa tin rộng rãi về các chuyến viếng thăm của các đoàn Việt Nam sang Liên Xô và các đoàn Liên Xô sang thăm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí

nói: “Chúng tôi cố gắng làm sao để nhân dân chúng tôi biết rõ về sự giúp đỡ mà Liên Xô dành cho chúng tôi trong cuộc đấu tranh chống cuộc xâm lược của ngoại bang. Hiện nay, khi đất nước chúng tôi đang trải qua thời kỳ rất khó khăn, ở đất nước chúng tôi đã phổ biến rộng rãi các sách báo của Liên Xô kể về cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại, về Cách mạng tháng Mười. Chúng tôi giáo dục nhân dân, đặc biệt giáo dục thanh niên, thông qua những truyền thống anh hùng của nhân dân Liên Xô và của các lực lượng vũ trang Liên Xô. Chúng tôi biết rằng trong những năm Chiến tranh vệ quốc, Liên Xô đã chịu những tổn thất lớn lao. Vì vậy chúng tôi nói với nhân dân nước mình rằng nền độc lập của chúng tôi giành được có sự đóng góp, khích lệ bởi những hy sinh và chiến công của nhân dân Liên Xô”.

Tôi thiết nghĩ, hồi đó đồng chí Lê Duẩn đã trình bày một suy nghĩ thú vị. Đồng chí nói rằng các sinh viên Việt Nam, khi theo học ở Liên Xô, không những thu nhận kiến thức, mà còn hấp thụ nền văn hóa Xôviết mà họ có nhiệm vụ phải truyền lại cho nhân dân nước mình và qua đó góp phần phát triển các quan hệ văn hóa giữa hai nước chúng ta.

Ngày hôm sau chúng tôi rời Hà Nội. Sau khi trở về Mátxcova, đã có không những báo cáo chính thức, mà đã diễn ra nhiều cuộc gặp gỡ, nhiều buổi trao đổi kể về cuộc chiến tranh tại Việt Nam, về hoạt động của các chuyên gia quân sự và dân sự Liên Xô ở đó.

Vào những năm tiếp theo đã có nhiều chuyến công tác đến Việt Nam trong thời chiến. Những chuyến công tác ấy đã để lại những kỷ niệm sâu sắc trong ký ức tôi. Tôi sẽ không viết về tất cả những chuyến công tác ấy. Nhưng tôi cần phải kể về một chuyến công tác. Tôi muốn nói về chuyến công tác hồi tháng 9-1969 của phái đoàn Liên Xô, do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A. N. Côxưghin dẫn đầu, đến Hà Nội dự tang lễ của người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ quốc tế xuất sắc - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hồi đó các đoàn đại biểu từ khắp thế giới đã đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau này tôi đã không có dịp nào được chứng kiến một sự hội tụ các vị khách cao cấp ngoại quốc đông như vậy. Tôi cũng không có dịp nào được nhìn thấy một sự tập trung đông đảo như thế của dân chúng trong thời gian tang lễ. Tưởng chừng như cả nước đã về Quảng trường Ba Đình lịch sử để vĩnh biệt lãnh tụ của mình. Sau này cũng tại quảng trường này và cũng với một số lượng người rất đông đã tiến hành buổi lễ khánh thành Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cơ duyên là như vậy đó: tôi cũng có cơ hội chứng kiến tại Hà Nội ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam vào mùa Xuân năm 1975. Nhưng đó là một mùa Xuân khác biệt - mùa Xuân Đại thắng, chiến thắng đó đã thật sự hiện diện trước ngưỡng cửa của mỗi gia đình Việt Nam. Chiến thắng ấy đã rọi ánh sáng rực rỡ lên tất cả những sự kiện trong cuộc sống của chúng tôi ở Hà Nội, trong đó ngày kỷ niệm đầy ý nghĩa đối với quan hệ song phương của hai nước chúng ta - đó là Lễ kỷ niệm 25 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (tháng 1-1975). Chiến thắng ấy đã đem lại sắc thái đặc biệt, tràn đầy không khí ngày hội cho những sự kiện ấy.

Người Hà Nội yêu mến thành phố của mình (cũng giống như chúng tôi yêu mến thành phố Mátxcova của chúng tôi). Ngay cả vào thời kỳ ấy, vào thời kỳ chiến tranh gian khổ, người ta đã cố gắng tô điểm cho Hà Nội đẹp hơn và sạch hơn. Đó là lý do tại sao tôi muốn kết thúc những dòng ghi chép về quãng đời của tôi sống ở Hà Nội ngày xưa bằng những câu thơ của nhà thơ trứ danh Tế Hanh được đăng từ lâu lắm trên báo “Nhân Dân”.

Hà Nội ơi! Trong trái tim mỗi người chúng ta  
Người bùng lên ngọn lửa không bao giờ tắt.  
Mátxcova, năm 2003

\*\*\*

# ĐẠI TÁ CÔNXTANTINỐP VLADIXLÁP MIKHAILÔVÍCH

Ông sinh ngày 14-11-1939 tại thành phố Upha.

Năm 1958 ông vào học trường Kỹ thuật quân sự mang tên Ăng ghen, thuộc binh chủng phòng không, và tốt nghiệp trường này vào năm 1961. Cuộc đời binh nghiệp của ông được tiếp tục với các chức vụ: kỹ thuật viên trưởng, phó chỉ huy khẩu đội số 1 của tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Từ tháng 4-1955 đến tháng 4-1965 ông là sĩ quan điều khiển tên lửa của Tiểu đoàn tên lửa số 63 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 263 (Trung đoàn đầu tiên) của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đã tham gia trận chiến đấu đầu tiên của Tiểu đoàn tên lửa phòng không ở ngoại ô Hà Nội diễn ra vào ngày 24-7-1965.

Sau khi từ Việt Nam trở về nước, ông là sĩ quan chỉ huy khẩu đội số 1 của tiểu đoàn tên lửa phòng không, là học viên của Học viện sĩ quan chỉ huy thuộc binh chủng phòng không mang tên Giucốp ở Calinin. Sau khi tốt nghiệp Học viện này vào năm 1972 ông được bổ nhiệm làm tham mưu trưởng của tiểu đoàn, chỉ huy trưởng của tiểu đoàn, trưởng khóa học cán bộ chính trị pháo binh bộ đội phòng không. Năm 1990 ông kết thúc thời gian phục vụ trong quân đội.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, Huân chương Sao đỏ, Huy hiệu vẻ vang, 12 Huy chương của Liên Xô và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# HỒI ỨC VỀ NHỮNG NGƯỜI BẠN CHIẾN ĐẤU

Thời gian càng lùi sâu vào lịch sử thì ta càng hiểu sâu sắc hơn và càng thấy ý nghĩa quan trọng của những sự kiện lịch sử mà chúng tôi đã tham gia vào những năm 60 của thế kỷ XX, nhưng vào thời kỳ ấy thậm chí đã không ngờ đến điều đó.

Trước thời điểm đó chúng tôi - các binh sĩ và sĩ quan đã tập trung tại thành phố Xvéclốp. Tại đây trên cơ sở Quân đoàn độc lập số 4, thuộc binh chủng phòng không, đã hình thành đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đầu tiên để thực hiện chuyển công tác biệt phái. Người ta đã kiểm tra kỹ càng những người được dự tuyển, người ta đã nghiên cứu và trao đổi hỏi han nhiều với chúng tôi. Cùng lúc chúng tôi đã có nhiều buổi tập luyện với bộ khí tài tên lửa phòng không X-75. Bản thân chúng tôi cũng tìm hiểu nhau cũng như tìm hiểu những binh sĩ và các hạ sĩ quan có thể sẽ là những người dưới quyền của mình.

Không một ai được biết cụ thể về mục đích chuyển công tác về đất nước chúng tôi đến và về vai trò của mình trong chuyến đi này. Chỉ đến đầu tháng 2 - là khi mỗi người chúng tôi được trực tiếp triệu tập đến gặp một trong số các ủy viên hội đồng quân sự của quân đoàn - thì chúng tôi mới được biết đất nước sẽ đến là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và được biết rất đại thể về nhiệm vụ và mục đích của chuyển công tác. Sau đó hình thành một nhóm sĩ quan với nhiệm vụ đặt ra là: đến thành phố Ba cu để tiếp nhận tại đó tại kho vũ khí", một bộ khí tài tên lửa phòng không huấn luyện kiểu có 6 cabin điều khiển. Sau đó có kế hoạch bắn thử loại tên lửa này tại bãi bắn thử Capuxtin Iarơ. Chỉ sau đó bộ khí tài này mới hoàn toàn thuộc quyền chi phối của chúng tôi.

Nhóm sĩ quan ấy gồm:

1. Thiếu tá N. A. Mêscốp - trưởng nhóm. Đồng chí ấy là kỹ sư trưởng của Trung đoàn Magnhitôgo.

2. Đại úy Rudônphơ Nicôlaiêvích Ivanốp - chỉ huy đại đội kỹ thuật vô tuyến.

3. Thượng úy Vladimia Sêlêxtốp - kỹ thuật viên hệ thống định vị.

4. Thượng úy Bôrít Ivanôvích Cômêlxnhích - kỹ thuật viên hệ thống phát lệnh.

5. Thượng úy Valentin Tôđôrascô - kỹ thuật viên máy phát lệnh vô tuyến.

6. Thượng úy Valentin Puxtôvôitốp - kỹ thuật viên cabin thu - phát vô tuyến.

7. Thượng úy Vladixláp Mikhailôvích Cônxtantinốp - sĩ quan điều khiển tên lửa.

Cùng với các sĩ quan của "kho vũ khí", chúng tôi đã tham gia lắp ráp và kiểm tra bộ khí tài, chuyển và bốc xếp nó lên xe lửa và chuyển đến bãi thử ở Capuxtin Iarơ. Tại đó đã có các đại diện đến từ Mátxcova. Bộ khí tài tên lửa được kiểm tra thêm và cuối cùng chúng tôi đã thực hiện hai lần bắn theo các thiết bị phản chiếu góc. Cả hai lần bắn ấy đều đạt kết quả. Bộ khí tài đã được chuyển giao cho chúng tôi. Việc này đã được thực hiện vào cuối tháng 2-1 1965.

Sau khi bốc xếp bộ khí tài tên lửa lên các toa xe lửa chuyên dụng, chúng tôi đã lên đường đến thành phố Sêliabinxơ. Tại đó các thành viên khác trong nhóm chuyên gia đã nhập vào đoàn chúng tôi. Một số đoàn xe lửa chuyên dụng khác cũng đã hình thành thêm.

Thoạt đầu đoàn tàu chuyên dụng của chúng tôi đã đến Bắc Dabaican, và sau đấy đi bằng qua lãnh thổ Trung Quốc đến biên giới Việt - Trung. Đến hạ tuần tháng 4 chúng tôi đã tới biên giới. Chúng tôi chuyển khí tài sang các toa xe chuyên dụng khác và đến ngày 16-4-1965 thì tới Hà Nội. Sau đó chúng tôi bắt tay vào thành lập Trung tâm huấn luyện đầu tiên. Chỉ huy Trung tâm này là Đại tá Mikhain Nicôlaiêvích Xugancốp. Phó chỉ huy, phụ trách công tác chính trị là Trung tá Mikhain Phêđôrôvích Bácsusencô, Thiếu tá Êgôrốp được bổ nhiệm làm quyền tham mưu trưởng, Thiếu tá N. A. Mêscốp được bổ nhiệm làm kỹ sư trưởng. Từ cuối tháng 4 Trung tâm huấn luyện này bắt đầu công việc huấn luyện.

Theo nghiệp vụ chuyên ngành của mình, mỗi chuyên gia Liên Xô nhận nhiệm vụ huấn luyện cho một tốp các đồng chí Việt Nam. Chúng tôi soạn các chương trình huấn luyện, đề cương kế hoạch từng buổi lên lớp. Công việc khó khăn nhất là đào tạo phiên dịch cho các buổi lên lớp.

Thời gian biểu trong ngày rất kín: dậy vào 5 giờ sáng, sau đó ăn sáng và lên lớp từ 6 giờ đến 12 giờ; sau 16 giờ: là lúc bớt oi bức, lại lên lớp cho đến 19 giờ. Buổi tối: từ 20 giờ, theo lịch làm việc, chúng tôi đến khu vực tự huấn luyện cho đến 22 giờ thì kết thúc.

Các bạn Việt Nam của chúng tôi đã phải chịu một cường độ làm việc lớn. Chương trình đào tạo huấn luyện được dự tính trong 4 tháng. Nhưng cuộc sống thực tế và tình hình trên bầu trời đã buộc phải có những thay đổi bổ sung. Thời gian đào tạo bị cắt giảm xuống còn 2,5 tháng. Tôi nghĩ, nguyên nhân của điều này là phải nhanh chóng trừng phạt những hành động của không quân Mỹ. Cần phải ngăn chặn các hành động ấy.

Kết quả là vào thương tuần tháng 7-1965 chỉ huy của Trung tâm huấn luyện đã triệu tập hội nghị sĩ quan và công bố quyết định tập thể của ban chỉ huy là chuẩn bị 2 tiểu đoàn để đưa ra trận địa chiến đấu. Nhiệm vụ này trở nên phức tạp chủ yếu vì các bộ khí tài tên lửa đều là những bộ khí tài dùng cho huấn luyện. Chúng đã được sử dụng trong thời gian dài với mục đích huấn luyện. Nhiều thông số đã rất không phù hợp với những tiêu chuẩn quy định. Thêm vào đó, cùng thời gian này, phía Trung Quốc đã cắt giảm mạnh số lượng các đoàn tàu chuyên dụng của chúng tôi chạy qua lãnh thổ của họ. Chúng tôi chỉ còn biết trông cậy vào bộ ZIP (bộ linh kiện dự trữ và dụng cụ chuyên dùng) tồn tại duy nhất vào lúc đó ở Việt Nam.

Nhưng quyết định đã được thông qua. Hai tiểu đoàn (tiểu đoàn 63 và Tiểu đoàn 64) của Trung đoàn tên lửa phòng không số 236 đã được thành lập và có đầy đủ quân số. Chúng tôi bắt tay vào chuẩn bị khí tài. Tất cả các chuyên gia của trung tâm huấn luyện đều tham gia vào công việc này. Nhiệm vụ quả là rất phức tạp. Chúng tôi đã thực hiện những loại công việc mà trong điều kiện ở nhà thì chỉ có thể thực hiện được trong các xưởng đặc biệt hoặc với sự tham gia của ngành công nghiệp. Ví dụ, trong cabin tín hiệu chúng tôi đã thay thế một số cụm cơ khí trong phần theo dõi mục tiêu bằng tay. Cả thầy đã phải mất một tuần lễ cho việc chuẩn bị các bộ khí tài. Chúng tôi đã làm việc không kể ngày đêm. Làm việc vào ban đêm thậm chí thuận tiện hơn vì không bị máy bay Mỹ quấy rầy, và cũng bớt nóng bức.

Vậy là trong những ngày 20 của tháng 7, cả hai tiểu đoàn đã sẵn sàng ra trận địa chiến đấu.

Chỉ huy tiểu đoàn thứ nhất là Trung tá Bô rít Ivanôvích Môgiaép.

Chỉ huy tiểu đoàn thứ hai là Trung tá Phêđo Pavlôvích Ilinúc.

Thành phần tiểu đoàn thứ nhất gồm có:

1. Chỉ huy khẩu đội kỹ thuật vô tuyến là Đại úy Valentin Xécghêêvích Bruxnhikin.
2. Chỉ huy khẩu đội bộ phóng là Đại úy Êđua Ivanôvích Vônônin.
3. Kỹ thuật viên cabin "P" là Valentin Puxtôvôitốp.
4. Kỹ thuật viên của hệ thống định vị là Thượng úy Vladimia Sêlêxtốp.
5. Kỹ thuật viên của hệ thống phát lệnh là Thượng úy Bô rít Ivanôvích Cômêxnhích.
6. Kỹ thuật viên máy phát lệnh vô tuyến là Thượng úy Valentin Tôđôrascô.
7. Kỹ thuật viên cabin tín hiệu là Thượng úy Vladixláp Mikhailôvích Cônxtantinốp.

Các trắc thủ vận hành máy bằng tay gồm có: binh nhất Iuri Pápucốp, hạ sĩ Anatôh Bônđarencô, binh nhất Vladimia Tinsencô, nhân viên vận hành đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu là binh nhất Víchto Cubusép.

Chỉ huy đại đội kỹ thuật vô tuyến trong tiểu đoàn thứ hai là Đại úy Rudônphơ Nicôlaiêvích Ivanốp. Thượng úy Anatôli Bônđarép chỉ huy khẩu đội điều khiển tên lửa.

Đêm ngày 22 rạng ngày 23 tháng 7 chúng tôi bắt đầu hành quân. Chúng tôi di chuyển phần nhiều vào ban đêm. Đến rạng sáng ngày 24-7 chúng tôi đã lập xong trận địa. Trận địa này chưa hoàn chỉnh đầy đủ. Các cabin điều khiển được bố trí lộ thiên. Trong 6 bộ phóng chỉ triển khai được 3 bộ. Cách trận địa của chúng tôi khoảng 10 - 15 kilômét là trận địa của tiểu đoàn thứ hai. Đại tá M. N. Xugancốp chốt tại sở chỉ huy của trung đoàn.

Ngay lần phát sóng đầu tiên chúng tôi đã phát hiện được nhiều mục tiêu. Lúc đầu rất khó định hướng. Đôi khi các mục tiêu tiếp cận vùng phóng tên lửa, nhưng chúng tôi ở trong những

điều kiện không thuận lợi để phóng tên lửa. Chúng tôi không được phép bắn trượt mục tiêu, vì vậy chúng tôi phải phóng tên lửa thật chính xác. Không khí trong các cabin điều khiển thật sự không thể chịu nổi vì nóng bức. Hơn nữa lại có 2 khẩu đội cùng ngồi trong mỗi buồng như vậy.

Thời gian cứ trôi đi như thế cho đến bữa trưa. Đại tá M. N. Xugancốp xuất hiện. Ông thăm hỏi anh em và tình hình đơn vị. Các khí tài hoạt động rất tốt. Sau khi vị chỉ huy ra về, chúng tôi lại vận hành khí tài, và sau ít phút chúng tôi phát hiện thấy 2 chấm đen mục tiêu. Sau đó, khi các tên lửa nổ, chúng tôi đã hiểu ra rằng mỗi chằm gồm 2 máy bay "Con ma", vì chúng bay song đôi, y như trong cuộc duyệt binh, chúng không ngờ tới điều gì sẽ xảy ra vào những giây phút tiếp theo.

Vào lúc 14 giờ 25 phút, cách nhau 15 giây, tôi đã ấn nút "Phóng" ở cả hai kên. Quả tên lửa thứ nhất bắn trúng mục tiêu đi đầu. Nó bắt đầu tách ra. Trắc thủ trực tiếp vận hành thiết bị theo dõi mục tiêu xác định góc định vị - Iuri Patusốp - đã báo cáo rằng mục tiêu hạ thấp góc định vị. Quả tên lửa thứ hai trên thực tế đã bắn trúng mục tiêu đang rơi. Tôi dùng hệ thống liên lạc nội bộ để báo cáo với Trung tá Môgiaép và toàn thể đồng đội biết rằng mục tiêu đã bị tiêu diệt. Chúng tôi ngồi trong các cabin tín hiệu của mình để theo dõi tiểu đoàn thứ hai phóng tên lửa và điều khiển đường bay cho các tên lửa của mình. Họ đã bắn hạ chiếc "F-4C" thứ ba.

Như vậy là, trong số 4 chiếc "Con ma" tham gia oanh tạc đã có 3 chiếc bị tiêu diệt. Có 2 phi công bị bắt làm tù binh và cung cấp lời khai. Trong số các chuyên gia của chúng tôi chỉ có Thiếu tá trinh sát Nicôlai Xtêpanôvích Xôlômatin đã có mặt tại chỗ máy bay rơi. Đồng chí ấy đã mô tả cho chúng tôi về những gì đã tận mắt chứng kiến trong cánh rừng.

Tại tiểu đoàn thứ hai, hạ sĩ Piốt Dalípki, binh nhất Valeri Maluga, - còn người thứ ba thì tôi không nhớ tên, - ngồi sau các cần điều khiển thiết bị luôn bám sát mục tiêu

Sau trận bắn hạ máy bay, chúng tôi đã nhanh chóng thu dọn khí tài và đưa khí tài che giấu trong những hầm gần nhất. Đến đêm, trên đường hành quân của đơn vị, Đại tá Xugancốp đã đến thăm. Ông tỏ ra hài lòng về kết quả trận đánh và chúc mừng tất cả chúng tôi nhân chiến thắng đầu tiên. Có thể thấy ông đã gánh vác trách nhiệm như thế nào. Vả lại, chúng tôi cũng vậy.

Ngày hôm ấy - ngày 24-7-1965 đã đi vào lịch sử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lịch sử của các lực lượng vũ trang của đất nước ấy. Theo sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng năm ngày này là Ngày truyền thống của Binh chủng Tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam. Toàn thể Tiểu đoàn tên lửa phòng không đầu tiên của Việt Nam đã được tặng thưởng các Huân chương và Huy chương của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiểu đoàn này đã được tặng thưởng Cờ Danh dự, họ đã trải qua con đường chiến đấu vẻ vang, được nhận nhiều hình thức tuyên dương. Sau này Tiểu đoàn tên lửa này đã được phong danh hiệu "Anh hùng".

Về sau này chúng tôi đã có dịp cùng với Tiểu đoàn này thực hiện một trận phục kích rất phức tạp nữa. Còn tạm thời vào thời điểm sau ngày 24-7, chúng tôi đã triển khai ở ngoại ô Hà Nội và chiếm lĩnh trận địa. Vào thời điểm ấy không quân Mỹ không oanh kích Hà Nội, vì chúng sợ tên lửa. Tuy vậy, còi báo động vẫn thường xuyên vang lên. Và trạm ra đa vẫn đều đặn được khởi động và hoạt động vào ban ngày. Chúng tôi đóng quân ở ngoại thành Hà Nội gần 10 ngày. Trong thời gian ấy chúng tôi bảo dưỡng khí tài và sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo.

Vào thời gian ấy sự kiện nổi bật nhất là những chuyến viếng thăm của các nhà lãnh đạo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến trận địa chúng tôi. Trong suốt thời gian ấy tiểu đoàn chúng tôi được đón tiếp Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn, và cuối cùng là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh. Tất cả các vị lãnh đạo đã đánh giá rất cao các hoạt động chung của các chuyên gia chúng tôi và các chuyên gia Việt Nam. Cũng vào thời gian ấy các Tiểu đoàn số 3 và số 4 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không số 236 đã được thành lập. Các đơn vị này cũng đã thu được thắng lợi trong những trận đánh đầu tiên.

Trong mười ngày đầu tháng 8 tiểu đoàn chúng tôi đã nhận được một nhiệm vụ chiến đấu mới. Phải thực hiện cuộc hành quân theo đường số 1 (dài khoảng 270 km) và triển khai đơn vị

tại tỉnh Thanh Hóa. Ở khu vực này của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa máy bay Mỹ ngang nhiên hoạt động dữ dội. Ít ra thì đó cũng là ý kiến phát biểu của các nhà lãnh đạo tỉnh trong cuộc gặp gỡ sau khi chúng tôi mới tới. Tiểu đoàn đã di chuyển trong suốt 3 ngày, đến ngày thứ ba tiểu đoàn chúng tôi đã triển khai tại trận địa với đầy đủ đội hình.

Mục tiêu thì không thiếu. Chỉ huy tiểu đoàn chúng tôi quyết định phóng tên lửa vào những mục tiêu đầu tiên lọt vào tầm bắn. Tiểu đoàn chúng tôi đã phóng 5 quả tên lửa: phóng 3 quả vào tốp mục tiêu đầu và phóng 2 quả vào tốp mục tiêu thứ hai. Cả hai loạt đạn diễn ra với khoảng cách thời gian ngắn. Còn lại một quả tên lửa để dự phòng.

Cả hai đợt phóng tên lửa đều trúng: đã có 2 chiếc máy bay cường kích A-6D của hải quân Mỹ bị bắn hạ. Có 2 phi công bị bắt làm tù binh. Trong số tù binh ấy có tên chỉ huy phi đội và viên phó của y trên tàu sân bay "Mítuây". Theo lời kể của các đồng chí Việt Nam, bọn chúng đã khai rằng theo tin tức tình báo của chúng thì trong khu vực này không thể có các bộ khí tài tên lửa Liên Xô. Chúng đã bay rất ngang nhiên và xác xược. Đó là lần thứ hai chiến thuật dùng tên lửa phức kích đã tỏ ra là đúng.

Sau trận phức kích ấy, chúng tôi đã nhanh chóng thu dọn khí tài và ẩn nấp trong các lùm cây rậm. Tất nhiên, ban lãnh đạo của tỉnh này đã tổ chức khao quân. Điều khiến cho các đồng chí Việt Nam đặc biệt vui mừng là nhân dân trong tỉnh đã chứng kiến các tên lửa được phóng lên và hạ máy bay như thế nào. Trong trận chiến đấu này các khẩu đội Việt Nam tựa hồ như đã trải qua kỳ sát hạch để có thể độc lập đảm đương công việc tại các vị trí chiến đấu vì lần ấy họ đã ngồi đằng sau những chiếc cần điều khiển của thiết bị dẫn đường tên lửa.

Sau khi thực hiện cuộc hành quân trở về, tiểu đoàn chúng tôi lại triển khai trận địa ở ngoại thành Hà Nội. Đến mùa thu năm ấy, chỉ còn một tốp nhỏ các chuyên gia Liên Xô, dưới sự chỉ đạo của Thiếu tá Mescốp, ở lại tại Trung đoàn tên lửa đầu tiên. Nhóm chuyên gia này, trong hoàn cảnh chiến đấu, đã trợ giúp trong những trường hợp nảy sinh những trục trặc nào đó hoặc trong những tình huống bất thường khác. Còn chúng tôi được cử sang trung đoàn thứ hai. Trong suốt 3 tháng trời chúng tôi đã huấn luyện trung đoàn này cũng theo cùng một chương trình và cùng một phương pháp như đã huấn luyện trung đoàn thứ nhất.

Tháng 12-1965, cùng với một tiểu đoàn trong số các tiểu đoàn thuộc trung đoàn thứ hai, chúng tôi đã chiếm lĩnh trận địa ở ngoại thành Hà Nội. Trong suốt tháng 1 và một phần tháng 2, chúng tôi luôn luôn thay đổi trận địa để bảo vệ Hà Nội. Trong thời kỳ ấy chỉ huy trưởng tiểu đoàn chúng tôi là Đại úy R. N. Ivanốp. Cũng trong thời kỳ ấy đã thành lập những trung tâm huấn luyện khác, đào tạo cho những trung đoàn mới. Chúng tôi đã tới một số trung đoàn ấy để trao đổi kinh nghiệm.

Mùa đông năm ấy đã diễn ra những sự kiện rất quan trọng. Tháng 2-1966 đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Liên Xô, do A. N. Sêlêpin và Đ. Ph. Uxtinốp dẫn đầu, đã có chuyến viếng thăm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đoàn đã đến thăm trận địa của tiểu đoàn chúng tôi ở ngoại thành Hà Nội. Trong buổi gặp mặt với toàn tiểu đoàn, Đoàn đã nồng nhiệt khen ngợi công việc của chúng tôi và đánh giá cao lao động của các chuyên gia Liên Xô trong chiến đấu. Ngoài ra, Đoàn còn trao các Huân chương và Huy chương cho chúng tôi theo Sắc lệnh không công khai của Đoàn Chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô ngay trước thềm năm mới.

Điều cần nói là vào thời điểm ấy không quân Mỹ đã thay đổi hẳn chiến thuật của mình và đã phát hiện ra những mặt yếu của chúng tôi: kẻ địch bắt đầu sử dụng những phương pháp gây nhiễu khác nhau, hạ thấp độ cao khi bay và bay ở tầm thấp: đã gia tăng đáng kể số lần đánh phá vào trận địa của các tiểu đoàn. Đã có những tổn thất. Trong lúc máy bay địch đánh phá trận địa của tiểu đoàn tên lửa phòng không, vị chỉ huy khẩu đội bệ phóng đã ở lại bệ phóng để khắc phục một trục trặc vừa xuất hiện. Ông đã bị tử thương.

Từ nửa cuối tháng 2 đến cuối tháng 4-1966 tiểu đoàn của chúng tôi đã làm nhiệm vụ bảo vệ Hải Phòng và thường xuyên thay đổi trận địa dọc theo bờ biển vịnh Bắc Bộ. Đúng vào thời gian đó bộ chỉ huy quân sự của Việt Nam đã chủ trương dùng tên lửa phòng không để bắn vào tàu sân bay, thông qua việc sử dụng các thiết bị nổi. Đến thời điểm đó đã nghiên cứu được phương pháp bắn tên lửa vào các mục tiêu trên mặt đất. Nhưng trong hoàn cảnh lúc đó nếu áp dụng



phương pháp ấy để bắn vào các mục tiêu trên biển sẽ là điều không thực tế. Thật là tốt khi cuộc "thử nghiệm" ấy đã không diễn ra!

Và đây là một trong những tình huống tác chiến diễn ra vào tháng 3 - tháng 4-1966. Ngoài vịnh lúc ấy có sương mù dày đặc (xin nói thêm rằng, nó đã cứu chung tôi rất nhiều, vì đảm bảo được sự nguy trang tự nhiên và đáng tin cậy). Trạm ra đa đã được khởi động, nhưng chúng tôi nghe rất rõ tiếng động cơ máy bay. Tất cả đều nhanh chóng vào các ca bin chức năng, khởi động trạm ra đa và đã trông thấy mấy tốp mục tiêu. Rõ ràng những máy bay ấy đang làm nhiệm vụ. Chúng tôi đã đón bắt mục tiêu và phóng 2 quả tên lửa: Mục tiêu đã bị bắn hạ và rơi xuống vịnh. Đáng tiếc là đã không khẳng định được bằng mắt việc máy bay bị bắn hạ do tầm nhìn không tốt và do không có các trạm quan sát ở gần bờ. Nhưng đối với chúng tôi thì trường hợp này không phải là điều bất ngờ. Sự cố này cũng đã xảy ra trước đó với những tiểu đoàn khác.

Đến cuối tháng 4-1966 nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô sang Việt Nam trong tháng 3 đã đến thay thế cho đa số nhóm chuyên gia chúng tôi. Đã đến lúc phải chia tay với các bạn Việt Nam của chúng tôi.

Chúng tôi được tiễn đưa một cách trọng thể, ấm áp tình hữu nghị: Đến thời điểm ấy, trong thành phần tiểu đoàn thứ nhất ở Việt Nam chỉ còn lưu lại 5 sĩ quan Liên Xô. Bàn ăn trong nhà khách đã được dọn ra. Lần đầu tiên sau suốt một năm công tác biệt phái chúng tôi mới được ăn món penmen (món ăn của Nga, tương tự như các viên mẩn thần). Đại tá Phùng Thế Tài, Tư lệnh Binh chủng phòng không của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đến dự buổi liên hoan chia tay. Chúng tôi được tặng thưởng các huy chương Hữu nghị của Việt Nam, những huy hiệu kỷ niệm, bằng khen của Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các vật lưu niệm. Tháng 5 năm ấy chúng tôi về đến Mátxcova bằng máy bay, quá cảnh Bắc Kinh.

Còn một kỷ niệm nữa. Đó là Tổ quốc - mà đại diện là Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô, Nguyên soái Liên Xô R. Ia. Makhovskii - đã chúc mừng tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô nhân dịp năm mới 1966. Mỗi người chúng tôi đều nhận được thiệp chúc mừng cá nhân và túi quà trong đó có mọi thứ cần thiết để đón mừng năm mới một cách đàng hoàng khi xa người thân trong gia đình. Trong túi quà có hai chai rượu vốtca, chai sâm panh, đồ nhắm và một món ăn quý nhất - một ổ bánh mì đen và cá trích muối. Chúng tôi đã cùng với các bạn chiến đấu Việt Nam vui vẻ đón chào năm mới.

Đến những năm 80 tôi lại có dịp nhớ đến Việt Nam lần nữa. Sự việc là thế này. Anh Lã Đình Chi nguyên là học viên Việt Nam đầu tiên do tôi hướng dẫn, là sĩ quan điều khiển tên lửa của Việt Nam, cũng mang quân hàm Đại tá và đến thời điểm ấy đã trở thành chỉ huy Trung đoàn tên lửa, đã sang Liên Xô theo học khóa đào tạo chỉ huy quân sự tại Học viện sĩ quan, mang tên Nguyên soái Giucốp: thuộc binh chủng phòng không. Tiếc thay, chúng tôi đã không có cơ hội gặp nhau.

Về sau, thông qua một sĩ quan Việt Nam theo học lớp sĩ quan tuýtùng của Học viện này hồi năm 1981: tôi đã gửi một lá thư cho người bạn chiến đấu của mình và quà lưu niệm. Đáp lại cũng thông qua viên sĩ quan kể trên, tôi đã nhận được thư của Lã Đình Chi và quà lưu niệm. Anh bạn chiến đấu Việt Nam của tôi đã kết thúc thời gian phục vụ quân ngũ với chức vụ sư đoàn phó. Tôi dẫn ra đây lá thư của người bạn chiến đấu ấy và mong mọi người coi đây không phải là những dòng trao đổi thư từ cá nhân, mà như là bằng chứng về lòng quý trọng của những bạn Việt Nam đối với sự lao động chiến đấu của tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô đã từng giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong những năm chiến tranh.

Trong lá thư này anh bạn của tôi cho biết, trong những năm chiến tranh anh đã có gần 100 lần phóng tên lửa và đã bắn hạ được 32 máy bay Mỹ, trong đó có 12 phi công Mỹ bị bắt làm tù binh.

• Lá thư của một người bạn:

Hà Nội ngày 20-4- 1990

Xin chào người bạn thân quý mến, đồng chí Đại tá Cônxtantinốp!

Tôi đã nhận được thư của đồng chí thông qua đồng chí Xuân (Cyah). Vậy là đã 25 năm trôi qua, và chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ trở thành những ông già. Những ký ức của tôi đang trở lại những ngày xa xôi ấy của thời chiến tranh. Đặc biệt không thể nào quên ngày 25-7-1965, khi chúng ta cùng nhau chia sẻ niềm vui chiến thắng trận đầu.

Đồng chí Cônxtantin kính mến! Chúng tôi có câu ngạn ngữ. "Trái đất tròn, vì vậy chúng ta sẽ lại gặp nhau".

Tôi sẽ rất vui nếu được gặp lại đồng chí, người chỉ huy quý mến của tôi.

Trong ký ức của tôi, đồng chí vẫn như 25 năm về trước, vẫn trẻ đẹp và năng nổ. Tôi đặc biệt nhớ cái nhìn thông minh, đôi mắt màu xanh của đồng chí đã từng làm cho nhiều cô gái của chúng tôi say đắm.

Nhớ lại những năm tháng xa xưa ấy, tôi rất vui mừng thấy rằng con đường binh nghiệp của đồng chí đã tiến triển tốt đẹp. Tôi rất lấy làm tiếc vì chúng ta không gặp được nhau khi tôi học khóa bồi dưỡng tại Học viện quân sự ở Calinin.

Sẽ vui sướng biết bao nếu trong năm nay cuối cùng chúng ta có cơ hội gặp lại nhau! Ngay cả việc gặp gỡ nhau trên thư từ thế này đã thật là hạnh phúc trong đời tôi rồi.

Chủ nghĩa quốc tế và học thuyết của Lênin đã giúp chúng ta và nhân dân hai nước chúng ta trở thành những người bạn của nhau.

Vào cái ngày đáng ghi nhớ của trận đầu ấy đã có nhiều khó khăn. Nhưng vì tình hữu nghị giữa hai dân tộc chúng ta, các đồng chí đã vượt mọi khó khăn để bắn rơi các máy bay Mỹ.

Thời gian đầu, được các đồng chí giúp đỡ, sau đó tôi đã tự hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc, cũng như các đồng chí, tôi không lùi bước trước những khó khăn. Tôi cùng đồng đội đã thực hiện gần 100 lần phóng tên lửa và đã bắn hạ được 32 máy bay Mỹ, đồng thời có 12 phi công Mỹ bị bắt làm tù binh.

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng cho tôi huy hiệu của Người.

Hiện nay tôi có một gia đình, tổng cộng là 16 người: hai con trai và hai con gái - các con tôi đều đã xây dựng gia đình và tôi đã có 6 cháu nội ngoại. Gia đình của đồng chí thế nào, có bao nhiêu con và bao nhiêu cháu?

Sắp đến Lễ kỷ niệm 25 năm ngày truyền thông Binh chủng phòng không của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là ngày hội chung của chúng ta!

Xin nhờ đồng chí chuyển lời thăm hỏi của tôi tới tất cả các đồng chí đã tham gia trận đánh ngày 24-7-1965! Tôi vô cùng kính trọng và biết ơn họ!

Tôi trân trọng gửi tới đồng chí và toàn gia quyến của đồng chí lời chào anh em và những lời chúc tốt đẹp nhất trong cuộc sống: xin chúc toàn gia đình và người thân của đồng chí dồi dào sức khỏe và hạnh phúc!

Xin đồng chí chuyển lời thăm nồng nhiệt của vợ tôi đến phu nhân của đồng chí.

Tôi hy vọng, chẳng bao lâu nữa tôi sẽ có cơ hội tặng cho đồng chí món quà kỷ niệm của Việt Nam. Mong rằng đó sẽ là món quà của số phận dành cho đồng chí.

Kính thư,

Lã Đình Chi"

Sau đây là những cảm nhận rút ra từ tất cả những gì đã gắn kết tôi với chuyến công tác đặc biệt đáng ghi nhớ ấy cũng là lời kết cho hồi ức của tôi:

1. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ chống bọn xâm lược một phần là nhờ sự chiến đấu anh dũng của mình và nhờ sự giúp đỡ và ủng hộ vô tư của Liên Xô. Và điều rất tốt là nhân dân Việt Nam đã không quên điều đó

2. Tôi tin rằng trong hoàn cảnh chiến đấu mọi người chúng ta tìm thấy trong mình những nguồn nghị lực, trở nên kiên cường, bền bỉ, mưu trí và có tài thao lược, những điều mà trong

cuộc sống đời thường và trong hoạt động của quân sự không phải luôn luôn được bộc lộ ra và không phải lúc nào cũng bộc lộ ra một cách đầy đủ.

3. Những hình thức và các phương pháp huấn luyện của chúng tôi đối với từng đơn vị đã giúp cho các chiến sĩ Việt Nam dựa vào những kiến thức đã học được và những kỹ năng thực hành sẵn có để áp dụng thành công trong hoàn cảnh chiến đấu thực tế và hành động với hiệu quả cao.

4. Và dĩ nhiên còn có yếu tố tinh thần. Sự chuẩn bị tinh thần và tâm lý của những con người mà tôi đã cùng họ phục vụ trong quân ngũ và đã từng tham gia trong các trận chiến đấu ở Việt Nam hồi năm 1965 xưa xưa, - sự chuẩn bị ấy đã được thực hiện ở trình độ rất cao. Điều này đã cho phép chúng tôi hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra trong những điều kiện tác chiến phức tạp.

5. Và điều cuối cùng. Với tình cảm nồng ấm và biết ơn, tôi luôn luôn nhớ đến các đồng đội và những người đồng chí của tôi mà số phận đã đưa tôi đến với họ trên mảnh đất Việt Nam anh hùng:

- đó là các đồng chí lớn tuổi hơn tôi, đã từng trải qua chiến tranh - Đại tá M. N. Xugancốp, Trung tá B. I. Môgiaép và Ph. P. Ilinúc. Tôi luôn nhớ tới họ vì họ đã gieo cho chúng tôi lòng tin. Bên họ chúng tôi cảm thấy vững vàng và bình thản trong mọi hoàn cảnh;

- tôi luôn nhớ tới các đồng chí và đồng đội khác vì tôi đã luôn luôn có thể trông cậy vào họ trong mọi tình huống;

- tôi luôn nhớ tới các bạn Việt Nam vì lòng yêu nước trong sáng vô bờ bến của họ, vì niềm tin tất thắng đối với quân xâm lược.

Đứng bên cạnh họ, chúng tôi không có quyền lao động và chiến đấu tồi.

Thành phố Tô ve, năm 2002

\*\*\*

# ĐẠI TÁ DAICA ANATÔLI BÔRIXÔVÍCH

Ông sinh ngày 6-7-1928 tại thành phố Vôn-san-xơ thuộc Ucraina.

Đã tốt nghiệp Trường pháo binh Cờ đỏ Xum-xơ.

Năm 1958 ông tốt nghiệp Học viện kỹ thuật vô tuyến pháo binh Khác cấp mang tên Gô-vô-rốp. Ông từng phục vụ trong Binh chủng phòng không thuộc Quân khu Ba cu, sau đó tại Quân khu Mát-xcô-va, với những chức vụ khác nhau.

Từ tháng 5-1965 đến tháng 5-1966 ông tham gia chiến đấu tại Việt Nam với chức vụ Kỹ sư trưởng của Trung tâm huấn luyện số 2, sau đó là Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô ở Trung đoàn tên lửa phòng không số 238 của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ông đã mãn hạn phục vụ trong quân đội vào năm 1980 với chức vụ phụ trách căn cứ sửa chữa - phục hồi của Binh chủng phòng không toàn quốc.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ hạng III, Huân chương Vì sự phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô và nhiều Huy chương, trong đó có Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

Ông qua đời ngày 2-6-2001 tại thành phố Balasích.

# NHỮNG CHIẾN THẮNG KHÔNG ĐẾN DỄ DÀNG

Ngày 24-7-1965, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Thủ đô Hà Nội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các tiểu đoàn tên lửa phòng không dưới sự chỉ huy của các sĩ quan Binh chủng phòng không thuộc Quân khu Mátxcova, Thiếu tá Ph. P. Ilinéc và Thiếu tá B. I. Môgiaép, đã bắn rơi 3 máy bay Mỹ.

Việc hai trận đánh đầu tiên ấy đã gây ấn tượng như thế nào thì có thể xét đoán qua sự thật là trong vòng 2-3 tuần lễ đã hoàn toàn chấm dứt các cuộc bắn phá của không quân Mỹ xuống miền Bắc Việt Nam. Đế quốc Mỹ đã hiểu ra rằng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có những phương tiện mới để đối phó với không lực Hoa Kỳ. Chúng bắt đầu tiến hành trình sát một cách kỹ lưỡng từ trên không, bằng cách trước hết sử dụng các máy bay không người lái, đề ra những cách thức mới và chiến thuật mới trong việc tiến hành không kích. .

Xin kể đôi lời về câu chuyện trước đó. Việc đào tạo các chuyên viên quân sự Việt Nam được tiến hành tại hai trung tâm huấn luyện. Trung tâm huấn luyện số 1 được hình thành gồm các sĩ quan và binh sĩ thuộc Binh chủng phòng không Quân khu Mátxcova, Trung tâm huấn luyện số 2 - nơi tôi làm việc gồm các sĩ quan và binh sĩ thuộc Binh chủng phòng không Quân khu Ba cu.

Chúng tôi đến Việt Nam ngày 30-4-1965. Ra đón chúng tôi có Phó tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân của Việt Nam là tướng Đỗ Đức Kiên (sau này là giám sát viên thường trực theo dõi việc thành lập các đơn vị tên lửa phòng không); Chỉ huy trưởng Trung đoàn tên lửa phòng không 238 tương lai của Việt Nam - Thiếu tá Hội (XOH), các Viên phó của ông; ngoài ra còn có Đại tá A. M. Đudra, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô thuộc binh chủng tên lửa phòng không.

Về phía Liên Xô, những sĩ quan chỉ đạo xây dựng trung đoàn tên lửa phòng không gồm có: Đại tá (từ tháng Mười là Thiếu tướng) Nicôlai Vaxiliêvích Bagienốp - Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trung tâm huấn luyện, Thiếu tá Anatôli Bôrixôvích Dai ca - Kỹ sư trưởng thuộc nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô, Đại tá Ivan Ivanôvích Xmirnốp - Phó trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô, phụ trách công tác chính trị.

Về phía Việt Nam, chỉ huy trung đoàn tên lửa là Thiếu tá Hội - người dường như đã tham gia tất cả các cuộc chiến tranh giải phóng mà nhân dân Việt Nam tiến hành trong thế kỷ XX. Thiếu tá Hội là người có học vấn cao, kiên định, có đầu óc thực tế, là một người luôn luôn hoàn thiện những kiến thức của mình. Ông biết cách tổ chức các quan hệ công tác bình thường với các chuyên gia Liên Xô. Chúng tôi cũng hướng tới điều đó: cho nên vấn đề này đã được giải quyết khá nhanh chóng. Đây là nguyên nhân đầu tiên và có thể là một trong những nhân tố chủ yếu tạo ra hoạt động có kết quả của một tập thể đa dân tộc.

Về phía Việt Nam, Kỹ sư trưởng là đồng chí Ngọc - một chuyên gia có trình độ chuyên môn cao. Ông đã tốt nghiệp tại một trong số những trường cao đẳng bách khoa kỹ thuật tại Mátxcova, nói thạo tiếng Nga. Điều này đã giúp ông nắm vững khá nhanh việc làm chủ bộ khí tài tên lửa phòng không. Những sĩ quan khác của trung đoàn này có trình độ hiểu biết khá thành thạo. Nhiều người trong số họ biết tiếng Nga vì trước đây đã từng học tập ở Liên Xô, một số người đã có kinh nghiệm tác chiến trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Bộ chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam đã thực hiện một công tác tổ chức rất quy mô. Những đơn vị vừa được thành lập được đặt dưới sự giám sát thường trực của Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân Lê Văn Tri. Người giám sát theo dõi lực lượng tên lửa phòng không là Phó Tư lệnh phòng không - không quân của Việt Nam Đỗ Đức Kiên. Ông là người rất có thiện cảm với các chuyên gia Liên Xô, luôn luôn nắm chắc các nhu cầu của chúng tôi không chỉ những nhu cầu quân sự, mà cả các nhu cầu về sinh hoạt.

Việc đào tạo các chuyên gia Việt Nam được bắt đầu từ giờ làm việc chung đầu tiên. Công việc bốc dỡ khí tài, hành quân, triển khai các bộ khí tài tên lửa... Sự chung vai sát cánh trong công việc đã trở thành nền tảng cho sự hiểu biết lẫn nhau. Các bạn Việt Nam đã hiểu ra rằng chúng tôi cũng là con em của nhân dân lao động giống như họ. Điều đó rất quan trọng trong tình

Chúng tôi cố gắng làm cho những học viên của chúng tôi và cũng là những bạn chiến đấu của chúng tôi trong tương lai hiểu rõ rằng: chúng tôi đến đất nước họ không chỉ đơn giản là những chuyên gia quân sự - các giảng viên, theo quy chế chính thức. Chúng tôi còn là những chiến sĩ mà khi cần thiết sẽ không chỉ đưa ra những đòi hỏi thi hành điều lệnh chiến đấu và các chỉ dẫn chiến đấu, mà sẽ còn phải hành động. Ngoài ra, chúng tôi có quy định luôn luôn nói sự thật dù đó là sự thật khó nghe. Và còn một điều nữa - chúng tôi luôn luôn thể hiện ý thức trách nhiệm cá nhân trước công việc được giao phó, ý thức tự hào thầm lặng, ẩn kín bên trong về đất nước mình.

Tất cả những yếu tố đó là cơ sở cho quan hệ giữa chúng tôi với các bạn Việt Nam. Phải nói rằng các bạn Việt Nam đã hiểu đúng và đánh giá đúng những hành động của chúng tôi. Tất nhiên, cũng còn nhờ kinh nghiệm của vị Chỉ huy Trung tâm huấn luyện là tướng N. V. Bagienốp - người đã từng tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại - và của vị Phó chỉ huy phụ trách công tác chính trị là Đại tá I. I. Xmirnốp.

Ngày 20-6, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa I. X. Sébacốp đến thăm Trung tâm của chúng tôi. Phát biểu trước toàn thể đơn vị chúng tôi, Đại sứ nói: "Hoạt động chiến đấu của các đồng chí tại các trận địa, số lượng máy bay Mỹ bị bắn rơi, quan hệ công việc cụ thể với các chiến sĩ Việt Nam sẽ là hòn đá tảng cho việc cải thiện các quan hệ chính trị, ngoại giao và quan hệ hữu nghị với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa". Chúng tôi đã ghi nhớ điều này, nhất là vào thời điểm ấy quan hệ với Việt Nam trong tình hình không đơn giản. Cần phải làm việc khéo léo, bằng những cử chỉ tế nhị và cởi mở để tạo bước ngoặt trong tình hình lúc bấy giờ.

Ba tháng trôi đi nhanh như một tuần lễ. Các đồng chí Việt Nam đã học được nhiều điều. Đã thiết lập được những quan hệ tốt đẹp. Trong những phút nghỉ ngơi chúng tôi đã thi đấu bóng chuyền, chơi bóng bàn... Nhưng tình hình trên không thay đổi không phải theo chiều hướng tốt. Mệnh lệnh thành lập các tiểu đoàn hoả lực và chiếm lĩnh các trận địa đã được ban hành.

Trên thực tế, vào thời điểm ấy, cả các tiểu đoàn, cả các trung đoàn, nếu chỉ có lực lượng chuyên gia Việt Nam thì chưa đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã thông qua quyết định: thành lập các khẩu đội chiến đấu có quân số rút gọn gồm các chuyên gia quân sự Liên Xô với khoảng 35-40 người trong biên chế mỗi tiểu đoàn tên lửa.

Số chuyên gia còn thiếu đã được Liên Xô gửi gấp sang. Trong một thời gian hết sức ngắn các khí tài đã được chuyển đến. Chỉ mất chưa đầy một tháng để thành lập và trang bị cho trung đoàn. Chúng tôi đã chuẩn bị chiến đấu cho các tổ hợp tên lửa phòng không, các quả tên lửa, tổ chức hoạt động của các khẩu đội chiến đấu.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô hiểu rõ rằng phía trước là những trận chiến đấu thực sự chống một kẻ thù rất mạnh, do vậy họ đã làm việc hết mình. Các bạn Việt Nam cũng làm việc tích cực như thế.

Ngày 20-9-1965 Trung đoàn tên lửa phòng không số 238 của Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh trận đầu. Trong ngày hôm ấy Tiểu đoàn 83, dưới sự chỉ huy của Thiếu tá G. X. Rugiúrc (sĩ quan điều khiển tên lửa là Trung úy A. N. Ôpáccô), đã đánh 3 trận và đã bắn rơi 3 máy bay.

Ngày 1-10 tiểu đoàn của Trung tá Bôrixốp đã đánh 2 trận và bắn rơi 2 máy bay.

Ngày 5-10 tiểu đoàn của Thiếu tá A. G. Têrêscô đã tiêu diệt 4 máy bay.

Ngày 17-10 Tiểu đoàn 82 của Trung tá I. A. Liakisép đã tiêu diệt 2 máy bay địch.

Trận chiến đấu ấy đầy kịch tính và nặng nề. Lúc đầu tiểu đoàn này bị máy bay Mỹ bắn phá làm cho các bộ khí tài tên lửa bị hư hỏng nghiêm trọng. Tưởng chừng như tiểu đoàn đã bị loại khỏi vòng chiến đấu trong thời gian dài. Tốp máy bay thứ hai của địch đã chuẩn bị thực hiện cú đánh thứ hai để kết liễu. Nhưng anh em trong đơn vị đã không sờn lòng - họ đã khôi phục tư thế sẵn sàng chiến đấu của bộ khí tài và đã dùng hỏa lực đánh trả đợt tấn công thứ hai của máy bay địch. Họ đã tiêu diệt 2 máy bay cường kích của hải quân Mỹ. Hoan hô! Chiến thắng khó khăn nhất là chiến thắng lần đầu, nhưng chiến thắng ấy quý giá hơn cả trăm lần so với chiến

thắng dễ dàng. Trong trận chiến đầu ấy chúng tôi đã chịu những tổn thất đầu tiên - anh chiến sĩ V. E. Xmirnốp đã bị tử thương.

Tổng thành tích của trung đoàn trong những trận đầu là 11 chiếc máy bay đã bị bắn hạ. Đối với các học viên thì đây là kết quả đầy ấn tượng, và thú thực các ông thầy cũng tỏ ra hài lòng. Tóm lại, tất cả các tiểu đoàn hỏa lực đã giành thắng lợi khi trải qua tất cả những thử thách đầu tiên trong chiến đấu - khí tài không phụ lòng tin, bản thân chúng tôi đã không sờn lòng. Trong những trận chiến đầu ấy những học viên của chúng tôi - các bạn Việt Nam đã xứng đáng với những lời khen cao nhất về tinh thần hy sinh quên mình, tinh thần dũng cảm và tinh thần can đảm rất cao trong quá trình nắm vững khí tài tên lửa phòng không.

Về sau chiến thuật phục kích đã được áp dụng khá rộng rãi. Những đơn vị thực hiện các trận phục kích gồm cả những tổ hợp hỗn hợp, cũng như các bộ khí tài tên lửa phòng không đơn lẻ. Trận địa phục kích được xây dựng ở cạnh những mục tiêu bị máy bay Mỹ bắn phá thường xuyên nhất, hoặc trên lộ trình của các máy bay Mỹ. Đôi khi còn lập ra những cái bẫy phục kích.

Ý nghĩa của những trận phục kích ấy là như thế này: tạo ra một cụm pháo cao xạ khá mạnh và trong điều kiện nguy trang rất kín. Bộ khí tài tên lửa phòng không được ghép vào cụm pháo cao xạ ấy và khi mục tiêu xuất hiện thì khai hỏa. Sau khi trận đánh kết thúc, bộ khí tài tên lửa liền lập tức rời khỏi trận địa. Trận địa này được nguy trang thành một trận địa tên lửa đang hoạt động. Cụm pháo cao xạ nín thở chờ đợi và thường thì không phải chờ đợi uống công.

Mục đích chính của không quân Mỹ khi phát hiện ra tên lửa phòng không là tiêu diệt nó ngay. Để thực hiện mục đích này không quân Mỹ đã sử dụng mọi phương cách có thể. Nhưng các chiến sĩ phòng không cũng sẵn sàng đối phó. Sự trừng phạt thật khốc liệt - những máy bay bay tầm thấp khi tấn công đã phải hứng chịu hỏa lực pháo bắn vào tới tấp. Bằng cách ấy ta đã bắn hạ được hai, ba máy bay, có khi còn bắn hạ được nhiều hơn thế. Các chiến sĩ cao xạ rất hãnh diện với những trận đánh như vậy mỗi khi giành thắng lợi. Những trận đánh như vậy chẳng những gây tổn thất vật chất đáng kể cho không quân Mỹ, mà còn giáng đòn mạnh về phương diện tinh thần - tâm lý. Các phi công ghi nhớ rất lâu những cú đánh như thế.

Chiến thuật phục kích đã đem lại những kết quả tích cực. Nó làm rối mù các số liệu trinh sát của cơ quan trinh sát đường không của địch, tạo cơ hội giáng những đòn hữu hiệu bất ngờ vào các tổ hợp máy bay, khiến những máy bay ấy luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng, buộc kẻ địch phải hao tổn một khối lượng to lớn về sức lực, tiền của vào khâu trinh sát và đảm bảo hoàn thành trận đánh của không quân. Nghĩa là trên thực tế, chiến thuật ấy làm tăng khả năng đối phó và hiệu quả của Binh chủng phòng không - không quân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Các trận đánh vẫn tiếp diễn. Sau những trận thắng đầu tiên giành được tương đối dễ dàng, bắt đầu diễn ra những trận đánh không thành công. Kẻ địch buộc phải thay đổi chiến thuật. Không quân Mỹ áp dụng chiến thuật đánh thọc sâu vào các tiểu đoàn, sử dụng có hiệu quả những cuộc tấn công ở tầm thấp. Các máy bay đã được trang bị những thiết bị cảnh báo khi lọt vào vùng phủ sóng của bộ khí tài tên lửa phòng không và cảnh báo về các tên lửa xuất phát. Chúng áp dụng những hình thức gây nhiễu tích cực, học các cách cơ động tránh tên lửa. Địch bắt đầu sử dụng các loại tên lửa tự tìm mục tiêu có tên gọi là "Sraico". Bắt đầu diễn ra cuộc đấu trí - từ trắc thủ vận hành máy bám sát mục tiêu bằng tay, sĩ quan điều khiển đường bay của tên lửa, viên chỉ huy tiểu đoàn ra lệnh phóng tên lửa, cho đến các phòng thiết kế trung ương nghiên cứu và tạo ra các khí tài.

Trong những điều kiện như vậy, các nhân tố quyết định sẽ là:

1. Kinh nghiệm và tài nghệ của sĩ quan phóng tên lửa, sự kiên định và lòng dũng cảm của sĩ quan ấy.
  2. Tài nghệ của sĩ quan điều khiển tên lửa, sự kiên định và thao tác ăn nhịp của toàn thể khẩu đội các trắc thủ bám sát mục tiêu bằng tay.
  3. Tài nghệ và động tác nhịp nhàng của khẩu đội kỹ thuật tên lửa và khẩu đội bệ phóng.
- Đó là những yếu tố cơ bản của nghệ thuật và kinh nghiệm chiến đấu. Tôi muốn dẫn ra đây

một vài ví dụ để cho thấy những đặc điểm tác chiến của các bộ khí tài tên lửa phòng không và tài nghệ của một số trác thủ tên lửa.

Để bảo vệ cây cầu đường sắt bắc qua sông Hồng tại khu vực thành phố Hải Dương, người ta đã thiết lập nên một cụm pháo cao xạ khá mạnh, trong đó gồm có cả tiểu đoàn tên lửa phòng không của chúng tôi. Hoạt động tác chiến ở tiểu đoàn này không được suôn sẻ. Tình hình này gây lo lắng cho bộ chỉ huy Việt Nam, cũng làm cho chúng tôi lo ngại. Khi kiểm tra đã phát hiện thấy cần phải thay trác thủ làm nhiệm vụ phóng tên lửa: tuy được đào tạo tốt và nắm được kiến thức, nhưng trong hoàn cảnh chiến đấu viên sĩ quan này tỏ ra yếu thần kinh, làm ảnh hưởng đến toàn khẩu đội và làm cho các thao tác không vững vàng.

Trên thực tế đã không có sự lựa chọn - mọi người lúc đó đang trong quá trình tích lũy kinh nghiệm. Vậy là chúng tôi đã chọn Đại úy Iuri Pêtorôvích Bôgđanốp. Chính sĩ quan này trong thao tác chiến đấu mới có thể tập trung hoàn toàn sự chú ý và bắt toàn thể khẩu đội chiến đấu phải làm việc tập trung, với tất cả sức lực.

Trong 3 ngày tiểu đoàn này đã bắn rơi 5 máy bay. Đó là ví dụ cho thấy ý nghĩa, vai trò của trác thủ phụ trách khâu khai hoả tốt. Đối với tiểu đoàn này thì đó là tất cả? Về sau, con số các trận đánh thắng của tiểu đoàn này đã tăng lên. Tiểu đoàn đã đi vào quỹ đạo bình thường của công việc chiến đấu. Vì những trận đánh thắng đó, Đại úy Bôgđanốp đã được đề nghị phần thưởng cao, nhưng đồng chí ấy chỉ được tặng thưởng lần thứ hai Huân chương Sao Đỏ. Sau này, khi trở về Liên Xô, Iu. P. Bôgđanốp đã trở thành chỉ huy cấp lữ đoàn, quân đoàn, đã tốt nghiệp Học viện quân sự của Bộ Tổng tham mưu, đã làm việc tại Bộ Tổng tham mưu.

Tôi xin dẫn ra đây một ví dụ nữa: các tiểu đoàn chúng tôi bị đánh phá nghiêm trọng do các máy bay bay ở tầm thấp. Miền Bắc Việt Nam là khu vực có khá nhiều núi, cộng với những lưu vực đồng bằng của các con sông. Do vậy có rất nhiều cơ hội để máy bay bí mật tiến đến các mục tiêu trận địa của chúng tôi.

Thiếu tá A. G. Têrêscô đã bố trí một chiến sĩ, có trang bị điện thoại, chốt trên một ngọn núi ở hướng nam là hướng nguy hiểm nhất. Chiến sĩ ấy chỉ có một nhiệm vụ: không được bỏ qua các máy bay tập kích từ hướng đó! Nếu phát hiện thấy máy bay địch thì phải gọi điện báo cáo ngay? Phải “gắn ống nghe vào tai”. Việc “gắn ống nghe vào tai” cũng liên quan đến một chiến sĩ khác ngồi trong ca bin U ngay cạnh sĩ quan chỉ huy.

Vào thời điểm tiểu đoàn chuẩn bị khai hoả vào mục tiêu bay đến từ hướng bắc thì lại có báo cáo của trác thủ quan sát: “Mục tiêu đã ở bên cạnh, nó tiến đến từ hướng nam!” Lập tức các cần ăngten đổi hướng quay, diễn ra các thao tác tìm mục tiêu, bắt mục tiêu, phóng tên lửa. Thế là mục tiêu đã bị tiêu diệt. Các ăngten lại lập tức chuyển về hướng khác. Vẫn đủ thời gian để bắn vào mục tiêu tiến đến từ hướng bắc. Dĩ nhiên, trường hợp này nghe ra có vẻ hài hước, nhưng là trường hợp bổ ích, tuy đó là trường hợp cá biệt. Tôi dẫn ra ví dụ này, bởi vì trong chiến đấu tất cả mọi phương pháp đều tốt miễn là đem lại chiến thắng.

Mỗi trận đánh qua đi chúng tôi lại tích lũy thêm kinh nghiệm, các học viên có thêm kiến thức. Các bạn Việt Nam thật sự khao khát được tác chiến độc lập. Trận đánh mà tôi xem như cuộc sát hạch về khả năng tác chiến độc lập của các bạn Việt Nam là trận đánh do họ thực hiện tại vùng núi Bắc Việt Nam. Kết quả trận đánh này là một máy bay do thám đã bị bắn rơi. Nó bay tới từ Thái Lan và tiến hành việc chỉ điểm cho các trận oanh kích của máy bay Mỹ, tung ra những biện pháp tích cực để gây nhiễu mạnh và tiến hành một cuộc trinh sát thật sự bằng radar. Nó làm cho tất cả chúng tôi rất bức mình. Bộ chỉ huy Phòng không - không quân của Việt Nam đã trao cho Trung đoàn tên lửa phòng không số 238 nhiệm vụ bắn hạ chiếc máy bay này.

Lúc đầu nhiệm vụ này có vẻ là một sự phiêu lưu hoàn toàn. Nhưng lòng quyết tâm, lòng kiên trì, sự tính toán tinh táo và niềm tin vào sức mạnh của mình đã thắng. Chúng tôi đã tìm được một bãi phẳng không rộng trong vùng núi. Tại đó, thật ra chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn mới triển khai được bộ khí tài tên lửa phòng không: các ca bin chức năng của khẩu đội kỹ thuật vô tuyến được bố trí sát ngay dưới tán lá cây um tùm, còn các bệ phóng thì được bố trí dưới các cây với những khoảng cách tối thiểu. Không biết bằng cách nào mà chúng tôi đã kéo được khí tài vào vùng núi bằng qua những địa hình không có đường sá gì cả, đó là điều không thể tưởng



tượng nổi. Chúng tôi nguy trang, ẩn kín tại địa điểm phục kích và chờ đợi. Chúng tôi phải chờ đợi lâu nhưng đã chớp được thời cơ và hạ được chiếc máy bay ấy. Đó là chiến thắng lẫy lừng! Cả một ngày trời máy bay Mỹ rà soát kỹ lưỡng khu rừng núi ấy để tìm kiếm tiểu đoàn chúng tôi, nhưng vô hiệu.

Cuối tháng 10-1965 Bộ chỉ huy Phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam và ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã quyết định rút một bộ phận chuyên gia Liên Xô ra khỏi Trung đoàn tên lửa phòng không số 238, và chỉ để lại - trong các khẩu đội kỹ thuật vô tuyến của các tiểu đoàn - một khẩu đội chiến đấu hạn chế, gồm: sĩ quan phóng tên lửa, trưởng nhóm chuyên gia Liên Xô bên cạnh viên chỉ huy tiểu đoàn tên lửa của Quân đội nhân dân Việt Nam, các kỹ thuật viên của tất cả các hệ thống và 2 - 3 trác thủ vận hành máy theo dõi mục tiêu bằng tay để giúp phía Việt Nam trong tác chiến và hoàn tất khâu huấn luyện. Tổng số các chuyên gia quân sự Liên Xô trong một tiểu đoàn được quy định trong giới hạn 11 - 13 người, cộng với các chuyên gia của tiểu đoàn kỹ thuật và trung đoàn. Trong mỗi trung đoàn tổng số chuyên gia Liên Xô phải giới hạn ở con số 50 - 60 người.

Tôi được bổ nhiệm làm Trưởng nhóm chuyên gia này. Tất cả những ai không thuộc vào nhóm này đều chuyển về Khách sạn Kim Liên và nóng lòng chờ chuyến bay đặc biệt để trở về nước. Công việc ở trung đoàn thì vẫn tiếp tục với nhịp độ và với những nhiệm vụ như trước. Trước mắt chúng tôi là sự trưởng thành của các chuyên gia tên lửa của Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo đà trình độ của họ tăng lên thì có sự giảm bớt số lượng chuyên gia Liên Xô trong các tiểu đoàn thuộc trung đoàn này. Thoạt đầu là các chiến sĩ Việt Nam ngồi sau những cần điều khiển để trực tiếp vận hành máy bám sát mục tiêu, sau đó đến lượt các sĩ quan điều khiển tên lửa người Việt Nam.

Đó là giai đoạn chót của đợt công tác của chúng tôi tại trung đoàn. Giai đoạn này kết thúc vào tháng 4-1966. Những sĩ quan Liên Xô phụ trách điều khiển tên lửa và các sĩ quan phóng tên lửa là những người cuối cùng rời các trận địa của các tiểu đoàn. Tại trung đoàn này chỉ còn lại tập chuyên gia quân sự Liên Xô với khoảng 10 người để giúp sửa chữa, khai thác các bộ khí tài tên lửa và để giúp giải quyết nhiều vấn đề khác mà nhiều khi không lường trước được trong hoàn cảnh tác chiến.

Về sau, trên thực tế Trung đoàn tên lửa phòng không số 238 của Việt Nam đã độc lập tác chiến và, như tôi được biết, trong suốt cuộc chiến tranh trung đoàn này đã bắn rơi khoảng 360 máy bay Mỹ, trong đó lần đầu tiên đã bắn rơi máy bay ném bom chiến lược B-52. Nhưng trung đoàn ấy không đơn độc. Các con số tổng kết về cuộc chiến tranh đã qua đi từ lâu cho thấy Bình chủng tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam đã bắn rơi 1293 máy bay chiến đấu của không quân Mỹ, trong đó có 54 máy bay B-52. Việt Nam có lý do để tự hào, cả chúng tôi những chiến sĩ Liên Xô, cũng có lý do để tự hào.

Tôi không thể không nói đến đóng góp cá nhân của một số chuyên gia chúng tôi vào thắng lợi chung - đó là các viên chỉ huy các tiểu đoàn, các sĩ quan phóng tên lửa.

Khi phân tích hoạt động chiến đấu của các sĩ quan phóng tên lửa thuộc các tiểu đoàn hỏa lực của trung đoàn tên lửa, ta có thể lấy làm hài lòng nêu lên rằng tất cả các đồng chí ấy và các khẩu đội chiến đấu của họ đã hành động một cách hoàn toàn kết quả:

- Thiếu tá A. G. Têrêscô đã tham gia 11 trận, và đã bắn hạ 10 máy bay;
- Thiếu tá G. X. Rugin - tham gia 9 trận, bắn hạ 8 máy bay;
- Trung úy kỹ sư lu. P. Bôđanốp đã tham gia 10 trận, hạ 8 máy bay;
- Trung tá Bôrixốp tham gia 7 trận, hạ 5 máy bay;
- Trung tá I. A. Liakisép - tham gia 8 trận, hạ 5 máy bay;
- Thượng úy V. X. Tikhômirốp - tham gia 6 trận, hạ 5 máy bay.
- Trung úy kỹ sư A. A. Pimênốp - tham gia 2 trận, hạ 2 máy bay địch.

Trong thời gian từ 20-9-1965 (đây là trận đầu tiên của các chuyên gia quân sự Liên Xô trong thành phần Trung đoàn tên lửa phòng không số 238) đến ngày 17-4-1966 (là trận cuối

cùng dưới sự chỉ đạo của các chuyên gia quân sự Liên Xô) tổng thành tích là như sau: trong 61 trận đã hạ được 48 máy bay Mỹ, số lượng tên lửa bắn đi là 71 quả.

Trên thực tế cứ một quả rươi tên lửa được phóng đi thì có một chiếc máy bay Mỹ bị bắn hạ. Đây là hiệu suất rất cao.

Các sĩ quan điều khiển tên lửa: Đại úy V. A. Iuriép, Thượng úy I. N. Pruxốp, Trung úy A. N. Ôpácô mỗi người đã bắn hạ được 5 máy bay và nhiều hơn thế. Không lời khen nào tả xiết đối với các trác thủ ở các bộ phóng dưới sự chỉ huy của Đại úy N. A. Ghêlêvêra, Thượng úy Iu. A. Đemsencô, Trung úy Iu. N. Dakhmulốp.

Trung úy V. L. Bungacốp đã lao động quên mình trong việc duy trì tư thế sẵn sàng chiến đấu của trạm trinh sát và chỉ thị mục tiêu không chỉ trong trung đoàn chúng tôi, mà cả ở trung đoàn khác nữa. Đó là một sự lao động nặng nhọc, mất ngủ và đã được tuyên dương bằng Huân chương Cờ đỏ và Huy chương Dũng cảm.

Làm sao có thể quên được những trác thủ vận hành máy bám sát mục tiêu bằng tay, những con người bình thường luôn luôn khiêm tốn và không thể thay thế được: trung sĩ A. A. Môđênốp, các chiến sĩ V. V. Dốpnhin, V. A. Lâysencô, V. N. Ruđencô. Họ đã đưa ra những thông tin về bầu trời với số lượng tối thiểu những sai sót.

Các chuyên gia thuộc tiểu đoàn kỹ thuật đã có đóng góp xứng đáng vào những thành tích chung: Trung tá N. I. Ivanốp - chỉ huy, Đại úy A. E. Vôn cốp, Đại úy V. A. Xêcrêtariúc, Đại úy V. A. Ilin.

Nhiều người chúng tôi lẽ ra đã gặp biết bao chuyện chẳng lành nếu không có những lời khuyên và những yêu cầu cứng rắn nhưng đầy thiện ý của người bác sĩ của chúng tôi là ông Xavêli Ignatôvích Mác cốp. Tôi cũng muốn dành những lời triu mến về vị chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không số 238 của Quân đội nhân dân Việt Nam là đồng chí Hội, vị chính ủy của ông là đồng chí Bích, tham mưu trưởng Sơn, kỹ sư trưởng Ngọc và tất cả các chiến sĩ và sĩ quan của trung đoàn này.

Tôi muốn bạn đọc đừng tưởng rằng nhìn chung những thắng lợi đã giành được một cách dễ dàng. Không phải như vậy, hoàn toàn không. Các phi công Mỹ không phải là những "cậu bé dễ bắt nạt". Đó là những chiến binh có kinh nghiệm, dũng cảm, có định hướng mục tiêu, nắm rất vững các kỹ thuật tiên tiến thời kỳ ấy và có trong tay những vũ khí hùng hậu. Giao chiến với các phi công ấy đòi hỏi phải có tinh thần hoàn toàn quên mình. Có như vậy chúng tôi mới giành được thắng lợi.

Thành phố Balasích, ngày 17-8-2000

\*\*\*

# THƯỢNG SĨ CẬN VỆ CÔLÊXNHÍCHNICÔLAI NICÔLAÊVÍCH. Giáo Sư danh dự của RAEN (PAEH)

Ông sinh ngày 28-1-1943 tại tỉnh Khác cốp. Năm 1959 tốt nghiệp trung học phổ thông, năm 1951 tốt nghiệp Trường kỹ thuật số 15 tại thành phố Gorlốpca, sau đó làm việc tại Sở hiệu chỉnh máy tự động của thành phố Gorlốpca, là thợ hiệu chỉnh điện các máy tự động trong thang máy của mỏ.

Từ năm 1963 đến năm 1956 phục vụ trong Quân đội Xôviết theo chế độ nghĩa vụ.

Từ tháng 7-1965 đến tháng 3-1966 ông đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam. ông từng là chỉ huy bộ phóng - phó chỉ huy trung đội, chỉ huy trung đội thuộc đại đội bộ phóng của Trung đoàn tên lửa phòng không số 236, sau đó là Trung đoàn số 261 của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Năm 1972 ông tốt nghiệp Đại học Năng lượng Mátxcova, là cán bộ phụ trách cơ khí - năng lượng của phân xưởng, kỹ sư thiết kế chính, phân xưởng trưởng tại các xí nghiệp công nghiệp hàng không và công nghiệp quốc phòng, đồng thời làm công tác giảng dạy.

Từ năm 1994 là chuyên gia chính, sau đó là Trưởng ban Kỹ thuật điện của Đuma quốc gia.

Năm 1994 ông được bầu làm Chủ tịch Đoàn chủ tịch Hội cựu chiến binh liên vùng của các cựu chiến binh đã chiến đấu tại Việt Nam.

Ông được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ và 8 huy chương, trong đó có Huy chương Lão thành lao động, Vì sự củng cố cộng đồng chiến đấu, “Chiến đấu vẻ vang, cũng như Huy chương Hữu nghị của Việt Nam và các huy hiệu Chiến sĩ quốc tế, Cựu chiến binh của Binh chủng phòng không Liên Xô và Việt Nam.

# CHUYỂN CÔNG TÁC BÍ MẬT ĐẾN VIỆT NAM

Cuối tháng 3-1965 người ta đã triệu tập chúng tôi - gồm 5 người thuộc khẩu đội bê phóng của Tiểu đoàn số 3 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không cận vệ Putilốpxcơ - Kirốpxki số 236 - lên phòng tham mưu trung đoàn. Có một người trong số những người tiền chúng tôi hình như đó là Chuẩn úy Suxtanốp, đã nói đùa?

- Các anh ấy sẽ sang Việt Nam.

Anh ấy nói bằng quơ như vậy...

Chẳng bao lâu sau đó chuyện này đã thật sự diễn ra.

Tại phòng tham mưu, sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn chúng tôi Thiếu tá cận vệ Ivan Cônxtantinôvích Prôxcurnin, đã chờ sẵn chúng tôi. Tại đó còn có những binh sĩ và hạ sĩ quan thuộc các tiểu đoàn khác trong cùng trung đoàn chúng tôi. Tất cả gồm 15 người.

Trong tiểu đoàn chúng tôi, trừ viên chỉ huy ra, đã có mặt gần như toàn bộ Trung đội 2 của tôi thuộc các khẩu đội bê phóng: binh nhất Raphain (Tôlia) Akhunốp, binh nhì Alếchxây Phômisép thuộc khẩu đội 5 và binh nhất Anatôli Psênhisnư và binh nhì Ânđrây Xáptrúc thuộc khẩu đội 6. Trong số những người thuộc những tiểu đoàn khác của trung đoàn có các trác thủ vận hành máy bảm sát mục tiêu bằng tay - các binh nhất Alếchxanđơ Buốcxép, Tácđan Sécčoviani, Nicôlai Gavrilúc, trác thủ vận hành máy bảm sát mục tiêu bằng tay - binh nhất Víchto Cubusép và trác thủ bê phóng - binh nhì Ivan Agalacốp.

Người ta đã mời Đại tá cận vệ An tôn Xtêpanôvích Pôbôgiacốp đến phòng làm việc của vị chỉ huy Trung đoàn. Đại tá Pôbôgiacốp nói với chúng tôi:

- Dự kiến sẽ có chuyển công tác đến một đất nước có khí hậu nhiệt đới để thực hiện nhiệm vụ quan trọng trong những điều kiện sát với những điều kiện chiến đấu. Cần có những người được đào tạo tốt, nắm vững các phương tiện kỹ thuật chiến đấu. Có những đòi hỏi đặc biệt về kỷ luật. Do vậy các đồng chí được đề cử thực hiện nhiệm vụ này. Trưởng nhóm của các đồng chí sẽ là Thiếu tá cận vệ Prôxcurnin.

Sau cuộc trao đổi ngắn người ta dành cho chúng tôi thời gian suy nghĩ. Dĩ nhiên, chúng tôi đã đoán ngay được đó là đất nước nào.

Khi còn học ở trường phổ thông, tôi chỉ biết về Việt Nam qua sách giáo khoa môn địa lý, như là một nước nhiệt đới xa xôi vừa đánh đuổi được bọn thực dân Pháp. Còn bây giờ mỗi ngày, trong chương trình "Thời sự" buổi tối trên truyền hình, chúng tôi được xem những phóng sự truyền hình về những cuộc bắn phá của không quân Mỹ đánh vào miền Bắc Việt Nam.

Vì những lý do khác nhau đã có vài người từ chối việc đề cử sang Việt Nam (trong danh sách không ghi họ tên của họ). Số anh em còn lại đã phải trải qua đợt giám định y khoa nghiêm ngặt.

Tất cả những người đã qua đợt giám định y khoa thì được gửi đến Hội đồng quân sự của quân đoàn. Tại đó đã diễn ra cuộc trao đổi còn ngắn gọn hơn.

• Trước lúc lên đường đi xa

Từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 7-1965 chúng tôi gồm khoảng 80 người được tuyển từ các đơn vị khác nhau thuộc Binh chủng phòng không Quân khu Mátxcova, đã được tập kết tại khu quân sự của Trung đoàn tên lửa phòng không Putilốpxcơ - Kirốpxki, tại làng Mitinô.

Chỉ còn khoảng 3 tuần lễ là đến ngày lên đường..Chúng tôi luyện tập quân sự (nghiên cứu các điều lệnh về tác chiến và những hướng dẫn về khai thác các khí tài), cũng như rèn luyện thể lực.

Trước ngày lên đường mỗi người được phát một chiếc valy, khẩu phần thức ăn khô cho 3 ngày và quần áo dân sự.

Khi mặc "thường phục", chúng tôi - những quân nhân - không còn nhận ra nhau. Chỉ mãi vào ngày lên đường chúng tôi mới được phát hộ chiếu xuất cảnh và được nghe tuyên bố chính thức rằng chúng tôi lên đường sang Việt Nam, nhưng chúng tôi được lệnh tuyệt đối không được viết thư thông báo việc này cho gia đình. Trong thư viết về nhà tôi thông báo rằng kỳ nghỉ mà

người ta dành cho tôi sau kết quả kỳ kiểm tra mùa đông đã bị hoãn do có chuyển công tác biệt phái khẩn cấp và lâu dài.

Sau bữa trưa và buổi chia tay ngắn ngủi với bạn bè và với gia đình các sĩ quan - họ tiễn đưa chúng tôi như tiễn đưa người thân, - chúng tôi lên xe buýt và đến sân bay Socalop.

Chúng tôi bay trên loại máy bay AN-10B. Chúng tôi đáp xuống sân bay cuối cùng và ngủ qua đêm tại Ieccút. Đến mờ sáng chúng tôi đáp máy bay rời khỏi Ieccút. Sau hơn một giờ bay chúng tôi bay qua biên giới quốc gia Liên Xô - Mông Cổ, sau 2 giờ nữa thì bay qua biên giới Mông Cổ - Trung Quốc.

- Trung Quốc

Chúng tôi hạ cánh ở Bắc Kinh. Qua các ô cửa trên máy bay chúng tôi nhìn thấy những đội thiếu niên Trung Quốc cầm cờ hoa và biểu ngữ xếp hàng trên sân trước tòa nhà chính của sân bay. Từ các loa phóng thanh vang lên điệu nhạc hùng tráng và những tiếng hô chào mừng bằng thứ ngôn ngữ xa lạ mà chúng tôi không hiểu được.

Chẳng lẽ người ta đón chào chúng tôi một cách long trọng đến thế? - chúng tôi băn khoăn tự hỏi.

Chúng tôi bước xuống máy bay và nhìn thấy đoàn đại biểu Bắc Triều Tiên đang đi tới tòa nhà chính của sân bay. Bây giờ mọi chuyện mới rõ ràng.

Ra đón chúng tôi có các nhân viên thuộc Sứ quán Liên Xô và các vị đại diện của Trung Quốc. Tại quán ăn chúng tôi được phục vụ một bữa trưa ngon tuyệt. Sau đó chúng tôi được đưa về thành phố. Người ta bố trí chúng tôi nghỉ tại một khách sạn loại sang, trong những phòng có hai giường.

Đến sáng chúng tôi phân thành các tổ nhỏ đi vào phố. Trong các cửa hàng có đầy các loại hàng hóa khác nhau, nhưng không một ai mua sắm thứ gì - mọi thứ đều rất đắt do vậy không hề phải xếp hàng. Trong mỗi cửa hàng đều có treo những bức ảnh của Mác, Ăng ghen, Lênin, Xtalin và bức ảnh to nhất - bức ảnh Mao Trạch Đông.

Đến buổi chiều chúng tôi được đưa ra sân bay. Chúng tôi tiếp tục chuyến bay và có một lần hạ cánh giữa đường, tại sân bay của thành phố Sansa. Tại đó người ta mời chúng tôi tham quan xưởng thủ công nghệ thuật của địa phương. Cho đến bây giờ, bức tranh thêu hình con mèo con màu xám vẫn hiện rõ trước mắt tôi, với từng sợi lông như thật, còn chiếc râu thì động đậy như râu thật.

Cuối cùng, máy bay của chúng tôi bay tiếp về hướng nam.

- Trên đất Việt Nam

Chúng tôi đã bay gần nửa giờ trên lãnh thổ Việt Nam. Máy bay hạ độ cao. Qua cửa khoang máy bay, chúng tôi chăm chú quan sát tấm thảm ghép nhiều mảnh được ánh nắng rọi vào - đó là những thửa ruộng hình chữ nhật chủ yếu có màu xanh ngọc bích. Trên những thửa ruộng ấy thấp thoáng những chiếc nón màu vàng nhạt của những người nông dân đang làm việc. Họ ngừng tay và ngoảnh mặt về phía máy bay của chúng tôi, họ vẫy tay chào. Máy bay lượn vòng, rồi hạ cánh. Chúng tôi hạ cánh xuống sân bay Gia Lâm của Hà Nội. Đây là lần đầu tiên chúng tôi bước chân đến đất Việt Nam, mà với thời gian đất nước này đã trở thành thân thiết đối với chúng tôi.

Ra đón chúng tôi là các chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam. Chúng tôi chăm chú nhìn vào nhau. Điều đập vào mắt chúng tôi là bộ quân phục lạ lẫm, mũ đội đầu, các phù hiệu phân biệt cấp bậc. Những khuôn mặt của các chiến sĩ Việt Nam cũng chưa quen đối với chúng tôi, khiến chúng tôi thấy khuôn mặt của họ đều giống nhau như những anh em sinh đôi.

“Tôi sẽ phân biệt họ bằng cách nào đây” - Tôi chợt nghĩ. Về sau mới rõ, người Việt Nam cũng thấy chúng tôi “có cùng một khuôn mặt”, chỉ có tuổi tác là khác nhau và cách ăn mặc có đôi chút khác nhau.

Lễ đón chính thức ngắn ngủi đã kết thúc. Chúng tôi được mời uống trà. Chúng tôi ngồi dưới “những cái ô” to rộng, được làm từ những chiếc dù của Mỹ và được giương lên cao trên những

chiếc sào bằng tre. Trong lúc uống trà đã diễn ra những cuộc làm quen ban đầu, nói chuyện với nhau thông qua phiên dịch. Các bạn Việt Nam đưa ra những câu hỏi xã giao truyền thống: “Tên đồng chí là gì?”, “Đồng chí bao nhiêu tuổi?”, “Sức khoẻ của đồng chí thế nào?”, “Đồng chí có gia đình chưa?”, “Đồng chí có bao nhiêu con?”.

Đến cuối buổi dùng trà tôi đã biết câu chào bằng tiếng Việt: “Xin chào” và “tạm biệt”. Vậy là dưới bóng chiếc dù của Mỹ đã diễn ra bài học tiếng Việt đầu tiên của tôi.

Chúng tôi phải đi khá lâu mới đến được nơi ở, vì đường bị cày xới bởi những hố bom sâu và tài xế phải luôn luôn tìm đường đi vòng.

Quang cảnh ở Việt Nam rất độc đáo và nổi bật là cảnh tĩnh mịch và hài hòa. Những thửa ruộng được ngăn cách bằng những bờ ruộng thẳng và những con mương tưới nước bé nhỏ. Mọi cảnh vật tưởng như yên bình và rất xa chiến tranh, nếu không có vô số những hố bom ....

Khi sắp tới Hà Nội, một chốt kiểm soát đã dừng xe chúng tôi. Người ta kiểm tra giấy tờ, nhưng khi biết trên xe là các đồng chí “Liên Xô” vừa từ Mátxcova tới thì họ ngừng kiểm tra, họ nở nụ cười chào đón và cho hay con đường này đã bị ném bom ban ngày, do vậy chúng tôi sẽ phải đi vòng rất xa.

Hà Nội vào buổi chiều tối đã đón tiếp chúng tôi với đông đảo người qua lại trên những con phố nhỏ. Những dòng người bất tận di chuyển theo các hướng ngược xuôi, làm sôi động không gian bằng tiếng người, thỉnh thoảng lại bị chặn lại bởi những chiếc ô tô rú còi inh ỏi. Đa số họ là những thanh niên. Tưởng chừng như chiến tranh đã không cản trở họ vui chơi giải trí và yêu nhau.

Nhằm mục đích nguy trang, về ban đêm phố xá Hà Nội không có đèn chiếu sáng. Do vậy, trong bóng tối thật khó ngắm nhìn thành phố này. Tuy nhiên, cũng đã hiện ra những kiến trúc với những hình dáng khác lạ đối với chúng tôi. Khi xe chúng tôi đang chạy trong thành phố thì Hà Nội đã bắt đầu chuẩn bị đi vào nghỉ ngơi có nhiều người chuẩn bị chỗ ngủ ngay trong sân nhà mình và thậm chí trên vỉa hè ở gần nhà. Tôi hỏi anh bạn Tuấn:

- Tại sao họ ngủ trên đường phố?

- Bởi vì, ban ngày các ngôi nhà xây đã bị hun rất nóng và đến tối thì trong nhà vẫn còn rất ngột ngạt. Hầu như không thể ngủ trong nhà được. Vì vậy, vào lúc nóng bức nhiều người không cần đến mái nhà. Đối với người Việt Nam sân và hè phố là sự tiếp nối của ngôi nhà, - anh bạn Tuấn giải thích như vậy.

Ngay trong đêm ấy tôi đã thấy rõ những lời anh Tuấn nói là đúng. Khi xe còn chạy, ngọn gió nhẹ thổi ngược chiều còn thấy mát đôi chút, cho nên chúng tôi chưa thấy khổ nhiều vì oi bức. Nhưng sau nửa giờ, sau khi chúng tôi đã tới nơi nghỉ qua đêm thì quần áo chúng tôi ướt đẫm mồ hôi, y như chúng tôi vừa giặt quần áo và mặc lên người mà chưa kịp phơi khô. Chúng tôi đã phải phơi quần áo suốt đêm ấy.

• Đêm đầu tiên ở xứ nhiệt đới

Hầu như chẳng có ai trong chúng tôi ngủ được. Người ướt đẫm mồ hôi, thỉnh thoảng chúng tôi trò chuyện với nhau, chia sẻ với nhau những ấn tượng trong những ngày gần đây. Tôi nằm nhìn qua ô cửa sổ, tôi ngắm bầu trời phương Nam chưa quen thuộc và lắng nghe những âm thanh lạ lẫm của màn đêm nhiệt đới.

Mãi đến gần sáng tôi mới chợp mắt được. Đến sáng, chúng tôi ngạc nhiên phát hiện ra rằng sau cả một đêm quần áo của chúng tôi không hề khô một chút nào... Hóa ra, vào mùa ấy độ ẩm trong không khí quá cao, đến nỗi ngay cả phơi. ngoài nắng chang chang thì quần áo cũng không khô hoàn toàn nếu không có gió thổi. Còn những vũng nước sau trận mưa rào thì vẫn còn nguyên, qua hàng tháng trời vẫn không cạn nước ngay cả vào thời tiết nóng bức nhất.

Đến đêm lũ muỗi đã quấy rầy chúng tôi ghê gớm. Khi bị chúng đốt trên da xuất hiện những nốt sưng và thấy rất ngứa, khiến người ta bất giác phải gãi vào những chỗ bị đốt. Những chỗ ấy biến thành mụn nhọt. Với độ ẩm cao và môi trường có nhiều vi trùng những mụn ấy không lành được trong nhiều tuần lễ. Loài muỗi rất háu ăn, nên chúng đốt xuyên qua cả quần áo và - như chúng tôi vẫn nói đùa - chúng đốt xuyên cả túi sau quần và xuyên thủng cả đế giày. Xin nói

thêm rằng chúng tôi đã phải nhanh chóng thay giày và chuyển sang loại mềm chân hơn, đó là những đôi dép cao su của Việt Nam mà đã có người trong chúng tôi gọi bằng một tên gọi chính xác là “dép nhũ”. Dù loại dép này quả thật dễ đi hơn.

Sau đó một ngày người ta đã phát cho chúng tôi một thứ đồ trang bị nữa, rất cần thiết trong hoàn cảnh lúc đó: mỗi người đều nhận được một mũ sắt do Liên Xô sản xuất. Và biết đâu được! Nếu ngày ấy tôi xem thường dụng cụ đội đầu cổ xưa ấy của các chiến binh thì có thể giờ đây tôi đã không còn để viết những dòng hồi ức này. Những chiếc mũ sắt đã bảo vệ chắc chắn những mái đầu của chúng tôi chống lại mảnh bom Mỹ và mảnh rốc két loại “không đối đất”. Việc được phát mũ sắt nhắc tôi nhớ đến chiến tranh... Và lại, chiến tranh cũng đã ngay lập tức tự nhắc đến sự hiện diện của nó.

- Cuộc oanh tạc đầu tiên

Đêm đã về khuya, chúng tôi bị đánh thức bởi những tiếng keng gõ vào thân quả bom Mỹ được buộc vào một cành cây - “Báo động có máy bay địch”. Tôi vớ lấy quần áo chiếc mũ sắt, chạy theo những người khác, tôi nhảy qua ô cửa sổ ra ngoài đường. Bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng rít làm thót tim, ập đến với tôi từ phía trên.

‘Bom rơi’, - bỗng vụt loé trong tôi ý nghĩ này.

Tôi ngã xuống, cầm đập vào nền đất ướt đẫm. Tôi đội mũ sắt lên đầu, lấy tay bịt tai lại và chờ tiếng nổ. Có vật gì đó rất to, với tiếng rít dữ dội, lao thẳng vào tôi. Tôi nằm ép chặt vào đất, trong tư thế bất động. Tưởng chừng như cả một thế kỷ đang trôi qua. Bỗng nhiên, những lưới lửa màu vàng cùng lúc đó rọi sáng những nòng pháo cao xạ dài ở phía bên phải tôi. Một loạt bom nổ. Tiếng nổ chát chúa của bom đập mạnh vào tai và trong khoảnh khắc đã không nghe thấy tiếng rít làm thót ruột gan.

Những tiếng nổ búp búp trên bầu trời, một tiếng nghe khô khốc như tiếng roi quất mạnh. Tiếng rít bỗng thay đổi, giọng điệu dữ dằn của nó thành một giọng thảm thiết, lặng đi rồi im bặt trong bất lực.

“VẬY là không phải bom” - tôi nghĩ vậy và với vẻ ngạc nhiên tôi nghe ngóng sự yên tĩnh bỗng nhiên trở lại.

Tôi từ từ đứng dậy và nhìn thấy có vật gì đó bùng cháy như cây nến lao nhanh xuống đường chân trời.

“Máy bay bị bắn rơi!”, - một ý nghĩ vụt loé trong tôi. Tôi nhìn dõi theo nó rơi xuống tận mặt đất. Một ánh chớp sáng rực trong khoảnh khắc đã chiếu sáng bầu trời. Sau đó dội lại âm thanh của một tiếng nổ đanh ở đằng xa...

20 phút sau còi báo yên vang lên. Trong trạng thái xúc động, run run, chúng tôi uể oải trở về phòng nghỉ của mình với hy vọng rằng có thể còn chợp mắt được cho đến bình minh. Đến sáng mới hay biết chiếc máy bay bị bắn rơi ban đêm đã rơi cách chỗ chúng tôi 8 km. Phi công trên chiếc máy bay này đã không còn cần đến chiếc ghế phóng dù.

Tôi ghi nhớ mãi cái đêm đầy lo âu đó. Đã trôi qua tuần lễ đầu tiên chúng tôi ở trên đất Việt Nam và cuộc chạm trán đầu tiên với chiến tranh...

Từ thời thơ ấu, trong tiềm thức, tôi hình dung chiến tranh như một con quái vật hung dữ và khủng khiếp. Từ chiến tranh” luôn luôn buộc tôi nhớ đến một từ khác - đó là từ “người cha” mà chiến tranh đã cướp đi mất của tôi.

Cha tôi, ông Nicolai Dimitrievich Côlêxnhích, một thượng sĩ cận vệ, pháo thủ thuộc Lữ đoàn xe tăng số 186, đã hy sinh ngày 30-10-1944 trong trận đánh giải phóng thành phố Liêpaia của Látvia. Ông đã được mai táng tại đó tại nghĩa trang chôn cất các liệt sĩ ở Prixcuncơ, với số mộ 1344. Hồi ấy ông mới có 20 tuổi.

- Bắt đầu công việc luyện tập

Sau vài ngày, tại vùng Hà Đông ở ngoại thành Hà Nội, chúng tôi đã tiếp nhận các khí tài, tháo dỡ chúng, tiến hành kiểm tra chức năng các hệ thống và bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của mình là: trong một thời gian ngắn huấn luyện cho các chiến sĩ Quân đội nhân dân

Việt Nam biết tác chiến và sau 3 tháng đưa Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên của Việt Nam vào hoạt động.

Trong thời gian thảo dỡ và kiểm tra khí tài chúng tôi đã có dịp làm quen hơn với vị chỉ huy Tiểu đoàn 61 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không số 236 là Đại úy Hồ Sĩ Hữu (Хо Ши Хуу), với các sĩ quan Việt Nam và với các khẩu đội bộ phóng của Việt Nam. Vị chỉ huy tiểu đoàn này nói và viết thạo tiếng Nga: năm 1964 ông đã tốt nghiệp Học viện sĩ quan binh chủng phòng không tại Liên Xô. .

Mỗi khẩu đội Liên Xô lại kèm cặp một khẩu đội Việt Nam, còn tại khẩu đội bộ phóng, do thiếu quân số, nên mỗi khẩu đội phải kèm cặp một trung đội. Tôi còn nhớ về người chỉ huy khẩu đội đầu tiên của tôi - đó là Trung sĩ Thành (Тхашъ). Anh ấy quê ở miền Nam (là người thành phố Sài Gòn), có vóc người cao hơn những người khác và có thân hình chắc nịch. Anh Thành rất cẩn thận và tập trung.

Trắc thủ số một trong khẩu đội - binh nhất Sơn (Шоh) là một chàng trai cần cù khiêm tốn. Đôi mắt của anh luôn nheo lại trong nụ cười e thẹn. Tuy trông có vẻ lù khù chậm chạp nhưng anh ấy đã học thành thạo trong việc thảo tác chiến đấu một cách rất chuẩn xác, nhanh hơn các trắc thủ số 1 ở những khẩu đội khác. Do vậy, mọi người đều quý trọng anh vì phẩm chất ấy.

Trắc thủ số 2 là binh nhất Tiến (ТйЕН), có tầm vóc không cao, nhanh nhẹn, rắn rỏi, tự biết giá trị của mình. Anh có tuổi đời lớn hơn so với anh Sơn và anh Lai (Лай) trắc thủ số 3. Cũng giống như anh Thành, anh Tiến mới 20 tuổi, còn anh Sơn và anh Lai thì mới vừa tròn 18 tuổi, nhưng vấn đề không phải ở tuổi đời.

Trước ngày trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập, anh Tiến phục vụ trong một trung đoàn xe tăng, đã chiến đấu ở miền Nam, rất yêu quý những gì liên quan đến xe bọc thép đã từng che chở anh trong chiến đấu. Anh không hài lòng khi được chuyển sang binh chủng tên lửa. Lúc đầu anh Tiến có thái độ hoài nghi đối với các phương tiện kỹ thuật tên lửa, đặc biệt không thích những động tác tập luyện nặng nhọc khi chuyển bộ phóng từ tư thế hành quân sang tư thế chiến đấu và ngược lại. Sau này, trong điều kiện chiến đấu anh ấy đã thảo tác tuyệt đối nhanh và chính xác. Sau khi chúng tôi bắn hạ được những chiếc máy bay Mỹ đầu tiên, anh Tiến thấy quý trọng tên lửa.

Pháo thủ số 3 là chiến sĩ Lai, có vóc người vừa phải, hơi gầy đã tốt nghiệp lớp 10 phổ thông trước khi nhập ngũ và làm nghề buôn bán nhỏ ở Hà Nội. Anh ấy là một thanh niên ham hiểu biết nhưng không cần mẫn lắm. Lúc đầu anh luôn phản ứng lại mọi mệnh lệnh và thậm chí đã tìm cách tranh cãi với anh Thành, nhưng anh Thành đã kiên quyết và bình tĩnh giữ ý kiến của mình.

Phải nói rằng Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập gồm những người có trình độ học vấn ít nhất là lớp 8 và đã đôi chút hiểu biết kỹ thuật. Trong số các sĩ quan có những người đã từng phục vụ trong pháo binh, từng là các chiến sĩ xe tăng và thậm chí là những nhân viên kỹ thuật của ngành hàng không. Một số người đã tốt nghiệp các trường quân sự, nhưng đa số họ đã học các lớp ngắn hạn đào tạo sĩ quan, còn khoa học quân sự thì họ tiếp nhận trong thực tiễn. Đa số các chàng trai xuất thân từ nông dân thì trước đó chưa hề nhìn thấy phương tiện kỹ thuật nào phức tạp hơn chiếc xe đạp. Tất nhiên, huấn luyện họ là công việc phức tạp... nhưng như người ta vẫn nói, nếu thực lòng mong muốn thì cái gì cũng có thể học được.

Trung đoàn đầu tiên cũng may mắn có người chỉ huy: Thiếu tá Nguyễn Văn Tuyên (Нрыех ВАН Тых) cũng nói thạo tiếng Nga, vì trước đó không lâu đồng chí này cũng tốt nghiệp Học viện quân sự tại Liên Xô.

Anh Tuyên là người chỉ huy có trình độ, là một người dũng cảm và táo bạo. Anh đã được đào tạo rất tốt về quân sự. Cách đây không lâu tôi được biết tin buồn: cựu chỉ huy của Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên, Trung đoàn 236 của Quân đội nhân dân Việt Nam, Anh hùng lực lượng vũ trang Việt Nam, Đại tá Nguyễn Văn Tuyên đã qua đời do những vết thương trong chiến tranh.

• Vài nét về Quân đội nhân dân Việt Nam



Vào thời ấy trong Quân đội nhân dân Việt Nam chưa có chế độ một thủ trưởng theo quan niệm của chúng tôi, vì trong một số trường hợp chính ủy có quyền bác bỏ lệnh của chỉ huy. Cấp dưới có thể thảo luận mệnh lệnh của chỉ huy... Có thể, ở miền Nam Việt Nam, trong điều kiện chiến tranh du kích, điều đó có thể chấp nhận được. Nhưng trong nhiệm vụ đánh trả các cuộc đánh phá của máy bay thì cơ chế ấy hoàn toàn không giúp cho việc giành thắng lợi.

Vào thời kỳ ấy, một trong những đặc điểm của Quân đội nhân dân Việt Nam là khâu tổ chức cung cấp lương thực cho tập thể các đơn vị. Mỗi tháng mỗi người đều được cung cấp một cách tập trung một số tiền nhất định để mua lương thực. Người chỉ huy đơn vị dùng số tiền ấy mua tập trung lương thực tại các hợp tác xã nông nghiệp gần nhất (chủ yếu mua gạo và rau) và ở ngoài chợ (thịt, cá, dầu, mỡ...).

Khẩu phần bữa trưa của các quân nhân Việt Nam gồm bát canh rau, tô cơm và mấy miếng cá hoặc mấy miếng thịt, sau cùng là uống nước chè theo truyền thống. Sáng và chiều thì khẩu phần gồm một tô cơm và nước chè. Vào những năm ấy ở Việt Nam chưa có bánh mì kiểu như bánh mì của chúng tôi và chưa sử dụng bột mì. Gạo đóng vai trò bánh mì của Việt Nam.

Từ gạo có thể chế biến thành hơn 80 món ăn, nhưng thông thường người ta nấu cơm ăn với rau, với thịt hoặc với cá. Tuy nhiên, chúng ta sẽ tạm dừng chủ đề các món ăn của Việt Nam để trở lại đề tài cuộc chiến ở Việt Nam...

Quá trình huấn luyện được tổ chức như sau: Các phương tiện kỹ thuật chiến đấu được ngay trang thành những khu nhà ở và các cơ sở kinh tế trên một khu đất cách Hà Nội không xa. Tại đó cũng có những lán trại bằng tre kiểu dã ngoại dành cho các khẩu đội Việt Nam. Còn nơi ở của chúng tôi vẫn như trước.

Hàng ngày, chúng tôi thức dậy vào 5 giờ sáng, ăn sáng vào lúc 5 giờ 30 phút. Từ 6 giờ đến 12 giờ trưa lên lớp: nghiên cứu phần vật chất, những hướng dẫn thao tác trong chiến đấu, sau đó thực tập trên các khí tài - những thao tác chiến đấu, soạn thảo các khẩu lệnh, tiến hành những công việc theo quy chế.

Từ 12 giờ trưa đến 14 giờ - thời điểm nóng nhất trong ngày - ăn, nghỉ trưa.

Từ 14 giờ đến 17 giờ 30 - tiếp tục lên lớp: nhắc lại những điều đã học, giải đáp những thắc mắc.

18 giờ - ăn tối, từ 20 giờ đến 22 giờ - tự học..

Vào các chủ nhật chỉ lên lớp đến 12 giờ trưa.

Dĩ nhiên, không phải lúc nào cũng thực hiện theo đúng thời gian biểu ấy. Có những việc làm không đúng thời gian biểu do hội họp, đón tiếp các đại diện bộ chỉ huy binh chủng Phòng không, do điều kiện thời tiết, nhưng thường thường là do những trận bắn phá của không quân Mỹ.

Có những buổi lên lớp riêng cho các khẩu đội bộ phóng và riêng cho các khẩu đội kỹ thuật vô tuyến trong trung đoàn. Toàn đội ngũ đều có mặt trong các giờ lên lớp, trừ những người ốm đau và đang trong phiên trực.

- Các phiên dịch viên quân sự

Trong trung đoàn chúng tôi có những phiên dịch viên rất xuất sắc là các đồng chí Lao (Лao) và Hào (Хao). Sau 10 ngày lên lớp họ đã trở thành những “kỹ thuật viên” thực sự vì họ có năng lực tuyệt vời trong việc nghiên cứu các phương tiện kỹ thuật. Tất cả các phiên dịch viên đều là các sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Rất nhiều điều phụ thuộc vào thái độ của họ trong việc giải quyết một số vấn đề. Do vậy, trong Trung đoàn các phiên dịch viên là những nhân vật nổi trội và được kính trọng. Các sĩ quan Liên Xô cũng như các sĩ quan Việt Nam đều coi trọng ý kiến của họ.

- Tên lửa “trở về vị trí cũ” do hàng rào ngôn ngữ

Như tôi đã nói, việc giao tiếp thường xuyên hằng ngày với các bạn Việt Nam không phải bao giờ cũng thông qua các phiên dịch viên, vì số lượng họ không đủ. Vì vậy, chúng tôi đã cố gắng học cách hiểu bằng các từ tiếng Việt, còn các đồng chí Việt Nam thì cố gắng hiểu bằng các từ

tiếng Nga. Tôi phải nói rằng việc làm này không phải không có kết quả. Tôi đã học được khá nhanh các từ Việt Nam để hiểu các mệnh lệnh, tên gọi những đồ vật, những từ chỉ sự định hướng trong không gian và trong thời gian, ví dụ: “Đã sẵn sàng”, “Lên trên”, “Xuống dưới”, “Nhanh hơn”, “Chậm hơn”, “Hướng thẳng”, “Sang trái”, “Sang phải”, “Hướng lên phía trước”, “Lui lại”, “Nhiều”, “ít” và v.v..

Các bạn Việt Nam cũng đã nhanh chóng hiểu bằng tiếng Nga những khái niệm như: “Nào”, “Nhanh hơn”, “Dừng lại!”, “Ngay bây giờ”, “Về sau”, “Không được ngủ”, “Kết thúc”.

Thật ra, cũng có khi xảy ra những hiểu nhầm và những chuyện nực cười. Có một lần, trong giờ tự học, trắc thủ vận hành của cabin “U” Xasa Buốcxép đã chứng kiến câu chuyện xảy ra giữa hai trắc thủ vận hành là hai đồng chí Hiến (ХИЕН) và Phát (Фат). Họ đã ra câu hỏi cho nhau để nhắc lại tính năng các cơ quan điều khiển trong cabin. Đồng chí Hiến chỉ vào nút ấn “Trở lại vị trí cũ” - đó là nút ấn dùng để đưa hệ thống điều khiển bộ phóng vào vị trí ban đầu sau khi phóng tên lửa - và hỏi đồng chí Phát:

- Còn cái nút này để làm gì?

Suy nghĩ một lát, đồng chí Phát trả lời một cách thông thái:

- Đó là trường hợp nếu tên lửa đi chệch mục tiêu thì ấn vào nút “Trở về vị trí cũ” để đưa tên lửa trở về bộ phóng. Đồng thời đồng chí Phát còn lấy tay vạch một cách rất ấn tượng đường bay tưởng tượng của tên lửa trở về bộ phóng.

Đồng chí Xasa, sau khi nghe thấy câu giải thích như vậy đã không nhịn cười được. Các đồng chí Việt Nam thì tỏ ra ngượng ngịu vì chuyện này. Đồng chí Buốcxép giải thích một lần nữa cho các bạn Việt Nam rõ về tính năng thực sự của nút ấn “Quay trở lại”.

- Còn như đồng chí Phát nói, nếu tên lửa thực sự quay trở về thì tất cả chúng ta sẽ bay lên trời.

Đến đây mọi người vui vẻ cười phá lên.

• Tình hình chiến sự trở nên phức tạp

Tình hình diễn biến khiến cho thời gian huấn luyện của trung đoàn tên lửa đầu tiên lúc đầu dự tính kéo dài ba tháng thì nay phải rút xuống còn một tháng. Không quân Mỹ đã tăng cường đánh phá ồ ạt vào lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thành thử các phương tiện ca xạ của Binh chủng phòng không và các máy bay tiêm kích của Việt Nam không đủ sức đánh trả một cách có hiệu quả những cuộc oanh tạc ấy. Đã có những ngày máy bay Mỹ thực hiện hơn 200 lần chiếc đánh phá vào lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Máy bay Mỹ đánh phá đặc biệt ngang nhiên, và trên thực tế đã không bị trừng phạt đáng nhất là tại các tỉnh ở phía nam của Bắc Việt Nam, tại khu vực kế cận vĩ tuyến 17 và ở phía tây gần biên giới với Lào.

Bộ chỉ huy của Việt Nam biết phía Mỹ đã thảo xong kế hoạch tiêu diệt Hà Nội. Theo ý kiến của Tổng thống Mỹ lúc bấy giờ là Giônxon thì Hà Nội là căn cứ chủ yếu của cuộc chiến tranh du kích chống chế độ Sài Gòn. Chiến lược gia chủ chốt của chính quyền Giônxon là Rôxtâu đã đưa ra luận thuyết: “Có thể bóp chết cách mạng, nếu chặt đứt hoặc thủ tiêu các nguồn hậu thuẫn và tiếp tế cho cuộc cách mạng đó”. Nhằm phát triển luận thuyết ấy Mỹ đã thảo ra một kế hoạch như sau:

Như đã biết, Hà Nội ở trong vùng trũng - thấp hơn 9 mét so với mực nước của một loạt các hồ chứa nước được xây dựng trong nhiều năm và được bảo vệ bằng một hệ thống phức tạp các con đê đất và các con đập. Phía Mỹ lên kế hoạch dùng những đợt ném bom ồ ạt để phá hủy những đoạn đê chính dẫn từ các hồ chứa nước lớn và qua đó tạo ra dòng thác nước sẽ nhấn chìm thành phố sau vài giờ, bao gồm cả những tòa nhà cao nhất. Vì vậy, Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được giao nhiệm vụ chiến đấu là bảo vệ không phận ở các ngã gần Hà Nội và chặn đứng mọi mưu toan của không quân Mỹ định thực hiện những gì do các chiến lược gia tham mưu của Mỹ đã vạch ra.

• Trận địa đầu tiên

Vào hạ tuần tháng 7-1965 Tiểu đoàn tên lửa 61 của chúng tôi đã chiếm lĩnh trận địa ở

đường 32, ngoại ô thị xã Sơn Tây, cách Hà Nội 35 km về phía tây. Tại trận địa đầu tiên này các chiến sĩ tên lửa của Việt Nam đã có được một cơ hội luyện tập tốt, vì để tác chiến thắng lợi thì cần có đủ kinh nghiệm thực tế qua việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong những điều kiện thực tế. Khi huấn luyện cho các chiến sĩ tên lửa của Việt Nam thì bản thân chúng tôi cũng đã học được nhiều điều.

Đã bắt đầu những ngày nóng bỏng, nói chính xác hơn, đó là những tháng nóng bỏng. Tình hình chung quanh Hà Nội càng trở nên căng thẳng. Trung tâm theo dõi mục tiêu trên thực tế, phải vất vả cả ngày lẫn đêm. Có những ngày các trắc thủ dẫn đường và toàn bộ đội ngũ khẩu đội kỹ thuật vô tuyến không bước ra khỏi ca bin điều khiển đóng kín suốt 12 - 14 giờ liền. Nhiệt độ trong các ca bin điều khiển đã từng lên đến + 70°C. Anh em đã phải mặc quần đùi ngồi sau những cần điều khiển, nhưng như vậy cũng không thoát khỏi bầu không khí nóng nực và ngột ngạt. Hàng vũng mồ hôi người đã đọng lại phía dưới mỗi chiếc ghế xoay. Có nhiều khi vì thần kinh quá căng thẳng và không khí nóng nực không chịu nổi mà nhiều người đã bị ngất xỉu. Đáng chú ý là tình trạng này thường xảy ra vào những thời điểm tương đối bớt căng thẳng, khi các mục tiêu đã ra khỏi tầm hỏa lực của tiểu đoàn.

Các khí tài chiến đấu của Liên Xô trong những điều kiện hết sức khắc nghiệt của khí hậu nhiệt đới và chế độ hoạt động căng thẳng gần như suốt ngày đêm đã tỏ rõ tính chất đáng tin cậy tuyệt đối và tính chất dẻo dai của mình. Trong những thời điểm căng thẳng nhất, cả người, cả khí tài đều không làm hỏng việc, nhưng đôi khi đã phải tắt các trạm dẫn đường tên lửa do có sự cố, do bị nóng quá, động cơ điện của quạt gió làm nguội các máy phát từ đã bị cháy. Chỉ mất mấy giây người ta đã thay thế động cơ bị cháy, mặc cho tay bị bỏng và thế là lại trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Thời kỳ xả hơi “trong những đợt mưa”

May thay, mùa mưa nhiệt đới đã đến. Tưởng chừng như không có cách gì tránh khỏi mưa.

Những cơn mưa rào kéo dài hơn một tuần lễ. Chúng tôi đã quen với những cơn mưa như vậy, đến nỗi khi hết mưa, chúng tôi cảm thấy thiếu một điều gì đó. Trong ngày đầu có nắng chúng tôi đã tiến hành kiểm tra cục bộ các khí tài, điều chỉnh độ phẳng ngang của bệ phóng, sau đó kiểm tra hoạt động của toàn bộ tổ hợp.

Vào những ngày tiếp sau đó máy bay Mỹ đã nhiều lần tìm cách luồn tới Hà Nội. Nhưng lần nào cũng vậy, khi chỉ còn cách Hà Nội 50 km là chúng quay trở lại, tựa như chúng cảm nhận được rằng chỉ cần bay tới gần hơn nữa là chúng sẽ gặp điều chẳng lành. Chẳng rõ hồi ấy chúng có biết rằng trên đường bay vào Hà Nội chúng nhất định sẽ gặp phải các tên lửa Liên Xô. Có thể nghĩ rằng chúng đã biết trước điều đó. Tuy nhiên, cuộc gặp ấy vẫn đã diễn ra.

• Loạt tên lửa đầu tiên

Sự kiện này xảy ra ngày 24-7-1965, vào buổi chiều, cách Hà Nội 50 km về phía đông bắc. Dưới sự chỉ huy của các Thiếu tá Bôrit Môgiaép và Phêđo Ilinúc, bằng đòn tên lửa mạnh mẽ, các Tiểu đoàn tên lửa 63 và 64 đã hạ được 3 chiếc máy bay tiêm kích chứa đầy bom của Mỹ và bay ở độ cao 2000 mét hướng về Hà Nội. Những chỉ huy đồng nhiệm Việt Nam của các tiểu đoàn ấy là các Đại úy Nguyễn Văn Thân (Hryeh BAH Txah) và Nguyễn Văn Ninh (Hryeh BAH Нинь). Thượng úy Vladixláp Cônxtantinốp (trắc thủ tập sự - đồng nhiệm Việt Nam là Trung úy Lã Đình Chi) và Thượng úy Anatôli Bônđarép trắc thủ tập sự - đồng nhiệm Việt Nam là Trung úy Phạm Trường Uy (Фам Чыюль Yh) - sau này là Anh hùng lực lượng vũ trang của Việt Nam) lần đầu tiên xung trận trong tư cách là các sĩ quan điều khiển đường bay của tên lửa. Sau này họ đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ và Huân chương Sao đỏ vì các chiến công đã đạt được.

Đó là những chiếc máy bay thứ 399, 400 và 401 của Mỹ bị bắn rơi trên lãnh thổ miền Bắc Việt Nam kể từ ngày 5-8-1964 - ngày mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Các bạn Việt Nam đã dùng mảnh chiếc máy bay Mỹ thứ 400 để làm ra những vật kỷ niệm: trên nền chiếc máy bay Mỹ đang bốc cháy và đâm vào núi là con số “400”, trên cuống kỷ niệm chương có dòng chữ Việt Nam “Chiến thắng đầu tiên” và ghi ngày “24.07.65”. Tất cả các chiến sĩ tên lửa thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không số 236 của Quân

đội nhân dân Việt Nam đều được tặng kỷ niệm chương này.

Sau trận này, trừ các máy bay không người lái, trong hai tuần lễ đã hoàn toàn không có phi vụ nào của không quân Mỹ bay về hướng Hà Nội. Nhưng máy bay Mỹ vẫn tiếp tục ngang nhiên ném bom các tỉnh phía nam của miền Bắc Việt Nam.

- Tiếp nhiên liệu cho tên lửa

Nạp chất ôxi hóa cho tên lửa là công việc khó khăn nhất khi chuyển bộ phóng từ “tư thế chiến đấu” sang “tư thế hành quân” và ngược lại.

Mặc dù không tốn nhiều sức lực khi thực hiện, nhưng chẳng ai ưa thích công đoạn này. Nguyên nhân là vì cái nóng và trang bị rườm rà: trước khi làm công việc nạp chất ôxi hóa họ phải khoác lên người bộ quần áo bảo vệ may bằng da rất dày, phía ngoài được phủ một lớp màng cao su. Họ phải xỏ chân vào những chiếc ủng cao su, phải chụp mặt nạ phòng khí độc, phía trên mặt nạ đó là một chiếc mũ bằng cao su trùm kín đầu, hai bàn tay phải đi găng cao su. Trong bộ quần áo kiểu “thợ lặn” ấy dưới cái nóng 35oC họ phải thao tác gần một giờ với những chiếc clê, những ống dẫn và những cái van. Mồ hôi chảy đầm đìa.

Sau mỗi lần nạp chất ôxi hóa như thế, người thực hiện công việc này trong 40 phút làm việc, bị sút cân gần 1 kg. Những ai đã thực hiện công việc này sẽ phải chờ đến lần tiếp theo, xem đó như là một sự tra tấn, nhưng ngoài người đó ra thì chẳng còn người nào khác làm việc này.

- Nghỉ ngơi

Sau những giờ lên lớp, luyện tập và nạp nhiên liệu, chúng tôi đã không ngồi không. Chúng tôi ngồi ôn lại những câu chuyện diễn ra trong quãng đời trước khi nhập ngũ và “trước khi sang Việt Nam”, kể cho nhau nghe giai thoại. Xin nói thêm là các bạn Việt Nam rất thích những giai thoại của chúng tôi.

Trong những giờ nghỉ các bạn Việt Nam hay hỏi chúng tôi về đời sống ở Liên Xô, về phong tục tập quán của các dân tộc ở Liên Xô, mà trong nhóm chúng tôi có các anh em thuộc 12 dân tộc: người Nga, người Ucraina, người Bêlarút, người Látvia, người Étxtônia, 1 người Tácta, 1 người Cadắc, 1 người Grudia, 1 người Kiécghidia, 1 người Iécécút, 1 người Udôbécx và thậm chí 1 người Bungari sinh ra ở Mônđavi.

Vào các buổi tối chúng tôi ca hát có đệm đàn ghita. Ở chỗ chúng tôi có một tay chơi ghita rất cừ, biết nhiều bài hát, đó là đồng chí Xasa Curakin. Những bài thường hay được hát nhất là những bài: “Anh em ơi? Điều chủ yếu là trái tim không được già!”, “Người đồng chí bay đến xứ sở xa xôi”, “Chiều Mátxcova”, “Bài ca về thời tuổi trẻ đầy lo âu”, “ở nơi ấy, xa xa bên kia sông”, “Cây thùy dương”, “Anh em ơi! Hãy tháo yên ngựa”, “Trước lúc lên đường đi xa”, “Chiều hải cảng”, “Điệu van Xêvaxtôpôn”, “Con tàu Vanắc”, “Đàn chim di cư”, “Mẹ ơi! Hãy viết thư đến Ai Cập cho con”, “Cây phong mảnh mai của tôi”, “Những người địa chất”, “Lá mùa thu”, “Cuộc sống ơi! Ta mến yêu người?”, và tất nhiên có bài hát “Cachiusa” v.v..

Có nhiều bài trong số ấy (được đánh dấu \*) được các bạn Việt Nam cùng hát với chúng tôi bằng tiếng Nga và bằng tiếng Việt. Trong số các bài hát của Việt Nam chúng tôi đã từng hát khúc quân hành của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là bài “Giải phóng miền Nam”.

Thỉnh thoảng chúng tôi tổ chức thi đấu bóng chuyền giữa các đội tuyển của Liên Xô và Việt Nam. Buổi tối chúng tôi vui chơi khi trời đã bớt nóng.

Ngày hội thực sự là những ngày, nói đúng hơn đó là những buổi tối có đoàn chiếu phim lưu động đến chiếu các bộ phim tại trận địa. Thoạt đầu chiếu bộ phim tài liệu ngắn về những hoạt động chiến sự gần đây nhất ở miền Nam Việt Nam có lời dịch song song, sau đó chiếu phim truyện, phim của Liên Xô.

Bộ phim luôn được ưa thích là bộ phim “Chú chó Bắcbốt và cuộc thi chạy việt dã”. Người ta chiếu bộ phim này mấy lần. Lần nào cũng khiến chúng tôi cười sảng khoái. Đó là bộ phim duy nhất không cần có lời dịch cũng hiểu được.

- Tiến về phía nam và cuộc phục kích đầu tiên

Xét thấy tình hình vùng trời Hà Nội tạm lắng dịu, Bộ chỉ huy Binh chủng phòng không đã giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn tên lửa 61 của chúng tôi trong thời gian ngắn nhất bí mật di chuyển đến vùng thị xã Phủ Lý và tổ chức cuộc phục kích ở đấy.

Vào buổi tối, sau khi có lệnh “lên đường hành quân” chúng tôi đã rời khỏi trận địa, tổ chức thành đội hình và hành quân trong hai ngày đêm, chủ yếu vào ban đêm, về phía nam theo lộ trình đã vạch sẵn, về hướng tây đường số 1.

Những ai chưa được nhìn thấy các con đường ở Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh thì khó mà hình dung được tất cả những khó khăn trên đường hành quân của chúng tôi đi ngang qua những cánh đồng lúa, những khu rừng nhiệt đới và sau cùng là những ngọn núi. Ở nhiều nơi, những con đường bị cày xới trên hàng chục kilômét bởi những hố bom sâu do máy bay Mỹ thả xuống phá huỷ. Chúng tôi đã phải đi vòng, trực tiếp trên các ruộng lúa. Đây là công việc quá khó khăn, vì thậm chí những chiếc xe kéo kiểu ATC của Liên Xô cũng phải trầy trật lắm mới vượt qua được những thửa ruộng ngập bùn lầy. Chỉ có “những con trâu nước” của Việt Nam mới có thể dễ dàng và với một vẻ duyên dáng nào đó di chuyển được trên những ruộng bùn lầy này. Những bộ phóng nạng nề thì mắc kẹt và sa lầy đến tận khung xe. Xích của các xe kéo gầm rú, guồng mạnh và khó khăn lắm mới kéo được những bộ phóng lên nền đường cứng.

Dưới sự chỉ huy của các vị chỉ huy dày dặn kinh nghiệm - Trưởng ban vận tải của trung đoàn là Đại úy Đ. M. Udôvencô và phó của ông là Thượng úy V. E. Abrôximốp - các tài xế trên những chiếc xe kéo kiểu ATE và KRAZ đã tỏ ra nhanh trí đến kỳ diệu để vượt qua những địa hình và những trở ngại tưởng chừng như hoàn toàn không thể vượt qua nổi.

Trong các khu rừng nhiệt đới tình hình cũng không dễ dàng hơn bao nhiêu. Nhờ có những vật nguy trang tự nhiên nên chúng tôi đã di chuyển bằng qua rừng ngay cả ban ngày mà không sợ bị phát hiện từ trên không.

Đến chiều tối ngày thứ hai, cuối cùng thì chúng tôi đã ra khỏi các khu rừng. Trước mặt chúng tôi là con sông rộng chừng 35-40 mét, nước chảy rất xiết. Cây cầu đã bị phá huỷ. Chỉ còn lại những khúc gỗ bị cháy sém, bị sức nổ làm văng lên bờ. Có thể thấy rõ rằng bọn Mỹ đã không tiếc bom để dội xuống nơi đây.

Anh em công binh đã đến giúp chúng tôi. Họ đã nhanh chóng bắc cầu phao. Nhờ đó, dưới bóng đêm, chúng tôi đã bình yên vượt qua bờ bên kia của con sông.

#### • Chế độ “bí mật nghiêm ngặt”

Suốt đêm chúng tôi tiếp tục hành quân. Điều bất ngờ nhất là mặc dù lộ trình của chúng tôi đã được giữ bí mật nghiêm ngặt, song tại mỗi điểm dân cư mà chúng tôi đi qua mọi người dân từ trẻ đến già đều đã ra đón chào chúng tôi.

Người lớn chăm chú ngắm nghía những bộ phóng tên lửa có hình dáng lạ thường được phủ kín vải bạt và sôi nổi trao đổi cảm tưởng. Các em nhỏ, với những cặp mắt sáng và nép người vào nhau để đẩy các em mạnh dạn nhất lên phía trước cho gần các bác “Liên Xô” to lớn nhưng không có vẻ gì đáng sợ. Trong không khí oi ả ngọt ngào của đêm vùng nhiệt đới, những giọng nói thánh thót của họ (bằng tiếng Nga) bay vút lên tựa như những ngọn lửa nồng cháy:

- Liên Xô! Liên Xô! Xin chào? Tốt lắm! Mạc Tư Khoa!

Tài xế chiếc xe ATX của chúng tôi, anh Vanhia Slantrác đã được bà con Việt Nam, đặc biệt là các cô gái Việt Nam chú ý tới. Anh này có dáng người cao, cân đối, tóc hung và đẹp trai, ngoài ra có bộ râu rất đẹp. Ngay khi anh vừa bước ra khỏi buồng lái đã lọt ngay vào một “vòng vây” khép kín. Ai cũng cố gắng nắm tay chúng tôi hoặc sờ được vào quần áo. Vào cái đêm hôm ấy chúng tôi đã có dịp tham dự vào ba cuộc mít tinh chớp nhoáng chào đón chúng tôi. Cuộc mít tinh thứ ba diễn ra lúc trời đã tảng sáng.

Cơn nóng đã phần nào dịu bớt, không khí trở nên mát mẻ hơn. Trên nền bầu trời đang hửng sáng đã hiện ra những đường nét xám mờ của những ngọn núi không cao lắm.

Sau khi phân tán và nguy trang các khí tài, chúng tôi đã thoải mái tắm rửa để gột bỏ những lớp bụi màu đỏ sau chặng đường dài, bằng những thùng nước do bà con nông dân đã có nhã ý đem đến cho chúng tôi. Sau đó, chúng tôi nhắm nháp nhanh khẩu phần khô và những quả

chuối do nông dân tặng cho rồi nằm nghỉ dưới một mái che lớn làm bằng những tấm phen tre.

Không khí mát mẻ buổi sáng vẫn còn (chỉ khoảng 27oc) và cơn đói đã dịu nhờ bữa sáng khiến cho chúng tôi buồn ngủ. Ngay khi đầu vừa chạm vào những chiếc gối đệm đầy rom là chúng tôi đã thiếp đi vì mệt nhừ sau chặng đường dài đầy khó nhọc.

- Điều bất ngờ dưới gối vào buổi sáng

Chúng tôi bừng tỉnh vì tiếng kêu thất thanh: Á - á!

Lêsin Phômisép, một anh chàng thường ngày là người bình tĩnh và không hay bực tức, đang gào thét, tay cầm chiếc gối và mắt thì mở to vẻ sợ hãi.

Tuy chưa hiểu điều gì đã xảy ra, nhưng tôi lao đến giúp anh ấy và nhìn thấy một con rắn to với cái lưng có các khoang trắng đen đang từ từ trườn khỏi nơi Lêsin vừa đặt chiếc gối rom. Sau khoảnh khắc con rắn đã biến mất trong một bụi rậm đầy gai mọc bên cạnh bức phen tre. Nhưng ngoài con rắn ấy, trong khi ngủ chúng tôi còn bị những “cư dân” khác của vùng này viếng thăm.

Có hai cậu, khi ngủ dậy đã phát hiện thấy trên tay mình có những vết đỏ không rõ do đâu mà xuất hiện. Những vết đỏ ấy gây ra một cơn ngứa khá mạnh và một lúc sau thì nổi lên những cái mụn con li ti. Bác sĩ của chúng tôi nhận định đây là vết rộp bóng do hóa chất. Các bạn Việt Nam đã khẳng định sự phán đoán ấy và giải thích nguồn gốc của các vết rộp là: ở vùng này có một loài côn trùng hiếm thấy, giống như con sâu. Khi chạm phải chỗ hở trên thân thể người, nó tiết ra một thứ khí đặc biệt qua các lỗ nhỏ xíu dưới bụng làm cho lớp da thượng bì bị rộp bóng. Bác sĩ của chúng tôi đã bôi lớp thuốc mỡ lên chỗ rộp bóng và băng kín lại. Những chỗ rộp bóng ấy rất lâu sau vẫn không lành và để lại những vết sẹo thấy rõ trên tay mấy anh chàng ấy.

- Chuẩn bị trận địa chiến đấu - Sự giúp đỡ của nông dân

Khi trời bắt đầu tối, đoàn quân chúng tôi di chuyển tới trận địa được lựa chọn sẵn cho tiểu đoàn và sau một giờ thì có mặt tại trận địa.

Trận địa này rất đạt xét trên phương diện chiến thuật, vì đó là sườn dốc, chặn ngang hẻm núi chạy từ phía nam lên phía bắc. Địa hình như vậy đảm bảo cho chúng tôi có tầm nhìn bao quát tốt chung quanh ở hướng nam. Nhưng về phương diện kỹ thuật thì trận địa gây rất nhiều khó khăn: ngọn núi có độ dốc hơn 25 độ, và để bố trí bộ phóng và các ca bin điều khiển chúng tôi đã phải làm những bãi phẳng ngang nhô ra.

Nền thì toàn đá, vậy mà đã phải dùng những chiếc thuổng và xẻng thông thường để khoét vào núi. Công việc diễn ra suốt đêm trong điều kiện ánh sáng được hoàn toàn ngưng trang vì vào thời điểm ấy máy bay Mỹ vẫn ném bom thị xã Phủ Lý, chỉ cách chúng tôi có 8 kilômét về hướng đông nam.

Cứ sau những khoảng thời gian nhất định, máy bay Mỹ lại thả dù gắn những quả pháo sáng cháy trong 5-8 phút. Chúng đã ném bom có bài bản thị xã này, một thị xã mà dân cư đã sơ tán đi từ lâu và trở thành hoang vắng. Chúng sử dụng những đồng hồ nát của thị xã như bãi tập ném bom ban đêm. Sau khi ném bom xong, trên đường trở về, các máy bay Mỹ lượn vòng ngay ở phía trên trận địa chúng tôi.

Trên nền bầu trời bắt đầu hửng sáng chúng tôi nhìn thấy rõ những hình dáng màu đen hung dữ của những máy bay ấy. Tiếng động cơ phản lực gầm rú inh tai ngay trên đầu và những tiếng nổ của những quả bom ném xuống thị xã Phủ Lý đã làm tăng thêm sự lo lắng.

Khoảng nửa giờ sau chúng tôi có sự trợ giúp của bà con nông dân đến từ các làng gần đó. Theo lời kêu gọi của huyện ủy, mọi người đã đến giúp chúng tôi: phụ nữ, trẻ em, các cụ già. Với những chiếc rọ và đòn gánh quẩy đất, với những chiếc cuốc, cuốc chim và xẻng, bà con đã bắt tay làm việc hồ hởi. Công việc ngày càng sôi nổi, người đến ngày càng đông. Trận địa lúc ấy trông giống như một tổ kiến lớn bị khuấy động. .

Vào đêm ấy đã có khoảng 300 thường dân đến giúp chúng tôi xây trận địa. Chỉ có nhờ sự giúp đỡ của họ mà đến lúc trời sáng trận địa mới được hoàn thành, chúng tôi bắt đầu triển khai khí tài. Chúng tôi đã cảm ơn mọi người đến giúp và mời họ về nghỉ. Tuy mệt nhọc, nhưng

họ không bỏ về ngay mà lại chăm chú quan sát các công việc đang diễn ra lúc ấy, ngắm nghía những vật kỳ lạ - những quả tên lửa, những chiếc xe kéo có xích, những bệ phóng và ngắm nghía những người lính Xôviết chúng tôi. Bất chấp sự mệt mỏi rã rời, những động tác của cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn diễn ra một cách lôgic, chặt chẽ và có định hướng rõ rệt.

Công việc quả phức tạp khi trong đêm tối phải xác định được độ phẳng ngang của bãi đất nhô ra. Do vậy, tôi đã sử dụng tấm ván phẳng dài 2 mét trên đó có đặt một chai nước để làm dụng cụ đo độ phẳng ngang của bãi đất. Nhờ “dụng cụ đo độ phẳng” ấy chúng tôi đã nhanh chóng giảm được độ nghiêng của bãi đất so với đường chân trời xuống còn 3 độ. Như vậy đã hoàn toàn đáp ứng yêu cầu. Đôi khi, “dụng cụ đo độ phẳng” được thay bằng hai xô nước đổ lên trên bãi đất.

Vì thấy nền đất có đá, và chủ yếu là để giảm thời gian tháo dỡ khí tài sau trận đánh, chúng tôi đã áp dụng một mẹo nhỏ: chúng tôi chỉ chôn sâu một nửa các chân đế của bệ phóng. Như vậy sẽ dễ dàng và nhanh chóng rút chân đế của bệ phóng và nhờ đó rút ngắn được 2-3 phút.

Chúng tôi còn có những bí quyết khác của người lính để nhanh chóng chuyển khí tài từ tư thế hành quân sang tư thế chiến đấu và ngược lại, những mẹo giảm thời gian thực hiện các định mức khác, nhưng tôi sẽ không tiết lộ những mẹo vặt ấy.

- Những sự chuẩn bị sau cùng

Sau cùng thì các khí tài đã được triển khai. Chỉ còn nhiệm vụ đặt các đường dây cáp điều khiển và các dây dẫn điện. Để bảo vệ những dây cáp ấy cần đào một đường rãnh nông, dài khoảng 10 mét. Chúng tôi đã dồn hết sức lực còn lại vào công việc này. Tôi nhìn thấy anh Lai ngồi xổm đào đất những nhát cuốc chim bổ vào đất thưa dần... Anh ấy giáng nhát cuối cùng và rồi tiếng cuốc chim lặng im. Mệt quá bị kiệt sức, đồng chí Lai đã thiếp đi cùng chiếc cuốc chim trong tay. Đồng chí Thành đưa anh Lai về nghỉ.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng đào xong đoạn rãnh đó và nối liền các đoạn dây cáp lại với nhau. Bệ phóng “sống động” trở lại. Chúng tôi đã điều chỉnh độ phẳng ngang, định hướng, đặt các góc nạp đạn và các góc giới hạn, tiến hành kiểm tra cục bộ và kiểm tra các tính năng của hệ thống điều khiển - mọi cái đều chuẩn. Chúng tôi chuyển những xe vận chuyển nhiên liệu TZM đến và nạp vào các bệ phóng. Lúc ấy kim đồng hồ chỉ 5 giờ 30 phút sáng. Tôi dùng điện thoại báo cáo với sĩ quan chỉ huy:

- Bệ phóng số 5 đã trong tư thế chiến đấu. Bệ phóng đã nạp tên lửa.
- Chấp nhận. Đồng chí hãy kiểm tra bệ phóng số 6. Hãy giúp họ nếu cần.

Tôi trượt xuống sườn núi có những cây đu đủ non mọc dày để đến bệ phóng số 6. Ở đây các chiến sĩ đang nạp tên lửa vào bệ phóng.

- Công việc của các đồng chí thế nào? - tôi hỏi đồng chí Akhunốp.

- Khó nhọc lắm, - đồng chí ấy đáp, - chúng tôi nạp quả đạn này lần thứ hai. Lần thứ nhất chúng tôi không quay được càng của chiếc xe chở nhiên liệu TZM. Quả tên lửa mắc kẹt vào thành vách dựng đứng. Đành phải chặt ngắn bốt khoảng 8 centimét ống dẫn của phần tiếp nhận áp lực không khí.

Sau khi thấy mọi việc ở bệ phóng số 6 đâu vào đấy rồi, tôi trở lại bệ phóng số 5 của mình. Chân bước xiêu vẹo vì mệt, lưng mỏi nhừ, các ngón tay cứng đờ. Trời đã sáng hẳn. Chúng tôi tiến hành kiểm tra cục bộ một lần nữa, điều chỉnh các góc nạp đạn. Đúng vào lúc ấy còi báo động vang lên:

- Báo động chiến đấu!

Tôi nhìn đồng hồ. Kim đồng hồ chỉ đúng 6 giờ sáng.

- Vòng đu quay trên trời

Chúng tôi nhanh chóng chuẩn bị các quả tên lửa trong tư thế sẵn sàng phóng và đi xuống phía dưới chân núi. Tôi báo cáo với người chỉ huy tiểu đoàn:

- Trung đội 3 đã ở trong hầm trú ẩn.

Mặc dù thật ra không có hầm trú ẩn nào cả.

- Chấp nhận. Có một tốp mục tiêu từ biển tiến về phía bắc. Khoảng cách là 240.

Tôi ước tính: khoảng 10 phút nữa các mục tiêu sẽ lọt vào tầm bắn, ít nhất thì cũng cần phải đào những hào ẩn nấp không sâu lắm. Ở chỗ này nền đất không có nhiều đá cứng như ở trên núi. Nhưng không có cuộc chim và xẻng thì không thể làm gì được.

Sau đó nửa giờ có lệnh “Báo yên”: các mục tiêu không tiến vào tầm bắn và đã quay sang hướng đông, vòng qua chúng tôi ở phía trái. Sau đó khoảng 20 phút còi báo động lại vang lên. Cả lần này nữa máy bay cũng không bay vào tầm bắn. Trò đu quay trên trời như thế đã diễn ra cả ngày hôm ấy.

Còi báo động đã khiến chúng tôi phải 18 lần ngồi vào vị trí chiến đấu và chờ lệnh “Phóng”. Mười tám lần thần kinh chúng tôi bị căng đến tột độ. Lần nào cũng vậy, thay vì lệnh “Phóng” lại vang lên lệnh “Báo yên”: 1-2 phút trước khi bay vào tầm bắn các máy bay đã chuyển hướng bay, đi vòng qua trận địa chúng tôi ở phía bên phải hoặc phía bên trái.

Chúng tôi đoán rằng hồi đêm các phi công Mỹ, khi lượn vòng phía trên trận địa của chúng tôi, đã đánh dấu trận địa và bây giờ chúng đang thăm dò khu vực chúng tôi, và hy vọng rằng chúng tôi sẽ hết kiên nhẫn và sẽ tự làm lộ mình bằng hành động phóng tên lửa quá sớm.

Trong ngày hôm ấy chúng tôi đã ba lần ngồi vào ăn bữa trưa - cả ba lần bữa trưa bị gián đoạn bởi còi báo động, và chúng tôi đã phải bỏ mọi thứ để lao đến các bệ phóng và các cabin điều khiển. Bữa trưa đã kết thúc ngay trên các bệ phóng và trong các cabin điều khiển.

Đến buổi chiều máy bay Mỹ ít xuất hiện hơn, hơn nữa chúng không bay đến gần hơn 70 km. Chúng tôi ăn tối yên ổn hơn ít nhiều. Chúng tôi đã chuẩn bị nghỉ đêm. Các khẩu đội Việt Nam dựng lều bạt cách không xa các hầm trú ẩn vừa được đào lúc ban ngày. Còn chúng tôi, nhằm mục đích phân tán thừa ra, đã dựng lều ở chỗ cao hơn một chút, ở phía bên kia dãy núi.

Hôm trước đó đài phát thanh dự báo có thể sẽ có mưa rào nhiệt đới và dông. Vì vậy chúng tôi phủ bạt thật chặt và kỹ lên bệ phóng có tên lửa trên đó. Chúng tôi đã thận trọng chống sẵn các cây sào để khi cần thì tháo dỡ vải bạt. Chúng tôi bố trí người trực gác, chúc nhau ngủ ngon, rồi đi nghỉ.

#### • Trận đánh trong đêm

Tôi lập tức thiếp đi... Trong mơ tôi nghe thấy còi báo động và không thể hiểu được: đó là mơ hay thật sự là còi báo động? Bởi vì cả một ngày còi báo động đã “làm ù tai” rồi.

Tôi hiểu ra rằng đó không phải là mơ. Tôi chồm dậy và lay anh em dậy:

- Dậy ngay? Báo động số 1!

Chúng tôi chộp lấy quần áo, mũ sắt, vừa chạy vừa mặc quần áo, nhanh chóng lao đến các bệ phóng. Trong bóng tối tôi lao nhanh qua các bụi cây thấp, chạy lên phía trên. Đây rồi, bệ phóng. Tôi mò mẫm tháo những chốt cài vải bạt. Tay làm việc như cái máy. Chỉ sau 15 giây đã mở xong tất cả các chốt cài. Phải tháo bạt che. Nhưng đồng chí Thành cùng khẩu đội ở đâu? Một mình tôi không thể tháo dỡ vải bạt che bệ phóng. Tôi chạy đến chỗ có lều của khẩu đội để gọi họ. Đây là nơi chúng tôi chia tay vào buổi tối hôm qua... Nhưng quý tha ma bắt? Chẳng thấy lều đâu cả! Cách đó không xa tôi nghe thấy tiếng xoong nồi loảng xoảng. Tôi chạy tới chỗ có tiếng động. Ở đấy là lán ngủ của các đầu bếp thuộc trung đội hậu cần của Việt Nam. Tôi chạy đến lán. Các anh nuôi đều có mặt tại chỗ. Tôi hỏi họ:

- Khẩu đội bệ phóng đâu? Lều của họ biến đi đâu rồi?

Các bạn Việt Nam ngơ ngác nhìn tôi. Sau khi hiểu rõ vấn đề họ đã chỉ tay về phía đồi cao:

- Họ ở đằng kia kia

Tôi chạy theo hướng đó. Được khoảng 40 mét tôi quả thật thấy có chiếc lều. Hóa ra, lúc chập tối, do sợ bị ngập nước, khẩu đội Việt Nam đã dời nó lên chỗ cao hơn và chưa kịp báo cho tôi biết. Trong cái lều bạt này chuông điện thoại réo rất to, còn chiếc lều thì cứ quay tứ tung bùng bùng. Tôi hiểu ra, do bị ngái ngủ, các chiến sĩ ấy đã không biết làm cách nào để tìm thấy cửa



ra trong đêm tối. Tôi giật mạnh cọc chốt lều ở một góc và vạch góc ấy lên. Anh em trong khẩu đội Việt Nam lần lượt chui ra qua lỗ hồng ấy.

- Chạy mau ra bệ phóng! - tôi hét lên - Chạy thanh lên phía trên!

Chúng tôi dùng các cây sào tháo bỏ vải bạt và hất xuống đất. Hết sức nhanh. Mỗi người thao tác rất nhanh công đoạn chuẩn bị phóng của mình. Thời gian tính bằng giây

- Số 1 đã sẵn sàng!

- Số 2 đã sẵn sàng?

- Số 3 đã sẵn sàng! - các trắc thủ trong khẩu đội báo cáo dứt khoát.

Tôi kiểm tra vị trí của các bộ cảm biến, nối mạch những ổ cắm trên thân tên lửa OS-10. Tôi báo cáo về ca bin "X":

- Bệ phóng số 5 đã sẵn sàng chiến đấu!

- Chấp nhận. Tôi cho phép chuẩn bị phóng.

Trong ống nghe tôi nghe thấy rõ những câu trao đổi qua hệ thống liên lạc khuếch đại:

- Góc phương vị 120, khoảng cách - 32, chuyển sang chế độ AX! (tự động theo dõi mục tiêu).

- Rõ. Chuyển sang chế độ AX!

Tôi hạ lệnh:

- Khẩu đội vào hầm trú ẩn!

Tôi vừa đặt ống nghe và đóng sập cửa khoang trên bệ phóng thì đã nghe thấy hiệu lệnh đưa vào tư thế "Đồng bộ", và bệ phóng cùng tên lửa bắt đầu điều chỉnh các góc đã định. Chúng tôi lao nhanh xuống phía dưới, vào các hầm trú ẩn. Tôi báo cáo qua điện thoại:

- Trung đội 3 đã ở trong hầm trú ẩn!

- Chấp nhận!

- Tiêu diệt tốp mục tiêu! Bằng một loạt 3 quả đạn, khoảng cách thời gian - 6'

- Bệ số 1 phóng! - tôi nghe thấy giọng khàn khàn của Thiếu tá Chỉ huy trưởng Prôxcuốcnin trong ống nghe khuếch đại.

- Rõ! Bệ số 1 phóng đạn? - viên sĩ quan điều khiển tên lửa báo cáo. Đó là Trung úy Carétnhicốp.

Một tiếng nổ inh tai khiến chúng tôi phải nằm rạp xuống đất. Quả tên lửa như mũi tên chọc thủng bầu trời tối đen, bay vút lên và biến về hướng nam. Tiếp đó là bệ số 2, bệ số 3...

- Bắt được mục tiêu rồi?

- Đã dẫn đường được tên lửa! - các báo cáo của các trắc thủ thao tác và của viên sĩ quan điều khiển tên lửa vang lên qua hệ thống hên lạc khuếch đại âm thanh.

Từ phía trên, các mảnh đá rơi ồ ạt xuống chỗ chúng tôi. Những mảnh đá ấy do luồng khí đẩy của động cơ tên lửa hất tung lên cao mấy chục mét. Những cú đập vào lưng khá mạnh. May mà đã có mũ sắt bảo vệ đầu.

Các động cơ của tên lửa đã tách rời: của tên lửa số 1, số 2 và số 3. Có 3 chấm nhỏ màu đỏ - là các tên lửa - bay lên phía trên.

- Kích hoạt ngòi nổ vô tuyến "K3"!

Một ánh chớp sáng chói làm lóa mắt.

- Quả thứ nhất đã nổ! Mục tiêu đã bị tiêu diệt? - tôi nghe thấy giọng đầy xúc động của viên sĩ quan điều khiển tên lửa là Trung úy Cônxtantin Carétnhicốp.

- Quả thứ hai đã nổ!

- Quả thứ ba đã nổ!

- Cả tốp mục tiêu đã bị tiêu diệt. Số tên lửa đã phóng - 3 quả.

Những chiếc máy bay nổ tan ra thành các mảnh bốc cháy, kéo theo một cột khói, vạch rõ đường rơi của chúng. Có đến nửa bầu trời rực lửa. Dần dần lửa được thay bằng một cột khói khổng lồ có màu nâu trong ánh hồi quang lửa hồng. Đó là một bức tranh đầy ấn tượng.

Trước những gì đã nhìn thấy, anh em chiến sĩ không thể nào trấn tĩnh lại được. Chúng tôi vui sướng bắt tay nhau.

- Chúc mừng chiến thắng đầu tiên!

Nhưng thời gian là quý báu.

- Hãy về bộ phóng! - tôi phát lệnh, và chúng tôi lại lao lên phía trên.

Trong lúc tên lửa được phóng đi, luồng khí của hơi đốt đã làm bật tung một chân giá đỡ của bộ phóng và hất nó đi xa.

Chúng tôi tìm thấy nó ở cách đó 15 mét và đã nhanh chóng đặt nó vào chỗ cũ. Chiếc xe TQM kéo quả tên lửa mới mãi vẫn chưa thấy tới. Tôi chạy đến chỗ đỗ xe TQM ở phía dưới dốc núi.

Chiếc TQM vẫn đứng tại chỗ. Cửa buồng lái mở toang. Không thấy lái xe ở trong buồng lái.

- Quý quái thật! - tôi lầu bầu - phải tìm kiếm tài xế ở đâu bây giờ.

Tôi ngồi vào buồng lái. Chìa khóa vẫn cắm trong ổ khoá. Tôi mở công tắc điện, đạp vào bàn đạp khởi động. Máy nổ. Tôi cài số 1, bóp còi, nhả bộ ly hợp. Lập tức, tài xế Hải hốt hoảng bò ra khỏi gầm xe. Anh ta tưởng những tiếng nổ khi tên lửa được phóng đi là những tiếng bom nổ. Thế là anh ta nấp vào "chỗ an toàn" ở bên dưới quả tên lửa. Tôi nhường chỗ cho anh ta trong buồng lái. Chúng tôi lùa chiếc TQM vào phía dưới các càng đỡ tên lửa. Chúng tôi quay chiếc rầm ngang. Lập tức phát hiện thấy rằng ống phụt hơi của động cơ đẩy tên lửa đã bị mắc vào thành dẹt đứng của khung đỡ, sâu vào khoảng 50 milimét.

Trong đêm tối chúng tôi đưa chiếc xe TQM vào nơi cách bộ phóng quá xa. Không còn thời gian để đưa tên lửa lần thứ hai vào chỗ có bộ phóng. Chúng tôi cầm lấy xẻng, cuốc chim và vôi vàng tạo một rãnh trên thành khung đỡ tên lửa, ở tầm cao chỗ động cơ đẩy tên lửa lọt qua được. Sau 3 phút mọi việc đã hoàn thành. Tôi ra lệnh cho khẩu đội:

- Nạp tên lửa vào bộ phóng!

Chúng tôi nhanh chóng nạp tên lửa vào bộ phóng, gắn thân tên lửa vào bộ phóng.

- Bộ phóng số 5 đã sẵn sàng - tôi báo cáo về ca bin "X".

- Chấp nhận. Tất cả ở yên vị trí của mình! - hiệu lệnh vang lên nhưng không cần phải phóng tên lửa nữa, vì không còn mục tiêu.

Cả 4 máy bay, bay thành một đội hình kín, ở độ cao 3 nghìn mét đã bị bắn hạ bởi 3 quả tên lửa. Sự kiện này xảy ra ngày 11-8-1965 vào lúc 23 giờ 50 phút, cạnh ngôi làng Gia Sơn, xã Xích Thổ, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Chờ đợi thêm nửa giờ, sĩ quan chỉ huy quyết định rời khỏi trận địa. Sau đó 40 phút tiểu đoàn chúng tôi đã hành quân và rút vào rừng. Đó là trận đầu và là chiến thắng đầu tiên của Tiểu đoàn 61 của chúng tôi mà sau này đã trở thành "Tiểu đoàn Anh hùng".

• Sự cảm ơn của nông dân

Nhưng khi chúng tôi rời khỏi khu vực trận địa thì cũng như vào đêm trước, bà con các làng gần đó, bị đánh thức bởi những tiếng nổ to của trận đánh, đã kéo đến trận địa. Họ chúc mừng thắng lợi và nồng nhiệt cảm ơn chúng tôi:

- Xin cảm ơn các đồng chí đã bắn rơi những chiếc máy bay đáng nguyên rủa. Chúng không cho chúng tôi được yên cả ngày lẫn đêm

Có nhiều người đem quà đến: rất nhiều cam, chuối, mít. Chúng tôi rất cảm động trước sự quan tâm như vậy. Sau khi cảm ơn tất cả những người đã đến chúc mừng chiến thắng của chúng tôi và tặng quà, chúng tôi lên đường trở về.

• Những quả "tên lửa" bằng tre

Khi rời trận địa ra đi, chúng tôi thấy trận địa do chúng tôi để lại đã được thay thế bằng "tiểu

đoàn tên lửa” được chở trên những chiếc xe đẩy của nông dân.

Thân các tên lửa ấy được làm bằng tre, bên ngoài bọc chiếu rơm. Với nước sơn bên ngoài là nước vôi, những chiếc tên lửa này trông như đang điều binh và nếu nhìn từ trên cao xuống chúng không khác gì nhiều so với tên lửa thật sự.

Những “tên lửa” này được bố trí ở trên địa, được nối với nhau bằng một “hệ thống điều khiển” sao cho mô phỏng giống việc thực hiện lệnh “kích hoạt đồng bộ”. “Hệ thống điều khiển” do một người khởi động. Người này ngồi sâu dưới hầm trú ẩn ở ngoài trên địa. Nếu sử dụng phương pháp nguy trang khéo léo thì có cảm nhận hoàn toàn rằng đây là tổ hợp tên lửa phòng không đang hoạt động.

Nhân thể xin nói thêm, khi bị mảnh bom xuyên thủng, những “tên lửa” này không bị hư hại nghiêm trọng. Chỉ cần sửa chữa qua loa là “tên lửa” lại như mới.

Hành quân trở về thì nhanh hơn nhiều, vì chúng tôi di chuyển không chỉ về đêm, mà cả ban ngày mà không sợ bị phát hiện. Bọn Mỹ bị choáng váng trước sự mất tích đột ngột của 4 chiếc máy bay của chúng tại khu vực mà trước đó chúng vẫn bay ngang nhiên mà không bị trừng phạt.

Sau này các đồng chí Việt Nam cho chúng tôi biết rằng ngày hôm sau bọn Mỹ đã dùng máy bay trinh sát không người lái phát hiện ra trận địa giả của chúng tôi. Chúng quyết định tiêu diệt bằng được trận địa này và chúng đã phải trả giá bằng 3 chiếc máy bay nữa. Các chiến sĩ cao xạ Việt Nam đã bắn rơi 3 chiếc máy bay ấy. Hồi ấy có 23 khẩu đội pháo cao xạ 37 ly, 57 ly và 100 ly cùng 3 khẩu đội súng máy phòng không loại 4 nòng - tổng cộng là 100 nòng pháo - bảo vệ trận địa của Tiểu đoàn 61 của chúng tôi. Những khẩu đội pháo ấy đã tạo thành lưới lửa dày đặc tiêu diệt máy bay. Đối với các phi công Mỹ thì đó là cái bẫy thực sự mà những “tên lửa” bằng tre là mồi nhử.

Một trong số phi công trên những chiếc máy bay bị bắn rơi đã kịp nhảy dù và bị bắt làm tù binh. Trong cuộc hỏi cung, chính tên phi công này đã thổ lộ cảm nghĩ của y trong lần ném bom trận địa do chúng tôi để lại:

- Có điều gì đó không thể hiểu nổi đã xảy ra. Tôi cứ nghĩ rằng mình bị rơi vào trạng thái ảo giác: tôi ném bom, nhìn thấy chúng nổ bên cạnh các bãi phóng tên lửa. Nhưng những tên lửa ấy như có phép lạ, đã không bị hề hấn gì, chúng chỉ nảy lên một cách kỳ lạ. Tôi bỏ nhào lần thứ hai - vẫn kết quả như vậy. Khi tôi vừa làm xong động tác bỏ nhào và vọt lên thì bị pháo cao xạ bắn trúng. Tôi đã kịp nhảy dù. Khi chạm chân xuống đất, tôi liền bị các nông dân có vũ trang vây kín. Tôi chỉ còn biết giơ tay hàng.

Sau khi hiểu ra rằng đó là trận địa giả và không phát hiện thấy những tên lửa thật ở gần đó, bọn Mỹ cứ thắc mắc không rõ từ đâu bay ra những quả tên lửa đã tiêu diệt một lúc 4 chiếc máy bay của chúng vào đêm ngày 11 rạng ngày 12-8. Chúng không hề hoài nghi đó là những quả tên lửa thực, vì sự biến mất của những chiếc máy bay của chúng đã nói lên điều đó.

Ba ngày sau đài phát thanh “Tiếng nói Hoa Kỳ” đã phát đi bản tin sau đây: “ở Bắc Việt Nam, người ta đã sử dụng loại tên lửa “đắt đối không” mới của Liên Xô. Loại tên lửa này có thể được phóng đi ở ngoại ô Hà Nội để bắn hạ những máy bay hoạt động ở khu vực sát vĩ tuyến 17”.

#### • Chuyển viếng thăm của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Sau cuộc phục kích thắng lợi đầu tiên, tiểu đoàn của chúng tôi đã trở lại vùng ngoại ô Hà Nội và lại sẵn sàng trong tư thế trực chiến. Mấy ngày đầu máy bay Mỹ hoàn toàn không xuất hiện trên bầu trời. Sau đó bắt đầu xuất hiện các máy bay trinh sát không người lái. Chúng thường bị chúng tôi cố gắng bắn hạ chính xác, bởi vì chúng liên tục truyền thông tin về vùng chúng bay qua.

Vài ngày sau - ngày 26-8-1965 - Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hồ Chí Minh đã đến thăm trận địa của chúng tôi. Người mặc bộ quần áo giản dị màu nâu sẫm, chân đi dép không có bít tất. Sau khi xem xét khí tài và quan sát các thao tác chiến đấu của khẩu đội bộ phóng dưới sự điều khiển của thượng sĩ Đêlôp, Người đã chúc mừng thắng lợi đầu tiên của chúng tôi, cảm ơn sự giúp đỡ của Liên Xô trong cuộc chiến đấu chống xâm lược Mỹ. Khi chia

tay, Chủ tịch bắt tay từng người và phát biểu vài câu bằng tiếng Nga:

- Cảm ơn sự giúp đỡ hiệu quả của các đồng chí. Chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe và giành được những thắng lợi mới. Với 3 quả tên lửa mà các đồng chí đã bắn rơi 4 máy bay địch. Tôi mong các chiến sĩ cao xạ của Việt Nam hãy noi gương các đồng chí và hãy dùng 4 viên đạn để bắn rơi chỉ ít 1 máy bay Mỹ, - Chủ tịch kết thúc câu nói ấy với nụ cười trên môi.

Dĩ nhiên, đây là câu nói vui của Chủ tịch. Theo con số thống kê, trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, tính trung bình khoảng 800 viên đạn cao xạ mới bắn rơi được 1 máy bay.

Chuyến viếng thăm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến trận địa của Tiểu đoàn 61 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 236 đã được các phóng viên nhiếp ảnh Việt Nam chụp ảnh và được các nhà quay phim Việt Nam ghi hình. Song, tôi không biết liệu có lưu giữ được những thước phim lịch sử ấy hay không.

Tình hình sau đó tiếp diễn như sau: bọn Mỹ tìm cách tiêu diệt các tiểu đoàn tên lửa, áp dụng mọi phương tiện kỹ thuật và những thủ đoạn chiến thuật. Còn chúng tôi thì tìm ra những mặt yếu của chúng và luôn luôn cơ động để thực hiện nhiệm vụ của mình. Không nghi ngờ gì nữa, đối với không quân Mỹ thì tên lửa Liên Xô đã trở thành kẻ thù số một, chúng đã bắt đầu thực sự sẵn lòng các bộ khí tài tên lửa. Để tồn tại, chúng tôi đã phải luôn luôn áp dụng chiến thuật phục kích, di chuyển trận địa sau mỗi trận đánh.

Về điều này tôi đã viết một bài thơ.

Những ký ức về Việt Nam

Năm 65 qua đã thật lâu rồi.

Thế giới đầy lo âu, không yên ảng.

Chúng tôi đi, những người con Xôviết

Giữ bình yên cho mảnh đất hậu phương.

Trong những cánh rừng ẩm ướt Việt Nam

Ở cách xa quê hương Nga ngàn dặm,

Mũ rộng vành trên đầu che đạn giặc

Tôi nhớ về những bà mẹ yêu thương.

Chẳng dám thật lòng nói với mẹ đâu:

Có sao phải làm lo âu các mẹ.

Phải hết sức mình đem ra bảo vệ.

Điều chúng tôi đã học cách hiểu ra.

Ở nơi đây toàn những cánh rừng già

Khác những cánh rừng nước Nga tôi nhớ.

Vẫn tràn qua rất nhiều cơn bão lửa

Cao ngút bầu trời những cột khói đen.

Tôi đi qua số phận trên đường đêm

Những bước ngoặt nguy nan đầy trước mặt.

Những ngọn núi đá, đầm lầy, rừng rậm,

Đường hành quân, phục kích, “Bắn!”, nguy trang.

Tiểu đoàn tôi trận địa đã sẵn sàng.

Thúc giục tôi, buổi bình minh đang đến

Tôi và anh, nào có ai hay biết

Trận đánh diễn ra sau đấy mấy giờ.

Nơi heo hút, “bãi phóng” đá mấp mô,  
Nhát cuốc chim đào đường đi toé lửa.  
Giá tên lửa cũng đã chèn yên vị.  
Tôi chợt thêm mười lăm phút thánh thoi.  
Nóng triền miên như trong nhà tắm hơi  
Độ ẩm kinh người càng thêm ngọt ngọt.  
Mồ hôi mặn chảy tràn qua khoé mắt  
Làm héo khô rát bỏng những làn môi.  
“Còi Báo động!”. Lũ quạ đen lao đến  
Hòng cắn sâu vào đất nước màu xanh.  
“Báo cáo! Đã sẵn sàng chờ chúng tới!”  
Anh em tôi hơn chúng mấy giây nhanh.  
Khẩu lệnh “Phóng!”, thời gian như dồn nén.  
Phá tan bầu không khí đang tĩnh yên  
Trúng mục tiêu, tên lửa lao chính xác,  
Lũ ném bom trong chốc lát tan tành.  
Trong chiến đấu ta nhiều lần đã thắng  
Nhưng không phải trong bất cứ trận nào.  
Trên mảnh đất lửa bom đang rục cháy  
Nằm lại nhiều những đồng chí thân thương.  
Không phải ai cũng được trở về nhà  
Để sum họp với người thân xa nhớ.  
Mong sao chẳng bao giờ còn thấy nữa  
Cảnh chiến tranh lửa khói ở Việt Nam.

#### • Tên lửa “Sraico”

Chúng tôi hoạt động khá kết quả. Vì vậy, đối với các phi công Mỹ thì khi nhận lệnh ném bom lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chẳng khác nào lĩnh bản án tử hình. Đôi khi các phi công Mỹ nhảy dù ngay khi các hệ thống thiết bị trên máy bay của chúng phát hiện tên lửa phòng không đã được phóng đi.

Để yểm trợ các máy bay tiêm kích ném bom, bọn Mỹ đã sử dụng các máy tạo nhiễu, cả hình thức tạo nhiễu tích cực và nhiễu thụ động. Hình thức nhiễu tích cực là gây lóa mắt cho các pháo thủ vận hành máy theo dõi mục tiêu bằng tay, bằng cách làm cho các màn hình của các máy XNR hoàn toàn bị trắng xoá. Các tên lửa kiểu “Sraico” cũng là mối nguy hiểm lớn cho chúng tôi. Khi được phóng ra khỏi máy bay, những tên lửa này cứ theo sóng phát ra từ đài điều khiển tên lửa phòng không mà lao thẳng vào trạm phát sóng. Cách duy nhất để thoát hiểm là kịp thời tắt máy phát sóng của trạm. Các chiến sĩ vận hành có kinh nghiệm ở ca bin theo dõi mục tiêu bằng tay khi thấy “chớp loé” từ mục tiêu là họ xác định được thời điểm tên lửa “Sraico” được phóng khỏi máy bay địch. Thế là họ quay ăng ten về phía khác và lập tức tắt máy phát sóng của ra đa bám sát mục tiêu. Bằng cách này họ hướng các tên lửa “Sraico” bay chệch về hướng khác.

Đáng tiếc là không phải bao giờ cũng làm động tác ấy một cách thành công, đặc biệt là khi những người ngồi sau các cần điều khiển là những chiến sĩ Việt Nam chưa có đầy đủ kinh nghiệm.

Cuối tháng 10-1965 việc thành lập Trung đoàn tên lửa phòng không thứ ba của Quân đội

nhân dân Việt Nam đã hoàn thành. Một bộ phận các chuyên gia quân sự Liên Xô trong tiểu đoàn tên lửa của chúng tôi đã được điều sang huấn luyện trung đoàn ấy, trong đó có cả khẩu đội bộ phóng của tôi.

Thật bìn rịn khi phải chia tay với các chàng trai Việt Nam trong Tiểu đoàn 61 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 236 - các anh Vinh, Thành, Sơn, Tiến và Lai. Nhưng chúng tôi đang được chờ đợi tại Trung tâm huấn luyện để huấn luyện cho Trung đoàn tên lửa phòng không 261.

Công tác huấn luyện Trung đoàn tên lửa phòng không thứ ba - Trung đoàn 261

Tại trung đoàn mới này, gần như mọi chuyện phải bắt đầu từ số không. Dĩ nhiên, kinh nghiệm hoạt động tại trung đoàn thứ nhất đã giúp rất nhiều, nhưng nảy sinh những khó khăn khác. Trước hết, đó là bệnh tật. Trung tâm huấn luyện sơ cấp của trung đoàn tên lửa phòng không thứ ba của Quân đội nhân dân Việt Nam đóng trong vùng rừng núi Trại Cau. Phụ trách Trung tâm huấn luyện này là đại tá C. V. Davátxki, chỉ huy của Trung đoàn 261 trong tương lai. Về phía Việt Nam, chỉ huy trung đoàn này là một sĩ quan trẻ, đã tốt nghiệp trường quân sự tại Liên Xô, Thiếu tá Nguyễn Văn Phiệt (Hryeh Bah Phet)

Chúng tôi được bố trí trong một số căn nhà gạch một tầng nối liền nhau được xây trên đồi cao. Phía bên dưới, cách chỗ chúng tôi khoảng 300 mét, có con đường sắt chạy qua. Đằng sau con đường sắt ấy, cũng trên quả đồi, là một nhà máy cơ khí nhỏ. Cách chỗ ở của chúng tôi không xa, trên một số ngọn núi đá, là trận địa của những cụm súng máy phòng không và những khẩu đội cao xạ với các cỡ nòng khác nhau.

Cách nơi ở của chúng tôi 3 kilômét, người ta xây dựng một trận địa huấn luyện của Trung đoàn tên lửa thứ ba. Trận địa này được bố trí trong những khu rừng rậm trên sườn núi. Các bộ phóng tên lửa và các cabin điều khiển dẫn đường tên lửa thì bố trí dưới những tán lá các cây to. Cùng với các vật nguy trang đáng tin cậy, những cây to ấy đã bảo vệ chúng tôi và các khí tài chống lại ánh nắng thiêu đốt.

Các chiến sĩ khẩu đội bộ phóng thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 261

Theo quy định, quân số của Trung đoàn tên lửa thứ ba của Việt Nam được tuyển theo biên chế thời chiến, nghĩa là với những khẩu đội chiến đấu có số quân tăng gấp đôi. Trong các cabin điều khiển chật chội của tổ hợp tên lửa kiểu 6 "cabin điều khiển" XA-75, các khẩu đội, với quân số tăng gấp ba lần (cộng cả các chuyên gia Liên Xô) gồm các kỹ thuật viên và các trác thủ vận hành, thì xét về thể chất, thật sự không thể ngồi được trong các cabin ấy, nhưng các chiến sĩ bộ phóng thì cảm thấy bình thường. Nhờ các khẩu đội đã tăng quân số lên gấp đôi, chúng tôi trên thực tế đã giảm được một nửa số thời gian phiên dịch.

Khẩu đội bộ phóng mà tôi có dịp thường xuyên huấn luyện có trình độ am hiểu kỹ thuật đôi phần kém hơn khẩu đội của Thành, nhưng tất cả những chàng trai ấy đều dày dặn. Giữa chúng tôi đã nhanh chóng có được mối quan hệ tốt đẹp trong công việc.

Chỉ huy khẩu đội tên là Chiến, có tính nết phần nào giống tính nết của đồng chí Sơn - một người cũng rất chăm chỉ và cẩn trọng.

Trác thủ số 1 - Tích là một chàng trai lực lưỡng, khoan thai, lúc đầu không mấy tự tin: anh ta không hiểu rõ lắm khi nghiên cứu các sơ đồ điện, nhưng trong thao tác chiến đấu anh ấy thuộc vào số những người đi đầu.

Trác thủ số 2 - Nin là một chàng trai thành thị có tướng mạo trí thức. Trong những giây phút nghỉ ngơi anh ta thích bàn luận về văn chương, về âm nhạc. Anh rất yêu thích nhà văn Sêkhốp. Anh Nin mơ ước một lúc nào đó sẽ sang Mátxcova để viếng mộ nhà văn Sêkhốp. Điều thú vị là người anh của Nin tên là Lê. Nếu ghép hai cái tên này lại với nhau thì sẽ có được tên Lênin. Để tỏ lòng tôn kính vị lãnh tụ của Cách mạng Tháng Mười, người cha - một đảng viên cộng sản lão thành đã đặt tên ấy cho hai người con.

Trác thủ số 3, cậu Hòa là chàng trai trẻ nhất trong số tất cả các chiến sĩ. Cách đó không lâu anh ta vừa tròn 17 tuổi ảnh ấy có thân hình gầy, cao, nhanh nhẹn. Hòa được mọi người yêu quý. Như cách nói của người đời, cậu ấy nắm bắt được mọi cái rất nhanh. Nhưng cậu ấy xem

như thế còn ít, nên cậu ấy đưa ra nhiều câu hỏi hơn tất cả những người khác, cố gắng đi sâu tìm hiểu căn cứ tài liệu nghiên cứu, dù đó là tài liệu về cơ khí hay là về các sơ đồ điện. Hòa rất thích học nói thạo tiếng Nga và anh ta tiến bộ rất nhanh trong chuyện này. Hòa phát âm rõ những từ tiếng Nga, gần như rất chuẩn.

Có lúc tôi lên lớp về thao tác chiến đấu mà không có phiên dịch, vì vẫn thiếu phiên dịch. Tôi phát tất cả mọi khẩu lệnh bằng tiếng Nga và lặp lại bằng tiếng Việt. Các khẩu đội Việt Nam hiểu rất tốt những khẩu lệnh ấy. Rồi họ cũng cố gắng báo cáo đáp lại bằng tiếng Nga khi thao tác những công đoạn ấy

Một thời gian sau, khi Đại úy Xirencô trở về Liên Xô thì tại Trung tâm huấn luyện của chúng tôi không có một sĩ quan nào thuộc khẩu đội bộ phóng. Một mình tôi đã phải lên lớp cho tất cả các sĩ quan Việt Nam thuộc các khẩu đội bộ phóng của Trung đoàn, giảng về cấu tạo của bộ phóng, về loại xe TQM, cấu tạo của tên lửa cũng như về các thông số kỹ thuật và chiến thuật của chúng.

Trong buổi lên lớp đầu tiên giảng bài cho các sĩ quan khẩu đội bộ phóng thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 261, người phiên dịch đã giới thiệu về tôi như sau:

- Chỉ huy trung đội thuộc đại đội phóng tên lửa, trung sĩ Côlênhích Nicôlai.

Nhưng hình như trong buổi lên lớp thứ tư có một viên sĩ quan Việt Nam thuộc khẩu đội bộ phóng đã hỏi lại:

- Có thể đồng chí phiên dịch của chúng tôi đã nhầm khi giới thiệu đồng chí là trung sĩ. Chắc chắn đồng chí là sĩ quan, vì trên cầu vai của đồng chí có 2 ngôi sao như ở cầu vai quân hàm trung sĩ, chỉ có sự khác biệt là có vạch kim loại phía bên dưới, có đúng như vậy không ạ? - viên sĩ quan ấy bổ sung cho chính xác vì căn cứ vào các ký hiệu quân hàm của Việt Nam.

- Tại sao đồng chí nghĩ như vậy? - Tôi hỏi lại.

- Trung sĩ, ngay cả một trung sĩ Liên Xô, không thể hiểu rõ kỹ thuật và giải thích chi tiết và dễ hiểu đến như thế về cấu tạo kỹ thuật của khí tài, - anh ấy trả lời như vậy.

Tôi cố thuyết phục anh ta rằng quả thật tôi là trung sĩ. Nhưng anh Xuân, phiên dịch viên đã không dịch lại đầy đủ câu trả lời của tôi, mà chỉ nói:

- Tôi đã "sửa lại sự nhầm lẫn" và đã thăng quân hàm trung úy cho đồng chí. Như thế sẽ chuẩn hơn và sẽ tốt hơn cho quá trình huấn luyện.

Tôi đành phải đồng ý với lý lẽ của người phiên dịch. Vậy là tôi đã trở thành "trung úy" trong con mắt các đồng chí người Việt Nam.

Trước khi nhập ngũ, ở tuổi 16 tôi đã tốt nghiệp trung học phổ thông (năm 1949 ở trường sơ cấp còn thiếu nhiều học sinh, cho nên theo đề nghị của tôi, người ta đã ghi tên tôi vào lớp 1 từ lúc tôi mới 6 tuổi). Về sau tôi tốt nghiệp trung học kỹ thuật và có hai năm làm thợ mắc đường dây điện trong các tổ thang máy của các mỏ than ở vùng Đônbat. Khi còn học trên ghế nhà trường tôi đã bắt đầu tham gia câu lạc bộ yêu thích vô tuyến điện: đã từng sửa chữa các máy thu thanh dùng đèn điện tử, đã lắp ráp được những máy thu thanh bán dẫn, máy phát sóng ngắn, sửa chữa các máy thu hình. Do đó? tôi khá am hiểu kỹ thuật - bộ phóng, tên lửa và các hệ thống điều khiển tên lửa - hiểu một cách căn cứ. Thời gian 9 tháng huấn luyện tại trường đào tạo hạ sĩ quan thuộc binh chủng tên lửa phòng không tại Côxtêrêvô và nửa năm phục vụ tại tiểu đoàn hỏa lực của trung đoàn đã đảm bảo cho tôi có được trình độ đào tạo đầy đủ

• Hãy nhớ tới Ácsimét

Tôi còn nhớ, ngay khi mới bắt đầu đào tạo, khẩu đội của đồng chí Chiến đã xảy ra sự cố có thể gây thương tật nặng hoặc thậm chí gây tử vong cho một người nào đó.

Đó là những thao tác chiến đấu trong mục chuyển bộ phóng từ tư thế hành quân sang tư thế chiến đấu. Mọi chuyện diễn ra bình thường. Khẩu đội của đồng chí Chiến đang kết thúc việc hạ bộ phóng xuống đất và chuẩn bị đẩy khung lăn ra.

Có lẽ vì muốn chứng tỏ rằng khẩu đội của mình có khả năng thao tác độc lập, nên anh ấy đã phạm phải một sai lầm lớn. Chiến quyết định đẩy khung có bánh xe phía sau ra mà chưa đặt

trụ đỡ chịu lực lớn thay vào đó. Không thể nào giữ được khung đỡ nếu không có trụ đỡ chịu lực - trọng tâm của khung đỡ ở phía cao hơn đường trục của các bánh xe, cho nên thế nào cũng sẽ xảy ra sự cố, khung đỡ tên lửa sẽ bị lật nhào. Khi lật nhào, cầu của khung đỡ sẽ đè bẹp tất cả những ai cố giữ lấy nó...

Tôi nhìn thấy cảnh tượng ấy và hiểu rằng sau một khoảnh khắc nữa có thể sẽ xảy ra sự cố không sửa chữa được tôi hét lên:

- Dừng lại? Phải giữ lấy cầu của khung đỡ? Không được cử động! -

Rồi tôi nhanh chóng đưa chiếc kích vào, rồi định vị khung đỡ có bánh xe. Sau đó tôi giải thích cho khẩu đội thấy hậu quả có thể xảy ra với “sáng kiến của họ”. Trắc thủ số 3 Hòa đã bổ sung lời giải thích của tôi;

- Tôi đã nói rồi. Không có còng thì không thể tách khung đỡ ra được. Chiếc còng dài và nặng là cần thiết để dễ điều khiển và giữ được khung đỡ tên lửa. Đó là chiếc đòn bẩy để đỡ đấy. Hãy nhớ tới Ácsimét.

• Trận oanh kích vào chủ nhật

Không lâu trước ngày Trung đoàn tên lửa phòng không 261 chiếm lĩnh trận địa chiến đấu, các máy bay cường kích của Mỹ đã dùng tên lửa “không đối đất” để bắn phá nơi đóng quân của chúng tôi ở khu Trại Cau.

Sự việc xảy ra vào buổi sáng của một ngày chủ nhật. Đúng lúc đó chúng tôi đang chuẩn bị lên xe để về Hà Nội. Đột nhiên trên ngọn núi đá gần đó khẩu đội pháo cao xạ 37 ly đã phát ra tiếng “ho khan”

- Khục ! Khục ! Khục ! Khục !

Hòa nhịp với những tiếng nổ ấy là những loạt đạn vôi vã của các khẩu súng máy phòng không và những loạt pháo đều đều của các khẩu pháo cao xạ 57 ly. Có 2 chiếc F-105 sơn màu xanh loang lổ vọt ra khỏi dãy núi đá phía bắc. Chúng bay ở tầm cao gần 200 mét hướng thẳng tới chúng tôi. Chúng tôi chạy tán ra chung quanh để tìm chỗ có thể ẩn nấp. Có 4 tiếng nổ mạnh của những quả tên lửa “không đối đất”, gần như nổ cùng lúc, làm tung đất cách chỗ chúng tôi khoảng 120 mét. Đồng thời 2 loạt súng máy đã làm thủng các bức tường và mái ngói dãy nhà ở của chúng tôi. Mọi chuyện diễn ra chỉ trong vài giây. May thay, không ai bị hề hấn gì do những quả tên lửa ấy. Nhưng có hai anh không kịp nằm xuống nên đã bị thương nhẹ do những mảnh ngói văng vào. Song, điều đó cũng không cản trở chuyến đi được mong đợi từ lâu của họ về Hà Nội.

Trên đường đi, sau khi đã trấn tĩnh lại đôi chút, chúng tôi sôi nổi thảo luận về những chuyện vừa diễn ra và cười sặc sụa trước sự cố là đã có một người, vì quá hoảng sợ, đã nhảy ào xuống một cái hồ nước, có người đã chui rất nhanh xuống gầm xe, suýt nữa đập trán vào trục các-đăng. Trục các-đăng thì còn nguyên, nhưng trên trán tay “thợ lặn” ấy thì có một cái bấu to sừng vù.

• Tự học

Vào chiều tối chúng tôi lần lượt đến nơi tự học. Các học viên Việt Nam ôn lại các tài liệu đã học, trên cơ sở sử dụng những bức tranh minh họa và các sơ đồ. Nếu họ có những câu hỏi thì chúng tôi lập tức giải thích về những gì còn chưa hiểu.

Buổi tự học tiếp tục đến 9 giờ tối. Sau một ngày anh em đều rất mệt và đến cuối buổi tự học thì họ ngủ gật. Đành phải cho giải lao và đôi khi động viên họ bằng các mẫu giai thoại hoặc kể vắn tắt về những trường hợp nực cười trong cuộc đời mình. Tất cả anh em lại tỉnh ngủ, đặc biệt là nếu trong câu chuyện kể có nói đến các cô gái hoặc về một sự cố nực cười nào đó.

Đến thời điểm ấy một bộ phận chuyên gia Liên Xô trong Trung tâm huấn luyện của chúng tôi đã trở về nước.

Ít lâu sau xe lửa đã chuyển khí tài đến. Chúng tôi tháo dỡ vào ban đêm. Tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô đã tham gia vào công việc tháo dỡ. Cần hoàn thành công việc này trước lúc trời sáng và phải kịp giấu khí tài vào các hầm trú ẩn.



Thời tiết lúc ấy tồi tệ khủng khiếp và lạnh một cách hiếm thấy: mưa lất phất kèm theo gió bắc, với nhiệt độ khoảng +10°C. Sau một giờ toàn bộ quần áo ướt sũng, nhưng công việc vẫn tiếp tục. Chúng tôi làm việc nhip nhàng. Mặc dù có mưa và gió, nhưng quần áo của chúng tôi vẫn bốc hơi, người nóng lên do làm việc.

Đến lúc trời sáng mọi việc đã xong: tiểu đoàn di chuyển thành một đoàn dài gần 1 kilômét trong cuộc hành quân đầu tiên của mình.

Ngay trước lúc tiểu đoàn chúng tôi tới trận địa chiến đấu lại có thêm lực lượng bổ sung: đó là Đại úy Épghêni Ivanovich Bôgun, chỉ huy khẩu đội bộ phóng và viên trung úy trẻ (rất tiếc là tôi quên họ tên của người này) chỉ huy trung đội bộ phóng. Họ mới bay từ Liên Xô sang Việt Nam.

Trong những ngày đầu tiên, do chưa nắm vững hoàn cảnh và những đặc điểm trong quan hệ ở nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô thuộc Trung đoàn chúng tôi, cho nên họ định thiết lập một trật tự thường thấy ở các đơn vị phòng không tĩnh tại đóng ở Liên Xô. Dĩ nhiên, tất cả các quân nhân phục vụ theo thời hạn nghĩa vụ quân sự đã kịch liệt phản đối, nhưng không xảy ra xung đột. Có đôi lần chúng tôi xếp hàng đi đến nhà ăn. Trong bữa trưa còi báo động đã rú lên:

- Báo động chiến đấu

Tất cả mọi người đã lập tức bỏ bát đĩa, lao nhanh đến các bộ phóng và các ca bin điều khiển. Bữa trưa đã kéo dài thêm 40 phút. Khi quay trở lại nhà ăn chúng tôi cùng đi với nhau và sôi nổi thảo luận tình hình bầu trời. Tại Việt Nam chúng tôi không đi theo đội hình nữa.

Trong hoàn cảnh chiến đấu các tiêu chí và những sự đánh giá về kỹ thuật quân đội, nhất là về tinh thần trách nhiệm và mức độ đoàn kết của đơn vị lại mang những sắc thái hoàn toàn khác, không có tính chất hình thức. Một đội quân hùng mạnh là nhờ ở tài điều binh của các vị chỉ huy và nhờ tinh thần dũng cảm, anh dũng và kiên cường của binh lính. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyên soái Giucốp đã nói rằng đối với một vị tướng thì lời khen ngợi cao nhất là khi binh sĩ nói về vị tướng ấy rằng: "... đó là vị tướng biết chiến đấu, là một người lính đích thực".

Khi làm chủ một thứ vũ khí tập thể như tổ hợp tên lửa phòng không X-75 thì mỗi người chúng tôi tuân theo nguyên tắc:

Mỗi người vì mọi người, và mọi người vì mỗi người". Mỗi người đều có vai trò quyết định thắng lợi như nhau. Nếu anh là một người đàn ông đích thực thì anh phải làm tất cả để không làm hại đến các đồng chí của mình.

"Mình có thể chết nhưng phải cứu người đồng chí" - đó không đơn giản là một câu nói. Bạn chiến đấu là những người bạn trung thành nhất và đáng tin cậy nhất.

Do sống trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt và do luôn phải chịu sức ép, cho nên cơ thể nhanh chóng bị suy yếu. Và bệnh tật đã đến rất nhanh. Những loại bệnh quấy rầy chúng tôi nhiều nhất là những bệnh ngoài da: khắp người nổi lên các nốt phát ban và nấm xuất hiện ở chân. Một số anh em bị phát ban và nấm chân rất nặng. Họ hầu như không đi lại được do nổi các nốt ban rất dày ở vùng bẹn và háng, ở trên da phía dưới mông, ở nách. Các nốt ban ấy nhanh chóng chuyển thành mụn nhọt khó lành. Nấm chân cũng hoành hành dữ dội. Những bàn chân bị nấm ăn khủng khiếp, chẳng còn chỗ nào lành lặn. Cái chính là không có loại thuốc đặc hiệu nào để chống căn bệnh này.

Điều khó chịu nhất là trong anh em chúng tôi đã xuất hiện bệnh kiết lỵ. Nguyên nhân là do sống và sinh hoạt trong những điều kiện dã chiến. Bạn thử hình dung xem: làm sao mà tránh được bệnh kiết lỵ khi mà có những lúc còi báo động làm bữa trưa của chúng tôi bị gián đoạn đến 2-3 lần, trong khi đó những con ruồi bay khắp nơi tha hồ oanh tạc bữa trưa của chúng tôi.

Sau khi xuất hiện những ca bệnh kiết lỵ đầu tiên, bác sĩ của đơn vị đã tuyệt đối cấm chúng tôi dùng thức ăn bị bỏ dở chừng dù chỉ một thời gian ngắn. Biện pháp này và một số cách phòng ngừa khác đã khống chế sự lan truyền của bệnh kiết lỵ. Tuy nhiên, đã có một số người trong đó có tôi, đã phải vào bệnh viện vì bị chẩn đoán nhiễm "trực khuẩn kiết lỵ".

Thật may mắn, mọi chuyện đã qua đi. Sau 17 ngày tôi đã lại về với trung đoàn.

## • Trở về nhà

Tháng 3-1966 đã đến. Thật bất ngờ đối với nhóm chúng tôi khi được rút khỏi danh sách trực chiến và được đưa về Hà Nội: chúng tôi được lệnh trở về Liên Xô. Bộ trưởng Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tổ chức tiễn đưa các chuyên gia quân sự Liên Xô trở về nước. Tại buổi lễ chia tay này chúng tôi đã được tặng Huy chương Hữu nghị của Việt Nam, bằng tuyên dương do Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng ký, cũng như quà lưu niệm. Đã đến lúc được trở về nhà.

Ngay cả trước lúc máy bay cất cánh, tôi vẫn không tin rằng đối với tôi đã kết thúc tất cả cảnh địa ngục với những máy bay Mỹ ngày nào cũng mang trong bụng chúng đầy bom đạn và trút sự chết chóc xuống đầu dân chúng các thành phố và làng mạc Việt Nam.

Cuộc chia tay thật buồn. Nỗi buồn đã đến với những ai đã kết thúc chuyến công tác, đặc biệt với những ai còn ở lại. Những người ở lại là các đồng chí Vôlôđia Ilin, Xlava Philin, Víchtô Cubusép, Đại úy E. I. Bôgun, viên Trung úy trợ lý của đồng chí ấy và tất cả những người đến Việt Nam hồi tháng 12. Chúng tôi hiểu rằng sẽ hầu như không bao giờ còn gặp lại nhau nữa. Ai mà biết được, có thể ngày mai đây trong số những người ở lại sẽ có người hy sinh? Chúng tôi không muốn nghĩ đến điều đó, nhưng chúng tôi đã không thể quên đi điều đó: chiến tranh vẫn là chiến tranh.

Đưa tiễn chúng tôi có đại diện của các trung đoàn tên lửa phòng không số 1 và số 3. Trong số các đại diện ấy có cả đồng chí Thành. Tôi nóng ruột hỏi đồng chí ấy về tình hình trong Tiểu đoàn 61, tình hình anh em ở đó ra sao, tất cả vẫn còn sống chứ? Đồng chí Thành trấn an tôi:

- Mọi cái vẫn bình thường đồng chí Nicôlai ạ. Hôm nay đã bắn hạ chiếc máy bay thứ 15. Mọi người vẫn còn sống và mạnh khỏe. Chúng tôi vẫn luôn nhớ đến đồng chí đấy. Tất cả mọi người gửi lời thăm hỏi và chúc tất cả các đồng chí lên đường may mắn. Giờ đây đồng chí Tiến là chỉ huy khẩu đội, tôi được bổ nhiệm chỉ huy Trung đội 3, còn đồng chí Vinh đã trở thành chỉ huy phó của khẩu đội.

- Đồng chí Thành, xin chúc mừng! Giỏi lắm! Cứ giữ vững như thế nhé?

- Tình hình gia đình thế nào hả đồng chí Nicôlai? Có nhận được thư của mẹ không?

- Mọi chuyện đều ổn. Tôi vừa nhận được thư. Mọi cái đều tốt đẹp cảm ơn đồng chí Thành.

Để kỷ niệm, đồng chí Thành tặng tôi tấm ảnh của mình, có ghi địa chỉ nhà ở Hà Nội:

- Đồng chí Nicôlai ạ, đây là địa chỉ của bà cô tôi. Cô tôi sống ở Hà Nội. Nhưng anh biết đấy, nhà tôi ở Sài Gòn. Sau ngày chúng tôi giành thắng lợi nhất định mời đồng chí đến thăm tôi ở Sài Gòn nhé. Sài Gòn là thành phố rất đẹp.

Anh ấy mỉm cười nói thêm:

- Con gái Sài Gòn đẹp lắm. Hãy đến nhé.

Lần cuối cùng chúng tôi xiết chặt tay nhau và ôm ba lần theo kiểu Nga. Anh Thành còn muốn nói thêm điều gì đó nữa nhưng đã nở nụ cười buồn rầu, rồi lặng lẽ nhìn sang phía khác.

Tôi bước chậm về phía xe buýt. Đó là những bước đi lần cuối trên mảnh đất Việt Nam đã trở nên thân thương.

Chiếc xe chuyển bánh. Đồng chí Thành nhìn theo tôi với đôi mắt ướt lệ và vẫy tay hồi lâu. Tôi cũng nghẹn ngào không nói nên lời.

- Tạm biệt tất cả mọi người. Việt Nam ơi? Người sẽ mãi trong trái tim tôi.

Tháng Sáu 1968

\*\*\*

# THIẾU TƯỚNG BÊLÔP GRIGÔRI ANĐRÊEVÍCH

Ông sinh ngày 28-11-1918 tại tỉnh Xmôlenxcơ. Bắt đầu phục vụ trong quân đội từ năm 1938 với tư cách học viên Trường đào tạo sĩ quan biên phòng tại thành phố Óócgiơnhikítde.

Tháng 6-1941 ông đã tốt nghiệp trước thời hạn với quân hàm trung úy và được chuyển ra Mặt trận phía Tây. Ông từng trải qua các chức vụ chỉ huy trung đội, đại đội, tiểu đoàn. Khi chiến tranh kết thúc ông là chỉ huy phó trung đoàn với quân hàm trung tá.

Sau chiến tranh ông tiếp tục phục vụ tại Bộ tham mưu Quân khu Tavrích.

Năm 1954 ông tốt nghiệp Học viện quân sự mang tên Phrunde, chỉ huy trung đoàn, về sau chỉ huy Sư đoàn bộ binh cơ giới thuộc Quân khu Dacápcao.

Từ tháng 7-1955 đến tháng 7-1957 ông là Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam.

Sau khi trở về Liên Xô, ông làm việc tại Bộ máy trung ương của Bộ Quốc phòng Liên Xô. Ông phục vụ tại cơ quan này đến năm 1978.

Ông được tặng thưởng: Huân chương Lênin, Huân chương Cờ đỏ Huân chương Chiến tranh vệ quốc hạng I và hạng II, ba Huân chương Sao đỏ, Huân chương Vì phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô hạng I, Huân chương Lao động hạng I và nhiều Huy chương của Việt Nam.

# NHỮNG HỒI ỨC VỀ CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Tháng 8-1965 tôi chỉ huy Sư đoàn bộ binh cơ giới thuộc Quân khu Dacápcadơ, ở biên giới với Thổ Nhĩ Kỳ.

Theo nhận xét của Bộ chỉ huy Quân khu, sư đoàn của tôi đã giải quyết thắng lợi các nhiệm vụ chuẩn bị chiến đấu, là sư đoàn luôn luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Chính vì vậy mà năm 1964 tôi được phong quân hàm thiếu tướng.

Đến giữa tháng 8-1965 tôi nhận được điện thoại gọi từ Bộ tham mưu Quân khu. Người ta chuyển cho tôi lệnh " phải lập tức bay về Mátxcova gặp Bộ trưởng Quốc phòng". Tôi vô cùng ngạc nhiên về tính chất khẩn cấp của lệnh triệu tập và tính chất bí mật về lý do cuộc triệu tập ấy.

Ngày 14-8 tôi có mặt tại Mátxcova. Người đón tiếp tôi là Tổng Tham mưu trưởng Nguyên soái Liên Xô M. V. Dakharốp. Sau khi hỏi thăm sức khoẻ của tôi, về gia đình tôi, ông không hỏi thêm điều gì và lệnh cho tôi cùng ông đến gặp Bộ trưởng Quốc phòng. Khi giới thiệu tôi với Bộ trưởng Quốc phòng là Nguyên soái Liên Xô R. Ia. Malinốpki, Nguyên soái Dakharốp có nói rằng tạm thời thiếu tướng Bêlốp chưa biết gì về lý do của việc triệu tập mình.

Bộ trưởng tiến về phía tôi, bắt tay tôi và nói với vẻ tin cậy như sau: "Sư đoàn của đồng chí được Bộ Quốc phòng đánh giá tốt, vì vậy, với tư cách là chỉ huy sư đoàn này, đồng chí xứng đáng để thực hiện một nhiệm vụ rất quan trọng của Chính phủ. Ở bên ngoài lãnh thổ Liên Xô. Đồng chí được trao nhiệm vụ lãnh đạo một đoàn quân nhân được phái sang Việt Nam (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) để giúp đỡ về quân sự trong cuộc chiến đấu chống bọn xâm lược.

- Chính phủ đã quyết định giúp đỡ Việt Nam. Sau vài ngày nữa các đồng chí sẽ bay đến Hà Nội - Thủ đô của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau 4 ngày, trong những bộ thường phục, tôi cùng với Đại tá M. E. Bônxcô, Chỉ huy phó phụ trách công tác chính trị, Đại tá N. I. Vancôvích, Tham mưu trưởng và các sĩ quan khác, đã đáp máy bay đặc biệt AN-24 từ sân bay Socalốp để bay tới Hà Nội.

Sau chặng đường chân ngắn ngủi tại Bắc Kinh, ngày 20-8 chúng tôi đã tới Hà Nội. Ra đón chúng tôi có Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Thiếu tướng Trần Sâm, và các sĩ quan khác của Việt Nam.

Trong số những người ra đón chúng tôi còn có Tham tán - công sứ Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa P. I. Privalốp và tùy viên quân sự Anh hùng Liên Xô, Đại tá A. I. Lêbêdép.

Sau khi được giới thiệu gặp Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam I. X. Sébcốp, các vị trong ban lãnh đạo của Việt Nam - Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Bộ trưởng Quốc phòng - Đại tướng Võ Nguyên Giáp - tôi liền bắt tay thi hành các trách nhiệm của Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (đó là tên gọi chính thức của đoàn các binh sĩ, hạ sĩ quan và các sĩ quan của Liên Xô ở Việt Nam).

Vào thời điểm ấy trong Bộ chỉ huy Liên Xô chưa có quan điểm đồng nhất về sự phát triển và tính chất các hành động quân sự của quân đội Mỹ chống lại Bắc Việt Nam. Không loại trừ khả năng Mỹ đổ quân vào lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và triển khai các hoạt động tác chiến bằng lực lượng bộ binh. Vì vậy, người được bổ nhiệm lãnh đạo Đoàn chuyên gia phải là một viên tướng chỉ huy tất cả mọi quân nhân, chứ không chỉ là chuyên gia về binh chủng phòng không, mặc dù vào thời kỳ ấy và sau đó các hoạt động quân sự tích cực chỉ diễn ra trên bầu trời Việt Nam.

Trong trường hợp quân đội Mỹ triển khai tác chiến trên lãnh thổ Bắc Việt Nam (các hoạt động tác chiến trên bộ) thì không tránh khỏi phải giải quyết ngay và không chậm trễ vấn đề gửi các chuyên gia chuyên trách sang Việt Nam, trong đó có những đại diện bộ binh.

Vào thời điểm ấy trước hết phải thiết lập hệ thống phòng không bao gồm cả những trung đoàn tên lửa phòng không đang có mặt tại các trận địa chiến đấu (lúc ấy có 2 trung đoàn như

vây), các trung đoàn pháo cao xạ, 1 trung đoàn máy bay tiêm kích (các máy bay kiểu MIG-17, MIG-21), các đơn vị kỹ thuật ra đa và những đơn vị khác.

Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam I. X. Sébacốp đã dành một số phòng của Sứ quán làm trụ sở làm việc của Bộ tham mưu Đoàn chuyên gia. Trong một cuộc họp của các cán bộ Sứ quán, sau khi giới thiệu tôi với họ, Đại sứ Sébacốp đã giao nhiệm vụ cho họ phải hết sức giúp đỡ chúng tôi thực hiện các nhiệm vụ được trao cho Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, đặc biệt nhấn mạnh tính chất và vai trò tuyệt đối quan trọng của các chuyên gia này. Tôi biết ơn Đại sứ Sébacốp đã dành cho chúng tôi sự giúp đỡ và quan tâm hết sức cụ thể.

Trước hết phải nói rằng trong suốt thời gian công tác ở Việt Nam (trong 2 năm) tôi luôn luôn nhận được sự giúp đỡ không ngừng và toàn diện và sự quan tâm từ phía các cán bộ Sứ quán Liên Xô tại Việt Nam. Tôi nhận được sự giúp đỡ đặc biệt của các tham tán sứ quán: Privalốp, Xidốp, Grusétxki, đại diện của ủy ban Nhà nước về quan hệ kinh tế V. N. Gôriusin, đại diện thương mại của Liên Xô tại Việt Nam Páplốp, tùy viên quân sự A. I. Lêbêđép và các phụ tá của họ - E. A. Lêgôxtaép, I. P. Spoóctơ và những cán bộ khác trong Sứ quán.

Sau khi nghe các báo cáo của Đại tá A. M. Đưđa, trưởng nhóm chuyên gia tên lửa phòng không, của các viên chỉ huy các trung đoàn tên lửa phòng không là các Đại tá N. V. Bagienốp, Đại tá M. N. Xurgancốp, chỉ huy nhóm chuyên gia không quân là Tướng V. P. Xensencô và các vị khác, - tôi thông báo cho họ về các nhiệm vụ mà Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô trao cho các chuyên gia quân sự Liên Xô. Tôi cũng đã xác định những biện pháp trước nhất nhằm giải quyết các nhiệm vụ ấy.

Phải mất vài ngày để tìm hiểu và nghiên cứu tình hình trực tiếp ở các đơn vị, tại địa bàn đóng quân của các đơn vị ấy. Sau đó, trong cuộc họp mở rộng của ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chúng tôi đã giải quyết các vấn đề phối hợp hành động, đặc biệt là vấn đề sau đây: theo ý kiến của phía Việt Nam thì Liên Xô cần cung cấp những vũ khí gì và những phương tiện kỹ thuật nào, số lượng các loại đó, tương ứng là số lượng chuyên gia quân sự Liên Xô cần gửi bổ sung thêm sang Việt Nam.

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tướng Trần Sâm và Tư lệnh Quân chủng phòng không - không quân, Đại tá Phùng Thế Tài đã được giao nhiệm vụ trực tiếp tham gia giải quyết tất cả các vấn đề và nhiệm vụ của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô.

Chúng tôi, các quân nhân Xôviết đầu tiên trong lịch sử hợp tác quân sự với Việt Nam, đã phải giải quyết hai nhiệm vụ: nhiệm vụ thứ nhất là tổ chức sự giúp đỡ quân sự cho quân đội miền Bắc Việt Nam trong việc chống trả cuộc xâm lược của Mỹ, và nhiệm vụ thứ hai là thiết lập quan hệ trực tiếp với các bạn Việt Nam ở mọi cấp.

Chúng tôi là những người tiên phong trong việc giải quyết nhiều nhiệm vụ, cho nên thường phải suy nghĩ nhiều xem cần làm như thế nào cho tốt hơn.

Trong quá trình giúp đỡ các bạn Việt Nam chiến đấu, nếu chúng tôi nói "hãy làm theo tôi", tức là hãy nghiên cứu và nắm vững kỹ thuật và vũ khí như chúng tôi hiểu biết và nắm vững những thứ đó; hãy thực hiện nhiệm vụ chính xác và rõ ràng như chúng tôi, hãy bắn như chúng tôi thì trong lĩnh vực quan hệ con người, vấn đề lại phức tạp hơn.

Các bạn Việt Nam - cả các quân nhân, cả các cán bộ dân sự - đều nhìn vào chúng tôi, tìm hiểu và cố hiểu xem chúng tôi đến với họ nhằm theo đuổi những mục đích gì và những ý định như thế nào - thực dân Pháp mới bị đánh đuổi ra khỏi Việt Nam có hơn 10 năm thôi. Chỉ sau khi hiểu ra rằng chúng tôi dành cho họ sự giúp đỡ vô tư, sự giúp đỡ chân thành không tiếc sức mình, rằng chúng tôi chỉ mong nhân dân Việt Nam thắng bọn xâm lược, - họ mới tỏ thái độ quý trọng sâu sắc đối với chúng tôi, và tôi có thể nói rằng họ đã yêu quý chúng tôi.

Chẳng bao lâu sau khi cảm nhận được thái độ quý trọng chúng tôi của các bạn Việt Nam, chúng tôi thấy dễ dàng hơn nhiều trong việc tổ chức hoàn thành các nhiệm vụ phức tạp và quan trọng được giao phó cho chúng tôi.

Tại những cuộc mít tinh, những cuộc gặp gỡ hội họp, đâu đâu cũng thấy khẩu hiệu: "Liên Xô - Việt Nam muôn năm!". Đó là khẩu hiệu của tình bạn chiến đấu trong suốt những năm sau đó

của đợt công tác của chúng tôi tại Việt Nam.

Vào thời gian ấy đã có hai trung đoàn tên lửa phòng không được đưa vào hoạt động để chống lại không quân Mỹ. Đó là Trung đoàn 236 dưới sự chỉ huy của Đại tá M. N. Xugancốp và Trung đoàn 238 dưới sự chỉ huy của Đại tá N. V. Bagienốp.

Thành tích của những trung đoàn này là đã có vài chục máy bay Mỹ bị bắn rơi, chấm dứt sự thống trị trên không phận và những cuộc ném bom không bị trừng trị của không quân Mỹ trên lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sau khi bị mất mấy chục máy bay trong các trận đánh do các chiến sĩ tên lửa Xôviết thực hiện, các máy bay Mỹ khi đến gần mục tiêu đã bay ở tầm cực thấp (100 - 200 mét) và chúng đã trở thành mục tiêu dễ bắn hạ đối với các chiến sĩ pháo cao xạ Việt Nam (có các cỡ nòng 37 ly và 57 ly).

Theo thống kê chính thức thì hơn một nửa số máy bay bị bắn rơi (60%) là do chính pháo cao xạ bắn hạ.

Kinh nghiệm tác chiến của các đơn vị tên lửa phòng không và của không quân ở Việt Nam đã được phân tích, nghiên cứu kỹ lưỡng và được áp dụng rộng rãi trong công tác huấn luyện chiến đấu của Binh chủng phòng không Liên Xô.

Những vấn đề như các biện pháp đối phó với loại tên lửa tự tìm mục tiêu "Sraico", biện pháp yểm trợ các trận địa phóng tên lửa bằng các trung đoàn pháo cao xạ đã nhận được sự ủng hộ hoàn toàn của Tư lệnh Binh chủng phòng không Liên Xô - Nguyên soái P. Ph. Batítxki (ông đã nhiều lần đến thăm Việt Nam vào thời kỳ ấy) và của những vị lãnh đạo quân sự khác của Binh chủng phòng không Liên Xô.

Theo nhiệm vụ do Nguyên soái Batítxki giao cho, một nhóm sĩ quan, dưới sự chỉ đạo của Thiếu tướng V. X. Kixhanxki - trưởng nhóm chuyên gia binh chủng tên lửa phòng không bên cạnh Tư lệnh Quân chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam - đã thực hiện một khối lượng công việc to lớn nhằm phân tích, hệ thống hóa và tổng kết kinh nghiệm tác chiến, chuẩn bị cho xuất bản cuốn sách "Kinh nghiệm tác chiến của binh chủng tên lửa phòng không ở Việt Nam". Cuốn sách này được ấn hành ngày 23-2-1968, do Phó Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không Liên Xô là Trung tướng X. Ph. Vikhorơ làm chủ biên. Đây là cuốn sách được đóng dấu "Mật" và được phổ biến đến từng tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Ban lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam đã đề nghị chúng tôi tiếp tục triển khai việc thành lập các trung đoàn tên lửa phòng không mới. Bắt đầu việc thành lập, tuyển quân số và huấn luyện cho Trung đoàn tên lửa phòng không 261 (trung đoàn thứ ba) dưới sự chỉ huy của Đại tá C. V. Davátxki, Trung đoàn tên lửa phòng không 274 (trung đoàn thứ tư) dưới sự chỉ huy của Đại tá V. V. Phêđorốp và trung đoàn không quân thứ hai gồm các máy bay tiêm kích MIG-21.

Tổng cộng trong 2 năm tôi làm việc tại Việt Nam đã có 8 trung đoàn tên lửa phòng không, 2 trung đoàn không quân và một số đơn vị khác được đưa vào hoạt động.

Các thành viên thuộc Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô được đưa sang Việt Nam bằng các chuyến máy bay đặc biệt, gồm các máy bay kiểu IL-18 cất cánh từ sân bay Socalốp. Các phi công trên hai máy bay IL-18 ấy là các Trung tá Xukhinin và Mascốp chuyên trách nhiệm vụ chuyên chở các binh sĩ Liên Xô sang Việt Nam. Họ cũng chuyên chở từ Việt Nam về Liên Xô các binh sĩ hết hạn phục vụ ở Việt Nam.

Các phương tiện kỹ thuật và vũ khí được chuyên chở từ Liên Xô sang Việt Nam chủ yếu bằng đường xe lửa qua lãnh thổ Trung Quốc dưới hình thức tháo rời, và một phần được chuyên chở bằng đường biển qua cảng Hải Phòng.

Có một đội ngũ đông đảo các binh sĩ và sĩ quan Quân đội Liên Xô đảm nhiệm công việc lắp ráp các phương tiện kỹ thuật và vũ khí được chuyển tới.

Tôi đặc biệt muốn giới thiệu các phi công quân sự là các Thiếu tá Sêsulin và Xuganốp. Sau khi các máy bay MIG-21 được lắp ráp, họ có nhiệm vụ bay thử những chiếc máy bay này trong mọi điều kiện thời tiết và thời gian trong ngày.

Nhìn chung, khi đánh giá sự giúp đỡ quân sự và kỹ thuật quân sự của Liên Xô dành cho Việt Nam, cần nêu rõ rằng sự giúp đỡ ấy là kịp thời, vô tư và đã góp phần đảm bảo cho nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu vì tự do và nền độc lập của Tổ quốc.

Tháng 1-1966 Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô gồm các Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô A. N. Sêlêpin, Đ. Ph. Uxtinốp và cả Thượng tướng V. Ph. Tôlúpô đã đến Hà Nội.

Trong thời gian Đoàn lưu lại, người ta đã công bố Sắc lệnh của Đoàn Chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô về việc tặng thưởng các Huân chương và Huy chương Liên Xô cho đồng đảo các chiến sĩ Xôviết vì những chiến công của họ trong việc giúp đỡ quân sự cho Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống quân xâm lược.

Vì những lý do như đã biết, Sắc lệnh này được giữ kín. Việc trao tặng các Huân chương và Huy chương đã được tiến hành tại bốn nhóm cấp trung đoàn, ở ngay trên các trận địa. Các ông Sêlêpin, Uxtinốp, Tôlúpô và Đại sứ Sécbacốp đã thực hiện việc trao tặng các huân huy chương này.

Trong số những người được tặng thưởng có các trợ lý của tôi là M. E. Bônxcenô và A. M. Đduda.

Ông Đ. Ph. Uxtinốp cũng đã trao tặng Huân chương Cờ đỏ cho tôi. Trong số những người được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ còn có các sĩ quan chỉ huy các trung đoàn. Đó là các Đại tá N. V. Bagienốp, M. N. Xurgancốp, C. V. Davátxki, các kỹ sư trưởng tại các trung đoàn, gồm các Thiếu tá A. B. Daica và N. A. Mêscốp, các sĩ quan chỉ huy các tiểu đoàn, gồm các Thiếu tá Ph. I. Ilinúc, B. I. Môgiaép, I. A. Liakisép, G. X. Rưgiúc, các sĩ quan chỉ huy các khẩu đội kỹ thuật vô tuyến V. X. Bruxnihikin, R. N. Ivanốp, các sĩ quan điều khiển tên lửa: Thượng úy A. Bônđarép, V. M. Cônxtantinốp, A. N. Ôpácô Trung úy C. Carétnhicốp, trặc thủ vận hành máy theo dõi mục tiêu bằng tay - Hạ sĩ A. Bônđarencô, sĩ quan chỉ huy khẩu đội bộ phóng - Thượng úy Iu. A. Đemsencô, ngoài ra còn có viên chỉ huy bộ phóng - Trung sĩ N. N. Cômênhích - nay là Chủ tịch Tổ chức liên vùng các cựu chiến binh đã chiến đấu tại Việt Nam.

Ngoài những phần thưởng cao quý, Chính phủ Liên Xô và Bộ chỉ huy quân sự Liên Xô còn quan tâm đến chúng tôi bằng những cách thức khác.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô được đảm bảo 100% tiền lương của chúng tôi (như tại đất nước đang lâm chiến) được để lại cho gia đình chúng tôi, còn tại Việt Nam thì chúng tôi được nhận tiền của nước sở tại, với số lượng tiền tương đương một suất tiền lương, tùy theo chức vụ đang giữ và quân hàm.

Từ khoản lương đó, tất cả các binh sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan được phía Việt Nam đảm bảo về thực phẩm, theo mức trả 210 đồng Việt Nam mỗi tháng (1 đồng của Việt Nam bằng 52 côpéc của Liên Xô, mà 1 rúp thì bằng 100 côpéc).

Số tiền còn lại họ có thể chi tiêu tùy ý hoặc chuyển thành những tờ chứng phiếu có vạch tím được trao đổi lấy hàng hóa tại các cửa hàng Liên Xô thuộc hệ thống cửa hàng "Bạch dương" hoặc được đổi ra đồng rúp tại ngân hàng.

Các sĩ quan và các nhân viên làm việc tại Ban tham mưu và trụ sở của Đoàn chuyên gia thì ăn uống theo ý mình tại nhà ăn của Sứ quán, hoặc tự mình lo việc ăn uống.

Phía Việt Nam đảm bảo miễn phí cho các chuyên gia về nơi ở, đi lại, công tác bảo vệ và nước uống.

Các đồng chí Việt Nam đảm bảo hoàn toàn tốt khâu ăn uống cho các chuyên gia Liên Xô: có chất lượng và đa dạng. Trong thực đơn có thịt (chủ yếu là thịt lợn), thịt gà, cơm, khoai tây, rau tươi quanh năm, hoa quả (chuối, dưa, đu đủ) và những thực phẩm khác. Trên bàn luôn luôn có trà xanh của Việt Nam ướp mấy cánh hoa nhài khô.

Theo quyết định của Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô, ngày 23-2 vào dịp năm Mới, có chuyên cơ chở các gói quà thực phẩm đến tặng tất cả anh em binh sĩ, các hạ sĩ quan và các sĩ quan.

Bên trong các túi quà ấy có rượu vang, rượu trắng, rượu cô nhắc, phomát, cà phê, giò, bánh kẹo, thuốc lá, trứng cá và những thứ khác.

Một phần những gói quà ấy được dành cho các chiến sĩ tên lửa Việt Nam đã cùng chiến đấu với các chiến sĩ Xôviết.

Theo đề nghị của tôi, người ta đã cử sang Việt Nam (không kể các bác sĩ thuộc biên chế các trung đoàn) một nhóm đông đảo các bác sĩ quân y thuộc các chuyên khoa khác nhau, dưới sự lãnh đạo của vị bác sĩ xuất sắc - Đại tá quân y I. A. Ivanốp. Những bác sĩ này chăm chú nghiên cứu các loại bệnh tật ở các chiến sĩ Xôviết và chữa trị các căn bệnh này một cách thành công.

Tôi phải nói rằng dĩ nhiên là điều kiện sinh hoạt của các chiến sĩ Liên Xô ở Việt Nam rất gian khổ.

Thứ nhất: tất cả các anh em đều phải xa gia đình trong một - hai năm (kể cả ban chỉ huy của Đoàn chuyên gia), liên lạc với gia đình chỉ qua thư từ được chuyển rất chậm (lâu đến 3 tháng).

Thứ hai: khí hậu của vùng Đông - Nam Á với cái nóng nhiệt đới và độ ẩm cao (mùa hè có khi nhiệt độ lên đến +40°C và với độ ẩm 100%) là loại khí hậu rất khó chịu đối với chúng tôi, những cư dân châu Âu.

Cuối cùng, thứ ba: đó là cuộc chiến tranh diễn ra trong hoàn cảnh chiến đấu căng thẳng, với những trận bắn phá liên tiếp của không quân Mỹ, tính mạng con người luôn luôn bị đe dọa.

Tôi xin nêu rõ rằng mặc dù vậy chúng tôi bị tổn thất không đáng kể về người: trong 2 năm tôi lưu lại ở đất nước này chỉ có 6 người hy sinh.

Bất chấp những điều kiện hết sức gian khổ, các chiến sĩ Liên Xô tỏ ra rất cừ: họ không than vãn, không kêu ca về những khó khăn. Họ đã thực hiện một cách mẫu mực nghĩa vụ quân sự của mình trong việc giúp đỡ quốc tế cho Việt Nam.

Mùa hè năm 1966 Thượng tướng quân y và là nhà phẫu thuật hàng đầu của Bộ Quốc phòng Liên Xô A. A. Visnhépxki đã đến thăm chúng tôi. Ngoài việc tìm hiểu những loại bệnh mà các chiến sĩ Xôviết đã mắc phải, ông còn nghiên cứu quá trình chữa trị cho những bạn Việt Nam bị bỏng do bom napan mà không quân Mỹ đã sử dụng rộng rãi, kể cả sử dụng để chống lại dân thường.

Đến mùa xuân năm 1966 chúng tôi chờ một nhóm chiến sĩ Xôviết đến Việt Nam theo định kỳ. Trong thông báo về thời gian họ đến có chỉ rõ rằng chuyến máy bay IL-18 (phi công là Trung tá Xukhinin) sẽ chở một nhóm sĩ quan pháo binh (gồm 4 người, đứng đầu là Trung tá Adarốp) cùng các khí tài sang Việt Nam để thao diễn cho Bộ chỉ huy quân sự của Việt Nam xem những cuộc bắn pháo từ các bệ phóng phản lực.

Công tác tổ chức cuộc thao diễn này được giao trực tiếp cho cá nhân tôi. Ngoài ra, còn cho biết rằng Trưởng nhóm chuyên gia pháo binh ấy là Trung tá Adarốp sẽ báo cáo mọi chi tiết.

Thấy trước tính chất quan trọng của công việc này, tôi chỉ thị cho tướng A. M. Đdurda cấp tốc tuyển chọn trong đội ngũ các chuyên gia tên lửa phòng không những sĩ quan đã từng phục vụ trong binh chủng pháo mặt đất. Có 10 sĩ quan như thế.

Qua báo cáo của Trung tá Adarốp vừa bay sang Việt Nam tôi được biết: có chủ trương thông qua Bắc Việt Nam cung cấp các giàn tên lửa có sức công phá nhỏ (đó là những giàn tên lửa "Cachiusa" đã chiến thu nhỏ) được lắp đặt trên đế ba chân kiểu cơ động để cung cấp cho các đơn vị thuộc Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Dự định tiến hành cuộc bắn trình diễn từ những giàn tên lửa ấy như sau: triển khai tiểu đoàn pháo phản lực (12 giàn phóng) tại trận địa hỏa lực và nhằm các quả pháo phản lực ấy vào mục tiêu ở cách đó 8 kilômét.

Ngay ngày hôm sau tôi đến gặp Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam là tướng Trần Sâm và thông báo cho ông biết kế hoạch tiến hành các cuộc bắn trình diễn. Cùng với ông, chúng tôi đã tiến hành khảo sát địa hình (tại trường bắn), xác định vị trí các trận địa hỏa lực và mục tiêu tập bắn, rồi bắt tay vào chuẩn bị.

Đúng vào giờ đã ấn định, các tướng lĩnh và sĩ quan trong Bộ Chỉ huy của Quân đội nhân dân Việt Nam tới địa điểm sẽ diễn ra các cuộc bắn trình diễn. Bộ trưởng Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến sau cùng. Tôi báo cáo với Bộ trưởng



Quốc phòng Võ Nguyên Giáp cuộc trình diễn đã sẵn sàng. Bộ trưởng bảo tôi hãy chờ thêm chút ít. Mười lăm phút sau đó một chiếc xe hơi nhãn hiệu "Pôbêđa" chạy tới, từ trong xe Chủ tịch Hồ Chí Minh bước ra.

Theo đúng nghi thức, tôi báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng cuộc trình diễn đã sẵn sàng và trình bày nội dung các cuộc bắn pháo. Sau đó chúng tôi đi xuống trận địa hỏa lực và xem xét các giàn pháo phản lực và các quả đạn trên các giàn phóng ấy.

Trong 15 phút 144 quả đạn phản lực (mỗi giàn chứa 12 quả đạn) đã được phóng vào mục tiêu tập bắn. Các quả đạn réo ầm ầm cùng với những cái đuôi lửa lao tới mục tiêu, sau đấy chúng tôi nghe thấy những tiếng nổ của chúng. Sau khi tiến hành xong cuộc bắn trình diễn chúng tôi đi ô tô cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nơi các quả đạn đã nổ. Những gì chúng tôi nhìn thấy quả là khủng khiếp. Các hầm hào bị đất lấp đầy, những công trình bằng bê tông, các mô hình máy bay lên thẳng đều đã bị phá huỷ và cháy trụi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tiến về phía tôi và nói bằng tiếng Nga: "Đồng chí Bêlốp, cảm ơn về tất cả. Tôi đề nghị đồng chí chuyển lời cảm ơn của chúng tôi tới Ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng Liên Xô và mong rằng những giàn phóng đạn pháo phản lực này sẽ được cung cấp hết sức nhanh chóng để chuyển cho những người anh em của chúng tôi thuộc Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam".

Các sĩ quan pháo binh Liên Xô đã tham gia chuẩn bị cuộc bắn trình diễn ấy đã được mời đến gặp Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam để nhận quà tặng và Huy chương Hữu nghị.

Tôi đã lập tức báo cáo về Trung tâm kết quả các cuộc bắn trình diễn ấy cũng như sự đánh giá của ban lãnh đạo Việt Nam.

Tháng 7-1966 tôi được về nước nghỉ phép. Sau khi về đến Mátxcova, tôi đã được R. Ia. Malinốpki tiếp. Sau khi nghe tôi báo cáo về tình hình của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, Bộ trưởng đã nhấn mạnh vai trò to lớn của các binh sĩ Liên Xô tại Việt Nam và đánh giá tốt hoạt động của ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia. Dịp tôi trở về Mátxcova trùng với hai sự kiện trong gia đình: cô con gái của tôi Xvétlana kết thúc những năm học ở trường đại học và đang chuẩn bị lấy chồng.

Sau khi biết chuyện này, Bộ trưởng đã lệnh cho Tổng tham mưu trưởng lập tức cấp cho tôi một căn hộ ở Mátxcova (đường Cômxômôn, nhà số 15). Như vậy, sau 20 năm sống phiêu bạt theo các cơ sở đồn trú quân sự ở trong nước, tôi đã định cư tại Mátxcova.

Đồng thời Bộ trưởng còn lệnh cho tôi sang Việt Nam thêm một năm nữa. Trong báo cáo gửi Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô tôi đã chỉ rõ rằng sẽ là điều hợp lý nếu bổ nhiệm một vị tướng thuộc Binh chủng phòng không thay thế tôi trong chức vụ Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam. Bộ trưởng trả lời sau một năm nữa Bộ sẽ giải quyết vấn đề này.

Khi sống ở Việt Nam, các chiến sĩ Xôviết đã thường xuyên cảm nhận được sự quan tâm to lớn từ phía các bạn Việt Nam, trong đó có sự quan tâm của ban lãnh đạo. Tất cả các bạn Việt Nam mà chúng tôi đã có dịp công tác hoặc gặp gỡ: từ những bác nông dân, các chiến sĩ bình thường cho đến các nhà lãnh đạo dân sự cũng như quân sự ở tất cả các cấp đều dành cho chúng tôi những tình cảm nồng ấm.

Sau khi kết thúc giai đoạn cơ bản trong việc huấn luyện chiến đấu cho Trung đoàn thứ nhất và Trung đoàn thứ hai của Binh chủng tên lửa phòng không, các chuyên gia quân sự Liên Xô - từng nhóm nhỏ - đi nghỉ một tuần ở vùng núi Tam Đảo. Ở đó tương đối yên tĩnh và mát mẻ hơn là ở những vùng đồng bằng trung tâm của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Dĩ nhiên, thời gian nghỉ ngơi rất ngắn như vậy không thể hoàn toàn phục hồi sức lực và hệ thần kinh của các chiến sĩ Xôviết, nhưng đợt nghỉ ngơi ấy lại hết sức cần thiết: bầu không khí chiến đấu căng thẳng, tình trạng luôn luôn cảm nhận mỗi nguy hiểm trong điều kiện khí hậu nóng bức nhiệt đới đã làm cho sức khoẻ bị suy sụp mạnh. Sau đợt nghỉ ngơi ngắn, các chuyên gia Liên Xô lại bắt tay vào công việc huấn luyện Trung đoàn tên lửa phòng không thứ ba và Trung đoàn tên lửa phòng không thứ tư của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tôi đã được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh bảy lần, có một lần tôi được mời đến nhà của Chủ tịch

dùng bữa tối (ngôi nhà nhỏ nằm trong khuôn viên Phủ Chủ tịch). Tôi cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh trò chuyện với nhau bằng tiếng Nga (Chủ tịch nói tiếng Nga không tồi). Tôi có những quan hệ rất tốt đẹp với các vị lãnh đạo quân sự của Việt Nam.

Tất cả những đề nghị, ý kiến tư vấn và các khuyến nghị của tôi cũng như của các trợ lý của tôi đều được các cấp lãnh đạo của Việt Nam chấp nhận và đưa ra thực hiện.

Tôi biết ơn Bộ trưởng Quốc phòng (thời kỳ ấy) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các vị Thứ trưởng Bộ Quốc phòng là Thượng Tướng Văn Tiến Dũng và Tướng Trần Sâm, Bộ Tư lệnh Phòng không - không quân các Đại tá Phùng Thế Tài và Đặng Tính (Данг Тинъ) vì sự hiểu biết lẫn nhau, vì sự giúp đỡ và quan tâm dành cho các chiến sĩ Xôviết.

Tôi muốn dẫn ra đây một sự việc nói lên tình cảm của những người bạn Việt Nam đối với chúng tôi. Tôi sử dụng chiếc xe GAZ-64 do phía Việt Nam cấp cho tôi để đi lại. Người lái xe là thượng sĩ Tuấn, còn đồng chí Tính vừa là phiên dịch, vừa là người bảo vệ tôi. Trong một chuyến đi công tác chiếc xe của chúng tôi bị máy bay Mỹ ném bom. Có một quả bom nổ cách chúng tôi 60-70 mét. Tôi ra lệnh cho mọi người cấp tốc tìm nơi ẩn nấp ở cạnh đường. Một quả bom nữa rơi cách chúng tôi 15-20 mét. Chúng tôi bị đất vùi. Bỗng nhiên tôi cảm thấy có cái gì đó rất nặng từ phía trên đè xuống người tôi. Ngoảnh nhìn lên, tôi thấy anh Tính, phiên dịch của tôi, là người đã đè lên tôi. Tôi hỏi: "Đồng chí Tính ơi, có chuyện gì vậy?". Đồng chí ấy nói đã được lệnh phải bảo vệ tôi bằng mọi giá kể cả bằng mạng sống của mình. Đây là ví dụ có sức thuyết phục nói lên sự quan tâm đối với tôi.

Trước sự quan tâm quên mình ấy, tôi quyết định cảm ơn các đồng chí Việt Nam. Tháng 10-1967, tôi bàn giao công việc - của Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô cho Tướng V. N. Abramốp mới được bổ nhiệm thay tôi. Trước khi sửa soạn lên đường về nước, tôi đã tặng đồng chí Tính và Tuấn hai chiếc xe đạp được phi công Xukhinin chở đến từ Mátxcova theo đề nghị của tôi. Vào thời đó, đối với người Việt Nam chiếc xe đạp chẳng khác gì chiếc ô tô vào thời nay. Sau khi trao tặng phẩm và chia tay với đồng chí Tính và đồng chí Tuấn, tôi thấy họ rung rung lệ tỏ lòng cảm ơn.

Trước lúc tôi trở về Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng thưởng tôi Huân chương cao quý của Việt Nam và khẩu súng lục kiểu "Smít-oétxon" có khắc tên Chủ tịch (hiện nay khẩu súng này được trưng bày tại Bảo tàng Trung ương các lực lượng vũ trang), ngoài ra còn tặng cho vợ tôi một bộ đồ nữ trang bằng bạc có gắn ngọc lam.

Đúng vào thời điểm tôi trở về Liên Xô, tôi đã được tặng thưởng Huân chương Lênin. Cả Tướng M. E. Bôrixencô, vị chính uỷ của tôi: cũng được tặng thưởng Huân chương Lênin.

Sau khi Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô R. Ia. Malinốpki qua đời (ngày 31-3-1967), Nguyên soái A. A. Grêscô trở thành Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô. Sự quan tâm của Bộ trưởng Grêscô đối với các chuyên gia quân sự Liên Xô không được như sự quan tâm của Bộ trưởng Malinốpki.

Sau khi về đến Mátxcova và sau khi trình bản báo cáo lên Bộ Tổng tham mưu, tôi đi nghỉ phép. Trong báo cáo của tôi có chỉ rõ rằng trong 2 năm - từ tháng 7-1965 đến tháng 10-1967 - tất cả các lực lượng phòng không của Việt Nam, với sự tham gia trực tiếp của các chiến sĩ Xôviết, đã bắn rơi hơn 2 nghìn chiếc máy bay Mỹ các loại trong đó có 14 "pháo đài bay" B-52.

Sau kỳ nghỉ phép trở về tôi nhận được một loạt đề xuất về cuộc đời binh nghiệp tiếp theo của tôi trong lực lượng vũ trang. Trong các đề xuất ấy có đề xuất trao cho tôi chức vụ cao tại Quân khu Bêlarútchia.

Sau khi nghiên cứu tất cả mọi đề xuất, tôi gửi thư cho Đại tướng I. G. Páplopki, Tư lệnh Bộ binh của Quân đội Liên Xô, trong đó có đoạn viết: "Thưa đồng chí Tư lệnh! Tôi cảm ơn đồng chí đã tín nhiệm tôi, đã đề xuất với tôi đảm nhận chức vụ cao. Nhưng tôi sắp tròn 49 tuổi, tôi sẽ không trở thành vị thống lĩnh được. Tôi đã có căn hộ ở Mátxcova, vì vậy, tôi đề nghị (nếu có thể được) hãy để tôi ở lại phục vụ tại Mátxcova".

Vị Tư lệnh bộ binh đã ủng hộ lời thỉnh cầu của tôi. Theo lệnh của Bộ trưởng Quốc phòng, tôi được ghi tên vào biên chế của Bộ máy trung ương của Bộ Quốc phòng và được bổ nhiệm làm

Phó giám đốc quản lý các trường quân sự của Quân chủng lục quân. Tôi đã phục vụ 10 năm trong chức vụ này cho đến ngày được chuyển sang diện dự bị - tháng 2-1977 - do tuổi tác.

Trong những hồi ức vẫn tắt của mình, tôi không đề cập đến các chi tiết trong các hoạt động tác chiến có sự tham gia của các chiến sĩ Xôviết. Sở dĩ tôi làm như vậy là vì những chi tiết của các vấn đề ấy sẽ được mô tả một cách chuyên nghiệp bởi các binh sĩ, các hạ sĩ quan và các sĩ quan Liên Xô - đó là các chiến sĩ tên lửa, pháo cao xạ, các phi công đã trực tiếp có mặt trong oác đơn vị của Quân đội nhân dân Việt Nam, họ đã chỉ huy các bệ phóng tên lửa, chỉ huy hỏa lực pháo cao xạ, chỉ huy những phi vụ chiến đấu của các máy bay.

Đã có hàng nghìn chiến sĩ Xôviết trải qua cuộc chiến tranh Việt Nam. Tất cả những chiến sĩ Xôviết ấy, trong những điều kiện vô cùng khó khăn, đã hoàn thành nghĩa vụ người lính của mình một cách vẻ vang, với tinh thần anh hùng và hy sinh quên mình, nhờ vậy họ đã giương cao hơn nữa uy tín của Liên Xô và của các lực lượng vũ trang Xôviết.

Tôi cảm ơn và biết ơn sâu sắc những chiến sĩ Xôviết ấy vì sự lao động của họ phục vụ quân đội cũng như vì tinh thần quả cảm trong chiến đấu của họ.

Con người thuộc lứa tuổi của tôi - tôi vừa tròn 85 tuổi - thường nhớ lại những năm tháng đã qua. Trong cuộc đời mình, tôi cho rằng sự nghiệp chủ yếu là được phục vụ Tổ quốc được phục vụ các lực lượng vũ trang quang vinh, được phục vụ nhân dân. Với lương tâm trong sáng tôi có thể nói: tôi đã làm tất cả để hoàn thành bổn phận của mình.

Những sự kiện ở Việt Nam - nơi tôi đã có đóng góp bé nhỏ sức lao động của mình - sẽ mãi mãi còn đọng lại trong ký ức của tôi, cũng giống như những năm tháng cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại mà tôi đã trải qua từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng.

Chừng nào tôi còn sống, tôi sẽ nhớ mãi với những suy nghĩ tốt đẹp, về những người bạn chiến đấu trung thành cùng tôi ở Việt Nam, - đó là những bạn đồng đội của tôi: M. E. Bôrixencô, A. M. Đduda, V. X. Kixlianxki, V. P. Xensencô, N. V. Bagienốp, V. V. Phêđôrốp, A. Vaganốp, C. V. Davátxki, M. N. Xugancốp, Ph. I. Ilinúc, B. I. Môgiaép, I. A. Liakisép, M. Ph. Bắcxutrencô, M. I. Vôrôbiốp, V. M. Cônxtantinốp, các đồng đội thuộc quân chủng không quân Sêsulín, Xuganốp, tham mưu trưởng B. A. Vôrônốp, các quân nhân phục vụ trong Văn phòng trụ sở của Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự: các nữ đồng chí Liubốp Rôxliacôva, Natasa Iônaitít. Tôi vẫn còn nhớ đến họ và sẽ còn nhớ đến họ đến hết quãng đời còn lại của tôi.

Mỗi năm qua đi thì lại càng vội đi con số những người đã từng tham gia vào các sự kiện ở Việt Nam. Có những đồng đội gần gũi và là những bạn chiến đấu của tôi đã không còn trên cuộc đời này, đó là các Tướng Mikhain Bônxencô, Xécgây Đduda, Cônxtantin Bagienốp, các Đại tá Vladimia Phêđôrốp, Phêđo Ilinúc và những người khác.

Họ đáng được ghi nhớ mãi trong ký ức.

Song, tôi tin chắc rằng thời gian sẽ không thể làm lu mờ ý nghĩa vĩ đại của những điều mà tất cả chúng tôi đã trải qua và đã làm trong 2 năm tại đất nước Việt Nam đang chiến đấu.

Mátxcova, tháng 12-2003

\*\*\*

# CÔVALÉP NICÔLAI IVANÔVÍCH

Ông sinh ngày 11-11-1932 tại tỉnh Kirôvôgrát thuộc Ucraina.

Năm 1950 ông tốt nghiệp trung học phổ thông với huy chương bạc. Năm 1955 ông tốt nghiệp Học viện kỹ sư hàng hải ở Ôđétxa.

Từ năm 1955 đến năm 1981 ông giữ các chức vụ khác nhau tại các cơ quan điều hành hoạt động của các cảng và hoạt động của các đội tàu biển thuộc các công ty vận tải biển ở Viễn Đông, Biển Đen, Nôvôraxixcơ.

Năm 1961 ông tốt nghiệp bộ môn tiếng Trung Quốc thuộc Khoa đặc biệt Học viện các ngôn ngữ phương Đông thuộc Đại học tổng hợp quốc gia mang tên M. V. Lômônôxốp tại Mátxcova. Ông biết tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và tiếng Ucraina.

Từ tháng 9-1965 đến tháng 7-1968 ông là đại diện đầu tiên của Cơ quan Hàng hải của Liên Xô tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ năm 1976 đến năm 1979 ông là Giám đốc Công ty liên doanh đại lý Xô - Thái "TASOS" tại Băng cốc.

Từ tháng 12-1981 ông làm Trưởng ban tại Viện nghiên cứu khoa học thuộc "Dự án Liên hiệp hàng hải", và từ năm 1984 đến năm 1992 ông làm việc tại Bộ Hàng hải.

Từ tháng 4-1999 đến tháng 4-2001 ông là Giám đốc điều hành của Hiệp hội vận tải liên vùng.

Ông được tặng thưởng Huân chương Danh dự, các Huy chương Lao động lão thành, 1,300 năm Hạm đội Nga, các huy hiệu "Chiến sĩ quốc tế, Người lao động danh dự của ngành vận tải Nga, các bằng danh dự của Bộ trưởng Hàng hải tặng, bằng khen của Bộ trưởng Ngoại thương tặng, nhiều bằng khen do các cấp lãnh đạo các hãng tàu biển tặng.

# MIỀN ĐẤT ẤY... HẢI PHÒNG

## • Làm quen

Hải Phòng là thành phố cảng lớn duy nhất ở phía bắc của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong thời gian Hoa Kỳ tiến hành cuộc chiến tranh chống nước Việt Nam và các nước khác ở Đông Dương vào những năm 1965 - 1972, thành phố này là nơi tiếp nhận số hàng viện trợ hết sức to lớn đến từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết từ Liên Xô.

Mùa xuân năm 1965, Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đạt được thỏa thuận về việc thành lập tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Cơ quan đại diện của Bộ Hàng hải Liên Xô có trụ sở tại thành phố Hải Phòng.

Tôi là đại diện đầu tiên của Bộ Hàng hải Liên Xô. Thời kỳ ấy tôi là Phó phòng vận tải - Trưởng ban quy hoạch tác nghiệp của đội tàu tiếp dầu thuộc Cục điều hành đội tàu chở dầu của Công ty tàu biển Hắc Hải, có trụ sở tại thành phố Nôvôraxixcơ.

Sau thời gian thực tập tại các Cục và Ban tại thành phố Nôvôraxixcơ, tại Công ty tàu biển ở Ôđétxa và tại Bộ Hàng hải ở Mátxcova, chiều ngày 21-9-1965 tôi đáp máy bay từ Mátxcova qua Bắc Kinh và đến ngày 23-9 vào lúc 17 giờ 30 phút, máy bay đã hạ cánh xuống đất nước Việt Nam - sân bay Hà Nội.

Ra đón tôi có các cán bộ của Cơ quan đại diện thương mại của Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Kỹ sư trưởng về vấn đề vận tải Adônphơ Toriaxôrúc, là người sau này cộng tác chặt chẽ với tôi trong 3 năm tôi làm việc tại Việt Nam, và Kỹ sư trưởng Lép Kixvianxép.

Sau khi đến Cơ quan đại diện thương mại, tôi đã đến trình diện với Trưởng đại diện thương mại Ivan Iacốplêvích Đudin và vị phó của ông là Alếchxây Iacốplêvích Mihucốp.

Tôi được sắp xếp chỗ ở tại một ngôi nhà của Cơ quan đại diện thương mại. Tôi lưu trú ở đó trong hai tuần lễ. Tôi làm quen tìm hiểu tình hình, thực hiện những thủ tục như đã quy định, lập dự toán chi tiêu của cơ quan đại diện Bộ Hàng hải. Tôi được giới thiệu với Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Ilia Xécghêêvích Sécbacốp, Lãnh sự Êphim Ghêoócghiêvích Ivanốp và những cán bộ khác của Sứ quán Liên Xô, của Cơ quan đại diện thương mại, của Văn phòng cố vấn ủy ban nhà nước về hợp tác kinh tế và các cán bộ thuộc các cơ quan khác của Liên Xô tại Hà Nội, với các vị lãnh đạo của "Vietfract", của Bộ Ngoại thương và của các công ty ngoại thương của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tại Hà Nội, lần đầu tiên tôi nghe thấy còi báo động có máy bay địch. Thật ra, vào lúc ấy chưa xảy ra những cuộc ném bom và chưa có những đợt hỏa lực lớn của pháo cao xạ. Nhưng đó chỉ là bước đầu.

Ngày 14-10-1965, cùng với Phó đại diện thương mại A. Ia. Miliucốp và Adônphơ Toriaxôrúc tôi đã tới thành phố cảng Hải Phòng. Tại thành phố này tôi đã sống và làm việc tròn ba năm dài không yên tĩnh.

Khoảng cách giữa Hà Nội và Hải Phòng chỉ có 107 km. Con đường này chạy qua ba chiếc cầu dành cho cả xe lửa và đường bộ, băng qua ba con sông. Ngay tại Hà Nội có chiếc cầu đẹp bắc qua sông Hồng. Đó là cầu Long Biên dài 1800 mét - một trong số những chiếc cầu dài nhất ở Đông Nam Á, do người Pháp xây dựng vào năm 1911 và được kỹ sư nổi tiếng Épphen thiết kế.

Ở ngoại ô Hải Phòng, phía tả ngạn sông Cấm - nơi có hải cảng - là kho xăng lớn nhất của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với dung tích 60.000 tấn được bảo quản, có một bến cảng nhỏ để chuyển dầu từ các tàu chở dầu lên.

Đoạn tiếp nối tự nhiên của con đường từ Hà Nội về cảng chính là đường phố trung tâm của Hải Phòng, mang tên một địa danh huyền thoại ở miền Bắc Việt Nam - đường Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ là nơi mà ngày 7-5- 1954 quân đội Việt Nam đã bao vây và đánh tan đội quân viễn chinh Pháp đông hàng chục nghìn người.

Tại thành phố này có trụ sở của Hãng tàu biển Việt nam (VOSA). Đây là hãng duy nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm đại lý cho các tàu biển ngoại quốc ghé vào các cảng biển của miền Bắc Việt Nam.

Các đồng chí Alếchxây Iacôplêvích Miliucốp và Ađônphơ Toriaxôruc tháp tùng tôi. Họ là những người đã có mặt vài lần ở thành phố này và giờ đây họ giới thiệu tôi với ông Đào Liên (Дào Liên), Giám đốc Hãng tàu biển Việt Nam VOSA, một người có thân hình mảnh mai, năng động và vui tính, mắt đeo kính. Ông ở vào độ tuổi 43-45, biết tiếng Pháp, tiếng Anh và nói tiếng Nga một cách rất ngộ nghĩnh, theo kiểu "ôsen carasô". Ông Đào Liên giới thiệu tôi với các vị phó của mình, với các trưởng phòng Dệt, Lý, Long, Chúc (Зет, Ли, Лохр, Чык) và với ba cán bộ của hãng là Tuấn, Hưng, Chiến (Туан, Хынь, Чен). Những người này cũng nói được tiếng Nga và làm đại lý cho các tàu Liên Xô tại cảng Hải Phòng.

Tôi cùng với ông Đào Liên thảo luận về vấn đề quy chế hoạt động của tôi tại Hải Phòng. Ông ấy khẳng định rằng về tất cả mọi vấn đề đều có thể và cần trao đổi chỉ với ông mà thôi. Về phía ông sẽ có thái độ hoàn toàn hỗ trợ và ủng hộ trong mọi vấn đề. Thật vậy, phía đồng chí Đào Liên thường xuyên có sự giúp đỡ trên tình bạn bè và sự hậu thuẫn dành cho tôi trong suốt ba năm tôi lưu trú tại Việt Nam.

Đồng chí Đào Liên đề nghị soạn ra chương trình làm quen với tất cả lãnh đạo các ban ngành của thành phố Hải Phòng - ủy ban hành chính của thành phố, Sở Ngoại vụ trực thuộc ủy ban hành chính, giám đốc Sở Du lịch, ban lãnh đạo Cục Vận tải đường biển của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ban lãnh đạo của Cảng, của Sở Ngoại thương Hải Phòng, của các chi nhánh thuộc các công ty ngoại thương và những tổ chức khác có liên quan đến khâu làm thủ tục cho các tàu biển ghé vào các cảng biển của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Buổi tối, tại Hãng đại lý tàu biển, ông Đào Liên đã tổ chức một cuộc đón tiếp nhỏ để chào mừng chúng tôi. Ông đưa ra những ý kiến đánh giá nhận xét rất tốt về các thủy thủ Xôviết. Ông nói: "Họ xa gia đình trong thời gian dài, nhưng bất chấp gió bão và những nổi vất vả khác trên đường đi biển, cũng như bất chấp những cuộc bay lượn nhòm ngó của máy bay Mỹ và bất chấp những trở ngại khác trên đường đi của những con tàu hướng tới Việt Nam, họ tỏ rõ những tình cảm rất hữu nghị đối với người Việt Nam và họ sẵn sàng giúp đỡ và hỗ trợ người Việt Nam vào bất kỳ lúc nào. Họ hoàn thành vẻ vang nghĩa vụ quốc tế của mình".

Sang ngày hôm sau các đồng chí A. Ia. Miliucốp và A. Toriaxôruc trở về Hà Nội, còn tôi ở lại Hải Phòng. Một mình tôi sống ở một đất nước xa xôi, trong một thành phố mới lạ, không có gia đình ở bên cạnh, không có bạn bè vào thời buổi chiến tranh đầy lo âu.

Vị Giám đốc cảng Hải Phòng ông Nguyễn Đức Hoè (Нрыех Дык Хое), Vị phó giám đốc phụ trách khai thác, ông Nguyễn Thanh Võ, giới thiệu với tôi về hoạt động của cảng, cơ cấu quản lý cảng, về những nhiệm vụ và những khó khăn của cảng.

Cảng nằm bên bờ phải của sông Cấm. Cảng này không lớn, chỉ có 6 bến tàu, trong số đó có 3 bến tàu được xem là bến nước sâu và có khả năng tiếp nhận tàu biển lớn có mớn nước 7,5 - 8 mét. Tại các bến cảng không có cầu cảng và những thiết bị cơ giới khác. Tất cả mọi loại hàng hóa đều được ô tô bốc dỡ từ boong tàu và chở đi hoặc chở đi bằng các sà lan chạy trên sông. Các kho bãi cũng không lớn, diện tích cảng có hạn. Điều này ảnh hưởng đến tiến độ và kết quả giải phóng các con tàu ở trong cảng. Cảng Hải Phòng chịu tác động lớn của thủy triều lên xuống - vào những lúc triều cường (mức nước dâng cao nhất) và thủy triều xuống thì mức nước chênh lệch trên sông, trên luồng vào cảng và tại các bến cảng đạt tới 4 mét.

Không nghi ngờ gì cả, những dao động lớn của mức nước đã có ảnh hưởng lớn đến công việc bốc dỡ hàng trên các tàu có trọng tải lớn ra vào cảng Hải Phòng (lượng bốc dỡ hàng hóa bị hạn chế bởi mớn nước của phương tiện), cũng như ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ cảng. Đó là những đặc điểm chủ yếu và cơ bản của cảng Hải Phòng.

Đồng chí Lê Văn Ký (ЛЕ ВАХ КИ) cũng lưu ý tôi về điểm này. Đó là một người đàn ông ở độ tuổi 50, cha của 4 đứa trẻ, có vóc người cao với mái tóc hoa râm, và là một người thú vị, đã từng làm việc trong một thời gian dài với chức vụ Giám đốc cảng Hải Phòng. Vào thời điểm ấy ông là Cục trưởng Cục Vận tải đường biển thuộc Bộ Giao thông vận tải Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có trụ sở tại Hải Phòng.

Ông Lê Văn Ký biết chút ít tiếng Nga, đã từng có mặt ở Liên Xô - đã từng thực tập nửa năm tại cảng Ôđétxa, đã từng đến các cảng Kherôxôn, Crum cũng như các cảng Tuápxe và

Nôvôraxixcơ .

Tôi và đồng chí Ký đã nhanh chóng có mối quan hệ thân tình và đã thỏa thuận với nhau rằng khi cần có thể đề xuất bất kỳ lúc nào với đồng chí ấy thông qua ông Đào Liên. Sau này tôi và đồng chí Ký đã không ít lần gặp nhau để giải quyết những vấn đề quan trọng nhất và có tính nguyên tắc liên quan đến việc giải phóng bốc xếp các tàu Liên Xô tại các cảng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí Ký đã có rất nhiều cố gắng để hoạt động của người đại diện Đội tàu biển Liên Xô thu được kết quả và thành công.

Đồng chí Nguyễn Văn (Hryeh BAH) - Giám đốc Sở Ngoại thương Hải Phòng và là cấp trên của tất cả các chi nhánh các công ty ngoại thương hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu ở Hải Phòng - đã từng học tập ở Trung Quốc và khá thông thạo tiếng Trung Quốc. Trong những lần gặp nhau chúng tôi thường hay nói tiếng Trung Quốc. Đồng chí Văn đã giúp đỡ và hỗ trợ tôi với tư cách đại diện Đội tàu biển của Liên Xô trong hoạt động tại thành phố Hải Phòng.

Tôi cần phải nghiên cứu tỉ mỉ hoạt động của tất cả các tổ chức hàng hải và ngoại thương, các tập quán địa phương, nếp sống, tập tục và toàn bộ khung cảnh mà trong đó tôi sẽ sống và làm việc trong điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân do Hoa Kỳ tiến hành ngày càng leo thang nhằm chống lại miền Bắc Việt Nam. .

Những cuộc báo động có máy bay địch, còi báo động rú, những cuộc oanh kích của máy bay Mỹ có tốc độ cao, những loạt đạn được bắn ra từ những khẩu đội pháo phòng không được bố trí khắp trong thành phố, tất cả những cái đó là thực tế hàng ngày lấy đi nhiều sức lực của mọi người, lấy đi thời gian và làm hao tổn thần kinh, khiến mọi người xa rời công việc, làm giảm tiến độ bốc dỡ hàng ở cảng.

Vào những ngày cuối tháng 10-1965 các máy bay không người lái của Mỹ bắt đầu bay lượn trên bầu trời để trinh sát thành phố Hải Phòng.

Ngày 20-10, vào buổi chiều thời tiết nắng nóng - bầu trời không hề có một gợn mây. Bỗng nhiên, từ trên cao nghe thấy tiếng ầm ì, sau đó trên nền trời xanh biếc xuất hiện bóng dáng mờ mờ màu đen của chiếc máy bay.

Tôi cùng thuyền trưởng và đại phó của chiếc tàu chở dầu “Crátxnôvốtxcơ” thuộc Công ty vận tải Biển Đen – lúc ấy đang bơm dầu điêden và xăng tại cầu tàu của Kho dầu Hải Phòng - đã trèo lên boong để quan sát chiếc máy bay ấy. Nó bay từ phía đông - bắc hướng vào thành phố.

Bỗng nhiên, từ phía xa, từ mặt trước dãy núi bên kia sông, một quả tên lửa bay vụt lên và đuổi kịp chiếc máy bay ăn cướp ấy khi nó đang bay ở phía trên thành phố. Đám khói màu vàng của vụ nổ loé lên. Chiếc máy bay vỡ thành nhiều mảnh, bắt đầu rơi và đâm xuống đất ở phía ngoài thành phố. Kết cục thật bất ngờ đến mức khiến tất cả chúng tôi vui sướng ngỡ ngàng. Quả tên lửa của Liên Xô đã phát huy tác dụng của nó. Đó là chiếc máy bay trinh sát không người lái, và lại đó là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên bầu trời Hải Phòng. Những mảnh còn lại của chiếc máy bay ấy về sau đã được đem trưng bày tại cuộc triển lãm của thành phố và sau đó được đưa vào Bảo tàng lịch sử Hải Phòng.

Hồi ấy tôi thậm chí không ngờ rằng trước khi Tổng thống Giônxon tuyên bố ngừng chiến vào năm 1968 tôi sẽ được nhìn thấy phần lớn trong số 211 chiếc máy bay Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời thành phố Hải Phòng bất khuất và anh hùng. Kể cả chiếc thứ 211 sau cùng, bị bắn rơi vào tháng 7-1968 trong lần Mỹ ném bom Nhà máy ximăng.

Ngày 5-11-1965, vào lúc 14 giờ đã có báo động máy bay địch. Còi báo động rú lên. Khoảng 5 phút sau, khi còi báo động vừa tắt đã nghe thấy tiếng gầm rít của máy bay, có những tiếng nổ ở phía đằng xa và những loạt đạn bắn loạn xạ từ các loại súng bộ binh. Đã qua rồi cái thời có thể dùng loại vũ khí ấy để tự vệ, mà cũng không phải để chống lại những chiếc máy bay “Con ma” F-105 bay với tốc độ siêu âm. Vào thời điểm ấy, việc này chẳng khác gì dùng pháo để bắn lên cung trăng.

Thành phố này cần phải được bảo vệ bằng những phương tiện phòng không đáng tin cậy, và đã có những phương tiện như thế. Đó là những giàn tên lửa phòng không của Liên Xô thuộc loại “đất đối không”. Những giàn tên lửa này đã được bố trí ở ven thành phố Hải Phòng. Song, để

duy trì tinh thần chiến đấu của nhân dân, người ta huấn luyện anh chị em dân quân tự vệ tập ngắm bắn vào các mô hình máy bay di chuyển ở độ cao 5-6 mét trên sợi dây được căng ra giữa những cây sào cách xa nhau.

Về sau được biết, sở dĩ có báo động máy bay địch là vì đã xảy ra vụ ném bom đầu tiên - kể từ khi cuộc xâm lược bắt đầu - nhằm phá cây cầu có đường sắt và đường bộ chạy qua là cầu Lai Vu nằm giữa Hải Phòng và Hải Dương, cách Hải Phòng 35 km.

Sáng hôm sau, tức là vào ngày 6-11, tôi lên Hà Nội dự lễ kỷ niệm 48 năm Cách mạng Tháng Mười. Buổi lễ do phía Việt Nam tổ chức tại Nhà hát Lớn của Thủ đô. Ngày 7-11 tôi tham dự buổi chiêu đãi tại Sứ quán với sự góp mặt của Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng.

Trên đường về Hà Nội xe chúng tôi chạy qua cây cầu vừa bị ném bom ngày hôm qua. Cây cầu vẫn còn nguyên vẹn, nhưng dọc hai bờ có những hố bom to, còn những ngôi nhà nhỏ và cây cối thì bị quét sạch. Có một quả bom rơi trúng nền đường sắt ngay ở đoạn đường dẫn đầu cầu. Hố bom to tướng đã được san lấp, những thanh tà vẹt mới toanh đã được đặt vào và đoạn đường sắt này đã được sửa lại như cũ. Mặc dù còn cần phải nện và đầm thêm nền đường, song đoàn tàu chở hàng từ Hải Phòng lên vẫn chạy qua chỗ đoạn đường sắt mới được sửa, khiến cho đường ray ở chỗ bom rơi hơi bị cong xuống.

Lần ấy cây cầu còn nguyên vẹn. Nhưng về sau, trong suốt ba năm cây cầu này đã bị ném bom nhiều lần, bị phá hỏng nhiều lần, nhưng chỉ qua một thời gian cây cầu ấy lại "tái sinh", và những đoàn tàu vẫn từ cảng Hải Phòng chuyên chở qua cây cầu ấy những hàng hóa cần thiết cho đất nước. Sau đó 12 ngày; tức là vào ngày 17-11, cây cầu này lại bị ném bom, một phần cây cầu bị phá hỏng, nhưng phía Mỹ đã phải trả giá đắt - chúng bị mất 4 máy bay. Lần thứ ba - vào ngày 1-12, cây cầu này đã bị phá huỷ với cái giá phía Mỹ phải trả là 5 máy bay bị bắn rơi.

Sau này tôi đã nhiều lần có dịp nhìn thấy những khung kim loại của cây cầu này bị sức nổ của bom làm cong queo đến mức tưởng chừng như những khung kim loại ấy không thể dùng vào đâu được. Nhưng nhờ những bàn tay khéo léo của các thợ hàn, thợ lắp ráp và những công nhân khác của Việt Nam, cho nên chỉ sau vài đêm những khung thép ấy đã lại có những hình dáng cần thiết và tiếp tục được sử dụng như trước kia.

Thế nhưng sau 2-3 ngày, những dầm thép ấy, sau lần bắn phá như thường lệ, lại bị hư hỏng đến mức không thể nhận ra được. Thế rồi người ta lại lao động kiên cường, quên mình vào ban đêm. Câu chuyện cứ như thế diễn ra không biết bao nhiêu lần nữa, mãi cho đến ngày chiến thắng.

Tinh thần lao động vĩ đại của nhân dân Việt Nam đoàn kết, yêu chuộng tự do và bất khuất thật đáng khâm phục. Có những đội dân quân và thanh niên chuyên trách, do ban chỉ huy quân sự và các cơ quan chính quyền ở các tỉnh và các huyện thành lập, thường xuyên lao động nhằm khôi phục lại các cây cầu, các tuyến đường sắt và đường bộ. Những đội lao động chuyên trách này đã thể hiện tinh thần anh hùng và hy sinh quên mình kỳ diệu, cho nên chỉ trong những khoảng thời gian hết sức ngắn, vào ban đêm, hơn nữa trong điều kiện nguy trang tuyệt đối không có ánh sáng, họ đã khôi phục lại được các tuyến đường sắt, dùng những chiếc sọt gánh đất để lấp các hố bom, bắc các cây cầu phao qua nhiều con sông, tiến hành nhiều công việc hàn vá và những công việc khôi phục khác.

Cuộc leo thang ném bom và bắn phá bằng những máy bay siêu âm hiện đại của không lực Hoa Kỳ trên lãnh thổ yên lành của miền Bắc Việt Nam đã bắt đầu như thế đấy.

- Những ngày đầy lo âu

Ngày 24-11-1965. Tôi đến cảng Cẩm Phả cùng với vị phó đại diện thương mại A. Miliucốp, đồng chí A. Toriaxôrúc và Giám đốc Hãng đại lý tàu biển VOSA Đào Liên.

Ngày 25-11-1965. Sáng sớm (vào lúc 4 giờ sáng) tại cảng Hòn Gai chúng tôi đã dùng xuồng máy thực hiện cuộc du ngoạn trong vịnh Hạ Long. Vịnh này thật tuyệt vời có hàng nghìn đảo nhỏ nhỏ lên khỏi mặt nước. Trên những hòn đảo nhỏ có màu xám ấy, chắc hẳn có nguồn gốc núi lửa, có rất ít cây cối. Chúng tôi rất hài lòng sau chuyến du ngoạn buổi sáng trong khu vực lạ



thường này. Sau đó chúng tôi đến Cẩm Phả. Tại Hải Phòng người ta bắt đầu sơ tán trẻ em, người già và phụ nữ, một bộ phận công nhân viên các xí nghiệp, tài sản quý giá, các giấy tờ quan trọng.

Tại cảng Hải Phòng có các tàu “Minxcơ”, “Lêninxki Piônhe” (thuộc Công ty vận tải Biển Đen), “Ôxtorôgôgiơxcơ” (thuộc Công ty vận tải biển Viễn Đông) đang cập bến.

Ngày 15-12-1965. Lần đầu tiên Nhà máy điện Uông Bí bị ném bom, cách Hải Phòng 20 km (vào lúc 8 giờ sáng nhà máy điện này bị phá huỷ). Từ trong các đám mây, từ độ cao lớn, máy bay Mỹ đã dùng những quả tên lửa tự tìm mục tiêu loại mới bắn phá cây cầu lớn ở Hải Dương. Chiếc cầu này bị hư hỏng nhẹ. Giờ đây, đi lên Hà Nội bằng ô tô phải mất 5-6 giờ, đi đêm (trước kia chỉ mất 2 giờ), phải qua ba con sông trên những chiếc phà - “Ôi? Có bao nỗi nhọc nhằn”.

Ngày 20-12-1965. Trước đây máy bay Mỹ chỉ bay ban ngày - từ 10 giờ đến 16 giờ, nhưng từ hôm đó chúng cất cánh từ các tàu sân bay và bay suốt ngày đêm. Tình hình này tiếp diễn suốt tháng 12.

...Ngày 11-1-1965, đúng vào ngày sinh nhật của tôi, tôi được tham dự buổi chiêu đãi tại Sứ quán Liên Xô ở Hà Nội nhân dịp có chuyến viếng thăm của phái đoàn từ Mátxcơva.

Trong buổi chiêu đãi có các đại biểu Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh, Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng, Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn, Bộ trưởng Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị Trưởng đoàn đại biểu Liên Xô - Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô A. N. Sêlêpin cùng các thành viên của Đoàn: Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Đ. Ph. Uxtinốp, Tư lệnh binh chủng Phòng không Liên Xô, Anh hùng Liên Xô, Nguyên soái P. Ph. Batítxki, Anh hùng Liên Xô, cựu chiến sĩ thuộc binh chủng tăng thiết giáp và là nữ thi sĩ Inna Lépsencô (vợ của nhà thơ E. Đônmatốpxki), Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa I. X. Sébacốp, Đại diện thương mại của Liên Xô mới được bổ nhiệm tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa A. A. Páplốp, và các nhà hoạt động nhà nước khác của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 19-4-1966 lần đầu tiên khu mỏ than Cẩm Phả bị ném bom, nhà máy làm giàu quặng ở cạnh đó cũng bị ném bom (có những tổn thất hy sinh lớn và những sự tàn phá nghiêm trọng).

Đã có 5 cuộc báo động, 3 vụ ném bom, 2 vụ trong số đó rơi vào các tàu biển Trung Quốc cách bến tàu 30 mét. Họ đã dùng các khẩu súng máy trên tàu bắn vào máy bay, nên gây ra những cuộc ném bom đánh trả.

Vào thời điểm ấy trong cảng có tàu “Xanxcơ” thuộc công ty vận tải biển Viễn Đông của Liên Xô, tàu của Bungari “Bênhépxki” đang cập bến. Chiếc tàu “Nam Hải - 153” của Trung Quốc bị hư hại ở phần máy vô tuyến định vị, ngoài ra còn có chiếc tàu của Hy Lạp “Ác mê”.

Trong cảng có 1 bến tàu bị phá huỷ (trong số 2 bến tầu) và một trong số bốn ụ cần cầu bị phá hỏng.

Trong suốt thời gian tháng 5 - tháng 6-1966 hằng ngày có 4-6 cuộc báo động máy bay, những cuộc bắn phá và ném bom Nhà máy điện Uông Bí và những cơ sở khác ở Hải Phòng, Hòn Gai và Cẩm Phả cũng như những cây cầu và các bến phà qua các con sông ở Hải Dương, sông Hồng v.v. Ngày 7-6-1966, theo đề nghị của chúng tôi, tại Hải Phòng chính quyền đã đồng ý cho mở các trạm thu phát vô tuyến trên tàu để truyền về Trung tâm và về các công ty tàu biển của chúng tôi kết quả bầu cử của Xôviết Tối cao Liên Xô.

Ngày 20-6-1966 tàu chở dầu “Cômxiômôn” đã đến phao số “0” của cảng Hải Phòng, chờ theo 9973 tấn xăng và đã bắt đầu bốc dỡ số xăng này trên sông Bạch Đằng.

Ngày 29 - vào lúc 11 giờ 15 phút theo giờ địa phương, đã diễn ra cuộc bắn phá dữ dội vào Hải Phòng Có gần 30 máy bay Mỹ đã ném bom kho dầu làm nó bốc cháy dữ dội. Theo phía Việt Nam thông báo thì phần lớn bể chứa (trong số 60 nghìn tấn dung tích) đã bị phá huỷ, bến đỗ của tầu chở dầu đã bị phá huỷ. Không còn nơi để bốc dỡ dầu trên các tàu chở dầu thuộc Công ty vận tải biển Nôvôraxixcơ có trọng tải lên đến 12 nghìn tấn, trừ việc bốc dỡ trên sông Bạch Đằng và trong vịnh Hạ Long, chất lên sà lan với số lượng hạn chế, trên bờ nhìn chung đã không

còn các bể chứa dầu.

Hoạt động của cảng Hải Phòng cũng bị ngừng lại, vì không có nhiên liệu dùng cho các phương tiện vận chuyển của cảng và của khách hàng để chuyên chở hàng được bốc dỡ từ các tàu biển.

Tôi đã lập tức gặp các đồng chí Lê Văn Ký và Nguyễn Đức Hoè và đề nghị họ đưa các phương tiện chuyên chở dầu áp sát vào boong các tàu Liên Xô đang đậu ở bến, để tiếp nhận nhiên liệu. Tôi chỉ thị cho các thuyền trưởng xuất mỗi tàu 30 tấn dầu điêden để dùng cho các xe tải. Bốn tàu thuộc Công ty vận tải Biển Đen - các tàu "Minxco", "Nicôlaiép", "Mêgiơgôriê", "Môđốc" - đã lập tức xuất ra cho cảng mỗi tàu 10 tấn dầu điêden.

Hoạt động của cảng được khôi phục trở lại.

Theo đề xuất của chúng tôi, tại nhiều địa điểm, tại các xí nghiệp ở Hải Phòng, Hòn Gai và Cẩm Phả, cũng như trong các xí nghiệp ven biển của miền Bắc Việt Nam, phía Việt Nam đã bắt đầu dùng những tấm thép do các tàu Liên Xô chở tới để xây những bể chứa không lớn và những sà lan chứa và vận chuyển các sản phẩm dầu lửa được chuyển đến từ các tàu chở dầu của Liên Xô. Các công ty ngoại thương của Việt Nam đã gấp rút đặt đóng các sà lan chứa dầu và các tàu chở dầu loại nhỏ được chế tạo tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Nhằm làm giảm nhẹ khó khăn trong việc giải phóng hàng trên các tàu chở dầu và để tránh hiện tượng các tàu phải đậu lâu ở cảng, tôi đề nghị với Trung tâm như sau: Tạm thời không gửi các tàu chở dầu loại lớn, có trọng tải 10-12 nghìn tấn đến Việt Nam. Nếu gửi đi những chiếc tàu loại ấy thì chỉ có thể qua các cảng của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Về vấn đề này ban lãnh đạo của Việt Nam sẽ phải thương lượng trước với phía Trung Quốc. Nên gửi đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những tàu chở dầu có trọng tải 4000 tấn (loại tàu "Ambácsích") và 1500 tấn (loại tàu "Baxcunsắc"), hơn nữa nên xuất phát từ các cảng Vladivôxtốc và Nakhótca. Bộ Hàng hải của Liên Xô đã thực hiện cách làm này.

Tối ngày 2-7 tôi đi xuống máy trên sông Bạch Đằng, nơi neo đậu tàu chở dầu "Côm-xô-môn" và đã yêu cầu phía Việt Nam đưa tàu này vào một địa điểm an toàn hơn trong vịnh Hạ Long. Sau đó sẽ đưa tàu vào một cảng phía Nam Trung Quốc - cảng Sam Công - để bốc dỡ dầu. Đến khuya tàu Côm-xô-môn đã được đưa vào vịnh Hạ Long.

Ngày 3-7, vào lúc 18 giờ tàu chở dầu "Côxtơrôma" mặc dù chưa bốc lên bờ được một tấn dầu nào tại Việt Nam, nhưng đã nhổ neo và đi đến cảng Sam Công của Trung Quốc.

Sau đó tại hải cảng này, cũng như tại Thượng Hải và Triết Giang, trong nhiều tháng người ta đã giải phóng và bốc dỡ được cho hàng chục chiếc tàu chở dầu của Liên Xô vận chuyển dầu cho Việt Nam - những tàu có trọng tải hàng chục nghìn tấn đến từ Biển Đen và những tàu có trọng tải bốn nghìn tấn đến từ Vladivôxtốc. Sau khi được bốc dỡ, số dầu ấy được chở tới Việt Nam bằng các sà lan của Việt Nam và bằng những tàu chở dầu có trọng tải nhỏ khoảng 1-1,5 nghìn tấn.

Đó là cách giải quyết vấn đề nhiên liệu sau khi máy bay Mỹ đã phá hủy kho dầu ở Hải Phòng.

Về sau, nhờ việc xây dựng trên khắp lãnh thổ Bắc Việt Nam những kho chứa dầu nhỏ và nhờ có những chiếc sà lan chứa dầu, cho nên các tàu chở dầu lại bốc dỡ dầu tại Việt Nam lên những chiếc sà lan ấy trong vịnh Hạ Long và tại cửa sông Bạch Đằng.

Tàu chở dầu "Côm-xô-môn" đã đậu ở cửa sông Bạch Đằng và trong vịnh Hạ Long cả thảy 54 ngày và mãi đến ngày 13-8 mới nhổ neo trở lại Biển Đen mang theo 199 tấn xăng còn lại.

Trong suốt thời gian ấy, thuyền trưởng tàu này Đ. C. Khôliáp-cô và thủy thủ đoàn của ông gồm 47 người đã chịu rất nhiều thiếu thốn. Chiếc tàu chở dầu ấy được Hoa Kỳ giao cho Liên Xô theo cơ chế cho thuê trong thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cho nên nó không được trang bị các thiết bị thông gió và làm mát. Trong điều kiện nhiệt đới vào mùa hè nhiệt độ của không khí trong bóng râm đã lên đến +45oC - 48oC. Thủy thủ đoàn của tàu này đặc biệt chịu cực trong thời gian tàu đậu trên sông Bạch Đằng mà hai bên bờ toàn là rừng rậm, nơi tụ tập những đàn muỗi hung dữ.

Bầu không khí ngột ngạt khủng khiếp trong những phòng ngủ của thủy thủ, sự quá nhiều

dữ tợn của lũ muỗi rừng trong nhiều ngày đêm. Máy bay siêu âm của Mỹ thường xuyên bay lượn ở tầm thấp bên trên tàu chở dầu đang mang theo hàng nghìn tấn xăng máy bay và nhiên liệu dùng cho các máy bay tiêm kích (MIG-19 và MIG-21 của Việt Nam). Máy bay Mỹ dùng súng máy cỡ lớn và rốc két oanh tạc - ngay trước mắt đoàn thủy thủ Liên Xô - vào các sà lan Việt Nam đang rời khỏi mạn chiếc tàu chở dầu, với số nhiên liệu vừa được bơm lên sà lan. Những quả bom thả vào các sà lan ấy, những tiếng nổ, lửa cháy và những tiếng kêu gào của những người bị nạn cầu cứu sự giúp đỡ - tất cả những điều đó đều là sự thử thách không dễ dàng đối với đoàn thủy thủ trên tàu "Cômxômôn".

Chính vì lý do ấy mà tôi đã yêu cầu phía Việt Nam đưa tàu "Cômxômôn" vào vịnh Hạ Long nhằm phần nào giảm bớt tình cảnh cực khổ của đoàn thủy thủ. Trong vịnh Hạ Long ít muỗi hơn nhiều, không khí mát mẻ hơn, ngoài ra những sà lan Việt Nam chở nhiên liệu cũng có thể ẩn nấp giữa vô số những hòn đảo nhỏ ở trong vịnh để tránh máy bay Mỹ. Thủy thủ đoàn trên tàu chở dầu "Cômxômôn" đã anh dũng chịu đựng mọi thử thách gian nan, tìm mọi cách giúp đỡ các thủy thủ trên các sà lan Việt Nam: thực phẩm, y tế, giúp họ thoát chết sau những trận oanh tạc của máy bay.

Chiếc tàu chở dầu "Cômxômôn" làm nhiệm vụ ở Việt Nam đã chịu đựng những thử thách gian khổ giống như những thử thách mà con tàu chuyên chở hàng khô "Cômxômôn" cùng tên với nó làm nhiệm vụ ở Tây Ban Nha trong thời gian nổ ra cuộc nội chiến ở đó. (Sau những ngày 17-18 tháng 7-1936 - sau khi ở nước này nổ ra cuộc binh biến phát xít được sự ủng hộ của Italia và Đức với sự dung túng của các cường quốc phương Tây - chiếc tàu chở hàng khô mang tên "Cômxômôn" vẫn chuyên chở lương thực, các loại thiết bị, các phương tiện kỹ thuật cho chế độ cộng hòa ở Tây Ban Nha, đã bị máy bay của bọn phát xít tấn công.)

Tôi lại xin nêu ra đây một chiến công của thủy thủ đoàn trên tàu "Pêrêcốp" lúc đó làm nhiệm vụ tại Việt Nam. Ngày 10-8-1967 chiếc tàu này (thuyền trưởng là đồng chí Xiđôrencô Xécgây Xavênhêvích, với thủy thủ đoàn gồm 48 người) thả neo ở cửa sông Bạch Đằng, cách Hải Phòng 6 hải lý và chờ đến lượt vào cảng để bốc dỡ hàng. Tưởng chừng như thời tiết không báo trước điều gì xấu. Các thuyền đánh cá Việt Nam, với những cánh buồm màu nâu, đã xuất phát ra bãi đánh cá trên sông Bạch Đằng.

Bỗng nhiên, khi bóng tối chập choạng buông xuống vào cuối ngày, thời tiết đã thay đổi hẳn - những đám mây đen nặng trĩu kéo đến, gió thổi mạnh, cơn mưa nhiệt đới và trận dông hung dữ đã đổ ầm ầm xuống mặt đất và dòng sông. Bóng tối khủng khiếp đổ ụp xuống. Những cơn gió đã cuộn sóng lên cao. Nổi bật hạnh đột nhiên trút lên đầu các ngư dân Việt Nam. Cơn dông bão đã hất tung những cánh buồm, làm gãy các cột buồm, xô đẩy những đợt sóng lớn trùm lên các thuyền đánh cá.

Lần lượt những chiếc thuyền buồm ấy bị nhấn chìm trong bóng đêm mịt mù.

Thủy thủ đoàn của tàu "Pêrêcốp" đã nghe thấy tiếng kêu cứu của những người đang lâm nạn. Con tàu của họ cũng đang bị đe dọa rơi vào hiểm nguy, nhưng họ đã không nghĩ đến bản thân. Thuyền trưởng phát lệnh báo động. Mười phút sau chiếc xuồng máy cứu sinh được thả xuống. Đã có 11 thủy thủ và thợ cơ khí của tàu xuống xuồng máy đó, dưới sự chỉ huy của đại phó - đồng chí Bôrit Vêrêcô.

Dông bão và trận mưa nhiệt đới trút nước xuống ầm ầm đã khiến cho họ không thể định hướng được. Chiếc xuồng bị quăng đi quăng lại như một khúc gỗ. Các thủy thủ đã liều với tính mạng của mình trong lúc họ sục sạo trên dòng sông hung dữ, cốt để tìm kiếm và đưa lên boong tàu các ngư dân Việt Nam đang lâm nạn. Họ đã đón nhận, hết người này đến người khác, những ngư dân khốn khổ và đã kiệt sức.

Bỗng nhiên chiếc xuồng máy hoàn toàn mất lái. Có một mảnh buồm mắc vào chân vịt của chiếc xuồng. Thấy vậy, thủy thủ V. Bêliaép lao bổ xuống nước và dùng dao cắt mảnh buồm ra khỏi chân vịt.

Trong suốt 2 giờ thực hiện công việc cứu hộ, thủy thủ đoàn đã hành động kiên quyết và bình tĩnh.

Vậy là đã có 16 ngư dân Việt Nam được cứu sống. Nhiều người trong số họ bị ngất đi. Viên

bác sĩ trên tàu đã lập tức giúp đỡ họ về mặt y tế, còn các thủy thủ thì quan tâm chăm sóc những ngư dân vừa được cứu sống. Các ngư dân được cấp quần áo khô ráo, được ăn thức ăn nóng. Sau đó vài giờ khi đông bão đã ngớt, họ đã bình yên trở về với người thân. Khi gặp lại các ngư dân được cứu sống, vợ con họ đã bật khóc vì sung sướng. Tất cả những con người ấy đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các thủy thủ Liên Xô.

Ban giám đốc cảng Hải Phòng, ủy ban hành chính thành phố và tất cả dân cư cũng đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với thuyền trưởng và thủy thủ đoàn của tàu "Pêrêcốp" và chân thành cảm ơn họ.

Trên báo "Nhân Dân", cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam, trong số ra ngày 15-8-1968, phóng viên thường trú của báo tại Hải Phòng Vũ Hải đã viết như sau: "Chúng ta khâm phục trước chiến công của thủy thủ đoàn trên tàu "Pêrêcốp". Chiến công ấy đã thể hiện bản chất cao đẹp của những con người Xôviết, tinh thần quốc tế chủ nghĩa cao cả của họ".

Để tuyên dương hành động cứu tính mạng cho các công dân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chủ nghĩa anh hùng thể hiện qua việc này, ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng đã trao tặng cho toàn bộ thủy thủ đoàn của tàu "Pêrêcốp" những tặng phẩm lưu niệm được làm bằng mảnh máy bay Mỹ bị bắn rơi.

Hội ấy Cơ quan đại diện của Bộ Hàng hải Liên Xô có trụ sở tại Hải Phòng đã nhận được bức thư dưới đây:

"Các thủy thủ trên tàu "Pêrêcốp" của Liên Xô đã thể hiện lòng quả cảm và tinh thần anh dũng trong khi cứu các ngư dân Việt Nam trên sông Bạch Đằng. Tinh thần quên mình và tinh thần cao thượng của toàn thể thủy thủ đoàn là sự biểu hiện rõ nhất tình hữu nghị và tình đoàn kết đặc trưng cho quan hệ giữa hai dân tộc chúng ta.

Thay mặt nhân dân thành phố và bà con ngư dân Hải Phòng, chúng tôi nhờ đồng chí Đại diện Bộ Hàng hải Liên Xô tại Hải Phòng chuyển lời chào nồng nhiệt, lòng biết ơn chân thành đến đồng chí thuyền trưởng tàu "Pêrêcốp", toàn thể anh em thủy thủ.

Chúng tôi chúc họ dồi dào sức khỏe và thu được nhiều thành tích trong công tác".

Thay mặt ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng.

Ủy viên Thường vụ

Dương Thành Mạnh

(ЗЫОНГГ ТХАНЪ МАНЪ)

Ngày 24-9-1968 tàu "Pêrêcốp" đã về đến hải cảng quê hương Ôđétxa của mình. Một tin vui đã chờ sẵn họ tại đây: Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tặng thưởng Huy chương Hữu nghị và bằng khen cho toàn thể thủy thủ đoàn trên tàu này.

Tháng 10 qua đi trong bầu không khí tương đối yên tĩnh.

Bất chấp 6 cuộc bão động máy bay trong ngày 4-11-1966, các đồng chí Việt Nam trong Cục Vận tải đường biển, Cảng Hải Phòng, Hãng đại lý tàu biển và các công ty ngoại thương Việt Nam đã đến chúc mừng Cơ quan đại diện Bộ Hàng hải Liên Xô nhân kỷ niệm 49 năm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Sang ngày hôm sau, vào buổi tối tôi đã cùng với vợ tôi Nina về Hà Nội. Trên đường đi người ta đã thông báo có bão động - có máy bay tại khu vực cầu Lai Vu. Một giờ sau khi xe chúng tôi đi qua cầu Hải Dương, máy bay Mỹ đã ném bom cây cầu Lai Vu. Cũng vào buổi tối hôm đó, trong buổi biểu diễn văn nghệ nghiệp dư tại Sứ quán, chúng tôi đã cùng với đồng chí Ghêoócghi Pêrêcốp, Bí thư thứ ba của Sứ quán, hát bài "Brigantina" và đã được giải.

Ngày 6-11 chúng tôi đã tham dự buổi lễ long trọng tại Nhà hát Lớn Hà Nội nhân kỷ niệm 49 năm Cách mạng Tháng Mười. Tại buổi lễ này phi công vũ trụ số 2, Anh hùng Liên Xô Ghécman Titốp đã đọc diễn văn.

Ngày 7-11 chúng tôi đã tham dự buổi chiêu đãi trọng thể do Đại sứ I. X. Sécbacốp tổ chức. Tham dự buổi chiêu đãi có Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh, Thủ tướng

Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh, Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp và những nhà lãnh đạo khác của Việt Nam, các đại diện ngoại giao đoàn, các thành viên trong đoàn đại biểu Hội Hữu nghị Xô - Việt gồm: nhà du hành vũ trụ G. X. Titốp - Trưởng đoàn, Bí thư thứ nhất Đảng ủy miền Craxnôđa, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô G. X. Dôlôtuklun - Phó trưởng đoàn, đạo diễn điện ảnh Giapha Ibraghimốp và những thành viên khác.

Chúng tôi đã làm quen với mọi người và thỏa thuận về chuyến viếng thăm của đoàn đại biểu đến Hải Phòng và về chuyến viếng thăm tàu “Bengôrốt - Đơnhextorốpxki”.

Thế là sang ngày hôm sau, tức là ngày 8-11, vào lúc 9 giờ tối, tại khách sạn Cát Bi ở Hải Phòng, chúng tôi đã được đón đoàn.

Sáng ngày 9-11, đoàn đại biểu cùng với các đồng chí Việt Nam tháp tùng đã đến thăm tàu “Bengôrốt - Đơnhextorốpxki” thuộc Công ty vận tải Biển Đen lúc đó đang đậu ở cầu tàu. Mọi người tham quan con tàu. Đồng chí Ghécman Titốp và các thành viên khác của đoàn đã trò chuyện với thuyền trưởng A. C. Gôgua, với các thủy thủ và chụp ảnh kỷ niệm.

Trong khi chúng tôi tổ chức ngày kỷ niệm thì bọn Mỹ đã không ngồi yên. Ngày 8-11 chúng ném bom Cẩm Phả. Đoạn đường sắt gần xí nghiệp tuyển than (cách cảng 150-170 mét) đã bị hư hỏng nặng. Mọi hoạt động trong cảng bị ngừng lại. Trong khu vực cảng lúc ấy có tàu “Xtêpan Radin”, tàu “Xpaxcơ - Đannhi” thuộc Công ty vận tải biển Viễn Đông và hai chiếc tàu của Trung Quốc là tàu “Nam Hải - 157” và “Nam Hải - 174”. Vào thời gian ấy, tại thị xã Hòn Gai máy bay Mỹ đã ném bom tan tành khách sạn “Bến Hải”, cũng như ngôi nhà gần khách sạn và các ngôi nhà cạnh bến phà.

Cuối tháng 11-1966 Hải Phòng bắt đầu tiếp nhận các bộ phận của các sà lan chở dầu được chở đến bằng tàu biển. Chẳng hạn ví dụ, ngày 17-11 từ thành phố Vlađivôxtốc, tàu “Amuaxcơ” đã chở 5 sà lan, còn tàu “Anápca” đã chở 8 sà lan đến Hải Phòng. Mỗi chiếc trong số 8 sà lan này có trọng tải 250 tấn, còn 6 chiếc sà lan khác thì có trọng tải 100 tấn.

Ngày 14-12, Cơ quan đại diện thương mại đã nhận được thông báo gửi đến từ Mátxcova cho biết rằng vào nửa đầu năm 1967 Liên Xô sẽ cung cấp cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 500 đơn vị bồn chứa bằng vải bọc cao su dùng để chứa các sản phẩm dầu lửa.

Đến giữa tháng 12-1966 tôi đã gửi kiến nghị lên Bộ trưởng Hàng hải và các vị giám đốc Công ty vận tải Biển Đen và Công ty vận tải biển Viễn Đông về việc tăng 50% lương cho các thủy thủ vì tính chất nguy hiểm của tuyến đường biển đến Việt Nam. Nhằm luận chứng cho kiến nghị này, tôi đã phân tích tình hình trên các tàu Ba Lan, Bungari, Hồng Công, Anh, Hy Lạp trong hoàn cảnh tương tự. Các hãng tàu biển kể trên đã trả phụ cấp lương cho các thủy thủ do phải hoạt động trong vùng chiến sự nguy hiểm, mà Việt Nam được coi là vùng nguy hiểm.

Cuối tháng 3-1967, thông qua Sứ quán Liên Xô ở Hà Nội, tôi đã nhận được thông báo của Bộ trưởng Hàng hải Liên Xô, sau đó thông qua một tàu thuộc Công ty vận tải Biển Đen đang đỗ tại Hải Phòng, cho biết rằng từ ngày 21-3-1967 tất cả thủy thủ đoàn trên các tàu Liên Xô thực hiện các chuyến đi đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều được nhận thêm khoản phụ cấp lương bằng 50% trong suốt thời gian có mặt tại khu vực có chiến sự. Khu vực được hưởng phụ cấp là khu vực Việt Nam trong phạm vi từ vĩ tuyến 7 đến vĩ tuyến 23 và từ kinh tuyến 105 đến kinh tuyến 115.

Đại diện Hàng hải Liên Xô tại Hải Phòng, trong các bản báo cáo hàng tuần gửi cho Đại sứ Liên Xô về tình hình giải phóng hàng hóa của các tàu Liên Xô ở các cảng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cũng như trong những cuộc gặp gỡ thường xuyên với ban lãnh đạo của Việt Nam tại Hải Phòng (Lê Văn Ký, Nguyễn Đức Hoè, Đào Liên) đã thường xuyên nêu lên vấn đề cần có những biện pháp bổ sung để đẩy nhanh tốc độ bốc dỡ hàng hóa trên các tàu Liên Xô tại các cảng Hải Phòng, Hòn Gai và Cẩm Phả, đưa ra nhiều kiến nghị cụ thể về vấn đề này, và một phần những kiến nghị ấy đã được chấp thuận.

Theo khuyến nghị của tôi, trên một số tàu Liên Xô người ta đã thành lập ra các đội liên hoàn để tham gia vào những công việc làm thông ca nhằm bốc dỡ các hàng hóa đòi hỏi nhiều sức lực. Cuối tháng 7-1966 tàu “Nicôlaép” đã chuyển đến cảng Hải Phòng một xe kéo tăng. Theo đề

ng nghị của đồng chí Lê Văn Ký ngày 30-7, chúng tôi cùng với đồng chí ra cửa sông Bạch Đằng và cùng với các chuyên gia Liên Xô Muxa và Anxiphêrốp tham gia vào việc vận hành thử chiếc xe kéo tăng đầu tiên.

Trong một lần chúng tôi đi đến các cảng than ở Hòn Gai và Cẩm Phả, máy bay Mỹ đã ném bom phá hỏng trạm phát điện cung cấp điện cho các máy móc trong mỏ để khai thác than rồi chuyển lên các tàu Liên Xô đang chờ ăn than. Được sự đồng thuận của các thuyền trưởng tàu "Xanxco" và tàu "Nhesaêvô", tôi đã đề nghị phía Việt Nam nối cáp điện lên tàu để các máy phát điện công suất lớn trên tàu có thể cung cấp điện cho công việc khai thác than ở mỏ và chuyển than lên chính những tàu ấy. Đề nghị này đã được chấp thuận rất hồ hởi và đã góp phần làm tăng khả năng xuất khẩu than của phía Việt Nam và giảm thời gian phi sản xuất của các tàu Liên Xô đỗ trong cảng.

Theo đề nghị của chúng tôi, phía Việt Nam bắt đầu sử dụng tốt hơn khả năng của những tàu có những hầm hàng lớn và có cần cầu để cầu hàng lên bờ và cầu hàng xuống các sà lan.

Trong thời gian tạm lắng dịu - không có những cuộc oanh kích và ném bom của không quân Mỹ xuống miền Bắc Việt Nam - cũng như trong thời gian diễn ra những ngày lễ chung như: Lễ Giáng sinh của đạo Thiên chúa, năm Mới, Lễ Phục sinh, năm Mới của Việt Nam (tết âm lịch) và vào những dịp khác, cũng như vào những thời gian ngừng bắn theo thỏa thuận giữa phía Mỹ và phía Việt Nam ở Nam Việt Nam, các vị khách từ Mátxcova đã đến thăm Cơ quan đại diện Hàng hải Liên Xô tại Hải Phòng. Những vị khách ấy là những nhà thơ, nhà văn, họa sĩ Liên Xô, các đại diện của Bộ Tổng tham mưu thuộc Bộ Quốc phòng Liên Xô và v.v.. Đôi khi những vị khách ấy đến Hà Nội bằng máy bay hoặc đò thủy từ các cảng thuộc Biển Đen, nhưng thông thường là từ Vladivôxtôc.

Chẳng hạn, vào sáng sớm ngày 6-4-1967, Cơ quan đại diện Hàng hải đã tiếp một vị khách từ Hà Nội đến. Đó là nhà thơ Xôviết nổi tiếng Épghênhì Đônmatốpxki. Nhà thơ Épghênhì Đônmatốpxki đã chia sẻ các ấn tượng của mình về Việt Nam qua các bài thơ: "Cô gái mặc áo trắng", "Công" và "Liên Xô", đến tối nhà thơ đến làm khách nhà tôi.

Ngày 6-3-1967 họa sĩ Iliia Gladunốp đã từ Vladivôxtôc đi trên con tàu "Radôđônnoiê" với tư cách hành khách đến Hải Phòng. Giờ đây họa sĩ Gladunốp lãnh đạo Viện Hàn lâm nghệ thuật Nga. Ông cũng là khách đến thăm tôi. Sau này, tại Liên Xô các tác phẩm của ông về Việt Nam đã được đem triển lãm mấy lần và thu được thành công.

Trong những năm 1966 - 1968, vào những thời điểm khác nhau, những vị khách đã từng đến thăm Cơ quan đại diện Bộ Hàng hải Liên Xô tại Hải Phòng gồm có những nhân vật sau đây: nhà văn nổi tiếng chuyên viết về đề tài biển Lêônít Xôbôlêp, nhà văn Iulian Xêmenốp, các thi sĩ Inna Lépsencô, Bôđiun, nhà thơ người Ucraina Lêônít Tenđiúc và những nhân vật khác.

Theo đà gia tăng sự viện trợ kinh tế của Liên Xô dành cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vào những năm 1966 - 1968 số lượng tàu biển của Liên Xô ra vào các cảng Hải Phòng, Hòn Gai và Cẩm Phả ngày càng tăng lên và đã có lúc đạt tới con số 10-13 tàu mỗi ngày.

Ngoài khối lượng to lớn những công việc giải quyết cho các con tàu và cho các thành viên thủy đoàn trên những con tàu ấy trong điều kiện khắc nghiệt của những trận oanh kích gần như thường xuyên của máy bay Mỹ, những trận bắn phá và ném bom vào các cơ sở công nghiệp và các cơ sở của cảng và thậm chí vào các tàu biển, dưới cái nóng oi bức của vùng nhiệt đới và với những khó khăn khác, thì tôi trong vai trò là đại diện Hàng hải Liên Xô - ngoài những trách nhiệm trực tiếp là đẩy nhanh việc bốc dỡ hàng hóa trên các tàu lại còn phải làm các chức năng lãnh sự và những chức năng khác không thuộc về chức trách của tôi.

Mọi tình hình diễn biến dẫn đến thực tế là tại Hải Phòng đã chín muồi điều kiện khách quan để mở Lãnh sự quán Liên Xô.

Đầu năm 1967 đánh dấu sự cải thiện trong việc bốc dỡ hàng trên các con tàu tại cảng Hải Phòng. Tình hình này đặc biệt biểu hiện rõ nét trong tháng 3.

Ví dụ, nếu trong quý I năm 1967 đã có 135 nghìn tấn hàng cả thủy được bốc dỡ khỏi 28 tàu chở hàng khô, thì trong tháng 3 đã có 70 nghìn tấn hàng hóa được bốc dỡ lên bờ từ 14 tàu, còn

trong số 14 tàu chở dầu và 61 nghìn tấn sản phẩm dầu lửa được bốc dỡ lên bờ từ những tàu ấy, thì riêng trong tháng 3 đã có 24 nghìn tấn nhiên liệu được bốc dỡ lên bờ từ 6 tàu chở dầu.

Theo thỏa thuận đã đạt được giữa Liên Xô và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về niên vụ 1967 thì trong các tháng tiếp theo dự kiến lượng hàng sẽ tăng và do đó, số lần chiếc của đội tàu biển Liên Xô ra vào các hải cảng của Việt Nam Dân chủ cộng hòa sẽ tăng lên.

- Leo thang chiến tranh phá hoại

Việc một số lượng lớn các tàu Liên Xô thường xuyên có mặt tại các cảng Hải Phòng, Hòn Gai và Cẩm Phả là sự bảo vệ đáng tin cậy đối với những cảng ấy tránh bị những cuộc bắn phá có thể xảy ra. Điều đó đã làm thất bại âm mưu của Mỹ muốn phong tỏa các hải cảng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tuy nhiên, diễn biến tình hình về sau cho thấy phía Mỹ dần dần bắt đầu xem thường điều đó.

Ngày 15-2-1967, vào lúc 13 giờ, các máy bay Mỹ đã ném hai quả bom xuống cảng Cẩm Phả. Lúc ấy tàu “Khônôn” đậu ở cầu tàu để ăn than chở sang Nhật Bản, còn các tàu “Tumlát” và “Môngugai” thuộc Công ty vận tải biển Viễn Đông thì đang neo đậu trong khu vực cảng. May thay, cầu cảng và các con tàu không bị hư hại gì.

Trước đó, các tàu Trung Quốc đã bị ném bom khi neo đậu trong khu vực cảng Cẩm Phả.

Ngày 11-3, vào lúc 10 giờ 30 phút đã xảy ra cuộc tập kích vào Hải Phòng - các máy bay Mỹ đã bắn rốc két xuống một số địa điểm trong thành phố, ném bom bi, còn đến tối chúng ném bom Nhà máy điện Hải Phòng.

Tháng 4 là tháng đặc biệt gian khổ. Hàng ngày, cả ngày lẫn đêm diễn ra nhiều vụ máy bay địch bắn phá.

... Ngày 25-4 đã có hai đợt bắn phá vào Hải Phòng với sự tham gia của hàng chục chiếc máy bay Mỹ. Những quả rốc két đã nổ ngay bên cạnh tàu “Đácphót” của Anh lúc đó đang neo đậu không tải. Có 6 thủy thủ trên tàu này bị thương (5 người Hồng Kông gốc Hoa và 1 người Anh). Trong số này có 2 người bị thương nặng. Một tuần sau đó thủy thủ người Anh đã chết tại một bệnh viện ở Hải Phòng.

Trong ngày hôm ấy đã có 12 máy bay bị bắn rơi trên bầu trời Hải Phòng. Có một phi công bị bắt làm tù binh. Nhưng thành phố và cảng Hải Phòng đã bị mất điện thắp sáng trong hai ngày. Đến đêm gần như tất cả cư dân ở đây đã rời thành phố. Vì sự nóng bức, vì không có điện chiếu sáng và vì máy lạnh không hoạt động, cho nên tôi cũng phải ngủ hai đêm trên tàu “Balasích”.

Vì chiến công này thành phố Hải Phòng đã được tặng Huân chương Độc lập hạng nhất (là thành phố đầu tiên và lần đầu tiên tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa).

Ngày 26-4 có 8 cuộc báo động có máy bay. Vào lúc 9 giờ 30 phút lại xảy ra một cuộc bắn phá rất dữ dội vào Hải Phòng. Nơi bị ném bom nằm ở phía sau khu kho dầu, các tên lửa nổ rải rác trong khoảng 250-300 mét. Lần đầu tiên những chiếc máy bay MIG-19 và MIG-21 của Việt Nam tham chiến trên không.

Có 5 máy bay phản lực và 1 máy bay lên thẳng của Mỹ bị bắn rơi. Máy bay lên thẳng bị bắn hạ khi nó toan cứu viên phi công Mỹ nhảy dù.

Từ ngày 12 đến ngày 26-4, chiếc tàu Liên Xô “Brianxki Rabôtri” (thuộc Công ty vận tải Biển Đen) thả neo ở cửa sông Bạch Đằng, trên boong có 96 tấn đạn dành cho các khẩu pháo cao xạ Việt Nam. Hình như bọn Mỹ đã biết chuyện này. Từ ngày 20 đến ngày 25-4, các máy bay Mỹ, bay với tốc độ siêu âm ở tầng thấp, đã chao lượn phía trên con tàu này nhằm gây tác động tâm lý đối với các thủy thủ, bắn những tràng rốc két cách chiếc tàu không xa, nhưng vẫn chưa dám ngang nhiên tấn công con tàu.

Sau những trận ném bom ồ ạt hồi tháng 4, ngày 2-5-1967 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã ra nghị quyết về việc tăng cường đưa hàng hóa ra khỏi cảng và ra khỏi thành phố Hải Phòng. Đến thời điểm ấy thành phố Hải Phòng đã biến thành một kho hàng thực sự. Dọc theo các đường phố, tại các quảng trường và trên các sân vận động của thành phố là

những contenơ đựng thiết bị, máy cái, nằm la liệt, những tấm thép cán và thép định hình, những ống tròn và những vật liệu khác.

Do vậy, gần như trong suốt tháng 5 hoạt động của cảng đã giảm, các tàu chờ giải phóng hàng rất lâu. Hiển nhiên là phía Việt Nam dự đoán thành phố và hải cảng Hải Phòng sẽ bị tăng cường ném bom. Do vậy, cùng một lúc các bạn Việt Nam giải quyết hai nhiệm vụ - cứu số hàng đã được chở đến Việt Nam và dựa vào việc các tàu Liên Xô chờ giải phóng hàng hóa trên tàu, họ đã dùng những chiếc tàu ấy để gián tiếp bảo vệ cảng không bị ném bom.

Trong tình hình như vậy, nhằm đảm bảo an toàn cho các tàu Liên Xô tôi đã đề xuất với Trung tâm và với các công ty tàu biển một loạt kiến nghị, cụ thể là:

1. Trên boong tàu và trên nắp hầm hàng lớn nhất của tàu cần sơn những hình quốc kỳ màu đỏ của Liên Xô, để khi bay lượn quan sát từ trên không các phi công Mỹ sẽ nhìn rõ nguồn gốc quốc tịch của con tàu.

2. Cấp cho các đoàn thủy thủ sang Việt Nam những chiếc mũ sắt và trong thời gian có mặt ở Việt Nam cấm họ đứng trên boong tàu mà không đội mũ sắt.

3. Tăng cường các phương tiện cứu hỏa và đảm bảo cho thủy thủ trên những con tàu Liên Xô đến Việt Nam đều có mặt nạ phòng hơi độc.

4. Đưa tới Hải Phòng một tàu cứu hộ để giúp các tàu Liên Xô trong trường hợp cần thiết.

5. Bàn bạc ở cấp chính phủ về việc đảm bảo có một đài vô tuyến điện hoạt động thường xuyên trên tàu cứu hộ ấy.

6. Cũng thỏa thuận về việc đại diện Bộ Hàng hải Liên Xô được sử dụng đài vô tuyến điện này vào mọi thời điểm, đặc biệt để kịp thông báo cho Trung tâm và Sứ quán biết về các trường hợp không quân Mỹ tấn công vào các tàu Liên Xô đậu tại các hải cảng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Một thời gian sau, thông qua Sứ quán Liên Xô, tôi nhận được thông báo sau đây của Bộ trưởng Hàng hải Liên Xô:

“Đồng chí Nicôlai Ivanôvich thân mến! Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô trong phiên họp thường kỳ đã xem xét những kiến nghị của đồng chí và đã tán thành những kiến nghị ấy. Giữa Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đạt được thỏa thuận về việc gửi từ Vladivôxtốc đến Hải Phòng và đặt dưới quyền điều hành của đồng chí chiếc tàu cứu hộ “Ácgút” với đài vô tuyến điện thường trực. Các giám đốc Công ty vận tải Biển Đen và Công ty vận tải biển Viễn Đông đã nhận được những chỉ thị cần thiết để nhanh chóng thực hiện việc này. Chúng tôi chúc đồng chí đạt thắng lợi”.

Thật vậy, sau khoảng một tháng, chiếc tàu cứu hộ lớn “Ácgút” dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Iuri Mikhailôvich Bursôcốp đã đến Hải Phòng. Hai chúng tôi, trong thời gian dài, đã làm việc rất ăn ý và đã trở thành bạn thân.

Nhằm đảm bảo sự liên lạc đáng tin cậy với Trung tâm vào mọi lúc trong ngày, dưới sự chỉ đạo chung của tôi một bản hướng dẫn liên lạc đã được soạn ra, có kết hợp với các cán bộ chuyên môn của Sứ quán Liên Xô ở Hà Nội, với sự tham gia tích cực của đài trưởng đài vô tuyến điện trên tàu cứu hộ và của các vị phụ trách các đài vô tuyến trên một số tàu Liên Xô lúc ấy còn đậu tại cảng Hải Phòng. Bản hướng dẫn này đã có hiệu lực sau khi được Bộ trưởng Hàng hải Liên Xô phê duyệt mà không có sự sửa đổi và nhận xét nào.

Trong lúc đó hầu như hàng ngày vẫn tiếp diễn - với những khoảng thời gian cách nhau ngắn - những cuộc oanh tạc, bắn phá và ném bom của không quân Mỹ vào Hải Phòng.

Ví dụ ngày 10-5-1967, vào lúc 11 giờ trưa, khoảng 30 máy bay Mỹ đã ném bom nhà máy xi măng, các kho dầu và lần đầu tiên chúng ném bom những kho hậu cần của cảng, cách các cầu tàu và các tàu Liên Xô chờ hàng khô đậu tại các cầu tàu ấy chừng 300-400 mét. Đó là những tàu Liên Xô có tên “Ximphêrôpôn”, “Bacuriani”, “Nagaêvô”, tàu chở chuối “Cura”. Tàu của Trung Quốc “Xin Hồ” đang đậu tại cầu tàu số 4, bên cạnh các tàu Liên Xô, đã bắn súng máy vào các máy bay Mỹ. Đã có 4 máy bay bị bắn rơi nhưng không phải do người Trung Quốc, mà là bị bắn



roi bởi các tên lửa Liên Xô loại “đất đối không” được bố trí để bảo vệ thành phố Hải Phòng.

Ngày 12-5 Mỹ đã ném bom phá huỷ hoàn toàn các nhà máy điện nhỏ ở Hòn Gai và Cẩm Phả.

Bất chấp tình hình đáng lo ngại và khả năng cảng Hải Phòng bị ném bom, từ ngày 1-5-1967 các đồng chí Việt Nam đã đẩy mạnh hoạt động của Câu lạc bộ quốc tế của cảng, tổ chức các cuộc tham quan, những cuộc thi đấu bóng chuyền và bóng đá cho anh em thủy thủ.

Kể từ ngày 15-5-1967 cảng Hải Phòng chỉ hoạt động theo phương án trực tiếp: từ boong tàu chuyển thẳng vào toa xe lửa, từ boong tàu bốc thẳng lên ô tô, từ boong tàu xuống thẳng sà lan, rồi vận chuyển hàng ra ngoài thành phố. Vì vậy tiến độ của công việc bốc dỡ hàng bị chậm lại.

Ngày 2-6-1967, vào lúc 15 giờ 40 phút có hai máy bay Mỹ đã bắn vào chiếc tàu “Tuockextan” thuộc Công ty vận tải biển Viễn Đông lúc đó đậu trong cảng Cẩm Phả để bốc than lên tàu chở đến Nhật Bản.

Chiếc tàu này đã bị những viên đạn súng máy cỡ lớn và pháo cỡ nhỏ bắn từ máy bay làm thủng 67 lỗ trên thân tàu làm cho 7 thủy thủ bị thương, trong đó có 2 người bị thương nặng, và về sau họ đã chết. Đó là anh thợ điện Nicôlai Rubachúc và thợ máy Van Demxốp.

Vào lúc 10 giờ 30, tôi đã cùng với các bí thư Sứ quán và Giám đốc Hãng đại lý tàu biển Đào Liên đi xe ra Cẩm Phả. Đến 16 giờ 30 phút thì chúng tôi đã có mặt trên tàu “Tuockextan”. Thuyền trưởng V. V. Xôcôlốp và Đại phó V. N. Mianhicốp (trong những năm 1955-1959 tôi đã cùng đồng chí này làm việc tại Thương cảng Vladivôxtốc) đã chỉ cho chúng tôi thấy nhiều lỗ thủng trên tàu: ở trên boong thượng, trong các phòng ngủ của thủy thủ đoàn, ở phần ống khói và ở những phần khác của tàu. Họ kể về tất cả những gì đã xảy ra, họ cũng bố trí để chúng tôi hỏi các nhân chứng trong thủy thủ đoàn.

Chúng tôi đã lập hồ sơ về sự việc này, đã chụp ảnh, đã hỏi và lấy lời khai của các nhân chứng Việt Nam trong số các chiến sĩ biên phòng Việt Nam lúc ấy đang có mặt trên boong tàu, hỏi những người làm việc trong cảng, thu thập các đầu đạn và các mảnh đạn để đem đi giám định.

Chúng tôi đã đưa tất cả những chứng cứ thu thập được về Hà Nội và báo cáo với Đại sứ I. X. Sécbacốp. Cùng với bức thư đính kèm, Đại sứ đã chuyển gấp bằng đường bưu điện ngoại giao tất cả những tài liệu ấy về Mátxcova cho Bộ trưởng Ngoại giao A. A. Grômucô.

Về phần mình, tôi cũng gửi báo cáo chi tiết cho Bộ trưởng Hàng hải của tôi và cho Giám đốc Công ty vận tải biển Viễn Đông. Tuy nhiên, ngay sau sự cố xảy ra thuyền trưởng của tàu này cũng đã gửi bức điện tường trình sự việc về Mátxcova và về Công ty vận tải biển Viễn Đông. Trên cơ sở đó Bộ Ngoại giao Liên Xô đã gửi một bức công hàm liên quan đến sự cố này cho Hoa Kỳ. Phía Mỹ đã không thừa nhận việc máy bay Mỹ oanh kích và bắn vào tàu “Tuockextan”.

Tuy nhiên, trên cơ sở những tài liệu điều tra về vụ máy bay Mỹ cố ý tấn công chiếc tàu Liên Xô “Tuockextan” do có bức công hàm thứ hai của chính phủ Liên Xô gửi Chính phủ Hoa Kỳ được soạn thảo trên cơ sở những tài liệu ấy, phía Mỹ đã buộc phải thừa nhận có lỗi, nhận trả phí tổn sửa chữa con tàu và trả khoản trợ cấp suốt đời cho gia đình các thủy thủ đã chết.

Một thời gian sau trong Công ty vận tải biển Viễn Đông xuất hiện hai tàu mới được đặt tên nhằm tôn vinh các thủy thủ đã hy sinh tại Việt Nam - đó là tàu “Nicôlai Rubachúc” và tàu “Van Demxốp”.

Vào những tháng mùa hè năm 1967 trên lãnh thổ Bắc Việt Nam bầu không khí lặng yên đôi chút, không có những cuộc oanh kích của không quân Mỹ. Tuy vậy, bắt đầu từ tháng 9 các cuộc ném bom lại tái diễn với sức mạnh mới.

Sau những công việc chính tại cảng, công nhân và những người lao động khác của cảng Hải Phòng ngày càng được thu hút, vào thời gian buổi tối, vào các công việc khôi phục và những công việc khác trong thành phố. Họ tham gia công việc sửa chữa đường sá, phá bom nổ chậm, giúp đỡ những người bị thương và bộ đội. Anh em tự vệ của cảng đã bắn rơi 2 máy bay Mỹ.

Vì thành tích lao động anh hùng của công nhân cảng, năm 1967 cảng Hải Phòng đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng II. Vì thành tích hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ tiếp nhận và giải phóng hàng hóa của ngành ngoại thương trong những năm 1966 - 1967 nên

Sở Ngoại thương thành phố Hải Phòng và Hãng đại lý tàu biển đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

Nhằm mục đích bảo vệ chống lại máy bay, vào tháng 9 - tháng 10-1967 các đồng chí Việt Nam đã bố trí các ụ pháo cao xạ tại nhiều địa điểm trong thành phố Hải Phòng, kể cả chung quanh Cơ quan Đại diện Bộ Hàng hải Liên Xô, ở khoảng cách từ 20 m đến 100 m.

Hồi tháng 9, cách trụ sở Cơ quan đại diện Bộ Hàng hải Liên Xô 80 - 100 mét, đã có 3 quả rốc két nổ tại Ngân hàng Hải Phòng, sau đó một quả bom nặng 300 kg đã nổ cách cơ quan 400 mét.

Tháng 11 những cuộc oanh kích lại tái diễn. Máy bay Mỹ ném bom xuống các khu dân cư, bến phà, cầu cảng.

Cuối tháng 11-1967 các chiến sĩ pháo cao xạ bảo vệ thành phố Hải Phòng đã bắn rơi chiếc máy bay thứ 2600 trong tổng số máy bay đã bị tiêu diệt trên bầu trời miền Bắc Việt Nam. Vì chiến công này thành phố Hải Phòng đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng I và là thành phố đầu tiên ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được phong tặng danh hiệu Thành phố Anh hùng.

Trong những chuyến công tác về Hà Nội ngày 12 và 13-10-1967, tôi đã kiến nghị với Trung tâm và các công ty vận tải biển về việc cần thiết chuẩn bị tài liệu để tặng thưởng huân chương và huy chương cho các thủy thủ Liên Xô vì công lao của họ tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi cũng báo cáo đề xuất này với Đại sứ Liên Xô I. X. Sébacốp và với Đại diện thương mại Liên Xô A. A. Páplốp.

Ngày 13-12, sau một thời gian tạm ngừng vì thời tiết xấu, các cuộc ném bom xuống Hà Nội và Hải Phòng lại tiếp diễn. Một chiếc cầu xe lửa lớn ở Hà Nội và một cây cầu đường bộ ở Hải Phòng đã bị ném bom phá hủy. Sự cố này đã gây khó khăn lớn kéo dài đáng kể thời gian đi lại giữa Hà Nội và Hải Phòng vì giờ đây phải đi qua một số bến phà trên sông giữa hai thành phố này.

Ngày 3-1-1968 tại Hải Phòng và tại cảng Cẩm Phả đã có 5 cuộc báo động phòng không. Buổi sáng hôm ấy đã có một máy bay bị bắn rơi và đã bắt sống một phi công Mỹ. Sau bữa trưa các máy bay địch đã thả xuống thành phố nhiều loạt bom bi.

Ngày 4-1-1968 những cuộc báo động phòng không đã không ngớt từ sáng sớm cho đến tối mịt. Trước giờ ăn trưa, trong suốt một giờ liền đã diễn ra cuộc ném bom dữ dội: máy bay đã ném bom phá hủy đoạn đường sắt và cây cầu ở trước cửa nhà máy xi măng, bắn phá các ụ pháo cao xạ ở phía bờ bên kia sông và những mục tiêu khác.

Cũng ngày hôm ấy, vào lúc 15 giờ 30 phút, tàu "Pêrêxlápơ - Dalétxki" (thuộc Công ty vận tải biển Viễn Đông) đang đậu tại phao số 3 để bốc dỡ các bao bột mì xuống sà lan thì có một quả bom hẹn giờ rơi trúng sà lan cách tàu có hai mét. Sau 25 phút quả bom nổ, gây hư hại nghiêm trọng cho con tàu. Chiếc sà lan này đã chìm trong phút chốc.

Theo thông báo của thuyền trưởng tàu "Pêrêxlápơ - Dalétxki", vào lúc 20 giờ 30 phút cách tàu không xa đã có hai quả bom nữa nổ. May thay, cả hai trường hợp đã không có ai trong thủy thủ đoàn bị thương.

Tôi đã lên con tàu này, tiến hành điều tra, chụp ảnh những chỗ hư hại trên tàu (động cơ chính, các máy móc phụ trợ, thân tàu và phần ca bin của con tàu), tiến hành lấy lời khai của các nhân chứng, tôi đã quyết định thành lập một ban điều tra vụ việc và xác định mức độ thiệt hại.

Trên cơ sở bức điện của thuyền trưởng gửi cho Trung tâm và cho Công ty của mình thông báo về vụ chiếc tàu bị ném bom, Bộ Ngoại giao Liên Xô gửi Công hàm cho Bộ Ngoại giao Mỹ về vụ này. Tuy nhiên, phía Mỹ đã chối bỏ vụ tấn công vào tàu Liên Xô.

Sau khi ban điều tra do tôi lãnh đạo tiến hành điều tra căn kẽ những chỗ hư hại của tàu và đặc biệt ở động cơ chính của tàu; làm cho con tàu này không thể vận hành độc lập được cũng như sau khi tôi gửi các tài liệu đến Sứ quán Liên Xô, Chính phủ Liên Xô lại một lần nữa gửi Công hàm cho Chính phủ Mỹ. Trước các tài liệu hiển nhiên và không thể chối cãi, phía Mỹ đã buộc phải thừa nhận lỗi của mình. Họ còn khẳng định sẽ trả khoản phí tổn sửa chữa và đền bù những tổn thất liên quan đến những hư hỏng trên tàu và những tổn thất khác về vật chất và

thời gian.

Theo yêu cầu của tôi chiếc tàu bị hư hại đã được tàu cứu hộ “Ácgút” dắt về bến đỗ. Sau khi số bột mì được bốc dỡ hết tàu “Pêrêxlápơ - Dalétxki” được dắt đến “phao số 0” của cảng Hải Phòng để trở về căn cứ sửa chữa ở Vladivátxtốc. Tôi có mặt trên tàu cứu hộ “Ácgút” đến “phao số 0” để tiễn con tàu bị nạn về nước.

Sau này, cho đến tận khi kết thúc đợt công tác của tôi ở Việt Nam và đến ngày tôi lên đường trở về Tổ quốc vào cuối tháng 7-1968, đã xảy ra rất nhiều cuộc oanh tạc, bắn phá và ném bom của không quân Mỹ nhằm vào các cảng Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả và nhằm vào các tàu Liên Xô đậu tại những cảng ấy. Sau ngày tôi về nước, máy bay Mỹ còn thả thủy lôi ở những luồng biển dẫn vào cảng và đã diễn ra hành động phong tỏa cảng Hải Phòng.

Tuy nhiên, bất chấp những thử thách vô cùng nặng nề và biết bao hy sinh, nhân dân Việt Nam, được sự hậu thuẫn và chi viện toàn diện của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đã trụ vững và chiến thắng trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất đất nước.

Tôi tự hào và hạnh phúc vì đã có cơ hội góp phần nhỏ bé của mình vào công cuộc giành thắng lợi lịch sử ấy của nhân dân Việt Nam.

Tháng 2-2003

\*\*\*

# ĐẠI TÁ PÊTORÔP ALÊCHXÂY LACÔPLÊVÍCH

Ông sinh ngày 24-6-1934. Năm 1954 ông tốt nghiệp Trường pháo cao xạ Ôrenbuôc, năm 1963 ông tốt nghiệp Khoa kỹ thuật vô tuyến Học viện kỹ thuật quân sự mang tên Gôvôrôp tại thành phố Kháccốp.

Từ tháng 3-1966 đến tháng 4-1967 ông tham gia chiến đấu tại Việt Nam; thời kỳ 1972 - 1974 ông tham gia vào công cuộc chi viện quốc tế cho Angiêri. Ông trải qua con đường binh nghiệp từ chức vụ chỉ huy trung đội đến chức phó chỉ huy lữ đoàn tên lửa - phòng không phụ trách khâu vũ khí - khí tài.

Vì tinh thần quả cảm và anh dũng trong khi thi hành các nhiệm vụ đặc biệt của Chính phủ giao phó, năm 1957 ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam, năm 1998 ông được tặng Huân chương Dũng cảm.

# NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CÔNG VIỆC CỦA KỸ SƯ TRƯỞNG TRONG TRUNG ĐOÀN TÊN LỬA PHÒNG KHÔNG Ở VIỆT NAM

Từ tháng 3-1966 đến tháng 4-1967 tôi đã có mặt tại Việt Nam trong thành phần các khẩu đội chiến đấu của Trung đoàn tên lửa phòng không 260 thuộc Binh chủng phòng không Quân khu Mátxcova, với chức vụ chỉ huy phó trung đoàn - kỹ sư trưởng. Đó là trường hợp đầu tiên các khẩu đội chiến đấu của trung đoàn với đầy đủ quân số cùng với vị chỉ huy của mình, thực hiện chuyển biệt phái làm nhiệm vụ quốc tế ở nước ngoài. Thượng tướng không quân G. V. Dimin, Phó Tư lệnh thứ nhất Binh chủng phòng không Liên Xô, đã trao nhiệm vụ công tác cho chúng tôi gồm: Chỉ huy trưởng trung đoàn, Đại tá V V. Phêđrốp, Trưởng ban chính trị trung đoàn, Trung tá V V Nhegienxki và tôi.

Chúng tôi đã hiểu rõ tính chất phức tạp của nhiệm vụ trong chuyển công tác biệt phái sắp tới, trách nhiệm lớn lao trao cho trung đoàn Quân khu thủ đô chúng tôi. Khi nhìn lại, có thể nói một cách hoàn toàn có trách nhiệm rằng toàn thể đội ngũ Trung đoàn 260 của chúng tôi đã hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ được giao. Trong một thời gian ngắn, với những điều kiện phức tạp của cuộc chiến tranh, trung đoàn chúng tôi đã đào tạo thành công và đưa vào đội ngũ chiến đấu Trung đoàn tên lửa phòng không 274 của Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng thời còn bắn rơi 25 máy bay Mỹ.

Các sĩ quan và binh sĩ của trung đoàn chúng tôi đã thể hiện nghệ thuật cao trong chiến đấu, tinh thần tổ chức, lòng dũng cảm và tinh thần anh dũng; đã hoàn thành vẻ vang bốn phần người lính của mình trong công cuộc chi viện mang tinh thần quốc tế dành cho nhân dân Việt Nam. Họ đã không tiếc công sức và nghị lực của mình, bất chấp mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách để đem lại sự vẻ vang xứng đáng cho trung đoàn và Quân khu phòng không Mátxcova. Bởi vì họ ý thức được rằng những nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao phó là nhiệm vụ chiến đấu của Tổ quốc trao cho.

Vì tinh thần quả cảm và anh dũng của bản thân, nhiều người trong số họ đã được nhận những phần thưởng cao quý của Chính phủ. Ví dụ, chỉ huy trưởng trung đoàn chúng tôi, đồng chí V. V. Phêđrốp, người đã từng tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại, đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, chỉ huy trưởng Tiểu đoàn 3, Thiếu tá X. T. Vôrôbiốp và sĩ quan điều khiển tên lửa của tiểu đoàn này, Trung úy V. I. Sécbacốp, được tặng thưởng Huân chương Lênin, còn Trung tá Ph. P. Ilinúc được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ và Huân chương Lênin.

Chỉ huy trưởng Tiểu đoàn 1 của chúng tôi, Trung tá Ph. P. Ilinúc, đã được cử sang Việt Nam trước chúng tôi - đó là đơn vị chủ chốt của trung đoàn - và đã có mặt tại Việt Nam hơn 1 năm. Trong thời gian kể trên tiểu đoàn của đồng chí ấy đã bắn rơi 24 máy bay Mỹ và những huyền thoại về lòng dũng cảm của Ph. P. Ilinúc, về sự táo bạo và sự kiên quyết của đồng chí ấy, về những chiến thắng trước quân thù mà tiểu đoàn đã giành được dưới sự chỉ huy của đồng chí ấy đã lan truyền khắp nơi.

Bộ chỉ huy Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam đã đề nghị phong danh hiệu Anh hùng Liên Xô cho Trung tá Ilinúc. Nhưng những trở ngại có tính chất quan liêu chủ nghĩa và tình hình chính trị thời kỳ ấy đã không tạo cơ hội cho người chỉ huy chiến đấu ấy được nhận danh hiệu xứng đáng - người ta chỉ trao cho đồng chí Huân chương Lênin không kèm theo ngôi sao Anh hùng.

Nhờ thành tích trong năm 1966, Trung đoàn tên lửa phòng không 260 đã được tặng Cờ đỏ luân lưu của Xôviết Mátxcova và Thành ủy Mátxcova. Năm 1968, nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Các lực lượng vũ trang Liên Xô, Trung đoàn đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ vì thành tích hoàn thành tốt các nhiệm vụ quốc tế và vì những thành tích trong chuẩn bị chiến đấu và học tập chính trị. Đó là trường hợp hiếm có trong thời bình. Tiếc thay, ngày nay, do kết quả "những cải cách căn bản" trong lực lượng vũ trang Liên bang Nga mà Trung đoàn Cờ đỏ không tồn tại nữa. Nhưng những chiến công của các chiến sĩ trung đoàn ấy vẫn không phai mờ trong ký ức của nhân dân Nga và nhân dân Việt Nam.

- Những nhiệm vụ được thực hiện theo từng giai đoạn

Khi chúng tôi đáp máy bay tới Việt Nam thì Trung đoàn tên lửa phòng không 274 của Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam - trung đoàn mà chúng tôi có nhiệm vụ đào tạo và đưa vào chiến đấu đã được thành lập và đóng quân trong rừng, tại nơi gọi là Trung tâm huấn luyện. Chúng tôi được đón tiếp rất niềm nở và nồng hậu. Cho đến nay thật khó mà quên được cuộc tiếp đón nồng hậu nhường đó mà các đồng chí Việt Nam đã dành cho chúng tôi ở trong khu rừng ấy.

Những chiếc xe buýt và những chiếc ô tô bọc kín đã đưa chúng tôi từ sân bay quốc tế Hà Nội về trung tâm huấn luyện. Sau đó, chúng tôi đi bộ tiếp khoảng 3 kilômét theo những con đường mòn. Trên suốt dọc đường đến Trung tâm đều có các chiến sĩ và sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam đứng dọc hai bên con đường mòn để chào đón và tặng hoa cho chúng tôi. Trời đã tối nhưng cánh rừng rung chuyển bởi những tiếng hô chúc mừng tình hữu nghị Việt - Xô, những tiếng hô vang chào mừng các chiến sĩ Quân đội Xôviết và những viên chỉ huy của họ.

Chúng tôi cư trú trong các nhà lán được dựng lên từ các phen liếp bằng tre, mái lợp bằng lá cọ. Các bạn Việt Nam thường xuyên chăm lo cho chúng tôi, cố gắng để chúng tôi tránh gặp phải mọi điều khó chịu.

Chúng tôi không gặp rắc rối nào trong vấn đề ăn uống. Bếp trưởng của Trung tâm huấn luyện này là một chuẩn úy Liên Xô, chủ yếu các món ăn là các món ăn kiểu Âu được chế biến từ thịt bò, thịt lợn, cá, thịt gà, cùng với các loại rau quả địa phương. Trong rừng không khí thật vô cùng ngọt ngào, Vì nguyên nhân này mà đa số anh em chúng tôi đã mắc phải một số loại bệnh nấm da, làm tổn thương những vùng "kín" nhất trên cơ thể.

Anh em chuyên gia Liên Xô không quen sống trong rừng. Tiện đây xin nói thêm rằng Thượng tướng A. A. Visnhépxki, nhà phẫu thuật đầu ngành của Quân đội Liên Xô, cùng với một tốp sĩ quan quân y đến Trung tâm huấn luyện của chúng tôi và sống trong các lán trại trong vòng 2 tuần lễ, với mục đích nghiên cứu thực tế điều kiện sinh hoạt và phục vụ quân sự của các chiến sĩ Xôviết.

Tại Trung tâm huấn luyện, dưới sự lãnh đạo của Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng của trung đoàn là Đại tá V. V. Phêđôrốp, chúng tôi đã tổ chức những buổi lên lớp căng thẳng và trong vòng 3 tháng đã tiến hành đào tạo về lý thuyết cho các khẩu đội chiến đấu của trung đoàn tên lửa phòng không Việt Nam. Tôi trực tiếp phụ trách tổ chức toàn bộ quá trình huấn luyện và trực tiếp lên lớp huấn luyện kỹ thuật cùng với các sĩ quan chỉ huy của Trung đoàn tên lửa phòng không 274.

Trong giai đoạn này có những khó khăn chủ yếu sau đây:

- Trình độ đào tạo chung của các đồng chí Việt Nam còn thấp: đa số các học viên trước đó chưa hề được làm quen với kỹ thuật tên lửa, với kỹ thuật vô tuyến - điện tử, nhiều khi cũng chưa biết bất kỳ một kỹ thuật nào khác;
- Rào cản ngôn ngữ: rất thiếu phiên dịch viên và các cuốn từ điển cho họ;
- Có rất nhiều nhóm đào tạo chuyên ngành (lên đến con số 60 nhóm) trong mỗi nhóm đó có khoảng 40 người. Ví dụ, để tiến hành bài giảng kéo dài 6 giờ, thì từ hôm trước phải viết bản đề cương tóm tắt và làm việc với phiên dịch viên ít nhất trong 6 giờ để giải thích từng từ;
- Thiếu tất cả mọi thứ (hiểu theo nghĩa trực tiếp của từ này) để có thể tiến hành các buổi lên lớp;
- Trung tâm huấn luyện nằm trong rừng; không khí nóng bức không tả xiết và độ ẩm cao đã làm phức tạp thêm tình hình. Ngoài ra, những buổi lên lớp cứ luôn luôn bị cắt ngang vì những cuộc oanh tạc của máy bay địch.

Phải nói rằng các đồng chí Việt Nam đã hết sức nhanh chóng nâng cao trình độ đào tạo chưa đầy đủ ban đầu nhờ tinh thần cần cù tuyệt diệu, tinh thần cố gắng đáng khâm phục và tinh thần ham hiểu biết. Tất cả mọi học viên, từ chiến sĩ bình thường cho đến viên chỉ huy trung đoàn là Thiếu tá Nguyễn Nùng, đều có thái độ hết sức nghiêm túc với bài học, họ nắm bắt từng từ một.

Khi nói về những khó khăn thì không thể không nhắc đến thời kỳ những năm 1966 - 1967. Đó là thời kỳ đỉnh điểm của "Cách mạng văn hoá" ở Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Điều này không thể không tác động, và dĩ nhiên đã tác động đến hoạt động của chúng tôi ở Việt Nam...

Đây là câu chuyện đã xảy ra vào tháng 12-1966. Có hai tiểu đoàn của chúng tôi tiến vào khu vực biên giới giữa ba nước Lào - Trung Quốc - Việt Nam để tiến hành phục kích chiến đấu. Đây là khu vực các máy bay của không quân Mỹ, sau khi cất cánh từ các căn cứ không quân ở Thái Lan, tập trung lại, chặn chính đội hình để rồi dưới sự yểm trợ của những phương tiện gây nhiễu mạnh được tạo ra bởi những chiếc máy bay đặc biệt, giáng những đòn đánh phá các mục tiêu trong khu vực Hà Nội.

Cùng với các chuyên gia Việt Nam, chúng tôi đi trên 2 ô tô để đến đó nhằm giúp sức. Trong xe thứ nhất tôi ngồi ở ghế phía trước. Thiếu tá A. X. Xamôrucốp đi xe thứ hai. Vào thời điểm ấy các đơn vị Trung Quốc đang xây dựng một con đường chạy từ biên giới Trung Quốc đến Hà Nội. Dọc toàn bộ con đường này có nhiều biểu ngữ, khẩu hiệu, các bức chân dung của Mao Trạch Đông và những biểu tượng khác của "Cách mạng văn hoá". Tại một đoạn đường binh lính đã chặn phía trước chiếc xe thứ hai. Tôi nói với người phiên dịch (tôi biết đồng chí ấy nói thạo tiếng Trung Quốc).

- Đồng chí hãy nói lại với sĩ quan Trung Quốc rằng chúng tôi đang thực hiện nhiệm vụ quốc tế chung của chúng ta chiến đấu chống bọn xâm lược, và chúng ta không có thừa thời gian.

Người phiên dịch đã dịch mấy câu nói của tôi. Chỉ sau đấy chúng tôi mới có thể tiếp tục đi được. Người ta đã không chặn chiếc xe của tôi. Họ tưởng tôi là người Việt Nam.

Thư từ gửi từ bên nước thì hiếm khi chúng tôi nhận được. Chỉ mãi sau khi về tới Mátxcova người ta mới trao cho tôi 29 bức thư của vợ tôi, những bức thư tràn đầy những lời thương yêu, quan tâm và an ủi, là những lời không nhận được khi tôi còn ở Việt Nam.

Nhìn lại qua tám lăng kính của những năm tháng đã qua, có thể nói rằng nếu không vì những hậu quả của "Cách mạng văn hoá" thì có nhiều vấn đề, kể cả những vấn đề cung cấp kịp thời phương tiện kỹ thuật và vũ khí, vấn đề hiện đại hóa các phương tiện kỹ thuật ấy trong chiến đấu, vấn đề hậu cần, tiếp thu kinh nghiệm chiến đấu của các loại hình binh chủng phòng không, và điều chủ yếu là vấn đề thực hiện một cách nhanh chóng kinh nghiệm ấy, cùng những nhiệm vụ khác lẽ ra đã được giải quyết một cách có lợi hơn rất nhiều cả cho các đồng chí Việt Nam, cả cho phía chúng tôi.

Sau khi kết thúc khóa huấn luyện về lý thuyết, các tiểu đoàn tên lửa được đưa đến các trận địa chiến đấu. Đến thời điểm đó, dưới sự chỉ đạo của tôi, số phương tiện kỹ thuật được chở từ Liên Xô đến cho trung đoàn chúng tôi đã được bốc dỡ, phân tán ra, được kiểm tra và được triển khai trong chế độ chiến đấu, tuân theo đúng kế hoạch phòng không chung của đất nước.

Ở giai đoạn hai, sau khi đưa các tiểu đoàn tên lửa phòng không đến các trận địa chiến đấu, trong suốt 3 tháng những hoạt động tác chiến chống không quân Mỹ đều chỉ do các khẩu đội chiến đấu của Liên Xô thực hiện, còn các khẩu đội Việt Nam thì làm việc ở ngay cạnh. Ở giai đoạn này nhiệm vụ cơ bản là nêu rõ ứng dụng chiến đấu của các phương tiện kỹ thuật chiến đấu của Liên Xô trong hoàn cảnh thực tế, chỉ ra cách thức khai hỏa chính xác tên lửa phòng không có điều khiển, nhằm mục đích thực hiện tối đa các khả năng tác chiến của các bộ khí tài tên lửa phòng không trong việc đối phó với không quân Mỹ.

Trong suốt thời gian ấy các khẩu đội Liên Xô đã thực hiện 43 lần phóng tên lửa và tiêu diệt được 23 máy bay địch, trong đó có các loại máy bay F-105, F-4, A-6, A-7, EB-66.

Trong giai đoạn này, nhiệm vụ chủ yếu của tôi (trong vai trò kỹ sư trưởng) là đảm bảo khả năng thường xuyên sẵn sàng chiến đấu của các khí tài, bảo trì tốt những khí tài ấy huấn luyện công việc này cho các khẩu đội Việt Nam, ngoài ra còn có nhiệm vụ phải nhanh chóng phát hiện và khắc phục những hỏng hóc và hư hại mới phát sinh trong quá trình tác chiến.

Độ ẩm lớn, nhiệt độ cao, các khí tài được vận hành gần như không ngừng nghỉ, - những điều này không thể không góp phần làm xuất hiện những trục trặc thường xuyên. Ngoài ra máy bay địch đã thường xuyên đánh vào các tổ hợp tên lửa phòng không. Theo lời khai của các phi công

Mỹ bị bắt làm tù binh thì trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ oanh tạc nếu phát hiện thấy trận địa tên lửa phòng không thì các phi công tự động bãi bỏ mọi nhiệm vụ oanh tạc mà chỉ tập trung vào việc tiêu diệt các tổ hợp tên lửa phòng không ấy. Để thực hiện nhiệm vụ này phía Mỹ đã sử dụng các phương tiện hết sức khác nhau để tiêu diệt mục tiêu: dùng tên lửa tự động tìm diệt các trạm ra đa như kiểu tên lửa "Sraico", thả bom rải thảm có định vị và không định vị, bắn các loại pháo phản lực.

Chỉ có nhờ trình độ chuyên môn cao của các kỹ sư Liên Xô các kỹ thuật viên, các sĩ quan chỉ huy trong những điều kiện khắc nghiệt như vậy mới đảm bảo được cho các khí tài thường xuyên ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Những kỹ sư Liên Xô dưới đây đã tỏ rõ là những bậc thầy thực sự am hiểu công việc của mình: V. E. Muraviép, V. N. Ácchuscốp, Ph. X. Mamin, G. M. Êphrêmốp, các kỹ thuật viên trưởng thuộc hệ thống các đài điều khiển tên lửa G. A. Ivanốp, N. E. Baculin, R. A. Cadacốp, A. I. Camarinxki, N. I. Ôblôghin, N. I. Ôbôđơnuoi, trưởng trạm trinh sát và chỉ thị mục tiêu A. V. Guxép, các sĩ quan chỉ huy các khẩu đội kỹ thuật vô tuyến V. Đ. Đavudốp, N. Ia. Madurencô, A. M. Burốp, Iu. Đ. Cun cốp, P. X. Khabarốp, các sĩ quan chỉ huy các khẩu đội bộ phóng V. A. Côxarép, G. Ia. Sêlômútốp, các trợ lý của tôi R. Ph. Ignatốp, N. E. Têlêghin, các sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn X. T. Vôrôbiốp, I. V. Vôlôđin, A. X. Xamôrucốp, I. E. Pôgidaép, B. I. Dadôrin và những người khác.

Đó là những ngày căng thẳng nhất đối với tất cả chúng tôi. Việc ngủ và nghỉ ngơi chỉ có thể thực hiện trên đường đi từ tiểu đoàn này đến tiểu đoàn khác, tức là ở trong ô tô.

Ở giai đoạn kết thúc quá trình đào tạo các khẩu đội của Trung đoàn tên lửa phòng không 274 của Quân đội nhân dân Việt Nam thì số lượng các chuyên gia Liên Xô trong trung đoàn này đã được cắt giảm. Trong 6 tháng tiếp theo trong trung đoàn này chỉ còn lại một nhóm nhỏ - nhóm chuyên gia bảo trì và sửa chữa các khí tài, do tôi chỉ huy.

Trong thời kỳ ấy nhiệm vụ chủ yếu là giúp đỡ một cách thực tế cho các chuyên gia Việt Nam duy trì các khí tài thường xuyên trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, cũng như thực hiện mọi công việc theo quy định. Trong thời gian đầu sau khi chuyên gia Liên Xô rút khỏi các tiểu đoàn này để trở về nước thì lại càng cần thiết có sự giúp đỡ như vậy. Tình trạng còn thiếu kinh nghiệm ở các chuyên viên Việt Nam, tình trạng họ chưa tự tin trong công việc là các chuyên gia Liên Xô, trong đó có tôi, không phải chỉ thường xuyên có mặt trong các tiểu đoàn tên lửa và không chỉ tiến hành lên lớp, tư vấn, đề xuất và đưa ra những khuyến nghị đối với những vấn đề hết sức khác nhau về bảo trì và sửa chữa các khí tài, mà còn phải trực tiếp tìm ra và khắc phục những chỗ hỏng hóc và trục trặc đã phát sinh.

- Tổ chức thực hiện các công việc định kỳ

Các công việc cần thực hiện theo định kỳ đối với các bộ phận máy móc của bộ khí tài tên lửa được tổ chức tiến hành theo đúng các bản hướng dẫn vận hành và theo các bản chỉ dẫn đối với các loại khí tài tương ứng. Tuy nhiên, không phải lúc nào tình hình trên bầu trời cũng cho phép tiến hành đều đặn các công việc theo định kỳ đối với tất cả các loại khí tài. Thông thường những công việc ấy được thực hiện tùy theo hoạt động của máy bay địch.

Thường các công việc bảo trì hằng ngày khí tài bắt đầu tiến hành khi trời đã tối (vào khoảng 18 giờ, theo giờ địa phương), và những công việc ấy kết thúc vào gần nửa đêm. Vào khoảng 3 giờ sáng thì bắt đầu một chuỗi công việc chuẩn bị chiến đấu cho tất cả các loại khí tài. Các công việc định kỳ được tiến hành sau mỗi nửa năm, theo mùa, cũng như theo từng tháng được kết hợp với các đợt di chuyển trận địa của các tiểu đoàn tên lửa, trong mùa mưa, trong các đợt ngừng chiến, v.v..

Cần đặc biệt bàn về công tác chuẩn bị chiến đấu hằng ngày cho các khí tài. Công tác chuẩn bị chiến đấu ấy được thực hiện tuân theo một chế độ mới được chúng tôi soạn thảo và đem áp dụng lần đầu tiên tại Việt Nam. Thực chất của chế độ này là: trên cơ sở kinh nghiệm vận hành và khai thác các khí tài và những cuộc tập bắn chiến đấu trên bãi thử (tại Liên Xô) sẽ kịp thời quy định các thông số của các cụm linh kiện, các hệ thống của đài điều khiển tên lửa, cũng như của trạm trinh sát và chỉ thị mục tiêu, của các thiết bị phóng tên lửa và của các tên lửa. Những thông số này đều có ý nghĩa quyết định tư thế sẵn sàng chiến đấu của toàn bộ bộ khí tài tên



lửa.

Trong bảng liệt kê những công việc kiểm tra bắt buộc hàng ngày cũng còn bao gồm cả những khâu kiểm tra liên hệ thống và toàn tổ hợp. Khâu chuẩn bị chiến đấu cho khí tài được kết thúc bằng khâu kiểm tra mở rộng đối với hoạt động của các đài điều khiển tên lửa và hoạt động của các thiết bị của bộ phóng, với các quả tên lửa đã được nạp vào bộ phóng; kiểm tra hoạt động của các bộ phận phản hồi trên tất cả các quả tên lửa, cũng như nghiên cứu hình ảnh các điểm "cục bộ" trên màn hình của các máy tín hiệu.

Chế độ chuẩn bị chiến đấu cho khí tài như vậy đã hoàn toàn tỏ ra đúng đắn. Tất nhiên, muốn vậy thì cần có tài nghệ hết sức cao, sự khéo léo, và các kỹ năng đã trở thành những động tác thuần thục, cần có một sự phối hợp nhịp nhàng tuyệt đối chính xác giữa các khẩu đội chiến đấu. Tôi có bốn phân phải trực tiếp chỉ huy các công việc kiểm tra khí tài sau mỗi lần các tiểu đoàn tên lửa triển khai trên trận địa mới, đồng thời cũng cần đặc biệt chú ý đến chất lượng thực hiện các công việc kiểm tra toàn bộ bộ khí tài tên lửa.

Tất cả các loại công việc cần thực hiện theo quy định đều được tiến hành - trong thời kỳ các khẩu đội chiến đấu của Liên Xô tiến hành tác chiến - bởi các chuyên gia Liên Xô. Họ là những kỹ sư, các kỹ thuật viên, các nhân viên vận hành, các trắc thủ trong các khẩu đội, dưới sự hướng dẫn của các sĩ quan chỉ huy, còn các khẩu đội Việt Nam thì học hỏi ở họ để tích lũy kinh nghiệm. Sau khi các chuyên gia Liên Xô rút khỏi các tiểu đoàn tên lửa thì các chuyên gia thuộc nhóm của tôi đã có mặt trong các buổi tiến hành các công việc hằng tháng theo quy định và trong các buổi thực hiện tất cả các hình thức bảo trì theo định kỳ dài hơn. Các công việc kiểm tra diễn ra dưới sự kiểm soát của họ. Cách làm này bảo đảm tính kế thừa đối với toàn thể đội ngũ các khẩu đội và đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của khí tài.

- Sửa chữa khí tài

Tất nhiên, trong suốt thời gian tôi công tác ở Việt Nam thì một trong số những nhiệm vụ chủ yếu của tôi là sửa chữa và phục hồi các khí tài bị hỏng. Khi giải quyết nhiệm vụ này tôi đã dựa vào toàn thể đội ngũ kỹ sư - kỹ thuật viên của trung đoàn. Những trợ lý của tôi gồm có: Kỹ sư năng lượng của trung đoàn, Thiếu tá N. E. Têlêghin, chuyên gia về các thiết bị bộ phóng và về tên lửa, Thiếu tá R. Ph. Ignatốp, chuyên gia về các thiết bị ra đa, Đại úy kỹ sư V. E. Muraviép.

Sau khi các sĩ quan Liên Xô trở về nước, trong 6 tháng sau cũng đã có 9 chuyên gia khác về các chuyên ngành kỹ thuật đã làm việc cùng với tôi. Họ đã giải quyết tất cả các vấn đề có liên quan đến sửa chữa và phục hồi các khí tài, ngoài ra họ còn giữ vai trò tư vấn. Bên cạnh đó, người ta đã tuyển lựa - trong số những sĩ quan được đào tạo tốt nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam - các chuyên viên về tất cả các chuyên ngành kỹ thuật (về các hệ thống điều khiển tên lửa, các hệ thống trinh sát và chỉ thị mục tiêu, về tên lửa, về các thiết bị nguồn điện, thiết bị bộ phóng và thiết bị công nghệ, v.v.) "và thành lập Ban vũ khí tên lửa của Trung đoàn tên lửa phòng không 274 Quân đội nhân dân Việt Nam. Dần dần hoạt động của ban chuyên trách này trở nên có hiệu quả.

Tại sở chỉ huy trung đoàn, trong số các cán bộ chuyên môn, người ta cử ra một sĩ quan trực ban kỹ thuật (ngoài sĩ quan trực tác chiến). Sĩ quan trực ban kỹ thuật nhanh chóng thu thập các dữ liệu về tình hình khí tài của trung đoàn và nếu thấy cần thiết thì đưa ra những biện pháp khẩn cấp nhằm khôi phục tư thế sẵn sàng chiến đấu của các khí tài. Trong quá trình tác chiến hình thức trực ban kỹ thuật thực sự là cần thiết, vì việc phục hồi các khí tài đòi hỏi phải có những hành động khẩn cấp nhất, mạnh mẽ nhất, không được phép có bất kỳ một sự chậm trễ nào. Điều này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện lực lượng và phương tiện bị hạn chế.

Trong quá trình khôi phục lại các khí tài bị máy bay địch gây hư hỏng cần xác định khối lượng công việc có thể phải tiến hành, bản liệt kê và số lượng vật tư cần thiết. Theo quy tắc, để phục hồi các khí tài được đưa vào nơi trú ẩn, cần tập trung một số lượng cần thiết các cán bộ chuyên môn (kể cả những cán bộ chuyên môn thuộc các tiểu đoàn khác và thuộc xưởng của trung đoàn), cũng như tất cả các phương tiện kỹ thuật có trong tay để tiến hành sửa chữa. Đã có hai cabin điều khiển "P", các máy móc của hai cabin điều phối "R", ba trạm phát điện bằng

động cơ diêden, tám bộ phóng tên lửa, ba trạm ra đa P-12 được phục hồi bằng cách ấy sau khi chúng bị hư hại do bị trúng tên lửa chống ra đa "Sraico" và bom bi. Các bộ phóng bị hư hỏng thì được phục hồi bằng phương pháp sửa chữa theo cụm thiết bị lớn.

Trong tiến trình sửa chữa các khí tài có những lúc phải thực hiện cả những loại công việc mà ngay tại Liên Xô, để thực hiện chúng, cần phải có những thiết bị đặc biệt của những xưởng cố định (những công việc như sửa chữa hai hệ thống ăngten của đài điều khiển tên lửa đã bị hư hại vì mảnh tên lửa chống ra đa "Sraico", bộ phận cao tần ở máy ngắt mạch của ca bin điều khiển "PA", cụm linh kiện ở máy đóng mở ăngten P-23 với việc tháo dỡ hoàn toàn cụm linh kiện này).

Đặc biệt hay gặp trường hợp các tuyến dây cáp bị hư hại sau các trận oanh tạc từ trên không của máy bay địch. Nhưng tại các tiểu đoàn tên lửa và tại trung đoàn tên lửa lại không có các cơ sở dây cáp dự trữ. Việc sửa chữa các tuyến dây cáp truyền lực cũng như các tuyến dây cáp truyền tín hiệu đã chiếm mất rất nhiều thời gian.

- Dự trữ tên lửa tại trận địa

Trong thời gian diễn ra những hoạt động tác chiến cường độ cao thì mối quan tâm đặc biệt của kỹ sư trưởng của trung đoàn là sự chuẩn bị và hoạt động của tiểu đoàn kỹ thuật nhằm đảm bảo cho các tiểu đoàn hỏa lực có được một số lượng cần thiết các quả tên lửa đã sẵn sàng, dự trữ chúng tại các trận địa có các bộ phóng tên lửa.

Tiểu đoàn kỹ thuật được triển khai ở các địa điểm khác nhau, phân bố trên những khoảng cách quy định. Các phương tiện kỹ thuật chuyên dụng của Tiểu đoàn được phân tán tại 5 địa điểm, còn các quả tên lửa và những bộ phận cấu thành của nó, những thùng chứa các thành phần nhiên liệu, các xe chuyên dụng dùng cho những thứ đó thì được bố trí tại 12 địa điểm cách xa nhau. Để chuẩn bị các quả tên lửa thì các phương tiện kỹ thuật, các xe chuyên dụng và các thiết bị chuyên dụng, các khẩu đội chiến đấu tập trung tại một trong số những trận địa đã chiến đã được lựa chọn từ trước để tổ chức quy trình công nghệ liên tục. Các loại công việc chỉ được tiến hành vào ban đêm và với một số lượng người tối thiểu được huy động.

Trong thành phần tiểu đoàn kỹ thuật có lập ra một nhóm chuyên trách, đứng đầu là trưởng ban tham mưu. Nhóm này chỉ thực hiện việc vận chuyển các quả tên lửa đến tiểu đoàn tên lửa phòng không. Thành phần nhóm này gồm 6 chiếc xe vận chuyển và nạp đạn, một xe cần cẩu K-61 với 2 nhân viên vận hành cần cẩu và 2 người móc dây cáp (trừ các lái xe). Cả hai kíp của tiểu đoàn kỹ thuật làm việc cách nhau một ngày hoặc làm việc cùng một lúc ở những trận địa khác nhau.

Tại các trận địa của tiểu đoàn tên lửa phòng không, số lượng các tên lửa dự trữ và hoàn toàn sẵn sàng được bố trí trên các xe vận chuyển và nạp tên lửa, giấu trong các hầm trú ẩn ở cách các trận địa phóng tên lửa khoảng 2 - 3 km. Tiểu đoàn tên lửa phòng không giữ liên lạc thường xuyên với những hầm trú ẩn ấy và với sở chỉ huy trung đoàn.

Trong suốt thời gian tôi có mặt ở Việt Nam đã không xảy ra các trường hợp phải hủy bỏ lệnh phóng tên lửa hoặc tên lửa không khởi động do lỗi của tiểu đoàn kỹ thuật. Toàn thể đội ngũ tiểu đoàn kỹ thuật - dưới sự chỉ huy của Trung tá B. I. Dadôrin, là người đã từng tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Liên Xô và cuộc chiến tranh năm 1953 ở Triều Tiên - đã hoàn thành vẻ vang các nhiệm vụ được giao phó.

- Đảm bảo an toàn khi vận hành khí tài

Trong suốt thời gian tôi làm việc tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cương vị kỹ sư trưởng của trung đoàn tên lửa, ngoài việc giải quyết các nhiệm vụ nêu trên, tôi còn đặc biệt chú ý đến việc tuân thủ hết sức nghiêm ngặt các quy tắc an toàn kỹ thuật và những yêu cầu ghi trong các bản chỉ dẫn và hướng dẫn vận hành các khí tài.

Kỹ thuật tên lửa phòng không của Liên Xô là loại vũ khí đáng sợ đối với kẻ thù. Bọn Mỹ biết rõ điều này. Nhưng vũ khí ấy cũng có thể không kém phần nguy hiểm và trở thành sức mạnh phá hủy đối với quân ta nếu nó nằm trong tay những con người không tuân thủ hoặc vi phạm những quy tắc an toàn kỹ thuật và những đòi hỏi ghi trong các bản hướng dẫn vận hành. Vấn

đề là ở chỗ: khi khai thác kỹ thuật tên lửa phòng không chúng ta thường xuyên tiếp xúc với những vật rất nguy hiểm: trong thành phần nhiên liệu lỏng của tên lửa có chứa những chất lỏng cực kỳ dễ phát nổ; bộ phận đầu đạn của tên lửa, với tổng trọng lượng 196 kg, được nhồi loại chất nổ gốc hecsogen; trong các quả tên lửa có sử dụng khối khí nén với áp suất 350 átmốtphê; trong các trạm ra đa dẫn đường cho tên lửa và trình sát mục tiêu có những dòng điện cao thế (lên đến 22 kilôvôn). Những ví dụ dẫn ra trên đây chỉ là phần rất nhỏ những gì gây nguy hiểm cho những người vận hành kỹ thuật tên lửa phòng không. Ngay cả khi không có những kiến thức về kỹ thuật tên lửa phòng không cũng có thể hình dung hậu quả có thể xảy ra nếu có bất cứ một sự vi phạm nhỏ nào đối với những quy tắc vận hành kỹ thuật...

Sự việc dưới đây xảy ra tại một trong số các tiểu đoàn thuộc trung đoàn tên lửa của chúng tôi vào một ngày tháng 8-1966. Khi “mùa khô” đến thì đã có những ngày rất nóng bức. Không quân Mỹ hàng ngày gia tăng cường độ bắn phá. Các máy bay Mỹ đã đều đặn bay vào tầm hỏa lực của tiểu đoàn tên lửa, bắt đầu từ 7 giờ sáng. Vào khoảng 15 giờ tiểu đoàn này đã phóng tên lửa vào chiếc máy bay đi đầu của một tốp máy bay tiêm kích ném bom. Quả tên lửa đầu tiên đã bắn rơi chiếc máy bay này. Còn quả tên lửa thứ hai thì rơi xuống ngay sau khi được phóng đi cách trận địa của tiểu đoàn không xa, gây nên những tàn phá lớn và hỏa hoạn. Tôi đã tới địa điểm tên lửa rơi xuống và trên thực tế đã tìm thấy tất cả những thành phần của quả tên lửa ấy. Những mảnh tên lửa vương vãi trên một diện tích lớn. Hóa ra, ngay sau khi được phóng đi tầng thứ nhất của tên lửa đã nổ trong không khí. Sự cố này xảy ra vì trong buồng đốt của động cơ phản lực sử dụng nhiên liệu rắn, thay vì sự cháy bình thường của những hạt nhiên liệu, thì lại xảy ra hiện tượng kích nổ những hạt nhiên liệu ấy. Điều đó gây ra vụ nổ của phần động cơ phản lực sử dụng nhiên liệu lỏng và kích nổ bộ phận đầu đạn của tên lửa.

Nguyên nhân làm cho tên lửa bị rơi là do từ 7 giờ sáng đến thời điểm phóng tên lửa (15 giờ) trên thực tế quả tên lửa đã liên tục (phù hợp với chu kỳ kỹ thuật) ở trong chế độ chuẩn bị phóng và nằm dưới ánh nắng như thiêu đốt. Các phương tiện nguy trang - đồng thời cũng được dùng làm phương tiện chống bức xạ nhiệt - đã được dỡ ra khỏi bệ phóng vào lúc 6 giờ 30 phút. Quả tên lửa, kể cả tầng thứ nhất của nó, đã được sơn một lớp sơn nguy trang. Hệ quả của tất cả những yếu tố ấy là vào thời điểm tên lửa được phóng đi thì ở trong buồng đốt của động cơ phóng đã hình thành nhiệt độ cao quá mức cho phép. Hơn nữa, tiết diện giới hạn ống phóng của động cơ tên lửa sử dụng nhiên liệu rắn đã bị phơi dưới nhiệt độ ngoài trời từ lúc 6 giờ sáng, trước lúc tên lửa được nạp vào bệ phóng, nhưng sau đó đã không được điều chỉnh lại theo đúng yêu cầu ghi trong bản hướng dẫn vận hành tên lửa.

Chúng tôi đã rút ra những kết luận cần thiết, đã soạn thảo và đưa ra những khuyến cáo về vận hành tên lửa. Thậm chí khó có thể hình dung được điều gì sẽ xảy ra nếu tầng thứ nhất của tên lửa bị kích nổ khi quả tên lửa vẫn còn nằm trên bệ phóng.

Chúng tôi đã phải thường xuyên giải thích về các quy tắc an toàn kỹ thuật cho các học viên rõ, từng bước làm cho họ thấm nhuần một cách vững chắc những quy tắc ấy, làm cho họ có được và củng cố những kỹ năng và biết cách áp dụng những phương pháp an toàn trong vận hành. Chúng tôi đã đặc biệt chú ý đến việc vận hành tên lửa và tất cả những thiết bị liên quan đến các thành phần của nhiên liệu tên lửa, liên quan đến khối khí nén, bộ phận đầu đạn của tên lửa, ngoài ra còn chú ý đến khâu bảo quản và vận hành các phương tiện nâng / hạ.

Tại Việt Nam nguồn điện cung cấp cho tổ hợp tên lửa phòng không và cho tất cả các phương tiện đảm bảo đều được cung cấp từ những máy phát điện độc lập và cơ động. Viên trợ lý phụ trách nguồn điện của tôi N. E. Têlêghin đã đào tạo được một số lượng cần thiết các chuyên gia về nguồn điện để cung cấp cho Trung đoàn tên lửa phòng không 274 của Quân đội nhân dân Việt Nam, và đã thực hiện tất cả các biện pháp đồng bộ nhằm vận hành an toàn các thiết bị nguồn điện của trung đoàn.

- Một số khuyến cáo do tôi đề xuất với phía Việt Nam

Vì sĩ quan chỉ huy trung đoàn, Đại tá V. V. Phêđrôp và các sĩ quan chỉ huy các tiểu đoàn tên lửa phòng không đã kết thúc nhiệm kỳ công tác và trở về Liên Xô, cho nên trong giai đoạn chót của đợt công tác tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngoài việc chỉ huy chiến đấu, tôi còn phải đảm nhận thêm một nhiệm vụ phức tạp và không kém phần quan trọng, đó là trực tiếp giúp đỡ

đồng chí Trung đoàn trưởng Trung đoàn tên lửa phòng không 274, các trung đoàn phó và chỉ huy các tiểu đoàn là người Việt Nam trong vấn đề tiến hành tác chiến, ngoài ra tôi còn đưa ra những ý kiến tư vấn trong những điều kiện khác nhau trong chiến đấu.

Những vấn đề đặc biệt phức tạp là vấn đề phóng tên lửa trong điều kiện kẻ địch sử dụng các hình thức gây nhiễu với cường độ mạnh và sử dụng tên lửa chống ra đa. Vấn đề là đến cuối năm 1966, đặc biệt là vào năm 1967, không quân Mỹ đã chuyển sang biện pháp khống chế mạnh mẽ các tổ hợp tên lửa phòng không bằng các phương tiện vô tuyến điện tử trên tất cả các băng tần, áp dụng những thủ đoạn chiến thuật mới và những phương tiện kỹ thuật mới để tạo ra và sử dụng các hình thức gây nhiễu đối với sóng vô tuyến. Hơn nữa, các tổ hợp tên lửa phòng không kiểu XA-75 còn chưa được bảo vệ tốt chống lại những phương tiện ấy.

Trong điều kiện như vậy chúng tôi đã đề ra và chuyển đến phía Việt Nam những khuyến cáo mới trong công tác tổ chức và tiến hành tác chiến trong điều kiện diễn ra cuộc chiến vô tuyến điện tử, gồm: sử dụng các chế độ làm việc khác nhau của đài điều khiển tên lửa (điều chỉnh tự động độ khuếch đại, điều chỉnh bằng tay độ khuếch đại, điều chỉnh tự động chớp nhoáng độ khuếch đại, hằng số nhỏ về thời gian, phương pháp “cào bằng”, kích nổ bộ phận đầu đạn của tên lửa theo lệnh “KZ” ở chế độ “ADA” - khí cầu tự hành), các phương pháp dẫn đường tên lửa phòng không có điều khiển, với việc sử dụng tối đa chế độ làm việc thụ động của các kênh mục tiêu trong đài điều khiển tên lửa, sử dụng phương pháp dùng tay điều chỉnh tần số của các máy phát từ trong quá trình theo dõi mục tiêu; lựa chọn tên lửa căn cứ theo công suất của các thiết bị phản hồi và theo độ nhạy của các thiết bị tiếp nhận sóng vô tuyến của các ngòi nổ vô tuyến, v.v..

Chúng tôi đã kịp thời đề xuất các khuyến cáo trong khâu phóng các tên lửa phòng không có điều khiển trong điều kiện kẻ địch sử dụng tên lửa chống ra đa “Sraico”. Những khuyến cáo này đã được áp dụng thành công trong thực tiễn chiến đấu, giúp hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chiến đấu được đặt ra và tăng sức đề kháng của các tiểu đoàn tên lửa.

Trong thời gian tôi làm việc ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với vai trò kỹ sư trưởng, tôi đã thường xuyên chú ý liên việc đưa ra những khuyến cáo về những vấn đề hết sức khác nhau trong quá trình vận hành vũ khí, bảo quản vũ khí, gìn giữ, sửa chữa nó, kịp thời đảm bảo một cách đầy đủ mọi thứ cần thiết (các bộ phụ tùng linh kiện thay thế và dụng cụ chuyên dùng, các vật tư nhiên liệu - mỡ bôi trơn, những vật tư tiêu hao, và .v.v).

Trong số những khuyến cáo ấy tôi cho rằng những khuyến cáo dưới đây là quan trọng nhất và nóng hổi nhất và được tôi đề xuất với phía Việt Nam ở những giai đoạn công tác khác nhau:

1. Hệ thống các công việc theo quy định đối với các tổ hợp tên lửa phòng không trong thời gian tiến hành tác chiến;
2. Tổ chức thực hiện công tác bảo trì theo quy định - theo định kỳ dài - đối với các vũ khí của tiểu đoàn tên lửa phòng không trong thời gian diễn ra chiến sự;
3. Những đặc điểm trong khâu tổ chức ban tần số của trung đoàn trong điều kiện diễn ra cuộc chiến vô tuyến điện tử;
4. Phương pháp phát hiện và khắc phục những hỏng hóc trong các hệ thống và các cụm linh kiện của đài điều khiển tên lửa và trạm ra đa, trạm trinh sát và chỉ thị mục tiêu;
5. Phương pháp tiến hành công việc ráp nối các cấu kiện vũ khí của tiểu đoàn tên lửa phòng không sau mỗi lần thay đổi trận địa;
6. Những đặc điểm trong khâu vận hành đài điều khiển tên lửa và trạm ra đa của đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu trong điều kiện có độ ẩm cao, nhiệt độ cao và cường độ tác chiến căng thẳng;
7. Những đặc điểm của nơi trú ẩn, trong khâu nguy trang các tên lửa phòng không có điều khiển, việc bảo vệ các tên lửa ấy chống lại bức xạ mặt trời.

Những khuyến cáo này và những khuyến cáo khác đã được tôi báo cáo lại tại Liên Xô với ban lãnh đạo Bình chủng tên lửa phòng không của Liên Xô và báo cáo lại với các tổ chức nghiên cứu khoa học.

Để kết thúc tôi muốn nói rằng toàn thể đội ngũ kỹ sư - kỹ thuật viên, các sĩ quan chỉ huy của Trung đoàn tên lửa phòng không 260 thuộc Binh chủng phòng không Quân khu Mátxcova đã hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ được giao phó trong việc giúp đỡ nhân dân Việt Nam trên tinh thần quốc tế, đã tích lũy được kinh nghiệm hết sức to lớn về vận hành và khai thác kỹ thuật tên lửa phòng không Liên Xô trong điều kiện tác chiến. Trong một thời gian hết sức ngắn và trong những điều kiện vô cùng khó khăn họ đã đào tạo thành công - từ con số 0 - trung đoàn tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam, đã huấn luyện cho đội ngũ chiến sĩ trung đoàn tên lửa Việt Nam nắm vững được các phương tiện kỹ thuật chiến đấu hiện đại của Liên Xô và sử dụng hữu hiệu kỹ thuật ấy để chống lại kẻ thù rất mạnh và được vũ trang tốt - không lực Hoa Kỳ.

Tôi đã làm việc với vai trò kỹ sư trưởng của trung đoàn và lữ đoàn trong hơn 12 năm và tôi có thể nói rằng ở những nơi nào mà chính bản thân vị chỉ huy của tiểu đoàn nắm vững và yêu quý các phương tiện kỹ thuật, chính bản thân vị chỉ huy ấy đi sâu và hiểu rõ những vấn đề chuẩn bị khí tài và các kỹ thuật viên cho chiến đấu, thì ở đó các tổ hợp tên lửa luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Ở đó trình độ kỹ thuật và trình độ chuyên môn của đội ngũ sĩ quan và binh sĩ cao hơn, và xét cho cùng thì ở đó thu được thành công và thắng lợi.

Tại những tiểu đoàn tên lửa như thế bản thân người chỉ huy và tất cả các khẩu đội tác chiến đều cảm thấy tự tin trong chiến đấu, vì họ biết chắc rằng vào giờ phút quyết định của trận đánh các khí tài của họ sẽ không làm hại họ. Đó là sự bảo đảm cho thành công trong những hành động kiên quyết và hy sinh quên mình trong những điều kiện phức tạp nhất của hoàn cảnh chiến đấu. Ví như đồng chí Ph. P. Ilinúc: nguyên chỉ huy trưởng Tiểu đoàn 1 của trung đoàn chúng tôi, là người đã được nói đến ở phần trên, - thì đích thân đồng chí ấy nắm vững kỹ thuật, cá nhân đồng chí ấy thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình máy móc, giúp đỡ các kỹ thuật viên không chỉ bằng lời nói, mà còn bằng việc làm. Còn có Thiếu tá X. T. Vôrôbiốp Chỉ huy trưởng Tiểu đoàn 3 là tiểu đoàn đã bắn rơi 9 máy bay Mỹ, là người cũng như Ph. P. Ilinúc, đã được tặng thưởng Huân chương Lênin và đã trải qua mọi nấc thang chức vụ, từ cương vị là kỹ thuật viên của hệ thống, trưởng thành đến chức chỉ huy tiểu đoàn tên lửa. Đồng chí ấy nắm vững kỹ thuật và đi sâu vào mọi chi tiết của tư thế sẵn sàng chiến đấu của tiểu đoàn.

Những viên chỉ huy ấy có trong tay những khẩu đội chiến đấu được đào tạo rất tốt và làm việc nhịp nhàng. Dưới sự lãnh đạo của những vị chỉ huy ấy đã có những chuyên gia trưởng thành và được tôi luyện, chẳng hạn như sĩ quan điều khiển tên lửa V. I. Sébacốp, là người đã được tặng thưởng Huân chương Lênin, các trắc thủ bám sát mục tiêu bằng tay - Lôbôđa, Prôkhôrốp, Mennhisúc, các kỹ thuật viên cao cấp G. A. Ivanốp, N. É. Baculin, trưởng ban R. A. Cadacốp, chỉ huy trưởng khẩu đội bộ phóng V. P. Côraxép, là những người đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, các kỹ sư V. E. Muraviép, G. M. Êphrêmốp, trạm trưởng trạm trinh sát và chỉ thị mục tiêu A. V. Guxép, họ đã được tặng thưởng các Huân chương Sao đỏ.

Đó là những đầu tàu thực sự trong công việc của mình. Bằng lao động ngoan cường, bằng sự cần mẫn và bằng lòng dũng cảm của mình họ đã đạt đến những đỉnh cao nhất của nghệ thuật chiến đấu. Tấm gương của họ với tinh thần quên mình phục vụ Tổ quốc, cũng như tấm gương của nhiều chiến sĩ khác, của hạ sĩ quan và các sĩ quan khác trong trung đoàn chúng tôi đã cổ vũ và sẽ cổ vũ những thế hệ chiến sĩ binh chủng phòng không đạt được những chiến công.

Công việc của các chuyên gia có trình độ cao là phải biết vận hành thành thạo và khai thác kỹ thuật tên lửa phòng không hiện đại và rất phức tạp, là duy trì kỹ thuật ấy luôn luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, và trên cơ sở ấy thực hiện đầy đủ tất cả mọi khả năng chứa đựng trong kỹ thuật ấy. Cần hướng tới mục tiêu ấy, cần thường xuyên hoàn thiện các kiến thức và những kỹ năng của mình trong mọi hoàn cảnh.

Cuối cùng tôi muốn dẫn ra đây những lời cảm ơn các chuyên gia quân sự Liên Xô vào ngày chúng tôi lên đường trở về Tổ quốc. Đó là những câu nói của Thiếu tá Nguyễn Nùng (Hryeh Hyhr), sĩ quan chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không 274 Quân đội nhân dân Việt Nam do chúng tôi đào tạo và huấn luyện: "Chúng tôi sẽ không bao giờ quên những nỗ lực của các đồng chí trong quá trình huấn luyện trung đoàn chúng tôi. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên những trận chiến đấu do chúng ta cùng nhau tiến hành, trong đó các chiến sĩ Xôviết và các chiến sĩ

Việt Nam đã kề vai sát cánh chiến đấu. Chúng tôi học tập ở các đồng chí tinh thần ngoan cường trong công việc, lòng dũng cảm và táo bạo trong chiến đấu. Chúng ta đã mãi mãi trở thành những người bạn chiến đấu. Chúng tôi sẽ mãi mãi biết ơn nhân dân Liên Xô vì sự giúp đỡ mà các đồng chí đã dành cho chúng tôi”.

Tháng 4-2003

\*\*\*

# THIẾU TƯỚNG CANAÉP VLACHEXLÁP MIKHAILÔVÍCH, Giáo sư, Phó tiến sĩ khoa học quân sự.

Ông sinh ngày 5-7-1939 tại thành phố Giêledônôđarôgiơnui thuộc tỉnh Mátxcova. Năm 1957 ông tốt nghiệp lớp 10 phổ thông và vào học tại trường Kỹ thuật vô tuyến điện Goócki của Binh chủng phòng không và đã tốt nghiệp trường này năm 1960. Tiếp sau đó, ông phục vụ trong quân ngũ tại Quân đoàn phòng không Leningrát (Quân đoàn độc lập số 6): là kỹ thuật viên hệ thống, sĩ quan điều khiển tên lửa, phân đội trưởng..

Từ tháng 3 đến tháng 11-1966 ông tham gia chiến đấu tại Việt Nam với chức vụ sĩ quan điều khiển tên lửa - sĩ quan chỉ huy Đại đội 1 của Tiểu đoàn tên lửa số 1 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không số 5 của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Năm 1973, ông tốt nghiệp Học viện sĩ quan Binh chủng phòng không mang tên Giucốp và được bổ nhiệm làm Tham mưu trưởng Trung đoàn tên lửa phòng không thuộc Quân khu phòng không Mátxcova.

Từ năm 1974 đến năm 1981, ông chỉ huy trung đoàn tên lửa phòng không, sau đó là sĩ quan cấp cao trong Cục tác chiến của Quân khu phòng không Mátxcova.

Từ năm 1981 đến năm 1983, ông theo học tại Viện Hàn lâm quân sự của Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô.

Từ năm 1983 đến năm 1988 ông là Cục phó Cục tác chiến Quân khu phòng không Mátxcova. Từ năm 1988 đến nay ông là giảng viên Viện Hàn lâm quân sự của Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Nga, giáo sư bộ môn không quân.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, Huân chương Vì sự phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô hạng III và được tặng thưởng 13 huy chương trong đó có Huy chương Hữu nghị do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trao tặng.

# KHẨU ĐỘI CHIẾN ĐẤU CỦA CHÚNG TÔI

Tháng 12-1965, tôi được triệu tập đến gặp Trưởng phòng tổ chức của Lữ đoàn tên lửa phòng không để trao đổi. Trong 4 năm tôi đã phục vụ với chức vụ sĩ quan điều khiển tên lửa tại một trong số các tiểu đoàn của lữ đoàn này. Trong lúc trao đổi về triển vọng phục vụ trong quân ngũ, vị Trưởng phòng cán bộ đã đề xuất với tôi tham gia đợt thi tuyển người đi công tác nước ngoài, đến một nước có khí hậu nóng ẩm.

Sau này mới được biết, từ các đơn vị thuộc lữ đoàn này người ta đã thành lập một khẩu đội chiến đấu của tiểu đoàn, với quân số rất hạn chế. Vào tháng 1 và tháng 2-1966, với quân số như vậy, chúng tôi đã chuẩn bị cho chuyến công tác ấy, đã nghiên cứu những đặc điểm của các phương tiện kỹ thuật do Liên Xô cung cấp cho các nước khác. Vào tháng 3 chúng tôi được thông báo rằng chúng tôi được cử đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để giúp đào tạo các khẩu đội cho các tiểu đoàn tên lửa phòng không của Việt Nam.

Đầu tháng 4 chúng tôi đáp máy bay đến Việt Nam và hạ cánh tại sân bay Gia Lâm. Chúng tôi lập tức được đưa đến Trung tâm huấn luyện trong rừng, cách Hà Nội không xa. Trung tâm huấn luyện này gồm những ngôi nhà nhỏ để ở được làm bằng tre nứa và được trang bị kỹ lưỡng: những khu hậu cần và các lớp học. Về sau, sau khi tiếp nhận các phương tiện kỹ thuật, thì đây cũng là nơi triển khai các bộ khí tài tên lửa phòng không để phục vụ việc nghiên cứu phần máy móc và huấn luyện thao tác chiến đấu. Tại Trung tâm huấn luyện này người ta nghiêm cấm việc phát sóng. Vì vậy, công việc huấn luyện thao tác chiến đấu được tiến hành bằng phương pháp mô phỏng. Bất chấp những điều kiện khí hậu khác lạ - độ ẩm cao - và thời gian học trong ngày bị kéo dài, nhưng đội ngũ các giảng viên đã cố gắng hết sức mình để đào tạo cho được các khẩu đội tên lửa của Quân đội nhân dân Việt Nam. Giờ lên lớp diễn ra từ sáng đến chiều tối, có 2 giờ nghỉ giải lao vào buổi trưa nóng nực của khí hậu Việt Nam.

Phải biểu dương khả năng làm việc tuyệt diệu của các chiến sĩ, hạ sĩ quan và các sĩ quan trong khẩu đội Việt Nam. Mặc dù trình độ hiểu biết chung trong lĩnh vực kỹ thuật vô tuyến và kỹ thuật điện còn yếu, song bằng con đường tự học sau ngày học tập kéo dài, họ đã biết tự bồi dưỡng khá tốt cho khâu thực hiện thao tác chiến đấu và bảo trì khí tài với khối lượng công việc tương ứng với chức trách của mình. Tôi cho rằng trong việc đạt được những kết quả ấy có công của các đồng chí của tôi: N. Gôvôrukhin, V. Lupencốp, Iu. Bôn xốp, V. Gu lơ, V. Uốcban, G. Mixiucốp, Iu Cắctônôgiơcô và sĩ quan Việt Nam chỉ huy tiểu đoàn tên lửa này là Thiếu tá Huấn (Xyah)

Một khối lượng lớn công việc đã trút lên vai những phiên dịch viên. Cho đến nay tôi vẫn nhớ đôi mắt chăm chú và hiền hậu của đồng chí phiên dịch tên Tuyên (Tyeh), là người mà tôi đã cùng làm việc tại Trung tâm huấn luyện và cả tại các trận địa chiến đấu. Đồng chí ấy là mắt xích chính trong việc giao tiếp giữa chúng tôi với các đồng chí Việt Nam. Bởi vì điều rất quan trọng là không đơn giản chỉ phiên dịch những gì huấn luyện viên giảng, mà còn phải tin chắc rằng học viên đã hiểu đúng mọi điều. Vấn đề này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đào tạo sĩ quan điều khiển tên lửa. Do vậy, người phiên dịch chỉ làm việc với tôi. Anh ấy có một ước mơ thầm kín là được sang nước Nga. Đáng tiếc, tôi không biết ước mơ đó đã tác thành sự thật hay chưa.

Sau thời gian được đào tạo và huấn luyện tại Trung tâm huấn luyện, tiểu đoàn tên lửa được triển khai trên một trận địa được xây dựng từ trước về phương diện kỹ thuật. Trong giai đoạn thứ hai của quá trình đào tạo, nhiệm vụ chủ yếu của chúng tôi là huấn luyện các khẩu đội tiến hành thao tác chiến đấu có bắn đạn thật.

Trong giai đoạn này, thao tác chiến đấu do khẩu đội các huấn luyện viên Liên Xô đảm nhiệm, còn khẩu đội chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam thì có mặt ngay cạnh các “thầy giáo” của mình. Giai đoạn hai kéo dài một tháng rưỡi.

Trong giai đoạn ba các trắc thủ của các khẩu đội Việt Nam thực hiện các thao tác chiến đấu dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia Liên Xô.

Thời gian biểu trong ngày của chúng tôi căn cứ vào hoàn cảnh thực tế. Thức dậy khi trời còn



tối. Đội ngũ tiểu đoàn và các huấn luyện viên tiến hành kiểm tra và hiệu chỉnh các thông số chiến đấu trước khi trời sáng - kiểm tra và hiệu chỉnh những thông số có ảnh hưởng lớn nhất đến độ chính xác của việc tác xạ. Khi trời hửng sáng - mà trời hửng sáng cũng nhanh như khi hoàng hôn ập tới - thì phải kiểm tra xong thông số cuối cùng: độ đồng bộ của các ăng-ten với các bộ phóng, và bộ khí tài phải trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Sau đó mọi người ăn sáng và trong khi chờ máy bay địch đến oanh tạc, chúng tôi vẫn tiếp tục huấn luyện cho các khẩu đội Việt Nam.

Ngay trước khi đơn vị ra trận địa chiến đấu thì sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn tên lửa của chúng tôi lâm bệnh nặng. Đồng chí ấy được cấp tốc chuyển về Liên Xô, và sĩ quan chỉ huy Đại đội 1 là Đại úy Alếchxanđơ Páplôvích Gladúsép được bổ nhiệm làm chỉ huy tiểu đoàn. Anh là một sĩ quan trẻ 27 tuổi, có trình độ, ngay từ trước khi được điều sang Việt Nam công tác, đồng chí ấy đã được nhận phần thưởng của Chính phủ - Huân chương Sao đỏ vì đã thành công trong việc chinh phục kỹ thuật mới. Trong chiến đấu mới bộc lộ đầy đủ nhất những phẩm chất của đồng chí ấy.

Khả năng tính toán và trình độ hiểu biết giỏi của Đại úy Gladúsép đã được chứng minh qua trường hợp sau. Có một lần, vào ban đêm tiểu đoàn tên lửa bị đặt vào tình trạng báo động và đã phát hiện thấy mục tiêu đang tiến đến gần cơ sở được bảo vệ. Điều kiện xạ kích thật lý tưởng - độ cao tối đa (6 km), tốc độ không lớn, nhưng chính điều đó đã khiến cho đồng chí Alếchxanđơ Páplôvích phải cảnh giác. Đồng chí đã không phát lệnh khai hoả. Sau vài giây mới vỡ lẽ rằng đây là chiếc máy bay bừa chính do Trung Quốc sản xuất. Nó không được trang bị hệ thống máy nhận dạng. Trực giác và kinh nghiệm của sĩ quan chỉ huy đã cứu đội bay và chiếc máy bay ấy khỏi bị tử vong.

Sau những tổn thất lớn, đặc biệt vào ngày 7-8-1966 - mà người Mỹ gọi là “Ngày chủ nhật đen tối” - bộ chỉ huy của Mỹ đã chấm dứt các cuộc oanh tạc nhằm vào các mục tiêu ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiểu đoàn tên lửa chúng tôi đã 8 lần phóng tên lửa và tiêu diệt được 6 máy bay địch với 15 quả tên lửa được phóng đi.

... Trận đánh đầu tiên của chúng tôi là trận đánh rất tiêu biểu. Trận đánh ấy đáng chú ý, ít ra cũng bởi vì chúng tôi đã bắn rơi chiếc máy bay địch thứ 1300 mang ý nghĩa như một “mốc ghi nhớ”. Quỹ đạo bay của nó, so với vị trí của trận địa tiểu đoàn chúng tôi, có thông số lớn, nghĩa là chiếc máy bay ấy ở cách khá xa và chỉ lọt vào tầm bắn trong một khoảng thời gian rất ngắn. Sau này, khi nghiên cứu bản đồ của tên phi công bị bắt làm tù binh mới rõ là máy bay của y phải oanh tạc vào tiểu đoàn tên lửa hàng xóm của chúng tôi lúc ấy đang tiến hành những công việc bảo trì theo quy định. Xuất phát từ các điều kiện xạ kích thì, ở cuối đường bay quả tên lửa được dẫn đường hầu như đuổi theo sau chiếc máy bay ấy. Cho nên khi nổ, quả tên lửa đã phá hủy phần đuôi của nó, vì thế rõ ràng đã làm thay đổi hướng di chuyển của máy bay. Chiếc máy bay ấy bị mất điều khiển, với phần đuôi bốc cháy, bắt đầu lao về hướng tiểu đoàn chúng tôi. Tên phi công đã nhảy dù cách không xa trận địa chúng tôi và bị bắt làm tù binh.

Thế là xảy ra một trường hợp tức cười. Sĩ quan chỉ huy khẩu đội bộ phóng, khi thấy cảnh tượng như vậy liền báo về sở chỉ huy tiểu đoàn

- Tên lửa đã bay ngược lại và đang lao về hướng chúng ta!

Trên một khoảng cách rất xa nên đồng chí ấy tưởng chiếc máy bay đang bốc cháy là quả tên lửa.

Vì chiếc máy bay bị bắn rơi ấy mang tính chất “mốc ghi nhớ”, cho nên buổi tối hôm ấy ban lãnh đạo của tỉnh sở tại đã đến trận địa và tặng quà cho chúng tôi: một chiếc máy thu thanh, trái cây và một sọt dừa. Những vị khách mới tới cho biết dân chúng tỉnh họ lần đầu tiên, ở khoảng cách gần như vậy đã nhìn thấy các tên lửa Liên Xô bắn rơi máy bay Mỹ như thế nào. Điều đó củng cố niềm tin của mọi người vào thắng lợi của Việt Nam. Chúng tôi đã ăn những quả dừa, còn những tặng phẩm khác thì được trao lại cho khẩu đội Việt Nam.

Tôi muốn nhớ lại với sự cảm ơn các chiến sĩ và hạ sĩ quan Liên Xô ngày ấy đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và không có một lời kêu ca nào về những điều kiện sinh hoạt. Những người đặc biệt gần gũi đối với tôi là những trác thủ vận hành máy theo dõi mục tiêu bằng tay. Thao tác

của họ quyết định rất nhiều: độ chính xác và tính chất nhịp nhàng trong thao tác bám sát mục tiêu, cũng tức là nghệ thuật dẫn đường cho tên lửa, tài khéo léo không để mất mục tiêu giữa những luồng sóng nhiễu, phát hiện và phản ứng trước sự cơ động của mục tiêu, phát hiện kịp thời việc máy bay địch phóng tên lửa "Sraico" chống ra đa và nhiều yếu tố khác.

Hạ sĩ Vladimira Trécncô, trắc thủ tính khoảng cách, mấy ngày trước hôm ra trận địa, đã bị con rết độc cắn vào chân. Chân của đồng chí ấy sưng vù, cho nên người ta đã phải đưa đồng chí ấy vào quân y viện. Chẳng có ai thay thế vào vị trí của đồng chí ấy. Chúng tôi chỉ có một khẩu đội, không có đồng chí ấy thì tiểu đoàn không thể phóng tên lửa được.

Vladimira hiểu rõ điều đó và đã thuyết phục các bác sĩ chấp nhận cho anh chữa trị ngoại trú. Trong suốt 3 tháng trời bệnh tình của đồng chí ấy đã mấy lần kịch phát, nhưng cho đến ngày lên đường về Liên Xô đồng chí ấy đã không rời vị trí chiến đấu của mình, thao tác chính xác và làm tất cả những gì có thể để đạt thắng lợi trong các trận đánh.

Trắc thủ phụ trách điều chỉnh góc phương vị Misa Lôđốpki, người Lêningrát, là biểu tượng của sự bình tĩnh. Có cảm tưởng rằng nói chung đồng chí ấy không thể mắc sai sót nào trong những tình huống hết sức căng thẳng. Và đúng là đồng chí ấy đã không mắc sai sót nào.

Trắc thủ phụ trách góc định vị V. Têrenchiép thì tính nết lại hoàn toàn trái ngược với các đồng chí của mình - dễ bị kích động, nhưng vị trí làm việc của anh ấy lại ở bên cạnh tôi, và nhờ cùng nhau làm việc nên chúng tôi đã tránh được các sai sót.

Chính phủ Liên Xô đã đánh giá cao lao động của họ trong chiến đấu. Tất cả các trắc thủ vận hành máy theo dõi mục tiêu bằng tay đều được tặng thưởng các huân chương và huy chương của Liên Xô: V. Trécncô và M. Lôđốpki đã được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ, còn V. Têrenchiép được tặng Huy chương Chiến công.

Xin nói đôi lời về sự hợp tác giữa chúng tôi với khẩu đội Việt Nam trong chiến đấu. Phải nói rõ ràng vào thời kỳ đất nước còn nhiều gian khổ ấy, phía Việt Nam đã làm tất cả những gì có thể để đảm bảo sinh hoạt cho chúng tôi cũng như để chúng tôi hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ được đề ra tại trận địa.

Dần dần, nhờ kết quả công việc hợp tác với các đồng chí Việt Nam, nên thái độ của phía Việt Nam đối với chúng tôi đã thay đổi. Theo tôi nghĩ, thái độ ấy đã có bước ngoặt hoàn toàn do ảnh hưởng của một trường hợp tưởng chừng không quan trọng.

Như đã biết, chúng tôi phải thường xuyên thay đổi các trận địa hỏa lực. Nhiệm vụ này hoàn toàn do khẩu đội Việt Nam đảm nhiệm. Có một lần, vào ban đêm khi đã kết thúc công việc nặng nhọc là thu dọn bộ khí tài tên lửa, chúng tôi phát hiện thấy các đồng nghiệp Việt Nam đã mệt nhào đang vây quanh chiếc rơmoóc chở bộ ăngten. Họ không thể nào đưa chiếc rơmoóc ấy từ trận địa ra đến đường. Lúc ấy khẩu đội của chúng tôi - cả sĩ quan, cả anh em chiến sĩ gồm có 6-7 người đã nhất tề bắt tay vào và đẩy chiếc rơmoóc ấy, sau đó cùng với các đồng chí Việt Nam chúng tôi đã nhanh chóng sửa soạn khí tài để di chuyển địa điểm. Khi ấy chúng tôi thấy trong mắt họ ánh lên niềm ngạc nhiên và thái độ biết ơn về sự giúp đỡ.

Không thể không nêu ra đây một chi tiết nữa. Trong lúc tiến hành thao tác chiến đấu tôi để ý thấy các học viên của tôi, các sĩ quan người Việt phụ trách dẫn đường cho tên lửa thuộc khẩu đội Việt Nam, đang tiến rất gần về phía tôi và do đó đã vô tình cản trở thao tác chiến đấu của tôi. Lúc đầu tôi tưởng rằng họ không nhìn thấy rõ tất cả, nên cố gắng đến gần tôi để nhìn rõ hơn. Về sau tôi mới hiểu ra rằng không phải thế - dĩ nhiên, tôi đã không giữ bí mật gì về các phương pháp thao tác. Tôi đã nhờ người phiên dịch làm rõ điều hiểu nhầm ấy. Sau đó mọi chuyện đã được làm rõ. Hóa ra, các học viên ấy đã được lệnh phải bảo vệ để không một huấn luyện viên Liên Xô nào bị nạn trong khi máy bay địch oanh tạc. Vì vậy trong thời gian diễn ra trận đánh họ đã lấy thân mình để bảo vệ chúng tôi. Còn ở tiểu đoàn bên cạnh thì trong thời gian máy bay địch oanh kích đã làm hư hỏng một bộ phóng tên lửa. Do vậy một trung sĩ huấn luyện viên Liên Xô đã lao vào sửa chữa chỗ hư hỏng. Khẩu đội Việt Nam đã đuổi kịp trung sĩ Liên Xô ấy và lấy thân mình che đỡ cho người trung sĩ kia. Đã có 5 chiến sĩ Việt Nam bị thương, còn trung sĩ Liên Xô ấy thì hoàn toàn không bị một vết xây xát nào.

Nói chung cần nêu lên tinh thần dũng cảm tuyệt vời và thái độ không hề run sợ của các

chiến sĩ và sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Chính ý nguyện cháy bỏng của họ muốn bằng mọi cách bắn rơi máy bay địch ngay cả khi bản thân họ gặp nguy hiểm, - chính ý nguyện ấy nhiều khi đã giúp họ chiến thắng trong chiến đấu. Cuối cùng thì bằng những nỗ lực hy sinh quên mình của toàn thể dân tộc, Việt Nam đã bảo vệ được nền độc lập của mình và giành được chiến thắng đầy thuyết phục trước bọn xâm lược Mỹ, xua tan huyền thoại về sức mạnh quân sự không gì phá vỡ nổi của Hoa Kỳ. Tôi tự hào vì trong việc giành thắng lợi ấy đã có phần nhỏ sự lao động chiến đấu của tôi.

Mátxcova, 2003

\*\*\*

# THIẾU TÁ SÊLÔMUTÔP GHENADI IACÔPLÊVÍCH

Ông sinh ngày 9-3-1940 ở Crônstát.

Năm 1960 ông tốt nghiệp trường Kỹ thuật quân sự Pribantích của Binh chủng phòng không Liên Xô. Ông đã trải qua thời gian phục vụ trong quân ngũ tại Quân đoàn độc lập số 4 của Binh chủng phòng không, với chức vụ chỉ huy trưởng trung đội bộ phóng, về sau chỉ huy đại đội bộ phóng Trung đoàn tên lửa phòng không 250, Quân đoàn Brianxơ thuộc Quân khu phòng không Mátxcova.

Từ tháng 3-1966 đến tháng 4-1967 ông đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam, trong đội ngũ trung đoàn tên lửa.

Năm 1972 ông tốt nghiệp Viện Hàn lâm quân sự pháo binh mang tên Đgiécginxki tại Mátxcova và tiếp tục phục vụ tại trạm trắc đạc mặt đất thuộc Tổ hợp chỉ huy trắc đạc tại thành phố Iêccút. Từ năm 1976 đến năm 1990 ông là Kỹ sư trưởng Bộ môn thu tín hiệu quân sự thuộc Viện Nghiên cứu khoa học liên lạc vô tuyến.

Ông được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ và 14 Huy chương, trong đó có Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# MỌI NGƯỜI ĐỀU CHO RẰNG ĐIỀU ĐÓ KHÔNG BAO GIỜ CÓ THỂ XẢY RA

Từ thành phố Brianxơ, Trung đoàn tên lửa phòng không 260 thuộc Quân khu phòng không Mátxcơva của chúng tôi đã tới Việt Nam vào tháng 3-1966, nghĩa là 8 tháng sau ngày các bộ khí tài tên lửa phòng không của Liên Xô được sử dụng lần đầu tiên để bảo vệ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước đó, các máy bay Mỹ thực hiện các chuyến tập kích từ độ cao lớn cả ngày lẫn đêm, trong mọi thời tiết. Đối với các phi công Mỹ, những loạt tên lửa phòng không đầu tiên khai hỏa là một sự bất ngờ hoàn toàn. Các tên lửa đã buộc máy bay Mỹ bay gần mặt đất hơn, nhưng đến khi trung đoàn chúng tôi đến nơi thì các máy bay Mỹ cũng đã học được cách tác chiến:

1. Chúng bắt đầu bay ở tầm thấp và chỉ vào thời gian còn sáng trong ngày, vào tiết trời có nắng, bay sát vùng núi để khi thấy tên lửa được phóng ra thì kịp thời lẩn trốn sau các dãy núi. Tình hình này gây phức tạp rất nhiều cho việc xạ kích, vì các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 không có khả năng bắn vào các mục tiêu bay thấp, mặc dù trong quá trình sử dụng tại Việt Nam nó đã được cải tiến để có tầm bắn thấp hơn.
2. Trên các máy bay có bố trí hệ thống tín hiệu cảnh báo cho phi công biết đã lọt vào tầm phủ sóng của trạm theo dõi mục tiêu và dẫn đường cho tên lửa và về hoạt động của trạm phát sóng truyền lệnh sau khi tên lửa được phóng đi.
3. Các máy bay Mỹ bắt đầu sử dụng rộng rãi các tên lửa tự tìm mục tiêu "Sraico" bay theo hướng sóng phát ra tối đa, tức là hướng vào ăngten phát sóng của đài điều khiển tên lửa. Thông thường máy phát sóng này nằm ở trung tâm trận địa tên lửa phòng không.
4. Mỹ bắt đầu sử dụng bom bi nhằm mục đích sát thương hàng loạt.
5. Song song với việc sử dụng các loại bom phá thông thường, Mỹ còn sử dụng rộng rãi các tên lửa không được điều khiển "Bunpap".
6. Trong trường hợp phát hiện thấy trận địa tên lửa phòng không thì các phi công được quyền không thực hiện nhiệm vụ của cuộc oanh tạc đã định để thực hiện các đòn oanh kích từ trên không vào trận địa của tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Nhiệm vụ của các chuyên gia quân sự Liên Xô (đó là tên gọi lúc bấy giờ của chúng tôi) là đào tạo và huấn luyện đội ngũ Trung đoàn tên lửa phòng không 274 của Quân đội nhân dân Việt Nam đủ khả năng độc lập đánh trả các cuộc tấn công của máy bay Mỹ vào lãnh thổ Bắc Việt Nam. Trung đoàn 274 chỉ vừa mới được thành lập. Người được bổ nhiệm làm sĩ quan chỉ huy của trung đoàn này là Thiếu tá Nùng (Hyhr). Đồng chí Nùng đã tốt nghiệp loại giỏi Viện Hàn lâm thông tin quân sự tại Leningrát và nói thạo tiếng Nga.

Sau khi đến Việt Nam, trong suốt 2 tháng chúng tôi đã lên lớp huấn luyện cho các khẩu đội Việt Nam nắm vững hoạt động của máy móc trong bộ khí tài. Đến thời điểm này các phương tiện chiến đấu cũng được chở từ Liên Xô đến. Chúng tôi đã triển khai các phương tiện kỹ thuật chiến đấu ấy để phục vụ tác chiến.

Các trận địa không được xây dựng theo bài bản kỹ thuật. Do vậy, về cơ bản đã phải triển khai khí tài chiến đấu trên những khoảnh đất nằm giữa các đồng lúa, ở rìa các ngôi làng và thị tứ, đôi khi trực tiếp trên những diện tích từng là nền các ngôi nhà đã bị các trận bom phá hủy. Nhiều khi chúng tôi không có khả năng triển khai tất cả 6 bộ phóng, vì chỉ đủ chỗ cho 3-4 bộ phóng mà thôi.

Trong suốt một tháng bản thân chúng tôi đã phải ngồi đằng sau các bảng điều khiển, còn các chiến sĩ Việt Nam thì ngồi bên cạnh và quan sát các thao tác của chúng tôi để tích lũy kinh nghiệm khai hỏa trong chiến đấu. Sau đó, các đồng chí Việt Nam ngồi vào các bảng điều khiển, còn chúng tôi đứng phía sau lưng để kiểm tra các thao tác của họ. Công việc này tiếp diễn suốt 3-4 tháng liền.

Theo đà tích lũy kinh nghiệm chiến đấu của các đồng chí Việt Nam, các chuyên gia quân sự Liên Xô, theo từng tốp nhỏ đã dần dần trở về nước. Sau cùng, trong trung đoàn này chỉ còn lại

một tổp nhỏ của Kỹ sư trưởng Thiếu tá A. Ia. Pêtorốp gồm 11 người. Trong nhóm này có các chuyên gia thuộc mọi hệ thống. Họ khắc phục những hỏng hóc mới phát sinh, hiệu chỉnh và kiểm tra các hệ thống sau khi thay đổi trận địa.

Chúng tôi luôn luôn sống trên xe. Các trận địa phải luôn thay đổi - sau. mỗi lần phóng tên lửa chiến đấu. Những trận địa bị các phi công Mỹ phát hiện thấy thì sang ngày hôm sau, có khi chỉ sau vài giờ, thế nào cũng bị ném bom ồ ạt. Vì vậy sẽ rất nguy hiểm nếu ở lại trận địa cũ.

Trong trung đoàn tên lửa phòng không, tiểu đoàn chúng tôi dưới sự chỉ huy của Thiếu tá I. V. Vôlôđin, là tiểu đoàn đầu tiên xung trận.

Sự việc này diễn ra vào tháng 5-1966 khi chúng tôi triển khai trận địa chiến đấu tại khu vực gần Hà Nội, để bảo vệ thành phố này chống lại những cuộc tấn công từ trên không. Điều kiện địa hình ở đó chỉ cho phép chúng tôi triển khai 3 bệ phóng.

Cuộc oanh kích bắt đầu diễn ra sau bữa ăn trưa. Lúc ấy trời nắng, không khí khô ráo, tầm nhìn rất tốt. Các trắc thủ vận hành các thiết bị đã kịp thời phát hiện trên màn hình những mục tiêu bay thấp. Khi các mục tiêu này lọt vào tầm bắn thì chúng tôi phát lệnh phóng 2 tên lửa. Vụ phóng tên lửa diễn ra cách dãy núi không xa. Vì vậy, sau khi thực hiện động tác cơ động tránh tên lửa, các phi công Mỹ đã kịp lẩn vào phía sau dãy núi. Thế là chúng tôi bị mất không 2 quả tên lửa.

Sau khi tên lửa được phóng đi, phía sau đuôi của tên lửa hình thành một cột bụi cao tới 25 - 30 m. Đối với các phi công đây là vật định hướng rõ nhất để chúng ngắm vào mục tiêu khi thả bom. Thế là có 3 máy bay lao theo hướng này. Máy bay thứ hai thả 5 quả bom phá. Chiếc thứ nhất chắc hẳn đã điều chỉnh hướng ném bom cho những máy bay bay phía sau nó. Quả bom thứ nhất rơi đúng vào cột bụi, tạo ra một cái hố có độ sâu 7 - 8 mét, với đường kính khoảng 15 m. Những quả bom còn lại đã tạo thành một hố dọc có tổng chiều dài 75 m. Một khối lượng đất rất lớn bị hất tung lên không trung, rồi sau đó từ không trung đổ ập xuống chúng tôi. Đúng là cảnh tượng mà tôi đã có lần được nhìn thấy trong phim: một vụ nổ vào thời bình nhằm mục đích xây con đập của nhà máy thủy điện.

Vào đúng lúc ấy từ phía đài điều khiển tên lửa vang lên lệnh đưa tên lửa tới và nạp các quả tên lửa mới vào bệ phóng. Từ các ca bin điều khiển của đài không thể thấy được những gì đang diễn ra ở bên ngoài. Chỗ vốn là đường đã hình thành một cái hố lớn sâu hơn 7m. Để xe chở được tên lửa đến và nạp tên lửa vào bệ phóng thì cần làm mới một đoạn đường dẫn vào trận địa.

Chúng tôi vẫn còn gặp may, vì gió đã kịp thổi cột bụi dạt sang phía khác, cách trận địa 50 mét sau khi các tên lửa được phóng đi, bấy giờ các phi công Mỹ mới phát hiện thấy cột bụi ấy. Nếu lúc ấy không có gió thổi thì có lẽ đã không còn chúng tôi và cũng chẳng còn phần vật chất nào của bộ khí tài tên lửa.

Tại một bệ phóng đã xuất hiện một sự hỏng hóc. Phải khắc phục sự trục trặc này trong một hoàn cảnh căng thẳng. Có nguy cơ lặp lại cảnh tượng vừa xảy ra, vì trời còn sáng, các máy bay có thể quay trở lại bất cứ lúc nào và ném bom lần nữa. May thay, điều đó đã không xảy ra.

Sau khi quan sát các hố bom và nhận thức về mọi sự việc vừa xảy ra, chúng tôi nghĩ rằng cái chết đang ở gần kề chúng tôi, và điều có thể dễ xảy ra nhất là cái chết có thể đến với chúng tôi ngay sau khi tên lửa được phóng đi, khi chúng tôi không còn các phương tiện nguy trang, để lộ mình ra và trở thành mục tiêu thực sự và rất hấp dẫn đối với các phi công Mỹ.

Ba giờ sau sĩ quan chỉ huy trung đoàn, Trung tá V. V. Phêđorốp đến trận địa chúng tôi. Sau khi xem xét cảnh trận địa bị ném bom, ông bảo rằng chúng tôi đã gặp vận may.

Ở Việt Nam sau khi mặt trời lặn trời tối rất nhanh. Điều này có lợi cho chúng tôi - chúng tôi chuyển khí tài vào tư thế hành quân, rời khỏi trận địa và ngay đêm ấy di chuyển đến trận địa mới. Sau này, sau mỗi lần bắn tên lửa, chúng tôi nhất thiết phải thay đổi trận địa chiến đấu.

Về sau những lần phóng tên lửa tác chiến đối với chúng tôi - các quân nhân - đã trở thành công việc thường nhật thực sự. Bản thân chúng tôi cũng phải ném trái những tên lửa tự tìm mục tiêu do các phi công Mỹ sử dụng, tên lửa kiểu "Sraico", loại chứa các mảnh, cũng như loại

chứa các viên bi.

Trong tiểu đoàn tên lửa do Thiếu tá X. T. Vôrôbiốp chỉ huy, sau khi phóng tên lửa vào mục tiêu, trắc thủ bám sát mục tiêu bằng tay V. C. Mennhisúc đã phát hiện thấy trên màn hình có vật “loé sáng” ở mục tiêu và một chấm di động tách khỏi mục tiêu. Đồng chí ấy lập tức báo cáo với chỉ huy:

- Tôi phát hiện thấy tên lửa “Sraico”? Nó lao về hướng chúng ta.

Trong khi người ta còn đang phải thông qua người phiên dịch giải quyết với ban chỉ huy Việt Nam vấn đề ngừng phát sóng thì quả tên lửa “Sraico” đã kịp bay tới đài điều khiển tên lửa. Lúc này sĩ quan điều khiển tên lửa, Trung úy Vadim Sébacốp đã tự ra quyết định và chuyển sóng ăngten sang hướng khác. Chỉ sau có 5 giây đã phát ra một tiếng nổ. Trong cabin “P”, nơi có cột ăngten phát sóng, sức nổ đã làm bật tung cánh cửa và mảnh tên lửa đã giết chết trắc thủ Việt Nam. Những cái cây mọc cạnh cabin này đã bị các mảnh của tên lửa “Sraico” phạt ngang như bị cưa đứt. Chiếc lều bạt mà trước đó là nơi ăn ngủ của cả đại đội thì chỉ còn lại những mảnh bạt bị xé thành những mảnh to bằng chiếc khăn tay. Các chuyên gia quân sự Liên Xô đã gặp may: tất cả họ đều không việc gì.

Trong trường hợp tên lửa “Sraico” có chứa các viên bi nổ tung thì những viên bi ấy bắn toé ra khắp trần đĩa tên lửa, cắm vào các tên lửa đang nằm trên các bệ phóng. Đầu đạn của tên lửa nặng 200 kg sẽ nổ cùng với phần thân chứa chất ôxi hóa và nhiên liệu, sức nổ sẽ kích nổ những quả tên lửa nằm trên các bệ phóng khác. Tất cả những vật bằng kim loại sẽ biến thành những mảnh vụn méo mó giống như vỏ chiếc đàn phong cầm. Nhiên liệu trong tên lửa bén lửa và bốc cháy sẽ sinh ra hóa chất độc hại. Tôi xin thưa với độc giả rằng cảnh tượng ấy gây ra một cảm giác hoàn toàn không dễ chịu chút nào.

Chúng tôi cũng học được cách áp dụng những phương pháp đối phó với loại tên lửa “Sraico”. Khi phát hiện thấy tên lửa “Sraico” mà cột ăngten phát sóng đang hoạt động thì chúng tôi hướng ăngten của cabin “P” về hướng khác hoặc hướng lên phía trên. Tên lửa “Sraico” bay theo hướng phát sóng tối đa, vì vậy nó cũng quay về hướng khác hoặc hướng lên phía trên. Sau đó chúng tôi lập tức chấm dứt phát sóng ở ăngten của máy phát trong đài điều khiển tên lửa. Thế là tên lửa “Sraico” bị mất tín hiệu để tự tìm mục tiêu. Những cánh điều khiển hướng bay của nó bị kẹt lại bởi bộ nhớ, nó cứ bay tiếp trong tư thế đó, giống như loại tên lửa bình thường không có điều khiển và rơi cách trần đĩa tên lửa từ 1,5 km đến 2 km hoặc ở một khoảng cách tương tự phía sau trần đĩa. Bằng cách ấy, tuy bảo vệ được tiểu đoàn, nhưng chúng tôi đã uống phí những quả tên lửa đã phóng đi. Tự bản thân chúng tôi đã học được cách đối phó và huấn luyện cho các bạn Việt Nam cách đối phó với kẻ địch thực tế và có sức mạnh.

Chúng tôi cũng từng ném trái bom bi là thế nào. Có một lần máy bay Mỹ oanh kích ngôi nhà ở của chúng tôi. Chúng ném xuống một quả bom mẹ trong có chứa các trái bom bi. Ở độ cao 500 m cách mặt đất nó vỡ ra. Từ trong đó văng ra 300 “quả bom bi nhỏ” và rơi xuống mái nhà và xuống mặt đất chung quanh ngôi nhà. Khi rơi xuống đất, bị đập mạnh, những quả bom bi phát nổ, làm cho hàng trăm viên bi có đường kính 3-4 mm bắn tung toé về mọi phía. Tất cả những người có mặt trong ngôi nhà lúc ấy đều nằm rạp xuống sàn nhà. Những quả bom bi tiếp tục nổ trong vòng vài phút. Các viên bi đập vào cửa sổ, cắm vào tường nhà và trần nhà. Những quả bom bi nổ trên mái nhà thì không gây thương tích cho ai cả, vì ngôi nhà này có hai tầng. Những người có mặt ở ngoài ngôi nhà thì đã kịp ẩn nấp đằng sau những cột nhà ở phía sau bức tường thấp của hành lang. Thùng đựng nước uống đặt phía trước cột nhà thì đã biến thành chiếc thùng tưới, từ đó luồng nước trong veo chảy toé ra tứ phía. Sau trận bom này, trên đầu viên Trung úy 24 tuổi Nicôlai Baculin - là người đã có mặt ở bên ngoài ngôi nhà lúc xảy ra trận bom - đã xuất hiện mảng tóc bạc.

Có một nửa quả bom mẹ vỡ ra, với chiều dài 2100 mm và có đường kính 300 mm, cắm thẳng xuống đất ngay trước cửa ra vào của ngôi nhà, mặt lồi ra của nó hướng về phía chúng tôi. Khi mọi chuyện đã lắng yên, chúng tôi bắt đầu bước ra bên ngoài. Khi trông thấy nửa quả bom này, chúng tôi chạy bổ vào trong nhà vì tưởng đó là quả bom chưa nổ.

Sau khi nhận ra đó là quả bom rỗng, chúng tôi quyết định đặt nó dưới đệm giường của viên

chỉ huy tiểu đoàn để trêu đồng chí ấy. Đứng ở trận địa, viên chỉ huy tiểu đoàn đã nhìn thấy cấp dưới của mình bị ném bom như thế nào, và đồng chí ấy nghĩ rằng có thể nhiều người đã hy sinh. Nhưng, thật may mắn cho chúng tôi, mọi chuyện đã chấm dứt suôn sẻ. Khi viên chỉ huy tiểu đoàn từ trận địa về đến ngôi nhà, chúng tôi đã ra đón đồng chí ấy với bài hát: “Hãy còn sớm để chúng ta có thể chết, ở nhà chúng ta còn có nhiều việc cần làm...”. Khi nhìn thấy “vật lạ” ở dưới đệm giường mình, vị chỉ huy ấy đã phá lên cười cùng chúng tôi.

Sau một lần bị oanh tạc như vậy, một viên sĩ quan của chúng tôi - anh Xasa Guxép - đã sáng tác một bài ca chiến đấu phỏng theo điệu của bài hát nổi tiếng “Trên đỉnh cao không tên” trong bộ phim “Yên tĩnh”.

Tên lửa để lại một vết trên bầu trời  
Đã bao nhiêu lần rồi.  
Nhưng ai dù chỉ một lần  
Nhìn thấy cảnh những chiếc F-105 thả bom.  
Những hố bom trông giống những lòng chảo  
Ai cũng biết, không phải vô cớ  
Chúng tôi đứng chân giữa cảnh đổ nát  
Tại một cây cầu trên đất Thái Nguyên.  
Chúng tôi đã nếm trải sức tàn phá của tên lửa “Sraico”  
Những trái phá nổ ngay trên đầu  
Nhưng điều đó chỉ khiến chúng tôi  
Thân thiết nhau hơn,  
Vì không có tình bạn nào mạnh hơn  
Tình bạn chiến đấu...  
Không có tình bạn nào mạnh hơn  
Tình bạn giữa những người lính,  
Vì nó được tôi luyện như thép  
Trong cuộc chiến chống bầy giặc Mỹ  
Nơi cây cầu trên đất Thái Nguyên  
Chúng tôi sát cánh cùng những bạn Việt Nam  
Đứng vững trên con đường đó.  
Bạn gọi tôi là “tavaris”  
Còn tôi gọi bạn là “đồng chí”  
Tình anh em đó chính là  
Sự đảm bảo cho chiến thắng và cũng là ước mơ.  
Các đơn vị thuộc trung đoàn Brianxcơ  
Đã hun đúc nên niềm vinh quang  
Tại cây cầu trên đất Thái Nguyên.

Lời của bài hát ấy đã nói lên tất cả. Bài hát này đã trở thành bài ca truyền thống của trung đoàn tên lửa chúng tôi. Bài hát ấy cùng chúng tôi có mặt khắp nơi, nó vang lên trong tất cả những cuộc hành quân và trong tất cả mọi cuộc gặp gỡ với các bạn chiến đấu thuộc các tiểu đoàn khác của trung đoàn.

Vào thời gian ấy những cuộc bắn phá ồ ạt của không quân Mỹ vào các cơ sở chiến lược quan trọng của Bắc Việt Nam đã bắt đầu được tiến hành dưới sự yểm trợ của các loại hình thiết bị



gây nhiễu bằng sóng vô tuyến. Những thiết bị này được đặt trên các máy bay chuyên gây nhiễu. Đó là những máy bay ném bom chiến lược hạng nặng kiểu B-47 và B-52. Khi bay đi bay lại dọc theo biên giới Việt - Lào và Việt Nam - Campuchia, chiếc máy bay ấy tạo nhiễu để gây cản trở khiến các trạm radar điều khiển tên lửa của chúng tôi không phát hiện được mục tiêu. Trong điều kiện như vậy các máy bay Mỹ có thể thực hiện các phi vụ của mình mà không bị trừng phạt.

Để làm thất bại các kế hoạch chiến thuật của bọn Mỹ thì cần phải tiêu diệt chiếc máy bay gây nhiễu. Để làm việc này, mùa thu năm 1966 chúng tôi cùng đội ngũ của một tiểu đoàn thuộc trung đoàn chúng tôi đã tổ chức cuộc phục kích tại phía tây nam đường biên giới Việt - Lào, để đón chặn chiếc máy bay này tại nơi nó không ngờ sẽ gặp chúng tôi. Chúng tôi di chuyển bí mật vào ban đêm tắt đèn pha để tránh bị địch phát hiện. Sau khi thực hiện chuyển hành quân gian nan kéo dài vài trăm kilômét trên những con đường núi đầy hố bom, chúng tôi đã triển khai tiểu đoàn tên lửa phòng không của mình trong rừng rậm. Chúng tôi ngụy trang kỹ lưỡng các khí tài và bắt đầu chờ đợi.

Vào một ngày nọ chiếc máy bay gây nhiễu đã xuất hiện. Đó là chiếc RB-47, được tháp tùng bởi 10 chiếc máy bay tiêm kích ném bom kiểu F-105 và những máy bay cường kích kiểu A-4D. Chiếc máy bay RB-47 chứa đầy ắp các thiết bị máy móc vô tuyến, với đội bay đông khoảng 15 người, có giá rất đắt. Vì vậy nó được bảo vệ rất cẩn thận. Chúng tuyệt nhiên không thể ngờ sẽ chạm trán với chúng tôi ở cách xa mục tiêu oanh tạc của chúng.

Các trắc thủ tại đài điều khiển tên lửa đã chớp bắt được chiếc máy bay RB-47, sau đó đã phóng một loạt 3 quả tên lửa. Mục tiêu đã bị tiêu diệt. May mắn cho chúng tôi, trong cảnh hoảng loạn khi xảy ra trận đánh, các máy bay hộ tống bảo vệ chiếc RB-47 đã không phát hiện thấy chúng tôi, cho nên chúng đã thả bom xuống trận địa tên lửa giả của chúng tôi. Trận địa này đã được kịp thời ngụy trang đầy đủ, để bọn phi công tưởng đó là trận địa thật. Khi trời tối, chúng tôi đã thu dọn khí tài, đưa nó vào tư thế hành quân và lên đường quay trở về.

Vào đúng lúc chúng tôi tiêu diệt được chiếc máy bay gây nhiễu thì cuộc oanh tạc ồ ạt ở khu vực Hà Nội nhằm vào các cơ sở chiến lược và tại những khu vực khác của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn tiếp diễn. Các phi công Mỹ cho rằng mọi chuyện diễn ra theo đúng kế hoạch của chúng và chúng hoàn toàn được an toàn để tiến hành các phi vụ của mình mà không sợ các tên lửa phòng không nữa.

Thế là cả ở những khu vực này, do không còn có được sự yểm trợ của sóng gây nhiễu, nên chúng cũng đã tính toán rất sai lầm: các tiểu đoàn tên lửa đã hoạt động mạnh và trong ngày hôm ấy đã bắn rơi hơn một chục máy bay Mỹ. Sau những tổn thất nặng nề về người và của ấy, các phi công Mỹ đã buộc phải ngừng tác chiến trong mấy ngày.

Còn chúng tôi, sau khi thực hiện cuộc hành quân gian nan trở về đã triển khai trận địa mới để tiếp tục chiến đấu.

Như vậy đó, chúng tôi lúc ấy còn là những trung úy mới 20 - 25 tuổi, cũng như các binh sĩ và hạ sĩ quan còn trẻ hơn đang làm nghĩa vụ quân sự? đã dần dần trưởng thành và tích lũy kinh nghiệm chiến đấu. Tự bản thân chúng tôi đã tham gia chiến đấu và huấn luyện các chiến sĩ tên lửa Việt Nam biết cách chiến đấu và chiến thắng kẻ thù trong mọi tình huống.

Dần dần chúng tôi trở thành những người công nhân bình thường ngoài mặt trận. Ngay cả trong những tình huống rất khó khăn và phức tạp, chúng tôi cũng vẫn vui đùa, sáng tác và ca hát, và cũng không nghĩ tới khả năng sẽ không còn sống để trở về nhà, nơi người thân và bạn bè vẫn chờ đợi chúng tôi.

Vào thời gian ấy người thân và bạn bè không biết tường tận điều gì về nơi chúng tôi đang có mặt, còn mẹ tôi thì chỉ đoán biết lơ mơ mà thôi. Trước ngày lên đường sang Việt Nam chúng tôi được cảnh báo nghiêm ngặt rằng đây là nhiệm vụ rất bí mật. Cho nên trong một thời gian dài mọi người cho rằng điều đó không bao giờ có thể xảy ra. Nhưng tất cả điều đó đã thật sự diễn ra.

Trung đoàn tên lửa phòng không 260 của chúng tôi thuộc Quân khu phòng không Mátxcova, đóng quân tại thành phố Brianxơ, là trung đoàn duy nhất trong toàn Liên Xô được phái sang

Việt Nam với đầy đủ quân số. Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đặc biệt được Chính phủ giao phó hoàn thành tại Việt Nam, trung đoàn chúng tôi đã thực hiện 43 lần phóng tên lửa chiến đấu và bắn rơi 25 máy bay Mỹ. Tất cả những khẩu đội chiến đấu khác của các trung đoàn (các trung tâm huấn luyện) đã được hình thành từ các thành phần hợp tuyển - một số người được tuyển lựa từ các trung đoàn khác nhau và các quân khu phòng không khác nhau từ mọi miền của Liên Xô và được tuyển lựa trong suốt thời gian diễn ra cuộc chiến tại Việt Nam.

Đối với cá nhân tôi - sĩ quan chỉ huy đại đội bộ phóng thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 260 - chuyển công tác đặc biệt tại Việt Nam đã kết thúc vào tháng 4-1966, là khi một nhóm chuyên gia quân sự mới của Liên Xô gồm 11 người đến Trung đoàn tên lửa phòng không 274 của Quân đội nhân dân Việt Nam để thay thế nhóm chuyên gia chúng tôi và tiếp tục công việc của chúng tôi.

Tháng 7-1977

\*\*\*

# ISENCO IVAN CÔNXTANTINÔVÍCH

Ông sinh ngày 10-9-1928 tại làng Gôlubi huyện Temriúc thuộc tỉnh Craxnôđa. Ông bắt đầu làm việc vào tháng 8-1943 trong các xí nghiệp đánh cá ở Biển Đen và Biển Adôp.

Từ năm 1953, sau khi tốt nghiệp khoa kinh tế của Viện Hàn lâm nông nghiệp Mátxcova mang tên C. A. Timiriadép, ông trở thành kỹ sư trưởng nông nghiệp, rồi trở thành Giám đốc Trạm máy kéo và máy nông nghiệp ở tỉnh Tờ ve.

Sau thời kỳ tiến hành cải tạo các trạm máy kéo và máy nông nghiệp, từ năm 1958 đến năm 1964, ông làm việc tại Bộ Nông nghiệp Liên Xô.

Từ năm 1964 đến năm 1972 ông làm việc tại Văn phòng tham tán kinh tế của Sứ quán Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (chuyên viên, phó tham tán). Trong những năm tiếp theo ông làm việc tại ủy ban nhà nước về hợp tác kinh tế (Bộ Kinh tế đối ngoại) Vụ các nước Đông Nam Á, chủ yếu phụ trách mảng vấn đề Việt Nam (tổng cộng 25 năm)..

Ông được tặng thưởng Huân chương Hữu nghị giữa các dân tộc, Huy hiệu vẻ vang, Huân chương Độc lập hạng B của Việt Nam và 9 huy chương, trong đó có Huy chương Hữu nghị do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng.

# CỨU NGUY CHO MÙA MÀNG

Tôi đã có cơ hội được công tác một thời gian dài (các năm 1964 - 1972) trong cơ quan đại diện kinh tế trực thuộc Sứ quán Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhiệm vụ chủ yếu của chúng tôi là phối hợp hoạt động của các tổ chức Liên Xô và các tổ chức của Việt Nam trong việc xây dựng nhiều cơ sở kinh tế quốc dân tại Việt Nam với sự hỗ trợ của Liên Xô (các mỏ than và các mỏ lộ thiên, các nhà máy điện, các đường tải điện cao thế, các cơ sở vận tải, các công trình xã hội, nông nghiệp và nhiều cơ sở khác). Có thể nói chúng tôi là cầu nối trong lĩnh vực hợp tác kinh tế Việt Xô.

Đó là thời kỳ khó khăn - thời kỳ nhân dân Việt Nam triển khai trên quy mô rộng rãi công cuộc xây dựng cuộc sống mới nhưng cũng đồng thời buộc phải đánh trả cuộc xâm lược quân sự của Mỹ. Mỗi người dân Việt Nam, từ trẻ đến già, đều mang tinh thần yêu nước cao cả, lao động hoặc chiến đấu với tinh thần quên mình. Một lần nữa tôi nhấn mạnh cụm từ này - với tinh thần quên mình. Họ làm công việc gì, điều đó không quan trọng - làm công việc khai thác than, trồng lúa hay là đánh trả những cuộc oanh tạc của không quân Mỹ - mỗi người đều lập công trên vị trí của mình. Trong hành động của người dân Việt Nam không hề có chút phô trương nào cả. Mọi cái đều tự nhiên và đơn giản. Không cần phải thúc ép ai hoặc không phải thuyết phục về điều gì đó. Mọi người dân đều mang niềm tin sâu sắc về tương lai tốt đẹp và thắng lợi của dân tộc mình. Từng cá nhân và cả cộng đồng đều làm một việc là bảo vệ nền tự do và độc lập vừa mới giành được. Nếu nói một cách ngắn gọn thì đó là bầu không khí chung của xã hội Việt Nam trong những năm đó.

Do tính chất công việc, tôi thường hay có dịp đi nhiều nơi trên đất nước Việt Nam, gặp gỡ với các cán bộ Việt Nam. Mỗi chuyến đi công tác hoặc mỗi cuộc gặp gỡ ấy đều rất có ý nghĩa đối với bản thân tôi.

Tôi còn nhớ một trường hợp như sau. Vào một buổi sáng sớm của một ngày đầu tháng 7-1966 có một cán bộ của một tổ chức kinh tế đối ngoại thuộc Chính phủ Việt Nam đến cơ quan đại diện của chúng tôi. Đó là đồng chí Trần Lạc (Чан Лак), cán bộ bên "Nhập khẩu thiết bị", một đồng sự với tôi. Với giọng lo âu đồng chí ấy cho biết ở tỉnh Hà Nam Ninh, tại trạm bơm Cổ Đạm - vào đêm hôm trước trạm bơm này được chuyển sang chế độ bơm nước ra khỏi các cánh đồng lúa - có một bơm dừng lại. Ba bơm còn lại đang hoạt động thì không kịp bơm nước ra khỏi các cánh đồng. Còn cụm máy bơm thứ năm, cụm sau cùng thì còn đang trong giai đoạn xây lắp.

Tôi xin giải thích với bạn đọc rằng trạm bơm Cổ Đạm là một trong số 5 trạm bơm đã và đang được xây dựng vào thời gian đó tại Việt Nam với sự hỗ trợ của Liên Xô. Những trạm bơm ấy có nhiệm vụ bơm nước từ dưới sông vào các kênh thủy lợi để tưới cho các cánh đồng lúa. Trong trường hợp mưa quá nhiều (ở Việt Nam không hiếm những trường hợp như vậy) thì các trạm bơm này có thể làm việc theo chế độ ngược lại, nghĩa là hút nước từ các đồng lúa và bơm ra sông. Đó là những trạm bơm có công suất lớn. Chỉ riêng một bơm của trạm này có khả năng bơm được 5 nghìn mét khối nước trong một giờ.

Vào những ngày ấy - tức là những ngày đang được nói tới - mưa như trút nước đã 3 ngày liền. Tại khu vực hoạt động của trạm bơm Cổ Đạm mực nước trong đồng lúa đã vượt quá mức cho phép - thân cây lúa gần như chìm hoàn toàn trong nước. Thực sự đã xuất hiện nguy cơ có thể làm cho lúa chết hoặc ít ra cũng làm giảm mạnh sản lượng thu hoạch. Cần phải có những biện pháp khẩn cấp nhằm đưa thật nhanh tổ máy bơm bị hỏng trở lại hoạt động.

Sau cuộc họp ngắn chúng tôi quyết định cử đến đó một nhóm chuyên gia Liên Xô và Việt Nam để bước đầu chỉ ít xác định cho được nguyên nhân gây ra sự cố. Tôi và đồng chí Trần Lạc đã cùng nhóm chuyên gia này đi đến đó.

Cuộc tập hợp diễn ra một cách nhanh chóng, khẩn trương. Trên đường đi chúng tôi ghé vào khu Kim Liên - một khu chung cư nhỏ ấm cúng không xa trung tâm Hà Nội. Đây là nơi ở của các chuyên gia nước ngoài. Nhập vào nhóm chúng tôi còn có chuyên gia Liên Xô N. I. Maxlô đến từ thành phố Nôvôxibiécxkơ, là nơi sản xuất ra các thiết bị điện trong những cỗ máy phức tạp ấy. Vị kỹ sư người Việt đã ngồi trong xe rồi.

Chúng tôi nhanh chóng phóng xe ra ngoài thành phố Hà Nội, vùng ven đô, rồi chạy theo con đường khá hẹp, hai bên đường là mênh mông những ruộng lúa chạy dài đến tận chân trời. Những ruộng lúa ấy ngập sâu đến nửa mét trong nước. Chỉ đôi chỗ mới nhìn thấy những bờ đất ngăn ruộng này với ruộng bên. Ngọn lúa chỉ nhô ra khỏi mặt nước không quá 5 centimét. Hiển nhiên là nếu không hút nước ra khỏi các cánh đồng lúa thì vụ thu hoạch sẽ bị mất trắng.

Chúng tôi hành động khẩn trương. Nhưng không thể cho xe chạy nhanh hơn được: cả hai phía đều có những chiếc xe đạp nối đuôi nhau thành hàng dài. Người lái xe của chúng tôi, anh Tuấn (Tyah) thực sự là tay lái cừ khôi, đã cho xe chạy ngoằn ngoèo đến chóng mặt để tránh và vượt lên trên những chiếc xe đạp ấy mà không tông hoặc quệt phải người nào cả.

Nhưng vào khoảng giữa trưa, từ phía trái, từ phía biển, có một đám mây xám rất lớn di chuyển về phía chúng tôi. Nó tạo thành hình cánh cung. Đám mây đen ấy sôi lên, mọi cái trong đó đảo lộn, những tia chớp không ngừng loé sáng, tiếng sấm vang rền. Đó là đợt đầu của cơn dông đang kéo đến - phần trực diện của nó. Ngay sau đó gió thổi mạnh, mưa trút xuống thành những luồng nước chéo. Mây mưa dữ dội và dày đặc đến nỗi trong một nháy mắt chung quanh đã tối đen, không còn trông thấy đường đi nữa. Thậm chí cũng không nhìn thấy được biểu tượng con hươu đang phi ở phía trước mũi xe "Vônga" của chúng tôi. Từ trên trời nước tuôn xối xả; thật đúng là mưa như trút nước. Tất nhiên, không thể đi tiếp được nữa. Anh lái xe thận trọng đậu xe bên lề đường. Chúng tôi dừng lại và đóng các cửa kính của xe. Trong xe lại càng trở nên tối hơn và ngọt ngào như trong phòng tắm hơi tràn đầy hơi nước. Tình hình mưa như vậy kéo dài gần nửa giờ. Trong lúc chúng tôi đứng đợi tạnh mưa thì đồng chí Trần Lạc pha trò, bảo rằng cơn dông ập đến mà chẳng báo trước, rằng năm ấy mùa mưa đến sớm hơn thường lệ. Thông thường mùa mưa bắt đầu vào tháng 8 - tháng 9.

Sau trận mưa - nó chấm dứt cũng chớp nhoáng như lúc nó ập đến - chúng tôi nhìn thấy một cảnh tượng gây chấn động. Trên đoạn đường mà vừa mới trước đó còn đông đúc những chiếc xe đạp thì nay chẳng còn thấy một bóng người. Bất giác trong đầu nảy ra một ý nghĩ cho rằng cơn mưa vừa rồi đã quét sạch mọi sự sống khỏi mặt đường hiểu theo ý nghĩa thực sự, chứ không phải nghĩa bóng. Đâu đó trên mặt đường thấy vương vãi những thân cây bị gió quật đổ. Còn những ngọn lúa trước đó còn thấy ló ra trên cánh đồng thì hầu như đã hoàn toàn bị chìm dưới mặt nước.

Chúng tôi im lặng nhìn nhau trong suy tư. Đồng chí Tuấn lái xe tì tay lên ngực, rồi chỉ vào biển nước bao quanh chúng tôi từ mọi phía mà nói: "Tôi không thể nhìn tiếp. Đau tim mắt. Mùa vụ sẽ bị mất trắng, công lao động, cực nhọc của mọi người sẽ bị mất trắng". Đồng chí Tuấn nói ra những lời ấy bằng tiếng Nga rất rõ. Tiện đây xin nói, đồng chí Tuấn còn biết khá thành thạo tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc. Còn bây giờ lại học rất có kết quả cả tiếng Nga nữa.

Vào khoảng 3 giờ chiều chúng tôi đã đi trên con đê chạy dọc theo sông. Ở xa xa đâu đó trên con đê này có trạm bơm. Sau cơn mưa trời lại quang mây, mặt trời lại ló ra. Không khí trở nên nóng bức và ngọt ngào. Thỉnh thoảng mới bắt gặp những chiếc xe đạp và những chiếc ô tô con đi lại chậm chạp. Ở phía dưới chân đê, sát phía ruộng lúa có những con trâu được chẵn thả, các em nhỏ Việt Nam ngồi trên lưng trâu hoặc ngủ gà ngủ gật ôm lấy lưng trâu, những con vật hiền lành do chúng chẵn dắt. Tóm lại, tất cả mọi vật chung quanh đều yên lành, đời thường, bình yên, không có gì báo trước về một thảm họa nào.

Bỗng nhiên chiếc "commăngca" chạy ở phía trước chúng tôi đột ngột dừng lại. Từ trong chiếc xe ấy có bốn binh sĩ cầm súng nhảy bổ ra, nhanh chóng tụt xuống phía sông và chuẩn bị bắn lên không trung. Những người đi xe đạp trên mái đê đã quăng xe đạp và bỏ chạy xuống phía chân đê để tìm một nơi ẩn nấp nào đó. Chúng tôi liền hiểu ngay điều đó có nghĩa là gì, bởi vì, tiếc thay trước đó chúng tôi cũng đã gặp phải những tình huống như vậy. Đó là cuộc oanh tạc của các máy bay tiêm kích - ném bom "Con ma" của Mỹ.

Chúng tôi nhảy ra khỏi xe và trông thấy ở phía bên phải có hai chiếc máy bay như thế. Chúng bay ở tầm thấp, và hình như bay với tốc độ chậm hơn âm thanh, nhằm thẳng hướng kho xăng nhỏ hiện ra ở phía trước chúng tôi, ở khoảng cách 2 âm, cách con sông không xa. Bỗng nhiên, không rõ từ đâu, có những loạt súng nổ inh tai nhức óc. Người ta bắn từ đủ các loại súng gì có thể bắn được: pháo cao xạ, súng trường, súng tiểu liên và thậm chí cả súng săn. Ở trên

không trung là những quả đạn pháo nổ, còn những mảnh đạn thì rơi xuống đất, phạt đứt lá cây và cành cây.

Các phi công Mỹ thả những quả bom gây chết chóc, nhưng đã không chính xác. Những quả bom bị rơi chệch sang phía bên phải kho xăng chừng một kilômét. Rõ ràng là hỏa lực bắn chặn dày đặc đã cản trở không để cho chúng ném bom chính xác hơn.

Cuối cùng thì lúc xẩm tối chúng tôi đã đến được địa điểm cần đến. Mọi người đã nóng lòng chờ chúng tôi từ lâu. Sau buổi uống trà nghi thức và tất nhiên có kèm theo những ý kiến trao đổi sôi nổi về các sự kiện đã xảy ra, mọi người đã bắt tay vào việc. Các chuyên gia đã nhanh chóng xác định nguyên nhân dẫn đến hỏng hóc của máy bơm. May thay, chỗ hỏng không phức tạp lắm. Có thể khắc phục chỗ hỏng hóc trong điều kiện của trạm bơm ấy, với những dụng cụ sửa chữa sẵn có của trạm bơm.

Công việc diễn ra sôi nổi suốt đêm. Đến lúc mặt trời mọc thì các chuyên gia đã vui mừng cho biết rằng mọi thứ đã sẵn sàng và có thể khởi động máy bơm cho nó hoạt động. Thao tác quan trọng ấy - khởi động tổ máy - đã được trao cho một chàng trai Việt Nam trẻ tuổi nhất. Anh thanh niên này vừa mới tốt nghiệp trường kỹ thuật và rất muốn thật mau chóng tinh thông những bí quyết trong cái nghề phức tạp và quan trọng của mình. Đứng lặng một giây lát tựa hồ như chuẩn bị xông vào giao chiến với con giao long vô hình, chàng thanh niên ấy, với vẻ dứt khoát đã tiến đến bàn điều khiển và ấn vào nút khởi động. Tất cả tòa nhà trạm bơm rung chuyển. Động cơ điện với công suất lớn đã bắt đầu từ từ tăng vòng quay. Thế là chẳng bao lâu sau từ cái miệng ống to lớn của máy bơm xuất hiện dòng nước sủi bọt. Dòng nước ấy bắt đầu được hút từ phía dưới, rồi khi lên đến độ cao ở phía trên thì ầm ầm đổ vào con sông.

Mặc dù suốt đêm không được ngủ, nhưng không có ai tỏ ra mỏi mệt. Mọi người vui vẻ chúc mừng nhau, với vẻ thỏa mãn họ lắng tai nghe tiếng ầm ầm, đều đều tự tin và làm yên lòng người của tổ máy khổng lồ đã cứu nguy cho vụ mùa.

Sau một lát nghỉ ngơi, với sự tuân thủ mọi biện pháp an toàn được khuyến cáo, chúng tôi lên đường trở về Hà Nội.

Tháng 2-2004

\*\*\*

# BÔNGDARENCÔ IGO VLADIMIRÔVÍCH

Ông sinh ngày 18-4-1928 tại thành phố Poóckhông thuộc tỉnh Leningrát, trong một gia đình quân nhân.

Năm 1947 ông vào học Trường bộ binh số 1 mang tên X M. Kirốp. Sau khi tốt nghiệp trường này, từ năm 1949 đến năm 1959 ông phục vụ trong Sư đoàn bộ binh cơ giới cận vệ 70 thuộc Quân đoàn 38, với các chức vụ chỉ huy trung đội, chỉ huy đại đội, phó chỉ huy tiểu đoàn súng máy cao xạ.

Năm 1955 ông tốt nghiệp khóa học cao cấp của Binh chủng phòng không tại thành phố Épátôria.

Từ năm 1959 đến năm 1961 ông phục vụ trong tập đoàn quân Liên Xô tại Đức, với chức vụ Tham mưu trưởng tiểu đoàn rồi Phó tham mưu trưởng lữ đoàn pháo cao xạ.

Sau khi trải qua khóa bồi dưỡng từ năm 1961 đến năm 1969 ông tiếp tục phục vụ trong lữ đoàn tên lửa phòng không thuộc Quân khu Trung Á, với chức vụ chỉ huy tiểu đoàn cao xạ, trưởng ban trinh sát, trưởng đài chỉ huy - phó tham mưu trưởng lữ đoàn, phụ trách công tác điều hành tác chiến.

Từ tháng 9-1965 đến tháng 8-1967 ông đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam, với chức vụ chỉ huy tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Từ năm 1969 đến năm 1981 ông phục vụ tại Bộ tham mưu Cục phòng vệ dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Curoguxtan.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, Huy hiệu Chiến sĩ quốc tế và 10 huy chương, trong đó có Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

Ông mất ngày 5-11-2001.

# TRẬN PHỤC KÍCH TRÊN DÂY TAM ĐẢO

Trước ngày được điều sang công tác tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tôi phục vụ trong quân ngũ tại một địa điểm cách ga xe lửa Aiagudo 20 km thuộc tỉnh Xêmpalatín, là nơi đóng quân hồi ấy của lữ đoàn tên lửa phòng không của chúng tôi. Công việc phục vụ trong quân ngũ trên miền thảo nguyên Cadácxtan thật khắc nghiệt và gian khổ. Ngày nào cũng vậy, đặc biệt vào mùa đông, phải giải quyết các vấn đề đảm bảo đời sống cho cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn trong giá lạnh -40oC, gió thổi liên tục. Mùa hè thì nóng tới +40oC.

Đầu mùa hè 1966 người ta đề xuất cử tôi sang Việt Nam, là nơi mà lúc đó đang diễn ra một cuộc chiến tranh thực sự. Tôi đã lập tức đồng ý. Việc thành lập hai trung đoàn tên lửa phòng không, hay là theo cách gọi lúc bấy giờ hai trung tâm huấn luyện các chiến sĩ tên lửa Việt Nam, dưới sự chỉ huy của Đại tá A. Iarôxláp-xép và Đại tá A. Vaganốp đã diễn ra bằng cách tuyển nhân sự từ Quân đoàn không quân Tasken tại thành phố Đusanbe. Từ đó đáp các máy bay kiểu IL-18, bay qua Iéc-cút - Bắc Kinh để đến Hà Nội. Trung tâm của chúng tôi dưới sự chỉ huy của Đại tá Iarôxláp-xép đã đến trước tiên vào ngày 16-9. Sau đó 5 ngày “quân của Đại tá Vaganốp” đã đến.

Sau cuộc họp huấn thị khẩn cấp - điều khiển cuộc họp này là một người đàn ông đã có tuổi, dáng vẻ đường bệ, tự giới thiệu là thủ trưởng của chúng tôi, phụ trách binh chủng tên lửa phòng không trong Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam, đó là tướng A. Đứ-da - người ta đưa chúng tôi lên xe buýt, đi theo hướng Hà Bắc. Ngay đêm hôm đó chúng tôi đã hiểu rằng tại đây đang diễn ra cuộc chiến tranh thực sự với người Mỹ khi xe chúng tôi chạy qua thành phố Thái Nguyên. Đâu đó cách không xa nghe thấy những tiếng nổ, những loạt đạn cao xạ cỡ nhỏ vạch thành những vệt sáng trong đêm tối như mực của vùng nhiệt đới.

Chúng tôi lưu lại trong rừng Hà Bắc chỉ một tuần lễ: không quân Mỹ bắt đầu hoạt động mạnh ở khu vực này. Trận địa của tiểu đoàn kỹ thuật ở cách chúng tôi 4 km đã bị ném bom. Cột khói dày đặc màu nâu phát ra từ bình chứa axit nitric bị nổ bốc lên cuộn cuộn trên cánh rừng. Ban chỉ huy đã quyết định chuyển chúng tôi đến vùng ngoại thành Hà Nội, tức là đến vùng Hà Đông, để tránh nguy hiểm. Chính tại đây đã diễn ra những buổi lên lớp cho toàn đội ngũ của trung đoàn tên lửa phòng không của Việt Nam. Tôi được giao nhiệm vụ lên lớp về chiến thuật và môn xạ kích của binh chủng tên lửa phòng không.

Vào những buổi tối, trong giờ nghỉ ngơi hiếm hoi và ngắn ngủi chúng tôi hát những bài hát ưa thích. Việc làm này giúp rất nhiều trong việc giải tỏa tình trạng thần kinh căng thẳng và được các bạn Việt Nam rất hoan nghênh.

Tại Trung tâm huấn luyện số 8, dưới sự chỉ đạo của Phó chỉ huy tiểu đoàn phụ trách công tác chính trị là đồng chí V. N. Côsulanốp và Phó chỉ huy trung đoàn phụ trách công tác chính trị là đồng chí V. A. Crúp-nốp, đã hình thành một đội văn nghệ nhỏ, trong đó người lĩnh xướng là Thượng úy V. A. Malô-letốp, sĩ quan điều khiển tên lửa. Một trong số những bài hát ưa thích của đồng chí ấy là bài hát tuyệt diệu của Ucraina có tên là “Trê-rem-si-na”. Trong bài hát này có những câu hát khiến tôi nhớ mãi: “cô gái ngồi trong vườn lặng lẽ đợi ai...”

Vào giữa tháng 10-1966 Trung tướng pháo binh X. Ph. Vikhorơ, Phó tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không Liên Xô, đã từ Liên Xô sang Việt Nam, đến thăm và thanh tra Trung tâm huấn luyện của chúng tôi. Trong cuộc trò chuyện với chúng tôi Trung tướng trực tiếp nhấn mạnh rằng tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang diễn ra cuộc đấu súng thực sự giữa binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô với không quân Mỹ.

Vào cuối tháng 11 - đầu tháng 12, cường độ các cuộc bắn phá của máy bay địch đã tăng lên. Theo thông báo của vị chỉ huy của chúng tôi, người ta đã tìm thấy trong người tên Thiếu tá phi công Mỹ một bản đồ bay, trên đó thị trấn của chúng tôi được đánh dấu như là mục tiêu oanh tạc dự phòng. Do vậy, ngày 18-12 chúng tôi lại được chuyển vào khu rừng thuộc tỉnh Hà Bắc, đến chỗ cũ là nơi mà chúng tôi đã bắt tay vào tổ chức các khẩu đội chiến đấu Cũng tại đó chúng tôi đón mừng năm Mới 1967. Điều quá bất ngờ đối với chúng tôi là những túi quà đặc biệt được gửi từ Mátxcova nhân dịp năm Mới. Những túi quà này đã được Thiếu tá V. N. Côsulanốp, phó chỉ huy phụ trách công tác chính trị, đem đến từ hôm trước.



Cuối tháng 1-1967 tổ chuyên gia chúng tôi gồm 5 người - sĩ quan điều khiển tên lửa, Thượng úy V. Malôletốp, các trắc thủ vận hành máy bấm sát mục tiêu bằng tay là trung sĩ V. Sécnôgô - Ôgônhep, các binh nhất M. Bôlétxki và M. Ghítkich đã được phái đi thực hành một tháng tại Trung đoàn tên lửa phòng không 261 ở Hải Phòng. Đại tá Rôkhmixtorốp thuộc Quân đoàn phòng không Nôvôxibiéc chỉ huy.

Vào thời gian ấy tại cảng Hải Phòng có nhiều tàu ngoại quốc neo đậu nhưng máy bay Mỹ chưa dám oanh tạc những tàu này. Trong số những con tàu ấy có hai chiếc của Liên Xô: tàu chở hàng khô "Bacuriani" và tàu chở dầu "Abacan". Các thủy thủ tàu "Bacuriani" đã hai lần mời chúng tôi lên tàu, còn về phía mình, chúng tôi đã tổ chức các chuyến đi cho họ đến thăm trận địa chiến đấu của tiểu đoàn tên lửa phòng không thuộc trung đoàn kể trên. Trong chuyến tham quan trận địa ấy họ đã thật sự cảm nhận được mùi vị của chiến tranh: họ đã nhìn thấy những cây cầu và kho xăng ở Hải Phòng bị bom phá hủy, những mảnh xác máy bay Mỹ bị bắn rơi. Đối với chúng tôi đợt điều động công tác này rất bổ ích: tất cả các chỉ huy tiểu đoàn đã hồ hởi chia sẻ kinh nghiệm chiến đấu của mình, mà tính đến thời điểm ấy thì trung đoàn tên lửa phòng không này đã trải qua hàng chục trận đánh.

Trong tháng Ba chúng tôi vẫn tiếp tục quá trình thành lập các khẩu đội chiến đấu. Sau cùng, trong tháng Tư chúng tôi đã nhận được khí tài chiến đấu được chở đến bằng đường sắt qua cảnh Trung Quốc.

Ngày 25-4 đã diễn ra sự kiện hân hoan nhất kể từ đầu chuyến công tác tại Việt Nam. Vào lúc một giờ đêm; cuối cùng thì lần đầu tiên kể từ năm Mới chúng tôi đã nhận được thư nhà. Tôi đã nhận được ngay một lúc 13 bức thư của gia đình và bạn bè! Sau đó năm ngày đã diễn ra cuộc mít tinh trong thể đánh dấu việc chuyển giao chìa khóa của bộ khí tài tên lửa (tức là những chìa khoá để mở các cabin điều khiển) cho các đồng chí Việt Nam. Trưởng nhóm bàn giao chìa khóa là Trung tá G. N. Titốp đã trao những chiếc chìa khóa ấy cho viên sĩ quan chỉ huy Tiểu đoàn 41 của chúng tôi là Đại úy Thành (Txah). Trước khi tiến hành thủ tục long trọng này đã diễn ra công việc rất căng thẳng để tiếp nhận, hiệu chỉnh và khai thác vận hành bộ khí tài.

Trong những ngày ấy Tiểu đoàn tên lửa phòng không 42 của Trung tá V. Nôvicốp và Tiểu đoàn tên lửa phòng không 44 của Thiếu tá V. Gniđin đã thực hiện những cuộc phóng tên lửa đầu tiên và mỗi tiểu đoàn đã bắn rơi một máy bay Mỹ - vậy là Trung đoàn tên lửa phòng không 263 đã mở sổ ghi chiến công.

Tiểu đoàn 41 của tôi đã xuất trận lần đầu tiên vào chủ nhật, ngày 21-5. Vào ngày hôm ấy chúng tôi đã bắn rơi cùng một lúc hai mục tiêu - một chiếc máy bay tiêm kích F-105 và một máy bay cường kích A-6D. Sau đó bốn ngày chúng tôi nhận được lệnh: chuyển giao toàn bộ các cần điều khiển cho khẩu đội chiến đấu Việt Nam.

Cần phải nói rằng vào mùa xuân - đặc biệt vào tháng Năm - không quân Mỹ tăng cường hoạt động mạnh. Vì vậy, ngày nào chúng tôi cũng ở trong tình thế hoàn toàn sẵn sàng cấp 1. Dĩ nhiên, điều kiện lúc bấy giờ rất gian khổ. Chúng tôi luôn luôn sống trong điều kiện dã ngoại, ở ngoài trời, đã nếm trải tất cả những điều "thú vị" của khí hậu nhiệt đới. Trong các cabin điều khiển có treo những chiếc nhiệt kế có chia độ +70. Thông thường vào khoảng 10 giờ cột thủy ngân trong nhiệt kế chỉ trị số đỉnh điểm và dừng lại mãi ở điểm ấy. Hơn thế nữa, trong những cabin điều khiển chật chội, đóng kín mít ấy có mặt một số lượng người đông gấp 3 lần so với mức quy định. Quạt điện trong các buồng điều khiển thường bị tắt, vì chúng lùa không khí nóng bỏng vào chúng tôi, không đem lại sự dễ thở hơn, mà là ngược lại. Cách duy nhất để thoát khỏi nóng nực là những cơn mưa rào nhiệt đới - khi cơn dông diễn ra thì mọi cuộc oanh tạc của máy bay đều chấm dứt và đó là những giờ nghỉ ngơi mát mẻ đối với chúng tôi.

Tin lớn nhất đối với chúng tôi là quyết định của Bộ Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam tăng biên chế cho các trung đoàn tên lửa phòng không lên thành 6 tiểu đoàn nhằm mục đích tăng cường sức mạnh hỏa lực. Tiểu đoàn 41 của chúng tôi và Tiểu đoàn 43 hàng xóm của tôi vốn thuộc Trung đoàn 263 được phiên chế về Trung đoàn tên lửa phòng không thứ tư (trung đoàn 274). Trung đoàn này bảo vệ những tuyến đường đi vào Hà Nội, còn các Tiểu đoàn 42 và 44 thì được chuyển sang trung đoàn thứ nhất (Trung đoàn 236). Trung đoàn này trực tiếp bảo vệ Thủ đô. Giờ đây vị chỉ huy mới của chúng

tôi là Đại tá Siculia, còn kỹ sư trưởng là Thiếu tá Gientốp, Phó chỉ huy phụ trách công tác chính trị là Trung tá V. A. Crúpốp. Vậy là đã bắt đầu giai đoạn mới của chuyến công tác biệt phái.

Ngày 8-6 tiểu đoàn chúng tôi nhận được lệnh: chuyển trận địa hỏa lực và rút vào núi Tam Đảo để tổ chức cuộc phục kích. Nhiệm vụ chủ yếu là bắn rơi các máy bay trinh sát PB-66 và máy bay gây nhiễu EB-66.

Công việc hệ trọng này đòi hỏi ở chúng tôi một nghệ thuật cao và sự căng thẳng về sức lực. Vì phải vượt sông Lô cho nên chúng tôi chỉ đưa theo 3 bệ phóng. Trong vùng núi ấy chúng tôi đã thay đổi trận địa hơn 10 lần. Tất cả các trận địa ấy đều mang tính chất tạm thời và hoàn toàn không được xây dựng theo bài bản kỹ thuật. Đôi khi các trận địa ấy được bố trí bên ngoài các ngôi làng sở tại, trên các ruộng trồng lạc, trồng sắn, các đồi chè. Chúng tôi đã phải nguy trang cẩn thận các khí tài bằng các cành cây nhiệt đới mọc đầy rẫy. Có một lần phải bố trí bệ phóng ở ngay trên nền nhà tại một điểm dân cư đã bị máy bay Mỹ ném bom phá hủy hoàn toàn.

Trong các ngày 18 và 30-6 đã diễn ra những trận đánh ra mắt của các khẩu đội Việt Nam. Với sự có mặt của chúng tôi và với sự giúp đỡ của chúng tôi các khẩu đội Việt Nam đã thực hiện hai lần phóng tên lửa đầu tiên. Có thể nói rằng đó là những lần khai hỏa chung của chúng tôi - các khẩu đội Liên Xô thì bọc lót cho các bạn Việt Nam và đã cố gắng giúp đỡ họ trong mọi vấn đề. Có lẽ, xét về mặt tâm lý thì điều đó còn khó hơn là tự mình bắn tên lửa, khi mà chúng tôi trực tiếp kiểm soát tình huống và diễn biến của trận đánh.

Vào buổi chiều ngày 30-6 cuộc chiến đấu diễn ra trong điều kiện quân Mỹ gây nhiễu. Có 2 tốp mục tiêu bay về phía chúng tôi. Tiểu đoàn đã dùng hai quả tên lửa bắn vào tốp mục tiêu đi đầu. Kết quả là một chiếc F-105 bị bắn rơi. Tuy nhiên, ngay sau khi các tên lửa được phóng đi và nổ thì trận địa của chúng tôi liền bị bắn phá, do tốp máy bay thứ hai của địch tiến hành. Có một quả bom rơi vào một cây to. Dưới tán lá của cây ấy là những xe rơmoóc để vận chuyển ăngten của đài điều khiển tên lửa. Có một rơmoóc bị phá hủy hoàn toàn, còn hai chiếc khác thì bị hư hại. Mảnh bom đã phá hủy bệ phóng cùng với quả tên lửa trên đó phá hủy ca bin "RMA" và nhiều dây cáp kết nối khác.

Ngay khi vừa có lệnh "Vào hầm trú ẩn!", tôi cùng với khẩu đội đã nhảy ra khỏi ca bin điều khiển "V". Nhưng tôi chưa kịp chạy mấy bước về phía đường hào cứu hộ thì bỗng cảm thấy như có một sức mạnh vô hình nào đó nhắc bồng tôi lên khỏi mặt đất và hất ngược tôi trở lại nằm vật ra. Cùng lúc đó vang lên một tiếng nổ rất mạnh, rồi tôi rơi xuống hào. Các chiến sĩ cao xạ Việt Nam (các khẩu cao xạ cỡ nhỏ và những khẩu đội súng máy phòng không) nhắm những loạt đạn dài vào máy bay Mỹ để yểm trợ cho trận địa chúng tôi. Khi tôi nhô ra khỏi hầm trú ẩn để quan sát thì nhìn thấy một cột khói đen bốc lên trời, ở phía bên phải của con đường, gần ngôi làng. Đồng thời cũng nghe thấy tiếng nổ nhỏ liên tục.

Hóa ra, đó là tiếng nổ của quả bom bi Mỹ. Cột khói bốc lên từ những thùng chứa nhiên liệu bốc cháy ở vệ đường đã thu hút sự chú ý của các phi công địch. Thế là chúng thả xuống ngôi làng này mấy quả bom bi. Một trong những quả bom bi ấy đã nổ phía trên nhà trẻ. Đã có nhiều trẻ nhỏ và người lớn bị chết. Các chiến sĩ pháo cao xạ Việt Nam yểm trợ cho chúng tôi đã bị tổn thất: hai người đã hy sinh và 10 người bị thương. Bác sĩ quân y, Thượng úy Valên Xpirandê được điều đến chăm sóc chúng tôi trong thời gian tiến hành phục kích, y tá Xcôrôbrêkha và trác thủ Côriaghin đã lao đi bằng bó cho các chiến sĩ và dân làng bị thương. Bác sĩ của chúng tôi đã phải phẫu thuật cho một số người ngay tại chỗ. .

Trong lúc đó kíp lên trận địa thay chúng tôi đã bắt tay vào thu dọn bộ khí tài tên lửa. Vì các xe rơmoóc kéo tên lửa bị phá hủy, cho nên đành phải chuyển các ăngten vào thùng xe ZIL-151, đặt lên trên những tàu lá cọ vừa được chặt và buộc vào thành xe. Tiểu đoàn đã nhanh chóng rời khỏi trận địa, gần như trong nháy mắt, vượt tất cả các chỉ tiêu đã đề ra.

Vụ bắn phá trận địa chúng tôi ở chân núi Tam Đảo đã buộc chúng tôi phải tìm kiếm trận địa hỏa lực mới. Để làm việc này chúng tôi lại vượt sông Lô. Tại trận địa mới, trước ngày 15-7 chúng tôi đã khắc phục xong những hư hại do cuộc oanh kích gây ra.

Vào thời kỳ ấy chúng tôi đã nhận được từ Mátxcova lời khuyến cáo hoàn toàn phi lý về việc

đối phó với tên lửa "Sraico". Người ta đề xuất phương pháp dùng tên lửa của Liên Xô để tiêu diệt những tên lửa "Sraico". Tôi còn nhớ, đã có ai đó trong số những chiến sĩ tên lửa từng trải phát biểu rất chính xác rằng, nếu bắt chúng tôi phóng tên lửa để bắn hạ tên lửa "Sraico" thì chẳng khác nào bắt các pháo thủ cao xạ bắn vào những quả bom, chứ không phải bắn vào những chiếc máy bay thả những quả bom ấy.

Tuy nhiên, cũng đã có một lần, sau khi tên lửa "Sraico" được phóng đi, tôi thử tìm cách theo dõi nó, nhưng trên màn hình của sĩ quan điều khiển tên lửa tôi chỉ nhìn thấy thời khắc tên lửa "Sraico" tách khỏi máy bay. Sau nháy mắt, quả tên lửa "Sraico" ấy đã biến mất, bởi vì diện tích phản xạ của nó rất nhỏ. Vì vậy, nếu tiếp tục tìm kiếm nó thì chúng tôi sẽ tạo điều kiện lý tưởng cho nó tự định hướng vào ăngten của đài điều khiển. Chúng tôi vẫn xử lý theo cách như trước, bằng cách áp dụng phương pháp chính xác và đã được thử nghiệm: chúng tôi đổi góc phương vị của ăngten và ngắt dòng điện cao thế. Sau 10-15 giây chúng tôi nghe thấy một tiếng nổ đanh - "vị khách" ngoại bang ấy đã nổ cách chúng tôi một kilômét, sau khi đâm vào khu rừng rậm.

Chúng tôi đã luôn luôn xử trí như vậy mỗi khi thấy máy bay định giờ thủ đoạn, thấy chấm loé sáng trên màn hình và chấm ấy tách khỏi mục tiêu hoặc căn cứ vào lời cảnh báo của sĩ quan chỉ huy khẩu đội bệ phóng, là người được trang bị dụng cụ quang học (kính chỉ huy cao xạ), để xác định có tên lửa "Sraico" được phóng ra. Đã có hai lần máy bay địch phóng cùng lúc hai quả tên lửa "Sraico" vào chúng tôi, nhưng đã uổng công - chúng không thể đánh lừa chúng tôi được.

Chúng tôi đã cố gắng truyền đạt đầy đủ cho các khẩu đội Việt Nam kinh nghiệm đối phó với các tên lửa "Sraico" của chúng tôi. Đáng tiếc, sau khi chúng tôi ra đi thì không phải lúc nào họ cũng thực hiện chính xác và dứt khoát những khuyến cáo của chúng tôi, những khuyến cáo đã được kiểm nghiệm trong chiến đấu. Hậu quả là vào tháng 11-1967 Tiểu đoàn tên lửa phòng không 41 của chúng tôi đã bị tên lửa "Sraico" bắn trúng cột ăngten của cabin "P". Các trắc thủ (hai người) trong cabin điều khiển đã bị trọng thương. Còn các khẩu đội của Liên Xô do tuân thủ những biện pháp sơ đẳng nhưng hữu hiệu nhằm đối phó với loại tên lửa chống ra đa đó thì trên thực tế lại không bị chúng gây thiệt hại.

Chẳng bao lâu sau chúng tôi nhận được lệnh mới của bộ chỉ huy - trong thời gian chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, các chuyên gia quân sự Liên Xô không được có mặt tại trận địa. Điều đó có nghĩa là khẩu đội Việt Nam nhận được "sự tán thành" hoàn toàn để họ độc lập tác chiến. Còn đối với chúng tôi thì đến tháng 8 sẽ quay trở về Hà Nội để về nước.

Vào đêm rạng ngày 1-8 đã có kíp đến thay chúng tôi. Đó là Trung tá Riphcát Garaêvích Iacubốp cùng với những người dưới quyền của mình. Buổi tối hôm ấy đã diễn ra cuộc chia tay đầy cảm động với các bạn chiến đấu Việt Nam và với các chuyên gia Liên Xô. Trời vẫn còn chưa sáng khi xe chúng tôi tới bến phà qua sông. Đồng chí phó chính ủy tiểu đoàn tiễn đưa chúng tôi đã thuyết phục được viên thuyền trưởng chiếc tàu lai dắt nhận chúng tôi lên phà. Thế là chiếc xe buýt "đồng hương" của chúng tôi "PAZ" trong tư thế cô đơn kiêu hãnh, đã bò lên chiếc phà trống rỗng. Song, chỉ mấy phút sau, chiếc phà ấy đã chật ních người dân địa phương. Đó là những phụ nữ, trẻ em và các ông bà già. Hóa ra, khi trời vẫn còn tối đã có rất đông người và xe tụ tập và ngồi trong các bụi rậm trên bờ sông để chờ đến lượt mình được sang sông.

Chiếc tàu kéo dắt phà của chúng tôi rất chật vật, cẩn trọng và từ từ đưa chiếc phà qua dòng sông chảy xiết. Lúc này nước sông đã lên to sau những trận mưa xối xả. Đến đó là chấm dứt cảnh êm đềm yên lành của chuyến qua sông vào buổi sáng hôm ấy. Bất ngờ có một chiếc máy bay Mỹ bay sát mặt đất hiện ra từ bờ sông đầy cây cối và lao thẳng về phía chúng tôi. Sau một lúc mới nghe thấy tiếng động cơ của nó.

Sau khi phát hiện thấy mục tiêu, chiếc tiêm kích ấy vòng lại và lại bay qua phía trên chiếc phà không được bảo vệ. Ruột gan đau thắt khi phải nhìn thấy nét mặt hoảng hốt của những phụ nữ tội nghiệp. Họ giữ chặt những đứa trẻ đang khóc vào lòng trong nỗi sợ hãi trước cái chết đang đến gần. Chiếc tàu kéo cố hết sức, nhưng bờ sông, nơi có thể tìm chỗ thoát hiểm thì xích lại rất chậm... Tên phi công Mỹ sà xuống lần thứ ba. Máy bay bay thấp đến nỗi chúng tôi nhìn thấy mặt của tên phi công đang nhìn chúng tôi. Trên phà rộ lên những tiếng than khóc.

Tôi nghĩ: "Thôi thế là hết. Chúng ta đi đời rồi!". Vào giây phút gay cấp ấy tôi và đồng chí phó

chỉ huy phụ trách công tác chính trị đứng cạnh tôi là Thiếu tá V. Môgiarencô đã chuẩn bị ra lệnh cho tất cả anh em rời phà và bơi vào bờ. Nhưng may thay, tên phi công Mỹ lại vòng lượn trên đầu chúng tôi mà không nổ súng. Không có ai bắn vào nó. Có thể điều này đã cứu sống chúng tôi.

Tại sao sự kiện này lại được lưu lại trong ký ức. Chắc hẳn bởi vì đó là sự mở đầu con đường trở về nhà của chúng tôi. Sau đó một tuần lễ, sau khi giúp tiến hành các công việc theo quy định tại Tiểu đoàn 88 thuộc trung đoàn mới của chúng tôi, chúng tôi được những chiếc xe buýt chở tới một ga xe lửa tại biên giới Việt - Trung. Xin tạm biệt nhân dân Việt Nam chịu nhiều đau khổ. Tính đến ngày chúng tôi lên đường trở về Tổ quốc, tổng số máy bay kẻ cướp Mỹ bị bắn rơi là 2.148 chiếc. Chúng tôi đã góp phần vào con số đó.

Không bao lâu sau, chuyến xe lửa tốc hành đã đưa chúng tôi đi qua Bắc Kinh và trở về Tổ quốc.

Tái bút :

Ngày 11-7-2001, vào lúc 22 giờ tôi đã rất chăm chú theo dõi trên kênh 1 chương trình truyền hình "Điều đó xảy ra như thế đó" - "Liên Xô trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Những năm 1965 - 1973". Tôi đã gián tiếp được biết vị Chủ tịch tổ chức liên miền các cựu chiến binh đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam N. N. Côlênhích và những nhân vật khác tham gia chương trình truyền hình hôm đó. Tiếc là chương trình hôm đó không kéo dài, nhưng chỉ chừng đó cũng xin cảm ơn - chí ít người ta cũng nhớ đến chúng tôi.

Chương trình truyền hình hôm ấy như đã đưa tôi trở lại Việt Nam của những năm tháng xa xôi. Một lần nữa tôi nhớ lại các bạn chiến đấu của mình: vị chỉ huy Trung tâm huấn luyện số 8 của chúng tôi - sĩ quan chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không 263, Đại tá A. Đ. Iarôxlápép (tiếc rằng ông không còn nữa), Chỉ huy phó phụ trách công tác chính trị, Đại tá V. A. Crúpốp, kỹ sư trưởng của trung đoàn E. I. Lêpikhốp, các sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn R. G. Iacubốp, V. I. Gniđin, V. P. Nôvicốp, các sĩ quan vận hành đài điều khiển tên lửa thuộc các tiểu đoàn trên I. A. Ecsốp, L. P. Makhơlai, Điasúc, sĩ quan V. A. Malôletốp của tôi và các phó chỉ huy phụ trách công tác chính trị của tiểu đoàn là V. N. Côsulanốp và V. Ph. Môgiarencô, sĩ quan chỉ huy đại đội bê phóng V. C. Xiđennhicốp, các sĩ quan chỉ huy trong đại đội kỹ thuật vô tuyến Taraxencô, Duygicốp, các trác thủ điều khiển tên lửa V. Sécnôgô - Ôgơnhép; M. Bôlétxki, M. Gítích, bác sĩ quân y V. V. Xpirandê.

Tiếc rằng tôi không còn nhớ họ tên của một số người...

Thành phố Puskin, tháng 7-2001

\*\*\*

# ĐẠI TÁ SIXLÕP GHENNADI VAXILIÊVÍCH, Phó giáo sư, tiến sĩ khoa học quân sự.

Ông sinh ngày 2-1-1938 tại tỉnh Penden. Năm 1956 ông vào học tại Trường kỹ thuật quân sự Ăng ghen của Binh chủng phòng không, đến năm 1959 ông tốt nghiệp xuất sắc trường này. Ông tiếp tục phục vụ trong quân ngũ với các chức vụ: chỉ huy trung đội, chỉ huy đại đội, tham mưu trưởng tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Từ tháng 9-1966 đến tháng 9-1967 ông đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam, trong vai trò là chuyên gia quân sự bên cạnh Chỉ huy tiểu đoàn tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Năm 1972 ông đã tốt nghiệp xuất sắc, với Huy chương vàng, Học viện quân sự đào tạo sĩ quan chỉ huy Binh chủng phòng không và tốt nghiệp nghiên cứu sinh tại Phân viện quân sự cao cấp thuộc Học viện này. Ông được chuyển sang lực lượng dự bị năm 1993.

Ông được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ, Huân chương Vì phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô hạng III và 13 huy chương, trong đó có Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# MỘT NĂM TRONG ĐỘI NGŨ CHIẾN ĐẤU

Trong những năm 60-70 của thế kỷ XX, tại Đông Nam Á trên lãnh thổ miền Bắc và miền Nam Việt Nam đã diễn ra một trong những cuộc chiến tranh cục bộ đẫm máu và tàn khốc. Nhân dân Liên Xô dành cảm tình cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống sự xâm lược của Hoa Kỳ. Hàng vạn người dân Liên Xô đã tham gia công cuộc giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh này. Các chuyên gia Liên Xô đã giúp đào tạo cán bộ cho nền kinh tế quốc dân và cho các lực lượng vũ trang của Việt Nam, xây dựng các cơ sở công nghiệp, tiến hành thăm dò các mỏ khoáng sản hữu ích, giải quyết các nhiệm vụ kinh tế và trực tiếp tham gia đánh trả quân xâm lược.

Tôi cũng có dịp tham gia giúp đỡ Việt Nam với tư cách là một chuyên gia quân sự. Tháng 2-1966, khi đang giữ chức chỉ huy Đại đội phóng tên lửa thuộc Tiểu đoàn tên lửa phòng không X-75M (đóng quân ở Ucraina), tôi được điều đến Adécbaïdan. Tại đây đang gấp rút thành lập Trung tâm huấn luyện thuộc Quân khu phòng không Ba cu với nhiệm vụ đào tạo lại và huấn luyện một trung đoàn tên lửa phòng không của Việt Nam gồm chủ yếu các chuyên viên pháo binh, để họ nắm vững kỹ thuật tên lửa phòng không. Trong cuộc họp đầu tiên với các sĩ quan, chỉ huy trung tâm này là Đại tá V. Bêlônin đã trao nhiệm vụ cho chúng tôi như sau:

- Trong thời hạn nửa năm, đào tạo đội ngũ trung đoàn tên lửa Việt Nam, hình thành các khẩu đội chiến đấu, các tiểu đoàn tên lửa và các sở chỉ huy, đào tạo đội ngũ chỉ huy tác chiến của trung đoàn, cũng như đào tạo đội ngũ chỉ huy tác chiến độc lập của các tiểu đoàn tên lửa phòng không;

- Hãy tạm gác những khóa học hiện tại về luyện tập tác xạ về sẵn sàng chiến đấu và những chương trình giảng dạy hiện tại về đào tạo chuyên gia của binh chủng tên lửa phòng không, và trong thời hạn 2 tuần lễ phải soạn thảo những chương trình giảng dạy mới và thời khóa biểu mới, xuất phát từ một tiền đề duy nhất - trung đoàn này sau khi được đào tạo lại sẽ trở về Việt Nam, nhận các phương tiện kỹ thuật chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu ;

- Kết thúc khóa huấn luyện vào đầu tháng 8 bằng việc các khẩu đội Việt Nam thực hiện xạ kích chiến đấu tại bãi thử vũ khí Asulúc.

Với tư cách là giảng viên chính về thiết bị phóng và về tên lửa, nhiệm vụ của tôi là soạn thảo chương trình và thời khóa biểu học tập để đào tạo lại cho 4 đại đội bộ phóng với đầy đủ quân số, chuẩn bị xây dựng - bằng nỗ lực của đội ngũ giảng viên. và huấn luyện viên - một cơ sở vật chất để đảm bảo quá trình huấn luyện. Ngoài ra, tôi còn lên lớp cho đội ngũ chỉ huy của trung đoàn này và cho các quân nhân khác về các vấn đề thiết bị phóng tên lửa và tên lửa.

Các nhiệm vụ đặt ra đã được thực hiện đầy đủ. Điều này đã được khẳng định qua những buổi xạ kích chiến đấu thành công tại bãi thử vũ khí do tất cả các tiểu đoàn tiến hành. Thật ra, việc giải quyết những nhiệm vụ ấy đòi hỏi phải có những nỗ lực thực sự nghiêm túc, phải mất thời gian, những nỗ lực về tinh thần và thể chất. Gánh nặng hàng ngày của mỗi giảng viên gồm có 6 giờ lên lớp theo thời khóa biểu và 3 giờ bắt buộc có mặt trong buổi tự học của các lớp học viên Việt Nam. Ngoài ra, cần phải chuẩn bị bài giảng, kiểm tra và chuẩn bị khí tài chiến đấu cho các buổi lên lớp ấy. Trên thực tế, ngày làm việc của mỗi chúng tôi kéo dài 10-12 giờ. Nhưng tất cả những công việc ấy được chúng tôi coi là những việc làm cần thiết, là công việc của chúng tôi, là sự đóng góp của chúng tôi vào sự chi viện quốc tế dành cho Việt Nam. Trong thời gian tiến hành khóa đào tạo lại, giữa chúng tôi đã hình thành mối quan hệ đồng chí tốt đẹp với các học viên và với các phiên dịch viên.

Đến cuối tháng 7 - đầu tháng 8-1966 các ủy viên trong Hội đồng quân sự của Quân khu phòng không Bacu đã đến trung tâm huấn luyện của chúng tôi để tuyển chọn người gửi sang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm chuyên gia quân sự. Trong số chúng tôi không có ai gặp phải vấn đề gì và chúng tôi đã sẵn sàng chấp nhận đề xuất sang Việt Nam.

Có hơn 10 sĩ quan được tuyển chọn để cùng với trung đoàn tên lửa Việt Nam rời khỏi Trung tâm huấn luyện của Quân khu phòng không Bacu, số sĩ quan còn lại (gần 60 người) gồm những quân nhân thuộc các đơn vị tên lửa phòng không đóng quân ở Ucraina. Trong số đó tôi được

lựa chọn giao nhiệm vụ làm chuyên gia về thiết bị bê phóng và về tên lửa thuộc Tiểu đoàn tên lửa phòng không XA-75M ("Đvina"). Quyết định cuối cùng về việc cử các chuyên gia quân sự đến Trung đoàn tên lửa phòng không thứ sáu (Trung đoàn tên lửa phòng không 245) đã được thông qua tại Hội đồng quân sự của Tổng cục 10 Bộ Quốc phòng (Liên Xô). Các chiến sĩ và hạ sĩ quan làm nhiệm vụ chuyên gia vận hành máy bám sát mục tiêu bằng tay và vận hành các hệ thống điều khiển việc phóng tên lửa được biên chế trong các tiểu đoàn tên lửa phòng không gồm các quân nhân Liên Xô đã từng có mặt tại trung tâm huấn luyện trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tôi được bổ nhiệm làm chuyên gia bên cạnh viên sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn tên lửa phòng không Việt Nam và có mặt tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ tháng 9-1966 đến tháng 9-1967. Năm trong thành phần trung đoàn tên lửa phòng không, tiểu đoàn chúng tôi đã tham gia đánh trả các trận oanh tạc của không quân Mỹ nhằm vào các thành phố Hà Nội và Hải Phòng, thực hiện cách đánh "phục kích", ngoài ra còn thực hiện các nhiệm vụ khác tại 11 tỉnh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chúng tôi phải thường xuyên thay đổi trận địa phóng tên lửa trong điều kiện hệ thống đường sá bị hư hỏng nặng và địa hình không có đường sá. Tiểu đoàn chúng tôi đã thực hiện 54 lần phóng tên lửa chiến đấu, tiêu diệt được 34 máy bay Mỹ, trong đó có những loại máy bay hiện đại nhất thời bấy giờ là loại F-4, A-4 và những loại máy bay khác.

Ngày 8-11-1966 tiểu đoàn chúng tôi lần đầu tiên phóng tên lửa chiến đấu. Với một quả tên lửa tiểu đoàn đã tiêu diệt được một máy bay trinh sát tầm thấp. Sau khi tiếp nhận các phương tiện kỹ thuật chiến đấu, tiểu đoàn được triển khai trên một trận địa hiện đại tại khu vực Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội), chỉ cách trường Đại học nông nghiệp vài trăm mét. Có hai khẩu đội pháo cao xạ 57 mm yểm trợ tiểu đoàn chúng tôi.

Hôm ấy là một ngày nắng. Buổi sáng hôm ấy đoàn đại biểu giảng viên và sinh viên của trường Đại học nông nghiệp đã đến thăm các chuyên gia quân sự chúng tôi với những lẵng hoa quả, họ mặc lễ phục (trong suốt một năm trời chúng tôi sống tại Việt Nam, đây là lần đầu tiên và là lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy các đồng chí Việt Nam mặc những bộ lễ phục như vậy) và chúc mừng chúng tôi nhân kỷ niệm 49 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại. Hai chục chuyên gia quân sự Liên Xô, với sự giúp sức của các đồng chí Việt Nam đã nhanh chóng tạo ra những chiếc bàn làm từ thùng đạn, bày lên những chiếc bàn ấy tất cả những gì chúng tôi có và những gì đoàn khách đem đến, và thế là chúng tôi đã tiến hành kỷ niệm ngày lễ ấy. Trên thực tế, tất cả các vị khách đều nói tiếng Nga khá tốt (tất cả các giảng viên của trường Đại học nông nghiệp của Việt Nam đều đã tốt nghiệp trường Đại học nông nghiệp Tasken). Theo chúng tôi nghĩ, họ cũng biết và hát rất hay các bài hát Liên Xô. Có một cô sinh viên Việt Nam chơi đàn phong cầm rất hay. Buổi lễ kéo dài khoảng 2 giờ. Sau đó tôi cùng một trắc thủ, là binh nhất Xasa Oóclop, tiễn khách ra về. Khi chúng tôi còn đang đi trên trận địa thì thấy vang lên còi "Báo động chiến đấu". Các vị khách nhanh chóng ra về, còn tôi và Xasa chạy ngay về ca bin điều khiển.

Từ phía Hà Nội, ở rìa khu vực cấm khai hỏa, ở khoảng cách 20 km đã phát hiện thấy mục tiêu bay thấp và tiến về hướng tiểu đoàn. Mục tiêu đã lọt vào tầm theo dõi bằng tay và nằm trong tầm bám sát sát sao. Tôi đề nghị cho khai hỏa vào mục tiêu. Chỉ huy tiểu đoàn lúc đầu trả lời rằng không được bắn về hướng Hà Nội, nhưng sau đó ông hạ lệnh phóng một tên lửa, và tên lửa ấy đã tiêu diệt mục tiêu. Từ thời điểm phát tín hiệu báo động đến khi mục tiêu bị tiêu diệt không quá 2 phút.

Trong những trận đánh tiếp theo chúng tôi có những thắng lợi, nhưng cũng có những thất bại. Những trận đánh thành công nhất là hai trận đánh hồi mùa hè năm 1967. Trong mỗi trận ấy đều tiêu diệt được hai máy bay F-4. Đã nhiều lần trận địa của tiểu đoàn bị địch ném bom, bắn phá bằng tên lửa và hỏa lực. Đã hai lần tiểu đoàn chúng tôi bị loại khỏi vòng chiến đấu trong thời gian dài và cả hai lần đều được đội ngũ chiến sĩ của tiểu đoàn đưa trở lại tư thế sẵn sàng chiến đấu, trước hết nhờ các chuyên gia quân sự Liên Xô. Hàng ngày có đến vài lần có tín hiệu báo động và chúng tôi phải ngồi vào các vị trí chiến đấu của mình, phải ngồi nhiều giờ trước màn hình các máy tín hiệu để giúp các đồng chí Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu. Những người đã thể hiện là những chuyên gia có trình độ cao là các Đại úy V. Dúpô và A

Crulốp, Thượng úy Ph. Ôpxiêvích, Trung úy L. Xcrunxki. Trước hết là nhờ những nỗ lực của họ mà tiểu đoàn luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Tổ chuyên gia quân sự Liên Xô trong tiểu đoàn này là một tập thể đồng lòng, đoàn kết. Quan hệ giữa các chiến sĩ hạ sĩ quan và sĩ quan là quan hệ bình đẳng, thân thiết. Theo thông lệ, chúng tôi gọi nhau theo tên. Ngoại trừ trường hợp đó là những thành viên ban chỉ huy trung đoàn và bác sĩ của nhóm chuyên gia Liên Xô là Đại úy Vaxili Iacôplêvích Vaxilencô (có lẽ do ông có vóc dáng đáng nể trọng, sự am hiểu chuyên môn và thái độ ân cần). Hoàn cảnh đưa đẩy khiến vị bác sĩ đã hiện diện trong tiểu đoàn chúng tôi và cùng chúng tôi đi suốt con đường chiến đấu, dành sự giúp đỡ y tế không những cho các chuyên gia quân sự Liên Xô, mà cho cả dân chúng địa phương, cho những bệnh nhân và những người bị thương.

Mùa hè năm 1967 là thời kỳ gian khổ nhất trong những trang sử chiến đấu của tiểu đoàn. Có thể nói vắn tắt về thời kỳ ấy như sau: Không quân Mỹ hoàn toàn thống trị trên bầu trời, tình trạng hoàn toàn không có đường sá, việc vận chuyển hàng bằng đường biển bị phong tỏa. Các tiểu đoàn trong tình trạng chỉ được nhận cơ số hạn chế, sau khi bắn cạn số tên lửa dự trữ thì chỉ nhận được mỗi lần từ một đến ba quả tên lửa mà thôi. Trong khi ấy ngày nào cũng vậy, buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều không quân Mỹ tiến hành những cuộc đánh phá trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Không ít lần dùng mắt thường cũng thấy trên bầu trời có đến 8, 16, 24 và thậm chí là 32 máy bay Mỹ.

Vào một ngày như thế sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn quyết định bắn tên lửa vào một tốp máy bay, trước đó đồng chí ấy ra lệnh cho các chuyên gia quân sự Liên Xô và các đồng chí Việt Nam nào không trực tiếp tham gia chiến đấu phải vào hầm trú ẩn. Trong tiểu đoàn lúc ấy chỉ có 2 quả tên lửa và chúng đã được phóng đi. Gió thổi về phía các ngôi làng những cột khói đen dày đặc của thuốc súng và bụi bốc lên bởi luồng khí phụt ra từ các động cơ gia tốc tên lửa khi được phóng đi. Những chiếc máy bay bay trên bầu trời lúc đó bắt đầu bắn tên lửa và ném bom vào đám mây khói ấy với diện tích ngày một rộng ra. Hậu quả những cuộc oanh tạc ấy là trên thực tế ngôi làng đã bị thiêu rụi và đã có một số lượng lớn dân thường bị thương vong. Tiểu đoàn chúng tôi bị những hư hại nhỏ ở đài điều khiển tên lửa, còn đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu của tiểu đoàn ở phía ngoài trận địa thì bị phá hủy.

Sau trận đánh này hai tiểu đoàn của trung đoàn chúng tôi nhận nhiệm vụ đánh theo kiểu “phục kích”, rời trận địa đến tỉnh Sơn La theo tuyến đường Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La, với nhiệm vụ đánh các máy bay gây nhiễu EB-66. Cuộc chuyển quân này được thực hiện theo kiểu “bắc cầu”, nghĩa là chỉ có một tiểu đoàn có thể ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu tại trận địa phóng tên lửa, còn tiểu đoàn thứ hai thì hành quân hoặc trong tư thế hành quân và được nguy trang. Mỗi tiểu đoàn nhận được 12 quả tên lửa. Tốp chuyên gia quân sự Liên Xô trong tiểu đoàn đảm nhận việc triển khai tiểu đoàn tại trận địa phóng tên lửa sau khi kết thúc hành quân và đưa khí tài vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu, cũng như huấn luyện cho các trác thủ điều khiển thiết bị bám sát mục tiêu bằng tay và giúp đỡ các chuyên viên Việt Nam giải quyết những nhiệm vụ được đặt ra cho họ.

Cuộc chuyển quân của các tiểu đoàn diễn ra bình thường. Tại những trận địa mới đến họ đã tiến hành mấy trận đánh thắng lợi, nhưng trận đánh chính yếu nhằm vào chiếc EB-66 thì bị thất bại do lỗi của một trác thủ vận hành thiết bị bám sát mục tiêu bằng tay. Chiếc máy bay tạo nhiễu đã không bị hề hấn gì và bay đi mất.

Tháng 7 - tháng 8 - 1967 tốp chuyên gia quân sự của chúng tôi huấn luyện cho một tiểu đoàn tên lửa phòng không và đảm bảo việc chuyển tiểu đoàn này về khu vực phía nam của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vào khu vực thành phố Vinh, với cách đánh theo kiểu “phục kích” nhằm vào các máy bay ném bom chiến lược B52. Cuộc chuyển quân của tiểu đoàn diễn ra thành công. Tốp chuyên gia quân sự của chúng tôi trong tiểu đoàn này đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và trở về Tổ quốc với đầy đủ quân số, rời tiểu đoàn sau khi đã chuẩn bị cho tiểu đoàn có tư thế sẵn sàng chiến đấu với đội ngũ chiến đấu đã được đào tạo huấn luyện tốt và làm việc nhịp nhàng.

Trong một năm tác chiến, tiểu đoàn chúng tôi đã nhiều lần được Bộ Tư lệnh Phòng không - không quân của Việt Nam khích lệ. Tiểu đoàn đã được trao tặng một số phần thưởng trong



chiến đấu, do nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng (vào thời kỳ ấy ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa áp dụng việc trao tặng tập thể). Tất cả các chuyên gia Liên Xô trong tổ chúng tôi đã được tặng Huy chương Hữu nghị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đến cuối năm 1967 chúng tôi được tặng thưởng các Huân chương Liên Xô: Huân chương Sao đỏ hoặc các Huy chương Chiến công.

Từ đó đến nay đã mấy thập kỷ trôi qua, làm mờ đi trong ký ức một số sự kiện, họ tên của một số đồng đội. Nhưng trong những cuộc gặp gỡ gần như hằng năm vào ngày 5-8 tại Mátxcova, với lòng kính trọng, chúng tôi nhớ đến nhiều đồng chí chúng tôi, trước hết là Trung tá N. Bêrêgovôi, người chỉ huy tập chuyên gia quân sự Liên Xô trong trung đoàn các chuyên gia về khí tài trong đài điều khiển tên lửa các Đại úy V. Dúpco và A. Crulốp, Thượng úy Ph. Ôpxiêvích, Trung úy L. Xcrunxki, V. Vaxilencô bác sĩ của nhóm chuyên gia trong trung đoàn, trác thủ vận hành thiết bị bám sát mục tiêu bằng tay, binh nhất A. Oóclop. Nhớ về thời ấy, chúng tôi nói: mặc dù chúng tôi không xông vào tấn công các đồn bốt địch, không dẫn các đơn vị xông lên tấn công và không phải lúc nào cũng chỉ huy trận đánh và thực hiện những vụ phóng tên lửa vào các mục tiêu trên bầu trời và dẫn đường cho các tên lửa, nhưng chúng tôi đã làm một công việc lớn lao - đã đào tạo các bạn Việt Nam để họ giải quyết thắng lợi những nhiệm vụ chiến đấu.

Các chuyên gia Liên Xô đã đảm bảo tư thế sẵn sàng chiến đấu cao của tiểu đoàn nhằm đánh trả các cuộc oanh tạc của không quân địch. Họ đã không nao núng trong những tình huống phức tạp và nguy hiểm của các trận không chiến trong điều kiện diễn ra cuộc chiến vô tuyến điện tử và hỏa lực. Cùng với các bạn Việt Nam họ đã thực hiện công việc nặng nhọc là chuyển các khí tài chiến đấu từ tư thế hành quân sang tư thế sẵn sàng chiến đấu và ngược lại. Đồng thời mỗi chuyên gia làm việc bằng hai và thậm chí bằng ba người.

Tinh thần kiên cường và tự chủ của họ là tấm gương cho các bạn Việt Nam, những người mà cho tới nay vẫn được chúng tôi dành cho những tình cảm thân thiết và những thiện cảm, sự kính trọng và niềm tự hào vì tình hữu nghị giữa chúng tôi, được tôi luyện trong chiến đấu, đả trụ vững trước sự thử thách của thời gian và khoảng cách.

Thành phố Tôve, ngày 28-3-2002

\*\*\*

# ĐẠI TÁ VÔICÔ ĐMITƠRI ĐANILÔVÍCH, Phó tiến sĩ khoa học kỹ thuật, cán bộ khoa học chủ chốt.

Ông sinh ngày 1-11-1942 tại tỉnh Vinhít.

Năm 1950 ông vào học tại Trường Kỹ thuật vô tuyến quân sự Cờ đỏ ở Gitômia. Sau khi tốt nghiệp vào năm 1963 ông tiếp tục phục vụ trong Binh chủng phòng không Liên Xô.

Từ tháng 10-1966 đến tháng 10-1967 ông đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam, với vai trò là kỹ thuật viên trưởng trong hệ thống xác định tọa độ của bộ khí tài tên lửa phòng không.

Sau khi từ Việt Nam trở về nước, ông được cử giữ chức chỉ huy Tiểu đội 1 - sĩ quan đài điều khiển tên lửa của tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Năm 1974 ông tốt nghiệp Học viện kỹ thuật công trình vô tuyến quân sự mang tên Nguyên soái Gôvôrốp và được cử đến Mátxcova làm việc tại Viện nghiên cứu khoa học quân sự là nơi ông đã kết thúc sự nghiệp phục vụ quân ngũ vào năm 1996 với chức vụ quyền trưởng ban.

Ông được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ, Huy hiệu Chiến sĩ quốc tế và 12 huy chương, trong đó có Huy chương Hữu Nghị của Việt Nam.

# TRÊN MẢNH ĐẤT VIỆT NAM NÓNG BỎNG TRONG KHÁNG CHIẾN

Đối với tôi thông báo về chuyển công tác sang nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một tin rất đột ngột, tuy có khá nhiều thông tin về những sự kiện đang diễn ra tại đó, kể cả thông tin về sự cố mất của các chuyên gia quân sự Liên Xô tại quốc gia thân hữu ấy và về sự tham gia của họ vào cuộc chiến đấu chống không quân Mỹ.

Việc này xảy ra vào cuối tháng 8-1966, ngay sau ngày tiểu đoàn tên lửa phòng không nơi tôi phục vụ trở về từ bãi thử vũ khí, sau khi thực hành các cuộc khai hỏa tác chiến và được nhận điểm "xuất sắc".

Sau gần một tháng có mặt ở vùng sa mạc miền nam Liên Xô và đã mệt lử vì cái nóng làm kiệt sức, nhưng tâm trạng của tôi (lúc ấy tôi chưa lập gia đình) lại phấn chấn vì được chỉ huy cho nghỉ một ngày. Tôi đã vào thành phố để nghỉ ngơi và gặp gỡ bạn bè.

Buổi tối hôm ấy thật tuyệt, có âm nhạc và rượu vang. Nhưng khi bữa tối gần kết thúc thì vị chỉ huy trực tiếp của tôi (trưởng nhóm) bất ngờ xuất hiện trong gian nhà hàng và thông báo tôi được triệu tập khẩn cấp đến ban tham mưu của trung đoàn liên quan đến một vấn đề rất quan trọng.

Toàn bộ việc này kết thúc bằng chuyến đi của tôi trong thành phần một đoàn lớn các chuyên gia quân sự Liên Xô sang nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào tháng 10-1966.

Máy bay chở chúng tôi hạ cánh ở ngoại thành Hà Nội vào ban đêm. Mọi người rất căng thẳng (dù gì thì đại đa số những người trong đoàn chuyên gia này lần đầu tiên đặt chân đến miền đất đang bùng cháy ngọn lửa chiến tranh). Ấy vậy ở đây còn trông thấy những ánh chớp loé lên trên bầu trời đen như mực của phương nam và tiếng bom nổ vọng đến tận sân bay.

Từ sân bay về thành phố Hà Nội chúng tôi đi xe ô tô, hầu như không bật đèn pha. Những đèn "cốt" chỉ chiếu sáng ở phía dưới bánh xe mà thôi. Thực ra, đây cũng là cách di chuyển trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong suốt thời gian tôi phục vụ tại Việt Nam.

Sau một thời gian ngắn lưu lại Hà Nội liên quan đến việc giải quyết các vấn đề tổ chức, tôi đã được bố trí trong thành phần tổ chuyên gia Liên Xô gồm 10 người, đứng đầu là Đại tá Vaxih Grigônêvích Bai cốp, người đã từng tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Liên Xô (tiếc rằng, nay ông đã qua đời). Chúng tôi đã tới tận phía nam của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tức là đến tỉnh Nghệ An để thay thế cho các đồng chí đã mãn hạn phục vụ.

Tôi muốn nói những lời tốt đẹp để nhớ đến các bạn cùng chiến đấu với tôi ở Việt Nam - các bạn thuộc nhóm chuyên gia Liên Xô cùng ở một trung đoàn, đó là:

Kỹ sư trưởng của trung đoàn, Trung tá Iuri Pêtorôvích Men sích;

Sĩ quan đài điều khiển tên lửa, Thượng úy Iuri Carataép;

Kỹ thuật viên ca bin điều khiển "P", Thượng úy Vaxili Grigôriêvích Igrépxki;

Kỹ thuật viên hệ thống phát lệnh, Thượng úy Alêchxandơ Xtêpanôvích Pôpadencô;

Kỹ thuật viên máy phát lệnh vô tuyến, Thượng úy Vladimia Paxcô;

Chỉ huy trung đội thuộc đại đội phóng tên lửa, Trung úy Ivan Môrôdốp;

Chỉ huy trung đội trinh sát (thuộc trạm trinh sát và chỉ thị mục tiêu), Thượng úy Iuri Giôđanốp;

Đại úy bác sĩ quân y Vladimia Mikhailôvích Côcarép.

Sau hai đêm chúng tôi đã đến địa điểm được ấn định. Trong quá trình hành quân chúng tôi đã rơi vào một số tình huống bất bình thường đối với chúng tôi mà về sau đã trở thành thông lệ.

Chẳng hạn, ngay trong đêm đầu tiên của cuộc hành quân, trên đường đi chúng tôi đột nhiên gặp phải một chướng ngại vật. Do hậu quả trận mưa nhiệt đới, thay vì một con suối nhỏ cắt ngang đường (ở Việt Nam có hàng nghìn những con suối như vậy) lại xuất hiện một con sông có bề rộng chừng 50 mét và sâu đến khoảng một mét rưỡi. Tình hình này buộc chúng tôi phải

cởi gần hết quần áo, cột quần áo lên đầu, còn 2 chiếc ô-tô (kiểu GAZ-69) thì phải đẩy bằng tay sang bờ bên kia và tiếp tục đi như vậy.

Vào đêm thứ hai, trên con đường núi trước mặt chúng tôi xuất hiện một trở ngại không vượt qua nổi. Đó là một cái hố to xuất hiện do một quả bom Mỹ ném xuống chưa lâu. Hậu quả là bị tắc đường. Trên đoạn đường này đã bình thành một dãy xe tô kéo dài (chủ yếu là các xe tải chở hàng vào miền Nam). Đến đây dân chúng địa phương (bà con nông dân) ra giúp chúng tôi. Trong quá trình lấp hố bom này họ đã thực sự lập nên những kỳ tích. Trong đêm tối, trên thực tế không có đèn chiếu sáng và không có các phương tiện kỹ thuật làm đường chuyên dụng (họ chỉ có cuốc chim, xẻng và các sọt đựng đất) và trong một thời gian khá ngắn, họ đã phục hồi con đường. Thế là các phương tiện vận tải lại tiếp tục hoạt động.

Ngay sau khi đến địa điểm được ấn định, chúng tôi liền bắt tay vào công việc. Trước hết chúng tôi gặp Ban chỉ huy của Trung đoàn tên lửa phòng không 238 của Quân đội nhân dân Việt Nam và của các tiểu đoàn tên lửa phòng không, thảo luận tình hình trong khu vực đóng quân của trung đoàn, tình hình khí tài và những nhiệm vụ được đặt ra cho trung đoàn. Sĩ quan chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không 238 của Việt Nam là Trung tá Hội, phó chỉ huy là Thiếu tá Cảnh (Кань), kỹ sư trưởng là Thiếu tá Ngọc. Tất cả những đồng chí ấy là những viên chỉ huy được đào tạo có bài bản, đã có kinh nghiệm chiến đấu khá phong phú trong việc đánh trả các cuộc oanh tạc của không quân Mỹ.

Đặc điểm của Trung đoàn tên lửa phòng không 238 - nơi nhóm chuyên gia chúng tôi triển khai hoạt động - là ở chỗ nó là đơn vị duy nhất chiếm vị trí tiền đồn trong công cuộc phòng thủ của Quân đội nhân dân Việt Nam chống không quân địch và thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu không có sự yểm trợ của những phương tiện chiến đấu khác. Vì vậy, các đơn vị chiến đấu của nó (các tiểu đoàn), nhằm tránh bị tổn thất, đã buộc phải thay đổi trận địa chiến đấu của mình sau mỗi lần phóng tên lửa và tạo ra các "điểm phục kích" mới để hạ máy bay Mỹ. Chúng tôi cũng đã cùng với họ di chuyển khắp vùng phía nam của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nhiệm vụ chủ yếu của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô là duy trì các bộ khí tài tên lửa phòng không trong trạng thái kỹ thuật tốt và thường xuyên nâng cao trình độ tác chiến và trình độ kỹ thuật của các chuyên gia quân sự trong trung đoàn.

Phần kỹ thuật của nhiệm vụ được giải quyết bằng cách đưa các chuyên gia tương ứng đến tận cơ sở (các tiểu đoàn). Tại đó tiến hành công việc khắc phục những hư hỏng hoặc cùng với các chuyên viên Việt Nam tiến hành các công việc bảo trì (theo quy định). Không ai ấn định và kiểm đếm số lần đi cơ sở. Tất cả các chuyên gia trong nhóm đều chấp nhận một cách bình thản tính chất cần thiết, tính chất cấp bách và tính chất bất ngờ của những công việc ấy, xem đó là bổn phận hoặc như vẫn nói ở Liên Xô đó là việc cần làm!

Đồng thời cũng diễn ra quá trình huấn luyện cho các chuyên viên Việt Nam và truyền đạt cho họ kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời, việc giải quyết phần thứ hai của nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể là công tác huấn luyện được chú ý rất nhiều trong thời kỳ ấy, đồng thời cũng chú ý nhiều đến những đơn vị chiến đấu của trung đoàn mà vì những lý do nào đó đã không thể tham gia tác chiến.

Tuy nhiên, trong quá trình nhóm chuyên gia chúng tôi thực hiện những nhiệm vụ được đặt ra đã xuất hiện nhiều tình huống và hoàn cảnh khác nhau, trước hết do những đặc điểm của tình hình diễn biến trong khu vực đóng quân của trung đoàn. Trên thực tế các máy bay trinh sát hoặc các máy bay chiến đấu liên tục quần đảo trên bầu trời. Bên cạnh đó là tình trạng không có các cây cầu bắc qua sông (vì đã bị phá hủy trong các trận oanh tạc của máy bay địch) - ở Việt Nam số lượng các con sông ấy rất lớn - và những trận bắn phá thường xuyên của máy bay địch nhằm vào các bến phà qua sông (vào ban đêm địch dùng pháo sáng) tại những nơi cần vượt sông để tới các địa điểm đã định. Những điều kiện khắc nghiệt của khí hậu Việt Nam đã để lại dấu ấn: không khí oi bức, độ ẩm cao làm cho cơ thể người mất trọng lượng đáng kể, đôi khi còn dẫn đến chỗ bị ngứa.

Về phương diện này tôi chỉ muốn kể về một trường hợp. Theo tôi, trường hợp này sẽ cho phép nhấn mạnh sự thật là các chuyên gia quân sự Liên Xô đã phải làm việc trong những điều

kiện phức tạp như thế nào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc tế của mình.

Đầu tháng 2-1967 nhân dịp Tết của Việt Nam theo lịch phương Đông, giữa Mỹ và miền Bắc Việt Nam tuyên bố ngừng chiến trong mấy ngày.

Tranh thủ thời gian ngừng chiến này Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã quyết định đưa một tiểu đoàn tên lửa phòng không đến khu phi quân sự (Vĩ tuyến 17) nhằm mục đích tổ chức “phục kích” tại đó và giáng đòn bất ngờ vào kẻ địch. Nhóm chuyên gia chúng tôi cũng lên đường theo sau tới khu vực ấy.

Tình hình ở vùng giáp ranh giữa Bắc và Nam Việt Nam thật sự giống khu vực giáp mặt trận (hoàn toàn theo nghĩa đen của từ này). Phần lớn các ngôi nhà ở đó đã bị phá trụi sau những trận ném bom bất tận. Đa số dân chúng địa phương sống trong các hầm ngầm dưới đất. Chúng tôi cũng được bố trí sống trong những căn hầm như thế.

Trên thực tế trong mỗi ngôi nhà (mỗi căn hầm) mà chúng tôi có dịp đến thăm đều có những khẩu súng và những chuỗi lựu đạn treo trên vách hầm. Dân chúng trong tư thế sẵn sàng lao vào trận chiến không cân sức với quân xâm lược đã đến chiếm đóng miền Nam và bất cứ lúc nào cũng có thể thâm nhập vào lãnh thổ miền Bắc. Mặc dù có ngừng chiến trong dịp Tết nhưng pháo hạng nặng của Mỹ vẫn tiếp tục bắn vào lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (đạn pháo vẫn thường xuyên rít trên đầu chúng tôi). Đã diễn ra liên tục các cuộc chuyển quân của quân giải phóng từ Nam ra Bắc (để nghỉ ngơi) và ngược trở vào miền Nam (để tiếp tục chiến đấu). Trong bối cảnh ấy người ta thấy hành động xấc xược của các phi công Mỹ. Bọn này bay lượn vòng vèo chỉ cách chỗ chúng tôi đóng quân 5 - 10 km để luyện tập ném bom chính xác. Vì sự chủ quan này mà chẳng bao lâu sau đó chúng đã phải thực sự trả giá. Sau đây một chút tôi sẽ đề cập đến chuyện này.

Sau khi tới khu vực đã định (sau một thời gian nghỉ ngơi ngắn) nhóm chuyên gia chúng tôi đã đến trận địa của tiểu đoàn. Đến thời điểm ấy bộ khí tài tên lửa phòng không đã được triển khai và nguy trang khá tốt. Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị cẩn thận khí tài để thực hiện nhiệm vụ quan trọng. Công việc được tiến hành cả đêm lẫn ngày, vì thời gian ngừng chiến rất ngắn, mà nhiệm vụ đặt ra lại đòi hỏi tiểu đoàn phải ở trong tư thế sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ chiến đấu trước khi thời gian ngừng chiến kết thúc.

Nhờ những nỗ lực chung của các chuyên gia Liên Xô và các chuyên viên Việt Nam, mọi công việc chuẩn bị đã được hoàn thành đúng thời gian quy định, còn các thông số của bộ khí tài tên lửa phòng không thì đã được lập chuẩn. Phải nhấn mạnh rằng các bạn Việt Nam rất quan tâm đến các chuyên gia Liên Xô và trong những giây phút nguy hiểm họ đã nỗ lực hết sức để bảo vệ sinh mạng của các chuyên gia. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã trực tiếp chỉ thị về vấn đề này. Ý thức này cũng được thể hiện cả trong hoàn cảnh của chúng tôi.

Thời gian ngừng chiến đã chấm dứt, bộ khí tài tên lửa phòng không đã sẵn sàng, do đó Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã đề nghị nhóm chúng tôi rút ra khỏi “khu vực” để chúng tôi không bị rơi vào nguy hiểm. Khi trưởng nhóm chuyên gia của chúng tôi tìm cách tỏ ý không tán thành đề nghị này thì người ta đã lịch sự đáp lại: “Các đồng chí đã hoàn thành phần nhiệm vụ của mình, còn chúng tôi sẽ cố gắng hoàn tất phần nhiệm vụ còn lại. Chúng tôi chịu trách nhiệm về sinh mạng của từng người trong các đồng chí”.

Sự quan tâm và thái độ chú ý đến chúng tôi còn thể hiện cả trong thời gian các trận địa chiến đấu của bộ khí tài tên lửa phòng không bị oanh kích, cả trong những chuyến công tác trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cũng như trong những hoàn cảnh nguy hiểm khác. Mỗi bước đi của chúng tôi đều có sự nguy hiểm rình rập. Điều này đã được chúng tôi một lần nữa nhận thức được khi quay trở về từ “khu vực” đã nêu trên.

Chúng tôi rút ra khỏi “khu vực” ấy đúng vào lúc địch tiếp tục những cuộc oanh tạc với cường độ cao vào lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc hành quân ấy hóa ra là rất phức tạp. Chúng tôi đi vào ban đêm. Mặt đất và bầu trời thật sự rung chuyển vì những tiếng bom nổ và “những chiếc đèn pha” treo lơ lửng ở khắp nơi. Xe chúng tôi chạy chậm, nhiều khi phải dừng lại và ẩn nấp dưới tán lá cây hoặc dưới lòng con mương nào đó. Mọi chuyện đã trôi qua.

Đến đêm khuya chúng tôi tới một bến phà qua con sông rộng khoảng 500 - 600 mét. May

mắm là vào thời điểm ấy chung quanh chúng tôi đều im ắng (có thể bọn Mỹ đã đi nghỉ), do vậy chúng tôi đã lên phà qua sông suôn sẻ. Sau đấy các bạn Việt Nam bố trí chúng tôi nghỉ lại tại một ngôi làng ở gần con sông. Chúng tôi ngủ trên những chiếc chiếu. Một giấc ngủ chập chờn không yên sau những gì đã trải qua trong ngày hôm ấy. Đến sáng hôm sau dân chúng địa phương cho chúng tôi biết chiếc phà đêm hôm trước chở chúng tôi qua sông đã nổ tung vì vướng phải thủy lôi nổi trên mặt nước. Bọn Mỹ vào thời gian ấy đã bắt đầu sử dụng rộng rãi loại thủy lôi ấy ở vùng cửa sông của những con sông lớn, tại các bến phà. Chúng tôi được biết, chiếc phà ấy bị nổ khi thực hiện chuyển vượt sông ngay sau khi đưa chúng tôi qua sông. Vậy là một lần nữa chúng tôi lại gặp may.

Vài ngày sau khi về đến địa điểm “thường trú” của mình, chúng tôi nhận được tin là tại khu vực Vĩ tuyến 17, các chiến sĩ tên lửa của Việt Nam thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 238 lần đầu tiên đã bắn rơi những chiếc máy bay chiến lược B-52. Về sau được biết rõ thêm về những chi tiết của trận đánh ấy.

Sau khi nguy trạng cẩn thận và tuân thủ chế độ tuyệt đối không phát sóng, tiểu đoàn tên lửa phòng không đã kiên trì chờ đợi tại điểm phục kích. Bọn phi công Mỹ vì đã bao nhiêu lần tin vào sự an toàn không bị trừng phạt của mình, nên tốp B-52 gồm 3 chiếc đã thực hiện trận oanh tạc thường lệ vào các mục tiêu trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gần Vĩ tuyến 17 mà không cần sự yểm trợ bằng gây nhiễu. Do vậy, chúng đã phải trả giá: với 2 quả tên lửa phóng đi, các chiến sĩ tên lửa Việt Nam đã bắn rơi 2 chiếc B-52. Một chiếc rơi trong vùng núi trên lãnh thổ Lào, chiếc thứ hai rơi xuống biển, còn chiếc thứ ba thì bỏ chạy.

Không nghi ngờ gì nữa, trong thắng lợi này, yếu tố bất ngờ của trận phục kích đã đóng vai trò to lớn. Ngoài ra khí tài cũng không có sự trục trặc nào. Thắng lợi này là kết quả của những sự nỗ lực chung của các chuyên gia quân sự Liên Xô và Việt Nam.

Rất đáng tiếc, trong trận đánh này không tránh được tổn thất cho bộ khí tài tên lửa phòng không. Trên thực tế bọn Mỹ không thể bình thản chấp nhận thất bại của mình, các máy bay yểm trợ đã hoàn toàn phá hủy bộ khí tài và không thể phục hồi được.

Sau cùng tôi thấy cần phải nêu rõ rằng trong thời gian tham gia chiến đấu tại Việt Nam, các chuyên gia quân sự Liên Xô đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng các phương tiện vô tuyến - ra đa trong chiến đấu và khai thác những phương tiện ấy trong những điều kiện phi chuẩn. Kinh nghiệm này đã giúp phát triển hơn nữa và hoàn thiện các phương tiện tên lửa phòng không của Binh chủng phòng không của Liên Xô.

Tháng 3-2004

\*\*\*

# RÔXLIACÔVA LIUBỐP IVANỐPNA

Bà sinh ngày 23-6-1939 tại thành phố Sácgiâu thuộc Tuốcmênia.

Năm 1956 bà tốt nghiệp phổ thông ở tỉnh Tam bốp, sau đó bà đã học 2 khóa học của khoa lịch sử Trường Đại học tổng hợp quốc gia Mátxcova. Bà làm việc tại Viện Hàn lâm không quân mang tên Giucốp ở Mátxcova.

Từ tháng 3-1967 đến tháng 7-1968 bà phục vụ trong Quân đội Liên Xô, công tác tại Văn phòng Tham mưu trưởng - Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam.

Từ năm 1971 đến nay bà là chuyên viên cao cấp tại Viện Lịch sử quân sự thuộc Bộ Quốc phòng Liên bang Nga.

Bà được tặng thưởng các Huy chương: Lao động vẻ vang, Lao động xuất sắc, Lao động lão thành, 100 năm nguyên soái Giucốp, 200 năm Bộ Quốc phòng nước Nga và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

Cuối năm 1966 tôi được triệu tập đến Tổng cục 10 Bộ Tổng tham mưu Bộ Quốc phòng Liên Xô và nhận được lời đề nghị sang công tác tại ban tham mưu của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam.

Tôi chỉ biết về đất nước Việt Nam qua các sách giáo khoa cũng như qua các phóng sự truyền hình về cuộc chiến tranh tàn khốc trên đất nước ấy, nỗi đau và những nỗi khổ cực của nhân dân Việt Nam. Thật khủng khiếp khi nhìn thấy cảnh địa ngục mà bọn Mỹ đã bắt nhân dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình phải gánh chịu. Tưởng chừng tôi phải nêu câu hỏi: liệu tôi có cần đi đến đất nước ấy không, để làm việc trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ? Nhưng tôi đã không nêu ra câu hỏi ấy, vì tôi muốn có một sự giúp đỡ nào đó dành cho nhân dân Việt Nam đánh trả cuộc xâm lược của Mỹ. Nếu ban lãnh đạo Liên Xô đã quyết định gửi đến đất nước ấy các chuyên gia quân sự để giúp Quân đội nhân dân Việt Nam đang chiến đấu thì điều đó là cần thiết, tức là một giọt sức lao động của tôi sẽ được rót vào công cuộc giúp đỡ chung dành cho Việt Nam. Tất cả chỉ có vậy. Vấn đề đã được giải quyết, tôi đã đồng ý.

Không một ai, kể cả gia đình tôi được biết việc tôi được cử sang công tác tại Việt Nam. Tại Đảng ủy của Bộ Thương mại - nơi tôi đang làm việc và là cơ quan cấp giấy nhận xét xuất cảnh cho tôi - người ta rất bất bình vì tôi không nêu tên đất nước tôi sắp tới công tác. Người ta khẳng khái đòi hỏi tôi phải nêu tên đất nước tôi sẽ đến. Người ta bảo rằng có thể tôi đang sửa soạn sang Mỹ.

Sáng hôm sau tôi đành phải báo cáo chuyện này lên Tổng cục 10 Bộ Tổng tham mưu cho Đại tá A. A. Aléxhêép. Cuối ngày hôm ấy một ủy viên trong Đảng ủy của Bộ đã đem đến cho tôi giấy giới thiệu đã được phê chuẩn, không ghi tên nước đến công tác, ngoài ra vị này còn xin lỗi về sự thiếu tế nhị xảy ra hôm trước.

Vào cuối tháng 3-1967 tôi ở trong Đoàn chuyên gia quân sự xuất phát từ sân bay quân sự Socalop bay đến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao cho - theo cách nói tại Tổng cục 10 Bộ Tổng tham mưu.

Chúng tôi đáp máy bay đến Việt Nam vào đêm khuya, chung quanh đều im lặng. Khi vừa từ máy bay bước ra tôi lấy làm kinh ngạc trước cảnh tối như mực, không khí ngột ngạt, nóng bức và nồng nồng. Những người đến đón chúng tôi là các quân nhân Việt Nam và các đại diện ban chỉ huy của phía Liên Xô. Trong số các chuyên gia quân sự đã tới Việt Nam thì ngoài tôi ra không có phụ nữ nào cả. Từ sân bay người ta chở chúng tôi tới khách sạn ở khu Kim Liên. Người ta chuyển những chiếc vali của tôi vào phòng khách sạn và bảo rằng sẽ có người đến đưa tôi đến nơi nhận công tác.

Khi còn lại một mình tôi mới ngẫm nghĩ căn phòng mà tôi sẽ phải sống trong một thời gian. Mọi cái đều rất thích, chỉ có một thứ mà tôi không rõ mục đích sử dụng: đó là một tấm vải màn được chằng cột vào những que kim loại ở phía đầu giường. Nhưng vì tôi phải nhanh chóng đến nơi làm việc, cho nên không có thời gian suy nghĩ về chuyện này và tôi đã ngủ thiếp đi. Nhưng đến khi thức dậy và soi vào gương thì tôi không nhận ra mình nữa, vì bị muỗi đốt khắp người. Đến lúc đó tôi đã hiểu chiếc màn cuộn ở phía trên giường là dùng vào việc gì: để khỏi bị muỗi đốt.

Vào 7 giờ sáng người ta chở tôi đến nơi làm việc (ngày làm việc bắt đầu từ 7 giờ sáng). Từ 12 giờ đến 13 giờ là giờ ăn trưa, sau đó nghỉ đến 17 giờ, sau 17 giờ lại làm việc tới khuya hoặc đến sáng. Sau bữa ăn trưa nhất thiết phải nghỉ ngơi, vì không khí nóng nực gây mệt mỏi và độ ẩm đạt đến 99%. Cả ngày lẫn đêm nhiệt độ và độ ẩm đều giống nhau, không có chút mát mẻ nào. Thời gian nghỉ ngơi sau bữa ăn trưa có tác dụng lấy lại sức lực đôi chút.

Tôi bắt đầu làm việc ngày đầu tiên trong phòng làm việc của Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam - đó là Thiếu tướng Grigôri Andrêévích Bêlốp. Khi người ta giới thiệu tôi với đồng chí ấy, sau khi nhìn thấy trên khuôn mặt tôi những nốt muỗi cắn chi chít, đồng chí đã tỏ ra rất hết hoảng và bức tức trước việc người ta đã không báo trước cho tôi biết tính chất nguy hiểm của những vết muỗi đốt ấy và không bảo cho tôi phải nằm màn khi ngủ để khỏi bị



muối đốt.

Trong cuộc trao đổi với tôi, đồng chí Grigôri Andrêêvích đã báo trước rằng công việc sẽ bận rộn và phải thực hiện những công việc ấy một cách có chất lượng, nhanh chóng, không kể giờ giấc, bởi vì mỗi tháng có 2 lần thông tin được gửi về Mátxcova theo đường bưu điện ngoại giao. Để kịp thời chuẩn bị và lập thủ tục mọi giấy tờ tài liệu gửi Bộ Tổng tham mưu cho kịp chuyến bưu điện thường kỳ thì đôi khi tôi phải làm việc suốt từ sáng hôm trước đến tận sáng ngày hôm sau.

Khi sống ở Việt Nam tất cả chúng tôi rất mong chờ những chuyến bưu điện ngoại giao. Đối với chúng tôi ngày nhận bưu phẩm luôn luôn là ngày hội, bởi vì vào những ngày ấy chúng tôi nhận được thư nhà. Không có hình thức liên lạc nào khác với gia đình, với người thân.

Có rất nhiều thư từ gửi cho tất cả các chuyên gia Liên Xô: đôi khi chúng tôi tiếp nhận đến mấy bịch to những thư từ ấy.

Sau một thời gian người ta chuyển chỗ ở của tôi đến một ngôi nhà đã có 4 người đang ở - đó là các cán bộ của Sứ quán. Tất cả chúng tôi sống với nhau rất hòa thuận, giúp đỡ nhau theo khả năng của mình. Nếu có trường hợp nhận được bánh mì đen hoặc cá trích muối thì chúng tôi cũng chia đều cho nhau những thức ăn ưa thích đó và ngày hôm ấy cũng là ngày hội đối với chúng tôi.

Khoảng đầu tháng Tư, lần đầu tiên tôi được nghe thấy còi báo động, mà vẫn chưa hay biết đó là cái gì. Sau đấy từ loa phóng thanh vọng ra những câu như: "Có máy bay Mỹ!" "Có máy bay Mỹ!" hóa ra đó là báo động có máy bay Mỹ, còn phát thanh viên thì thông báo máy bay Mỹ đang đến gần, cần vào hầm trú ẩn tránh bom. Trong mỗi sân nhà và trên mỗi đường phố đều có những hầm trú ẩn như vậy. Thuật ngữ "hầm tránh bom" ở đây chưa đúng nghĩa lắm. Trên thực tế đây là cái hố có nắp dầy, sâu khoảng 1 mét rưỡi và đường kính rộng khoảng nửa mét. Chiếc hầm như vậy chỉ vừa chỗ cho khổ người Việt Nam.

Tôi chưa kịp hoàn hồn thì trận oanh tạc đã bắt đầu. Thế là tôi đành phải nhảy xuống một chiếc hầm như vậy. Tôi bắt đầu dẩy nắp hầm nhưng không thể dẩy được nếu không có sự huấn luyện. Nhưng khi tôi tìm cách dẩy cái nắp hầm gần hơn về phía mình thì mới thấy chiếc hầm quá nông đối với tôi, cho nên đầu tôi thò ra bên trên hầm và không được bảo vệ. Sau khi hiểu ra rằng chiếc hầm sẽ không cứu được tôi, tôi đã chật vật trèo ra khỏi chiếc hầm ấy và chạy ngược trở lại vào nhà. Tại đó cảm thấy yên tâm hơn. Sau trận oanh tạc tôi lại đến nơi làm việc.

Hà Nội bị oanh tạc ban ngày, với khoảng thời gian ngừng ném bom vào giờ ăn trưa, sau giờ nghỉ trưa - đến chiều và đêm thì máy bay lại oanh kích dữ dội. Hàng ngày các phi công Mỹ thực hiện đến 30-40 lần xuất kích. Vào những ngày như vậy cảm thấy rất gian khổ, đặc biệt vào ban đêm. Khi có tín hiệu báo động, tôi và những bạn hàng xóm chồm dậy khỏi chăn, với y phục như lúc ngủ, đứng trong khung cửa lối ra vào phòng ở của mình. Đôi khi những khung cửa ra vào phòng ngủ vẫn còn nguyên vẹn, không bị tường và trần nhà đổ đè vào, cứu thoát được nhiều người. Trong giờ làm việc, khi xảy ra ném bom, tất cả chúng tôi cũng đứng trong các khung cửa phòng, và có rất đông người đứng dưới khung cửa như vậy, khiến cho nhìn từ bên ngoài vào có cảm tưởng là cửa bị lèn chặt.

Mỗi khi diễn ra trận ném bom, cảm giác thật khủng khiếp. Tôi cảm thấy chỉ một mình tôi thấy sợ hãi. Có một lần tôi khắc phục sự rụt rè và hỏi đồng chí Thiếu tướng Vladimia Pêtorôvích Xensencô, Anh hùng Liên Xô và đã từng tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại, rằng có khi nào đồng chí ấy cảm thấy khiếp sợ không. Đồng chí ấy trả lời rằng có cảm thấy khiếp sợ và thậm chí còn rất khiếp sợ. Chỉ có ai đã chết mới không sợ chết, còn người sống thì luôn luôn sợ chết. Điều đó là tự nhiên.

Sau đấy, ông còn nói rằng trong Chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Liên Xô, khi diễn ra cuộc oanh tạc có thể nắp, chẳng hạn ở góc nhà, trong bụi cây, chạy vào rừng v.v., còn trong cuộc chiến tranh này (tức là cuộc chiến tranh ở Việt Nam) bom trút từ trên không xuống dầy đặc cho nên không nắp hoặc trốn chạy vào đâu được. Bom, và nhất là bom bi, đều gây thương vong cho người ở trong nhà, trong rừng, tóm lại, ở khắp mọi nơi. Con người không có gì và không có nơi nào để tự bảo vệ mình. Do vậy, tại nơi này, xét về phương diện tâm lý, có cảm giác gian khó

hơn nhiều.

Sau cuộc trò chuyện ấy, tôi cảm thấy dễ chịu hơn, như trút được tảng đá đang đè nặng người mình. Tôi hiểu ra rằng tôi thấy khiếp sợ không phải vì tôi yếu đuối và là phụ nữ. Hóa ra, ai ai cũng thấy sợ hãi, ngay cả nam giới.

Những đêm không ngủ đã gây ảnh hưởng, đặc biệt sau những trận oanh tạc kéo dài: chẳng muốn uống, cũng chẳng muốn ăn, khi ngồi làm việc thì đôi mắt cứ díp lại vì thiếu ngủ, khi ấy tôi chỉ muốn ngủ, dù chỉ một giờ, nhưng phải làm việc. Không ai cho phép chúng tôi ngừng làm việc vì các trận oanh tạc. Có cả những trận bom phá và bom bi. Tôi nhớ rất kỹ ấn tượng về bom bi.

Vào một ngày mùa hè đã diễn ra một cuộc ném bom như vậy, khiến giờ đây nhớ lại tôi vẫn còn cảm thấy hãi hùng. Một quả bom bi rơi vào góc ngôi nhà là chỗ ở của các cán bộ thuộc Văn phòng tùy viên quân sự của Liên Xô. Hình như ngôi nhà ấy có ba tầng. Toàn bộ một góc nhà bị phá sập, chỉ còn lại một cái hố sâu, còn toàn bộ bức tường của ngôi nhà thì bị bom bi găm vào lỗ chỗ. Những ngôi nhà bên cạnh và nằm đối diện cũng bị hư hại. May mắn thay, lúc ấy mọi người đều ở nơi làm việc, cho nên không có ai bị chết.

Sau trận bom, chúng tôi đã bước vào một căn phòng của ngôi nhà nằm bên cạnh (trong ngôi nhà này có bố trí trạm y tế của chúng tôi) và nhìn thấy những lỗ bom bi chi chít trên các bức tường có lẽ dày khoảng 40 centimét. Các viên bi vương vãi trên giường, trên bàn và trên sàn nhà. Phía đối diện là những ngôi nhà của các đại diện ngoại giao và ngôi nhà của tôi. Tôi chợt nghĩ: “Không biết giờ đây căn phòng của tôi ra sao?”. Khi bước vào căn phòng ấy tôi nhìn thấy cảnh tượng thế này: máy điều hòa bật ra khỏi tường và văng ra ngoài đường cách xa 3 mét, tủ lạnh thì lăn lóc ở cuối phòng, cạnh bức tường đối diện, các khung cửa vỡ nát với những mảnh kính nằm vung vãi trên sàn, các cánh cửa cũng vậy. Không thể nào bình thần nhìn cảnh tượng này. Vậy mà thời gian của chuyển công tác biệt phái chỉ mới bắt đầu...

Một thời gian sau có tin đồn bọn Mỹ rải truyền đơn trong đó nói đến những cuộc ném bom hủy diệt thành phố Hà Nội, sau đấy chúng sẽ phá đê sông Hồng để nhấn chìm tất cả dân cư và mọi thứ. Những việc đó sẽ diễn ra nhanh chóng đến nỗi chúng tôi sẽ không kịp rút chạy đi đâu cả. Tôi đã hình dung ra cảnh bị chìm ngập dưới nước.

Tôi không biết bơi, vì vậy tôi đã ngắm nghía một cây cao có những bông hoa đỏ mọc cạnh ngôi nhà tôi ở và một cành cây to trên ấy, để khi cần sẽ trèo lên, dĩ nhiên là nếu tôi còn kịp làm việc đó. Tôi nghĩ, việc làm ấy sẽ không cứu được tôi nhưng tôi chuẩn bị cho mình về mặt tâm lý để sẵn sàng cho “lối thoát” ấy. May thay, điều đó đã không xảy ra. Máy bay Mỹ ném bom cả ngày lẫn đêm nhưng các chiến sĩ tên lửa Việt Nam với sự giúp đỡ của các chuyên gia quân sự Liên Xô, đã không để cho bọn Mỹ ném bom phá sập đê sông Hồng.

Những cuộc ném bom dữ dội diễn ra đặc biệt vào tháng 5-1967 vì gần đến ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và thế là ngày ấy đã đến, ngày 19 tháng Năm. Máy bay Mỹ bắn phá từ sáng, tôi vất vả lắm mới tới được Sứ quán, đi trên đường thật là sợ hãi, đất rung chuyển, từ trên cao tới tấp rơi xuống những mảnh đạn cao xạ. Nhưng tôi luôn luôn đội trên đầu chiếc mũ sắt mà tôi được tặng vào ngày 8-3 và không rời nó cả ngày lẫn đêm. Trên đường đi đến nơi làm việc tôi cũng đội mũ sắt. Máy bay liên tục ném bom cho đến giờ ăn trưa, sau đó như mọi khi, chúng nghỉ giải lao. Thế là chúng tôi kịp ăn trưa tại nhà ăn, nhưng rồi sau giờ nghỉ trưa lại bắt đầu những gì mà tưởng như đã đến ngày tận thế.

Sau đó một lúc chúng tôi ngó ra ngoài đường và nhìn thấy ở trên bầu trời, cách ngôi nhà của chúng tôi không xa, một chiếc máy bay Mỹ bốc cháy đang từ từ rơi xuống. Chiếc máy bay ấy có thể đâm vào đâu thì không ai biết: rơi vào ngôi nhà chúng tôi hay là rơi vào ngôi nhà bên cạnh. Tưởng chừng chiếc máy bay ấy rơi thẳng xuống đầu chúng tôi. Chúng tôi nhìn lên bầu trời và bắt đầu vĩnh biệt cuộc đời. Chỉ một giây nữa là chúng tôi có thể sẽ không còn nữa nếu chiếc máy bay ấy nổ tung. Không chỉ đối với chúng tôi đang sống trong ngôi nhà ấy, mà còn đối với tất cả ở chung quanh nếu máy bay rơi xuống cùng với cái bụng đầy bom.

Chiếc máy bay ấy cứ rơi thấp dần, lao về phía ngôi nhà chúng tôi ở và Câu lạc bộ quốc tế, mà ở phía sau Câu lạc bộ là Sứ quán Liên Xô. Chúng tôi nín thở và nhìn về phía có một tiếng nổ

manh khủng khiếp đến nỗi trong vài giây tôi đã không còn nghe được gì nữa. Sau khi trấn tĩnh, tất cả chúng tôi đều chạy đến chỗ đang bốc lên ngọn lửa cháy dữ dội. Khi chạy tới nơi, chúng tôi nhìn thấy máy bay rơi xuống đường phố ngay cạnh tường rào của Sứ quán Liên Xô, cắm sâu xuống đất, bên trên chỉ còn nhìn thấy những chiếc cánh của nó.

May mắn là nó không rơi thẳng vào Sứ quán và khoang chứa bom cũng đã cạn. Nhưng trong các bình nhiên liệu của nó lại có kêraxin (xăng nhẹ), do vậy loại nhiên liệu này bốc cháy. Nhưng điều đó không còn khiến người ta sợ hãi nữa. Sức ép đã làm cho trần nhà bong ra và kính trong một số phòng của Sứ quán vỡ ra ngoài. May mắn là không có thương vong.

Chúng tôi chưa kịp trấn tĩnh thì địch lại ném bom và có tin đồn rằng thế nào máy bay Mỹ cũng sẽ ném bom phá hủy đê.

Một lúc sau Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, Thiếu tướng G. A. Bêlốp đến gặp tôi và ra lệnh xuống hầm tránh bom ở cách Sứ quán không xa, trong khuôn viên Cơ quan đại diện thương mại Liên Xô. Tôi đã nhanh chóng chạy tới đó, lần đầu tiên tôi trông thấy một căn hầm tránh bom thật sự và liền chui xuống đó. Ở trong hầm tránh bom đã có nhiều người rồi. Chúng tôi ngồi ở dưới đó rất lâu ở phía trên nghe thấy tiếng nổ lớn làm rung chuyển trần nhà, tường nhà, mặt đất và tất cả mọi vật chung quanh. Sau đó mọi cái dần dần lắng xuống. Có ai đó bạo dạn quyết định ló mặt ra ngoài phố. Sau đó anh ta trở vào hầm trú ẩn và vui mừng báo tin rằng đã bắt đầu trận mưa rào rất to và có thể sẽ bớt những cuộc oanh tạc, bởi vì khi bầu trời nhiều mây thì tầm nhìn sẽ giảm. Quả thật vậy, máy bay Mỹ nhanh chóng bay đi theo hướng chúng đã xuất phát, nghĩa là bay về hướng vịnh Bắc Bộ, trở về các tàu sân bay.

Chúng tôi rất đổi vui mừng vì cơn mưa này. Kể từ ngày ấy bắt đầu có những cơn mưa kéo dài, còn chúng tôi ước những cơn mưa ấy không bao giờ chấm dứt.

Chúng tôi sống ở Việt Nam trong điều kiện có những trận bom dữ dội, sự nóng bức không thể chịu nổi và độ ẩm cao, tựa hồ như suốt cả ngày chúng tôi ngồi trong buồng tắm hơi. Ngay cả những chiếc ghế đá đặt ngoài đường phố cũng ướt vì hơi nước đọng lại. Trên người chúng tôi quần áo lúc nào cũng ướt sũng, chứ không chỉ bị ẩm, dính chặt vào lưng vì mồ hôi. Còn mồ hôi thì chảy dọc theo sống lưng và theo các ngón tay rồi nhỏ xuống đất. Trên những ngón tay thường xuyên có những giọt mồ hôi. Mồ hôi làm cho da xót bị cháy rát, như thể đụng phải lá han.

Ngoài tất cả những điều đó ra lại còn những vết muỗi đốt, những con dãn. Số lượng chúng nhiều vô kể, bay thành từng đàn. Tất cả những chỗ nào không có quần áo che đậy đều bị muỗi cắn khắp lượt. Đặc biệt vì lý do nào không rõ chúng rất thích đốt vào bàn chân phụ nữ. Chúng tôi không có các loại kem bôi chống muỗi - khi còn ở Mátxcova không có ai cho chúng tôi biết về chuyện này. Đôi khi các đồng chí làm công tác địa chất có chia sẻ với chúng tôi loại kem bôi "Taiga" có tác dụng khoảng 2 giờ.

Sau những trận bom kéo dài làm cho tôi không thiết ăn uống, độ ẩm cao, tình trạng nhiều mồ hôi và những vết muỗi đốt đã khiến tôi cảm thấy tim bị đau, hệ thống tiêu hóa hoạt động kém, các mu ngón tay thì sưng tấy lên. Các bác sĩ quân y Ivanốp Alêchxây Ivanovich và Pêrêgudốp Ivan Ghêócghiêvích (nay đã qua đời) đã khẩn khoản khuyên tôi trở về Mátxcova để tình hình sức khỏe không xấu thêm. Tôi đã từ chối việc trở về Mátxcova với lý do là: Tôi sẽ nói gì ở Mátxcova? Có phải vì tôi không đảm đương nổi nhiệm vụ? Tôi không thể chấp nhận điều đó, dù họ thuyết phục tôi như thế nào cũng mặc.

Tôi đã đồng ý mọi phương pháp điều trị mà họ đề xuất. Người ta bắt đầu tiêm cho tôi, cho uống các loại thuốc viên, bôi kem và băng lại những ngón tay bị sưng tấy. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn, nhưng tôi vẫn không tháo băng trong một thời gian dài. Vì vậy một số người khi chào tôi, không dám bắt tay nữa vì tưởng rằng tôi bị bệnh truyền nhiễm gì đó. Để xoa tan điều nghi ngại ấy, đôi khi tôi đã phải tháo băng ra, để lộ những ngón tay sưng vù. Tôi rất biết ơn các bác sĩ A. I. Ivanốp và I. G. Pêrêgudốp. Họ đã làm tất cả những gì có thể để tôi có thể hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế, nhờ đó mà tôi đã được Chính phủ Liên Xô tặng Huy chương Lao động vẻ vang. Trong suốt thời gian chiến tranh ở Việt Nam tôi là phụ nữ duy nhất trong Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô được Chính phủ khen thưởng.

Vào các ngày lễ chúng tôi nhận được những lời chúc mừng của Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô: nhân ngày Quân đội Xôviết, 23-2-1968, chúng tôi được ông tặng quà, còn vào ngày 8-3 thì tôi nhận được bức thiệp chúc mừng của Anh hùng Liên Xô Alécxây Pêtorôvích Marêxiép. Đối với tôi đó là niềm vui lớn, vì chúng tôi được giáo dục qua những cuốn sách kể về các anh hùng của chiến tranh. Cuốn sách kể về người phi công huyền thoại ấy - “Một người chân chính” của nhà văn Bôrit Pôlêvôi là một trong số những cuốn sách tôi yêu thích nhất.

Mỗi năm hai lần người ta chở hoa quả đến cho chúng tôi bằng tàu biển từ “Đất Mẹ”, như cách nói của chúng tôi. Chúng tôi mua những hoa quả ấy với số lượng đủ dùng cho tới chuyến tàu tiếp sau đó. Chủ yếu đó là những hoa quả đóng hộp. Đôi khi người ta cũng còn cấp cho chúng tôi những món “khoái khẩu”: bánh mì đen đựng trong túi nilông kín để khỏi bị cứng lại, bánh sấy đựng trong các hộp kim loại. Đối với chúng tôi những thứ đó quý giá và ưa thích hơn là trứng cá, cua hộp và các loại giò dặt tiền. Có một lần người ta chở táo tới. Chúng tôi thêm nhỏ nước miếng và chờ người ta đưa táo vào cửa hiệu. Mùi thơm tỏa ra khắp phố gọi nhớ hương vị của quê hương, hương vị như ở nhà. Mà những quả táo ấy sao mà ngon đến thế, tưởng chừng như trước đó tôi chưa được ăn chúng bao giờ.

Tôi cũng chia sẻ hoa quả với các bạn Việt Nam vẫn làm công việc dọn dẹp trong nhà. Những người làm công việc dọn dẹp trong nhà đều là các chị phụ nữ, đôi khi họ còn đưa các cháu nhỏ con của họ tới. Một lần có một chị đã đem đứa con trai của mình tới: cháu học lớp 4. Chị ấy nói tôi có thể nói tiếng Nga với cháu bé. Tôi hỏi cậu bé tên là gì học lớp mấy, có các anh chị em không. Cháu bé trả lời tôi rất thạo bằng tiếng Nga và sau cùng còn nói rằng cậu ấy muốn được nhìn thấy Mátxcova và Quảng trường Đỏ. Tôi khen cậu bé nói thạo tiếng Nga và tặng cậu những chiếc kẹo.

Người dân Hà Nội có tình cảm tốt với chúng tôi. Nhiều người trong số họ hiểu được tiếng Nga. Các em nhỏ đặc biệt có tình cảm tốt với chúng tôi. Nhiều lúc, tôi đi trên đường phố, mấy cháu nhỏ đi theo và hô: “Liên Xô! Liên Xô!”.

Bọn trẻ ngắm nghía kỹ chúng tôi. Mỗi cháu đều muốn đụng vào người bác Liên Xô. Trong chiến tranh trẻ em trông già dặn hơn tuổi. Những em lớn hơn thì chăm sóc cho những em nhỏ hơn. Ngay khi vừa rú còi báo động có máy bay địch và bắt đầu xảy ra trận ném bom thì các em nhiều tuổi hơn liền cấp các em bé nhỏ hơn vào nách và nhảy xuống hầm trú ẩn cá nhân ở ven đường. Trên đường phố không còn một ai, các con phố thực sự trở nên vắng tanh. Nét mặt của bọn trẻ thay đổi hết sức nhanh mỗi khi chúng nghe thấy tiếng động cơ của máy bay Việt Nam (máy bay Liên Xô) và động cơ của máy bay Mỹ. Ánh mắt của chúng tỏ ra hết sức sợ hãi khi máy bay Mỹ đến gần và khi thấy những chiếc MIG bay qua chúng nhìn dõi theo với biết bao niềm hy vọng triu mến!

Tháng 3-1968 là thời điểm kết thúc chuyến công tác biệt phái của tôi. Tôi phải chuẩn bị cho chuyến trở về nước. Tôi bắt đầu đóng gói đồ đạc. Rồi tháng Ba, tháng Tư và tháng Năm trôi qua, nhưng vẫn chưa có người thay tôi. Người ta nói cho tôi biết rằng ở Mátxcova đã làm thủ tục cho người thay tôi, nhưng vào phút chót người ấy đã từ chối sang Việt Nam, bởi vì không ai muốn đi đến một nơi có những điều kiện như vậy. Những tháng chờ đợi trôi qua rất lâu.

Tháng Bảy đã tới. Một lần vào cuối ngày làm việc, Trung tướng V. N. Abramốp (nay đã qua đời), là người tới thời điểm ấy đã sang thay Thiếu tướng G. A. Bêlốp, triệu tập tôi đến phòng làm việc của ông và cho biết Chính phủ Việt Nam đã tặng tôi huy chương, ông cho biết ngày trao tặng phần thưởng này. Ngày ấy đã đến. Nhân dịp trao tặng phần thưởng người ta đã tổ chức một buổi chiêu đãi nhỏ. Cục trưởng Cục quan hệ đối ngoại Bộ Tổng tham mưu Việt Nam đã tiếp tôi cùng các sĩ quan trong Ban tham mưu của Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, do Đại tá A. I. Xiđiacô dẫn đầu, và đã trao cho tôi tấm Huy chương Hữu nghị của Việt Nam. Tất cả diễn ra trong bầu không khí long trọng và hứng khởi. Trong buổi chiêu đãi ấy tôi đã được nghe nhiều lời tốt đẹp về tôi.

Cuối cùng, vào cuối tháng Bảy, đã có người đến thay tôi. Vậy là thay vì một năm, tôi đã làm việc tại Việt Nam một năm và 4 tháng.

Sau khi trở về Mátxcova, một tháng sau tôi lại được cử sang một đất nước mới mẻ đối với

tôi - Tiệp Khắc. Tại đó đã bắt đầu diễn ra các sự kiện khác mà chúng ta đã biết - những sự kiện tháng 8-1968. Nhưng đó là chủ đề của những hồi ức khác...

Từ đó đến nay đã gần 35 năm trôi qua. Có nhiều điều đã bị lãng quên, duy chỉ có chuyến công tác biệt phái sang Việt Nam thì tôi không bao giờ có thể quên được.

Tháng 6-2003

\*\*\*

# ĐẠI TÁ VÔRÔNỐP BÔRÍT ALËCHXANÐRÔVÍCH

Ông sinh ngày 18-4-1921 tại thành phố Pêtorôgrát.

Năm 1939 ông tốt nghiệp Trường pháo binh chuyên nghiệp Leningrát, mùa xuân 1941 ông tốt nghiệp Trường pháo binh Cờ đỏ Leningrát và được bổ nhiệm làm trung đội trưởng trong trung đoàn pháo binh thuộc sư đoàn bộ binh.

Từ ngày 22-6-1941 đến ngày 9-5-1945 ông đã tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại với những chức vụ chỉ huy và tham mưu khác nhau.

Ông đã tham gia các trận đánh gian khổ làm kiệt sức mọi người như thời gian bảo vệ Crum, Mátxcova và các thành phố Xapôrôgiê, Rútxa CỎ, Bêlưi tham gia giải phóng các thành phố Enni, Xmôlenxcơ, Velikie Luca, Riga và những thành phố khác.

Từ tháng 8-1944 đến mùa xuân 1945 ông chiến đấu trong thành phần Quân đoàn Ba Lan trong chiến dịch giải phóng Vácsava.

Ông đã ba lần bị thương nặng trong chiến đấu và đã hai lần bị thương đến bất tỉnh.

Khi kết thúc chiến tranh, ông có mặt tại Béclin với quân hàm Thiếu tá. Sau chiến tranh ông tiếp tục phục vụ trong quân đội với các chức vụ chỉ huy và tham mưu khác nhau tại thành phố Brét, sau đó ở Viễn Đông, Camsátca.

Năm 1950 ông vào học tại Học viện pháo binh mang tên Giécginxki. Sau khi tốt nghiệp năm 1955 ông được cử giữ chức chỉ huy trung đoàn tên lửa phòng không, sau đó được bổ nhiệm làm tham mưu trưởng tại một căn cứ tên lửa, trưởng ban tác chiến trong Bộ tham mưu Quân khu phòng không Mátxcova.

Từ tháng 6-1967 đến tháng 4-1969, ông tham gia chiến đấu tại Việt Nam, với chức vụ Tham mưu trưởng của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô.

Từ năm 1969 đến 1975 ông giữ chức Tham mưu trưởng kiêm Phó chỉ huy Quân đoàn phòng không Brianxcơ. Sau khi xuất ngũ ra khỏi Lực lượng vũ trang Liên Xô vào năm 1975, ông đã công tác 10 năm tại Bộ Xây dựng Liên Xô.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, Huân chương Chiến tranh vệ quốc hạng I, 2 Huân chương Sao đỏ, Huân chương Gruynvandĩ và Huy chương Chiến công của Ba Lan, Huân chương Chiến công hạng II của Việt Nam và được tặng thưởng 20 huy chương, trong đó có các Huy chương “Chiến công”, “Vì công cuộc phòng thủ Mátxcova”, “Vì chiến đấu giải phóng Vacsava”, “Vì đã tham gia đánh chiếm Béclin” và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

Ông mất ngày 16-11-1996.

# NHỮNG GHI CHÉP CỦA THAM MƯU TRƯỞNG ĐOÀN CHUYÊN GIA QUÂN SỰ LIÊN XÔ TẠI VIỆT NAM

Tháng 5-1967 tôi được bổ nhiệm làm Tham mưu trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam. Sau khi làm xong mọi thủ tục cho chuyến xuất ngoại, ngày 9-6-1967 tôi đến Việt Nam trên một máy bay vận tải quân sự. Đi với tôi trên máy bay này còn có một nhóm chuyên gia lắp ráp thuộc một nhà máy chế tạo máy bay đã cung cấp cho Việt Nam những chiếc máy bay tiêm kích, ngoài ra còn có các bác sĩ quân y sang Việt Nam để thay thế các đồng chí đã mãn hạn công tác tại đây. Sau mấy giờ bay chúng tôi hạ cánh xuống thành phố Ômxcơ, lấy thêm nhiên liệu và sau 3 giờ bay đã hạ cánh ở Iécxcút. Chúng tôi lưu lại ở đây một ngày và sáng ngày 11-6 thì cất cánh bay đến Bắc Kinh.

Tại Bắc Kinh đã có sự chậm trễ vì những nguyên nhân không rõ. Người Trung Quốc bảo là Hà Nội đang bị ném bom, nhưng về sau chúng tôi được biết đã không có chuyện đó. Chúng tôi nghỉ qua đêm tại khách sạn của sân bay, dùng bữa tại nhà ăn của khách sạn. Ở Trung Quốc thời kỳ ấy là đỉnh điểm của cái gọi là “Cách mạng văn hoá”. Ngoài chúng tôi ra, hầu như không có khách trong sân bay. Trong cả ngày hôm ấy chỉ có hai máy bay Trung Quốc IL-14 và một chiếc AN-8 hạ cánh xuống sân bay này với một vài hành khách. Người Trung Quốc ăn mặc rất nghèo nàn. Lính biên phòng Trung Quốc và các nhân viên trong sân bay đã có thái độ đúng mực đối với chúng tôi, thậm chí có thể nói rằng với thái độ hoan nghênh, nhưng họ không lộ thái độ này với những đồng bào của mình.

Sau chót, vào buổi chiều ngày 12-6 chúng tôi bay đến Việt Nam và vào lúc 20 giờ theo giờ Hà Nội - chúng tôi hạ cánh xuống sân bay quân sự Nội Bài cách Hà Nội 40 kilômét.

Lúc ấy là đêm tối của vùng nhiệt đới. Trời có mây, nhiệt độ không khí là +33°C. Có vài chiếc đèn pha chiếu sáng khu vực sân bay. Chúng tôi vừa bước ra khỏi máy bay thì nghe thấy còi báo động? Lập tức người ta tắt đèn, thế là mọi cái chìm vào bóng tối đen kịt. Có một máy bay trinh sát của Mỹ bay qua. Sau đó vài phút người ta cho bật vài chiếc đèn pha nhỏ.

Ra đón chúng tôi có đại diện Bộ Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Bộ Tư lệnh phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam, ngoài ra còn có đại diện Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cũng chiếc máy bay ấy đưa tốp chuyên gia quân sự Liên Xô đã mãn hạn công tác tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trở về nước. Sau khi máy bay được bốc dỡ hành lý và sau khi chia tay với những đồng chí trở về Liên Xô, chúng tôi lên xe về Hà Nội.

Ngay khi về tới nơi chúng tôi đã phải bắt tay vào công việc khó khăn và nặng nề giải quyết những nhiệm vụ phức tạp được đặt ra cho các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam.

Tôi tiếp nhận công việc do Đại tá N. I. Vancovich bàn giao trước khi đồng chí trở về Liên Xô. Chính phủ Việt Nam đã tặng thưởng đồng chí ấy Huân chương Lao động hạng II, Huy chương Hữu nghị, còn Bộ Quốc phòng tặng đồng chí ấy Huy hiệu “Chiến thắng trận đầu - 5-8” (ngày 5-8-1964 các chiến sĩ tên lửa Việt Nam đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ đầu tiên đến ném bom Bắc Việt Nam) và trao cho đồng chí ấy con dao của tên phi công Mỹ bị bắn rơi làm kỷ niệm.

Ở Việt Nam Dân chủ cộng hòa các chiến sĩ tên lửa là những người nổi tiếng nhất. Khi tiểu đoàn tên lửa phòng không xuất hiện dù bất kỳ ở đâu, thì dân chúng địa phương cũng dành cho họ sự quan tâm và chú ý đặc biệt. Họ tình nguyện đào hào, đắp tường che chắn, giúp nguy trang các trận địa hỏa lực. Dân quân địa phương tổ chức canh gác suốt ngày đêm khu vực có các trận địa chiến đấu của các chiến sĩ tên lửa, họ tạo ra những lá chắn vững chắc chống bọn gián điệp và bọn phá hoại của địch.

Người Việt Nam gọi tên lửa Liên Xô là “Rồng lửa”. Khi thấy trên bầu trời có tên lửa bắn rơi máy bay Mỹ họ tự hào hô lớn: “Tên lửa của ta đó!”.

Các nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô thuộc binh chủng tên lửa phòng không - không quân và các binh chủng khác đều có mặt và làm việc cùng các quân nhân Việt Nam trực tiếp trong các đơn vị quân đội trên các trận địa chiến đấu và trong các sân bay. Các tiểu đoàn tên lửa phòng không thuộc Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam đã

được huấn luyện và tự thể hiện được khả năng của mình qua các trận chiến đấu thì chủ yếu có mặt tại các trận địa phòng không tại các khu vực cửa ngõ Thủ đô Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thành phố Hà Nội và khu vực cửa ngõ hải cảng lớn nhất của đất nước là thành phố Hải Phòng. Một số tiểu đoàn tên lửa phòng không tác chiến theo kiểu phục kích.

Dưới đây là những hồi ức kiểu đánh phục kích của một chuyên gia quân sự Liên Xô đã làm việc trong nhóm này, Trung tá Alếchxanđrơ Iacốplép (người ghi là V. Surughin, Đài chỉ huy số 27, ghi ngày 2-2-1990):

“... Các tiểu đoàn đã bí mật rút vào rừng. Tại đó họ triển khai trên các trận địa đã được chuẩn bị từ trước và... nằm im.

Trong vòng mấy ngày họ nghiên cứu tình hình bầu trời, các khu vực máy bay địch thường hoạt động, chuẩn bị các dữ liệu và chỉ sau đó mới thực hiện tác xạ.

Một chiếc máy bay Mỹ F-105 đã bay trên một thung lũng nhỏ kẹp giữa hai ngọn núi. Không mang theo bình xăng phụ, với trọng lượng nhẹ tối đa - nó là máy bay trinh sát và cũng là mối nhử. Phía sau nó ở đầu đống có một tốp máy bay xung kích. Sau vài phút từ đám mây vọt ra một cặp máy bay “Con ma”. Thế là cuộc “phục kích” lên tiếng. Quả tên lửa đầu tiên đã quật ngã chiếc máy bay đi đầu. Như một ngọn đuốc cháy rực chiếc máy bay ấy đã đâm vào cánh rừng. Chiếc máy bay đi theo nó gấp rút lượn vòng, tấn công vào trận địa giả và rơi vào hỏa lực của pháo cao xạ.

Loại đạn ngắn của các khẩu pháo cao xạ đã cho nó một đòn chí mạng. Nó chỉ còn cách vỡ tan trong không trung và trở thành một đồng mảnh vụn rơi xuống đất. Trên bầu trời trống không bật ra một chiếc dù. Mấy phút sau cả chiếc máy bay lên thẳng được phái đến cứu tên phi công cũng bị tiêu diệt nốt.

Nhưng một lúc sau trận địa tên lửa đã gánh chịu một trận bắn phá bằng tên lửa và bom của một tốp lớn các máy bay cường kích. Nhưng những quả bom ấy đã nổ ở chỗ trống vắng. Tiểu đoàn tên lửa đã trên đường hành quân rồi. Ở đây mọi chuyện được quyết định trong vài phút. Sau khi phóng tên lửa nếu như trong vòng 40 phút mà tổ hợp tên lửa phòng không và các khẩu đội chiến đấu của nó không rời khỏi trận địa thì trên thực tế nó không có cơ hội còn nguyên vẹn. Máy bay Mỹ ném bom rất chính xác.

Trung đoàn chúng tôi được sự yểm trợ của các khẩu đội pháo cao xạ và họ đã làm việc này một cách xuất sắc...”

Các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam sống trong những điều kiện không dễ dàng. Họ phải làm quen với khí hậu nhiệt đới rất khắc nghiệt đối với người châu Âu khi mà nhiệt độ không khí suốt ngày ở ngưỡng từ +35oC đến +40oC, Còn độ ẩm là từ 80% đến 100%. Họ sống trong những nhà lán làm bằng tre và lá cọ, hoặc trong những nhà bạt nằm ẩn trong rừng. Nhiều khi phải hành quân vào ban đêm băng qua những ngôi làng với những ngôi nhà bằng đất đã bị ngập nước mưa, dưới làn bom và các vụ bắn phá bằng tên lửa của địch. Vào những thời điểm tác chiến thì tình hình rất gian khổ. Trong các cabin điều khiển của bộ khí tài tên lửa phòng không nhiệt độ lên đến +70oC, vậy mà các khẩu đội lại phải có mặt liên tục nhiều giờ liền trong những hộp kim loại bị hun nóng ấy. Bộ quân phục của các quân nhân Liên Xô trong các cabin điều khiển ấy gồm mũ sắt trên đầu và chiếc quần đùi. Mồ hôi trên thân thể tuôn ra như suối. Ở phía dưới ghế ngồi của các trắc thủ vận hành thiết bị là những vũng mồ hôi không bao giờ khô.

Điều gây khó chịu và thậm chí còn làm hại sức khỏe là một số lượng lớn các loại côn trùng khác nhau. Trong số đó có nhiều loài có nọc độc, còn một số loài côn trùng (chúng tôi gọi chúng là loài côn trùng “chứa chất phốt pho”) khi rơi từ cây cối vào thân thể con người đã để lại những vết rộp trên da, chúng bắt đầu mưng mủ và trong thời gian dài không khỏi. Ở đâu đâu cũng thấy nhiều rắn độc gây ra những vết cắn chết người. Các bác sĩ quân y Liên Xô có vắc xin để tiêm cho người bị rắn cắn nhưng cách đó không phải lúc nào cũng có tác dụng.

Tại những điểm dân cư nông thôn, trong các ngôi làng dịch vụ y tế rất kém cỏi: Nước trong các giếng nước địa phương và trong các con sông thì rất bẩn và chứa nhiều loại vi trùng gây bệnh. Loại nước này hoàn toàn không thể sử dụng để uống và nấu ăn. Chỉ sau khi đun sôi rất lâu thứ nước ấy mới sử dụng vào việc nấu ăn được.



Việc ăn uống của các chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc trong các đơn vị quân đội Việt Nam được thực hiện thông qua tổ phục vụ của đơn vị gồm một số chiến sĩ Việt Nam. Sĩ quan quân vụ mua thực phẩm tại các hợp tác xã và của dân chúng địa phương. Các chuyên gia quân sự Liên Xô trả tiền cho việc ăn uống và số tiền ấy là không nhỏ. Trên thực tế phần lớn số tiền (hơn 60%) được nhận bằng đồng tiền nước sở tại - đồng Việt Nam - đều chi vào việc mua thực phẩm. Thức ăn chủ yếu được nấu theo kiểu Việt Nam và rất giản dị.

Nói về sinh hoạt đời thường thì các chuyên gia quân sự Liên Xô ở trong hoàn cảnh khó khăn. Xin dẫn ra đây những hồi ức của Trung úy binh chủng tên lửa V. A. Bôrixencô: “Liệu có thể nói về một sinh hoạt đời thường không? Tám tháng ở trên xe, tự mình phải tác chiến, sau đó chúng tôi còn phải kèm cặp các bạn Việt Nam, cũng trong tư thế trên xe. Thông thường chúng tôi thu xếp chỗ ngủ qua đêm ở rìa các ngôi làng, trong các nhà chứa nông cụ. Chúng tôi ngủ trên những chiếc giường gấp hoặc trên những chiếc chõng có trải đệm, phía bên trên treo chiếc mùng chống các loại côn trùng chích đốt, cứ như vậy đến sáng. Không hề có tủ lạnh, không hề có quạt máy, vòi tắm - những thứ ấy chỉ có trong mơ. Khi chúng tôi ở trên các trận địa thì mỗi tuần người ta tổ chức tắm nước nóng một lần - đun nước nóng bằng lò”.

Các chuyên gia Liên Xô rất nhớ nhà, nhớ gia đình, người thân và bạn bè, nhớ quê hương thân yêu. Về chuyện này có một bài hát do các quân nhân Liên Xô sáng tác tại Việt Nam.

Dò dẫm trong đêm trên các đầm lầy Việt Nam,

Trong rừng rậm sương mù dày đặc.

Trong những trái tim Nga, vết thương đang thốn thức,

Việt Nam ơi! Nỗi đau của Người có trong tim tôi.

Người thân yêu ơi, đợi anh về em nhé.

Anh gõ cửa nhà em một sáng tháng Năm trời đẹp,

Em dang tay cười đón lấy anh nơi bậc cửa,

Tặng anh nụ hôn cháy bỏng với rượu nồng.

Ta mong sao gặp ngọn gió hiền hoà,

Để vơi bớt những nặng nề trong hơi thở,

Ở mảnh đất nơi ta đang bảo vệ

Trên hành tinh bị Thượng đế đọa đầy..

Điệp khúc:

Cầu mong số phận để chúng tôi còn nhìn lại

Những cánh rừng, ngọn đồi và bầu trời nước Nga.

Số phận ơi xin đừng nghiệt ngã,

Cho chúng tôi sống trở về nước Nga.

Thời gian có mặt của các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại không giống nhau, tùy thuộc ngành chuyên môn và nhu cầu cần thiết. Thời gian ấy dao động trong khoảng từ vài tháng đến một năm. Thời hạn có mặt tại Việt Nam đến hai năm chỉ áp dụng đối với ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam: đối với Trưởng đoàn chuyên gia, Phó trưởng đoàn phụ trách công tác chính trị và Tham mưu trưởng của Đoàn chuyên gia.

Sau khi mãn hạn công tác ở Việt Nam các chuyên gia Liên Xô được đổi số tiền Việt Nam chưa tiêu hết thành các chứng phiếu của “Dịch vụ ngoại thương” có đường vạch màu tím. Tại các cửa hàng “Bạch dương” có thể dùng các chứng phiếu ấy để mua một số mặt hàng. Những phiếu chứng nhận ấy có giá trị bằng đồng rúp trong nước, trong khi ấy ở những nước khác không có chiến tranh thì các chuyên gia Liên Xô nhận được các chứng phiếu có đường vạch màu vàng hoặc “không có vạch”. Những phiếu chứng nhận ấy có giá trị cao gấp 5 lần và hơn thế so với đồng rúp ở Liên Xô. Ngoài ra, những mặt hàng khan hiếm và có chất lượng tốt nhất lại

không thể mua được bằng chứng phiếu có vạch màu tím.

Dưới đây là những hồi ức của Đại tá A. Đ. Iarôxláp-xép là người đã phục vụ hơn một năm tại Việt Nam, đã đào tạo huấn luyện hai trung đoàn tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam và đã trực tiếp tích cực tham gia trong các trận đánh - về việc sau ngày trở về Tổ quốc ông đã cố gắng sử dụng các chứng phiếu vạch màu tím được cấp tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để mua những mặt hàng cần thiết.

“Từ Việt Nam tôi trở về Liên Xô vào tháng 1-1968. Lúc đó thời tiết lạnh cóng, mà tôi thậm chí không có áo măng tô, còn tất cả quần áo của tôi đã bị rách nát sau thời gian sống ở trong rừng rậm. Tôi phóng xe đến cửa hàng “Bạch dương” với hy vọng mua cho mình chiếc măng tô kha khá để khỏi mang dáng vẻ của một kẻ như vừa ra khỏi nhà tù. Trong cửa hàng “Bạch dương” có nhiều mặt hàng tuyệt hảo. Tôi rất thích chiếc áo măng tô bằng da, có lót bằng lông thú, hợp với khổ người tôi. Tôi đề nghị chị bán hàng cho mua chiếc măng tô ấy và cho đo thử. Chị ta hỏi:

- Bác có chứng phiếu loại nào ạ?

Lúc đó tôi chưa biết rằng có những chứng phiếu khác nhau. Tôi trả lời cô bán hàng:

- Sao lại có nhiều loại chứng phiếu? Tôi có loại chứng phiếu bình thường - rồi tôi rút ra những chứng phiếu có đường vạch tím .

Cô bán hàng nở nụ cười và nói:

- Chiếc măng tô này chỉ được mua bằng loại tiền tự do chuyển đổi hoặc bằng những chứng phiếu không có vạch.

Vậy là tôi không mua được chiếc măng tô mà tôi thích.

Nhưng trong khi đó các chuyên gia quân sự chúng tôi lại tự hào với nhiệm vụ quan trọng và khó khăn mà họ đã hoàn thành vẻ vang tại Việt Nam. Vì vậy mà tại đó đã ra đời những vần thơ sau đây:

Chúng tôi đã quen với những lần báo động và những trận bom,

Chúng tôi sẽ thấy buồn tẻ ở miền đất thân thương.

Chúng tôi không muốn đến Cuba và Aicập,

Chúng tôi chẳng thèm những đồng tiền có vạch màu vàng.

Ở nhà, gia đình của các chuyên gia quân sự Liên Xô nhận số lương của các sĩ quan và các hạ sĩ quan theo mức lương chức vụ sau cùng của họ tại Liên Xô.

... Trong suốt nửa cuối của năm 1965 máy bay Mỹ đánh phá các mục tiêu khác nhau hầu như trên toàn lãnh thổ Bắc Việt Nam. Tại phần lớn các tỉnh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, việc phòng thủ chống không quân địch nhằm bảo vệ các mục tiêu đóng trên phạm vi các tỉnh ấy đều được thực hiện bởi lực lượng pháo cao xạ, các máy bay tiêm kích thuộc lực lượng không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam và một số tiểu đoàn tên lửa phòng không độc lập hoạt động ở “những ổ phục kích”.

Việc chiến đấu với kẻ địch, nhất là với một kẻ địch như các phi công Mỹ sử dụng các máy bay chiến đấu hiện đại, được trang bị vũ khí mạnh, mang nhiều tên lửa các loại, kiểu “không đối đất”, “không đối không”, cũng như mang những loại bom khác nhau, công việc chiến đấu ấy, ngoài trình độ chuyên nghiệp cao và khả năng giỏi điều khiển các phương tiện kỹ thuật chiến đấu, thì còn đòi hỏi cả những phẩm chất tinh thần tâm lý cao, ý chí kiên cường như sắt thép.

Dưới đây là những dòng mô tả tâm trạng bản thân trong quá trình diễn ra trận đánh, do Trung úy Bình chủng tên lửa phòng không V. A. Bôrixencô viết:

“Có lẽ tất cả anh em chúng tôi đều là những người được phúc tinh chiếu mệnh. Đã nhiều lần chúng tôi bị oanh tạc và bị ném bom, nhưng chỉ bị hoảng sợ và biến đổi sắc mặt, chứ không hề hấn gì. Thật là điều kinh khủng và khó chịu mỗi khi bom nổ làm cho tất cả ruột gan cứ trào lên tận cổ họng, còn tai thì ù tịt đi. Mọi thứ ở chung quanh đều bị bụi bao phủ, chẳng còn nhìn

thấy gì, hoàn toàn mông lung. Thế là trong đầu vụt hiện lên những sự việc rời rạc trong cuộc đời và nhất là hình bóng người mẹ.

Tôi sẽ không bao giờ quên được trường hợp sau đây: có một lần còi báo động vang lên. Tôi bỏ bữa sáng, lao vào cabin điều khiển, ngồi vào vị trí chiến đấu của mình theo ca trực chiến. Đọc theo con đường có những hào giao thông. Trong những con hào ấy có các chiến sĩ Việt Nam ẩn nấp. Họ thuộc khẩu đội 2 (khẩu đội bộ phóng). Họ gọi tôi xuống hào giao thông để dùng súng tiểu liên bắn vào máy bay địch nhưng tôi không thuộc khẩu đội bộ phóng, vị trí của tôi là ở trong cabin điều khiển. Tôi vẫy tay cho họ báo cho họ biết tôi không xuống hào mà chạy tiếp vào cabin điều khiển.

Trong trận đánh này bọn Mỹ ném bom xuống trận địa của tiểu đoàn... Những cây cối chung quanh trận địa không còn một cọng lá. Thật là một cảnh tượng hãi hùng”.

Ngày 12-4-1966 lần đầu tiên trên bầu trời Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã xuất hiện những chiếc máy bay ném bom chiến lược hạng nặng 8 động cơ của Mỹ - những chiếc B-52 xuất phát từ căn cứ trên đảo Guam. Trước đó, bộ chỉ huy Mỹ chỉ sử dụng những máy bay ném bom kiểu ấy để ném bom xuống Nam Việt Nam.

Lúc đầu, các máy bay B-52 ném hàng trăm quả bom ở phía tây - nam lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ở vùng biên giới với Lào. Ngoài loại bom phá thông thường, Mỹ còn sử dụng những quả bom nổ chậm cỡ lớn.

Ngày 29-4-1966 các lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên bầu trời tỉnh Bắc Thái.

Vào thời gian ấy tại sân bay quân sự Nội Bài có các chuyên gia không quân Liên Xô làm việc. Đó là nhóm chuyên gia về loại máy bay MIG-17 do Thiếu tá Manxép đứng đầu, và nhóm chuyên gia về loại máy bay MIG-21 do Thiếu tá Anchiukhin đứng đầu.

Họ huấn luyện các chiến sĩ không quân Việt Nam nắm vững kỹ thuật hàng không và kỹ thuật lái máy bay. Đội ngũ phi công và đội ngũ kỹ thuật viên của lực lượng không quân Việt Nam đã từng học tại các trường không quân ở Liên Xô trong khuôn khổ các chương trình đào tạo rút ngắn. Còn khâu thực hành khai thác các máy bay chiến đấu và tác chiến trên không thì họ tiến hành tại Việt Nam trong quá trình chiến đấu chống không quân Mỹ.

Các kỹ thuật viên quân sự, các kỹ sư và các phi công Liên Xô đã giúp các chiến sĩ không quân Việt Nam kinh qua khâu thực hành này.

Hàng ngày họ làm việc 12 giờ và nhiều hơn thế. Các phi công Liên Xô thể hiện tinh thần anh hùng khi họ cất cánh trên những chiếc máy bay kiểu “Xpácco”: không được trang bị vũ khí. Bất cứ lúc nào sân bay Nội Bài cũng có thể bị phong tỏa bởi các máy bay Mỹ và những chiếc “Xpácco” có tốc độ chậm có thể bị bắn hạ. Nhưng những chuyến cất cánh như vậy là cần thiết cho việc huấn luyện các phi công Việt Nam. Chỉ trong một đêm miền nhiệt đới ngán ngùi các phi công Liên Xô đã tìm cách thực hiện xoay vòng được 20 chuyến bay huấn luyện hoặc nhiều hơn thế.

Đầu tháng 5-1966, trong một chuyến bay đêm quanh sân bay do các Đại úy phi công Vladimia Mikhailôvich Cavarin và Vladimia Nicôlaiêvich Vaghin thực hiện (trước khi đưa các phi công Việt Nam “lên không” trên chiếc máy bay kiểu “Xpácco”) một máy bay Mỹ đã truy đuổi chiếc “Xpácco” của họ. Các phi công Liên Xô đã phải hạ cánh thẳng xuống sân bay, không có các thiết bị định hướng.

Nhóm chuyên gia kỹ thuật máy bay do Đại úy Mikhain Mikhailôvich Bêrêdonhích đứng đầu gồm có các Trung úy Nicôlai Đimitoriêvich Xốtnhicốp, Paven Goócbumốp và Valentin Culêsốp. Họ huấn luyện đội ngũ kỹ thuật viên Việt Nam về bảo trì và sửa chữa các máy bay IL-28. Những chuyến bay đêm bằng máy bay IL-28 trên bầu trời Việt Nam do hai đội bay Liên Xô thực hiện, đó là các đội bay của Đại úy V. M. Cavêrin và Đại úy V. N. Vaghin.

Ngay từ khi các tổ hợp tên lửa phòng không Liên Xô bắt đầu hoạt động ở Việt Nam, phía Mỹ đã sử dụng rộng rãi các loại vũ khí rất nguy hiểm là tên lửa “Sraico” để triệt hạ các đài điều khiển tên lửa.

Tiểu đoàn tên lửa phòng không, do Trung tá Vaxili Grigôriêvích Sécnhexốp chỉ huy, là một trong số những đơn vị đầu tiên bị tên lửa "Sraico" oanh tạc.

Tháng 5-1966 các chiến sĩ Việt Nam của tiểu đoàn này đã tác chiến độc lập. Đa số các chuyên gia Liên Xô trong tiểu đoàn đã trở về nước hoặc được chuyển sang những trung đoàn tên lửa phòng không mới được thành lập của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong tiểu đoàn chỉ còn lại một tổ nhỏ chuyên gia quân sự Liên Xô, gồm bốn sĩ quan và một số chiến sĩ để giúp các quân nhân Việt Nam trong tác chiến và khắc phục những hỏng hóc. Trong thời gian chiến đấu, các chuyên gia quân sự Liên Xô trong tiểu đoàn đã có mặt cách trận địa hỏa lực 300 mét để sẵn sàng ngay khi cần thiết, khắc phục những hỏng hóc của các khí tài chiến đấu. Có một sĩ quan - Thượng úy Viachexláp Andrêêvích Mancốp lúc ấy có mặt trong cabin điều khiển "U". Đúng lúc ấy máy bay địch bắn phá tiểu đoàn bằng tên lửa và cả ném bom nữa. Nhưng bom rơi không chính xác do tiểu đoàn này có được sự yểm trợ tốt của các chiến sĩ pháo cao xạ đã tạo một lưới lửa chặn đường các máy bay lao xuống tấn công. Các quả tên lửa từ máy bay phóng xuống đã nổ trên trận địa và ở gần trận địa, còn bom thì rơi ra ngoài trận địa. Bỗng nhiên trên không trung có tiếng rít, thế rồi ở trung tâm trận địa - nơi có cabin điều khiển "P" vang lên một tiếng nổ.

Dưới đây là những lời mô tả của Trung úy V. A. Bôrixencô - người thuộc tiểu đoàn này về những gì đã xảy ra:

"Cảm thấy điều chẳng lành, chúng tôi đã chạy tới trung tâm trận địa và bắt đầu lôi ra khỏi cabin điều khiển những chiến sĩ Việt Nam bị thương. Tôi lập tức lao vào cabin "U", nơi có đồng chí Mancốp. Tôi nhìn thấy đồng chí ấy trong chiếc áo sơ mi màu sáng đẫm máu đang cùng với một chiến sĩ Việt Nam lôi một người nào đó ra khỏi cabin điều khiển.

- Anh Xlava, bị làm sao hả? Anh bị thương à?

- Vớ vẩn, tôi bị lấm bẩn thôi.

Nói không ngoa, lúc ấy đã có bao nhiêu người bị hy sinh và bị thương thì tôi không nhớ nhưng ở cabin điều khiển "A" thì tổn thất là 100%. Kỹ thuật viên người Việt ở hệ thống "K" bị mảnh tên lửa cắm vào bụng, đồng chí vận hành máy phát lệnh vô tuyến bị vào mắt, còn kỹ thuật viên ở hệ thống phát lệnh thì bị mất cánh tay trái vì mảnh tên lửa.

Hóa ra, tiểu đoàn chúng tôi bị tên lửa "Sraico" bắn trúng".

Sau này các chiến sĩ tên lửa Liên Xô và Việt Nam đã học được cách phát hiện thời điểm máy bay địch phóng tên lửa "Sraico" và hướng nó vào phía khác, chệch ra khỏi trận địa chiến đấu. Nhưng tất cả những việc đó không đơn giản và đòi hỏi phải có trình độ nghệ thuật chiến đấu cao của các trác thủ vận hành ở tất cả các hệ thống của bộ khí tài tên lửa phòng không, cũng như đòi hỏi phải có sự nhịp nhàng ăn ý tuyệt vời của các khẩu đội, đặc biệt ở cabin điều khiển "U".

Để bảo vệ các cabin của đài điều khiển tên lửa thuộc bộ khí tài tên lửa phòng không khỏi bị thiệt hại do mảnh của tên lửa "Sraico", của bom bi và mảnh của các loại bom phá và sát thương thông thường khác, người ta che chắn khắp chung quanh cabin điều khiển ấy, trong khả năng có thể, bằng những tấm bện bằng rơm rất dày để mảnh bom và mảnh tên lửa mắc lại ở trong đó.

Năm 1966 trong quá trình huấn luyện các trung đoàn tên lửa phòng không mới được thành lập, cũng như các đơn vị khác của Quân đội nhân dân Việt Nam, Trưởng đoàn có vấn quân sự Liên Xô tại Việt Nam, Thiếu tướng G. A. Bêlốp và Tham mưu trưởng của Đoàn chuyên gia là Đại tá N. I. Vancôvích đã giữ liên lạc thường xuyên với Bộ Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Họ cũng đảm nhiệm việc lãnh đạo chung đối với tất cả các nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thiếu tướng A. M. Đứrđa trực tiếp đảm nhiệm việc lãnh đạo các chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc trong các đơn vị thuộc Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông cũng lãnh đạo nhóm chuyên gia tên lửa. Tháng 11-1966 ông đã được Thiếu tướng pháo binh V. X. Kixhanxki và Thiếu tướng không quân Tudốp thay thế. Đến cuối năm

1966 Thiếu tướng Tudốp đã được Anh hùng Liên Xô - Thiếu tướng không quân V. P. Xensencô thay thế.

Trong những năm 1965 - 1966 các chuyên gia quân sự Liên Xô gồm các tướng lĩnh, sĩ quan, hạ sĩ quan và những chiến sĩ bình thường khác đã có những đóng góp to lớn vào việc thành lập Binh chủng tên lửa phòng không của Việt Nam.

Từ tháng 12-1966 không quân Mỹ chuyển các cuộc bắn phá vào hướng đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng. Bọn Mỹ đã nhiều lần tìm cách ném bom đánh sập cây cầu Long Biên bắc qua sông Hồng nối Hà Nội với vùng ngoại ô Gia Lâm. Cây cầu nổi tiếng ấy có chiều dài hơn 1,5 km do người Pháp xây vào năm 1903. Ở giữa cầu là con đường sắt, còn ở hai bên có đường cho ô tô và xe súc vật kéo (chiều ngang của mỗi đường bên không lớn, chỉ có thể đi thành một hàng xe mà thôi). Chiều xe chạy là ở phía bên trái cầu. Cây cầu này có ý nghĩa rất to lớn đối với cuộc sống của Việt Nam. Bầu trời phía trên cây cầu là khu vực hỏa lực cao xạ rất dày đặc và bọn Mỹ đã không thể băng qua được lưới hỏa lực này.

Ở phía hạ lưu sông Hồng đã xây dựng những cầu phao chắc chắn để qua sông trong trường hợp cầu Long Biên bị phá hủy. Các cầu phao ấy là những bè mảng được kết nối với nhau từ những thân tre thả xuống nước. Về ban đêm những cầu phao ấy hoạt động hết công suất, còn ban ngày chúng được tháo dỡ ra và được bố trí dọc hai bờ và được giấu trong các bụi cây bên bờ sông.

Không quân Mỹ cố gắng cắt đứt giao thông trên đường số 5, nên chúng đã liên tục ném bom các khu vực trên con đường này. Phi công Mỹ thậm chí còn săn đuổi những chiếc ô tô đi lẻ, bắn đạn rốc két và thả bom bi nhưng giao thông trên con đường này vẫn tiếp tục hoạt động.

Tháng 7-1966 Bộ chỉ huy Liên Xô đã quyết định thành lập tại khu vực thành phố Đusanbe, một trung đoàn tên lửa phòng không gồm các chiến sĩ tên lửa Liên Xô, được đặt dưới quyền chỉ huy của Đại tá Alếchxây Đmitoriêvích Iarôxláp-xép với mục đích sẽ đưa trung đoàn này sang Việt Nam.

Trung đoàn này gồm 4 tiểu đoàn tên lửa phòng không, một tiểu đoàn kỹ thuật, một đài chỉ huy và ban tham mưu của trung đoàn. Tất cả các đơn vị trực thuộc đều được biên chế với các chuyên gia được đào tạo rất tốt và có trình độ chuyên môn cao gồm các sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ thường.

Giữa tháng 9-1966 các khẩu đội chiến đấu thuộc đài chỉ huy, thuộc ban tham mưu, thuộc các tiểu đoàn tên lửa phòng không số 1 và số 2 và thuộc tiểu đoàn kỹ thuật (tổng cộng gồm 200 người) đã đáp các chuyến bay đặc biệt trên ba máy bay, bay theo lộ trình Đusanbe - Iéc-cút - Bắc Kinh - Hà Nội. Đến ngày 17-9 thì họ đã tới Hà Nội.

Nhóm chuyên gia quân sự thứ hai của Liên Xô gồm các khẩu đội chiến đấu thuộc các tiểu đoàn tên lửa phòng không số 3 và số 4 từ Liên Xô đã tới Hà Nội trên hai chiếc máy bay vào ngày 1-2-1967. Còn các phương tiện chiến đấu của trung đoàn thì được gửi đi bằng đường xe lửa.

Các đơn vị trực thuộc trung đoàn này đã được triển khai trong các khu rừng rậm của huyện Trại Cau thuộc tỉnh Bắc Thái. Tại khu vực triển khai, trung đoàn được cải tổ thành Trung tâm huấn luyện số 8 của Binh chủng tên lửa phòng không. Tại trung tâm này đã thành lập các khối huấn luyện cho các tiểu đoàn tên lửa phòng không, tiểu đoàn kỹ thuật và đài chỉ huy. Toàn bộ đội ngũ sĩ quan của các đơn vị trực thuộc trung đoàn này đều trở thành đội ngũ giảng viên, còn số hạ sĩ quan và binh sĩ thường thì trở thành các huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện thực hành.

Từ ngày 10-10-1966 mở đầu giai đoạn 1 của khóa huấn luyện chiến đấu với thời hạn 4 tháng. Trong giai đoạn này đã tiến hành khâu đào tạo - huấn luyện cá nhân cho các trác thủ và tổ chức các khẩu đội chiến đấu (các phân đội). Giai đoạn này kết thúc vào ngày 8-2-1967. Trong quá trình huấn luyện ở giai đoạn 1 các vị đại diện của bộ chỉ huy Liên Xô và Việt Nam đã nhiều lần tới thăm Trung tâm huấn luyện này.

Ví dụ, ngày 8-10-1966 Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tá

Phùng Thế Tài đã đến thăm Trung tâm huấn luyện.

Từ ngày 11 đến ngày 15-11-1966 là thời gian làm việc tại trung tâm này của nhóm sĩ quan Liên Xô, đứng đầu là Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Thiếu tướng G. A. Bêlốp. Còn tháng 12 là thời gian làm việc tại trung tâm của Phó Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô phụ trách công tác chính trị, Đại tá M. E. Bôrixencô, trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô thuộc Binh chủng tên lửa phòng không, Thiếu tướng pháo binh V. X. Kixlianxki, sĩ quan thuộc Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô, Đại tá V. Ph. Bêliacốp.

Năm 1966 máy bay Mỹ đã thực hiện 47.910 lần chiếc, đánh phá Bắc Việt Nam và đã thực hiện 6.810 vụ bắn phá vào 5.596 cơ sở. Ngoài ra, máy bay Mỹ đã thực hiện hơn 600 phi vụ trình sát

Trong một năm đó các đơn vị Binh chủng tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam đã có 376 trận đánh, tiêu diệt 221 máy bay địch.

Tổng cộng từ ngày 1-1 đến 31-12-1966 các lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam và dân quân tự vệ đã tiêu diệt 773 máy bay Mỹ và bắt làm tù binh nhiều phi công trên những máy bay bị bắn rơi.

Năm Mới 1967 đã đến - đó là năm con dê theo lịch phương Đông.

Theo truyền thống, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh phát biểu chúc mừng nhân dân cả nước nhân dịp Năm Mới.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô cũng nhận được các thiệp chúc mừng với những vần thơ ấy:

Xuân về xin có một bài ca,

Gửi chúc đồng bào cả nước ta

Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi,

Tin mừng thắng trận nở như hoa!

Xuân 1967

Hồ Chí Minh

Năm 1967 Mỹ tăng cường những hành động xâm lược chống lại Bắc Việt Nam. Không quân Mỹ ngày đêm tiếp tục bắn phá một cách có hệ thống trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bộ chỉ huy Mỹ âm mưu qua hành động phá hủy cầu cống làm tê liệt giao thông đường sắt và giao thông đường bộ; bằng hành động ném bom phá hủy các nhà máy điện, đê điều và những công trình có tính chất chiến lược khác; phá hoại nền kinh tế của đất nước, gieo rắc sự hoảng loạn và nỗi khiếp sợ trong nhân dân Việt Nam.

Trong tháng 2, tháng 3, tháng 4-1967 các lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam đã tiêu diệt 168 máy bay Mỹ.

Ngày 9-5-1967 đã xảy ra cuộc bắn phá dữ dội. Ở vùng tây nam Hà Nội đã xuất hiện những tốp máy bay Mỹ đầu tiên, trong đội hình mỗi tốp có bốn chiếc. Những loạt đạn đã lên tiếng - đó là các đơn vị phòng không đã khai hỏa. Đã nghe thấy những tiếng bom nổ, tiếng máy bay gầm rít, sau đó là những tiếng nổ inh tai của các tên lửa phòng không và các quả đạn pháo cao xạ. Chỉ trong nháy mắt đội hình chiến đấu của các máy bay Mỹ đã bị rối loạn bởi hỏa lực mạnh mẽ của tên lửa phòng không và pháo cao xạ do các đơn vị phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam bảo vệ Thủ đô bắn lên.

Những loạt đạn cứ mạnh lên. Giữa bầu trời thành phố người ta trông thấy những tên lửa phòng không nổ, và thế là hai chiếc máy bay Mỹ bị lửa bao trùm rơi xuống, kéo theo những vệt khói đen kịt. Các máy bay địch phóng loạn xạ các quả tên lửa "không đối đất" vào các khu dân cư của thành phố. Một quả tên lửa như vậy đã nổ bên cạnh Sứ quán Trung Quốc.

Mấy giờ sau tại diễn ra cuộc oanh kích mới. Lại diễn ra trận đánh chống kẻ địch trên trời. Các máy bay Mỹ tìm cách ném bom phá hủy khu vực có nhà máy điện Hà Nội.

Trong ngày hôm ấy đã có 7 máy bay Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội, nhưng thành phố

cũng chịu nhiều thiệt hại. Đã có các ngôi nhà bị phá hủy, đã có người chết.

Vào những ngày tiếp theo còi báo động réo liên tục. Máy bay địch ném bom các tỉnh lân cận.

Ngày 21-5 lại xảy ra một cuộc bắn phá nữa: máy bay Mỹ đã ném bom nhà máy điện Hà Nội. Trong trận đánh trả cuộc tấn công này một chiếc máy bay F-105 bị tên lửa phòng không bắn hạ đã rơi xuống đường phố, ngay cạnh ngôi nhà ở của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ cộng hòa Iliia Xécghêêvích Sécbacốp.

Các cuộc bắn phá tiếp diễn suốt ngày hôm ấy. Hết đợt này đến đợt khác, máy bay Mỹ đã ném bom Hà Nội và các vùng phụ cận. Các tiểu đoàn tên lửa phòng không, pháo cao xạ và các máy bay tiêm kích của Việt Nam đã có những trận chiến đấu liên tục. Trong ngày hôm ấy đã có 9 máy bay Mỹ bị bắn rơi.

Ngày 10-2-1967 Trung tâm huấn luyện số 8 đã được thành lập. Tất cả các sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc trung đoàn đến từ Đusanbe đã được phiên chế về các tiểu đoàn tên lửa phòng không 41, 42, 43, 44 và tiểu đoàn kỹ thuật thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 263.

Những sĩ quan chỉ huy các đơn vị Liên Xô gồm có: Tham mưu trưởng trung đoàn, Trung tá Catusép; Kỹ sư trưởng trung đoàn, Thiếu tá E. I. Lêpikhốp; Phó chỉ huy trung đoàn phụ trách công tác chính trị, Trung tá V. A. Crúpốp; chỉ huy Tiểu đoàn tên lửa phòng không 41, Trung tá I. V. Bônđarencô; chỉ huy Tiểu đoàn 42, Thiếu tá V. P. Nôvicốp; chỉ huy Tiểu đoàn 43, Thiếu tá R. G. Iacubốp; chỉ huy Tiểu đoàn 44, Thiếu tá V. I. Gnidin; chỉ huy Tiểu đoàn kỹ thuật, Thiếu tá I. X. Philin. Các sĩ quan quân y của trung đoàn gồm có: bác sĩ trưởng của trung đoàn, Đại úy quân y Sicát; bác sĩ của trung đoàn, Thượng úy quân y V. V. Xpirandê.

Sĩ quan Việt Nam chỉ huy trung đoàn này là Trung tá Bùi Đăng Tứ (Бун Дах Ты).

Từ ngày 11-2-1967 trên thực tế đã bắt đầu công tác tổ chức thành lập các khẩu đội chiến đấu Việt Nam thuộc các tiểu đoàn tên lửa phòng không, sở chỉ huy và toàn bộ trung đoàn, cũng như công tác chuẩn bị cho các khẩu đội Liên Xô sẵn sàng chiến đấu.

Đến cuối tháng 4-1967 tất cả các tiểu đoàn tên lửa phòng không trong đó có tiểu đoàn kỹ thuật, đã tiếp nhận xong các khí tài chiến đấu mới vừa được gửi tới từ Liên Xô theo đường sắt qua lãnh thổ Trung Quốc.

Từ ngày 21-4-1967 bắt đầu giai đoạn 3, giai đoạn kết thúc khóa huấn luyện. Trung đoàn nhận nhiệm vụ chiến đấu: triển khai đội hình chiến đấu tại khu vực phòng không Hà Nội để bảo vệ Thủ đô từ phía tây nam. Các tiểu đoàn tên lửa phòng không nhận nhiệm vụ chiến đấu và được triển khai trên các trận địa phóng tên lửa. Tiểu đoàn kỹ thuật đã triển khai quy trình kỹ thuật và bắt đầu chuẩn bị các quả tên lửa cho các tiểu đoàn tên lửa phòng không. Sở chỉ huy của trung đoàn đóng cạnh làng Lai Xá ở phía tây nam Hà Nội.

Các tiểu đoàn bắt đầu các phiên trực chiến và đã thực hiện các trận chiến đấu. Lúc đầu các trận chiến đấu được thực hiện bởi các khẩu đội chiến đấu Liên Xô, sau đó bởi các khẩu đội hỗn hợp Việt - Xô: từ ngày 21-4: ở Sở chỉ huy trung đoàn và ở Tiểu đoàn tên lửa phòng không 42, còn từ ngày 23-4: ở Tiểu đoàn tên lửa phòng không 44, còn từ đầu tháng 5-1967 thì ở các Tiểu đoàn 41 và 43.

Vào cuối giai đoạn 3 của khóa huấn luyện, các bộ khí tài tên lửa đã được hoàn toàn chuyển giao cho các khẩu đội Việt Nam. Các chuyên gia Liên Xô chỉ giúp đỡ họ khi cần thiết trong công tác chiến đấu và khắc phục những hỏng hóc phát sinh.

Ngày 25-4-1967 Tiểu đoàn 44 đã đánh trận đầu tiên, với 2 quả tên lửa đã bắn rơi một máy bay địch, và đến ngày 30-4, Tiểu đoàn 42 cũng với 2 quả tên lửa, đã bắn rơi một máy bay Mỹ nữa.

Trong thời gian huấn luyện và tác chiến, đa số các chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc trong các khẩu đội thuộc các tiểu đoàn tên lửa phòng không đã thể hiện sự hiểu biết tuyệt vời về khí tài, sự tháo vát, tinh thần kiên cường, khả năng tìm lối thoát trong những tình huống khó khăn, lòng dũng cảm, chủ nghĩa anh hùng. Dưới đây xin dẫn ra một số ví dụ về điều này:

Ngày 5-5-1967 máy bay Mỹ thực hiện trận bắn phá dữ dội vào các mục tiêu ở ngoại thành

Hà Nội, có sự yểm trợ của những phương tiện gây nhiễu mạnh bằng sóng âm và bằng các xung điện phản hồi. Sở chỉ huy trung đoàn trao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn tên lửa phòng không 44 phải tiêu diệt các mục tiêu trên không đang tới gần. Sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn này, Thiếu tá V. I. Gnidin, đã ra lệnh cho sĩ quan điều khiển tên lửa là Thượng úy L. P. Makholai tìm mục tiêu đã bị phát hiện.

Vào thời điểm ấy trên màn hình các máy tín hiệu xuất hiện một số điểm sáng cạnh các mục tiêu và có những đọt nhiễu âm thanh. Thượng úy Makholai đã phân biệt được trong tình huống phức tạp và thay đổi rất nhanh ấy trên màn hình các máy tín hiệu, chớp lấy mục tiêu để bám sát nó - đó là chiếc máy bay gây nhiễu bằng các xung điện phản hồi. Anh đã báo cáo điều này với sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn. Viên sĩ quan điều khiển tên lửa người Việt ngồi bên cạnh đã báo cáo cho sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn của mình rằng không phải mục tiêu bị chớp, mà đó là vật nhiễu.

Thượng úy Makholai một lần nữa kiểm tra tín hiệu phản hồi và báo cáo rằng điểm sáng đã bị chớp theo dõi là sóng phản hồi từ mục tiêu thực sự và có thể bắn vào mục tiêu này. Mặc dù điểm sáng bên ngoài mục tiêu hiện lên rất yếu trên nền nhiễu mạnh trên màn hình của các máy tín hiệu, nhưng các trắc thủ bám sát mục tiêu bằng tay là các binh nhất V. Đ. Riátphanui và M. P. Bôlétxki và binh nhì V. Ia. Cudonhexốp đã thao tác rành mạch và tự tin để bám sát mục tiêu theo chế độ theo dõi bằng tay.

Chỉ có nghệ thuật cao, sự kiên định, những động tác đầy tự tin và rành mạch của người sĩ quan Liên Xô phụ trách thao tác dẫn đường tên lửa và của toàn thể khẩu đội chiến đấu thuộc đài chỉ huy của tiểu đoàn mới cho phép khai hỏa và tiêu diệt chiếc máy bay của địch, nghĩa là giành chiến thắng trong trận này.

Binh nhất V. M. Lixixki trong trận này đã thao tác khéo léo trong khi vận hành hệ thống điều khiển bệ phóng. Vào thời điểm căng thẳng nhất, khi sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn tập trung sự chú ý vào phân tích tình hình trên không, thì các quả tên lửa đã được chuẩn bị đã kết thúc loạt phóng. Binh nhất Lixixki đã chủ động tự mình đưa loạt tên lửa thứ hai vào tư thế chuẩn bị sẵn sàng. Nhờ vậy tiểu đoàn đã có thể khai hỏa đúng vào thời điểm cần phóng tên lửa.

Khẩu đội trực đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu cũng đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu trong tình huống phức tạp. Đài trưởng là Thượng úy M. I. Bôxác hường xuyên thông báo cho chỉ huy tiểu đoàn về tình hình trên không, cung cấp các tọa độ chính xác và những nhận định chính xác về mục tiêu.

Trong trận đánh này, chỉ huy bệ phóng là binh nhì V Ph. Máctunốp đã thể hiện tinh thần quyết tâm và sự tháo vát. Sau khi phóng tên lửa đi rồi thì lập tức cần nạp quả tên lửa mới lên bệ phóng. Lúc này các chiến sĩ Việt Nam trong khẩu đội của Máctunốp đã hành động thiếu tự tin do lo ngại địch tấn công vào trận địa tên lửa. Binh nhì V. Ph. Máctunốp bằng tấm gương của bản thân và bằng lời động viên đã lôi cuốn theo mình các chiến sĩ Việt Nam, nhờ vậy kịp thời nạp tên lửa vào bệ phóng. Do đó Tiểu đoàn đã có thể tiếp tục chiến đấu.

Ở Tiểu đoàn tên lửa phòng không 44, trong trận đánh ngày 1-5-1967 trắc thủ vận hành máy bám sát mục tiêu bằng tay và phụ trách xác định góc phương vị, binh nhất V. V. Cudomisép là người đầu tiên phát hiện ra tên lửa "Sraico" tách khỏi mục tiêu. Điều này đã cho phép sĩ quan điều khiển tên lửa có thể kịp thời điều khiển và hướng tên lửa "Sraico" đi chệch khỏi trận địa của tiểu đoàn. Khi các máy bay bổ nhào lần thứ hai để ném bom thì tiểu đoàn này đã phóng tên lửa vào chúng và bắn rơi 2 máy bay. Nhân sự kiện này mà khẩu hiệu chiến đấu nhan đề: "Tiểu đoàn chúng ta không sợ tên lửa "Sraico" mà chính Cudomích của chúng ta lại là nỗi hiểm nguy cho tên lửa "Sraico" đã ra đời.

Ngày 19-5 Tiểu đoàn tên lửa phòng không 43 đã xung trận và đã bắn rơi 1 máy bay A-6, đến ngày 21-5 Tiểu đoàn 41 cũng bắn rơi một máy bay A-6. Đó là sự mở đầu những trận chiến đấu của Trung đoàn tên lửa phòng không 263 mới được thành lập.

Trong trận đánh ngày 21-5-1967 khẩu đội ở đài chỉ huy của Tiểu đoàn tên lửa phòng không 43 đã thể hiện nghệ thuật chuyên môn cao và tinh thần kiên định. Sĩ quan điều khiển tên lửa, Thượng úy I. A. Êcsốp, các trắc thủ vận hành máy bám sát mục tiêu bằng tay là hạ sĩ V. D.



Xubôtin và binh nhất A. N. Khomadêép, trong tình huống phức tạp khi các máy bay địch sử dụng thủ đoạn gây nhiễu bằng xung điện phản hồi - vẫn tiếp tục theo dõi mục tiêu một cách tự tin.

Vào thời điểm tên lửa được phóng đi, máy bay địch còn sử dụng các hình thức gây nhiễu thụ động, tạo ra một đám mây nhiễu ở phía trước mục tiêu. Nhưng ngay cả trong tình huống gây nhiễu phức tạp ấy các chiến sĩ Liên Xô vẫn phân biệt được một cách tự tin mục tiêu thực trên nền những chấm mục tiêu giả, khai hỏa bắn rơi máy bay địch.

Sau khi các quân nhân Việt Nam nắm khá vững những công việc tác chiến tại các vị trí của mình và đã có thể tác chiến độc lập (sau khoảng một tháng rưỡi tác chiến) các khẩu đội Liên Xô được cắt giảm. Vào cuối giai đoạn 3 của khóa huấn luyện, số lượng các khẩu đội Liên Xô tại các tiểu đoàn tên lửa phòng không đã được cắt giảm xuống còn 10-12 người trong mỗi tiểu đoàn. Đây là những chuyên gia thuộc những chuyên ngành phức tạp nhất và quan trọng nhất.

Việc huấn luyện và đưa các trung đoàn tên lửa phòng không khác của Quân đội nhân dân Việt Nam vào chiến đấu cũng diễn ra đại thể như vậy.

Sau đây là thành tích chiến đấu của Trung đoàn tên lửa phòng không 263 kể từ ngày nó bắt đầu triển khai các trận địa phóng tên lửa - từ ngày 2-4 đến ngày 30-6-1967. Trong thời gian này trung đoàn đã thực hiện: 18 trận do các khẩu đội chuyên gia, 14 trận do các khẩu đội Việt - Xô tiến hành với 28 máy bay bị bắn rơi và 1 chiếc bị thương. Tổng cộng trung đoàn này đã đánh 32 trận, với 28 máy bay Mỹ bị bắn rơi và 1 máy bay Mỹ bị thương.

Đã có nhiều quân nhân thuộc Trung tâm huấn luyện số 8 được tặng thưởng các phần thưởng cao quý của Chính phủ vì tinh thần dũng cảm và chủ nghĩa anh hùng thể hiện qua các trận chiến đấu chống bọn xâm lược Mỹ.

Đại tá A. Đ. Iarôxlápép đã được tặng Huân chương Cờ đỏ, Huân chương Sao đỏ được trao tặng cho: Trung tá I. V. Bôndarencô, Thiếu tá V. P. Nôvicốp, Thiếu tá V. I. Gniđin, Thiếu tá R. G. Iacubốp, Trung tá Catusép, Thiếu tá E. I. Lêpikhốp, Trung tá V. A. Crúpnoép, Thượng úy L. P. Makhołai, Thượng úy I. A. Êcsốp, Thượng úy V. A. Malôletốp, Đại úy Sicát.

Ngoài số những đồng chí nêu trên, đã có 15 người được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ, 12 người được tặng Huy chương Dũng cảm, 4 người được tặng Huy chương Chiến công.

Khi tiến hành các cuộc bắn phá Hà Nội, các thành phố khác và các điểm dân cư của Việt Nam, bọn Mỹ đã sử dụng rộng rãi những quả bom bi. Bộ phận kíp nổ trong loại bom này được cấu tạo theo cách khiến nó được kích hoạt khi văng ra khỏi bom mẹ hoặc khi chạm vào mặt đất và chỉ được phát nổ chậm sau vài phút đến 2 ngày. Khi nổ các viên bi văng ra tung toé, gây ra những vết thương rất trầm trọng cho mọi người. Bọn Mỹ đã sử dụng loại bom này chính là để gây sát thương cho người, thường là nhằm chống lại dân thường. Phía Mỹ còn sử dụng loại bom bi hình trụ, có cánh lái ở đuôi. Những quả bom bi này được sơn màu vàng và có hình dáng giống quả dưa, vì thế mà chúng tôi gọi chúng là bom dưa.

Ngày 5-6-1967 tại tỉnh Thanh Hoá, ở khu vực cầu Hàm Rồng, một máy bay Mỹ thuộc phi đội trinh sát, chiếc 8E-992 đã bị bắn rơi. Đó là chiếc máy bay Mỹ thứ 2000 bị bắn rơi trên bầu trời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tên phi công lái máy bay này là Thiếu tá Colin H. Haina thuộc biên chế tàu sân bay "Bônông Risót", đã bị bắt làm tù binh.

Nhân sự kiện này Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã gửi thư cho các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Dưới đây là nội dung bức thư ấy:

Hà Nội ngày 24-6-1967

Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam

Gửi các chuyên gia quân sự Liên Xô đang công tác tại Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Nhân dịp Quân đội nhân dân miền Bắc Việt Nam tiêu diệt chiếc máy bay Mỹ thứ 2000 và nhân thắng lợi to lớn của nhân dân và Quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong Chiến dịch đồng - xuân 1966 - 1967, chúng tôi vui mừng báo tin thắng lợi này đến các đồng chí.

## Thư các đồng chí

Trong hơn 2 năm gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam, bọn xâm lược Mỹ đã chịu thất bại nhục nhã. Đã có hơn 2000 máy bay bị tiêu diệt và hàng nghìn tên phi công kẻ cướp Mỹ đã bị bắt làm tù binh, đã có 75 tàu chiến và tàu phá hoại của Mỹ và của ngụy quyền tay sai của chúng bị đánh chìm và bị hư hại. Như vậy quân và dân miền Bắc Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn và toàn diện.

## Thư các đồng chí

Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên Xô đã cử các đồng chí sang đây để giúp đỡ và kề vai sát cánh với chúng tôi chiến đấu chống xâm lược Mỹ. Các chiến sĩ Xôviết đã thể hiện những phẩm chất và những truyền thống tốt đẹp của nhân dân Liên Xô, của Quân đội Liên Xô tinh thần quốc tế cộng sản cao quý, tinh thần quên mình và lòng dũng cảm. Bằng mồ hôi và máu của mình các đồng chí đã có những đóng góp đáng kể vào thắng lợi chung của nhân dân Việt Nam, đã củng cố hơn nữa tình hữu nghị và tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân và quân đội hai nước Việt Nam và Liên Xô. Trong công tác và chiến đấu các đồng chí đã đạt được nhiều thành tích sáng chói.

Nhân dịp này, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam nhiệt liệt chúc mừng các đồng chí về những thành tích đã đạt được, và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân và quân đội Việt Nam đối với Đảng Cộng sản Liên Xô, Chính phủ Liên Xô, nhân dân Liên Xô, Quân đội Liên Xô và tất cả các đồng chí. Thông qua các đồng chí, chúng tôi xin chuyển lời chào của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đến các đồng chí chuyên gia đã từng công tác trước đây tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đến các đồng chí chuyên gia đã bị thương và những đồng chí bị đau yếu, cũng như đến các gia đình của các đồng chí đã hy sinh tại Việt Nam.

## Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam

Tháng 6-1967 một nhóm chuyên gia không quân Liên Xô đã tới Việt Nam. Họ tiến hành lắp ráp và hiệu chỉnh những chiếc máy bay được chở từ Liên Xô đến để viện trợ không hoàn lại cho lực lượng không quân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vào thời kỳ ấy những chiếc máy bay này là những máy bay chiến đấu hiện đại nhất - đó là những chiếc MIG-21 và những máy bay khác.

Khi nhận xét về những chiếc máy bay tiêm kích MIG-21 của Liên Xô, các phi công Việt Nam đã nói rằng "đây là những chiếc máy bay tuyệt vời, dễ dàng điều khiển và cơ động. Trong chiến đấu những máy bay này còn vượt trội hơn cả những loại máy bay hiện đại nhất của Mỹ đang hoạt động tại Việt Nam".

Ngày 24-7-1967 là vừa tròn hai năm kể từ ngày binh chủng tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam - được thành lập với sự giúp đỡ của Liên Xô - đánh trận đầu tiên với không quân Mỹ và đã thể hiện những phẩm chất chiến đấu cao.

Nhân ngày kỷ niệm quan trọng này báo "Nhân Dân", cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam - trong số 4853, ấn hành ngày 24-7-1967 đã đăng xã luận "Bộ đội tên lửa anh hùng".

Bài xã luận đã nêu lên những hoạt động chiến đấu anh hùng của Binh chủng tên lửa phòng không, những thành tích và ý nghĩa to lớn của binh chủng tên lửa phòng không đối với việc giành thắng lợi hoàn toàn trước bọn xâm lược Mỹ; đã nêu danh Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên anh hùng, các Tiểu đoàn tên lửa phòng không 61 và 63 là những tiểu đoàn đã bắn rơi hàng chục máy bay Mỹ, họ tên của những vị chỉ huy anh hùng dũng cảm của các tiểu đoàn ấy, đó là: sĩ quan chỉ huy trung đoàn, Trung tá Nguyễn Tuyên (Нрыен Туен), các sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn, các Thiếu tá Hồ Sĩ Hữu (Хо Ши Хыу) Và Nguyễn Văn Hình (Нрыен Ван Хинь). Các Sĩ quan dẫn đường tên lửa, các Thượng úy Phạm Trường Uy (Фам Чыонг Уи) Và Lê Đình Chi (Ла Динь Тъи). Và những chiến sĩ tên lửa xuất sắc khác.

Bộ chỉ huy của Việt Nam cũng nêu lên những cố gắng to lớn của các chuyên gia quân sự Liên Xô trong việc xây dựng Binh chủng tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam và đưa binh chủng này vào chiến đấu. Trực tiếp trong điều kiện chiến đấu, trong các cuộc đánh trả những cuộc bắn phá của không quân Mỹ, các chuyên gia Liên Xô đã huấn luyện cho các

quân nhân Việt Nam nghệ thuật bắn tên lửa, kỹ năng chỉ huy phối hợp tác chiến của tiểu đoàn, của trung đoàn, của một nhóm trung đoàn.

Nhằm giải quyết các nhiệm vụ nâng cao chất lượng của binh chủng phòng không, cải tiến tổ chức hoạt động tác chiến, cũng như để kiểm tra hoạt động của các nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc trong các đơn vị quân đội Việt Nam, và để giúp cải thiện điều kiện sinh hoạt của các chuyên gia, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam, Tham mưu trưởng, các sĩ quan trong Ban tham mưu của Đoàn chuyên gia thường lui tới các đơn vị quân đội. Tại đó, qua việc tiếp xúc trực tiếp với các chuyên gia quân sự Liên Xô nhiều vấn đề đã được giải quyết. Sau đây xin dẫn ra một chuyển công tác như vậy xuống các đơn vị.

Chiều ngày 2-8-1967, tôi và sĩ quan cấp cao của Ban tham mưu Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô là Trung tá Ôlếch Đmitoriévich Xmirnốp đã đi trên chiếc GAZ-69, do đồng chí Minh, chiến sĩ lái xe người Việt lái để tới một trung đoàn tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam có các trận địa chiến đấu tại khu vực phòng không Hà Nội. Trung đoàn này đóng cách Hà Nội 50 km. Chúng tôi qua cầu Long Biên để vượt sông Hồng, ngoặt sang đường đi Hải Phòng, đi qua khu vực Gia Lâm, sau đó đi qua sân bay Hà Nội, đi tiếp 15 km thì rẽ xuống con đường liên xã dẫn tới nơi đóng quân của trung đoàn.

Một trận mưa không lớn đã đổ xuống làm đường trở nên nhão nhoét. Khi xe chúng tôi ra khỏi thành phố thì trời đã tối. Vào lúc 20 giờ chúng tôi tới nơi. Đơn vị tên lửa này đóng quân trên một địa hình bị chia cắt ở trong rừng. Dưới tán lá cây đan dày là những ngôi nhà lán bé nhỏ làm bằng tre nứa và lợp lá cọ. Bên cạnh đó có một con suối nhỏ nhưng không thể tắm được, vì trong con suối ấy có nhiều rắn độc. Chung quanh là những bụi cây cao, voi những dây leo chằng chịt.

Chúng tôi triệu tập cuộc họp các chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc ở trung đoàn này: trưởng nhóm, Trung tá Iuri Mikhailôvich Bônnhắc và cùng với ông là 10 sĩ quan Liên Xô. Chúng tôi đã thảo luận với họ về tất cả mọi vấn đề của công việc tác chiến, tình trạng khí tài chiến đấu, quan hệ với ban chỉ huy người Việt Nam, cùng những mặt khác của đời sống sinh hoạt. Chúng tôi uống trà Việt Nam và nằm ngủ trong một ngôi chùa mà người ta đưa chúng tôi đến nghỉ đêm.

Không thể nào ngủ được: nhiệt độ không khí là +38°C, độ ẩm là 95%, vô cùng ngột ngạt, có hàng tỷ con muỗi. Vào lúc 5 giờ sáng chúng tôi thức dậy, ăn sáng và đến sở chỉ huy trung đoàn, vì vào 6 giờ sáng có thể sẽ có cuộc oanh tạc của không quân Mỹ.

Sở chỉ huy trung đoàn đặt ở trong làng, giữa những rặng cây rậm rạp: những cây tre cao vút, những bụi chuối và nhiều loại cây khác trong đó có các loại cây ăn quả mà tôi không rõ thuộc loại nào.

Bản thân Sở chỉ huy là một hầm lòng chảo sâu khoảng 1,5 mét trong nền cát. Không thể đào sâu thêm nữa vì gặp phải nước. Phía trên có một mái dờ nhỏ. Trang thiết bị của Sở chỉ huy đều là những thứ theo tiêu chuẩn thông thường: có 2 bản đồ - bản đồ về tình hình chung và bản đồ chiến đấu, một chiếc bàn của chỉ huy và của tham mưu trưởng trung đoàn với thiết bị chỉ huy tập trung, bàn của các nhân viên, thiết bị liên lạc cần thiết, các bảng và biểu đồ cần thiết.

Chúng tôi đã làm quen với ban chỉ huy của trung đoàn này. Sĩ quan chỉ huy trung đoàn là Thiếu tá Sơn (Шон), chính ủy là Thiếu tá Đậu (Дай), tham mưu trưởng là Đại úy Tấu (Тай).

Người ta chỉ vừa kịp báo cáo với tôi về tình hình thì cuộc oanh kích đã bắt đầu. Một tốp tám chiếc F-105 đang tiến về khu vực chiến đấu của trung đoàn. Có hai chiếc lọt vào khu vực chiến đấu của tiểu đoàn thứ hai. Tiểu đoàn này đã phóng hai quả tên lửa và bắn rơi một chiếc. Tên phi công đã kịp nhảy dù và bị bắt làm tù binh. Có một số máy bay nữa bay ở rìa khu vực tác chiến. Khi có hai chiếc lọt vào khu vực tác chiến của tiểu đoàn thứ ba thì không thể khai hỏa được, bởi vì ở đó đang có các máy bay MIG-21 của ta hoạt động. Sau đó nghỉ xả hơi vì không có mục tiêu. Chúng tôi bước ra ngoài trời, nóng khủng khiếp: +41°C, chúng tôi ra mồ hôi như tắm.

Vào lúc 11 giờ bắt đầu cuộc oanh tạc thứ hai. Đã có đến 18 chiếc F-105 và F-4C bay ở ngoài mà không bay vào khu vực tác chiến của tiểu đoàn chúng tôi. Ở phía trước mặt chúng tôi có nghe thấy pháo cao xạ khai hỏa, sau đó là những tiếng bom nổ. Nhưng sau đấy các máy bay Mỹ

không xuất hiện trong khu vực tác chiến của chúng tôi nữa, do vậy chúng tôi đi ăn trưa. Sau bữa trưa tôi đã cùng làm việc với ban chỉ huy người Việt của trung đoàn và với các chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc tại Sở chỉ huy. Đến chiều chúng tôi lên đường trở về Hà Nội.

Ngày 9-8-1967 Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Thiếu tướng G. A. Bêlốp, Tham mưu trưởng của Đoàn chuyên gia là Đại tá B. A. Vôrônốp, Trưởng nhóm chuyên gia tên lửa phòng không, Thiếu tướng pháo binh V. X. Kixlianxki và Trưởng nhóm chuyên gia không quân, Thiếu tướng không quân V. P. Xensencô đã gặp Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cuộc họp này thảo luận vấn đề tăng cường công tác phòng không đối với Thành phố Hà Nội, vì theo tin tình báo của Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, bọn Mỹ đang chuẩn bị thực hiện vào những ngày sắp tới một cuộc oanh tạc dữ dội bằng không quân vào thành phố Hà Nội.

Ngoài việc xem xét nhiều vấn đề khác nhau về tác chiến, trong cuộc họp này chúng tôi còn kiến nghị cần phải đưa tất cả tiểu đoàn tên lửa phòng không đang “phục kích” tại những khu vực khác nhau trong nước trở về khu vực phòng không bảo vệ Hà Nội và Hải Phòng Tại đó các tiểu đoàn tên lửa này phải sẵn sàng trong đội hình chiến đấu.

Các đồng chí Việt Nam đồng ý với những đề nghị của chúng tôi, nhưng đồng thời cũng lưu ý rằng không cần vội vã vì còn đủ thời gian và không quân Mỹ sẽ bắt đầu oanh kích sớm nhất sau 4-5 ngày nữa. Thế nhưng không quân Mỹ đã đánh phá thành phố Hà Nội chỉ sau đó 2 ngày.

Sự việc xảy ra ngày 11-8-1967. Vào lúc 14 giờ, tôi cùng với sĩ quan tham mưu của Đoàn chuyên gia là Thiếu tá Víchto Vladimirovich Sépsúc đến Cục Liên lạc đối ngoại Bộ Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại đây một viên sĩ quan của Cục là Đại úy Phan (Фан) cùng viên trợ lý đã chờ chúng tôi. Chúng tôi chào nhau, uống chén trà truyền thống của Việt Nam và bắt tay vào việc. Chúng tôi xử lý một khối lượng lớn các tài liệu mật tại một trong những căn phòng ở trên tầng hai thuộc cánh trái của tòa nhà hai tầng bằng gạch. Có một cô binh nhất người Việt giúp chúng tôi trong công việc này.

Vào lúc 16 giờ 15 phút một số toán máy bay tiêm kích ném bom F-105 và một nhóm yểm trợ gồm những chiếc máy bay tiêm kích F-4C của Mỹ từ nhiều hướng khác nhau đã bắt đầu đánh phá thành phố Hà Nội. Toán thứ nhất có tổng cộng gần 70 máy bay.

Khi còi báo động vang lên thì những chiến sĩ bảo vệ Thủ đô của Việt Nam đã ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị phòng không đã dũng cảm đón nhận cuộc bắn phá ồ ạt này. Trên bầu trời có những vệt lửa phun ra từ những tên lửa phòng không vừa được phóng đi. Trước mắt chúng tôi một quả tên lửa đã hạ gục một chiếc máy bay Mỹ. Lưới lửa cao xạ đã chặn đường bọn xâm lược. Đội hình các máy bay Mỹ bị tán ra.

Chung quanh chúng tôi toàn là những tiếng nổ inh tai nhức óc. Tiếng gầm rú của máy bay, những tiếng nổ của tên lửa phòng không và đạn pháo cao xạ, tiếng bom nổ - tất cả những tiếng nổ ấy đã làm tai chúng tôi ù đặc.

Sau đó 15 phút lại bắt đầu đợt bắn phá thứ hai. Thành phần toán máy bay này có khoảng 60 chiếc, cùng loại máy bay như đợt trước đó.

Không quân Mỹ đánh phá chủ yếu vào cầu Long Biên bắc qua sông Hồng và khu vực Gia Lâm nằm ở phía tả ngạn con sông này.

Máy bay địch sử dụng bom phá và bom bi, phóng các loại rốc két, tên lửa “Sraico” và tên lửa “Bunpáp”. Có hai nhịp lớn ở giữa cầu bị phá hủy và đổ ụp xuống sông cùng với những chiếc ô tô và người qua lại lúc ấy trên cầu. Ngoài ra có một nhịp cầu bị hư hại nghiêm trọng. Toàn bộ phía bờ trái chìm trong lửa. Các kho nhiên liệu và nhiều công trình khác bốc cháy. Lần này thì nhà máy điện của thành phố không bị hề hấn. Nhà ở và những công trình dân sinh ở các khu phố trung tâm cũng như ở ngoại thành Hà Nội đã bị phá hủy. Rất nhiều dân thường, kể cả trẻ em đã bị chết và bị thương.

... Trong trận này các lực lượng phòng không đã bắn rơi 7 máy bay Mỹ.

Trong công cuộc đánh trả không quân Mỹ thì bất kỳ thành phố nào, bất kỳ một tỉnh nào trong nước cũng có thể được nêu gương về lòng dũng cảm. Nhưng thành phố Hà Nội là biểu tượng về tinh thần kiên cường trong cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân Việt Nam. Mỗi khi máy bay Mỹ tiến hành cuộc bắn phá dữ dội thường lệ vào Thủ đô của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì từ các loa phát thanh đặt ngoài phố lại vang lên:

“Đồng bào chú ý! đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội 60 km! Cách Hà Nội 50 km,... cách 40 km,... cách 30 km... Báo động khẩn cấp!”.

Đến lúc ấy Hà Nội trở thành pháo đài. Một bức tường lửa vững chắc được dựng lên chặn đường của bọn cướp trên không.

Sang ngày hôm sau, tức là ngày 12-8-1967, vào lúc 7 giờ 15 phút lại bắt đầu trận đánh phá thường lệ của không quân địch vào thành phố Hà Nội. Có gần 100 máy bay tham gia cuộc bắn phá này. Các mục tiêu bắn phá chủ yếu là cầu Long Biên, phía tả ngạn thành phố Hà Nội và vùng ngoại ô cách Hà Nội 10-15 km về phía tây - bắc, khu vực Gia Lâm và Cầu Đuống.

Còi báo động liên tục rú. Trong suốt cả ngày hôm ấy những cuộc oanh tạc của những tốp nhỏ máy bay địch vẫn tiếp diễn. Các chiến sĩ tên lửa và pháo cao xạ của khu vực phòng không Hà Nội đã bắn rơi 5 máy bay Mỹ.

Ngày 21-8-1967 không quân Mỹ lại ném bom ác liệt Thành phố Hà Nội và vùng phụ cận.

Vào lúc 11 giờ 15 phút bắt đầu cuộc bắn phá. Cuộc bắn phá này được thực hiện làm 3 đợt, cách nhau 5 phút. Trong mỗi đợt bắn phá đều có toán máy bay xung kích gồm 24 chiếc tiêm kích ném bom F-105 và hơn 40 chiếc tiêm kích hộ tống F-4C. Tổng cộng đã có hơn 200 lần chiếc hoạt động.

Những nơi bị ném bom là trung tâm thành phố, các khu vực đông dân cư ở các vùng phụ cận phía bắc và phía nam, cầu Long Biên và cầu Đuống, nhà máy điện và nhiều cơ sở khác. Còi báo động, những loạt đạn pháo cao xạ, những loạt đạn súng bắn ra từ các cụm súng máy phòng không, những tiếng tên lửa nổ, bom nổ, tiếng gầm rít của các động cơ máy bay phản lực - tất cả những cái đó hòa thành một chuỗi tiếng gầm không ngớt. Bọn Mỹ sử dụng các quả bom có thiết bị định vị tự động do Anh sản xuất để đánh phá nhà máy điện Hà Nội.

Tại khu vực Gia Lâm và nhà máy điện Hà Nội người ta thấy một bức tường khói và bụi dày đặc, những cột lửa và khói che lấp cả bầu trời. Báo yên, rồi lại báo động. Báo yên trở lại, rồi lại báo động. Một quả tên lửa “Sraico” rơi vào bệnh viện, bên cạnh một nhà thờ Công giáo, ở gần hồ Hoàn Kiếm. Tòa nhà bị phá hủy. Nhiều bệnh nhân và nhân viên y tế ở đó đã bị sát hại. Có nhiều thương vong trong dân thường.

Lực lượng phòng không - không quân đã bắn rơi 8 máy bay Mỹ: 3 chiếc do các máy bay tiêm kích Việt Nam bắn hạ, còn 5 chiếc khác là do bị tên lửa bắn rơi. Ngoài ra trong lúc diễn ra trận oanh tạc có 2 máy bay Mỹ đâm vào nhau và bị nổ tung. Trong các trận đánh ấy đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 22.

Ngày 22-8-1967 vào lúc 7 giờ 10 phút sáng lại bắt đầu cuộc oanh tạc dữ dội của không quân Mỹ vào Hà Nội. Một khu phố ở trung tâm thành phố bị san phẳng hoàn toàn. Những phố bị bắn phá là phố Huế, Ngô Thì Nhậm, Mai Hắc Đế và những phố khác. Có nhiều nhà ở, hiệu thuốc, phòng giáo dục của quận Hai Bà Trưng, nhà máy dẹt kim, nhà máy rượu bị phá hủy. Lại có thêm nhiều dân thường bị chết. Có 22 người - phụ nữ và trẻ em - bị vùi lấp trong đồng đồ nát của một tòa nhà. Suốt ngày còi báo động vang lên. Suốt ngày hôm ấy có những tiếng nổ. Mọi vật chung quanh đều ám khói thuốc súng.

Trong ngày hôm ấy các chiến sĩ bảo vệ Hà Nội đã bắn rơi 5 máy bay Mỹ.

Ngày 23-8-1967, vào lúc 15 giờ 15 phút còi báo động lại vang lên. Lại bắt đầu đợt bắn phá mới của máy bay Mỹ vào Hà Nội. Lại vang lên những tiếng nổ, lại những sự tàn phá và chết chóc.

Trong ngày hôm ấy đã có 8 máy bay Mỹ bị bắn rơi.

Trong tất cả những trận đánh căng thẳng ấy của bộ đội phòng không Quân đội nhân dân

Việt Nam, các chuyên gia quân sự Liên Xô cũng đã kề vai sát cánh chiến đấu cùng với các chiến sĩ Việt Nam.

Không quân Mỹ vẫn tiếp tục tăng cường đánh phá các công trình thủy lợi trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - các đập nước và đê điều ở các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Tây, Quảng Ninh. Mục đích của những cuộc bắn phá ấy là làm đồng ruộng và các điểm dân cư ngập chìm trong nước. Hậu quả của việc phá hoại đê điều là mức nước trên các con sông hầu như đạt đến đỉnh điểm.

Ngày 31-8-1967, trong thời gian diễn ra trận đánh trả cuộc bắn phá của máy bay hải quân Mỹ vào thành phố Hải Phòng đã xảy ra một trường hợp chưa từng thấy: Tiểu đoàn tên lửa phòng không 73 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 285 với một quả tên lửa, đã bắn rơi cùng lúc 3 máy bay Mỹ bay trong đội hình dày đặc. Vụ đó diễn ra như sau:

Vào lúc 7 giờ 20 phút đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu của Tiểu đoàn 73 đã phát hiện ở khoảng cách 60 km có một tốp máy bay yểm trợ gồm một số máy bay tiêm kích F-4A. Bọn này là mối nhử để phát hiện các tổ hợp tên lửa phòng không. Sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn, Đại úy Khánh (Хань) và đồng nghiệp Liên Xô của anh đã quyết định để tốp này lọt qua, không cho thiết bị phát sóng hoạt động.

Sau vài phút, ở khoảng cách 28 km, lại phát hiện tốp thứ hai gồm 4 chiếc máy bay hải quân AD-4 bay theo đội hình rất sát. Ở khoảng cách 23 km, tên lửa thứ nhất được phóng lên. Ở khoảng cách 19 km quả tên lửa ấy trực tiếp bắn trúng chiếc AD-4 bay ở giữa tốp. Sức nổ mạnh của tên lửa và của chiếc máy bay chở đầy nhiên liệu và số bom chưa thả đã làm nổ tung thêm hai chiếc bay ở phía trái và phía bên phải. Các tên phi công trên hai chiếc máy bay ấy - một thiếu tá và một đại úy - đã kịp nhảy dù và bị bắt làm tù binh. Còn tên phi công của chiếc máy bay thứ nhất đã chết.

Sau 7 giây, cách quả tên lửa thứ nhất (chúng được bắn theo khoảng cách), quả tên lửa thứ hai nổ, bắn trúng vào mảnh của các máy bay đang rơi. Chiếc máy bay thứ tư cũng bị hư hại, nhưng nó đã vòng trở lại được và thậm chí còn bay được đến bờ vịnh và rơi ở đó.

Vào thời gian ấy, Trung tá Bùi Đăng Tứ (Буль Дан Ты) là sĩ quan chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không 285, còn Đại tá Blincốp là trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô trong trung đoàn này.

Có nhiều trận địa hỏa lực giả của Binh chủng tên lửa phòng không. Từ những vật liệu có sẵn trong tay người ta làm ra những mô hình của các bộ khí tài tên lửa phòng không và các quả tên lửa. Phải nói rằng các máy bay Mỹ thường hay ném bom và bắn tên lửa vào các trận địa giả ấy. Việc này xảy ra là vì các phi công Mỹ đã lầm tưởng các trận địa giả là những trận địa thật. Nhưng cũng có trường hợp phi công cố tình ném bom các trận địa ấy, mặc dù biết đó là trận địa giả, bởi vì phi công ấy không muốn bị nguy hiểm, còn khi trở về sân bay của mình, y bảo cáo đã tiêu diệt mục tiêu bằng cách đưa ra phim chụp.

Trong tháng 8-1967 các lực lượng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam đã tiêu diệt tổng cộng 116 máy bay Mỹ, trong đó các máy bay tiêm kích của Việt Nam đã tiêu diệt được 14 chiếc, tên lửa tiêu diệt được 27 chiếc.

Trong các năm 1967 - 1968 Trung đoàn tên lửa phòng không 238 (là trung đoàn thứ hai) đã hoạt động trong những điều kiện rất gian khổ, chiến đấu tại các khu vực phía nam của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (khu vực Vĩ tuyến 17); tại tỉnh Quảng Bình huyện Vĩnh Linh, khu vực sông Bến Hải.

Nhiệm vụ chủ yếu của các tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 238 là chiến đấu chống các máy bay ném bom chiến lược B-52. Những máy bay ném bom có 8 động cơ ấy chở được 27 tấn bom, bay với tốc độ tối đa hơn 1000 km/giờ và bay ở tầm cao thực tế 15.500 m, có căn cứ tại đảo Guam trên Thái Bình Dương và tại căn cứ không quân Utapao ở Thái Lan. Những chiếc máy bay ấy, được chế tạo ra để bay trên những khoảng cách xa và chở bom hạt nhân, đã được trang bị lại để chở những quả bom phá thông thường. Từ tháng 4-1966 những máy bay này đã thường xuyên ném bom vào các khu vực phía nam của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tại khu vực này không quân Mỹ có ưu thế trên không, do vậy chỉ có thể tác chiến chống lại chúng theo kiểu “phục kích”. Trung đoàn 238 đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ này.

Ngày 17-9-1967, tại khu vực Vĩnh Linh các tiểu đoàn tên lửa phòng không thuộc Trung đoàn 238 lần đầu tiên đã bắn rơi 2 máy bay ném bom chiến lược hạng nặng B-52 của không lực Hoa Kỳ.

Trong trận máy bay B-52 đánh phá có ba trong số bốn tiểu đoàn đã bị loại khỏi vòng chiến đấu bởi những đợt tập kích của tốp máy bay yểm trợ. Chỉ còn một tiểu đoàn là Tiểu đoàn 1 còn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Ở tiểu đoàn này trong đại đội bộ phóng chỉ có ba bộ phóng - trong số sáu bộ phóng - là ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu với những quả tên lửa đã được chuẩn bị sẵn sàng. Ba bộ phóng còn lại cũng bị loại khỏi vòng chiến đấu vì bị máy bay Mỹ phá hủy.

Khi hai chiếc B-52 bay vào tầm bắn của Tiểu đoàn 1 thì những tiểu đoàn kia đã lần lượt bị bắn phá. Đã có hai quả tên lửa được phóng vào chiếc máy bay ném bom thứ nhất, chỉ có một quả tên lửa được phóng vào chiếc máy bay thứ hai. Thế nhưng cả hai chiếc máy bay B-52 ấy đã bị bắn hạ.

Những chiếc máy bay ấy rơi trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam trong vùng phi quân sự.

Đại tá Vaxih Grigoriêvich Baicốp là trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trung đoàn 238.

Nhân chiến thắng này, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa Hồ Chí Minh đã gửi thư đặc biệt cho các chiến sĩ tên lửa, còn tiểu đoàn tên lửa bắn rơi máy bay B-52 được tặng thưởng Huân chương Chiến công.

Ngày 29-10-1967 Trung đoàn 238 lại bắn rơi thêm một chiếc B-52, sau đó đã bắn rơi thêm ba máy bay B-52 nữa và nhiều máy bay loại khác. Tổng cộng Trung đoàn tên lửa phòng không 238 đã bắn rơi 6 máy bay B-52.

Vì những thành tích cao trong chiến đấu, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phong tặng danh hiệu “Anh hùng” cho Trung đoàn 238.

Nhưng sau những trận đánh phá của không quân địch, Trung đoàn 238 đã chịu những tổn thất nghiêm trọng về người và khí tài. Do vậy, trung đoàn được rút ra khỏi khu vực phía nam để củng cố lại.

Sau khi được bổ sung tăng cường, vào tháng 5-1969 Trung đoàn 238 lại xung trận tại tỉnh Quảng Bình. Trong thời gian đó Đại tá Iuri Ivanôvich Mukhanốp là trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô trong trung đoàn này.

Cuối năm 1967 đã diễn ra những trận đánh đặc biệt căng thẳng. Ví dụ, chỉ trong 14 ngày (từ ngày 24 đến ngày 27-10, từ ngày 17 đến ngày 20-11 và từ ngày 14 đến ngày 19-12) bộ đội tên lửa phòng không đã đánh 283 trận, tiêu diệt 115 máy bay Mỹ.

Cũng vào thời gian này, trong những lần đánh phá các mục tiêu trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phía Mỹ đã lần đầu tiên sử dụng loại tên lửa mới chống ra đa có tên “Standar”. Xét về cách sử dụng thì loại tên lửa này cũng giống tên lửa “Sraico” và được sử dụng trước hết nhằm đối phó với các đơn vị tên lửa phòng không. Về cấu tạo nó cũng giống tên lửa “Sraico”, nhưng nó nặng hơn và có kích thước lớn hơn. Mảnh của tên lửa “Standar” cũng lớn hơn mảnh tên lửa “Sraico”, và số lượng mảnh của nó cũng nhiều hơn. Phạm vi hiệu quả sát thương của tên lửa “Standar” rất lớn: nó bao trùm hầu như toàn bộ trận địa phóng tên lửa của một tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Ngày 23-10-1967 trên bầu trời Hà Nội đã có 10 máy bay Mỹ bị bắn rơi, trong đó tên lửa đã bắn rơi máy bay của phi công “máu xanh” Thiếu tá không quân Mỹ Giôn X. Mắckên.

Thiếu tá Giôn X. Mắckên là con trai của Đô đốc Giôn Mắckên - Tư lệnh lực lượng hải quân Mỹ ở châu Âu và là cháu của Đô đốc Giôn Mắckên - Tư lệnh chỉ huy tất cả các tàu sân bay của Mỹ tại Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Thiếu tá Giôn X. Mắckên phục vụ trên tàu sân bay “Phorextơn” và vào tháng Sáu năm ấy suýt chết cháy trên tàu sân bay này. Vụ cháy

xảy ra do một quả tên lửa bị trục trặc và nổ. Y được chuyển sang tàu sân bay "Ôrixcan". Chính từ tàu sân bay này y tiếp tục tham gia bắn phá lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho đến khi bị bắn rơi trên vùng trời Hà Nội.

Vụ xuất kích thứ 23 của Giôn X. Mắckên đánh vào lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã kết thúc trong làn nước của hồ Trúc Bạch tại Hà Nội. Khi máy bay bốc cháy y đã nhảy dù xuống hồ và bị bắt làm tù binh. Trong cuộc thẩm vấn, khi được hỏi về hoạt động của các lực lượng phòng không ở khu vực Hà Nội, viên phi công Mỹ đã tuyên bố thế này: "Chung quanh Hà Nội hỏa lực rất dày đặc và rất chính xác. Về loại tên lửa "đắt đối không" thì những tên lửa này bắn khá chính xác vào mục tiêu. Tôi đã ở ngay bên trên mục tiêu khi tôi phát hiện thấy những quả tên lửa đang lao về phía mình. Sau đó là một tiếng nổ rung chuyển. Còn giờ đây tôi là tù binh..."

Ngày 24-10-1967 các chuyên gia quân sự Liên Xô ở Trung đoàn tên lửa phòng không 274 chỉ huy trung đoàn này là Thiếu tá Quang (Кыанр), trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô trong trung đoàn này là Đại tá A. Đ. Iarôxláp-xép đã cùng các quân nhân Việt Nam tiến hành những trận đánh gay go trong những tình huống phức tạp trên bầu trời chống lại cuộc tấn công dữ dội của không quân Mỹ đánh vào Hà Nội. Trung đoàn này đã phóng 6 quả tên lửa và bắn rơi 2 máy bay Mỹ.

Tiểu đoàn tên lửa phòng không thứ nhất do Trung tá Êphimencô chỉ huy đã bắn rơi một máy bay F-4. Trong khi diễn ra trận đánh này, trong điều kiện phức tạp trên bầu trời, sĩ quan điều khiển tên lửa Thượng úy A. A. Pôsnhép, các binh sĩ vận hành thiết bị bám sát mục tiêu bằng tay lu. M. Bêdukhốp, M. Iu. Ivansích, N. G. Pêrêpêlix và trác thủ theo dõi bản đồ hỏa lực là binh nhất Tikhônốp đã thao tác tuyệt vời. Khi xuất hiện những sự trục trặc tại một trong số các kênh thì việc nhanh chóng nạp lại các quả tên lửa vào những bệ phóng thuộc kênh hoạt động tốt đã được đảm bảo bởi Đại úy G. Ph. Pôlêvích và binh nhất V. I. Mácsencô cùng với khẩu đội người Việt.

Tiểu đoàn tên lửa phòng không thứ hai, do Thiếu tá Côvalép chỉ huy, cũng đã bắn hạ được 1 máy bay F-105, sau đó lại bị máy bay địch bắn tên lửa và ném bom.

Khi ban tham mưu của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô biết tin về việc Tiểu đoàn 2 của trung đoàn đã bị không quân địch bắn phá, tôi đã cùng với phiên dịch viên Việt Nam, Thiếu úy Phê và chiến sĩ lái xe Minh đi trên chiếc xe GAZ-69 đến tiểu đoàn này để nhìn thấy tận mắt những gì đã xảy ra và nếu cần thì giúp đỡ khôi phục tư thế sẵn sàng chiến đấu của tiểu đoàn này. Trận địa của tiểu đoàn này cách Hà Nội 25 km, cách làng Phú Châu không xa. Chúng tôi tiến đến trận địa. Các phương tiện và dụng cụ nguy trang đã được dỡ bỏ. Từ phía trên những bức tường cao được đắp theo hình móng ngựa chúng tôi thấy vờn ra những mũi tên lửa đáng sợ. Cũng thấy cả những cột ăngten xoay của đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu, các ăngten hình nón của ca bin điều khiển "P", mái che của đài điều khiển tên lửa và cụm phát điện bằng máy nổ.

Ra đón chúng tôi là các sĩ quan chỉ huy của Tiểu đoàn 2: Thiếu tá Liên Xô Côvalép và Đại úy Việt Nam Nguyễn Văn Thới (Hryeh Ban Txon) Hai sĩ quan này báo cáo rằng - tiểu đoàn đã trong tư thế sẵn sàng cấp 1 - đang tiến hành kiểm tra tất cả các hệ thống của tổ hợp tên lửa phòng không sau khi vừa bị máy bay địch bắn phá.

Chúng tôi đã xem xét tất cả các khí tài chiến đấu của tiểu đoàn và các thiết bị kỹ thuật của trận địa hỏa lực. Chúng tôi cũng xem xét nơi các quả bom và tên lửa của địch đã phát nổ. Chúng tôi nghe báo cáo của sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn, của sĩ quan điều khiển tên lửa, của các sĩ quan chỉ huy các khẩu đội cũng như của các sĩ quan, hạ sĩ quan và anh em binh sĩ báo cáo về hành động trong quá trình diễn ra trận đánh, cũng như về hoạt động của các khí tài chiến đấu. Sau đấy chúng tôi tiến hành phân tích chi tiết về trận đánh đó: chúng tôi đánh giá tình hình sẵn sàng chiến đấu của tiểu đoàn và hành động của đội ngũ chiến sĩ trong tiểu đoàn gồm cả các quân nhân Liên Xô và Việt Nam, tổng kết trận đánh.

Dưới đây là diễn biến trận đánh của Tiểu đoàn 2 trong ngày 24-10-1967.

Vào lúc 15 giờ Sở chỉ huy trung đoàn ra lệnh vào vị trí sẵn sàng cấp 1.

Lúc 15 giờ 30 phút tiểu đoàn phát hiện ba tốp mục tiêu đang đến gần từ hướng tây - nam.



Lúc 15 giờ 33 phút tiểu đoàn bắn vào tốp mục tiêu thứ nhất gồm 4 máy bay F-105. Một chiếc bị bắn rơi.

Lúc 15 giờ 38 phút đài điều khiển tên lửa đã phát hiện mục tiêu ở khoảng cách 15 km. 5 giây sau khi đài điều khiển tên lửa phát sóng thì các trắc thủ vận hành thiết bị bám sát mục tiêu bằng tay đã phát hiện trên màn hình tín hiệu có một chấm tên lửa "Sraico", khác với tín hiệu của các máy bay trong tốp mục tiêu ấy.

Bằng một mồi đã thuần thục người ta đã hướng tên lửa "Sraico" đi chệch sang hướng khác, và nó đã nổ cách trận địa 200 mét. Sau đó, trong suốt một giờ đã có vài tốp máy bay địch tìm cách tiêu diệt tiểu đoàn này. Từ hướng đông - bắc một chiếc F-4 dùng tên lửa "Bunpáp" và bom bi bắn phá. Tên lửa và bom bi đã nổ cách đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu có 12 mét, gây ra những hư hại nhỏ cho đài này nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến tư thế sẵn sàng chiến đấu của nó: sức nổ đã làm bật tung cửa cabin của đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu và làm cho máy phát sóng bị ngừng hoạt động. Mặc dù bị choáng do sức ép của tên lửa nhưng sĩ quan chỉ huy đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu - Thượng úy V. N. Iudin đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để nhanh chóng phục hồi tư thế sẵn sàng chiến đấu của đài.

Cuộc bắn phá vẫn tiếp tục. Do bom nổ gần trận địa nên các máy phát sóng ở cabin điều khiển "P" cũng ngừng hoạt động. Kỹ thuật viên trưởng ở cabin điều khiển "P" là Thượng úy V. V. Gôriasi đã thể hiện sự tháo vát bằng cách khẩn cấp đưa đài điều khiển tên lửa vào chế độ tác chiến, dùng phương pháp cơ khí để đóng các công tắc rơ le thời gian khởi động các máy phát sóng. Nhờ vậy đã khôi phục sớm trước thời hạn tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Tốp máy bay gồm 4 chiếc F-4 bay đến từ hướng đông - nam đã dùng rốc két và bom bi oanh tạc trận địa tiểu đoàn này. Có một quả bom bi rơi cách trung tâm trận địa 200 mét, còn một quả bom bi khác đã rơi cách trung tâm trận địa 250 mét. Không có thiệt hại về khí tài và về người.

Trong trận đánh này, nhằm mục đích không để cho các máy bay tấn công tiếp cận được trận địa của tiểu đoàn ở khoảng cách gần nhất và loại trừ khả năng ném bom và bắn chính xác các tên lửa "không đối đất" trong khi tiểu đoàn tên lửa này không thể khai hỏa được bằng những quả tên lửa thật, khẩu đội chiến đấu của tiểu đoàn này đã sử dụng chiến thuật phóng giả tên lửa vào các mục tiêu. Việc này được tiến hành bằng cách hướng sóng vô tuyến của trạm dẫn đường tên lửa vào mục tiêu và khởi động máy phát lệnh vô tuyến - đó là mồi "phóng giả tên lửa". Ngay khi máy phát lệnh vô tuyến được khởi động thì các máy bay tấn công lập tức đổi hướng và tránh sang phía khác.

Hành vi này của các phi công địch chứng tỏ máy bay của chúng được trang bị thiết bị trinh sát thu sóng vô tuyến phát tín hiệu cho phi công biết có tên lửa đang phóng vào máy bay của chúng.

Trong trận chiến đấu thắng lợi ấy tất cả các khẩu đội của tiểu đoàn này đã thu được kinh nghiệm chiến đấu lớn.

Sau khi trở về Hà Nội, tôi đã báo cáo về các hoạt động chiến đấu của toàn thể đội ngũ nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô trong trung đoàn này - Trung đoàn tên lửa phòng không của Hải quân nhân dân Việt Nam - lên Trưởng đoàn chuyên gia quân sự tại Việt Nam là Trung tướng V. N. Abramốp. Căn cứ vào kết quả trận đánh, Trung tướng Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã ra Thông báo số 158 ngày 25-10-1967.

Thông báo đã nêu rõ sự thành thạo tuyệt vời trong chiến đấu, nghệ thuật và sự tháo vát, tinh thần dũng cảm và tinh thần anh dũng của các chuyên gia quân sự Liên Xô Những người xuất sắc nhất trong số đó đã được đề nghị Chính phủ khen thưởng.

Ngày 25-10-1967 cả hai tiểu đoàn tên lửa phòng không của Hải quân Việt Nam mỗi tiểu đoàn đã bắn rơi thêm 1 máy bay Mỹ. Như vậy là trong hai ngày trung đoàn này đã bắn rơi 4 máy bay Mỹ.

Trong tháng 10-1967 tổng cộng đã có 131 máy bay Mỹ bị bắn rơi, trong đó 38 máy bay bị bắn rơi do tên lửa. Trong suốt cả cuộc chiến tranh đây là số lượng máy bay Mỹ lớn nhất bị tên

lửa bắn rơi trong một tháng.

Các phi công máy bay tiêm kích của Việt Nam bắn rơi 13 máy bay Mỹ, 29 chiếc máy bay bị bắn rơi do pháo cao xạ.

Ngày 6-11-1967, trong trận đánh trả các cuộc oanh tạc của máy bay Mỹ vào Hà Nội, tên lửa đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 2500. Đến ngày 7-11, lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam, với sự tham gia của các chuyên gia quân sự Liên Xô, đã bắn rơi thêm 6 chiếc máy bay địch trên bầu trời Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Ngày 19-11-1967, trong các trận đánh của bộ đội tên lửa, pháo cao xạ và các máy bay tiêm kích của Quân đội nhân dân Việt Nam đã có 17 máy bay Mỹ bị tiêu diệt, trong đó 12 chiếc bị tiêu diệt trên bầu trời Hà Nội. Đây là con số kỷ lục các máy bay bị bắn rơi trong một ngày trong 2 năm gần nhất tính đến thời điểm đó của cuộc chiến tranh.

Ngày 25-11-1967, chiếc máy bay Mỹ thứ 2600 đã bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội.

Trong tháng 11-1967 các lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam đã bắn rơi tổng cộng 131 máy bay địch, trong đó các đơn vị tên lửa phòng không bắn rơi 39 chiếc, các máy bay tiêm kích của Việt Nam bắn rơi 14 chiếc.

Trong tháng 12-1967 không quân Mỹ vẫn tiếp tục những cuộc bắn phá dã man trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong suốt sáu ngày liên tiếp, từ ngày 14-12, máy bay địch đã bắn phá Hà Nội, đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng, thành phố và cảng Hải Phòng, cũng như các thành phố khác và các làng mạc, các cây cầu và các bến phà qua sông.

Trong tất cả những ngày ấy, bộ đội tên lửa, pháo cao xạ và các máy bay tiêm kích của Quân đội nhân dân Việt Nam đã tiến hành những trận chiến đấu gay go với không quân Mỹ. Chỉ trong sáu ngày ấy đã có 30 máy bay địch bị bắn hạ.

Trong các trận đánh trên bầu trời Hà Nội, các lực lượng phòng không đã dùng tên lửa bắn rơi máy bay của tên chỉ huy căn cứ không quân Mỹ tại Cờn (Thái Lan) và viên phó của y - Đại tá không quân Giôn P. Phin và Étuốt B. Bácđét.

Hai tên này phá các phi công dưới quyền đi ném bom Bắc Việt Nam, sau đó chúng đích thân cất cánh thực hiện phi vụ kiểu mẫu đánh vào Hà Nội, thế là chúng lọt vào tầm hỏa lực chính xác của tên lửa phòng không.

Trong tháng 12-1967 trên bầu trời Bắc Việt Nam đã có 75 máy bay Mỹ bị bắn rơi, trong đó có 37 chiếc bị bắn rơi do tên lửa phòng không và 13 chiếc bị bắn rơi trong các trận không chiến với máy bay tiêm kích của Việt Nam.

Trong năm 1967 không quân Mỹ đã thực hiện 52.809 lần chiếc đánh phá vào lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đã thực hiện 10.729 vụ bắn phá vào 8.008 mục tiêu.

Năm 1967, trong các trận đánh trả các cuộc tấn công của không lực Mỹ, các lực lượng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam đã bắn hạ tổng cộng 1067 máy bay địch. Bộ đội tên lửa phòng không đã tiến hành 1218 trận đánh và đã tiêu diệt được 435 máy bay Mỹ. Các máy bay tiêm kích của Việt Nam đã thực hiện 1754 phi vụ chiến đấu, đã tiến hành 129 trận không chiến, trong đó đã bắn hạ được 129 máy bay Mỹ.

Cuối năm 1967 do mãn hạn công tác, Thiếu tướng pháo binh V. X. Kixlianxki, Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô về binh chủng tên lửa phòng không đã trở về Liên Xô. Thiếu tướng pháo binh N. I. Cunliacốp đã sang thay thế ông.

Mãn hạn công tác, Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô về không quân, Anh hùng Liên Xô, Thiếu tướng không quân V. P. Xensencô cũng đã trở về Liên Xô. Thiếu tướng không quân E. N. Anxiphêrốp đã sang thay thế ông trong chức vụ này.

Ngày 17-3-1968, vào lúc 2 giờ đêm, chiếc máy bay Mỹ thứ 2800 đã bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội đã bắn rơi. Đó là chiếc máy bay cường kích hạng nặng A-6 có tên "Intorudo" của hải quân.

Cả hai tên phi công trên chiếc máy bay bị bắn rơi đã nhảy dù và tiếp đất: một tên rơi xuống hồ, còn tên thứ hai thì rơi xuống ruộng lúa và đều bị bắt làm tù binh. Đây là những phi công của không quân hải quân, các đại úy 3 sao Đayli Uônơ Đôxơ và Etvin Ácơ Suman.

Cũng vào ngày hôm ấy có 6 máy bay siêu âm tối tân “cánh cụp cánh xoè” F-111 của Mỹ được chuyển đến căn cứ không quân Tácli ở Thái Lan.

Ngày 28-3 chiếc máy bay F-111A thực hiện phi vụ đầu tiên của mình để bắn phá các mục tiêu ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nó đã bị hỏa lực pháo cao xạ bắn rơi trên bầu trời Hà Tĩnh ngay khi nó vừa xâm nhập vào không phận Bắc Việt Nam. Chiếc máy bay này rơi xuống rừng rậm, cả hai phi công đều chết.

Ngày 30-3-1968 hỏa lực tên lửa phòng không đã bắn rơi chiếc F-111A thứ hai trên bầu trời Hà Tây. Sau đó ít lâu chiếc F-111A thứ ba đã bị bắn rơi. Từ đó trở đi người Mỹ đã không sử dụng loại máy bay này ở Việt Nam nữa.

Vào thời gian đó, trưởng các nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô trong các trung đoàn tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có: Đại tá Craxốpxki, Trung tá Côdúp, Trung tá Taraxencô, Trung tá Crulốp, Đại tá Xmirnốp, Đại tá Cônkin, Đại tá Cốtômốp, Trung tá Ivanốp, Đại tá Labutin, Đại tá Lêbêđép, Trung tá Mukhanốp, Đại tá Đmitriép, Trung tá Giuravlép và những đồng chí khác.

Vào thượng tuần tháng 4-1968 tôi trở về Liên Xô nghỉ phép. Cùng bay về Liên Xô với tôi còn có 6 chuyên gia quân sự Liên Xô nữa đã mãn hạn công tác ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chúng tôi mua vé đi máy bay IL-14 của Trung Quốc và đã đáp chuyến máy bay gần nhất đến Bắc Kinh, có dừng chân ở Nam Kinh. Ở Nam Kinh, chúng tôi được bố trí trong một khách sạn. Không một lời giải thích, chúng tôi phải ở lại đó suốt cả một tuần. Tuy nhiên, người ta không thu tiền ăn ở của chúng tôi trong khách sạn. Chúng tôi được ăn ba bữa một ngày tại phòng ăn của khách sạn với những món ăn Trung Quốc, đầy đủ và ngon. Sau đó, máy bay của chúng tôi có hạ cánh một lần trước khi bay tới Bắc Kinh. Từ Bắc Kinh chúng tôi đáp máy bay Liên Xô về Mátxcova.

Ngày 21-4-1968, tại Mátxcova tôi được Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô kiêm Tư lệnh Binh chủng phòng không Liên Xô là Nguyên soái Paven Phêđrôvích Batixki tiếp.

Tôi đã báo cáo tỉ mỉ về diễn biến chiến sự tại Việt Nam và về hoạt động của các chuyên gia quân sự Liên Xô tại đó. Trong buổi báo cáo của tôi còn có mặt một số tướng lĩnh thuộc các Tổng cục của Bộ Quốc phòng Liên Xô.

Vị Tư lệnh Binh chủng phòng không Liên Xô cũng đã được nghe những đề nghị về việc giải quyết một số vấn đề liên quan đến hoạt động của các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cũng như những kiến nghị về việc sử dụng kinh nghiệm của cuộc chiến tranh Việt Nam vì lợi ích của các lực lượng vũ trang Liên Xô. Nguyên soái Batitxki trả lời rằng tuy ông là Thứ trưởng Quốc phòng Liên Xô, nhưng ông không thể giải quyết nhiều vấn đề đã đặt ra, vì trên thực tế không có khả năng tìm ra một giải pháp cho những vấn đề ấy ở cấp lãnh đạo cao nhất của Bộ Quốc phòng.

Ngày 23-4-1968 tôi đã trình bày bản báo cáo chi tiết về cuộc chiến tranh Việt Nam tại Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô trước một nhóm đông đảo các tướng lĩnh - Thủ trưởng các Tổng cục của Bộ Tổng tham mưu và những sĩ quan khác.

Đã xảy ra trường hợp rất đáng nhớ với tôi khi tôi đề đạt nguyện vọng được đi nghỉ tại nhà nghỉ. Sau cuộc kiểm tra y tế tại Trung tâm khám bệnh đa khoa số 1 của Bộ Quốc phòng Liên Xô, tôi nhận được kết luận rằng đối với tôi việc nghỉ ở bờ biển phía nam tại Crum là điều chống chỉ định. Tôi tìm cách giải thích rằng tôi từ một nước nhiệt đới là Việt Nam về nước để nghỉ ngơi, rằng ở Việt Nam đang có chiến tranh và sau kỳ nghỉ tôi sẽ trở lại đó. Nhưng người ta thậm chí chẳng muốn nghe tôi trình bày. Chỉ sau khi có sự can thiệp của Cục trưởng Cục quân y Bộ Quốc phòng Liên Xô tôi mới có cơ hội nhận giấy chứng nhận đến nghỉ tại nhà nghỉ “Alusta”. Đó là một ví dụ về bệnh quan liêu mà chúng tôi thường hay gặp phải.

Cuối tháng 5-1968, sau kỳ nghỉ tôi trở lại Việt Nam để tiếp tục công tác với chức danh Tham

mưu trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 8-6-1968 chiếc tàu biển “Pôrônaixco” đã đưa một nhóm các chuyên gia quân sự Liên Xô cập cảng Hải Phòng. Đó là những chuyên gia về kỹ thuật ra đa, có nhiệm vụ đưa ra những biện pháp nâng cao hiệu quả của các bộ khí tài tên lửa phòng không trong điều kiện địch sử dụng các biện pháp gây nhiễu vô tuyến điện tử và các tên lửa chống ra đa kiểu “Sraico”.

Trên đường đi trong vùng biển Nam Triều Tiên tàu “Pôrônaixco” đã gặp phải các tàu chiến của Hạm đội 7 Hải quân Hoa Kỳ, trong đó có tàu sân bay “Intoprai”. Những chiếc trực thăng cất cánh từ tàu sân bay này đã tìm cách kiểm soát lộ trình của con tàu “Pôrônaixco”.

Trưởng nhóm chuyên gia vừa tới là Đại tá Víchtô Xécghêêvích Kixêlêp, nhóm chuyên gia này gồm có: các Trung tá V. V. Nôvicốp, Iu. A. Xápsencô, Ô. V. Xapôrôpxki và Đại úy L. P. Xamôđurốp.

Sau một thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng, nhóm chuyên gia này cùng với các chuyên gia quân sự Việt Nam đã đến nơi làm việc. Vị trí được chọn làm đài quan sát đã cho phép quan sát hoạt động của không quân Mỹ thông qua các phương tiện vô tuyến điện tử và quang học, cũng như bằng mắt thường. Toàn bộ các máy móc của nhóm chuyên gia này được ngụy trang cẩn thận và thường xuyên tiến hành ghi nhận các cuộc phát sóng vô tuyến và những cuộc đàm thoại vô tuyến của không quân Mỹ hoạt động tại khu vực này.

Nhờ kết quả sự hợp tác, các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam đã thu thập được những dữ liệu quan trọng và rất nhiều tư liệu thực tế để trên cơ sở đó đưa ra những khuyến cáo hữu hiệu nhằm tăng khả năng của các bộ khí tài tên lửa phòng không chống lại các thủ đoạn gây nhiễu xét về phương diện chiến thuật, cũng như về phương diện kỹ thuật. Ngoài ra còn đề ra những biện pháp bảo vệ các tổ hợp tên lửa phòng không chống lại các tên lửa chống ra đa như kiểu tên lửa “Sraico”. Không những thế, các phương tiện sử dụng sóng vô tuyến để làm giả mục tiêu và đáp trả đã được sử dụng để bảo vệ các cơ sở công nghiệp, trong đó có Nhà máy điện Uông Bí.

Các lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục đánh trả bọn xâm lược Mỹ bằng tất cả các phương tiện phòng không có trong tay. Ngày 25-6-1968 trên bầu trời tỉnh Quảng Bình người ta đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 3000.

Tháng 7-1968 Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định lập ra Huy chương “Vì tinh thần đoàn kết chiến thắng giặc Mỹ xâm lược”. Huy chương này được trao tặng cho các chuyên gia Liên Xô thay cho Huy chương Hữu nghị sau khi họ mãn hạn công tác tại Việt Nam. Cũng vào thời điểm ấy đã có quyết định trao tặng các huân chương chiến đấu của Việt Nam cho các chuyên gia quân sự Liên Xô đã có những công lao đặc biệt.

Từ ngày 1-11 đến 31-12-1968 đã bắn rơi thêm 16 máy bay Mỹ các loại. Trong năm 1968 tổng cộng đã có 557 máy bay Mỹ bị bắn rơi, trong đó các máy bay tiêm kích của Việt Nam đã bắn rơi 47 chiếc và tên lửa phòng không đã bắn rơi 119 máy bay địch.

Trong thời gian từ ngày 5-8-1964 đến ngày 1-11-1968 không quân Mỹ đã thực hiện xuất kích 168.156 lần chiếc và đã tiến hành 29.200 cuộc ném bom và bắn rốc két vào 23.989 cơ sở của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã thả hơn 3,5 triệu tấn bom.

Cũng trong thời gian đó, lực lượng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam đã bắn rơi 3.243 máy bay Mỹ, trong đó có 3 máy bay tối tân F-111A và 6 chiếc máy bay ném bom chiến lược B-52.

Đồng thời, Binh chủng tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam đã tiến hành 1.988 trận đánh, tiêu diệt 1.044 máy bay Mỹ, trong đó có 6 máy bay B-52 và 1 chiếc F-111A.

Các máy bay tiêm kích của Quân đội nhân dân Việt Nam trong thời gian ấy đã thực hiện xuất kích hơn 3.000 lần chiếc, tiến hành 327 trận không chiến giữa các tốp máy bay và các trận đánh riêng lẻ và đã tiêu diệt được 251 máy bay Mỹ. Kết quả các trận không chiến trong những năm 1967 - 1968 đã dẫn đến tỷ lệ tổn thất là 1:3 (4) cho không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cũng trong thời gian kể trên các lực lượng pháo cao xạ và các khẩu đội súng máy phòng

không đã tiêu diệt hơn 1500 máy bay. Qua đó thấy rằng nếu được sử dụng đúng cách thì pháo cao xạ cũng là một sức mạnh đáng sợ ngay cả đối với các máy bay phản lực hiện đại và nếu được phối hợp với bộ đội tên lửa phòng không và không quân thì pháo cao xạ có thể gây ra những tổn thất rất nghiêm trọng cho các máy bay trong lúc chúng tấn công.

Khi nói đến kết quả các trận đánh của bộ đội phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam, cần nêu rõ rằng đã diễn ra những trận đánh chống lại một kẻ địch rất mạnh. Bộ chỉ huy của Mỹ đã sử dụng những kiểu máy bay hiện đại nhất đã được trang bị cho không quân và hải quân Hoa Kỳ, trong đó có các máy bay chiến lược B-52, các máy bay F-111A, các máy bay trinh sát SR-71 cũng như các loại bom và tên lửa tối tân. Bộ chỉ huy Mỹ đã tổ chức tác chiến một cách rành mạch và có bài bản.

Các phi công được đào tạo cực tốt, đặc biệt các phi công thuộc lực lượng hải quân. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ được đặt ra, các phi công ấy đã thể hiện tinh thần kiên trì, luôn luôn thay đổi chiến thuật tác chiến và đã thường xuyên sử dụng các thủ đoạn gây nhiễu để đối phó với các phương tiện phòng không của miền Bắc Việt Nam.

Nhưng bất chấp tất cả sự hùng hậu và sức mạnh của không quân Mỹ, các đơn vị Binh chủng tên lửa phòng không, không quân Việt Nam và pháo cao xạ, cũng như binh chủng kỹ thuật vô tuyến của Quân đội nhân dân Việt Nam, với sự tham gia của các chuyên gia quân sự Liên Xô, đã giành được nhiều thắng lợi và gây ra những tổn thất to lớn cho kẻ địch về máy bay và về lực lượng phi công.

Tháng 12-1968, sau khi mãn hạn công tác, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trung tướng không quân Vladimira Nikitovich Abramov đã trở về Liên Xô. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tặng thưởng ông Huân chương Chiến công hạng nhất, Huy chương "Vì tinh thần đoàn kết chiến thắng giặc Mỹ xâm lược" và Huy hiệu "chiến thắng trận đầu tiên - 5-8". Trung tướng pháo binh Bôrit Alếchxandrôvich Xtônnhicốp được bổ nhiệm và đã đến Việt Nam đảm nhiệm chức vụ Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ năm 1971 đến năm 1973 Thiếu tướng Nicôlai Cônxtantinovich Mácximencô đã đảm nhiệm chức vụ này. Từ tháng 12-1972 đến năm 1975 Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Thiếu tướng Anatôli Ivanovich Khiupênen.

Tháng 2-1969, tôi cùng với một sĩ quan trong Ban tham mưu của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô là Thiếu tá L. N. Ôtoriakhin và phiên dịch viên Việt Nam - Thiếu úy Lộc đã đi trên hai chiếc xe, do các chiến sĩ Việt Nam lái, để thực hiện chuyến kiểm tra Quân khu 4 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong chuyến đi này chúng tôi đã đến các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, vùng bờ biển Đông. Chúng tôi đã có mặt tại các thành phố Nam Định, Vinh, huyện Vĩnh Linh. Ở đâu chúng tôi cũng nhìn thấy những hậu quả nặng nề của những trận bom và bắn phá của máy bay Mỹ, một số lượng rất nhiều hố bom và hố tên lửa do máy bay bắn xuống các đồng ruộng, xuống các khu dân cư và vùng phụ cận. Có nhiều làng mạc và thị trấn bị phá hủy hoàn toàn, các đồng ruộng không thể cày cấy được nữa, phải mất vô cùng nhiều công sức mới khôi phục lại được.

Chúng tôi cũng đi qua cây cầu huyền thoại Hàm Rồng.

Cây cầu này bắc qua con sông Mã bị kẹp giữa hai bờ dốc đứng. Cầu này kết nối một trong số những tuyến vận tải quan trọng nhất của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chạy từ Hà Nội về phía nam, về phía vĩ tuyến 17. Không quân Mỹ đã ném nhiều bom và phóng hàng nghìn quả rốc két xuống cây cầu này. Các tàu thuộc Hạm đội 7 của Mỹ cũng từ biển bắn phá cây cầu này. Khắp giàn cầu lỗ chỗ vết đạn. Nhưng cây cầu này vẫn đứng vững và hoạt động. Các đội sửa chữa của Việt Nam, chỉ trong vài giờ sau cuộc oanh kích, chủ yếu vào ban đêm, đã khắc phục xong những chỗ hư hại và bị phá hủy trên cây cầu. Người ta đã phong danh hiệu "Anh hùng" cho cây cầu này. Hỏa lực ngăn chặn mạnh mẽ của các khẩu pháo cao xạ đã không để cho các máy bay Mỹ thả bom chính xác vào cây cầu ấy.

Ngày 18-7-1965 tên phi công Mỹ sừng sỏ, Trung tá Đanton, đã nhận lệnh trực tiếp của Bộ trưởng Quốc phòng Mácnamara phá hủy bằng được cầu Hàm Rồng. 27 phút sau khi cất cánh,

máy bay của Đanton đã bị bắn rơi, còn bản thân y đã nhảy dù và bị bắt làm tù binh cách cây cầu này không xa.

Chúng tôi đã đến thăm trận địa của đơn vị pháo cao xạ của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đơn vị này được trang bị các khẩu pháo cao xạ 100 mm của Liên Xô. Ngoài ra chúng tôi còn đến thăm khẩu đội cao xạ có cỡ nòng nhỏ được bố trí trên đỉnh một lèn đá cao bên bờ sông, ở gần cây cầu. Chúng tôi chúc các chiến sĩ cao xạ Việt Nam giành được thắng lợi trong các trận đánh bảo vệ cầu Hàm Rồng.

Chúng tôi đến thăm làng Kim Liên quê hương vị lãnh tụ của nhân dân Việt Nam - Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh. Ngôi làng này nằm ở phía nam tỉnh Nghệ An.

Đây thật sự là vương quốc nhiệt đới. Một ngôi nhà khiêm tốn, mái được lợp bằng lá cọ. Tại ngôi nhà này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng sống cùng với người thân trong gia đình. Bài trí trong nhà rất khiêm tốn. Một chiếc giường to bằng gỗ mà trên đó thời thơ ấu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ngủ cùng với người cha của mình - một thầy giáo. Trên các kệ giá có những cuốn sách: các sách về địa lý, những sách giáo khoa cổ. Chúng tôi đã chăm chú ngắm nhìn mọi thứ, trao đổi với những cán bộ của bảo tàng này, ghi cảm tưởng trong sổ dành cho các vị khách danh dự. Tại đây, một lần nữa chúng tôi nhận thức được rằng nhân dân Việt Nam rất trân trọng lịch sử của mình.

Tháng 4-1969 thời hạn công tác của tôi tại Việt Nam đã kết thúc. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trao tặng cho tôi Huân chương Chiến công hạng II, Huy chương "Vì tinh thần đoàn kết chiến thắng giặc Mỹ xâm lược" và Huy hiệu "Chiến thắng trận đầu - 5-8". Đại tá Xéc-gây Alếchxanđrôvích Métvêđép đã đến Việt Nam thay thế tôi và được bổ nhiệm vào chức vụ Tham mưu trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô. Năm 1971, Đại tá Van Iacôplêvích Titatrúc đã thay thế Đại tá Métvêđép trong chức vụ kể trên.

Cuối cùng phải nêu rõ rằng trong tất cả các giai đoạn của cuộc chiến tranh, các chuyên gia quân sự Liên Xô đã dành sự giúp đỡ to lớn cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Họ đã làm việc trong những điều kiện vô cùng gian khổ, không tiếc sức khoẻ và sinh mạng mình. Họ đã hoàn thành một cách mẫu mực nghĩa vụ quân nhân của mình và đã có đóng góp quý giá vào sự nghiệp của nhân dân Việt Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Với sự giúp đỡ của các chuyên gia quân sự Liên Xô, hệ thống phòng không hiện đại, hùng mạnh tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được xây dựng. Hệ thống này gồm có: Binh chủng tên lửa phòng không, pháo cao xạ, các phi đội máy bay tiêm kích, Binh chủng kỹ thuật vô tuyến, hệ thống các đài chỉ huy và các phương tiện liên lạc.

Lực lượng phòng không của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được hình thành trong quá trình diễn ra những trận chiến đấu phòng thủ chống các cuộc tấn công của lực lượng không quân và hải quân Hoa Kỳ.

Đã có những cố gắng đặc biệt to lớn trong việc xây dựng hệ thống phòng không ở các khu vực Hà Nội và Hải Phòng.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh, đặc biệt trong thời kỳ không quân Mỹ hoạt động mạnh nhất vào những năm 1967 và 1968, tại các khu vực này đã xây dựng được lực lượng phòng không mạnh nhất. Đã có nhiều ý kiến nhận xét về sức mạnh của lực lượng phòng không Việt Nam của các phi công Mỹ đã từng tham gia đánh phá Bắc Việt Nam, cũng như của Bộ chỉ huy quân sự và báo chí Mỹ.

Qua những lời khai của các phi công Mỹ bị bắt làm tù binh chúng tôi được biết chúng rất sợ thực hiện các phi vụ đánh phá tại khu vực Hà Nội, vì tại đây lực lượng phòng không đã gây cho chúng những tổn thất rất lớn.

Khu vực này được ghi là "khu vực số 6" trên không đồ địa hình của không quân. Các phi công Mỹ gọi các phi vụ bay đến khu vực này là khu vực "quan tài" ("6 tẩm").

Tờ "Thời báo Niu Oóc" đăng bài cho biết các sĩ quan Mỹ đã đánh giá lực lượng phòng không của Bắc Việt Nam bao gồm các tên lửa phòng không, pháo cao xạ và các máy bay tiêm kích là hệ thống phòng không phức tạp nhất, có lẽ là hữu hiệu nhất mà họ chưa từng thấy.

Những so sánh sau đây đã nói lên sức mạnh của hệ thống phòng không của Bắc Việt Nam. Theo các số liệu chính thức của Mỹ thì trong cuộc chiến tranh Việt Nam không quân Mỹ bị tổn thất 1 máy bay trên 60 lần chiếc xuất kích, trong khi ấy trong chiến tranh Triều Tiên không quân Mỹ bị tổn thất 1 máy bay trên 750 lần chiếc xuất kích.

Có thể phân kỳ hoạt động của các lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam thành những giai đoạn như sau:

Năm 1965 và 1966 là những năm xây dựng hệ thống phòng không hùng hậu và mạnh mẽ của Việt Nam trong quá trình đánh trả các cuộc bắn phá ngày càng gia tăng của các máy bay thuộc lực lượng không quân và lực lượng hải quân Hoa Kỳ;

Những năm 1967 và 1968 (đến ngày 1-11) là những năm dồn sức căng thẳng nhất trong quá trình đánh trả những cuộc tấn công dữ dội với số lượng lớn của không quân Mỹ. Năm 1967 là năm làm phá sản các kế hoạch xâm lược của Hoa Kỳ.

Cuối năm 1968, những năm 1969 - 1971 là những năm đối phó với hoạt động trinh sát trên không của Mỹ và giáng trả các cuộc đánh phá của không quân Mỹ vào các tỉnh phía nam của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1972 là thời gian đánh trả những cuộc bắn phá của không quân Mỹ vào các cơ sở của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó có thành phố Hà Nội và Hải Phòng, với việc sử dụng số lượng lớn các máy bay ném bom chiến lược B-52.

- Các số liệu tham khảo

Theo các số liệu chúng tôi nắm được thì trong thời gian chiến tranh - từ ngày 5-8-1964 đến ngày 31-12-1972 trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có 4181 máy bay Mỹ bị bắn rơi. Trong số đó, pháo cao xạ bắn rơi 2568 chiếc (60%), không quân bắn rơi 320 chiếc (9%), tên lửa phòng không bắn rơi 1293 chiếc (31%) trong đó có 54 máy bay ném bom chiến lược B-52.

Năm 1965 các lực lượng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam bắn rơi 834 máy bay chiến đấu.

Năm 1966 - 773 chiếc, trong đó có 221 máy bay bị tên lửa tiêu diệt.

Năm 1967 - 1067 chiếc, trong đó lực lượng tên lửa phòng không bắn rơi 435 chiếc, không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam bắn rơi 129 chiếc, pháo cao xạ bắn rơi 503 chiếc.

Năm 1968 - 557 chiếc, trong đó tên lửa phòng không bắn rơi 119, không quân Việt Nam bắn rơi 47 chiếc.

Năm 1969 - 71 chiếc

Năm 1970 - 43 chiếc.

Năm 1971 - 56 chiếc.

Năm 1972 - 922 chiếc, trong đó có 34 pháo đài bay B-52, 90% trong số đó do tên lửa bắn rơi.

Thành phố Mátxcova, ngày 25-12- 1994

\*\*\*

# ĐẠI TÁ MÔIXÊEP ANATÔLI PÊTRÔVÍCH. Công dân danh dự của Thành phố Hà Nội.

Ông sinh ngày 12-6-1926 tại tỉnh Oóclốp. Bắt đầu tham gia công tác từ năm 1942.

Gia nhập Hồng quân từ tháng 4-1943.

Ra mặt trận từ tháng 10-1943 cho đến khi kết thúc chiến tranh: là trắc thủ - khẩu đội phó Khẩu đội 242 thuộc Trung - đoàn pháo cao xạ của phương diện quân Bêlarútchia.

Từ tháng 4-1950 đến tháng 4-1952 là học viên Trường sĩ quan pháo cao xạ Gitômi - Cờ đỏ. Sau khi tốt nghiệp Trường sĩ quan ông được cử về công tác tại trung đoàn tên lửa phòng không cận vệ 235 Putilốp - Kirốp mang tên Lênin. Tại đây ông tiếp tục phục vụ với các chức vụ: cán bộ kỹ thuật, trạm trưởng, tiểu đoàn phó tiểu đoàn kỹ thuật về trang bị tên lửa.

Từ tháng 9-1967 đến tháng 8-1968, ông đã tham gia chiến đấu ở Việt Nam với chức vụ Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô trong các tiểu đoàn kỹ thuật thuộc binh chủng tên lửa phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ năm 1970 đến năm 1977 ông là kỹ sư trưởng thuộc Tổng cục 4 Bộ Quốc phòng Liên Xô.

Từ tháng 1-1975 đến tháng 1-1977 làm chuyên gia tại Li bi.

Ông đã được thưởng Huân chương Chiến tranh vệ quốc hạng II, Huân chương Sao đỏ và 15 huân, huy chương khác, trong đó có Huân chương Chiến công và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.



# CUỘC THÍ NGHIỆM Ở HÀ NỘI

Tháng 9-1967, các đoàn tàu hỏa chở khách Mátxcova - Bắc Kinh và Bắc Kinh - biên giới Việt - Trung, sau khi bị lưu lại hai tuần tại Thủ đô Bắc Kinh, đã đưa 14 sĩ quan tên lửa, trong đó có tôi, đến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi lúc đó mang quân hàm thiếu tá, nguyên là tiểu đoàn phó kỹ thuật ngành công trình tên lửa thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không cận vệ 236 Quân khu phòng không Mátxcova được bổ nhiệm chức Trưởng đoàn chuyên gia của tiểu đoàn kỹ thuật thuộc các trung đoàn tên lửa phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam. Chức trách của tôi là kiểm tra và giúp đỡ cán bộ chiến sĩ các đơn vị trong việc sử dụng, vận hành tên lửa, thiết bị công nghệ tiếp nhiên liệu, lắp ráp tên lửa, kiểm tra thiết bị trực năng, thành phần nhiên liệu và các xe máy vận chuyển nạp tên lửa. Chúng tôi thuộc biên chế của Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô bên cạnh bộ đội tên lửa phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam.

Lúc đó Liên Xô đã đưa sang giúp Việt Nam các bộ tên lửa phòng không. Các bộ khí tài tên lửa phòng không đó là vũ khí tuyệt vời trong cuộc chiến đấu với không quân Mỹ.

Trong các cuộc đánh phá các mục tiêu ở miền Bắc Việt Nam thường có hàng trăm máy bay ném bom và máy bay tiêm kích cùng tham gia. Mục tiêu chính của chúng là triệt tiêu nền kinh tế của Việt Nam và từ đó buộc Việt Nam phải đầu hàng.

Một dẫn chứng là trong tháng 10-1967, không quân Mỹ đã thực hiện 4.830 lần chiếc máy bay và đã đánh phá 158 mục tiêu, trong tháng 11 - 3.100 lần chiếc cất cánh, ném bom 90 mục tiêu. Hàng ngày chúng đã tiến hành các chuyến bay trinh sát: ban ngày chúng dùng máy bay SR-71, ban đêm - máy bay A-6 của hải quân. Đặc biệt ngày nào chúng cũng ném bom đánh phá thành phố Hà Nội và các vùng phụ cận, cảng Hải Phòng, các tuyến đường sắt và đường bộ chiến lược Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - biên giới Việt - Trung, các con đường đó đã đưa hàng quân sự và kinh tế vào Việt Nam.

Mùa thu năm 1967 chúng đã ném bom và đánh phá vùng ven đô - khu Kim Liên, trường Đại học Bách khoa do Liên Xô giúp xây dựng, Bộ Tư lệnh phòng không - không quân và các khách sạn, nơi có một bộ phận chuyên gia chúng tôi ở. Do có sự uy hiếp lớn đến tính mạng của các chuyên gia quân sự Liên Xô nên Chính phủ Việt Nam đã quyết định cho chúng tôi sơ tán vào các khu dân cư ở trong rừng, cách Hà Nội 20 - 25 km (khu B).

Về cơ bản phi công Mỹ đã hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với việc hủy diệt các mục tiêu, nhưng chúng cũng bị những tổn thất rất lớn. Nhằm giảm bớt tổn thất cho chúng và làm giảm hiệu lực của việc sử dụng khí tài tên lửa phòng không của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, người Mỹ đã áp dụng các biện pháp đánh khác nhau như: gây nhiễu chủ động và nhiễu thụ động, dùng các loại tên lửa tự dẫn "không đối đất" ("Sraico") đánh vào các đài điều khiển tên lửa của các tiểu đoàn tên lửa, đánh bom vào các trận địa của các tiểu đoàn kỹ thuật.

Nhưng trong sự hiệp đồng với các chuyên gia quân sự Liên Xô, các cán bộ chiến sĩ tên lửa Việt Nam đã học được cách sử dụng có hiệu quả vũ khí mạnh mẽ của mình và tiếp tục gây cho không quân Mỹ những tổn thất lớn. Ví dụ, chỉ riêng trong tháng 10, trong 212 trận đánh, không quân Việt Nam đã bắn rơi 88 và bắn bị thương 39 máy bay địch. Bộ chỉ huy Việt Nam hàng ngày đã công bố số lượng máy bay địch bị bắn rơi. Tại các thành phố, sau mỗi trận đánh đều đăng tải trên các bảng thông tin đặc biệt những số liệu chiến thắng ngày một tăng.

Nhưng người Mỹ vẫn tiếp tục hoàn thiện những phương thức chiến đấu chống tên lửa phòng không của chúng ta. Một trong những phương thức đó là nghiên cứu và áp dụng các biện pháp gây nhiễu tích cực đối với kênh vô tuyến ngắm mục tiêu của tên lửa. Vấn đề là ở chỗ trong ruột của quả tên lửa là một khối FR-15 có hai kênh: vô tuyến điều khiển và vô tuyến ngắm mục tiêu. Kênh này cho phép liên tục "thông báo" bằng tín hiệu trả lời về tọa độ của tên lửa đối với tín hiệu hỏi của đài chỉ huy điều khiển, nhờ đó đài điều khiển đưa ra và phát lệnh điều khiển tên lửa.

Ngay trong tháng 9 - tháng 10, khi chiến đấu, trên các màn hình của các đài điều khiển tên lửa của ta đã phát hiện thấy những trường hợp cá biệt xuất hiện nhiễu tích cực cường độ yếu của địch đối với kênh vô tuyến ngắm mục tiêu. Nhưng khi đó chúng ta chưa thực sự quan tâm

đến hiện tượng đó: bởi vì các chuyên gia - đại diện của các tổng công trình sư cho rằng, về lý thuyết, việc sử dụng các dạng nhiễu này đánh vào kênh vô tuyến ngắm mục tiêu là có thể, nhưng xác suất thực tế của việc gây các loại nhiễu đó là không đáng kể. Và trên thực tế, đến tháng 12, không thấy xuất hiện các loại nhiễu đó.

Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nhớ tới cái ngày 15-12-1967, mọi sự đã đảo lộn. Trong ngày hôm đó một tốp lớn máy bay Mỹ bay trong đội hình như thể đi điều binh, đánh phá Hà Nội và các vùng lân cận. Khi chúng bay vào vùng hỏa lực có hiệu quả của các tiểu đoàn tên lửa phòng không của ta, như thường lệ, ta đã phóng tên lửa để tiêu diệt chúng. Ta đã phóng đi 29 quả tên lửa, thì một số quả đã tự rơi do các trạm điều khiển không bắt được các tên lửa, bởi vì người Mỹ lần đầu tiên đã sử dụng ở một phương thức mới - gây nhiễu đối với kênh vô tuyến ngắm mục tiêu. Kênh này đã bị khống chế hoàn toàn và do vậy các đài điều khiển "đã bị mù", các đài này không nhìn thấy các tên lửa của mình, còn kênh thứ hai - kênh vô tuyến điều khiển - đã không thể điều khiển được đường bay của các tên lửa, vì không có tọa độ của tên lửa. Các tên lửa mất điều khiển có động năng rất lớn đã rơi xuống đất.

Sự kiện này đã gây tổn thương tới tinh thần của cán bộ chiến sĩ tên lửa Việt Nam và nhân dân địa phương.

Nhân có sự kiện trên, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đề nghị Đại sứ quán Liên Xô giúp đỡ. Đại sứ Liên Xô tại Hà Nội I. X. Sécbacốp đã lập tức họp với các chuyên gia quân sự chúng tôi về vấn đề này. Chỉ có một số người rất hạn chế tham gia cuộc họp này. Trung tướng V N. Abramốp, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, Thiếu tướng N. I. Cunbacốp, Trưởng đoàn chuyên gia tên lửa phòng không, A. M. Elixép, đại diện Tổng công trình sư đài chỉ huy tên lửa và một số chuyên gia khác.

I. X. Sécbacốp đã thông báo rằng, sau khi báo cáo Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tình hình đã diễn ra, lãnh đạo nhà nước đã chỉ thị cho ngành công nghiệp Liên Xô phải có những biện pháp cấp thiết nhằm khôi phục lại khả năng chiến đấu của các bộ khí tài tên lửa phòng không ở Việt Nam. Sau đó đại sứ nói rằng Mátxcova đã giao cho đại sứ đồng thời chỉ đạo các chuyên gia đang công tác tại Việt Nam (tùy theo khả năng của mình) tiến hành các công việc và biện pháp bổ sung cần thiết nhằm làm thất bại các biện pháp chống trả của không quân Mỹ đối với các bộ khí tài tên lửa phòng không của Liên Xô.

Trong quá trình bàn luận kéo dài và căng thẳng, chúng tôi đã đi đến kết luận rằng trong những điều kiện lúc đó có một lối thoát duy nhất là tự tiến hành các thí nghiệm nhằm chỉnh lại các tần số làm việc của đài điều khiển tên lửa và các thiết bị phản hồi, đồng thời nâng cao công suất các máy phát tín hiệu phản hồi của tên lửa.

Khi phát biểu, A. M. Elixép, đại diện Tổng công trình sư đài điều khiển tên lửa nói rằng, việc chỉnh lại tần số của đài điều khiển tên lửa có thể không có khó khăn gì đặc biệt và có thể hoàn thành trong một thời gian tương đối ngắn - vài ngày.

Để xác định thí nghiệm về các thông số lượng và chất và những khả năng chỉnh khối điều khiển tên lửa, tôi đã đề nghị mở riêng các khối tên lửa FR-15, sau đó ghi thành văn bản những kết quả thu được.

Đồng chí đại sứ quan tâm hỏi: "Làm việc đó để làm gì và cần bao nhiêu thời gian?"

Tôi đã báo cáo rằng muốn thu được những số liệu thí nghiệm cần: lấy ra từ bộ phụ tùng dự trữ 15-20 khối FR-15, một trạm kiểm tra thử nghiệm di động để tiến hành kiểm tra từng phần và tổng hợp cho các tên lửa và các khối của tên lửa, một máy phát điện di động và ba ngày làm việc.

Mặc dù các đại diện của Tổng công trình sư phản đối quyết liệt việc mở khối FR-15 (với lý do là khối này tuyệt mật), nhưng đồng chí đại sứ I. X. Sécbacốp đứng ra nhận toàn bộ trách nhiệm về việc tiến hành cuộc thí nghiệm sắp tới

Đồng chí nói: "Cần gì phải bí mật nữa? Người Mỹ đã khám phá ra bí mật đó rồi, họ đã sử dụng nhiễu và đã dùng nhiễu phá các tần số điều khiển tên lửa của ta. Tôi cho phép tiến hành các thí nghiệm này".

Nhờ có được sự thỏa thuận trong cuộc họp nên đã có một quyết định sơ bộ: lập tức bắt tay vào công việc và cố gắng đưa tần số đã chỉnh lớn hơn 3 megahéc.

Ngay sau cuộc họp, đoàn chúng tôi gồm Đại tá I. Séctôbitốp, Đại úy V. Gôncharencô, các Thượng úy B. Axlamốp, V. Béclốt, A. Gôncharencô, N. Chirocốp v.v. đã bắt tay vào công việc. Chúng tôi đã làm việc liên tục, không ngủ, không nghỉ ba ngày đêm ở trong rừng. May thay, trong các khối FR-15 đã có dự phòng một chút độ tự cảm và dung lượng nên đã cho phép chỉnh được tần số và tăng được công suất của máy trả lời. Nhưng dải tần số của việc chỉnh các khối có sự khác nhau. Vì vậy, sau khi kết thúc công việc thí nghiệm, tại cuộc họp tiếp sau chúng tôi đã quyết định: một số bộ khí tài tên lửa phòng không ở các trung đoàn sẽ được chỉnh tần số dưới 3 megahéc, một số được chỉnh 1,5 megahéc, số còn lại không thay đổi gì.

Quyết định đó cho thấy rằng, việc có ba dải tần số khác nhau đã làm cho người Mỹ trong một thời gian nhất định bị lăm lăm và giúp chúng ta trong một thời gian ngắn tổ chức được một bộ khí tài tên lửa phòng không đã được chỉnh cùng một cơ sở đạn tên lửa phục kích tại khu vực Hà Nội. Nhiệm vụ đó đã được thực hiện trước khi đón năm Mới. Nhưng do thời tiết xấu nên không quân Mỹ đã tạm dừng các cuộc đánh phá.

Đầu tháng 1-1968 thời tiết khá hơn và Mỹ đã quyết định tiếp tục đánh phá Thủ đô Hà Nội có sử dụng tất cả các loại nhiễu phá kênh vô tuyến bất mục tiêu. Nhưng lần này chúng bị thất bại cay đắng. Chúng ta đã sẵn sàng chờ chúng. Tất cả các đài chỉ huy điều khiển của ta làm việc ở ba chế độ. Các bộ khí tài tên lửa phòng không chưa chỉnh sẽ không phóng tên lửa.

Ngay từ loạt phóng đầu tiên, bộ khí tài đã chỉnh 3 megahéc nằm trong đội hình phục kích đã bắn rơi chiếc máy bay dẫn đầu của địch. Bọn phi công Mỹ rất bất ngờ trước sự đổi thay đó. Đội hình bay của chúng bị hoảng loạn và chúng bay tháo thân trở về.

Cuộc thí nghiệm của chúng tôi đã thành công. Công việc chỉnh lại các bộ khí tài tên lửa của tất cả 10 trung đoàn tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam được tiếp tục thực hiện với tốc độ gấp rút. Mỗi một ngày số lượng các bộ khí tài tên lửa được chỉnh lại đã tăng lên. Đó thực sự là một khối lượng lao động khổng lồ: sau khi chỉnh lại các tham số, tần số, có trên một nghìn tên lửa đã được kiểm tra từng phần và kiểm tra tổng hợp, số tên lửa này đã được phân loại theo những đặc điểm tần số mới, được đặt mã số bổ sung ghi rõ trên lý lịch máy về những thông số đã thay đổi và đã phân tán tên lửa một cách thích hợp.

Đã tổ chức các buổi học tập và hướng dẫn cho toàn bộ sĩ quan và chuyên viên đầu ngành Việt Nam ở tất cả các trung đoàn tên lửa phòng không và các tiểu đoàn kỹ thuật. Trong quá trình chỉnh sửa cũng đã giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật về nâng cao hiệu quả của các bộ khí tài tên lửa trong những điều kiện có nhiều âm thanh tích cực đánh vào sóng phản hồi. Khả năng chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không Việt Nam đã được khôi phục lại hoàn toàn.

Bây giờ cũng như trước đây, trong quá trình đánh phá, bọn xâm lược đã bị tổn thất nhiều hơn. Trong vòng một tháng rưỡi của năm 1968, kể từ ngày 1-1, trong quá trình phóng 12 lần đầu đã phóng đi 20 quả tên lửa, kết quả bắn rơi 5 máy bay F-105 của Mỹ. Ngay trong 20 lần phóng tiếp sau đó đã phóng 27 quả tên lửa, kết quả hạ được 9 máy bay Mỹ. Như vậy, sự hiểu biết tuyệt vời về kỹ thuật chiến đấu, tinh thần chủ động sáng tạo, mưu trí và tinh thần kiên định của các chuyên gia Liên Xô đã đảm bảo duy trì được những tính năng chiến đấu và những tính năng vận hành của các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 ở trình độ cao. Điều đó cũng có nghĩa là giữ được uy tín của đất nước chúng tôi và đập tan được những kế hoạch của giới quân sự Mỹ. Đã có văn bản báo cáo tường tận về công việc chúng tôi đã làm gửi từ Hà Nội về Mátxcova cho Tổng tư lệnh Bộ đội phòng không Liên Xô.

Cần nói thêm rằng, chỉ riêng trong tháng 4-1968, ngành công nghiệp của đất nước chúng tôi đã đưa sang Việt Nam các linh kiện mới để cải tiến các khối FR-15 dưới dạng làm tấm che cho các khối đó. Chúng tôi chưa thể kiểm tra được hiệu quả của những công việc cải tiến đó bởi vì tình hình lúc đó không được thuận lợi đối với không quân Mỹ tại Việt Nam, nên chúng tạm ngừng đánh phá Việt Nam đến cuối năm.

Cuối cùng, với lòng biết ơn sâu sắc tôi xin một lần nữa nêu tên họ của các đồng chí của mình đã cùng tôi phục vụ trong điều kiện khó khăn, nhưng rất vinh quang tại Việt Nam, họ đã không

tiếc sức mình, không tiếc thời gian để duy trì sẵn sàng chiến đấu cao cho các bộ khí tài tên lửa phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là: V. I. Séctobitốp, B. N. Pôcrốpxki, B. Axlamốp, V. I. Béclốt, A. G. Côpâykin, H. V. Chirôcốp, V. N. Nêcraxốp, A. N. Côvalép, V. K. Gôncharencô, Iu. Xirôcốp.

Thành phố Mátxcova, tháng 1-2001

\*\*\*

# BÊLÔP ALËCHXÂY MIKHAILÔVÍCH

Ông sinh ngày 29-3-1924 tại tỉnh Goócky, đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô từ năm 1946, tham gia Chiến tranh giữ nước vĩ đại và Chiến tranh chống Nhật.

Ông gia nhập Quân đội Liên Xô tháng 8-1942 Năm 1943 tốt nghiệp Trường Sĩ quan pháo phòng không Goócky và được cử ra mặt trận. Là trung đội trưởng trung đội hỏa lực, sau đó là đại đội trưởng thuộc tiểu đoàn pháo cao xạ Hạm đội miền Bắc.

Tháng 1-1945 ông được điều động về Cảng Xôviết ở miền Đông. Là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn pháo cao xạ, sau đó là trưởng phòng huấn luyện chiến đấu của sư đoàn, trung đoàn trưởng Trung đoàn pháo cao xạ thuộc Hạm đội Thái Bình Dương.

Năm 1960, sau khi được đào tạo lại, ông được bổ nhiệm làm trung đoàn trưởng Trung đoàn tên lửa phòng không.

Từ tháng 9-1967 đến tháng 8-1968 ông tham gia chiến đấu ở Việt Nam với chức vụ Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trung đoàn tên lửa phòng không 278 Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ năm 1968 ông là Trưởng phòng huấn luyện chiến đấu của Quân đoàn phòng không thành phố Lovốp.

Từ năm 1974 đến năm 1977 ông là Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô của bộ đội tên lửa phòng không tại Li bi.

Từ năm 1977 đến năm 1979, là sĩ quan cao cấp Cục huấn luyện Bộ Tổng tham mưu Bộ đội phòng không Liên Xô.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ, Huân chương Sao đỏ, Huân chương Chiến tranh giữ nước hạng II và 17 huân, huy chương khác, trong đó có Huân chương Chiến công và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

Ông mất ngày 18-9-2002.

# BÚT KÝ CỦA TRƯỞNG ĐOÀN CHUYÊN GIA QUÂN SỰ LIÊN XÔ TẠI TRUNG ĐOÀN TÊN LỬA PHÒNG KHÔNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đã hơn 20 năm trôi qua kể từ lúc tôi được cử giữ chức Đoàn trưởng của một trong các đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô sang giúp đỡ cán bộ chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam anh em trong cuộc đánh trả các cuộc đánh phá ồ ạt của không quân và hải quân Mỹ vào nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đoàn chúng tôi gồm các sĩ quan trẻ - các chuyên gia về tất cả các lĩnh vực của bộ khí tài tên lửa phòng không X-75A được trang bị cho Binh chủng phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong đoàn chuyên gia nhỏ này có đại diện một số dân tộc, sắc tộc của đất nước chúng tôi, điều này được thấy qua danh sách các chuyên gia dưới đây:

Trung tá V. I. Sêpốtcốpxky - người Do Thái,

Thiếu tá A. P. Môixêép - người Nga,

Thiếu tá B. Mốpchan - người Ucraina,

Thiếu tá P. I. Nagorơnui - người Ucraina,

Đại úy T. D. Coócnytrúc - người Ucraina,

Đại úy L. V. Craxnốp - người Nga,

Thượng úy A. V. Báccốpxky - người Nga,

Thượng úy A. I. Xôlôviép - người Nga,

Thượng úy G. I. Tơcát - người Ucraina,

Trung úy V. I. Isencô - người Ucraina,

Trung úy A. Iu. Lôgôgiắc - người Bêlarútchia,

Trung úy A. V. Lútsep - người Nga,

Trung úy K. K. Pítxêlanri - người Grudia.

Tất cả chúng tôi lần đầu tiên gặp nhau tại một Cục thuộc Bộ Tổng tham mưu Liên Xô vào tháng 8-1967, tại đây chúng tôi đã làm quen với nhau, làm các thủ tục giấy tờ cần thiết và ngày 1-9-1967 lên tàu hỏa đi qua Trung Quốc đến Việt Nam.

Chúng tôi lưu lại Trung Quốc gần hai tuần, chúng tôi được thấy nhiều điều mà trước đây chỉ được thấy qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Tối ngày 17-9, chúng tôi qua biên giới Trung - Việt, đường sắt dừng lại tại biên giới. Tất cả đường ô tô trên lãnh thổ Việt Nam đều đã bị tàn phá, khắp nơi đều thấy các hố lớn do bom phá gây ra.

Đi suốt đêm, chúng tôi mới đến được sông Hồng, bên kia sông là thành phố Hà Nội, lúc này chiếc cầu bắc qua sông - con đê của Éphen nổi tiếng đã bị phá sập.

Rất thú vị khi được gặp trên phà qua sông Hồng người “đồng hương” - chiếc canô với nhãn hiệu “Xôromôvơ đỏ” (tôi lớn lên bên bờ sông Vônga, gần thành phố Goóccky). Những giờ phút đầu tiên trên đất nước Việt Nam đầy đau thương đã gây cho các bạn trẻ trong đoàn chúng tôi những ấn tượng sâu sắc. Trong số họ tôi là người duy nhất tham gia cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, số anh em còn lại lần đầu tiên thấy hậu quả của chiến tranh và hậu quả của những trận ném bom dã man đó đã làm cho họ hết sức xúc động và cảm phần. Những tình cảm đó đã được in sâu vào tâm hồn các chuyên gia quân sự Liên Xô và ngày càng tăng lên trong quá trình công tác, nhất là ở các vùng giới tuyến phía Nam, ở quân khu 4.

Đoạn đường dài từ Mátxcova đến nơi công tác, thời gian lưu lại Trung Quốc đã được chúng tôi tận dụng để tìm hiểu nhau, để gần gũi và làm quen với nhau, để tạo ra môi trường đồng chí tốt đẹp trong đoàn quốc tế chúng tôi, điều này về sau đã giúp chúng tôi rất nhiều trong việc giải quyết nhiệm vụ làm chuyên gia trong những điều kiện chiến đấu rất phức tạp và trong những điều kiện khí hậu khắc nghiệt, chưa quen.

Chúng tôi đến Việt Nam khi cuộc chiến tranh “leo thang” do Mỹ gây ra ở vào thời điểm ác liệt nhất.

Ngày 7-4-1965, khi phát biểu ở Bantimo, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố. “Chúng ta thấy rằng cần nói chuyện bằng súng đạn và máy bay...”. Và ngày 16-5-1967, tờ báo “Times” đã viết: “Sự thật tàn nhẫn là ở chỗ ngài Giôn-xơn cũng đã vươn tới đỉnh cao của sự leo thang, mọi điều đều chứng tỏ, thậm chí leo đến nấc thang cuối cùng, ông ta cũng không thể đạt được mục đích làm lay chuyển tinh thần của đối phương”.

Còn tinh thần của nhân dân và lực lượng vũ trang Việt Nam trực tiếp phụ thuộc vào khả năng đánh trả có hiệu lực đối với quân xâm lược và giáng cho chúng những đòn chí mạng.

Cần phải có những phương tiện phòng không hiện đại để chống lại các phương tiện tập kích đường không hiện đại của Mỹ. Chúng đã sử dụng các phương tiện đó đánh phá có hệ thống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ tháng 1-1965. Lúc đó sự viện trợ quân sự của chúng tôi cho Việt Nam chủ yếu nhằm giúp cho các đồng chí Việt Nam xây dựng được hệ thống phòng không có khả năng chống trả các cuộc tập kích của không quân Mỹ.

Từ tháng 9-1967 đến tháng 8-1968, đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô do tôi phụ trách đã làm việc tại Trung đoàn tên lửa phòng không 278 của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trung đoàn được thành lập và được trang bị các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75A vào cuối năm 1966. Tháng 10 trung đoàn triển khai các trận địa chiến đấu, bắt đầu các hoạt động chiến đấu ngày 22-10-1966. Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô do Đại tá I. G. Xukhốpêp dẫn đầu đến từ quân khu phòng không Ba cu đã làm việc ở trung đoàn này trước đoàn chúng tôi.

Vài ngày sau khi đến trung đoàn, chúng tôi cùng với các chuyên gia đến trước tìm hiểu tình hình kỹ thuật của bộ khí tài tên lửa, mức độ sẵn sàng chiến đấu của các tiểu đoàn và cả trung đoàn. Chúng tôi thăm thiết, bịn rịn chia tay các bạn được về Tổ quốc, ngay sau đó, đoàn chúng tôi bắt tay vào làm việc căng thẳng.

Trung đoàn 7 - đó là phiên hiệu được đặt theo thứ tự thành lập các đơn vị đã được Bộ Tư lệnh phòng không dùng làm đơn vị cơ động. Trung đoàn thường thay đổi khu vực đóng quân của các tiểu đoàn và sở chỉ huy, chủ yếu ở các tỉnh phía nam Hà Nội (Hoà Bình, Thanh Hoá), trên các hướng không quân địch thường đánh phá dồn dập.

Các tiểu đoàn tên lửa của trung đoàn thường chiến đấu đánh địch từ các trận địa phục kích, từ các trận địa không được thiết kế về mặt kỹ thuật, không có sự hiệp đồng hỏa lực với các đơn vị tên lửa phòng không bên cạnh (vì số lượng các đơn vị đó còn ít)...

Lúc chúng tôi đến, trung đoàn đóng quân tại tỉnh Hòa Bình, cách Hà Nội 20 - 30 km về phía nam và tây nam và nằm trong thành phần của cụm tên lửa phòng không Hà Nội. Trung đoàn đã có kinh nghiệm chiến đấu nhất định, tất cả các tiểu đoàn đều đã tham gia chiến đấu, nhiều lần bị địch đánh phá, thấy được nỗi đau thương qua những thương vong và cảm nhận được sự vui sướng khi giành được thắng lợi trong những lần phóng tên lửa có hiệu quả. Và mặc dù những lần phóng có hiệu quả chỉ chiếm một phần ba nhưng cũng cho thấy rằng, với sự giúp đỡ của các chuyên gia quân sự Liên Xô, trong một khoảng thời gian ngắn, cán bộ chiến sĩ Việt Nam đã nắm được kỹ thuật tên lửa phòng không phức tạp và học được cách sử dụng kỹ thuật đó trong chiến đấu.

Nhiệm vụ của đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô chúng tôi là đảm bảo tinh thần thường xuyên sẵn sàng chiến đấu cho các bộ khí tài tên lửa đã triển khai trên các trận địa, giúp khôi phục lại các bộ khí tài đó sau khi bị hư hỏng, nâng cao trình độ phóng tên lửa cho cán bộ chiến sĩ trực tiếp tham gia tác chiến (gồm: tiểu đoàn trưởng, các đại đội trưởng, các đài trưởng kỹ thuật vô tuyến điện, sĩ quan điều khiển), hoàn thiện trình độ hiệp đồng nhịp nhàng giữa các kíp trực của các sở chỉ huy các tiểu đoàn và trung đoàn, và trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả hỏa lực của các tiểu đoàn và nâng cao hiệu quả chỉ huy của các tiểu đoàn.

Ngay từ khi bắt tay vào công việc, chúng tôi đã đặc biệt chú ý đến việc tập trung nâng cao trình độ hiểu biết về kỹ thuật cho cán bộ chiến sĩ các tiểu đoàn, nếu thiếu điều đó thì không thể nghĩ đến việc sẵn sàng chiến đấu của các bộ khí tài tên lửa phòng không. Chúng tôi phải giải quyết những nhiệm vụ đó trong tình hình thường xuyên bị không quân địch đánh phá (vào

thời điểm này địch đã sử dụng tới 150 lần chiếc máy bay của không quân và hải quân trong một ngày đêm). Cần phải tính toán rất kỹ càng công việc của các kíp trắc thủ khi tiến hành các trận đánh, phân tích kỹ những nguyên nhân của các lần phóng tên lửa không thành công, phân tích kỹ những điểm mới trong chiến thuật của không quân địch, trong các phương pháp khắc phục các hình thức mới của địch gia tăng sử dụng vô tuyến điện tử để đối phó với hệ thống tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Những thiệt hại lớn về máy bay khi đánh phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã buộc Lầu Năm Góc phải tìm kiếm các phương tiện tác chiến điện tử mới. Sau hai năm gây chiến tranh chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, R. Raxen, Chủ tịch Hội đồng quốc phòng Hạ viện Mỹ viết: "Số máy bay bị bắn rơi tại Việt Nam nhiều gấp hai lần máy bay bị bắn rơi trong cuộc chiến tranh Triều Tiên. Những tổn thất thực sự hầu như đã cao gấp hai lần số liệu được công bố chính thức (Hãng thông tấn AP, ngày 7-2-1967).

Tuần báo Mỹ New Sun ra ngày 15-5-1967 đã công bố các số liệu sau: "Mỹ đã chi 5.800 triệu đô la cho cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân chống miền Bắc Việt Nam, trong đó 2.500 triệu đô la là giá trị của các máy bay bị bắn rơi, chưa kể 1.500 triệu chi cho việc mua máy bay mới để thay vào chỗ máy bay bị rơi". Vào thời điểm này, giá trung bình của một chiếc máy bay là khoảng một triệu đô la). Từ New York Times ra ngày 22-12-1967 viết: "Báo cáo của ngài Macnamara chỉ khẳng định rằng: "nước Mỹ sẽ bị thiệt hại ít, nếu ngừng việc ném bom đánh phá Bắc Việt Nam và có thể bị tổn thất nhiều hơn nữa nếu cứ bám lấy việc leo thang".

Nhưng "sự bám lấy việc leo thang" vẫn tiếp diễn. Địch tăng thêm lực lượng tham gia đánh phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tăng cường độ các cuộc ném bom đánh phá. Dọc theo bờ biển Việt Nam thường xuyên có 2-3 chiếc hàng không mẫu hạm Mỹ tham gia đánh phá, vào các thời điểm đánh phá ồ ạt đã có tới 4-5 chiếc. Đó là 10 phi đội máy bay cường kích hải quân A-4F, A-6A và sáu phi đội máy bay tiêm kích hải quân F-8A, và cả các loại máy bay của không quân Mỹ đậu tại các sân bay Thái Lan và Nam Việt Nam (Đà Nẵng); khoảng 100 chiếc F-105 và 180 chiếc F-4C "Phan tôm" (con ma).

Các máy bay do thám RF-101, RF-4 và các máy bay do thám - máy bay gây nhiễu RB-66 cũng tham gia vào các cuộc đánh phá. Trước mỗi trận đánh phá chúng đều tổ chức do thám trận địa tên lửa phòng không của ta và sau khi đánh phá lại do thám kết quả đánh phá.

Chúng cũng tăng thêm các phương tiện và phương thức tác chiến điện tử của không quân chống bình chủng tên lửa phòng không Việt Nam. Chúng bắt đầu đánh phá Hà Nội bằng nhiều tốp máy bay lớn (12, 16, 28, 32 và đôi khi 60 chiếc), kết hợp với việc sử dụng ồ ạt các loại nhiễu đối với các đài ra đa của binh chủng tên lửa phòng không Việt Nam. Đội hình chiến đấu - "các phân đội rỗng rỗng", lúc bắt đầu bay, đội hình rất gần nhau, khi cách các đội hình chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không Việt Nam khoảng 50 - 60 km, chúng lại tản ra. Từ 1/3 đến 2/3 lực lượng được tách ra để đánh vào các trận địa của các tiểu đoàn tên lửa phòng không Việt Nam.

Khi đánh vào các tiểu đoàn tên lửa phòng không chúng thường xuyên dùng tên lửa có cánh "Sraico" dài 3 mét, sải cánh 900 - 920mm, trọng lượng khi phóng 227 kg, tốc độ thực tế 930 mét/giây, tầm bay xa 40 km, tầm phóng 14 - 18km, hệ thống dẫn đường - thụ động, bay theo chùm sóng, số lượng rãnh 2200, bán kính công phá 15m). Đó là phương tiện tác chiến điện tử rất tàn bạo, nó đòi hỏi cán bộ chiến sĩ tên lửa ta phải ra sức tìm kiếm giải pháp phòng tránh chúng. Tính chất phức tạp của cuộc chiến đấu với "Sraico" là ở chỗ bề mặt phản chiếu của các tên lửa này rất nhỏ, trong điều kiện các màn hiển thị của các đài điều khiển tên lửa bị các loại nhiễu âm thanh tích cực và nhiễu xung - trả lời bịt kín thì rất khó phát hiện ra được nét chấm rất bé nhỏ của tín hiệu phản lại của "Sraico". Máy bay địch đã ba mươi lần phóng tên lửa "Sraico" vào các tiểu đoàn của Trung đoàn 7.

Ngày 22-12-1966, hai cặp máy bay F-4C cách nhau 40 phút đã phóng 4 quả tên lửa "Sraico" vào Tiểu đoàn tên lửa phòng không 91, một quả đã trúng mục tiêu và tiểu đoàn đã phải ngừng chiến đấu khá lâu. Ngày 22-8-1967, từ độ cao 3,5 km và ở tầm xa 20 - 25km, một máy bay tiêm kích F-105 đã phóng hai quả "Sraico" xuống Tiểu đoàn 91. Ta đã kịp phát hiện thấy địch phóng tên lửa và quay ngoắt ăngten sang một bên, tên lửa bay chệch hướng và rơi cách đài điều khiển



tên lửa của ta 3-4 km.

Đêm 11-3-1968, hai chiếc F-4 đã phóng hai quả "Sraico", nhưng nhờ ta đã dùng các biện pháp trên, nên cả hai quả đều bị bay chệch. Ở thành phố Vinh, ngày 27-5-1968, ba máy bay F-4 đã đánh vào tiểu đoàn này. Bị che khuất bằng các loại nhiễu âm thanh tích cực rất mạnh nên các sĩ quan và các trắc thủ điều khiển tên lửa bằng tay đã không phát hiện thấy địch phóng "Sraico". Do bị bắn trúng trực tiếp nên hệ thống giàn ăngten của cabin "PA" bị hỏng, các cabin "UA" và "AA" cũng bị hỏng nặng. Tất cả các tiểu đoàn khác của trung đoàn đều bị địch đánh phá bằng tên lửa "Sraico", nhưng nhờ có các biện pháp phòng tránh nên không có tiểu đoàn nào bị thiệt hại.

Các sĩ quan điều khiển và kíp trắc thủ bám sát mục tiêu bằng tay của cabin "UA" Tiểu đoàn 93 đã hành động chuẩn xác nhất, địch đã 12 lần dùng tên lửa "Sraico" đánh vào tiểu đoàn, nhưng trong tất cả các trường hợp, tiểu đoàn vẫn giữ được an toàn.

Tháng 10 là tháng căng nhất về mức độ bị đánh phá trong năm 1967. Trong tháng 10-1967 đã tiến hành 50% các trận đánh so với cả năm 1966. Địch đã đánh phá các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, đường số 1 (nối từ Hà Nội đến Trung Quốc), đường số 5 - Hà Nội - Hải Phòng, sân bay Nội Bài, các tiểu đoàn tên lửa phòng không. Đêm 24 rạng ngày 25, sáng và trưa ngày 25-10, địch đã dùng các tốp từ 12 - 26 máy bay đánh vào sân bay. Ngày 24-10, trong các trận đánh trả địch, ta đã bắn rơi 5 máy bay: trong đó có một chiếc A-4 do Tiểu đoàn tên lửa phòng không 93 bắn hạ, ngày 25-10 ta lại bắn rơi 8 chiếc.

Từ ngày 24-10-1967 đến ngày 1-11-1967 địch đã bị mất gần 40 máy bay. Trong những ngày đó, Tiểu đoàn 93 đã đánh 5 trận, bắn rơi 3 máy bay: hai chiếc F-105 và một chiếc A-4. Đợt này tiểu đoàn bị máy bay cường kích A-4 của hải quân Mỹ đánh hai lần, chúng đã dùng bom phá, bom sát thương và bom bi.

Công sự của trận địa tên lửa Việt Nam rất đảm bảo về kỹ thuật và xác suất ném bom không chính xác rất lớn nên tiểu đoàn không bị thiệt hại gì. Nhưng sáng ngày 6-11-1967, địch dùng bốn máy bay F-105 từ độ cao 1,5 - 2 km, được các nhiễu âm thanh tích cực rất mạnh che chở, bổ nhào với góc độ 10-20o, đã đánh hỏng tất cả các ca bin của đài điều khiển tên lửa và làm hư hại toàn bộ đường dây cáp điện của tiểu đoàn. Địch đã ném xuống tiểu đoàn 16 quả bom phá và tám thùng bom bi mẹ.

Các quả bom bi "Graiphрут" (địch bắt đầu sử dụng để đánh các tiểu đoàn tên lửa phòng không từ tháng 4-1966) được đặt trong một cái vỏ gồm hai nửa, có kích thước 2,5 x 0,4 mét, được gắn với nhau bằng đai và đinh vít. Bên trong thùng có 6 ngăn. Mỗi quả bom mẹ chứa được 300 - 640 quả bom bi. Trọng lượng một quả bom mẹ là 420 g, vỏ dày 7 mm. Mỗi quả bom chứa 390 hòn bi, kích thước 5 mm. Chất nổ của nó là hetrogen, trọng lượng 100 g.

Quả bom mẹ có ngòi nổ ký hiệu M10024A1 đặt ở phía đầu. Từ tháng 4-1967 chúng đã dùng ngòi nổ chậm. Thời gian nổ chậm là từ 1-3 phút đến 2-3 giờ, đôi lúc tới 48 giờ. Hồ do một quả bom bi nổ gây ra rộng bằng vành một chiếc mũ sắt úp, bán kính của các mảnh bom là 20 - 25mm, sức phá 10 - 15m, chiều cao của các viên bi bay lên - 1,7m, tức là bằng chiều cao của người, tầm bay ngang - dưới 10 cm so với mặt đất.

Trận địa phóng tên lửa của tiểu đoàn bị nham nhở chằng chịt các hố bom bi như người bị rỗ do bệnh đậu mùa. Bom bi đã đâm thủng các vỏ xe của đài điều khiển tên lửa và làm hỏng các khối điện tử, 100% hệ thống dây cáp điện - mạch máu của tổ hợp khí tài tên lửa phòng không bị hỏng nặng. Tôi còn giữ đến bây giờ một quả bom bi không nổ để nhớ mãi trận ác liệt đó.

Địch đã bị thất bại thảm hại trong các trận đánh vào cuối tháng 10-1967. Tại Hà Nội, chỉ trong vòng một tuần lễ chúng đã bị mất bốn đại tá (trong đó có một liên đội trưởng không quân), chín trung tá, trong đó có một đại tá và ba trung tá bị bắt làm tù binh. Trong số tù binh này có cả Giôn Xít này Máckên - con trai và là cháu nội của các viên đô đốc hải quân danh tiếng của Mỹ. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, ông nội y chỉ huy toàn bộ hạm đội Mỹ, còn cha y chỉ huy toàn bộ lực lượng hải quân Mỹ ở châu Âu (giờ đây con trai ông ta bị bắt làm tù binh sau khi nhảy dù xuống hồ Trúc Bạch).

Mặc dù bị mất nhiều máy bay và phi công, cường độ các cuộc đánh phá của không quân Mỹ

vào các mục tiêu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn không giảm đi mấy. Các tháng tiếp sau của năm 1967 - 1968 vẫn tiếp tục các trận đánh phá ồ ạt. Có hai đợt tạm dừng đánh phá ngắn từ 1-4 và từ 1-11-1968.

Kẻ thù muốn bắt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải quỳ gối, đã đưa vào sử dụng nhiều lực lượng và phương tiện đánh phá mới. Máy bay do thám SR-71, bay cao và bay nhanh, được đưa vào trang bị năm 1966 thường xuyên bay trên bầu trời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Máy bay ném bom chiến lược B-52 của Mỹ đã đánh phá các khu vực nam Vĩ tuyến 18, tại khu vực này vào tháng 3-1968 lần đầu tiên ta bắn rơi hai máy bay tiêm kích ném bom F-111 mới nhất của không quân Mỹ.

Không quân Mỹ đã thực hiện trên 80% các cuộc đánh phá trong những điều kiện gây nhiều rất mạnh đối với các trạm ra đa và không chỉ riêng đối với các kênh ngắm mục tiêu. Lần đầu tiên vào mùa thu năm 1967 địch đã dùng nhiều đánh vào kênh điều khiển tên lửa dưới mặt đất.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô đã chia sẻ mọi nỗi nhọc nhằn với cán bộ chiến sĩ Việt Nam trong tình hình chiến đấu căng thẳng, đã làm việc cả ngày lẫn đêm, đã không tiếc sức lực, đã tận tình truyền lại những kiến thức và kinh nghiệm sử dụng kỹ thuật tên lửa phòng không mới của mình trong chiến đấu cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong quá trình cùng làm việc đã xây dựng được những quan hệ hữu nghị, anh em chân tình giữa cán bộ chiến sĩ Liên Xô và Việt Nam ở tất cả các cấp.

Các đồng chí Việt Nam đã hết sức cố gắng tìm mọi cách để giảm bớt những điều kiện sinh hoạt chưa quen đối với chuyên gia quân sự Liên Xô tại những nơi tạm nghỉ giữa các đợt chiến đấu. Mặc dù tình hình hết sức phức tạp và khó khăn do các cuộc đánh phá liên tục đối với từng khu dân cư, thậm chí với từng ngôi nhà nhỏ đơn độc, mặc dù trung đoàn đóng quân tại các khu vực liên sát với thủ đô nhưng chúng tôi vẫn được ở trong các ngôi nhà gỗ khô ráo, chúng tôi đã ngủ trên các giường xếp có mắc màn, chúng tôi đã mang theo những thứ đó trong tất cả các cuộc chuyển quân thay đổi địa điểm công tác. Chúng tôi ăn uống bình thường xét về mặt calo, nhưng rất đơn điệu: xúp nấu từ thực phẩm cô đặc, cơm, hiếm khi có thịt (thịt lợn, hoặc gà vịt) và chủ yếu là đồ hộp. Hoàn toàn không có sữa, bánh mì - chỉ có bánh mì trắng, đưa từ Hà Nội vào.

Tháng 4-1967, sau khi cùng trung đoàn chuyển vào Vĩ tuyến 18 (khu vực thành phố Vinh), chúng tôi đã ở trong các lán thấp được đào khoét vào sườn đồi, sườn núi, phía trên được che, lợp bằng tre, nứa và lá cọ hoặc rơm. Khi trời mưa thường hoặc mưa to nước đều chảy vào trong lán. Không được phơi quần áo ở ngoài lán, lộ bí mật. Để nguy trang bếp, phải làm bếp trong lán, sát vách lán. Để dẫn khói ra khỏi bếp, chúng tôi đã đào trên sườn đồi một rãnh ống sâu, dài, chạy ngoằn ngoèo, phủ các cành cây lên rồi phủ thêm một lớp đất. Lỗ thông khói nằm rất xa bếp và khói hầu như đã bị đất hút hết.

Mấy lần chúng tôi định nướng bánh mì trong những điều kiện đó nhưng không nướng được và phải mấy tháng trời (từ tháng 4 đến tháng 7) chúng tôi đã phải sống không có bánh mì. Không thể đưa bánh mì từ Hà Nội vào được. Việc chuyển báo chí và thư từ quê hương sang cho chúng tôi thực sự là một việc hiếm hoi. Thư và báo đến rất chậm suốt trong bốn tháng chúng tôi chỉ nhận được thư và báo có hai lần.

Để chào mừng 50 năm Cách mạng Tháng Mười, trong những lúc nghỉ giữa các trận đánh, chúng tôi đã cố gắng dốc hết sức mình vào công việc nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật tên lửa cho cán bộ chiến sĩ phòng không Việt Nam, vào việc khôi phục trang bị khí tài hỏng hóc, vào việc tổ chức tiến hành công tác kiểm tra định kỳ cho các bộ khí tài tên lửa, vào việc duy trì sẵn sàng chiến đấu thường xuyên cho các bộ khí tài đó. Anh em chúng tôi đã trưởng thành trông thấy - hoàn cảnh chiến đấu đã làm cho họ cứng rắn hơn, có trách nhiệm hơn và gắn bó với nhau hơn.

Nhưng sự mệt mỏi và căng thẳng thần kinh đã cho họ hiểu được chính mình. Chúng tôi rất may mắn là trong đoàn chúng tôi có bác sĩ Bôrit Mốpchan, đồng chí không chỉ chữa chạy cho anh em, mà còn chơi đàn baian và hát rất hay trong những phút nghỉ giải lao. Đúng vậy, anh em

không chỉ nghe đàn và nghe hát, mà còn tự ca hát rất say mê với các bài dân ca Nga và các bài ca Liên Xô yêu thích cùng với đàn đệm của bác sĩ.

Trong những ngày lễ kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười, sau đó là 50 năm Lực lượng vũ trang Liên Xô đáp lại các buổi chiêu đãi giản dị của chúng tôi nhân các ngày lễ đó, các đồng chí Việt Nam đã tổ chức các buổi tiếp khách long trọng đối với chúng tôi - có các bài phát biểu, các lời chúc mừng và có cả liên hoan văn nghệ của đồng bào địa phương.

Trong buổi lễ trọng thể ngày 7-11-1967, theo đề nghị của lãnh đạo địa phương, tôi đã trồng một cây Hữu nghị - một cây cọ non.

Chúng tôi cũng cảm nhận được sự quan tâm từ Mátxcova. Rất phấn khởi là trước các ngày lễ lớn chúng tôi đã nhận được những gói quà thực phẩm khiêm tốn (trong đó quý nhất là một chiếc bánh mì gối đen - chúng tôi đã nhớ và thèm nó từ lâu) và các tấm thiệp chúc mừng của Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô và Bộ Tư lệnh phòng không Liên Xô. Còn có cả các thư chúc mừng của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

Trung tướng không quân V. N. Abramốp, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhiều lần đến thăm chúng tôi. Là một người hay quan tâm, tốt bụng; đồng chí nghiên cứu rất tường tận công việc của chúng tôi, luôn giúp đỡ chúng tôi trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh liên quan đến việc nhanh chóng đưa các bộ khí tài tên lửa bị hỏng hóc trở lại đội ngũ chiến đấu giúp chúng tôi trong các vấn đề sinh hoạt.

Sau khi Trung tướng đến thăm, tinh thần của anh em phấn chấn hẳn lên, tăng thêm ý thức trách nhiệm đối với công việc chúng tôi đang làm, tăng thêm lòng tin vào việc hoàn thành thắng lợi sứ mệnh quốc tế của mình. Đồng chí thường xuyên triệu tập các trưởng đoàn chuyên gia từ các trung đoàn về Hà Nội để trao đổi kinh nghiệm, phân tích, tổng kết thực tế đấu tranh với các phương tiện tập kích đường không hiện đại của địch. Địch thường xuyên thay đổi chiến thuật sử dụng các phương tiện đó, thường xuyên hoàn thiện các phương tiện tác chiến điện tử chống lại các bộ khí tài tên lửa phòng không của ta. Chúng tôi đã cùng nhau bàn bạc đề ra các cách giải quyết và kiến nghị đối với các công trình sự, các nhà công nghiệp và cả đối với chính chúng tôi - các chuyên gia quân sự Liên Xô - trực tiếp vận dụng các kiến nghị đó trong chiến đấu.

V. X. Kixlianxki, N. I. Cunbacốp, I. A. Côxman, B. A. Vôrônốp, N. M. Xêbalin, các đoàn trưởng chuyên gia ở các trung đoàn M. I. Aghêép, N. A. Blincốp, Iu. M. Bôxnhắc, B. X. Báclamốp, L. M. Gôncharốp, X. Ph. Enhiacốp, kỹ sư V. A. Tôcasencô và các đồng chí khác đã bỏ ra nhiều công sức để tổng kết kinh nghiệm sử dụng các bộ khí tài tên lửa trong chiến đấu và đề xuất các kiến nghị về phương pháp làm việc trong điều kiện địch tác động mạnh về vô tuyến điện tử. Trung tướng V. N. Abramốp đã chỉ đạo và điều hành toàn bộ công việc đó của các chuyên gia quân sự, các đại diện Viện nghiên cứu khoa học và công nghiệp. Các cán bộ chính trị, tuy không nhiều lắm, như M. E. Bôrixencô, E. I. Pôlivaicô, A. T. Trômbachép, K. M. Pôgôdép, v.v đã làm những công việc quan trọng và rất cần thiết đối với chuyên gia quân sự Liên Xô đang làm việc ở Việt Nam.

Các cán bộ của Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam, đứng đầu là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền I. X. Sécbacốp đã làm việc căng thẳng có hiệu quả để giúp các chuyên gia quân sự Liên Xô giải quyết thành công mọi nhiệm vụ được giao, cũng như thực hiện được những hình thức giúp đỡ quan trọng khác mà đất nước chúng tôi dành cho Việt Nam. Đồng chí Đại sứ luôn lắng nghe những báo cáo của các Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô và đã phát biểu trong các cuộc họp của chuyên gia với những thông báo và đánh giá chính trị rất quý báu.

Cuối năm 1967, Tổng thống Mỹ Giônxon đánh giá tình hình ở Việt Nam như là “đường hầm không lối thoát”. Nhưng tướng Uyham Oétmolen, Tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam và Chính phủ Mỹ đã giải quyết việc rút ra khỏi đường hầm không lối thoát đó bằng cách gia tăng sức mạnh quân sự, đẩy mạnh các hoạt động quân sự ở miền Nam Việt Nam và tăng cường đánh phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đội quân trên 500 nghìn người của Mỹ (7 sư đoàn, trong đó 5 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn lính thủy đánh bộ), cùng tham chiến với trên 310 nghìn lính và trên 400 nghìn bảo an binh của

quân đội chính quy cộng hòa miền Nam Việt Nam chống lại các chiến sĩ yêu nước của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Lực lượng của Mặt trận mỗi ngày một phát triển và hùng mạnh hơn. Kết cục, bọn xâm lược vẫn bị thất bại.

Đêm 31-1-1968 - ngày Tết năm Mới của Việt Nam - các chiến sĩ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã đồng loạt tiến công vào các căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam, gây cho chúng rất nhiều tổn thất về sinh lực và trang bị kỹ thuật. Mặc dù cuộc tiến công chững lại, nhưng cuộc tiến công đó đã nói lên rằng những chiến sĩ yêu nước Việt Nam có đủ khả năng tiến hành các chiến dịch ồ ạt, nó đã đánh một đòn tâm lý rất mạnh đối với người Mỹ và đẩy bộ chỉ huy quân sự Mỹ đi đến một quyết định tuyệt vọng hơn - tiến hành cuộc chiến nhằm tiêu diệt sinh lực đối phương và tiêu diệt những người dân ủng hộ Mặt trận.

(Đúng sau đó một tháng rưỡi, ngày 16-3-1968, đã diễn ra một cuộc thảm sát đẫm máu: chỉ một trung đội lính Mỹ do Trung úy Colly chỉ huy (đại đội "Charly") đã tàn sát hơn 100 dân thường Việt Nam tại làng Mỹ Lai (xã Sơn Mỹ)).

Theo đuổi quyết định này, khi ném bom đánh phá các khu dân cư ở miền Bắc Việt Nam, mặc dù nhà cửa ở các khu vực này đã bị tàn phá, cũng như khi đánh vào các trận địa tên lửa, bộ chỉ huy quân sự Mỹ đã sử dụng rộng rãi hơn các loại bom bi có thời gian nổ chậm khác nhau. Chúng cũng sử dụng nhiều hơn các loại bom từ trường nổ chậm. Bom từ trường chỉ phát nổ khi lọt vào vòng từ trường của bất kỳ vật thể kim loại nào chuyển động - xe tô, xe đạp, người đi bộ có mang theo vũ khí hoặc có các vật kim loại trên quần áo. Chúng ném các quả bom đó từ các độ cao không lớn dọc theo các con đường và những quả bom đó nằm dưới mặt đất, chờ thời cơ phát nổ, thời gian gây tang tóc kéo dài tới 100 ngày.

Tháng 4-1968, Trung đoàn tên lửa phòng không 278 đủ biên chế tới (lúc này Tiểu đoàn tên lửa phòng không 94 đã nhận được bộ khí tài tên lửa mới và đã được bổ sung đủ quân số) đã chuyển quân vào Quân khu 4 - Vĩ tuyến 18, ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Trung đoàn đã phải hành quân theo các con đường bị bom cày phá, các con đường vòng tránh, các bến phà trong đêm tối, qua nhiều con sông mà cầu đã bị địch đánh sập, suốt cuộc hành quân luôn bị không quân địch quấy phá.

Càng đi sâu xuống phía Nam bao nhiêu, chúng tôi càng cách xa vành đai phòng thủ Hà Nội bấy nhiêu, do vậy càng phải hết sức tuân thủ các biện pháp nguy trang, phải tuân thủ hệ thống tín hiệu bằng cờ trên tất cả các đoạn đường: nếu cờ trắng được giơ lên - có thể đi được, nếu cờ đỏ phải lập tức ẩn nấp - trên không có máy bay địch.

Sau một chặng nghỉ ngắn tại khách sạn sơ tán của thị xã Thanh Hóa (tại đây, các phóng viên của chúng tôi thường dừng chân nghỉ lại: tháng 3-1966 - Andrây Cruxinxki, phóng viên báo Sự thật thanh niên Côm-xô-môn, tháng 6-1966 - Iôna Andrônốp, phóng viên báo Thời mới, tháng 8-1967 - Accadi Accanốp, tháng 10-1967 - các phóng viên báo Sự thật và Tia lửa Ivanxêdróp và Alếchxanđrô Xêricốp, nhiều lần đến đây là phóng viên báo Tin tức Mikhain Ilinxki), chúng tôi lại tiếp tục hành quân về phía Nam.

Nhiệm vụ của trung đoàn chúng tôi là ngăn chặn ý đồ của bộ chỉ huy quân địch trong việc chặn đường vận chuyển quân, vũ khí, đạn dược và các vật tư kỹ thuật khác tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam cho Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Để thực hiện mưu đồ đó địch đã dùng mọi biện pháp có thể, dốc hết vào những nỗ lực tuyệt vọng. Dải đất hẹp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nằm giữa Vĩ tuyến 19 và 17 đã bị không quân địch đánh phá liên tục, suốt ngày đêm trong mọi điều kiện, thậm chí cả những lúc điều kiện thời tiết phức tạp nhất. Ban đêm, chúng sử dụng rộng rãi pháo sáng.

Tại đây chúng tôi đã phải chịu đựng những ngày tháng nóng bỏng nhất - cả về mặt thời tiết (nhiệt độ không khí thậm chí về ban đêm trên 30°C, độ ẩm trên 90%), cả về mặt chiến đấu. Tại Quân khu 4, địch đã hoàn toàn bá chủ trên không, chúng đã rượt đuổi đánh từng chiếc ô-tô, bắn từng người khi chúng phát hiện thấy, ban đêm, thậm chí chúng còn đánh cả vào các nguồn phát sáng nhỏ bé như đèn pin chẳng hạn.

Tại một làng gần lán của chúng tôi, ban đêm, sau một trận mưa rào, các cháu bé dùng đèn pin soi để bắt ốc về ăn. Ngay lúc đó máy bay trinh sát thường xuyên bay lượn đã phát hiện

được và ngôi làng đã bị ném bom. Hầu hết các cháu bé bị giết chết, số cháu còn sống sót đã bị tàn phế.

Trong một ngày trời đẹp, một chiếc máy bay cường kích trinh sát của hải quân Mỹ RA-5C "Vigilanti" đã bay qua trên lán chúng tôi, ở độ cao 100m. Cả nhóm đang làm việc ở Tiểu đoàn 92, tôi ở lại lán viết báo cáo, vừa bước ra khỏi lán và ngay lúc đó nhìn thấy rõ tên phi công lái máy bay trinh sát bay ngay trên đầu mình. Ngay đêm đó chúng tôi phải chuyển đi nơi khác, và ngày hôm sau máy bay địch đã đến ném 5 quả bom phá và 5 quả bom bi mẹ xuống nơi chúng tôi vừa rời đi.

Tiểu đoàn tên lửa phòng không - là mục tiêu rất dễ bị phát hiện và là mục tiêu quan trọng, vì vậy ở vùng này chúng tôi phải dùng chiến thuật phục kích để đánh.

Các tiểu đoàn tên lửa ẩn nấp trong rừng, ban đêm cơ động ra trận địa bệ phóng đã lựa chọn trước, nhưng không triển khai cả 6 bệ phóng, mà chỉ triển khai 3 bệ, sử dụng một kênh điều khiển tên lửa. Sáng sớm, chúng tôi phóng tên lửa, có thể thành công hoặc không thành công và tiểu đoàn đã bị lộ, sau trận đánh phải thu hồi ngay khí tài trang bị và rút về nơi ẩn nấp. Nhưng không phải lúc nào cũng làm được việc đó

Địch thường dùng nhiều tốp máy bay tổ chức theo các thê đội theo thời gian và độ cao để tiến hành các trận đánh phá. Chúng lập tức tập trung một số cặp máy bay F-4, F-8, A-4 đánh vào tiểu đoàn tên lửa đã bị phát hiện.

Ngày 12-5, Tiểu đoàn tên lửa phòng không 94 đã bắn rơi 1 máy bay F-4, ngay ngày 16, tiểu đoàn bị một số tốp F-4, F-8 yểm trợ đánh phá. Tiểu đoàn tạm thời phải rời vị trí.

Cũng trong ngày hôm đó, 12-5, Tiểu đoàn tên lửa phòng không 93 cũng bắn rơi 1 máy bay A-4. Nhưng địch đã dùng một số tốp máy bay cường kích và tiêm kích bay bổ nhào với góc 45 - 60o đánh vào tiểu đoàn dự dội, toàn bộ trang bị khí tài của Tiểu đoàn không thể sửa chữa khôi phục lại được

Bây giờ toàn đoàn chuyên gia chúng tôi phải tập trung mọi cố gắng cho Tiểu đoàn tên lửa phòng không 92, tiểu đoàn đã đánh thắng một số trận và còn nguyên vẹn. Chúng tôi đã quyết định dùng tiểu đoàn này vào các trận đánh đêm. Cần phải làm việc hết sức ăn ý giữa tất cả các cấp chiến đấu để khi trời bắt đầu tối đưa tiểu đoàn từ nơi ẩn nấp ra trận địa triển khai, điều chỉnh và phối hợp các hệ thống, tiến hành trận đánh, nhanh chóng thu hồi trang bị khí tài và trước khi trời sáng phải quay về nơi ẩn nấp.

Đêm 18-6, Tiểu đoàn tên lửa phòng không 92 đã tổ chức một trận đánh có hiệu quả với hai chiếc F-4 "Con ma" bay theo các tham số hướng đi không lớn, ở độ cao 3 - 3,5km, mỗi chiếc cách nhau 1,5 - 2 km. Khi bắt được mục tiêu chiếc thứ nhất, lập tức bám sát nó, Tiểu đoàn trưởng quyết định tiêu diệt nó bằng hai quả tên lửa ở giữa vùng sát thương. Quả thứ nhất phóng và bắt được mục tiêu bằng chùm sóng bám sát mục tiêu, quả thứ hai - không phóng được. Chúng tôi quyết định "phóng theo kênh thứ ba". Tên lửa đã rời bệ phóng và được điều khiển bình thường. Mục tiêu thứ nhất bị tiêu diệt bằng quả tên lửa đầu tiên, sau đó lập tức bám sát các điểm của mục tiêu thứ hai và tiến hành phóng lần thứ hai theo kênh thứ hai.

Tên lửa đã bay lên và được điều khiển bình thường. Cự ly gặp mục tiêu - 15km. Mục tiêu thứ hai bị tiêu diệt. Như vậy trong trận này chỉ tiêu hao 3 quả tên lửa, tiểu đoàn đã diệt được 2 máy bay "Con ma".

Các bạn Việt Nam đã tặng tôi một miếng nhãn hiệu của một trong hai chiếc máy bay F-4 bị bắn rơi để làm kỷ niệm. Trên nhãn có dòng chữ:

AIRCRAFT mod. F-4

PART. No 32-710002-321

SERIAL No RR45-42

MODIFICATION

INCORPORATED

Các đại đội pháo cao xạ phòng không loại nhỏ đã tham gia bảo vệ có hiệu quả cho các tiểu

đoàn tên lửa phòng không. Tại Quân khu 4, các đại đội pháo cao xạ hạng trung cũng hoạt động tốt. Cả hai loại pháo này đều bị những tổn thất, nhưng vẫn tiếp tục dũng cảm chiến đấu với kẻ thù.

Chúng tôi cũng được theo dõi, quan sát một số trận đánh của các phi công Việt Nam lái máy bay MIG-17 và MIG-21. Ngày 16-6-1968, một chiếc MIG-21 phát hiện chiếc máy bay đi sau (một trong hai chiếc F-4), tiến sát đến chiếc máy bay đó ở cự ly phóng, phóng một quả tên lửa, rồi quay ngoặt lại, hạ độ cao và bay thật thấp trở ra phía bắc. Thoạt đầu chiếc F-4 vẫn tiếp tục bay theo hướng bay cũ, không mất độ cao, nhưng lúc đó chúng tôi thấy một luồng sáng rất lớn, phun ra từ ống xả của động cơ. Sau mấy giây nó đột nhiên giảm tốc độ và bắt đầu rơi. Sau đó đã có một tiếng nổ rất lớn. Chiếc F-4 dẫn đầu lượn vòng trên khu vực chiếc máy bay bị bắn rơi gần 40 phút, với hy vọng là phi công của chiếc máy bay đó kịp nhảy dù ra ngoài, chúng sẽ liên lạc bằng vô tuyến điện với nhau: nhưng chẳng có hy vọng gì. Lại thêm một tên giặc lái Mỹ đầy nợ máu đi đến kết cục không về vang gì trên đất Việt Nam.

Chúng tôi cũng nhiều lần được quan sát những tên phi công lái máy bay Mỹ bị hỏa lực phòng không Việt Nam bắn rơi, bay lơ lửng trên những chiếc dù nhiều màu sắc sặc sỡ. Chúng đã bị những người dân Việt Nam bắt giữ, cứu chữa và giải ra Hà Nội.

Nhiều lần chúng tôi đã phải nghe những tiếng gào khóc âm ỉ, kéo dài và đau thương của những người phụ nữ Việt Nam bị mất con hoặc mất chồng. Cuộc chiến tranh tàn khốc đó đã đem lại biết bao đau thương và tai họa cho nhân dân Việt Nam.

Kết quả của cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam có sự giúp đỡ toàn diện và vô điều kiện của chúng tôi là đã làm thất bại mọi kế hoạch của Lầu Năm Góc. Chính quyền Mỹ buộc phải ngồi vào bàn đàm phán kéo dài hơn 4 năm.

Ngày 10-5-1968, tại Pa ri đã đạt được thỏa thuận về việc bắt đầu các cuộc đàm phán giữa các đại diện của Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để giải quyết tình hình ở Việt Nam, ngày 13-5-1968 đã diễn ra cuộc gặp đầu tiên giữa Hariman với đại diện của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc gặp này đã cho thấy rằng các cuộc đàm phán sẽ khó khăn và kéo dài, trong lúc đó Mỹ vẫn tiếp tục gia tăng các cuộc đánh phá Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nếu trong tháng 4-1968 không quân Mỹ chỉ đánh phá 3500 lần ở khu vực nam vĩ tuyến 19, trong tháng 5 chúng đã đánh phá 4700 lần, thì trong tháng 6 số trận đánh phá đã lên tới 5200 lần. Trung bình chúng sử dụng 170 lần chiếc máy bay trong một ngày đêm.

Tờ báo Pháp Phigarô, số ra tháng 10-1968 đã viết: "Mỹ đã thực hiện các cuộc ném bom đánh phá khốc liệt nhất trong toàn bộ lịch sử chiến tranh ở Đông Nam Á. Khu vực giữa vĩ tuyến 17-19 chỉ dài có 200 km, rộng 60-80 km bảy tháng liền đã phải chịu đựng các cuộc đánh phá với cường độ không thể nào tưởng tượng được. Đó là sự ngốn ngang của sắt thép, khói lửa và máu xương. Tất cả những cái đó đều do các cuộc ném bom đánh phá gây nên. Chúng không hề thương tiếc một tòa nhà, một căn lều, một con đường nhỏ nào cả".

Việc tập trung các cuộc đánh phá vào nhiều khu vực dọc lãnh thổ nhỏ bé này đã cho thấy một con số thống kê khủng khiếp - 3 quả bom trên một mét vuông.

Nhưng ý chí của nhân dân Việt Nam không hề lay chuyển. Nhân dân Việt Nam vẫn đứng vững trong mọi hoàn cảnh và đã chiến thắng.

Trong số ra tháng 12 của tạp chí New Sun, bình luận viên nổi tiếng U. Lípman đã viết: "Chúng ta phải thừa nhận rằng quân đội Mỹ không thể kiểm soát được châu Á. Sự nhục nhã và thấp hèn mà chúng ta đã phải trải qua ở Việt Nam sẽ nói lên điều đó".

Ngày 27-1-1973, Hiệp định đình chiến và lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký tại Pa ri.

Tháng 8-1968, sau khi hoàn thành đợt công tác tại Việt Nam, chúng tôi đã rất bịn rịn chia tay những người bạn chiến đấu Việt Nam và trở về Tổ quốc với niềm vui là đã hoàn thành nghĩa vụ quốc tế một cách tự nguyện. Sau khi trải qua lò lửa chiến tranh, các bạn trẻ của chúng tôi đã trưởng thành. Các đồng chí trung úy đã được phong thưởng úy và đã được bồi dưỡng tốt hơn về trình độ nghiệp vụ so với những người chưa được sang Việt Nam. Qua mười năm sau khi công tác ở Việt Nam, tôi gặp lại Trung úy A. Iu. Lôgôgiác, Trưởng kíp trắc thủ ca bin "PA"

nay là Trung tá, Lữ đoàn trưởng một lữ đoàn tên lửa phòng không.

Chúng tôi hy vọng rằng Hội cựu chiến binh đã tham gia chiến đấu ở Việt Nam - là thành viên của Hội Nga - Việt hữu nghị, cùng với những công việc khác sẽ đóng góp sức mình vào sự nghiệp khôi phục tình hữu nghị huynh đệ của những cựu chiến binh đã tham gia chiến tranh ở Việt Nam, đóng góp vào việc tiếp tục phát triển và củng cố tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Nga và Việt Nam.

Ngày 5-9- 1989 tại làng Bình Minh

\*\*\*

# TRUNG TƯỚNG VÔRÔBIẾP MÁC IVANÔVÍCH. Phó tiến sĩ khoa học - kỹ thuật. Viện sĩ danh dự Viện hàn lâm Metrôlôgia.

Ông sinh ngày 29-1-1921 tại tỉnh Ulianốp. Năm 1941 tốt nghiệp Trường sĩ quan pháo phòng không Socalốp. Ra mặt trận từ tháng 5-1941 đến tháng 5-1945, là trung đội trưởng trung đội hoả lực, đại đội trưởng đại đội pháo cao xạ, tham mưu trưởng tiểu đoàn độc lập (Tiểu đoàn 261 pháo cao xạ độc lập của Bộ Tư lệnh), trung đoàn phó Trung đoàn pháo phòng không 186 thuộc Tập đoàn quân 19.

Năm 1952 tốt nghiệp Học viện kỹ thuật vô tuyến điện pháo binh ở thành phố Kháccốp. Ông tiếp tục phục vụ tại Quân khu phòng không Mátxcova với các chức vụ trung đoàn trưởng, kỹ sư trưởng, quân đoàn phó và quân đoàn trưởng quân đoàn phòng không đặc nhiệm.

Từ năm 1967 đến năm 1969 Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam.

Ông được thưởng Huân chương Lênin, Huân chương Chiến tranh giữ nước hạng I và hạng II, Huân chương Sao đỏ, Huân chương Lao động Cờ đỏ, các huy chương “Quân công”, “Bảo vệ vùng Bắc cực Liên Xô”, “Chiến thắng phát xít Đức”, các huân chương và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.



# CẢI TIẾN VỀ MẶT TÁC CHIẾN BỘ KHÍ TÀI TÊN LỬA PHÒNG KHÔNG XA-75 “ĐVINA” TRONG QUÁ TRÌNH CHIẾN ĐẤU

Qua các sự kiện ở Việt Nam, trong quá trình chống trả một cách sinh động giữa hệ thống phòng không của ta và không quân địch cần phải chỉ rõ một đặc điểm nổi bật - đó là việc cải tiến về mặt tác chiến bộ khí tài tên lửa phòng không trong quá trình chiến đấu cùng với việc tu chỉnh thực tế trực tiếp bộ khí tài tại các đơn vị bộ đội.

Tình hình diễn ra ở Việt Nam năm 1966 đã thôi thúc việc này: không quân Mỹ đã luôn hoàn thiện chiến thuật đánh phá, đã đặt các máy gây nhiễu vô tuyến điện trên các máy bay, việc đó đã làm giảm hiệu quả hỏa lực của các bộ khí tài tên lửa phòng không. Nếu vào thời kỳ đầu chiến dịch (1965) chỉ tiêu hao 1-2 quả tên lửa cho một máy bay bị bắn rơi, thì đến năm 1966 lượng tiêu hao đó đã tăng lên 3-4 quả (tính trung bình). Bộ khí tài tên lửa phòng không XA-75 “Đvina” bắn không có hiệu quả đối với các mục tiêu bay thấp. Lúc bấy giờ ở Việt Nam không có loại khí tài tên lửa phòng không nào khác, chỉ có thể đánh trả quân địch bằng cách nâng cao khả năng chiến đấu của các bộ khí tài tên lửa phòng không hiện có bằng con đường cải tiến.

Công tác thiết kế theo đơn đặt hàng của Bộ Quốc phòng Liên Xô đã được bắt đầu vào giữa năm 1966. Các quyết định được thông qua đã được đưa ra thử nghiệm tại trường bắn, bao gồm cả việc bắn đạn thật vào bia. Trong quá trình làm việc, chúng tôi thường xuyên vận dụng kinh nghiệm của các lần bắn theo báo cáo của chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam và các kiến nghị của đại diện các phòng thiết kế trong thành phần đoàn nghiên cứu khoa học đang làm việc tại Việt Nam.

Các bộ khí tài được chuyển giao tiếp sau đó cho Việt Nam đều đã được cải tiến. Chúng tôi đã gửi phụ tùng, linh kiện, các khối máy, trang bị dây dợ, tài liệu kỹ thuật sang Việt Nam để tổ chức cải tiến các bộ khí tài ngay tại các đơn vị bộ đội. Đã thành lập và cử sang Việt Nam đoàn chuyên gia công nghiệp (trên 80 người, do Iuri Alếchxandrôvích Visnhép, công tác ở xí nghiệp kỹ thuật sản xuất đầu đạn tên lửa của Bộ công nghiệp vô tuyến điện) phụ trách.

Giữa năm 1967 ba đội cải tiến đã cùng với các đại diện quân đội bắt tay vào việc cải tiến. Các đội trưởng và đại diện quân đội đó là: Camandinốp và Lesuxin, Xencốp và Duép, Xôcôlốp và Canduba. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn - điều kiện dã ngoại, khí hậu nhiệt đới nóng bức và ẩm ướt, máy bay Mỹ thường xuyên đánh phá - các đội cải tiến vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, các bộ khí tài tên lửa mới được cải tiến lần đầu tiên đã bắn hạ được nhiều máy bay với lượng tiêu hao tên lửa ít hơn và trong vùng sát thương rộng hơn (điều rất quan trọng là ở các độ cao không lớn, dưới 300m).

Tôi đã bay sang Hà Nội vào buổi tối ngày 6-11-1967 (máy bay chỉ được hạ cánh vào ban đêm), tôi chuyên trách về công tác cải tiến. Ngày hôm sau, trong buổi chiều dài tại Đại sứ quán Liên Xô nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười, tôi đã được gặp các đồng chí trong Bộ Tư lệnh phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam. Việc đầu tiên là họ đã tỏ ra hài lòng với những kết quả cải tiến. Một người trong số họ đã nói rằng chiếc máy bay thứ 2500 của Mỹ bị một quả tên lửa của bộ khí tài cải tiến bắn rơi để chào mừng “50 năm Cách mạng Tháng Mười”.

Ngày 11-11, tôi gặp Đại tá Phùng Thế Tài, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng chí cho biết về đặc điểm của các hoạt động chiến đấu, về những kết quả mới nhất và những thất bại của binh chủng tên lửa phòng không Việt Nam, đồng thời nêu lên hiệu quả của việc cải tiến; đồng chí đã thông báo cho tôi rằng, theo tin tức nhận được, bọn Mỹ dự định sẽ tăng cường tác động vô tuyến điện, do đó đồng chí đề nghị chúng tôi tiếp tục đề ra các biện pháp để nâng cao khả năng chiến đấu của các bộ khí tài tên lửa. Sau đó tôi đã báo cáo về những kế hoạch của chúng tôi, nói riêng, là về việc trang bị cho đài điều khiển tên lửa một thiết bị quang học để ngắm bắt mục tiêu, việc này tạo khả năng phóng được tên lửa vào các máy bay gây nhiễu vô tuyến điện và giúp cho các trạm điều khiển tránh được sự tàn phá của tên lửa tự tìm mục tiêu “Sraico” phóng xuống theo chùm sóng vô tuyến điện, đồng chí Phùng Thế Tài đồng ý cho thực hiện ngay những kế hoạch đó.

Tiếp đó tôi đề nghị giúp đỡ chúng tôi trong việc tổ chức các cuộc thí nghiệm nhằm đánh giá chỗ yếu của các máy bay Mỹ với mục đích thu nhận được những số liệu kinh nghiệm để nghiên cứu chế tạo ra đầu đạn tên lửa mới có góc độ rộng. Chúng tôi cho rằng chùm mảnh đạn sẽ có góc tung ra rộng hơn so với đầu đạn hiện nay chắc chắn sẽ phủ được các mục tiêu đang cơ động. Đề nghị của chúng tôi đã được chấp thuận. Các vấn đề và kế hoạch còn lại sẽ được bàn với Bộ Tư lệnh phòng không, việc đó chúng tôi đã làm trong ngày hôm sau. Đồng chí Đặng Tính (Дань Тинь) - chính ủy kiêm Tư lệnh binh chủng phòng không không quân - đã đánh giá cao kết quả cải tiến các bộ khí tài tên lửa phòng không. Đồng chí nói rằng các bộ khí tài cải tiến đã đem lại kết quả khả quan - tính trung bình, binh chủng tên lửa phòng không đã dùng 4-5 quả tên lửa để diệt được một mục tiêu, đối với các bộ khí tài chưa được cải tiến phải mất nhiều tên lửa hơn, trong nhiều trường hợp mất tới 10 quả tên lửa.

Tình hình đó giữ được đến giữa tháng 12. Nhưng đến ngày 14-12, thời tiết khá hơn, đã xuất hiện những tia nắng trong mây, bọn Mỹ không thể chờ đợi được thêm nữa. Lúc 12 giờ 30 phút, hai đợt máy bay đánh vào Hà Nội, lúc 13 giờ 15 phút là đợt thứ ba. Chúng ném bom đánh cầu Long Biên bắc qua sông Hồng. Bắt đầu thời kỳ đánh phá ác liệt cường độ cao. Một thông báo náo động được truyền đi: ngày 15-12, Trung đoàn 236 (trung đoàn Hà Nội) đã phóng 8 quả tên lửa và tất cả đều mất điều khiển rồi rơi ngay sau khi phóng. Ngày 16, Trung tá Vinh - Phó kỹ sư trưởng Binh chủng tên lửa phòng không đã thông báo với tôi rằng ở các trung đoàn khác cũng xảy ra hiện tượng tên lửa rơi ngay sau khi phóng: đã phóng đi 29 quả tên lửa mà chỉ tiêu diệt được 2 chiếc máy bay, 11 quả tên lửa bị mất điều khiển và rơi ngay.

Cần chú ý đến một điều là “các dạng” của hiện tượng này trong tất cả các trường hợp đều giống nhau, chúng tôi cho rằng nguyên nhân của việc mất điều khiển và rơi tên lửa, có lẽ là do nhiễu vô tuyến điện. Ngay lập tức phản ứng từ phía Việt Nam hoàn toàn khác. Cuối ngày 15-12, trung đoàn trưởng Trung đoàn 1 đã nói với Đại tá N. I. Cunbacốp, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trung đoàn rằng: “Liên Xô cho chúng tôi những tên lửa xấu. Chỉ có như vậy thôi”.

Thậm chí một người am hiểu về kỹ thuật, trung đoàn phó Trung đoàn Hà Nội, ngày 17-12 cũng nói với Đại tá Gôncharốp: “Các đồng chí cho chúng tôi những tên lửa cũ, quá thời hạn sử dụng. Các tên lửa này được đưa tới từ Ba Lan, Tiệp Khắc, Đức, được sơn lại ở trong kho tại thành phố Iécécút (thật là quá am hiểu) và chuyển sang đây cho chúng tôi”.

Như Gôncharốp đã nói với tôi, họ còn bóc được sơn từ một số tên lửa, như họ nói, dưới lớp sơn còn thấy cả các khuôn trở cũ, nhưng họ không chỉ cho chúng tôi.

Lúc đó Anatôli Mikhailôvich Elixêép, Phó tổng công trình sư của phòng thiết kế đặc biệt thuộc Nhà máy kỹ thuật vô tuyến điện Mátxcova, Epghêni Vaxilêvich Épxicốp - đại diện quân sự của phòng thiết kế đặc biệt, Vladimira Alếchxêevich Rubin, Tổng công trình sư của Nhà máy tên lửa “Avangard” đang có mặt ở Việt Nam đã cùng với các chuyên gia Liên Xô ở các trung đoàn tiến hành việc phân tích khẩn cấp các lần phóng tên lửa có tên lửa bị rơi và đi đến kết luận rằng nguyên nhân của các thất bại là do bị nhiễu vô tuyến điện đối với kênh điều khiển tên lửa. Hơn nữa, họ đã tuyên bố rằng, theo sự đề xuất của họ, có thể có khả năng tránh được nhiễu và ở đây họ có thể thử làm một số việc để thực hiện ý định này.

Mặc dù trên thực tế chúng tôi chẳng nghi ngờ gì đối với việc này, tất cả là do nhiễu, chúng tôi đã thống nhất với Bộ Tư lệnh binh chủng tên lửa phòng không về việc tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng tình trạng máy móc của đài chỉ huy điều khiển và tên lửa ở các đơn vị. Chúng tôi đã tổ chức một đoàn chuyên gia hỗn hợp do Đại tá N. I. Cunbacốp phụ trách để làm việc này.

Tôi đã báo cáo với Đại sứ I. X. Sébacốp về những việc trên. Được sự đồng ý của đại sứ, tôi đã có cuộc trao đổi thẳng thắn với bộ chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam có liên quan đến những tuyên bố về việc Liên Xô đưa sang những “tên lửa xấu” và đề nghị Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam cho được gấp gấp. Ngày 21-12, Đại tá Phùng Thế Tài, Phó Tổng tham mưu trưởng đã mời tôi đến gặp. Cùng tôi trong buổi gặp có Trung tá Gieledonhiác, người đã ghi lại tường tận những điều cả hai bên đã trao đổi. Tôi còn giữ lại được băng ghi âm cuộc nói chuyện, nhưng ở đây tôi chỉ nêu lên những nét chung.

Tôi nói, trong một số trường hợp tên lửa rơi ngay sau khi phóng, nguyên nhân chỉ có thể là do nhiễu vô tuyến điện. Trong buổi làm việc tôi đã đề nghị chuyển giao cho chúng tôi máy gây nhiễu còn giữ được của các máy bay bị bắn rơi gần đây nhất, hỏi thêm phi công bị bắt làm tù binh và dùng một bộ khí tài tên lửa phòng không làm các thí nghiệm trong khi địch đánh phá.

Trong lời đáp lại, thoạt đầu đồng chí Phùng Thế Tài đã nói một cách xã giao, rằng theo ý kiến của chúng tôi, có thể có một số nguyên nhân: có thể việc sản xuất tên lửa chưa chất lượng, bảo quản chưa tốt, kiểm tra chưa đúng, chưa đầy đủ, sai sót của các kíp trắc thủ, v.v. cũng có thể do nhiễu vô tuyến điện. Ông nói tiếp, vì vậy không nên vội vã mà phải nghiên cứu vấn đề này một cách toàn diện và sâu sắc.

Tôi đã nói với đồng chí đó: cần phải làm gấp - nếu không các bộ khí tài tên lửa sẽ bị nhiễu "bóp chết" và tôi tiếp tục đề nghị phải dùng một bộ khí tài tên lửa để làm các thí nghiệm và khai thác thêm phi công tù binh. Về việc nghi ngờ chất lượng sản xuất tên lửa hoặc tăng thêm thời gian bảo quản tên lửa, tôi đã nhất quyết và hoàn toàn loại trừ những điều đó, đồng thời giải thích rõ rằng điều đó không thể có, rằng trong cùng một lúc, không phải ở một bộ khí tài tên lửa phòng không mà ở một số bộ khí tài đã có tới hai mươi quả tên lửa bị rơi "theo một dạng". Ở Liên Xô, chúng tôi đã bảo quản các tên lửa đó đúng theo các tiêu chuẩn, có nạp sẵn nhiên liệu trong mười năm, rồi sau đó mới đưa ra bắn tại trường bắn. Cũng có xảy ra những trục trặc cá biệt, nhưng tính chất của sự trục trặc đó khác nhau, nhưng ở đây chỉ có một tính chất đồng nhất.

Đồng chí Phùng Thế Tài đã trả lời rằng sẽ chỉ thị cho hỏi cung tiếp các phi công tù binh và hôm sau sẽ thông báo kết quả. Về việc dùng một bộ khí tài để làm thí nghiệm, đồng chí nói: "Chúng tôi sẽ nghiên cứu vấn đề này, sẽ trao đổi và trả lời sau".

Về phần lấy khẩu cung của các phi công tù binh, đồng chí Phùng Thế Tài đã giữ đúng lời hứa; 16 giờ ngày hôm sau, người ta đã mời tôi đến Bộ Tổng tham mưu, tại đây trợ lý của đồng chí Phùng Thế Tài đã báo cáo kết quả lấy khẩu cung bốn phi công bị bắn rơi trong những ngày gần đây nhất. Chúng không hề giữ bí mật quân sự, đã khai khá tỉ mỉ về các thiết bị gây nhiễu được đặt trên máy bay, về các bản hướng dẫn cho phi công chiến thuật tác chiến trong các vùng sát thương của bộ khí tài tên lửa phòng không, đã vẽ lại đồ thị phương hướng của thiết bị gây nhiễu.

Điều quan trọng nhất là đã nhận được thông báo rằng cuối tháng 11, đầu tháng 12 người Mỹ sẽ đặt lên các máy bay máy gây nhiễu mới "chống lại việc phát hiện và chống lại tên lửa khi nó đang bay".

Tất cả chúng tôi và các cán bộ lãnh đạo Việt Nam đều đã sáng tỏ và ngày 24 tháng 12, Tư lệnh binh chủng tên lửa phòng không đã thông báo rằng họ tiếp thu tất cả các đề nghị và dành một bộ khí tài tên lửa để làm các thí nghiệm.

Ngay trong trận đánh phá đầu tiên đã xác định được sự thật về việc có nhiễu "chống tên lửa khi nó đang bay". Lúc đầu các kíp trắc thủ được hướng dẫn cách hành động trong điều kiện có nhiễu, về sau các đại diện của các tổ thiết kế (Elixêép, Rubin, v.v.) và các chuyên gia quân sự (Môixêép, v.v.) đã linh hoạt giải quyết nhiệm vụ "trung lập hóa" sự tác động của nhiễu bằng cách điều chỉnh một cách thích hợp thiết bị của đài điều khiển tên lửa và tên lửa. A. P. Môixêép đã trình bày cặn kẽ phần về tên lửa.

Cũng cần phải nói lên một điều là sở dĩ người Mỹ có thể chế tạo ra được thiết bị gây nhiễu vô tuyến điện đánh vào kênh tên lửa là do chúng đã nghiên cứu bộ khí tài tên lửa "Đvina" giống như vậy do Íxraen thu được trong cuộc chiến tranh với Ai Cập rồi trao lại cho Mỹ.

Đêm 28 rạng ngày 29-12-1967 tôi rời Hà Nội, ngày 31-12 về đến Mátxcova. Ngay sau năm Mới tôi đã được triệu tập đến gặp đồng chí Đ. Ph. Uxtinốp, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Ở đây, với sự có mặt của các Bộ trưởng Bộ Công nghiệp vô tuyến điện và Bộ Công nghiệp hàng không, các Tổng công trình sư thiết kế vũ khí tên lửa phòng không, Tổng tư lệnh bộ đội phòng không Liên Xô, các chuyên viên của Hội đồng công nghiệp quốc phòng, tôi đã báo cáo về tình hình chung ở Việt Nam và riêng về phần trang bị vũ khí. Đồng chí Uxtinốp đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho các bộ trưởng và tất cả cán bộ có mặt tại đó: phải khẩn

trường và ưu tiên áp dụng các biện pháp giúp đỡ toàn diện cho Binh chủng phòng không Việt Nam và nâng cao khả năng chiến đấu của bộ khí tài tên lửa phòng không “Đvina”.

Và cứ như vậy, chúng tôi tiếp tục công việc cải tiến bộ khí tài tên lửa theo mức độ tích lũy kinh nghiệm chiến đấu. Nhờ kết quả cải tiến “Đvina” đã khác trước, tính năng của nó đã được tăng lên rõ rệt: để tiêu diệt các loại máy bay khi tiến vào mục tiêu ở độ cao không lớn, giới hạn vùng sát thương giảm xuống dưới 300m, còn tầm tiếp cận dưới 5 km; để đối phó việc máy bay địch cơ động tránh tên lửa trong vùng hỏa lực, chúng tôi đã tiến hành cải tiến máy móc của đài chỉ huy điều khiển tên lửa và cải tiến phần đầu đạn của tên lửa với góc bay của các mảnh đạn lớn hơn; nâng cao khả năng phòng chống nhiễu cho máy móc của đài điều khiển tên lửa; giảm thời gian đưa bộ khí tài vào chế độ sẵn sàng xuống dưới 30 giây. Đã đưa cơ cấu phóng giả vào máy chỉ huy điều khiển tên lửa để tăng thêm khả năng chiến thuật - phỏng tạo tín hiệu vô tuyến điện của việc phóng tên lửa.

Khi nhận được tín hiệu này trong máy thu vô tuyến đặt trên máy bay các phi công của máy bay chiến thuật sẽ lập tức cơ động tránh tên lửa, việc đó làm cho chúng phải thoái thác việc thực hiện nhiệm vụ chiến đấu và giúp cho các trắc thủ của đài chỉ huy tên lửa có thể phân biệt được chúng với các máy bay ném bom hạng nặng B-52 trên các màn hiển thị. Việc mở cơ cấu “phóng giả” trong sự hiệp đồng với không quân tiêm kích phòng không đã đảm bảo được ưu thế cho các phi công Việt Nam trong trận không chiến, bởi vì khi phi công Mỹ buộc phải cơ động tránh tên lửa, chúng sẽ bị mất thế của mình trong trận chiến đấu.

“Đvina” cải tiến đã có khả năng, kể cả trong những điều kiện phức tạp, bắn rơi máy bay các loại của Mỹ (trừ máy bay SR-71). Bằng chúng là năm 1972 - năm cuối cùng của cuộc chiến tranh phá hoại: đã phóng 1155 lần, tiêu hao toàn bộ 2059 quả tên lửa, hạ được 421 máy bay. Tiêu hao trung bình 4,9 quả tên lửa cho một mục tiêu.

Ở đây cũng cần phải biểu dương tài nghệ của các khẩu đội bộ phóng tên lửa phòng không, việc họ vận dụng sáng tạo những kiến nghị của các chuyên gia quân sự Liên Xô. Trong thời gian không quân Mỹ đánh phá, các khẩu đội bộ phóng tên lửa phòng không đã thể hiện chủ nghĩa anh hùng và tài nghệ cao. Đặc biệt, cần phải biểu dương tài nghệ cao của các trắc thủ đài điều khiển tên lửa khi phóng tên lửa trong tình hình nhiều phức tạp. Đặc biệt điều đó đã được thể hiện vào tháng 12-1972 khi đánh trả các cuộc tập kích đánh phá ồ ạt vào Hà Nội, lúc đó đã phóng 134 lần, tiêu hao tổng cộng 239 quả tên lửa, bắn rơi 31 máy bay ném bom chiến lược B-52 của Mỹ. Đối với bọn Mỹ đây là một đòn kinh hoàng buộc chúng phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ngày 27-1-1973.

Ngày 7-1-1972; Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, khi tổng kết kết quả chiến tranh có sự tham gia của đoàn đại biểu từ Liên Xô sang (tôi cũng có mặt trong đoàn) và lãnh đạo Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, đã nói: “tự tay tôi ghi): “... Nếu không có trận bộ đội tên lửa phòng không đánh thắng B-52 ở Hà Nội, thì các cuộc đàm phán ở Pari chắc còn kéo dài và chắc chưa ký được hiệp định, do đó thắng lợi của bộ đội tên lửa phòng không là thắng lợi chính trị...”.

Và thực tế trong thắng lợi này có công lao to lớn của các chuyên gia công nghiệp quốc phòng Liên Xô, những người đã đảm bảo chất lượng cao của vũ khí trang bị, và của các chuyên gia quân sự Liên Xô đã huấn luyện đào tạo các kíp chiến đấu Việt Nam và thường xuyên giúp đỡ ngay tại các trận địa chiến đấu.

Mátxcova, năm 2003

\*\*\*

# THƯỢNG UÝ - KỸ SƯ ANÔXỐP ALËCHXANĐRƠ MIKHAILÔVÍCH

Ông sinh ngày 26-12-1936 tại thành phố Mátxcova.

Năm 1960 tốt nghiệp trường Đại học hàng không Mátxcova, ngành kỹ sư thiết bị vô tuyến điện tử cho máy bay.

Từ năm 1960 đến năm 1986 ông làm việc tại Viện Nghiên cứu khoa học Mátxcova, chuyên ngành thông tin vô tuyến, kỹ sư trưởng, trưởng phòng, phó tổng công trình sư về hệ thống thông tin vệ tinh.

Từ năm 1986 đến năm 2003 ông làm việc trong lĩnh vực thông tin vệ tinh tại nhiều xí nghiệp ở Mátxcova.

Hiện nay ông là Phó Tổng giám đốc Viện Nghiên cứu khoa học Mátxcova chuyên ngành thông tin vô tuyến.

Từ tháng 12-1967 đến tháng 8-1968 ông là thành viên của Đoàn chuyên gia khoa học quân sự làm nhiệm vụ đặc biệt tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Được tặng thưởng Huân chương “Chiến sĩ lao động lão thành”, “Chiến đấu dũng cảm”, và Huy hiệu “Chiến thắng trận đầu 5-8” của Việt Nam.

# BÀI HÁT ĐÃ RA ĐỜI NHƯ THẾ ĐÓ

Điều này đã xảy ra từ lâu, cách đây một phần ba thế kỷ. Việt Nam, những năm 1967 - 1968. Tôi còn nhớ rất rõ, rất tường tận những sự kiện của những năm tháng đó. Vâng, không thể nào quên được quá khứ - hôm nay không nhìn thấy được thì ngày mai làm sao mà nhận ra nó?. Lúc đó tôi ở trong đoàn chuyên gia khoa học quân sự được thành lập từ các chuyên gia quân sự (chủ yếu là các chuyên viên của các Học viện quân sự và Viện Nghiên cứu khoa học Bộ Quốc phòng), và cả các chuyên gia - cán bộ thiết kế của các ngành công nghiệp quốc phòng, Bộ công nghiệp vô tuyến điện, Bộ công nghiệp ô tô máy kéo.

Đoàn làm công việc thu thập và nghiên cứu các loại chiến lợi phẩm của kỹ thuật hàng không quân sự Mỹ: đạn, mìn chưa nổ và phế liệu của các máy bay Mỹ bị bắn rơi. Những thứ đó trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam có tới trên 4 nghìn và chúng tôi tất nhiên có đủ việc để làm, không có lúc nào nhàn rỗi để buồn.

Hiện nay đoàn chúng tôi đôi lúc còn được gọi bằng một từ không lấy gì thú vị cả “Đội quân chiến lợi phẩm”, lúc đó ở Việt Nam người ta đã gọi chúng tôi là “Sự đoàn hoang dã”. Ở đó sự đoàn ấy ra sao? Chúng tôi chỉ có mấy người, nhưng mọi chuyện thường xảy ra đối với chúng tôi: lúc thì cái gì đó nổ, lúc thì cái gì đó cháy. Mọi sự thú vị của tình thế lúc đó là ở chỗ chúng tôi đặt “căn cứ” trong một căn buồng nhỏ trong tòa nhà của Đại sứ quán Liên Xô ở Hà Nội và “trung bày” trong đó mọi thứ. Lúc bấy giờ chúng tôi bận lắm, mệt mỏi, râu tóc rậm rạp sau một chuyến đi thu thập trở về, mọi người đều tránh xa chúng tôi.

Và ngay từ khi đó, tại Việt Nam đã xuất hiện tám dòng đầu tiên cho bài ca của chúng tôi về những ngày đó. Các dòng ca đó theo làn điệu của một bài hát khác từ một cuốn phim cũ về chiến tranh giữ nước vĩ đại. Không có tên phim, không có tác giả âm nhạc và lời ca, tôi thực sự không nhớ ra được. Rất tiếc, phim đó đã được chiếu lâu rồi Tôi còn nhớ rõ giai điệu - một giai điệu thiết tha và lời hát theo giai điệu đó:

Quả tên lửa rục sáng lên, rồi lao xuống,

Như một ngôi sao rục cháy.

Nếu ai đó đã được thấy đôi lần,

Thì người đó không bao giờ quên ..

Phần hai của bài hát được hình thành ngay tại đây, tại nhà. Năm tháng trôi đi, nhưng trí nhớ của con người vẫn giúp chúng tôi giữ lại được biết bao điều tốt và điều thú vị, còn những điều dở thì đã trôi đi, đã lùi vào dĩ vãng.

Và cuối cùng phần kết của bài hát đã được hình thành mới đây thôi, khi chúng tôi tổ chức các cuộc họp mặt, số bạn bè cũ ngày một ít đi - đội ngũ của chúng tôi vơi dần, và những lần đó hồi ức của chúng tôi lại đậm thêm nỗi buồn và thương nhớ.

Tôi đã hát bài đó cho các bạn của mình trong “Sự đoàn hoang dã” - họ rất thích. Chỉ có những ai thuộc nhóm người ít ỏi đã tham gia các sự kiện đó mới hiểu được bài hát đó nói về điều gì? Trong bài hát này có nhiều điều khó hiểu đối với những người không am hiểu “công việc của những ngày tháng đã trôi đi từ lâu”. Có nhiều từ tiếng nước ngoài mặc dù mọi cái đều ăn khớp, những từ không tách được khỏi bài ca. Chúng ta đều có con cháu. Tôi cho rằng, con cháu của tất cả chúng ta phải tò mò muốn biết những gì đã xảy ra với cha ông của họ trước đây. Có Trời mới biết được, có thể có những người ngoài cuộc cũng tò mò muốn biết. Nói tóm lại, tôi đã quyết định viết chút ít về cái thời đã qua, để mọi người có thể hiểu được lời bài hát của chúng tôi.

Nhưng nỗi sợ hãi không lừa chúng tôi vào cái hầm chật chội

Đến ngày 1-4-1968 bọn Mỹ đã không tiếc bom, không tiếc tên lửa ném xuống Việt Nam. Và ngay sau ngày 1-4, không biết bọn chúng có chuyện gì nực cười - tạm ngừng đánh phá. Nhưng trước đó, trong tháng 3, ngoài các cuộc đánh phá ban ngày, chúng còn tăng cường đánh về đêm. Hoặc là chúng gấp rút thực hiện kế hoạch liều chết, hoặc để đón ngày vui trước thần Khonhia Tima, hoặc còn một lý do nào khác - tôi cũng không hiểu nổi, nhưng chúng đã gửi đến

“phục vụ” Hà Nội và các vùng lân cận bom đạn, tên lửa suốt ngày đêm.

Cũng cần nói rằng đó là một điều chẳng hay ho gì khi tôi bị quấy rầy mất ngủ suốt một tháng trời. Tất cả được bắt đầu từ những hồi còi báo động và thông báo qua loa phóng thanh: “Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý” và liên tục thông báo máy bay địch cách Hà Nội bao nhiêu cây số. Nhờ vậy chúng tôi cũng hiểu được tiếng Việt rất nhanh.

Lúc bấy giờ chúng tôi ở tại một khách sạn ở trung tâm thành phố, gần Nhà hát Lớn, đưa em sinh đôi của Nhà hát “Grand Opéra” ở Pari. Ngay phía sau nhà hát là sông Hồng, có một chiếc cầu bắc qua, do chính Éphen xây. Cầu đã bị bom đánh hỏng. Ngay gần chiếc cầu hỏng có một chiếc cầu phao. Cầu phao này cũng bị địch thường xuyên đánh phá, trong thời gian chúng tôi ở đây, chiếc cầu phao vẫn không việc gì. Trên nóc Nhà hát Lớn có một hệ thống còi báo động với nhiều chiếc loa to, dài, từ phòng ngủ của chúng tôi trên tầng ba của khách sạn, chúng tôi nhìn thấy rõ từng chi tiết của hệ thống còi này. Khi chiếc còi đó rú lên, anh phải lấy hai bàn tay bịt tai lại, tiếng rú của nó động đến toàn thân anh - công suất của nó lớn lắm. Tôi nghĩ rằng nỗi sợ hãi kinh khủng đó đã lôi chúng tôi lên từ cõi chết.

Sau khúc nhạc mở đầu đó điều chủ yếu đã diễn ra - cuộc ném bom bắn phá. Nằm dưới gầm cầu thang cách âm, chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng pháo cao xạ bắn, tiếng mảnh bom, đạn rơi ào ào xuống mái nhà, tiếng máy bay gầm rít, v.v.. Kết thúc trận đánh phá, còi báo yên. Được một lúc lại còi báo động. Người ta nói sự tra tấn cực kỳ khốc liệt nhất đối với con người là suốt mấy ngày đêm liền không được ngủ - không một ai có thể chịu đựng được: Sau tháng 4-1968, chúng tôi có thể dễ dàng tự đánh giá được bản thân mình. Cả ngày mệt như người và có lúc vừa đi vừa ngủ. Sau hơn một tuần lễ chúng tôi đã quen dần, có thể ngủ được trong thời gian địch đánh phá, giữa hai hồi còi báo động.

Một độc giả tinh ý nói: “Vây là, tác giả bị lôi cuốn - dưới gầm cầu thang cách âm... hẳn là đã ngủ ngon trong hầm trú ẩn gần đó, và đã ngồi lâu đến tê chân tại đó”.

Không, chúng tôi đã không ngủ ngon, mặc dù ngay trong khách sạn cũng có hầm tránh bom. Vấn đề không phải ở chỗ chúng tôi là những hiệp sĩ tuyệt vọng như thế. Tuy nhiên, cần nói rằng, ở đây mà yếu bóng vía thì chẳng làm được việc gì. Thực chất là ở chỗ khác. Như mọi người đều biết, bê tông không chịu được ẩm ướt, với độ ẩm nhiệt đới, hầm tránh bom sẽ tích tụ nước rất nhanh, không bao giờ khô ráo và là vương quốc của muỗi - các bức vách, trần hầm được một lớp muỗi sống phủ đầy, còn dưới sàn hầm nước ngập tới mắt cá chân.

Chúng tôi sợ muỗi hơn cả máy bay Mỹ. Các sinh vật đó là các con vật truyền bệnh viêm não địa phương, còn độc hại hơn cả bệnh viêm não ở Xibêri, bởi vì cùng một lúc nó tác hại đến lưng và não bộ... và vô phương cứu chữa. Đến các con trâu là sức kéo tại địa phương cũng bị loại bệnh viêm não này đánh gục. Những con trâu mắc chứng bệnh này thường có triệu chứng sổ mũi, chúng trở nên thờ ơ, ngã vật ra, nhưng sau đó thường lại hồi phục. Nếu như con muỗi ngay từ đầu đã đốt con trâu đó vào buổi trưa, thì buổi tối nó không đốt người nào nữa. Tiếc thay, điều này không phải lúc nào cũng như vậy.

Thưa độc giả tinh ý, chúng tôi chẳng có thể chui rúc xuống đâu cả và những dòng chữ này vẫn tìm thấy chỗ của mình trong bài ca.

- Những chiếc “Phan tôm” (Con ma) chọc thủng các tầng mây

Tôi xin vi phạm trình tự trình bày một chút. Trong ca từ của bài hát “Phan tôm” có nhắc lại những “hầm nhà chật chội” trước đây, nhưng tôi muốn trước hết, mô tả bối cảnh chung.

Máy bay tiêm kích ném bom nhiều tác dụng F-4 “Con ma” là một trong những máy bay thành công nhất trong toàn bộ lịch sử hàng không của Mỹ. Nó được Mỹ sử dụng trong mấy chục năm liền. Tốc độ lớn - cao hơn 2,5 lần tốc độ tiếng động, tính cơ động, sức chở bom - 5,5 tấn đã cho phép sử dụng nó ở Việt Nam để giải quyết những nhiệm vụ chiến đấu khác nhau. Các máy bay tiêm kích MIG-17, MIG-21 của ta đã tham gia các trận không chiến với chúng. Máy bay “MIG” nhẹ hơn nhiều so với các máy bay “Phan tôm”, vì vậy máy bay ta có tính cơ động cao về chiều thẳng đứng và được trang bị các tên lửa “không đối không”, các tên lửa có tính năng cao hơn các tên lửa Mỹ “Sperôl” (chim sẻ).

Một phi công có kinh nghiệm có thể tránh được “chim sẻ” chỉ cần kịp thời làm động tác cơ động lượn vòng, còn đối với tên lửa của ta ít người có cơ hội tránh được. Nếu cộng thêm vào đó tinh thần dũng cảm của các phi công Việt Nam, những người bảo vệ đất nước mình, bảo vệ cha mẹ mình, thì có thể hiểu được kết quả chung cuộc của các trận không chiến - để hạ được một máy bay Việt Nam, Mỹ phải mất trên hai, ba mươi máy bay.

Máy bay “Phan tôm” có một đặc điểm nổi bật là dễ bị phát hiện qua vẻ ngoài. Đầu chúi xuống, đuôi ngóc lên, nhìn hình cắt ngang giống như một con cá trắm. Một lần chúng tôi đã được nhìn thấy rõ hình cắt ngang của con cá trắm đó.

Sau chuyến đi công tác, chúng tôi trở về vùng ngoại ô. Hôm đó trời nắng đẹp. Bầu trời trong xanh, không một gợn mây. Còn độ 7 - 8 km nữa thì đến Hà Nội. Chúng tôi đi đến một vùng trống trải, nhìn thấy trên bầu trời Hà Nội có những vệt trắng kéo dài của tên lửa và máy bay - đang diễn ra trận chiến đấu. Người chỉ huy ra lệnh dừng lại, tất cả chúng tôi rời khỏi ô tô và phân tán theo địa hình. Việc đó không phải là thừa, vì bất cứ vật gì di động trên các con đường đều có thể bị bắn phá, thậm chí có cả máy bay chỉ chuyên đi săn lùng - “những kẻ đột nhập”, chủ yếu chúng bay dọc theo các con đường và lòng diệt.

Chúng tôi lao ra khỏi ô tô và phân tán ra nhưng chẳng biết nấp vào đâu - xung quanh là các ruộng lúa ngập nước có mấy khóm cây và những hố bom. Chúng tôi men theo mấy bờ ruộng khô tránh xa con đường được độ 100 mét và đứng tụm lại hai, ba người một tốp, rồi nhìn về bầu trời Hà Nội. Và bất thành linh, không biết từ đâu một chiếc máy bay bay về phía chúng tôi, nó bay sát mặt đất. Chúng tôi đứng lặng yên - chẳng biết chạy đi đâu. Nhưng chiếc máy bay đó bay sang một bên, gần đến mức trên nền trời sáng thấy rõ được hình cắt ngang của con cá trắm với đầy đủ các chi tiết, nhưng cũng thấy được trong buồng lái hình bóng tối sẫm của tên phi công.

Trong thời khắc căng thẳng nhất, lúc chiếc máy bay bay sát lại phía chúng tôi, một tràng súng máy đại liên phòng không đã bắn chiếc máy bay đó. Khẩu súng máy đó đặt rất gần chỗ chúng tôi, được ngụy trang bằng các bụi cây mà chúng tôi vừa trông thấy, nên chúng tôi không nhìn thấy khẩu súng máy. Loạt đạn đó không bắn trúng chiếc “Phan tôm”, nhưng nó đã làm chúng tôi choáng tai, ngay lập tức, như có một mệnh lệnh, chúng tôi nằm rạp cả xuống.

Chiếc “Phan tôm” bay đi mất. Chúng tôi rũ bụi quần áo và quay trở lại xe, người nọ bảo người kia, chẳng quái gì mà phải sợ, rằng chiếc “Phan tôm” sau khi đánh nhau đã sợ phải co chân bay là mặt đất, và nó chẳng có gì làm ta sợ cả, v.v.. Sau đó lại râm ran các chuyện cười, kiểu “ê, này đúng quần cậu ướt đầm rồi kìa”.

Sau trận đánh phá, cầu phao qua sông Hồng trở lại làm việc bình thường, chúng tôi qua cầu bình an vô sự trở về Hà Nội. Nhưng lúc đó chúng tôi đã hiểu được máy bay “Phan tôm” mang dáng hình của một con cá - một con ác thú.

#### • “Sraico” bị mù

“Sraico” cũng là tên của một loài chim. Tên lửa này thuộc loại “không đối đất” dùng để tiêu diệt các bộ khí tài tên lửa phòng không của ta. Tại sao lại chính là của ta? Tên lửa “Sraico” có đầu đạn tự dẫn hướng vào các tín hiệu của máy vô tuyến định vị của các khí tài tên lửa phòng không của ta, các bộ khí tài này đã được người Mỹ nghiên cứu rất kỹ. Ixraen đã trao các bộ khí tài thu được ở Ai Cập cho Mỹ.

Đầu đạn tự dẫn của tên lửa “Sraico” đã lao thẳng vào bộ khí tài tên lửa phòng không theo chùm sóng của chính máy vô tuyến định vị của đài điều khiển tên lửa phát ra. Ngay từ lúc còn đang bay cách mục tiêu vài mét, ngòi nổ đã làm việc, một liều thuốc nổ 30 kg phá đầu đạn kim loại chứa hàng nghìn mảnh đạn, mỗi mảnh 4 milimét khối. Các mảnh đó “chọc thủng” mọi thứ nằm trên mặt đất ra đa, tên lửa, dây cáp điện.

Tưởng như mọi việc đã chẳng ra gì, nhưng... thời điểm phóng “Sraico” từ máy bay xuống cũng nhìn thấy được trên màn hình ra đa của bộ khí tài tên lửa phòng không. Chỉ còn một việc đơn giản: tắt máy phát trong một khoảng thời gian nhất định, “Sraico” bị mất tia định hướng và bay theo luồng ánh sáng trắng. Nhiều quả tên lửa “Sraico” đã bay vào các khu dân cư của Hà Nội và đã bắn xuyên thủng phá hủy các mục tiêu khác.



Một trong những quả “bị bịt mắt đỏ” đã đâm vào góc biệt thự hai tầng của Tuỳ viên quân sự Liên Xô tại Việt Nam. Một phần nhà bị đổ, hai tầng nhà bị hỏng. Nếu như việc đó xảy ra vào ban đêm, chắc đã có nhiều người bị thương. Nhưng sáng hôm sau, đa số những người ở trong ngôi biệt thự đó đã lại đến công sở làm việc. Ở trong nhà lúc đó chỉ có Tuỳ viên quân sự và phu nhân, họ ở trong một phần nhà còn nguyên vẹn nên không việc gì. Lần này, tướng A. I. Lêbêđép, Anh hùng Liên Xô, phi công không quân ném bom tầm xa đã bay suốt cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, gặp may.

Và từ đó trong bài ca có hai dòng: “... và đến ông trời cũng không biết được, “Sraico” bị bịt mắt sẽ bay đến đâu”.

Còn các mảnh tên lửa thì có thể cắm lên các thân cây, lên tường nhà hoặc hòa vào vôi rác rưởi trên đường phố. Khi từ Việt Nam về nước tôi đã mang theo và giữ cùng các vật kỷ niệm, tặng phẩm khác - vỏ một quả bom bi để trong một cái hộp.

Tôi muốn nói đôi lời về bom bi. Nhờ trời, đã không có chuyện gì xảy ra đối với những người trong “Sư đoàn hoang dã” và trong bài ca cũng không hề nhắc tới. Nhưng tôi nghĩ rằng, bạn đọc sẽ rất thú vị khi được biết “ý tưởng sáng tạo” của con người trên con đường chém giết lẫn nhau đã đạt tới đỉnh cao nào.

Viên đạn làm gãy xương, nhưng xương gãy có thể làm xương lành lại được. Viên bi thép khi đâm vào vải mềm hoặc xương nó chọc thủng chúng tới từng mấu nhỏ và không thể liền lại được.

Bom bi - không lớn, hình tròn, kích thước bằng quả cam. Vỏ bom làm bằng hợp kim nhẹ chứa gần ba trăm viên bi thép - có thể trông thấy các viên bi này ở phía ngoài vỏ và đếm được. Vào thời bấy giờ F-105 là máy bay hiện đại nhất, ví dụ nó có thể mang theo bốn thùng bom bi mẹ, mỗi thùng chứa mấy trăm quả bom bi con. Hãy thử hình dung xem trên một con đường có nhiều người đi lại, quân sự hay dân thường, không quan trọng, càng đông càng “tốt”. Một chiếc máy bay bay đến, thả xuống các thùng bom bi, hết thùng này đến thùng khác...

- Chúng tôi cũng phóng “Sraico”

Quanh tòa nhà Đại sứ quán Liên Xô, nơi chúng tôi ở có một bãi đất rất rộng. Tại đây có một bể bơi tuyệt vời, dài 25 mét, có cả cầu nhảy, rất nhiều cây cối, nhà hóng mát và một bãi trống. Trên bãi trống thường có một chiếc romoóc, đầu trên romoóc có cái gì đó được phủ bạt. Đến lúc đó chúng tôi cũng chẳng biết đấy là cái gì. Nhưng sau đó người ta nói với chúng tôi rằng ở đó có một chiếc động cơ của “Sraico”. Chiếc máy bay đã bị bắn rơi trước khi nó phóng tên lửa “Sraico” xuống. Xác của nó rơi xuống đầm lầy Động cơ nguyên liệu rắn của “Sraico” hầu như còn nguyên vẹn, nhưng ở dưới đầm lầy nhiên liệu bị ướt sũng. Vì tên lửa nặng và cồng kềnh nên lúc đó chưa đưa được cả quả tên lửa về Mátxcova. Nhiệm vụ đặt ra là phải lấy được mẫu nhiên liệu, không lấy từ ống xả, mà lấy từ bên sườn hoặc từ phía sau, chỗ mà nhiên liệu còn giữ được tốt.

Hiện nay đã trải qua ba mươi năm, khó có thể hình dung được đoàn chuyên gia chúng tôi đã phải làm việc trong hoàn cảnh không có thùng xe bọc thép, không có thiết bị chuyên dụng, lúc nào cũng có thể mạo hiểm cuộc sống. Dụng cụ lao động là dao, dũa, búa tay và tuốc-nơ-vít. Chúng tôi hiểu rằng, phải hết sức cẩn trọng, vì có thể một phần nhiên liệu còn khô lúc đó có thể phát nổ, và khi đó... Và thực sự đã là như vậy.

Các cửa sổ của tòa nhà Đại sứ quán trở ra hành lang, do đó tránh được ánh nắng rọi vào trong các phòng. Chúng tôi đặt ngoài hành lang một cái bàn, hai cái ghế tựa rộng rãi và thoáng. Có thể bước qua cửa sổ để ra ngoài hành lang. Buồng của chúng tôi ở ngay tầng một và để đi ra sân của tòa nhà chúng tôi thường không qua cửa ra vào, mà qua cửa sổ - vì là Sư đoàn hoang dã.

Và hôm đó, cũng như mọi khi, hai ông “tranh thủ” đã trèo cửa sổ ra chỗ romoóc. Sau một tiếng rười ùng ùng, bất thình lình nghe thấy một tiếng rít và một tiếng rầm nhỏ. Tôi vội lao ngay ra ngoài sân. Chiếc động cơ đang lăn dưới các bánh xe của chiếc romoóc trong đám bụi và khói mù mịt. Từ bên sườn động cơ phát ra một tia lửa sáng trắng. Mất tầm dấu vết của các ông “tranh thủ”. Thật phức tạp, số nhiên liệu khô cũng không còn nhiều lắm, ngay sau đó lửa

đã tắt, chiếc rơmoóc bị cháy. Các đám cháy đã tạo ra một cột khói đen bay lên trời. Nghe thấy tiếng keng báo động từ xa vọng lại. Tiếng keng mỗi lúc một gần. Sau bức tường bao quanh lãnh thổ của Đại sứ quán có các xe chữa cháy đỗ. Có một chiếc thang bắc qua tường. Tôi vội leo lên tường, vẫy tay.

- Tốt lắm, tốt lắm? - Có nghĩa là mọi việc đã tốt đẹp.

Các xe cứu hỏa quay đi. Chiếc rơmoóc bị cháy trụi, xuất hiện các ông “tranh thủ” còn nguyên vẹn, không bị bỏng. Cả hai đều là vận động viên phản ứng nhanh, chuẩn ngay. Chỉ có một người bị cháy mất cái áo vét, buộc phải vứt đi.

Tối hôm đó trưởng đoàn chúng tôi bị vị đại sứ triệu đến. Trưởng đoàn quay về buồn xịu, nhưng không nói gì với chúng tôi. Đoàn trưởng của chúng tôi là người thông minh, biết điều, nhận thức đúng mọi sự việc.

Như vậy là “chúng tôi cũng đã phóng “Sraico””.

- “Bác” Xêmenúc

Trong đoàn chúng tôi chủ yếu là những người trạc 30 tuổi nhưng có một vài đồng chí nhiều tuổi hơn. Một trong số họ là một chuyên gia về tất cả các loại đạn dược, một người hiền lành, rất dễ chịu, gặp rủi ro tuổi chúng tôi, những lúc vui chúng tôi thường gọi là “Bác” Xêmenúc. Trong tiếng Việt từ “Bác” thường được người trẻ tuổi dùng để gọi người lớn tuổi hơn với lòng kính trọng. Trong công việc của chúng tôi ông là một chuyên gia có trình độ cao, điều này chúng tôi đã được chứng kiến nhiều lần. Nhưng có một lần đã xảy ra một sự kiện mà độc giả đã được biết về việc “phóng” động cơ tên lửa “Sraico” và từ đó chúng tôi đã được gắn cái biệt danh “Sự đoàn hoang dã”

Trong góc căn buồng của chúng tôi ở Đại sứ quán có một chiếc két hai ngăn và cạnh đó có hai cái hòm. Chiếc két và hai cái hòm chứa đủ mọi thứ do các đoàn trước để lại cho chúng tôi “làm của thừa kế”. Lúc rảnh việc, đôi khi Xêmenúc vô tình lục lọi trong đó, bất ngờ thấy được một chiếc kíp nổ mà lần đầu tiên ông nhìn thấy. Đó là một cái ống hình xilanh có đuôi. Chưa biết đó là cái gì?

Xêmenúc phải tìm lòng mất mấy ngày. Nhưng rút cục chẳng kiếm chế được mãi và ông hỏi mọi người: kiếm đâu được cái cửa để bóc lớp vỏ bọc ngoài ra. Không tìm đâu ra cửa và Xêmenúc đã trấn tĩnh lại. Nhưng sự thế chưa phải đến đây là hết. Một hôm, ông lặng lẽ trèo qua cửa sổ đi ra ngoài hành lang và đi luôn ra ngoài. Chẳng ai để ý đến việc đó - đó là chuyện thường ngày. Một lúc sau có tiếng nổ đánh và tiếng va chạm của vật kim loại phát ra và vật đó lăn trên nền đá của hành lang. Sau đó mới xác định được là cái đục đã văng ra, tiếp đó thấy Xêmenúc xuất hiện, ông ta cười gượng. Ông đã bằng mấy ngón tay trái bằng một chiếc khăn tay, tay phải cầm cái đục. Xêmenúc để đục xuống bậu cửa sổ, rồi đi ra ngoài. Lúc về tay lại có chiếc búa. Búa bị văng ra bãi cỏ, ông tìm mãi mới thấy.

Đó cũng còn là may, không bị mất ngón tay nào, tuy đục và búa văng đi, nhưng việc chọn nơi hành động không đạt lắm. Sau đó Xêmenúc thú nhận rằng sở dĩ ông ta chọn hành lang, theo ông là chỗ hẻo lánh nhất, ở đó tất cả các cửa sổ đều đóng kín. Điều tai hại nhất, mọi việc đã xảy ra ngay dưới các cửa sổ của Đại sứ quán. Chiều hôm đó đoàn trưởng của chúng tôi được đại sứ triệu đến để khiển trách.

Xin thông báo với các bạn đọc: từ tháng 5-1965 đến tháng 12-1968, đoàn khoa học - quân sự chúng tôi làm việc trong những điều kiện địch ném bom bắn phá và rải mìn xuống địa hình, đã thu thập được và gửi về Liên Xô trên 800 các loại mẫu trang bị và kỹ thuật quân sự của Mỹ, trong đó có các loại đạn dược, các bộ phận máy bay, tên lửa, các thiết bị trinh sát vô tuyến điện tử và thiết bị chụp ảnh.

- Bài hát

Bây giờ, nếu bạn đọc có thể kiên trì cùng tác giả đi đến phần kết, thì bạn đọc có thể hiểu được bài ca của chúng tôi nói lên điều gì. Tôi cũng hy vọng rằng bạn đọc sẽ hiểu được có bao nhiêu điều đã gửi gắm vào những dòng ngắn gọn tặng những người đã ở Việt Nam cách đây một phần ba thế kỷ.

Những cây cọ đung đưa giữa đất trời Hà Nội  
Giữa những hồi còi báo động, giữa những tiếng ve kêu,  
Trên bầu trời lữ “Phan tằm” gằm thét xé toạc những đám mây.  
Nỗi kinh hoàng không xua được chúng tôi vào căn phòng hẹp –  
Ai mà biết được, đâu là nơi kết thúc cuộc đời  
Đến ông trời cũng không sao biết được,  
Chiếc “Sraico” mù quáng rơi xuống đâu.  
Chúng tôi cũng phóng “Sraico”  
Và cũng hiểu ra ngay tức khắc,  
Tại bể bơi đã trình lên  
Với vua Thủy tề cùng lũ thủy thần.  
Nếu ở đâu đó không có tiếng nổ,  
Từ trên trời đã đưa xuống Bác Xê,  
Bác Xêmenúc đã gây ra tiếng nổ,  
Ngay dưới cửa sổ của Ngài đại sứ.  
Thời đó đã xa lắm rồi.  
Quanh bàn hôm nay vắng bóng bao người –  
Nhắc lại kỷ niệm về ai đó,  
Còn ai đó vĩnh viễn đã ra đi.  
Chúng ta nghiêng mình tưởng nhớ họ,  
Rồi sau nhớ lại những năm qua,  
Những gì diễn ra ở nơi đó  
Tuổi trẻ chúng ta ở Hà Nội.  
Hãy nâng cốc:  
“Một trăm gram”!  
“Một trăm gram”!  
SaoVang :  
Tái bút.

Tôi đã đọc lại những gì đã viết và cũng suy ngẫm lại. Từ đó đến nay cuộc sống ở đất nước chúng tôi đã có biết bao thay đổi. Cái chính là những giá trị. Hiện nay đó là đồng tiền. Chẳng lẽ chúng tôi đến Việt Nam vì tiền? Lớp trẻ hiện nay liệu có hiểu được chúng tôi không? Một người trẻ tuổi đọc điều này và nói: không phải là một cuộc chiến tranh mà là một sự tiêu khiển. Và nhắc lại điều này để làm gì? Chui vào Việt Nam dưới bom đạn, tiêu tốn mất bao tiền bạc, của cải, còn đất nước mình thì bỏ quên.

Chúng ta hãy tha thứ cho sự trơ trẽn của lớp người trẻ tuổi chúng ta. Tôi cho rằng, ở họ cái đó như là những cái lông của con nhím - để bảo vệ tránh cái cuộc sống đang đổ sập xuống chúng ta. Chúng ta hãy bình tĩnh tìm hiểu việc

Một là, về sự “tiêu khiển”. Ở Việt Nam, nước Mỹ đã bị chết 57 nghìn người - gấp mười lần trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Chúng đã ném xuống Việt Nam gần 14 triệu tấn bom, đạn và mìn - gấp nhiều lần chúng đã sử dụng ở khắp mọi nơi trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Hiện nay, người phản biện trẻ tuổi của tôi, hãy lấy một tấm bản đồ địa lý, hãy so sánh lãnh thổ Việt Nam và châu Âu mà so sánh sự chết chóc gấp mấy chục lần trên từng tấc đất Việt Nam trong cái cuộc “tiêu khiển” đó.

Hai là, về sự hồi tưởng lại. Hiện nay “chỗ dựa chính của nền văn minh phương Tây và sự đảm bảo dân chủ trên toàn thế giới”, trên thực tế - thế giới bị cày xới - ai muốn làm gì thì làm. Muốn cho Irắc đổ máu cứ làm, muốn Nam Tư đổ máu - không có vấn đề gì. Và cứ thế mãi sao? Liệu tên Vua Bóng tối đã hút đủ số máu ấy chưa hay nó sẽ còn thèm khát những số nạn nhân tế thần lớn hơn nữa? Đối với loài người hiện nay không có vấn đề gì quan trọng hơn. Cần phải biết nhiều, để giải đáp được đúng vấn đề này, cần phải biết thật là nhiều, trong đó có việc cần phải biết xem có phải luôn luôn tình hình là như vậy. Hãy nhớ lại.

Tháng 8-1972 ở Paris có các cuộc đàm phán hòa bình. Mỹ ép buộc Việt Nam rất nhiều, nói một cách đơn giản, những điều kiện không thể chấp nhận được. Tất nhiên là Việt Nam không chấp thuận những điều kiện đó. Thế rồi ra sao? Chiếc dù cui lớn của tôi đâu? Phái đoàn Mỹ rời khỏi Pari và ngay trong tháng 12 cuộc tấn công bằng không quân rất ồ ạt vào Việt Nam lại tiếp diễn. Máy bay xuất phát từ tất cả các căn cứ xung quanh - gần tám trăm máy bay, trong đó có gần hai trăm máy bay B-52. Mỗi chiếc B-52 chở tới 27 tấn bom... đánh vào các khu dân cư?! Ở đây mới thấy được hết sự tàn bạo. Trong 12 ngày đầu đánh phá đã có 81 máy bay bị bắn rơi, có 34 chiếc B-52 Trong đó 31 chiếc B-52 do các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 bắn rơi. Còn thiệt hại của Việt Nam. Bị thiệt hại 13 bộ khí tài tên lửa, nhưng sau hai tuần đã khôi phục lại được và chỉ có một bộ khí tài không thể khôi phục được.

Và cuối cùng suy đi tính lại mãi và lặng lẽ quay trở lại Pari, tại đó Mỹ đã chịu ký Hiệp định trong tháng 1-1973 với sự thất bại thảm hại.

Ba là, về tiền bạc. Đúng, chúng ta đã bỏ ra nhiều, rất nhiều tiền của để giúp Việt Nam. Nhưng hãy nói xem, người phản biện trẻ của tôi, anh đã không tiếc bỏ ra bao nhiêu “tiền của” của chính mình cho thắng lợi của chính nghĩa ở quy mô này? Và đây chính là thắng lợi của chính nghĩa trên phạm vi toàn thế giới. Chẳng lẽ đây lại là một sự mua chuộc? Tôi không tin.

Chỉ tiếc rằng, trong thế kỷ XX này lại có một ngày lễ hội “tràn đầy nước mắt”. Thông thường, sau lễ hội, mây đen sẽ kéo đi và mang theo cái gì đó. Và điều đó có nghĩa là đám mây đen sẽ nhanh chóng tan đi.

Cuối cùng điều phức tạp nhất - về đất nước của chúng ta. Ở đây, anh bạn phản biện trẻ của tôi, gần đúng - trên thực tế chúng ta đã thua. Nhưng trong cuộc chiến nào? Trong cuộc chiến tranh lừa dối, mua chuộc làm bùng lên những bản năng thú vật. Chẳng lẽ chúng ta lại có thể đứng trong cuộc chiến đó, nếu như đội quân thú năm đã bắt đầu ngay từ đầu. Và đội quân này đã được lập ra bằng tiền bạc. Về vấn đề này “anh bạn Bill” phải cay đắng nêu lên trong phiên bế mạc cuộc họp ủy ban thống nhất các tham mưu trưởng ngày 25-12-1995. Thậm chí ông ta đã chỉ định một lượng tiền phải chi tiêu - nhiều triệu đô la. Với số tiền đó có thể mua được bao nhiêu “nhà dân chủ”? Tại đây ông ta đã ca ngợi những lợi nhuận đầu tiên đến lúc đó đã thu được, bằng những kế hoạch chia cắt nước Nga. Một báo cáo rất súc tích. Tôi khuyên mọi người hãy tìm hiểu báo cáo đó, đặc biệt là những người cho đến bây giờ vẫn đeo trên đôi tai mình một sợi mì “dân chủ” của “những người độc lập” với các phương tiện thông tin đại chúng của chúng ta.

Liệu có hổ thẹn không nếu tham gia chơi trong cuộc chiến này? Không - thật cay đắng. Vì sinh vật phá hủy thân thể con người, con người ốm đau và thậm chí có thể chết một cách khổ sở, cay đắng. Nhưng một ai đó khôn ngoan có ý chí, sẽ đặt lên bàn cân một bên là “con người”, còn bên kia là “kẻ chiến thắng” anh ta - dân đen vi sinh vật?

Mátxcova, năm 2000

\*\*\*

# THIẾU TƯỚNG XTUCHILÔP ALÊCHXANĐRƠ IVANÔVÍCH

Ông sinh ngày 18-9-1920 tại tỉnh Cuốcgan.

Gia nhập Hồng quân từ năm 1938. Tham gia chiến tranh Phần Lan và Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Năm 1941, là đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn trượt tuyết ở Leningrát.

Năm 1942, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn bộ binh, sĩ quan tham mưu mặt trận phía Tây.

Năm 1943 học viên Học viện quân sự Phrunde.

Năm 1944, tham mưu trưởng Trung đoàn bộ binh phương diện quân Leningrát.

Năm 1945 - 1946 học viên Học viện quân sự Phrunde.

Từ năm 1947 đến năm 1957 là sĩ quan cao cấp Cục tác chiến, tham mưu phó sư đoàn, trung đoàn trưởng, tham mưu trưởng sư đoàn bộ binh cơ giới Quân khu Duyên hải.

Năm 1958 - 1959 học viên lớp quân sự cao cấp Học viện sĩ quan Quân chủng phòng không mang tên Du cốp.

Từ năm 1959 đến năm 1962, trưởng phòng tác chiến Quân đoàn phòng không Dacápcađơ.

Từ năm 1963 đến năm 1967 tham mưu trưởng Quân đoàn 20 Tập đoàn quân phòng không độc lập số 4.

Từ tháng 8-1968 đến tháng 12-1969 tham gia chiến đấu ở Việt Nam, trưởng đoàn chuyên gia phòng không thuộc Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô.

Từ năm 1970 đến năm 1976, tham mưu phó rồi tham mưu trưởng Tập đoàn quân phòng không độc lập số 4.

Được thưởng Huân chương Chiến tranh giữ nước vĩ đại hạng 1, Huân chương Sao đỏ, Huân chương Lao động Cờ đỏ, "Vì sự nghiệp phục vụ Tổ quốc" hạng III, Huân chương Chiến công hạng II và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam, và 20 huân chương của Liên Xô.

# CUỘC CHIẾN TRANH THỨ BA CỦA TÔI

Năm 1968 tập đoàn quân đội Mỹ ở Đông Nam Á có khoảng 500 nghìn quân. Lực lượng chính của tập đoàn này tập trung ở miền Nam Việt Nam.

Lực lượng không quân Mỹ - 1500 máy bay chiến đấu đặt căn cứ trên 2-3 hàng không mẫu hạm của Binh đoàn không quân xung kích số 77 ở vịnh Bắc Bộ - 200 đến 300 máy bay, ở miền Nam Việt Nam - 800 máy bay, ở Thái Lan - 250 máy bay, ở Philippin - 150 máy bay. Máy bay ném bom chiến lược B-52 ở Thái Lan đậu tại căn cứ không quân Utapao.

Trong suốt các năm 1968 - 1969 thành phần và tập đoàn không quân Mỹ không thay đổi. Ở thời kỳ này các hoạt động chiến đấu có những đặc điểm riêng. Không quân Mỹ tạm ngừng đánh phá vào các mục tiêu Bắc Việt Nam, nhưng lại tích cực hoạt động ở Quân khu 4 (phía nam miền Bắc Việt Nam, trên Vĩ tuyến 17). Khu 4 là một khu vực quan trọng đảm bảo liên lạc với miền Nam Việt Nam, vì vậy không quân Mỹ hoạt động rất tích cực tại đây. Hàng ngày, từ trên các hàng không mẫu hạm nhiều tốp (phi đội) máy bay bay lượn phía ngoài vùng phòng của các tiểu đoàn tên lửa phòng không, đã đánh phá và phóng các tên lửa điều khiển thụ động "Sraico".

Tại Quân khu 4, máy bay Mỹ vẫn thường xuyên tiếp tục sử dụng các loại bom, trong đó có các loại bom từ trường, bom bi đánh vào các trận địa, các khu dân cư, nhất là đường số 1 chạy dọc theo khu vực phía Nam. Bom bi (500 quả trong một trái bom mẹ) được máy bay ném xuống từ độ cao 200-300 mét. Bốn máy bay rải bom bi xuống đường và các khu dân cư dài tới 2.000 - 3.000 mét.

Máy bay, tàu chiến Mỹ đã sử dụng nhiều một cách tích cực và có hiệu quả: nhiều xung phản hồi, nhiều âm thanh tích cực, nhiều thụ động.

Trên màn hình của các phương tiện ra đa, vô tuyến điện có thể quan sát được các nhiễu xạ - hiển thị dưới dạng một số lớn các chấm giả của các mục tiêu trên không, việc đó gây khó khăn hoặc loại bỏ hoàn toàn khả năng phân biệt các chấm đó với các mục tiêu thật.

Nhiều âm thanh tích cực tạo nên một vệt sáng trên màn hình, do đó và làm mất khả năng quan sát mục tiêu.

Nhiều tiêu cực (thụ động) - đó là các dải bằng kim loại mỏng được máy bay tung ra phía trước, dọc theo đường bay. Các dải bằng kim loại này có khả năng phản xạ sóng ra đa rất lớn, lớn hơn nhiều so với máy bay và vì vậy các hệ thống bám sát mục tiêu của bộ khí tài tên lửa "phải quét đi quét lại nhiều lần" để tách các nhiễu đó ra.

Từng chiếc máy bay chiến đấu có đặt thiết bị gây nhiễu chuyên dụng (KS - 135) và các hạm tàu của hải quân Mỹ đi tuần trong vịnh Bắc Bộ đã thả nhiễu.

Các kíp chiến đấu của các tiểu đoàn tên lửa đã có kinh nghiệm đối phó với tên lửa "Sraico": kịp thời phát hiện máy bay phóng tên lửa, quay ăngten sang một bên tránh đường thẳng trực tiếp: tên lửa "Sraico" sau khi được máy bay phóng ra vẫn bay về phía trận địa của tiểu đoàn, ngay lập tức các trắc thủ tắt điện cao thế của ăngten, làm cho "Sraico" mất khả năng tiếp tục bay theo chùm sóng do khí tài tên lửa phát ra. Tên lửa "Sraico" bay sang hướng khác, lệch hướng trận địa của tiểu đoàn, lúc này kíp trắc thủ phóng tên lửa hoặc tiếp tục điều khiển tên lửa đánh chiếc máy bay đã phóng "Sraico".

Tại Quân khu 4, sau khi hất được tên lửa "Sraico" sang một bên, các sĩ quan của đoàn chuyên gia của trung đoàn đã tìm đến được chỗ nó rơi. Một quả tên lửa "Sraico" chưa nổ đã được đưa về Hà Nội, sau đó đưa về Mátxcova.

Máy bay tốc độ cao SR-71 thường bay ở khu vực trung tâm của miền Bắc Việt Nam. Máy bay SR-71 từ căn cứ trên đảo Ôkinaoa của Nhật Bản, bay qua lãnh thổ Việt Nam theo hướng Hải Phòng - Hà Nội và tiếp đó, bay về Thái Lan ở độ cao 24000 mét với tốc độ 3000 km/giờ.

Máy bay không người lái được máy bay vận tải phóng đi từ vịnh Bắc Bộ theo đường bay qua khu vực Hải Phòng, Hà Nội và xuống phía Nam qua Quân khu 4 ở độ cao 200 - 300 mét, tốc độ 1000 km/giờ. Máy bay không người lái có hai camera chụp ảnh, phim rộng 5 mm. Chúng bay cả ban ngày và ban đêm. Trong các chuyến bay đêm, khi chụp ảnh chúng đã dùng đèn chiếu

sáng của bản thân để chụp. Ban ngày và ban đêm các tiểu đoàn tên lửa phòng không chỉ dùng một quả tên lửa để bắn máy bay không người lái. Hiệu quả bắn rất cao.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô về phòng không ở Việt Nam đã hoàn thành hai nhiệm vụ có liên quan với nhau.

- Thứ nhất: đảm bảo hiệu quả và kết quả cao trong việc sử dụng trang bị và kỹ thuật chiến đấu;

- Thứ hai: hàng ngày huấn luyện cho các kíp chiến đấu Việt Nam biết sử dụng thành thạo và độc lập vũ khí trang bị của Liên Xô trong chiến đấu, không cần có sự trợ giúp của chúng tôi.

Bộ tham mưu chuyên gia quân sự về phòng không gồm các sĩ quan được đào tạo tốt, đã qua thực tế, nắm chắc lý thuyết, được điều đến từ các tập đoàn, binh đoàn phòng không, các chuyên gia của các trường bắn, các viện nghiên cứu khoa học và thiết kế, các kỹ sư của ngành công nghiệp.

Để hoàn thành chức trách của các trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô cấp trung đoàn tại Việt Nam, các đồng chí đó đã từng chỉ huy binh chủng tên lửa phòng không cấp quân đoàn và sư đoàn phòng không, các Sĩ quan - chuyên gia của các hệ thống khí tài tên lửa phòng không có kinh nghiệm tốt về lý thuyết và thực tế công tác, đã tham gia bắn tại các trường bắn của chúng tôi.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của các cơ quan tham mưu và tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô là đảm bảo hiệu quả cao trong việc sử dụng khí tài trong chiến đấu và độ bền chắc của vũ khí. Chúng tôi thường xuyên nghiên cứu chiến thuật, phương thức và phương pháp hoạt động chiến đấu của không quân Mỹ, nghiên cứu các phương tiện chiến đấu mới địch đang sử dụng. Điều đó đòi hỏi chúng tôi phải nghiên cứu tìm ra và áp dụng các biện pháp chiến thuật, kỹ thuật và tổ chức mới để giảm bớt hoặc loại trừ được hiệu quả của các phương tiện mới của địch.

Một trong những nhiệm vụ đó là tổng hợp kinh nghiệm chiến đấu, đưa ra được những quyết định và đề xuất mới, trong đó có các kiến nghị về huấn luyện chiến đấu cho các lực lượng phòng không không quân Việt Nam và cả cán bộ chiến sĩ chúng tôi.

Chúng tôi lập tức báo cáo những điều quan trọng nhất mới xuất hiện trong quá trình chiến đấu ở đây về Mátxcova (về Bộ Tổng tham mưu, Tham mưu trưởng Binh chủng phòng không). Còn các vấn đề khác chúng tôi đưa vào các báo cáo chiến đấu, các bản tin tổng hợp, thông báo tác chiến.

Trong những ngày đầu năm 1969, từ Hải Phòng một chiếc ô tô chở đến Đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội thêm một chiếc máy bay không người lái. Khi xem thân chiếc máy bay này thì thấy không có các thiết bị bên trong. Thiếu tá Lê Sơn, Chính ủy trung đoàn tên lửa phòng không gửi cho tôi một bức thư bằng tiếng Nga có nội dung sau:

“Đồng chí Thiếu tướng Xtuchilốp kính mến! Đã lâu rồi chúng tôi không có quà gì gửi cho đồng chí. Mấy ngày qua bọn xâm lược Mỹ chỉ gửi ‘tặng’ chúng tôi xác một chiếc máy bay không người lái, đó là xác chiếc máy bay do Tiểu đoàn 53 của trung đoàn chúng tôi thu được. Chúng tôi xin gửi tặng đồng chí xác chiếc máy bay không người lái đó để làm kỷ niệm. Đây là xác chiếc máy bay không người lái thứ năm do trung đoàn chúng tôi bắn rơi trong những ngày đầu năm 1969. Chúng tôi xin chúc đồng chí giành được nhiều thắng lợi mới trong công tác”.

Vì thực tế chúng tôi không tìm thấy điều gì bổ ích cho mình từ xác chiếc máy bay không người lái đó, chúng tôi đã mở cổng hàng rào Đại sứ quán và sau gần một giờ các chiến sĩ Việt Nam đã đưa được xác chiếc máy bay này để vào nơi làm vật kỷ niệm.

Ít ngày sau chúng tôi cùng với Đại tá Lê Văn Tri (Ле Ван Чи), Tư lệnh Binh chủng phòng không không quân Việt Nam đáp máy bay trực thăng từ Hà Nội xuống Hải Phòng. Tại đây, theo kế hoạch, trong hai trung đoàn tên lửa phòng không có các đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc có một đoàn cán bộ kỹ thuật tên lửa, một đoàn chung.

Chúng tôi đã tổng hợp kết quả công tác ở các trung đoàn trong một buổi tổng kết. Ngày hôm đó, ban chỉ huy sư đoàn đã chiêu đãi chúng tôi một bữa cơm trưa trọng thể, sau đó tại nhiệm

sở của mình chính ủy sư đoàn đã cho chúng tôi xem hai chiếc camera chụp ảnh của chiếc máy bay không người lái bị bắn rơi đêm hôm trước. Một trong hai chiếc camera đó vẫn còn nguyên vẹn. Tôi cầm chiếc camera đó lên và đề nghị đồng chí Lê Văn Tri tặng nó cho tôi để đánh dấu cái đêm chiếc máy bay không người lái bị bắn rơi, tôi đang có mặt ở trung đoàn này. Đồng chí Lê Văn Tri lấy lại chiếc camera từ tay tôi rồi trao lại cho tôi và nói lời cảm ơn đối với các chuyên gia quân sự Liên Xô. Chiếc camera đó đã được chuyển từ Hà Nội về Mátxcova và một thời gian sau chúng tôi nhận được lời cảm ơn của Cục tình báo Bộ Tổng tham mưu, đánh giá cao hiệu quả công tác của đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô và bộ đội phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam.

Việc thay đổi thường xuyên phương thức và các hoạt động của không quân Mỹ đã buộc chúng tôi phải nhanh chóng ứng phó đối với những thay đổi đó, ngoài ra chúng tôi còn phải ra sức vận dụng vào thực tế kinh nghiệm tác chiến đã tích lũy được.

Nhiệm vụ của bộ tham mưu chuyên gia quân sự Liên Xô đối với bộ đội tên lửa phòng không là truyền đạt lại cho các sĩ quan mới sang thay thế những đặc điểm của các hoạt động chiến đấu, tình hình cụ thể của từng trung đoàn và giúp họ nhanh chóng bắt tay vào công việc. Ngoài ra, cũng phải giới thiệu cho họ biết những truyền thống của nhân dân Việt Nam, nói cho họ biết về cách ứng xử trên lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cái chính là nghiên cứu các cải tiến do các chuyên gia ngành công nghiệp đã tiến hành tại đây, ngay tại thực địa. Còn một đặc điểm nữa - ở đây đang sử dụng các bộ khí tài tên lửa thế hệ đầu tiên. Các sĩ quan trẻ không biết được tường tận những đặc điểm của các bộ khí tài này. Vì vậy phải cho họ nghiên cứu tìm hiểu kỹ. Các chuyên gia kỹ thuật tên lửa thuộc Binh chủng tên lửa phòng không đã làm công việc này tại khu "B", cách Hà Nội 30 km. Công việc đòi hỏi phải tiến hành trong mười ngày.

Chúng tôi cũng tiến hành thay đổi về mặt tổ chức cho phù hợp bằng việc thay đổi chuyên gia trong trung đoàn tên lửa phòng không.

Sau khi hết hạn công tác, toàn bộ đoàn chuyên gia của trung đoàn được rời khỏi Việt Nam, một đoàn chuyên gia mới sang thay họ, đôi khi cũng bị muộn. Như vậy, có lúc trung đoàn không có chuyên gia Liên Xô, còn các chuyên gia mới sang không thể bắt tay ngay vào việc thực hiện đầy đủ các chức trách.

Những tháng cuối năm 1968, sau khi trao đổi và chấp thuận đề nghị của chúng tôi về cách thức mới trong việc thay phiên các đoàn chuyên gia cấp trung đoàn của Tổng cục 10 Bộ Tổng tham mưu, chúng tôi đã bắt tay thực hiện việc đó. Trước hết, trong một thời gian nhất định, một nửa đoàn chuyên gia trung đoàn do đoàn trưởng hoặc kỹ sư trưởng dẫn đầu về nước trước, nửa đoàn còn lại tiếp tục ở lại trung đoàn. Sau một thời gian nhất định, đoàn chuyên gia mới sẽ đến thay thế đoàn đã về nước. Sau 10 ngày chuẩn bị ở khu "B", được sự giúp đỡ của nửa đoàn chuyên gia còn lại, đoàn chuyên gia mới có thể hoàn toàn bắt tay vào công tác thực tế. Sau 2-4 tháng, nửa đoàn còn lại sẽ được nửa đoàn mới sang thay thế. Mấy tháng sau những đề nghị của chúng tôi đã được thực tế xác định là đúng.

Đến năm 1968 bộ tham mưu của chuyên gia quân sự phòng không Liên Xô đã soạn thảo xong các khuyến nghị riêng về sử dụng trạng bị khí tài và duy trì trạng bị khí tài trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Tất cả các khuyến nghị đó đã được chuyển cho Bộ Tư lệnh Binh chủng phòng không không quân Việt Nam. Đáng tiếc, các kíp chiến đấu và các cơ quan tham mưu thường không vận dụng các khuyến nghị đó vào thực tế hoặc có vận dụng nhưng rất chậm. Đôi khi các chuyên viên Việt Nam không biết cách sử dụng các tài liệu đó. Tình hình truyền đạt và tiếp nhận các khuyến nghị như vậy, cả về phía Việt Nam, cả về phía chúng tôi đều chưa khắc phục được.

Tất nhiên, chúng tôi cũng hiểu được rằng trong thời gian tác chiến rất khó có thể tổ chức và tiến hành được việc nghiên cứu có kết quả những nguyên nhân thất bại, sự vi phạm một số quy tắc kỹ thuật, không thể nhanh chóng đề ra được những khuyến nghị và vận dụng các khuyến nghị đó một cách linh hoạt, vì vậy chúng tôi đã thay đổi cách thức truyền đạt và vận dụng các khuyến nghị của chúng tôi.



Khi cần áp dụng một cái gì mới và quan trọng vào thực tế chúng tôi đã giao nhiệm vụ cho các đoàn chuyên gia trung đoàn và đoàn kỹ sư tên lửa nghiên cứu vấn đề đó. Trong buổi giao ban tháng tới chúng tôi sẽ xem xét nội dung các khuyến nghị, đề ra các cách giải quyết cụ thể đối với các khuyến nghị đó và giao nhiệm vụ cho tất cả các đoàn chuyên gia trung đoàn bắt đầu vận dụng các khuyến nghị đó bằng việc huấn luyện cho cán bộ chiến sĩ của trung đoàn.

Quan hệ giữa các chuyên gia quân sự Liên Xô với Bộ Tư lệnh phòng không quân Quân đội nhân dân Việt Nam, với các cấp chỉ huy, với cán bộ chiến sĩ các trung đoàn rất thân thiện, nhưng cũng có những hiện tượng ngoài mong muốn do nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra.

Như đầu năm 1968, tại Trung đoàn tên lửa phòng không 236 (trung đoàn được thành lập đầu tiên) có ba tiểu đoàn tên lửa phòng không và một tiểu đoàn kỹ thuật được phong danh hiệu "Anh hùng", ban chỉ huy trung đoàn (có thể quyết định này đã được Bộ Tham mưu phòng không quân Quân đội nhân dân Việt Nam phê chuẩn) đã quyết định, sau ba năm liên tục tham gia chiến đấu họ có thể tự duy trì vũ khí trang bị của trung đoàn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu và có thể tiến hành chiến đấu có kết quả? không cần sự giúp đỡ của các chuyên gia quân sự Liên Xô.

Sau khi khước từ sự giúp đỡ của các chuyên gia quân sự Liên Xô, trung đoàn đã bắn một - hai lần có kết quả, sau đó cả bốn tiểu đoàn bắt đầu một loạt các lần bắn không có kết quả. Ban chỉ huy trung đoàn nhiều lần từ chối đề nghị của đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô về việc phải sửa chữa những hỏng hóc và hiệu chỉnh các bộ khí tài tên lửa. Các dịp chiến đấu của các tiểu đoàn và chuyên gia của trung đoàn định tự mình tiến hành hiệu chỉnh các bộ khí tài tên lửa.

Kết quả của việc tiến hành "cuộc thí nghiệm" đó tại trung đoàn là các bộ khí tài tên lửa đã không có khả năng chiến đấu, mỗi tiểu đoàn đã bắn hai - ba lần không có kết quả, toàn trung đoàn đã bắn trên mười lần.

Sau mỗi lần tiểu đoàn bắn không có kết quả, đoàn chuyên gia trung đoàn lại đề nghị cho kiểm tra và hiệu chỉnh máy móc. Những đề nghị đó vẫn không được chấp nhận.

Tình hình đó làm cho cán bộ, chiến sĩ các tiểu đoàn mất lòng tin vào khả năng chiến đấu của vũ khí Liên Xô, chúng tôi không thể bỏ mặc việc đó và đã đề nghị Bộ Tư lệnh Binh chủng phòng không quân Quân đội nhân dân Việt Nam phải lập tức kiểm tra trạng thái kỹ thuật của các bộ khí tài tên lửa của trung đoàn và dùng lực lượng chuyên gia quân sự Liên Xô tiến hành hiệu chỉnh máy móc. Các chuyên gia Liên Xô - các kỹ sư tên lửa trung đoàn làm việc ở ba tiểu đoàn, còn các kỹ sư của bộ tham mưu chuyên gia quân sự Liên Xô về phòng không quân thì làm việc ở tiểu đoàn thứ tư.

Trong cuộc họp tại trung đoàn do đồng chí Lê Văn Tri, Tư lệnh Binh chủng phòng không quân chủ trì, Đại tá N. I. Rumianxép, Trưởng đoàn kỹ thuật tên lửa và Đại tá M. I. Crulóp, Trưởng đoàn chuyên gia ở trung đoàn đã báo cáo về kết quả làm việc.

Sau khi tiến hành kiểm tra và chỉnh lại các bộ khí tài tên lửa, mỗi tiểu đoàn của trung đoàn tên lửa phòng không đã bắn một lần. Đã bắn rơi được bốn máy bay Mỹ.

Qua kiểm tra và làm việc ở Trung đoàn 1 cho thấy rằng các kỹ sư Liên Xô và kỹ sư Việt Nam, về nhiều vấn đề đã có những cách nhìn nhận khác nhau đối với các chỉ số và dung sai cho phép quyết định trạng thái sẵn sàng chiến đấu của bộ khí tài tên lửa. Vì vậy, chúng tôi lập tức thảo ra mục lục các chỉ tiêu dung sai có thể cho phép xác định mức độ sẵn sàng về mặt kỹ thuật của bộ khí tài tên lửa (phần vô tuyến điện, phần điện tử của tên lửa v.v.).

Chúng tôi đã trao tài liệu đó cho Bộ tham mưu phòng không quân và Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô ở các trung đoàn để chỉ đạo khi hiệu chỉnh các bộ khí tài tên lửa và để huấn luyện cho các kíp trắc thủ của các tiểu đoàn. Chúng tôi cũng đề cập đến việc bắt buộc phải có sự cùng tham gia của chuyên gia quân sự Liên Xô trong việc hiệu chỉnh các bộ khí tài tên lửa.

Sau khi làm việc xong ở Trung đoàn 1 chúng tôi đã tiến hành công tác của đoàn chuyên gia tại trường kỹ thuật quân sự, nơi đào tạo hạ sĩ quan cho binh chủng tên lửa phòng không. Trường đóng ở trong rừng, thuộc khu vực thị xã Lạng Sơn, gần biên giới Trung Quốc. Đoàn

chuyên gia Liên Xô gồm các sĩ quan - giáo viên của các trường quân sự của chúng tôi do Đại tá N. K. Xukhnô phụ trách.

Tại đây chúng tôi đã kiểm tra việc tổ chức quá trình học tập, đã có một số thay đổi đối với chương trình học tập có tính đến kinh nghiệm đã rút ra tại Trung đoàn 1, đã khắc phục một số sai sót trong việc tổ chức học tập.

Các đồng chí Việt Nam hàng ngày đã thấy và trong công việc đã khẳng định được rằng các chiến sĩ Xôviết đang hoàn thành một cách trung thực nghĩa vụ quốc tế của mình, phục vụ hết lòng hết dạ và dũng cảm cho sự nghiệp đấu tranh chống quân xâm lược, thể hiện tình cảm hết sức quý trọng đối với nhân dân và các chiến sĩ Việt Nam.

Các sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Xôviết hàng ngày chịu đựng những nguy hiểm và sống trong những điều kiện khí hậu khắc nghiệt, đã dũng cảm và quên mình hoàn thành chức trách của mình. Đó là các sĩ quan thuộc Bộ tham mưu phòng không: Đại tá N. V. Abramốp, E. M. Antônốp, N. I. Rumianxép, Đ. N. Chécnu-sép, L. V. Xôlômin, G. V. Đriga, R. A. Barocốpxki, E. I. Pôlivaicô, B. A. Vôrônốp; Trung tá: P. A. Sác-sátkin, A. N. Sumacốp, I. A. Canavin, B. A. Vinacurốp, I. Ia. Macarencô, P. I. Xamôilencô. Các trưởng đoàn chuyên gia tại các trung đoàn tên lửa phòng không: Đại tá M. I. Crulốp, V. I. Lêbêđép, A. N. Ivanốp, V. N. Cônkin, A. P. Xmironốp, V. I. Giuravlép, V. X. Taraxencô, V. P. Côtômốp, A. I. Đmitriép, V. G. Tatannốp, Iu. K. Labutin, I. I. Êcmôlencô, v.v..

Chuyên gia chúng tôi ở trong các lán bằng tre nứa hay trong các đình chùa của đạo Phật. Mỗi đoàn chuyên gia chúng tôi có một máy phát điện cơ động và một máy chiếu phim mang từ Liên Xô sang. Phòng giao tế (ngoại vụ) đảm bảo cho đoàn những điều kiện tối cần thiết - ăn uống, chỗ ở và xe cộ đi lại. Anh em chúng tôi trả tiền ăn bằng tiền Việt Nam đồng.

Lương thực thực phẩm phần chính là gạo, thịt bò, thịt trâu, mỡ lợn, các loại rau xanh, trong đó có cả măng (tre non), đó là món ăn thứ nhất.

Khí hậu nóng bức chiếm tới ba phần tư thời gian trong năm và ẩm ướt suốt năm - người phương Bắc chúng tôi khó chịu nổi. Ban ngày mồ hôi nhễ nhại đầy người, về đêm thì ẩm ướt. Chỉ cần căng thẳng một chút là đã dẫm mồ hôi. Chúng tôi thường có câu nói bông đùa "Ma đăm không có, mồ hôi có, tình thần cao".

Trong thời gian ở Việt Nam chúng tôi đã phải đi công tác rất nhiều, khắp đất nước và ở nhiều nơi, vì anh em chúng tôi đã tham gia chiến đấu tại các trung đoàn tên lửa phòng không trên toàn lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. Các cuộc tiếp xúc với anh em chúng tôi tại các địa phương, với các cán bộ chỉ huy trung đoàn và tiểu đoàn Việt Nam đã tạo cho chúng tôi khả năng giải quyết được nhiều vấn đề cấp thiết và tác động tốt đến công việc.

Việc tổ chức các chuyến đi công tác, đặc biệt là vào Quân khu 4, có những phức tạp nhất định. Thường đi vào đó phải mất 2 ngày hoặc 2 đêm, mà phải đem theo mọi thứ: lương thực, thực phẩm, nước, nhiên liệu và thậm chí cả củi để nấu cơm. Ngoài ra, đoạn đường lại dài, nhiều phà qua sông, đường bị bom đạn làm hư hỏng nặng, chúng tôi rất mệt mỏi. Cũng không loại trừ khả năng bị rơi vào các trận ném bom đánh phá của máy bay Mỹ.

Từ những ngày đầu cùng công tác với Đại tá Lê Văn Tri, Tư lệnh Binh chủng phòng không không quân Việt Nam, chúng tôi đã tạo được các mối quan hệ công tác tốt đẹp và hoàn toàn hiểu biết lẫn nhau. Chúng tôi đã giải quyết được nhiều vấn đề trong các buổi làm việc trực tiếp - Lê Văn Tri nói tiếng Nga tốt.

Các buổi gặp và làm việc đã diễn ra theo thời gian có hẹn trước, thường là một - hai lần trong một tháng; nhưng thường diễn ra theo sự đề xuất của một trong hai bên, còn có các buổi làm việc thêm. Các buổi gặp và làm việc thêm thường diễn ra tại các trận địa hay các sở chỉ huy và bao giờ cũng có kết quả.

Trong các buổi làm việc với đồng chí Lê Văn Tri (nhất là trong những tháng đầu cùng làm việc) đã có hiện tượng như thế này: khi chúng tôi đề xuất ra điều gì mới, các đồng chí Việt Nam lại nói về các kiến nghị cũ. Trong những trường hợp đó, chúng tôi đã giải thích rằng những thay đổi này là do việc người Mỹ sử dụng các phương tiện đánh phá mới, do những thay đổi

trong chiến thuật của địch gây ra hoặc do những cải tiến mới của các nhà công nghiệp chúng tôi tiến hành, nhưng mới kết thúc, tạo ra.

Chúng tôi thường tổ chức các chuyến đi công tác chung với đồng chí Lê Văn Tri xuống các đơn vị bộ đội. Tại đó, chúng tôi đã tổ chức các cuộc cùng kiểm tra tình trạng kỹ thuật của vũ khí và giải quyết được nhiều vấn đề thực tế.

Các cuộc gặp gỡ và làm việc của tôi với Đại tá Phùng Thế Tài, Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam chuyên trách Binh chủng phòng không không quân thường xuyên diễn ra. Tại các buổi làm việc này chủ yếu là trao đổi thông tin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh mất ngày 2-9-1969. Ngày 6-9 đoàn đại biểu Liên Xô do đồng chí A. N. Côxughin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô dẫn đầu đã đến Hà Nội để dự lễ tang.

Tang lễ trọng thể đã được tổ chức sáng ngày 9-9 tại Hà Nội, trên Quảng trường Ba Đình.

Tối ngày 9-9, trước khi rời Hà Nội về nước, đồng chí Côxughin và các thành viên khác trong đoàn đã gặp lãnh đạo Đại sứ quán và Ban chỉ huy đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, gồm Thiếu tướng A. I. Xtuchilốp, Thiếu tướng không quân E. N. Anchipherốp và Đại tá A. M. Trômbachép.

Đồng chí A. N. Côxughin nói rằng, đồng chí muốn nghe các đồng chí quân sự báo cáo. Tôi đã tự giới thiệu và báo cáo là đang phụ trách đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô về phòng không và báo cáo về ba vấn đề:

- Những nhiệm vụ chuyên gia quân sự Liên Xô phải thực hiện;

- Làm mọi cách để chứng tỏ được ở đây trang bị vũ khí của chúng ta và hiệu quả của việc sử dụng trang bị vũ khí;

- Mối quan hệ của chúng tôi với các đồng chí Việt Nam.

Cuối tháng 9-1969 chúng tôi nhận được chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu Liên Xô đề nghị phải thông báo qua các phương tiện thông tin về một số vấn đề nêu trong chỉ thị.

Đồng thời cũng nhận được chỉ thị cho các tướng B. A. Xtônnhicốp, A. I. Xtuchilốp, E. N. Anchipherốp, cùng về Mátxcova với Đại sứ đặc mệnh toàn quyền I. X. Sécbacốp.

Ở Mátxcova, tại Bộ Tổng tham mưu, chúng tôi đã báo cáo với Nguyên soái Liên Xô N. V. Dakharốp, Tổng Tham mưu trưởng, Đại tướng X. A. Xôcôlốp, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng, Thượng tướng I. P. Đagaép, Tổng cục trưởng Tổng cục 10 về tình hình trên chiến trường và tình hình công việc của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam.

Ngày 14-10-1969, chúng tôi lại rời Mátxcova sang nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tháng 12-1969 nhân việc tôi hết nhiệm kỳ công tác ở Việt Nam trở về nước, các đồng chí Việt Nam đã tổ chức chiêu đãi trọng thể. Tại cuộc chiêu đãi, Thiếu tướng Trần Sâm, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đã phát biểu.

Trong bài phát biểu của mình, trước hết Thiếu tướng Trần Sâm nói về vai trò của Đảng và chính phủ Liên Xô trong việc giúp đỡ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cuộc chiến đấu chống Mỹ xâm lược. Trước đây các nhà lãnh đạo Việt Nam chỉ nói đến sự giúp đỡ của nhân dân Liên Xô.

Đây là một số đoạn trích trong lời phát biểu của đồng chí Trần Sâm:

“Cho phép tôi thay mặt Bộ Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhiệt liệt chúc mừng và thành thật cảm ơn Thiếu tướng Xtuchilốp về việc đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ do Đảng và Chính phủ Liên Xô giao phó trong việc giúp đỡ binh chủng tên lửa phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh của chúng tôi chống đế quốc Mỹ.

Trong thời gian công tác tại Việt Nam, đồng chí Xtuchilốp đã cùng chia sẻ với chúng tôi những khó khăn lớn đã thể hiện tác phong làm việc hết mình, đã mang hết sức mình để chỉ đạo các chuyên gia phòng không giúp họ hoàn thành nhiệm vụ của mình. Đồng chí thường xuyên trao đổi với Bộ Tư lệnh phòng không không quân nhiều ý kiến quý giá về các vấn đề khác nhau nhằm mục đích không ngừng nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu và khả năng chiến đấu của họ, đồng chí đã đóng góp vào việc phát triển Binh chủng tên lửa phòng không non trẻ của

chúng tôi.

Nhân dịp này, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô về việc không ngừng giúp đỡ to lớn và có hiệu quả đối với nhân dân Việt Nam trong công cuộc bảo vệ miền Bắc Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống Mỹ xâm lược, để giải phóng miền Nam Việt Nam và thống nhất đất nước”.

Đại sứ Liên Xô Iliia Xécgêêvích Sécbaeốp đã chuyển toàn văn lời phát biểu của Thiếu tướng Trần Sâm (đã dịch ra tiếng Nga) về Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô: Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Bộ Ngoại giao Liên Xô, và nhấn mạnh rằng điều đó đã nói lên nhiều điều.

Thành phố Craxnôdnamenxcơ, năm 2003

\*\*\*

# ĐẠI TÁ SÁCSÁTKIN PIỐT ANĐRÊÊVÍCH, Phó tiến sĩ khoa học kỹ thuật.

Ông sinh ngày 14-2-1926 tại thành phố Pôntava.

Sau khi giải phóng Ucraina năm 1943 ông học tại trường Trung cấp kỹ thuật đường sắt Đnhéprôpêtorôpxki: nhưng chưa tốt nghiệp, ông đã tình nguyện tham gia Hồng quân và được biên chế về Tiểu đoàn huấn luyện số 1 của Trung đoàn bộ binh dự bị 163.

Năm 1948 ông tốt nghiệp Trường sĩ quan pháo binh Đnhéprôpêtorôpxki và tiếp tục phục vụ với chức vụ chỉ huy trung đội trinh sát của trung đoàn pháo binh ở thành phố Beluri Chécôp.

Năm 1959, ông tốt nghiệp Học viện vô tuyến điện pháo binh Kháccôp.

Từ năm 1959 đến năm 1975 ông công tác tại Viện Nghiên cứu khoa học số 2 Bộ Quốc phòng Liên Xô. .

Từ tháng 10-1968 đến tháng 8-1969, ông tham gia chiến đấu ở Việt Nam với chức vụ Trưởng nhóm chuyên gia tác chiến điện tử.

Ông được thưởng 14 huy chương, trong đó có hai Huy chương Chiến công và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# CHIẾN TRANH ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM

Khi nói về khái niệm “chiến tranh” chúng ta thường liên tưởng đến việc bắn súng, các vụ nổ, các cuộc ném bom bắn phá, đến sự chết chóc, đến việc tàn phá các khu dân cư phá hủy trang bị kỹ thuật của các bên tham chiến và việc mỗi bên đều tìm cách phòng tránh sự thiệt hại. Tất cả những điều đó đều diễn ra tại Việt Nam trong những năm Mỹ xâm lược chống lại đất nước này từ năm 1964 đến 1973.

Nhưng, ngoài những sự việc nêu trên, cuộc chiến tranh ở Việt Nam còn có một đặc điểm nổi bật, đó là sử dụng rộng rãi các phương tiện vô tuyến điện tử, một mặt để tăng hiệu quả của phương tiện đánh phá, và mặt khác, để bảo vệ một cách chắc chắn chống lại các phương tiện đó và tăng hiệu quả tối đa trong việc tiêu diệt chúng.

Tính đến điều đó, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ tại Việt Nam đã đề ra một loạt các biện pháp nhằm hạ thấp khả năng chiến đấu của các phương tiện tác chiến điện tử của Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống lại không quân Mỹ, không chỉ bằng việc tiêu diệt các phương tiện đó mà cả bằng việc dùng các loại nhiễu vô tuyến điện để chế áp.

Ảnh chụp trên máy bay cho thấy rõ đài điều khiển tên lửa của tiểu đoàn tên lửa phòng không X-75 bị phá hoại sau khi bị tên lửa tự dẫn “Sraico” bắn trúng. Trên một tấm ảnh sau cho thấy một thời điểm nhiễu vô tuyến điện tác động vào đài điều khiển tên lửa (hiện trên màn hiển thị của sĩ quan điều khiển).

Song song với các cuộc chiến tranh thông thường là cuộc chiến tranh vô tuyến điện tử. Để nghiên cứu các phương tiện và phương thức tiến hành cuộc chiến tranh này và để đưa ra các kiến nghị về phòng tránh cho các phương tiện vô tuyến điện tử của Quân đội nhân dân Việt Nam trước các loại nhiễu và duy trì được khả năng chiến đấu của các phương tiện đó trong cuộc chiến đấu với không quân Mỹ, các chuyên gia chuyên ngành của Liên Xô đã sang Việt Nam công tác.

Trong suốt thời gian dài tác chiến, các loại nhiễu đã được các trắc thủ của các kíp chiến đấu nghiên cứu qua hình ảnh trên các màn hiển thị của các phương tiện tác chiến điện tử. Kết quả quan sát đã cho phép kíp thời đưa ra những kiến nghị để cải tiến kỹ thuật các hệ thống của đài điều khiển tổ hợp tên lửa phòng không X-75 và thường xuyên hoàn thiện các quy tắc phóng tên lửa.

... Để tránh sự ảnh hưởng của các loại nhiễu đó hoặc chí ít làm yếu chúng, cần phải có các quyết sách độc đáo về mặt kỹ thuật.

Cần phải nghiên cứu một cách tỉ mỉ đặc điểm của các loại nhiễu, điều này chỉ có thể làm được nhờ máy chuyên dụng. Tháng 5-1968, một đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô chuyên trách do Trung tá Vích to Xécghêvích Kixêlêp dẫn đầu đã sang Việt Nam. Đoàn đã đem sang một bộ khí tài kỹ thuật cần thiết và triển khai bộ khí tài đó ở khu vực không quân Mỹ hoạt động tích cực nhất. Trong một thời gian ngắn chúng tôi đã huấn luyện cho các chuyên viên và một khẩu đội Việt Nam do Thiếu tá Đỗ Văn phúc (До Ван Фук) phụ trách sử dụng chiếc máy đó.

Tháng 10 năm đó tác giả của bài viết này đã sang thay đoàn trưởng V. X. Kixêlêp.

Do không còn liên hệ tác chiến với phân đội của Đỗ Văn Phúc, trong khi các hoạt động của không quân Mỹ được sự yểm trợ của các loại nhiễu vẫn tiếp tục, nên việc nghiên cứu nhiễu tiếp tục được tiến hành thông qua việc quan sát trên màn hình của các thiết bị vô tuyến điện tử. Trong tất cả các trường hợp quan sát, mối quan tâm nghề nghiệp của người quan sát chỉ được thỏa mãn khi trên không đang xuất hiện máy bay đang đánh phá dưới sự yểm trợ của các loại nhiễu vô tuyến điện và khi người quan sát ở ngay tại màn hiển thị của các phương tiện vô tuyến điện tử.

Đường tới địa điểm đóng quân của tiểu đoàn tên lửa phòng không, nơi chúng tôi dự định quan sát quá trình chiến đấu của kíp chiến đấu trong điều kiện không quân Mỹ gây nhiễu là một con đường dài và rất xấu. Tiểu đoàn bố trí trên một bãi đất phẳng vùng trung du, cách rất xa các con đường cái để đi. Tốc độ của xe là 10 - 20 km/giờ. Mấy chiếc bánh của chiếc xe GAS-

69 cuốn bụi dày đặc, gió hất bụi vào đầy người chúng tôi: ngọt ngọt, đường đường nhiều ổ gà xóc kinh người: nhiều lần xe hất tung người chúng tôi lên: đầu đập cả vào khung sắt của mũi bạt, mồ hôi chảy lòng ròng, quỵện với bụi chảy xuống cổ, chui cả vào mắt, làm cho cả mắt và da đều bị ngứa.

Còn mấy kilômét cuối cùng chúng tôi phải đi bộ lách qua các lùm cây rậm rạp. Xe phải dừng lại dưới tán một cây cổ thụ. Tiếp đó chúng tôi đi theo đồng chí phiên dịch: vì chỉ có anh ấy mới biết hướng đi, chúng tôi lò dò đi theo một con đường mòn hẹp, chen chúc giữa các lùm cây nhiệt đới, lúc này chúng tôi phải bám thật sát nhau, không dám rời một bước. Một lúc sau: sau cái lùm cây bất ngờ xuất hiện mấy chú bé người địa phương. Chúng thầm thì gì đó với nhau và đi theo sau chúng tôi, cách trận địa độ 2-3 mét. Anh em bộ đội bảo vệ trận địa không cho chúng đi tiếp.

Các chiến sĩ tên lửa vui vẻ đón tiếp chúng tôi như những người khách quý: họ giới thiệu các sĩ quan trong kíp chiến đấu, mời chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn được che bằng bạt, mời chúng tôi uống chè tươi rất thơm. Trong khi uống nước chúng tôi đã nói chuyện về tình hình trên không và công tác chiến đấu. Được biết, tiểu đoàn đã bắn rơi một số máy bay không người lái và một máy bay của hải quân Mỹ.

Thời gian này Mỹ đã tăng cường do thám miền Bắc Việt Nam bằng các máy bay do thám siêu âm SR-71. Các phương tiện ra đa vô tuyến điện của tiểu đoàn nhiều lần phát hiện và bám sát được máy bay SR-71: đã hai lần bắn nhưng cả hai lần bắn đều không có kết quả - máy bay bay ở ngoài tầm hỏa lực.

Các tiểu đoàn tên lửa phòng không khác cũng nhiều lần bắn máy bay SR-71. trong những điều kiện tưởng như rất thuận lợi, nhưng đều không kết quả. Máy bay này thường được hộ tống bằng việc gây nhiễu hoặc là ở ngoài phạm vi của đất nước, hoặc là từ máy bay trực tiếp phát ra. Nhưng nhiễu cũng không ảnh hưởng quyết định đến kết quả phóng tên lửa. Nguyên nhân chính của các lần phóng tên lửa không thành công là máy bay thường bay với tốc độ cao và luôn cơ động, sau khi tên lửa phóng ra, máy bay đã kịp cơ động và ra khỏi tầm hỏa lực của tên lửa phòng không.

Cuộc chuyện trò của chúng tôi bị gián đoạn bởi một tín hiệu báo động: trong vùng quan sát của trạm ra đa đã phát hiện có một mục tiêu trên không. Cán bộ chiến sĩ kíp chiến đấu vội lao ngay ra các bệ phóng chiếm lĩnh vị trí chiến đấu trong các cabin của đài chỉ huy, ngồi trước các màn hình và các bàn điều khiển. Chúng tôi vội tới ngay các màn hình của sĩ quan điều khiển, ngay lập tức trên các màn hình xuất hiện các dải nhiễu nhe. Trên nền của các dải nhiễu đó đã quan sát được một vệt sáng rõ của mục tiêu. Rõ ràng, đây là máy bay do thám không người lái. Nhưng tiểu đoàn trưởng quyết định không bắn vì mục tiêu sắp vượt ra ngoài tầm hỏa lực của tiểu đoàn.

Ngồi trong xe chỉ huy đóng kín với tâm trạng chờ trận đánh, đặc biệt là trong lúc địch đang đánh phá, khi trên màn hình có thể quan sát thấy chấm sáng của mục tiêu cùng với các dải nhiễu, đòi hỏi phải có một sức kiên trì chịu đựng rất cao. Cần phải có sức chịu đựng đó không phải là do sự chật chội bức bối và nhiệt độ cao trong cabin (trên 50oC), mà còn do không rõ ý đồ của các máy bay địch định đánh vào trận địa này hay vào các khí tài kỹ thuật được bố trí trên trận địa.

Qua kết quả phân tích nhiều số liệu đặc trưng cho quỹ đạo bay (đường bay) của mục tiêu và hoạt động chiến đấu của tiểu đoàn tên lửa bên cạnh, đã xác định được rằng mục tiêu được chúng tôi phát hiện trên màn hình và bám sát thì ở độ cao 10 km và đã lọt vào vùng hỏa lực của tiểu đoàn bạn và đã bị tiểu đoàn bạn (láng giềng) bắn rơi. Đó đích thực là máy bay trinh sát không người lái. Đã phát hiện thấy xác của chiếc máy bay đó cách tiểu đoàn 16 - 18 km.

Máy bay địch gây nhiễu cho hoạt động của bộ khí tài tên lửa bay ở cự ly cách tiểu đoàn gần 100 km.

Khi trở về chúng tôi khởi hành vào lúc trời bắt đầu tối. Bóng đêm buông xuống rất nhanh. Các đèn pha được che bằng mấy tấm tôn ngụy trang, chỉ quét trên mặt đường một vệt sáng rất hẹp. Dưới ánh đèn pha rất hẹp đó, chẳng trông thấy gì trên con đường trước mặt. Tốc độ trong

đêm tối chỉ độ 7 - 10 km/giờ. Mặc dù có chậm nhưng vẫn đi được.

Bằng cách này hay cách khác, phải vượt qua mọi khó khăn và một loạt những hạn chế về mặt hành chính sự vụ, chúng tôi phải đúc kết được các số liệu về nhiều, không phải chỉ bằng máy móc chuyên dụng mà cả bằng các phương thức tự tạo.

Việc phân tích kết quả quan sát bằng mắt và đo đạc các nét đặc trưng của nhiều bằng máy móc đã giúp tác giả xác định được cơ chế tác động của nhiều đối với hệ thống bám sát mục tiêu, dẫn đến làm cho tên lửa phóng ra không đạt hiệu quả.

Văn bản về cơ chế tác động của nhiều đã được chuyển cho các công trình sư của các đài chỉ huy điều khiển bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 và Đại tá Lê Văn Tri, Tư lệnh Binh chủng phòng không không quân Quân đội nhân dân Việt Nam.

Theo đề nghị của Thiếu tá Đỗ Văn Phúc chúng tôi đã tổ chức các buổi học để nâng cao nghiệp vụ cho các chuyên viên Việt Nam. Nội dung học tập đã được thảo luận và được trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô ở Việt Nam (Tướng B. A. Xtônhicốp và A. I. Xtuchicốp) phê chuẩn.

Buổi học đầu tiên đề cập đến các yếu tố mấu chốt của thuyết xác suất, bao gồm cơ sở của quá trình phân tích các vấn đề, do phía Việt Nam đặt ra. Buổi học đầu tiên rất hấp dẫn đối với học viên - các sĩ quan phòng khoa học quân sự Bộ Tư lệnh phòng không không quân Quân đội nhân dân Việt Nam. Nhưng sau khi kết thúc buổi học lãnh đạo đoàn chuyên gia đã nói với tôi rằng có thể không cần đề cập tới chuyên đề này, bởi vì trong những điều kiện đang diễn ra cuộc chiến đấu ác liệt với bọn xâm lược Mỹ, đối với các sĩ quan Việt Nam trước hết phải có những kiến thức thực tế đảm bảo cho việc nâng cao hiệu quả các lần phóng tên lửa trong những điều kiện bị địch gây nhiễu, chứ không phải là lý thuyết.

Mặc dù phía Việt Nam có những nhận xét trái ngược nhau về việc tiếp nhận chuyên đề này của chúng tôi, hơn nữa, sau này chuyên đề đó được tiếp tục bằng các buổi học sau chỉ đề cập tới việc trao đổi kinh nghiệm và trao đổi những kỹ năng thực tế trong việc phân tích các tín hiệu do máy móc chuyên dụng nhận được.

Đến lúc này, kết quả công việc của đoàn chúng tôi là đã xác định được cơ chế hình thành, xác định được cơ chế chính xác và "công nghệ" tác động của nhiều do máy bay SR-71 phát ra để đánh vào máy móc của bộ khí tài tên lửa phòng không. Tại một buổi học chúng tôi đã truyền đạt cho các chuyên gia Việt Nam những thông số này.

Tác giả đã thực hiện gần 50 giờ giảng dạy cho các chuyên viên Việt Nam. Các buổi học này cũng được tổ chức trong các buổi họp tổng kết thường kỳ của chuyên gia quân sự Liên Xô.

Trong đoàn Việt Nam có 18 - 20 sĩ quan, phần lớn trước đây đã học tập tại các nhà trường của Liên Xô nhưng chưa học xong đã được gọi về nước để tham gia kháng chiến chống quân xâm lược Mỹ. Các học viên rất chăm chú học tập: đưa ra nhiều câu hỏi về nội dung của các buổi học. Thiếu tá Đỗ Văn Phúc nói rằng sau khi nghiên cứu các giáo án của các bài giảng: lãnh đạo Bộ Tư lệnh phòng không không quân Quân đội nhân dân Việt Nam định dùng tài liệu đó in thành sách giáo khoa để huấn luyện cho các chuyên gia Việt Nam.

Trong số những người thường xuyên tham gia các buổi học tập và quan tâm nhiều đến các vấn đề được đưa ra thảo luận có Thiếu tá Đỗ Văn Phúc, Thượng úy Hùng (Хун), phó của đồng chí Phúc: các sĩ quan Hiền, San, Dục, Mạnh (Хиен, Шан, Зук Мань) (rất tiếc không nhớ được đủ tên họ của các đồng chí đó), Đặng Đình Vinh (Данг Динь Винь). Phan Thuận (Фан Тхуан), Trần Xuân Hiến (Чан Хуан Хиен), Hoàng Văn Hoa (Хоанг Ван Хоа) v.v.

Năm 1972: Thượng úy Hùng đã được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vì đã anh dũng chiến đấu. Ngày 5-8-1990 tại Mátxcova, trong buổi họp mặt của những người đã tham gia chiến đấu ở Việt Nam, tôi đã gặp Đỗ Văn Phúc: lúc này mang quân hàm Đại tá, đảm nhận chức Tuỳ viên quân sự, hải quân và không quân trực thuộc Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên Xô. Cuộc gặp mặt rất vui vẻ và thắm thiết.

Những kết quả làm việc của các chuyên gia quân sự Liên Xô trong lĩnh vực chiến tranh vô tuyến điện tử ở Việt Nam được tổng hợp nêu lên trong giáo trình chuyên môn do Bộ Quốc



phòng Liên Xô ấn hành dùng trong các nhà trường của Binh chủng phòng không Liên Xô.

Năm 1972, trong cuộc thi các tác phẩm khoa học quân sự của Bộ Quốc phòng Liên Xô mang tên M. V. Phrunde, cuốn giáo trình này đã được giải về chuyên đề này (giải nhất là tác phẩm của Bộ Tổng tham mưu Bộ Quốc phòng Liên Xô). Hiện nay giáo trình này được dùng trong các chuyên khoa tại các nhà trường quân sự.

Tôi xin có đôi lời về cuộc sống và làm việc ở đây. Trong một buổi lên lớp, sau khi xong phần mở đầu, đa số học viên gục đầu xuống tập tài liệu, rồi ngủ thiếp đi. Nguyên nhân là đêm qua trời rất nóng, nhiệt độ không hề tụt xuống +43oC. Đêm đó tôi ở trên tầng 4 khách sạn Kim Liên và nhiều lần tỉnh dậy vì rất khó thở, mồ hôi đầy mặt, cổ và ngực. Đồng chí phiên dịch nói “còn chúng tôi nằm dưới tầng 1 và suốt đêm chẳng ngủ được chút nào”, cuối cùng phải cho hoãn buổi học.

Không khí nóng bức bao phủ toàn thân thể con người ngay sau khi ra khỏi máy bay, sau khi họ đến Việt Nam từ những vĩ tuyến Bắc, nó có tác dụng tốt đến hoạt động của máy móc động lực. Tuy nhiên, với độ ẩm 99% và nhiệt độ không khí 35oC suốt ngày đêm bao trùm người dân phương Bắc trong vòng 2-3 tháng liền thì điều đó thật khó chịu: mỗi bước chuyển động đều làm toát rất nhiều mồ hôi, sự suy nghĩ bị ngưng đọng, làm cho những suy nghĩ khó trở thành một câu trọn vẹn.

Hàng ngày phải thay và giặt quần áo. Để cho bề ngoài dễ coi, phải có 4-5 bộ đồ để thay đổi. Tuy khả năng, hai - ba ngày là phải tắm, nhất là sau chuyến đi qua một con đường bụi đỏ. Nếu không có vòi tắm, đành phải chịu vậy.

Do trời nóng bức như vậy, nên lúc nào cũng cảm thấy nóng và khát nước. Chỉ được uống nước đã đun sôi. Chỉ cần mấy giọt nước tắm từ vòi hoa sen rơi vào miệng là bị rối loạn tiêu hóa mất 2-3 ngày.

Hàng ngày, bất kỳ thời gian nào trong năm, từ 18 giờ 30 đến 19 giờ trời đã tối hẳn, và từ 4 giờ 30 đến 5 giờ trời đã sáng. Màu xanh lá cây và màu da cam của các loại cây nhiệt đới xanh tươi quanh năm đã vẽ lên một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp. Không sao quên được vẻ đẹp của những bông sen hồng tươi thắm phủ khắp các mặt hồ. Rất ngạc nhiên khi thấy những cây phượng hoa đỏ; sau đó quả dài tới nửa mét đứng đưa dọc theo các phố, các khu dân cư trông tựa như những quả dưa chuột dài rất đẹp.

Một khung cảnh khủng khiếp đập vào mắt người ta khi thấy những khóm cây khuynh diệp chạy dài mấy kilômét bị rụng hết lá, chỉ còn trơ lại những thân cây sau khi bọn Mỹ rải chất làm rụng lá cây đã biến chúng thành hàng rào chết, cây khô, màu xám xịt.

Và tất nhiên, các buổi gặp gỡ với những người dân Việt Nam bình dị là những cuộc gặp gỡ không thể quên được. Khi xe của chúng tôi dừng lại ở một khu dân cư thì lập tức bày trẻ nhỏ vây quanh ngay, chúng rất vui vẻ hô vang: “Liên Xô! Liên Xô! Tốt tốt!”. Rồi người lớn cũng xúm lại. Trong số họ có người bập bẹ nói được tiếng Nga. Câu chuyện xoay quanh việc giải thích chúng tôi là ai, từ đâu đến, làm gì ở Việt Nam, lũ trẻ thì sờ mó, vuốt ve quần áo, tay chúng tôi. Người lớn thì bắt chặt tay chúng tôi.

Phương tiện giao thông chính ở Việt Nam là xe đạp. Trên xe chở tất cả mọi thứ: vợ chồng, con cháu, dụng cụ gia đình, gà hoặc vịt, thậm chí cả các chú lợn con chỉ buộc vào cái đèo hàng.

Nhưng, mặc dù phong cảnh thiên nhiên bao quanh vô cùng đẹp. mặc dù tình cảm nồng thắm và mến khách của nhân dân địa phương, mặc dù các đồng chí Việt Nam rất cố gắng tạo điều kiện cho sinh hoạt của chúng tôi bớt khó khăn (và thực sự chủ nhà đã làm được nhiều), nhưng nỗi nhớ quê hương không lúc nào nguôi đi. Tác giả xin có vài dòng nói về nỗi nhớ quê:

Có biết bao bài ca, về những người đi biển,

Có biết bao điệu múa hoặc lời ca,

Về những người trên đồng ruộng

Còn những người đến Việt Nam, biết phải làm gì?

Ôm lấy người thân và nói: “Tôi đã ở Việt Nam”.

Không được uống nước - từ giếng thay từ vòi,  
Ngắm nhìn phụ nữ, cũng không nên.  
Nhất là những người đẹp, Đúng thế, sợ không  
Nhưng các bạn ơi, cũng phải vượt qua thôi.  
Trăng treo trên đỉnh đầu,  
Ở đây trời đẹp quá, thật như trên thiên đường,  
Nhưng không sánh sao được với phương Bắc, với Cuxca.  
Nhưng còn có gì quý hơn đất nước quê hương.  
Ở đây đầy khoai tây, cà chua và chuối  
Những thứ đó không phải lần đầu được thấy, được ăn.  
Lúa xanh rờn trải khắp những đồng nước bao la...  
Biết nói gì, kể gì với bạn về những điều đã thấy, đã nghe  
Ở đây không dài, không vô tuyến,  
Ở đây không có báo, chỉ có phim,  
Ở đây chỉ có mơ ước trở về nhà,  
Ở đây ngày lễ thiếu rượu nho. .  
Muốn kết dòng thơ này bằng mấy chữ, trên trái đất này  
Có Liên Xô - Quê hương vĩ đại  
Ở đó có ngôi nhà yêu quý - vợ và con  
Tổ quốc đã gửi chúng tôi tới đây giúp bạn trong hoạn nạn.  
Tháng 12-1968

Tôi xin kết thúc những hồi ức của mình về Việt Nam. Đã hơn ba mươi năm kể từ ngày trở về nhà. Nhưng mãi mãi để lại trong ký ức tôi những quãng thời gian ở nước bạn Việt Nam, những giây phút đón và tiễn tại sân bay Gia Lâm, cả hai lần đón và tiễn ở Hà Nội đều có còi báo động phồng không.

Quên sao được những cuộc gặp mặt với mọi người trong các Viện bảo tàng, các công viên, cùng chiến đấu làm việc với các chiến sĩ Việt Nam anh hùng.

Chúc nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa mọi sự tốt lành.

Thành phố Tòve, năm 2003

\*\*\*

# THIẾU TƯỚNG PÔĐƠĐÊẾP ANATÔLI PHILIPPÔVÍCH

Ông sinh ngày 22-3-1930 tại tỉnh Upha.

Năm 1953, ông tốt nghiệp Trường sĩ quan pháo phòng không số 3 tại thành phố Alúcxna (Lát via), năm 1965 - tốt nghiệp Học viện chính trị quân sự mang tên Lênin. Ông phục vụ trong Binh chủng phòng không với chức vụ trung đội trưởng trung đội vô tuyến điện thuộc Trung đoàn cận vệ pháo cao xạ phòng không số 242

Từ năm 1955 đến năm 1962 tham gia công tác Đoàn Thanh niên Côm-xô-môn, sau đó là trung đoàn phó phụ trách chính trị của trung đoàn tên lửa phòng không, Trưởng phòng chính trị của lữ đoàn; sư đoàn; quân đoàn phòng không.

Từ tháng 3-1970 đến tháng 3-1971 làm Phó trưởng đoàn chuyên gia phòng không phụ trách chính trị trong đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. .

Ông kết thúc phục vụ trong lực lượng vũ trang Liên Xô năm 1988 với chức vụ tùy viên Hội đồng quân sự - trưởng phòng chính trị của tập đoàn quân phòng không.

Ông được thưởng Huân chương Sao đỏ, Huân chương Vì sự nghiệp phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô hạng III, Huân chương chiến công hạng III và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam và 18 huân, huy chương khác.

# THỬ LỬA

## • Thay lời mở đầu

Hồi ức, hồi ức, hồi ức... Như sóng trào của biển cả, các đợt sóng kỷ niệm cứ trào lên, không sao lắng xuống được, lúc thì dấy lên những tình cảm ấm áp đối với Tổ quốc vĩ đại những tấm lòng tốt và sự biết ơn đối với mọi người, lúc thì bối rối tâm hồn, thức tỉnh nghĩa vụ đối với những người đồng nghiệp, đồng chí vì trong cuộc sống có điều gì đó quan trọng, cốt yếu chưa làm được thật đến nơi đến chốn.

Hồi ức bắt chúng ta phải quay về với quá khứ...

Một vấn đề làm tôi thường xuyên day dứt: nếu bạn có điều linh cảm, liệu bạn có dám nói ra cho mọi người biết điều đó không? Tôi có ý định trả lời câu hỏi đó nên đã ngồi xuống bàn trước một tờ giấy trắng. Kết quả sẽ thu được gì tùy bạn đọc phán quyết.

Trong cuộc sống của một con người có những sự kiện thậm chí chỉ xuất hiện trong một khoảng thời gian ngắn nhưng đã trở thành kỷ niệm không thể phai mờ, không bao giờ quên. Đối với tôi, sự kiện đó là chuyến công tác đặc biệt ở Việt Nam những năm 1970 - 1971.

Tất cả đều đã bắt đầu, có lẽ cũng như đối với tất cả những ai đã có điều kiện tham gia chuyến công tác như vậy: cuộc nói chuyện với các thủ trưởng, những lời dặn dò tiễn đưa của bạn bè, hành trang cần thiết.

Tôi đặc biệt nhớ lại các buổi tiễn đưa và chia tay với những người ruột thịt và những người bạn thân. Ngày 22-3-1970 tôi đã cùng bạn bè tổ chức sinh nhật - tôi tròn 40 tuổi. Có lẽ đây là một ngày kỷ niệm tốt đẹp nhất Nhưng khi niềm vui của ngày kỷ niệm hòa lẫn nỗi buồn của cuộc chia tay sắp tới đã tạo ra một cảm giác chờ đợi hồi hộp khó giải thích và một sự dụi dằng triu mến và biết ơn của những người ruột thịt và bạn bè, đặc biệt của vợ và các con.

Chúng tôi ngồi quanh bàn liên hoan, tôi cảm thấy mọi người nhìn tôi với ánh mắt chăm chú lạ thường: họ nhìn tôi mong muốn giúp tôi một việc gì đó và tôi giữ mãi cái không khí quây quần ấm cúng và hạnh phúc gia đình.

Chúng tôi hồi tưởng lại năm 1941 chúng tôi đã tiễn những người cha và những người anh mình ra trận bằng những đôi mắt tràn đầy nước mắt...

Trong ngôi nhà tôi, cũng như lúc đó, cũng có một cái gì lo lắng, mặc dù đất nước chúng tôi đang ở trong thời bình.

Và như vậy, đoàn chúng tôi có 22 người, chúng tôi bay chuyến bay đặc biệt trên chiếc máy bay IL-18 qua Tasken, Carachi, Cancútta đến Hà Nội.

Tại sân bay Tasken máy bay nạp đầy nhiên liệu, lại bay tiếp, sau một giờ vượt qua biên giới, tiếp đó bay ở nước ngoài. Lần đầu tiên tôi rời xa Tổ quốc. Qua các cửa sổ của máy bay thấy những dải tuyết của dãy Pamia. Tổ quốc thân yêu, liệu bao lâu nữa tôi mới gặp lại Người?

Đường thật là dài. Đủ thời gian cho những suy tư. Điều gì đang chờ đợi chúng tôi ở phía trước, chúng tôi cũng mang máng biết được, nhưng chúng tôi hiểu rằng cuộc sống rất phức tạp và muôn hình muôn vẻ, đặc biệt là tróng chiến tranh. Theo chúng tôi, cuộc sống sẽ đem lại cho chúng tôi những bất ngờ và ngạc nhiên.

Hôm nay có một số người hỏi: vì sao chúng ta phải giúp đỡ Cuba, Ai Cập, Việt Nam? Khi ngồi trên máy bay, chúng tôi không đặt ra cho mình những câu hỏi đó.

Qua lịch sử chúng ta hiểu được rằng nước Nga là một thành lũy vững chắc, đã tham gia vào chính trị thế giới: hai lần nước Nga vĩ đại đã cứu châu Âu thoát khỏi những trận đánh chiếm của Ốcđã vàng, giải phóng khỏi những đội quân lớn của Napolêông và khỏi họa diệt chủng của chủ nghĩa phát xít. Và hãy nhớ lại những cuộc hành quân giải phóng của Đại tướng quân Xuvôrôp và Đô đốc Usacôp vào nước Italia, của Tướng Xcôbelép vào các vùng Ban căng, các đoàn tàu chiến Nga vào Pháp và thậm chí đến cả Mỹ! Rõ ràng đó là tất yếu lịch sử: "Dân tộc vĩ đại (nước Nga), cần phải có những hành động vĩ đại".

Trong cuộc sống có những sự việc không giống nhau, số mệnh của con người không ai giống

ai.

Ông bố vợ tôi, Xtêpan Alếchxêêvích Đrôcốp - Đại đội trưởng đại đội phòng không, đã phục vụ trong một trung đoàn mà ban tham mưu đóng ở thị trấn Rôitốp tỉnh Mátxcova. Từ trung đoàn này ông được cử đi làm nghĩa vụ quốc tế ở Tây Ban Nha và hy sinh năm 1937, khi bảo vệ bầu trời Madrít.

Năm 1970, tôi cũng lại từ thị trấn Rôitốp, nơi tôi đang sống với gia đình, để đến đất nước Việt Nam xa xôi và chưa hề biết đến. Khi tiễn tôi, bà cô yêu quý của tôi là Galina Alếchxêépna đã nói:

- Có lẽ đây là số mệnh đặc biệt của gia tộc quân sự chúng ta. Đã đến lượt cháu đi giúp nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh gay go ác liệt chống bọn xâm lược Mỹ. Cháu hãy đừng lo lắng gì cho cả nhà, mọi việc sẽ ổn thôi!

Phải bắt đầu từ đâu với những suy tư đó, thời gian trôi đi lúc nào không biết, và sáng sớm ngày 24-3-1970, chúng tôi đã hạ cánh xuống sân bay của Thành phố Hà Nội. Mọi người đã đón chúng tôi theo đúng nghi thức. Họ là những ai, hồi sau sẽ rõ.

#### • Ở Việt Nam

Tôi được cử sang nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với tư cách là Phó Trưởng đoàn công tác chính trị của đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô trong Binh chủng tên lửa phòng không không quân. Đã có một cuộc trao đổi công tác tại Đại sứ quán Liên Xô ở Việt Nam với tướng B. A. Xtônnhicốp, Trưởng đoàn, Đại tá A. T. Trômbatrép, Phó đoàn phụ trách công tác chính trị và Đại tá V. A. Guđê, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô về binh chủng tên lửa phòng không không quân. Ngay từ những ngày đầu tôi đã bận bịu đầu vì bao nhiêu sự kiện diễn ra. Ngày 27-3 tôi được bầu làm Bí thư Đảng ủy của toàn đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô.

Cũng cần nói rằng, tôi đã có ít nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức công tác đảng - công tác chính trị, mà tôi đã tích lũy được tại các đơn vị tên lửa phòng không của binh chủng phòng không và ở Cục chính trị quân khu phòng không Mátxcova.

Kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại cho thấy rằng điều chủ yếu trong nội dung công tác đảng - công tác chính trị là các vấn đề giáo dục về đạo đức tâm lý. Việc đánh thắng quân thù trước hết tùy thuộc vào tinh thần đạo đức của chiến sĩ.

Thời kỳ sau chiến tranh, trong quân đội Xôviết, trong công tác giáo dục cán bộ và chiến sĩ cũng rất quan tâm đến việc giáo dục về đạo đức, tâm lý cho những người bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là sau khi xuất hiện các loại vũ khí tập thể và vũ khí giết người hàng loạt.

Tôi đã nhiều lần thuyết giảng về chuyên đề này. Trong hoàn cảnh hòa bình mọi việc đều rõ ràng và dễ hiểu. Nhưng trong hoàn cảnh chiến đấu thực sự con người sẽ tự thể hiện mình như thế nào? Hiểu được tâm trạng của họ, nâng cao và giữ vững tinh thần đạo đức của họ, hướng họ vào việc hoàn thành vô điều kiện nhiệm vụ chiến đấu tiêu diệt máy bay địch - đó là một việc hoàn toàn khác hẳn.

Tôi hy vọng rằng các đồng tác giả của cuốn sách này nhất định sẽ viết tường tận, tỉ mỉ về quá trình huấn luyện đào tạo kỹ thuật tên lửa phòng không cho các chiến sĩ Việt Nam, những khó khăn trong quá trình đó, về những con người tuyệt vời, về những hành vi của họ, và cuối cùng, về những kết quả hoạt động của chuyên gia Liên Xô và các kíp chiến đấu Việt Nam trong cuộc chiến đấu với không quân địch. Binh chủng tên lửa phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam đã được phong tặng danh hiệu "Anh hùng" vì đã lập được nhiều chiến công xuất sắc trong cuộc chiến đấu chống trả cuộc tập kích bằng đường không của giặc Mỹ.

Trung tâm của những sự kiện sẽ được miêu tả là những con người - bằng trí thông minh và những bàn tay tài giỏi của họ, những quả tên lửa đã được phóng đúng mục tiêu.

Thưa độc giả kính mến, tôi cũng rất vinh dự được chia sẻ những hồi ức của mình về công tác đảng - công tác chính trị đã giúp cho các chuyên gia quân sự Liên Xô ở Việt Nam hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu bằng việc giúp đỡ trên tinh thần quốc tế đối với các chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong những năm đầu (1965 - 1967) ở Việt Nam đã có các trung tâm huấn luyện hoạt động để đào tạo, huấn luyện cán bộ chiến sĩ phòng không Quân đội nhân dân Việt Nam, giúp họ vận hành thành thạo các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 "Đvina".

Trong thành phần của các trung tâm này, khi đưa trung đoàn tên lửa phòng không đã được huấn luyện lại ra trận địa chiến đấu, có các cán bộ chính trị trong biên chế giữ các chức vụ trung đoàn phó các trung đoàn của Liên Xô và cao hơn nữa. Trong số các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị có nhiều người đã tham gia chiến đấu, đó là các anh hùng Liên Xô V. P. Xenchencô và A. I. Lêbêđép, các cán bộ chỉ huy dày dạn kinh nghiệm A. M. Đurda, G. A. Bêlốp, M. E. Bôrixencô, N. V. Bagienốp, M. N. Xugancốp, Ph. P. Ilinúc, B. I. Môđaép, I. K. Prôxcuốcnin, K. V. Davátxki, V. V. Phêđôrốp, V. V. Nedenxki, V. X. Kixhanxki, A. M. Bêlốp, V. N. Abramốp, A. T. Trômbachép, B. A. Vôrônốp, I. I. Xmiécnốp, P. I. Xuxlốp, E. I. Pôlivaicô, B. A. Xtônhicốp, v.v..

Họ là những người đầu tiên mang tiếng nói của Đảng đến với cán bộ chiến sĩ Việt Nam và truyền lại kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại cho họ. Trong nhiều năm ở Việt Nam những cán bộ chính trị dày dạn kinh nghiệm M. Ph. Bắcxuchencô, K. M. Pôgôđép, Đ. G. Sencôvin, M. Trôphimốp, A. Xumacốp, A. G. Xitnicốp, E. P. Iglin, v.v. đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của mình.

Các cán bộ chiến sĩ Xôviết, từ người lính tới cấp trung đoàn trưởng đã được đào tạo, huấn luyện tốt trong mọi lĩnh vực để có thể giúp đỡ một cách thiết thực về mặt kỹ thuật quân sự cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh anh dũng chống lại bọn ác quỷ của thế kỷ XX. Trình độ cao của các chuyên gia quân sự Liên Xô được cử sang công tác tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được đảm bảo bằng hệ thống giáo dục cộng sản chủ nghĩa, bằng sự giáo dục về đạo đức - chính trị và tâm lý phổ cập trong cả nước và trong các lực lượng vũ trang Liên Xô. Thêm vào đó đất nước chúng tôi thường cử sang Việt Nam các chuyên gia có đẳng cấp cao trong lĩnh vực quân sự.

Những năm tiếp sau vẫn tiếp tục, nhưng có một chút thay đổi về chức năng của các chuyên gia quân sự Liên Xô. Số lượng chuyên gia giảm đi. Năm 1970 - 1971, tổng số chuyên gia quân sự Liên Xô ở Việt Nam còn độ 300 người, trong đó có 3 cán bộ chính trị.

- A. T. Trômbachép, Phó trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô ở Việt Nam phụ trách công tác chính trị;

- A. Ph. Pôđôđê, Phó trưởng đoàn chuyên gia phụ trách công tác chính trị của Binh chủng tên lửa phòng không không quân;

- P. I. Baranốp, cán bộ tuyên huấn của đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô.

Chúng tôi được giao nhiệm vụ huấn luyện (dạy) cho các trưởng đoàn chuyên gia của các trung đoàn và các bí thư chi bộ đảng thực hành công tác chính trị và giáo dục chính trị trong điều kiện chiến đấu.

Đã thực hiện chế độ học tập bằng phương pháp dùng các cuộc tập huấn hàng tháng để truyền đạt cho các cán bộ lãnh đạo những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và các buổi tọa đàm với các bí thư chi bộ về nội dung học tập, về thực tế công tác đảng - công tác tổ chức.

Để dẫn chứng, tôi xin trình bày kế hoạch tiến hành các cuộc tập huấn cho cán bộ lãnh đạo vào cuối tháng 7-1970. Tại cuộc tập huấn này đã nghiên cứu các vấn đề sau;

- Kết quả công tác của các sĩ quan làm việc tại các trung đoàn trong tháng 7 và nhiệm vụ của tháng 8. Báo cáo viên là B. A. Xtônhicốp, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô;

- Về việc hoàn thành cuộc chiến đấu với máy bay trinh sát không người lái. Báo cáo viên là V. A. Guđê, Trưởng đoàn chuyên gia của Binh chủng tên lửa phòng không không quân thuộc đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô;

- Về những đặc điểm của tình hình quân sự - chính trị trên chiến trường và nhiệm vụ phổ biến và quán triệt tình hình đó cho cán bộ và chiến sĩ trong giai đoạn hiện tại. Báo cáo viên là A. T. Trômbachép, Phó trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô.

- Về công tác của các bí thư chi bộ, của các trưởng đoàn chuyên gia ở các trung đoàn về

nhệm vụ giáo dục cho cán bộ chiến sĩ tinh thần trách nhiệm đối với việc hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ Liên Xô. Báo cáo viên là A. Ph. Pôdôđêép - Phó trưởng đoàn chuyên gia phụ trách công tác chính trị của Binh chủng tên lửa phòng không không quân.

Tại buổi bế mạc đợt tập huấn, P. I. Baranốp đã đọc báo cáo: “Những tội ác man rợ của đế quốc Mỹ tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong 5 năm chiến tranh vừa qua”.

Cần nhớ rằng, trong việc lựa chọn những người dự định đưa sang làm công tác đặc biệt, Tổng cục 10 Bộ Tổng tham mưu Tổng cục chính trị Quân đội Xôviết và hạm đội hải quân đã hết sức cẩn trọng, có xét đến năng lực của từng cán bộ lãnh đạo (trưởng đoàn) phải là cán bộ chỉ huy và cán bộ giáo dục đối với cấp dưới của mình. Phương pháp chính là trực tiếp gặp riêng.

Với tình cảm chân thành, tôi xin nêu tên tuổi các sĩ quan - trưởng các đoàn chuyên gia ở các trung đoàn. Đó là A. X. Lixunốp, Iu. V. Kixlixun, A. V. Radin, V. T. Phrôlốp, G. P. Ácgunốp đồng hương của tôi từ Uran tới, N. N. Côchin, V. Rubác, V. P. Cácpencô, N. G. Cônarép, V. P. Xrômúc, V. V. Smanencô (đoàn công trình tên lửa), V. N. Belốppốp (đoàn binh chủng tên lửa phòng không), A. V. Blagôđêrốp (Trường kỹ thuật quân sự), Ia. I. Xtêpanencô (đoàn nhà máy A-31) v.v..

Trên thực tế, các bí thư chi bộ còn đảm nhận thêm chức trách của các cán bộ chính trị. Các cán bộ tổ chức lại thành thạo công tác giáo dục chính trị, đó là các đảng viên - sĩ quan: I. M. Đrác, V. X. Đavunốp, V. P. Ôxipốp, P. I. Coócnep, V. V. Xốtnicốp, V. A. Titốp, V. Ph. Climencốp, V. K. Oócchianốp, M. Đ. Vaxiliép, V. T. Mốcriac, V. X. Xmiécnep và V. K. Pôppốp. Để tránh nhầm lẫn, tôi cố tình không nêu cấp bậc, vì tất cả chúng tôi sang đây đều mặc thường phục, không đeo quân hàm để phân biệt. Tôi xin lỗi trước tất cả các đồng chí, nếu chưa nêu được tên tuổi các đồng chí ở đây.

Chúng tôi thường kỳ họp đảng ủy, tại các cuộc họp này, chúng tôi đã bàn bạc các vấn đề nâng cao vai trò của những người cộng sản trong việc thực hiện nhiệm vụ chiến đấu các vấn đề đời sống và sinh hoạt thời chiến thường ngày. B. A. Xtônnicốp, V. A. Gudê, Iu. V. Côlenkin, E. M. Antônốp v.v. đã đọc báo cáo trong các cuộc họp này. Ngoài ra, còn nghe các báo cáo của các bí thư chi bộ.

Tổ chức đảng của đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam đã tích cực tham gia công tác của Đảng bộ Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam (Bí thư là A. K. Nhekhôrôxép).

Đặc biệt cần phải nhấn mạnh vai trò tích cực và sự quan tâm thường xuyên của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam Iliá Xécghêêvích Sécbacốp đối với Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô. Ông là nhà ngoại giao cao cấp, người đã tham gia Chiến tranh giữ nước vĩ đại, đã thấu hiểu được những khó khăn và những vấn đề phức tạp mà hàng ngày chúng tôi thường gặp phải ở đất nước Việt Nam. Sự sáng suốt của đồng chí và có thể nói không cường điệu rằng sự quan tâm như ruột thịt của đồng chí đối với chúng tôi đã làm cho tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô kính trọng và biết ơn.

Với tư cách là Phó trưởng đoàn chuyên gia tên lửa phòng không không quân phụ trách công tác chính trị, tôi thường xuyên làm việc với Thiếu tá Hồ Quang Tín (Хо Куанг Тинь) Trưởng phòng đối ngoại Bộ Tư lệnh phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam. Chuyên môn nghiệp vụ cao, có tri thức, có tình người: biết nhanh chóng phân tích và đánh giá tình hình - tôi không thể liệt kê hết được phẩm chất của người đồng chí tuyệt vời này. Tôi luôn với lòng biết ơn nhớ lại thời kỳ cùng công tác với đồng chí ấy. Nhờ sự giúp đỡ của đồng chí Tín chúng tôi đã kịp thời nắm được những thông tin cần thiết và toàn diện vào thời điểm đó đã thực hiện hàng loạt các biện pháp cấp thiết và bổ ích.

Chúng tôi đã cùng với Bộ Tư lệnh phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam tổ chức một số cuộc họp bàn tròn, tại đây, chúng tôi đã nghiên cứu các vấn đề lịch sử Cách mạng tháng Mười vĩ đại và những truyền thống chiến đấu của Hồng quân và các lực lượng vũ trang Liên Xô. Tất cả các biện pháp được tiến hành để tiếp tục củng cố tình hữu nghị chiến đấu và tình đoàn kết giữa quân đội và nhân dân hai nước chúng ta.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô rất có cảm tình với đồng chí Lê Văn Tri, Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng chí Đặng Tính, Chính ủy, đồng chí Hoàng Ngọc Diêu (Хуанг Хрог Зиеу), Tham mưu trưởng, đồng chí Vũ Xuân Vinh (Ву Суан

Винь) Tham mưu phó, đồng chí Nguyễn Xuân Mậu (Hryeh Cyan May), Phó chính ủy - Cục trưởng Cục chính trị. Họ rất cởi mở và giản dị, quan tâm chu đáo và tận tâm đối với chúng tôi trong những điều kiện chiến tranh ác liệt và chúng tôi luôn trân trọng những tình cảm đó.

Nhờ sự giúp đỡ của Bộ Tư lệnh phòng không - không quân, chúng tôi thường xuyên tổ chức được các chuyến đi công tác của lãnh đạo Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô xuống các đơn vị phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam, nơi các đoàn chuyên gia cấp trung đoàn của chúng tôi đang công tác. Trong điều kiện chiến tranh tổ chức được những chuyến đi như vậy không phải đơn giản. Nhưng các đồng chí Việt Nam đã giúp đỡ tận tình. Các chuyến đi công tác đó đã giúp lãnh đạo Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô rất nhiều trong việc nắm được tất cả các sự kiện, hiểu được nội dung công việc và tâm tư của mọi người ở các đoàn chuyên gia cấp trung đoàn, tận mắt chứng kiến việc họ đã thực hiện như thế nào những yêu cầu của bản "Quy chế đối với chuyên gia quân sự Liên Xô khi công tác tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa".

Tôi cũng rất phấn khởi được tìm hiểu những đặc điểm của công tác tổ chức giáo dục chính trị đối với cán bộ chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trong những điều kiện chiến đấu, điều đó ít nhiều giúp tôi nắm bắt tình hình và trao đổi kinh nghiệm.

Một lần tôi cùng trưởng đoàn chuyên gia tên lửa phòng không - không quân Iu. V. Côlenkin đi vào khu vực phía Nam, đến đoàn chuyên gia trung đoàn của đồng chí A. Radin và đã đề nghị được gặp cán bộ chiến sĩ của trung đoàn tên lửa phòng không để chuyển lời chào của các chiến sĩ quân khu phòng không Mátxcova và thông báo kinh nghiệm về nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu đã tích lũy được ở các đoàn chuyên gia thuộc các trung đoàn khác.

Chính ủy trung đoàn đã hứa với chúng tôi rằng sau khi kết thúc khoá học chính trị sẽ tổ chức cuộc gặp mặt.

Đến cuối ngày thứ hai kể từ khi chúng tôi đến đoàn chuyên gia, các đồng chí ở đây mới báo cáo là có khả năng tổ chức được cuộc gặp mặt.

Cuộc gặp diễn ra rất tốt đẹp. Các cán bộ chiến sĩ Việt Nam rất chú ý lắng nghe, sôi nổi trao đổi các vấn đề đã được nghe và đôi lần đề nghị chúng tôi kể lại việc đảm bảo sẵn sàng chiến đấu của Binh chủng phòng không quốc gia trong những điều kiện hòa bình. Họ hoàn toàn không hiểu tại sao phải sẵn sàng chiến đấu, nếu như máy bay Mỹ không bay trên lãnh thổ chúng tôi?

Chúng tôi đã giải thích: "Sở dĩ như vậy, vì ở nước chúng tôi thường xuyên duy trì sẵn sàng chiến đấu cao và mỗi ngày, theo lệnh của trung đoàn các kíp chiến đấu của Binh chủng phòng không quốc gia phải trực chiến để bảo vệ không phận của Liên Xô".

Sau khi trở về Hà Nội tôi đã trao đổi những cảm nghĩ của mình với đồng chí Vũ Trọng Cảnh (By Цонр Кань) Cục phó Cục chính trị về thời gian học chính trị ở các trung đoàn dài quá. Đây là câu trả lời của đồng chí Cảnh:

- Đảng chúng tôi có vũ khí rất sắc bén - đó là sự tôi luyện về tư tưởng của nhân dân chúng tôi. Chúng tôi vững tin vào điều đó và chúng tôi thường xuyên quan tâm đến sự kiên định về tư tưởng của cán bộ chiến sĩ chúng tôi. Chúng tôi không hề tiếc thời gian để làm việc đó. Nếu cần thiết và tình hình cho phép, chúng tôi sẽ tiến hành học tập chính trị suốt cả tuần. Nếu cần sẽ tiến hành cả tháng, chừng nào mỗi một chiến sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan còn chưa nhận thức được thực chất chính trị và quân sự của nhiệm vụ đang đặt ra và chưa xác định được vị trí của mình và tham gia vào nhiệm vụ đó.

Đồng chí Tùng (Тунг) chính ủy Trung đoàn tên lửa phòng không 263 cũng nói lên ý đó trong buổi trao đổi với tôi. Đó phải chăng là bí mật của tinh thần đạo đức cao của toàn dân, hướng gì nói đến quân đội?

Trong phạm vi quốc gia cũng có nhiều biện pháp khác để duy trì tinh thần đạo đức cao của nhân dân và quân đội.

Trong thời gian công tác ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại các thành phố lớn, cũng như các khu dân cư tôi không hề gặp những người tàn tật do chiến tranh gây ra, những người ăn mày, ăn xin. Tất cả họ được đưa vào các nhà dành riêng cho người tàn tật, người nghèo, ở



đó họ được chăm sóc và nuôi dưỡng. Cũng không có trẻ em lang thang, tất cả các cháu mồ côi cha mẹ trong chiến tranh đều được cứu mang, trước tiên là nhờ họ hàng thân thích.

Trong nước có những luật lệ rất nghiêm khắc của thời chiến đối với việc vi phạm những quy tắc đạo đức xã hội - trộm cướp, ăn cắp tài sản quốc gia và tài sản riêng, không thực hiện chế độ tiết kiệm tất cả các loại vật tư đều bị xử phạt rất nghiêm ngặt.

Quân đội và nhân dân hoạt động trong một thể thống nhất. Xin nêu một ví dụ nhỏ. Khi đoàn cán bộ lãnh đạo chuyên gia quân sự Liên Xô đi xuống các đơn vị, các đồng chí Việt Nam xếp cúi lên chiếc xe phục vụ để nấu cơm. Tôi hỏi:

- Cần gì phải mang những thứ không cần thiết đó đi?

- Đây là tài sản riêng của ngành hậu cần phòng không - không quân, - một đồng chí trả lời. - Trên đường đi không được lấy bất cứ thứ gì. Dọc đường tất cả mọi thứ hoặc là của người dân, hoặc là của các hợp tác xã, hoặc là của nhà nước.

Trong phạm vi trao đổi kinh nghiệm về công tác đảng, công tác chính trị trong việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ chiến sĩ trong tình hình chiến đấu, theo sáng kiến của chúng tôi, tháng 1-1971 đã tổ chức được một cuộc hội thảo chuyên đề. Đại tá Tiến (Тиен), cục trưởng Cục Tuyên huấn Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đã tham gia hội thảo. Cùng với đồng chí còn có 13 người nữa. Theo đánh giá của đồng chí Tiến, cuộc hội thảo rất thú vị và bổ ích cho tất cả những người tham gia. Căn cứ vào kết quả hội thảo người ta đã đề xuất việc soạn thảo một kế hoạch hoạt động chung nhằm tiếp tục cải tiến công tác đảng - công tác tư tưởng đối với bộ đội phòng không - không quân trong tình hình chiến đấu và đối với cả chuyên gia quân sự Liên Xô.

Các sách báo chính trị đưa từ Liên Xô sang có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam. Các đồng chí đảng viên ở các tổ chức đảng cấp trung đoàn của đoàn chuyên gia Liên Xô có đủ các loại sách báo. Cán bộ chính trị và các đảng viên Việt Nam giỏi tiếng Nga thường xuyên sử dụng các sách báo đó.

Chính sự có mặt và làm việc tận tụy hàng ngày của các chuyên gia quân sự và không chỉ có chuyên gia quân sự mà cả các chuyên gia dân sự Liên Xô tại Việt Nam đã có ý nghĩa đặc biệt trong việc củng cố lòng tin của nhân dân Việt Nam vào thắng lợi đối với bọn xâm lược Mỹ.

Những người dân Xôviết đã đánh thắng chủ nghĩa phát xít năm 1945, đem lại uy tín lớn lao và lòng kính trọng đối với người Việt Nam, họ là biểu tượng của lòng dũng cảm, kiên cường và chủ nghĩa anh hùng chân chính.

Sự xuất hiện của người Xôviết "Liên Xô", ở bất cứ khu vực nào hay tỉnh nào của Việt Nam đều tạo ra một không khí vui vẻ, náo nức đối với người dân địa phương, những nụ cười đôn hậu của người lớn, sự hân hoan và thần phục của bọn trẻ.

Sự tôn trọng đó của người dân Việt Nam đối với chúng tôi không phải là một hiện tượng bình thường của tập tục xã giao phương Đông, mà là kết quả tất yếu của lao động căng thẳng và tự giác của các chuyên gia Liên Xô, hàng ngày làm việc trong điều kiện nguy hiểm đối với tính mạng. Mọi nơi mọi lúc các chuyên gia Liên Xô đã nêu gương: cần phải thể hiện mình như thế nào trong chiến đấu. Tôi xin nhắc lại việc các chuyên gia chúng tôi đã dạy cho các cán bộ chiến sĩ Việt Nam cách đánh một chọi một "ai thắng ai?" - khi không quân Mỹ bắt đầu sử dụng tên lửa chống ra đa "Sraico" để chế áp bộ khí tài tên lửa phòng không - là đủ nói lên điều đó.

Máy bay địch đã được trang bị các thiết bị xác định vị trí của các trạm ra đa của đài điều khiển tên lửa của tiểu đoàn khi nó phát sóng vào không trung. Sau khi phát hiện thấy tiểu đoàn tên lửa, tên giặc lái từ một cự ly nhất định sẽ phóng tên lửa "Sraico".

Các trắc thủ điều khiển phải thấy được trên màn hình ra đa vệt sáng đậm của mục tiêu vào thời điểm tên lửa "Sraico" được phóng ra (tách ra) khỏi máy bay. Khi phát hiện thấy phóng "Sraico", sĩ quan điều khiển phải lập tức quay ăngten của đài chỉ huy điều khiển sang một bên và tạm ngắt nguồn điện cao thế của máy phát sóng. Và mặc dù "Sraico" được trang bị thiết bị nhớ, nhưng điều đó lại tạo cho nó đánh không trúng tiểu đoàn, vì trong thiết bị này có dùng loại nhiễu tiêu cực (thụ động) dẫn đường theo chùm sóng ra đa của khí tài tên lửa phòng

không.

Sau đó, chỉ dựa vào kinh nghiệm và bản năng của mình, thể hiện sức chịu đựng và tính tự chủ cao, sĩ quan điều khiển lại phát sóng vào ăngten và kíp chiến đấu lại tiếp tục điều khiển tên lửa của mình đánh vào mục tiêu. Bài toán giữa sự sống và cái chết chỉ tính bằng giây.

Mối nguy hiểm nhất là ở chỗ trong những điều kiện nhiễu loạn, kíp trắc thủ có thể không nhận ra được vết sáng đậm của mục tiêu trong thời điểm địch phóng tên lửa 'Sraico' và lúc đó đài chỉ huy điều khiển tên lửa sẽ không tránh khỏi bị đánh trúng - địch đã thắng - một chọi một. Cái giá phải trả cho sự sai sót là mạng sống.

Trong trường hợp tương tự nếu biết vận dụng có kết quả phương pháp đó sẽ bảo vệ được bộ khí tài tên lửa phòng không và tiêu diệt được máy bay địch. Chỉ có những người có tinh thần dũng cảm phi thường và gan dạ mới thực hiện được phương pháp này.

Con người, bất cứ ai, cũng thấy sợ chiến tranh. Nữ thi sĩ Iulia Đrunhina, một người đã từng ở ngoài mặt trận, trong bài thơ của mình đã viết: "Người nào nói rằng trong chiến tranh không thấy sợ, người đó không biết gì về chiến tranh...".

Thực ra, con người ai cũng lo cho cuộc sống của mình, lo bị mất những người ruột thịt, mất những người thân, người mình yêu quý. Trong dẫn chứng của chúng tôi, kíp trắc thủ biết rằng, sau vài giây họ có thể bị hy sinh. Muốn nhảy ra khỏi ca bin chỉ huy và chui vào nơi ẩn nấp. Tuy nhiên, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ buộc tất cả mọi người phải ở nguyên tại chỗ và thực hiện nhiệm vụ chiến đấu tiêu diệt bọn xâm lược Mỹ.

Chủ nghĩa anh hùng chính là ở chỗ tinh thần đạo đức đã thắng bản năng tự vệ tự nhiên.

Đó chỉ là một trường hợp, nhưng nó thể hiện rõ sức mạnh của nghị lực và tinh thần đạo đức cao của con người Xôviết

Trong điều kiện chiến tranh có những khoảnh khắc tạm thời yên ắng. Trong những giờ phút đó chúng tôi thường sinh hoạt văn nghệ quần chúng, thi đấu thể thao, xem phim. Để làm việc này tại phần lớn các đoàn chuyên gia cấp trung đoàn đều có máy chiếu phim di động. Hàng tháng lại đổi phim. Nhưng những cuốn phim hay thường bị giữ lại ở các đơn vị lâu hơn, anh em không muốn chia tay với các nhân vật mình yêu thích trong phim, đặc biệt là với các nhân vật nữ. Điều đáng nói là họ ít được tiếp xúc với một nửa thế giới loài người - phái đẹp.

Tại các đoàn chuyên gia cấp trung đoàn thậm chí còn tổ chức liên hoan phim Liên Xô và Việt Nam. Trong các buổi chiếu phim, các đồng chí Việt Nam thường đến chỗ chúng tôi, trong đó có cả dân địa phương.

Các sĩ quan và chiến sĩ Việt Nam qua sách báo và phim ảnh đã biết rất rõ các anh hùng dân tộc của chúng tôi: Paven Coóc-saghin, Sapaép, Alếch-xây Marê-xêp, Dôia Cô-xmô-Đemian-xcaia, các anh hùng thanh niên cận vệ và các anh hùng khác, chúng tôi đã lấy tấm gương của họ để giáo dục cho thế hệ trẻ Xôviết. Không phải ngẫu nhiên trong các buổi tổ chức trọng thể nhân các ngày lễ lớn của nhà nước Liên Xô và Việt Nam, phía Việt Nam đã đề nghị kết thúc bằng việc chiếu phim về các anh hùng Liên Xô trong nội chiến và chiến tranh giữ nước vĩ đại, về lịch sử của đảng và đoàn thanh niên Côm-xô-môn.

Cán bộ chiến sĩ và đồng bào địa phương Việt Nam đã xem cuốn phim của anh em Vaxilêvích "Sapaép" đến hơn một chục lần. Có trường hợp phải chiếu đi chiếu lại bộ phim này suốt đêm. Trong các buổi chuyện trò với cán bộ chiến sĩ phòng không - không quân Việt Nam, họ nói vì sao họ thích phim này: "Chúng tôi thích phim "Sapaép" bởi vì nó hợp với tâm hồn và mong muốn của chúng tôi, và vì nó cho thấy vì sao Quân đội Xôviết đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang như vậy. Chúng tôi cần có Sapaép và các chiến sĩ Hồng quân. Họ sẽ dạy chúng tôi cách đánh thắng kẻ thù".

Các sĩ quan và chiến sĩ Việt Nam rất thích trò chuyện với chúng tôi, thích nghe chúng tôi kể chuyện về cuộc sống của người dân Xôviết, về những công trình xây dựng lớn, về Mátxcova, về những thành tựu chinh phục vũ trụ.

Các chuyên gia quân sự cũng tham gia vào các buổi liên hoan văn nghệ chung, tại các buổi liên hoan, có trình diễn các bài hát Liên Xô, các bài hát dân tộc Nga và Việt Nam, đọc thơ của

bất kể tác giả nào. Ví dụ, bài thơ nổi tiếng của nhà thơ C. Ximônốp “Đợi anh về” được đọc trong tất cả các đêm liên hoan.

Tại một đơn vị phòng không gần Hà Nội, tôi đã tham gia một buổi liên hoan tổ chức chung với các cán bộ Đại sứ quán Liên Xô. Tôi đã đọc một đoạn bài thơ của Mácgarita Alighê “Tanhia” nói về chiến công của một cô gái Xôviết, một nữ đoàn viên thanh niên Côm-xô-môn - Dôia Côm-mô-Đemian-xcaia. Có lúc tôi cảm thấy rằng người nghe hiểu được tôi không cần qua phiên dịch: trên khoé mắt các chiến sĩ trẻ, nhất là các chiến sĩ gái đầy nước mắt. Buổi liên hoan kết thúc, mọi người đứng dậy và bắt đầu đồng thanh hô vang: “Tình bạn! Tình bạn!”

Đồng chí Nguyên, chính trị viên đã phát biểu kết thúc buổi liên hoan:

- Có thể sáng mai sẽ có một trận đánh với bọn giặc Mỹ, chúng ta sẽ chiến đấu dũng cảm và kiên cường, như người nữ du kích Xôviết Dôia đã chiến đấu?

Trong các chuyên gia quân sự và các chuyên gia khác đã từng công tác ở Việt Nam vào những thời gian khác nhau có nhiều người rất có năng khiếu và có tài - các thi sĩ các nhạc sĩ, những người đọc và ngâm thơ. Trong những tác phẩm của mình họ đã nói lên tâm tư tình cảm của con người, những nỗi niềm mong nhớ hướng về Tổ quốc, gia đình, người thân yêu, tình bạn, tình anh em chiến đấu.

Nicôlai Tcasencô đã làm bài thơ “Xcoóckin ở Việt Nam!”. Nhiều bài thơ của M. Tôncachép đã được phổ nhạc và được đưa vào tập bài hát “Những giấc mộng Việt Nam”. M. Poócniagin đã viết lời và nhạc bài “Người bạn” Iu. Gachinxki đã làm nhiều bài thơ như: “Chiều Hà Nội”, “Những đồng tuyết nhiệt đới”, “Cây thánh giá phương Nam”. V. Cúplêvaxki đã viết nhiều bài hát hay. Nhiều người đã mang các băng catsét và các cuốn vở chép lại các bài ca đó về Liên Xô để nhớ lại các bạn chiến đấu trong những ngày tháng gay go ác liệt. Xin dẫn ra đây lời tuyệt đẹp của bài ca do V. Bôđanốp viết:

Nhớ về Tổ quốc

Màn đêm buông xuống, trời se lạnh,

Những ngôi sao sáng khuất xa xa,

Gió hiu hiu thổi lay cành lá,

Sóng gợn lăn tăn dọc sông Hồng...

Sông ở thủ đô nước Việt, không ngủ được,

Lòng buồn xao xuyến lặng yên bên cửa sổ.

Trăng soi lấp lánh, tim rung động,

Chim giang đôi cánh đưa ta về với nước Nga.

Tuyết rơi phủ khắp sông cùng núi,

Đất Mẹ thân yêu trải mãi xa,

Mặt trời rạng chiếu suốt đông, hè

Thùy dương ngả bóng điện Cremlanh.

Tôi đã viết rằng tình hữu nghị và tình đoàn kết anh em giữa các chiến sĩ quốc tế Xôviết và những người bạn chiến đấu Việt Nam được củng cố bằng những giọt máu cùng đổ ra.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam đã đề ra những biện pháp đặc biệt để đảm bảo an toàn cho chuyên gia quân sự Liên Xô. Nhưng chiến tranh vẫn là chiến tranh, không có chết chóc thì không còn là chiến tranh. Rất tiếc, trong số các đồng chí chúng ta đã có nhiều người hy sinh. Đó là việc đã xảy ra ngày 11-4-1970.

Trong thời gian nghỉ giữa các trận đánh phá của không quân Mỹ, chín chuyên gia quân sự Liên Xô cùng với các đồng chí Việt Nam đã tham gia ngày thứ bảy cộng sản chủ nghĩa. Họ đã thu dọn các phòng học của một ngôi trường làng và sửa lại con đường đến trường. Đồng chí phiên dịch tên Sâm (Шам) và một thanh niên Liên Xô - đoàn viên thanh niên Côm-xô-môn Vlađimia Garocusa làm việc gần nhau, họ đào đất bên lề đường và xúc đất đắp lên mặt đường

để lấp các hố bom. Không ai lường trước được tai họa...

Bỗng nhiên vang lên một tiếng nổ lớn. Những người đứng ở gần nơi phát ra tiếng nổ nhìn thấy một vài người ngã sóng xoài trên mặt đất. Sau này mới biết, lúc làm việc họ đã bố cuộc trúng một quả bom bi nằm dưới đất (năm 1967 Mỹ đã nhiều lần ném bom ở ạt xuống đây). Có lẽ đến lúc đó vẫn còn những quả bom chưa nổ nằm dưới đất. Khi bị cuộc chạm vào, quả bom đó đã phát nổ. Một số người đã bị thương. Người đầu tiên bò dậy khỏi mặt đất là Vôlôđia. Vôlôđia bị thương ở bụng và đầu. Các đồng chí và các bạn Việt Nam đến cứu chữa ngay. Đồng chí phiên dịch vẫn nằm dưới đất - tay chân đầy máu. Người thương binh Vôlôđia, một chàng trai Xôviết bình dị quê ở Caxnôđa yêu cầu Trưởng đoàn trước hết hãy cấp cứu cho thương binh Sâm, sau đó mới đến mình.

Xe cứu thương đã đến và đưa các thương binh đã được sơ cứu về bệnh viện. Vôlôđia tỏ ra rất dũng cảm, suốt dọc đường cứ hỏi thăm tình hình của các thương binh khác.

Các bác sĩ quân y viện Việt Nam và bác sĩ ngoại khoa Liên Xô Ôlếch Lentxne (đến từ Lêningrát) đã tận tình cứu chữa cho Vôlôđia: nhưng ngày 29-4-1970 thần chết đã cướp đi cuộc sống của người anh hùng. Lúc đó đồng chí mới 23 tuổi.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô, các cán bộ Đại sứ quán, các bạn Việt Nam đã tiễn đưa ha sĩ Vladimira Ivanovich Garocusa, trưởng trạm máy phát điện diên của Trung đoàn tên lửa phòng không 237 Quân đội nhân dân Việt Nam về nơi an nghỉ cuối cùng. Đồng chí Sâm, phiên dịch quân đội cũng bị thương do quả bom bi gây ra cũng tham gia tang lễ. Trong lễ tang ngắn gọn và đau thương, đồng chí Sâm nói: "Gia đình tôi đông anh chị em nhưng hôm nay tôi có thêm một người anh nữa. Vladimira từ nay đã là người anh ruột thịt của tôi, không bao giờ tôi quên điều đó".

Đó là số phận của những con người, tình đoàn kết chiến đấu giữa hai quân đội chúng ta được vun đắp bằng xương máu.

Ha sĩ V. I. Garocusa đã được Chính phủ Liên Xô truy tặng Huân chương Sao đỏ, và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng Huân chương Chiến công hạng III.

Ở Việt Nam các đồng chí thường hỏi: điều gì đã giúp các đồng chí lúc nào cũng bình tĩnh và thản nhiên, lúc nào cũng sẵn sàng hành động

Tôi đã luyện được phương pháp làm việc riêng cho mình. Vấn đề là ở chỗ - luôn luôn tự nhắc nhở mình: "Điều này quan trọng và cần thiết cho sự nghiệp lớn". Nếu như anh hiểu được rằng sắp phải xa cách một năm, thì hãy phân chia thời gian thành các khoảng nhất định. Hãy chờ sự kết thúc của từng khoảng thời gian đó và ghi lại. Anh càng bận công việc bao nhiêu thì thời gian trôi đi nhanh bấy nhiêu. Và cứ như vậy cho tới khi kết thúc nhiệm kỳ.

Đặc biệt khó khăn nhất là vào quãng thời gian chót. Trong trường hợp này cần có một cách suy nghĩ mới: "mọi việc sẽ tốt đẹp. Chỉ còn lại một ít thời gian - một tuần, mấy ngày, mấy giờ. Lúc đó mình sẽ thấy nhẹ nhõm, thảnh thơi. Và điều chính là đừng có lười trong việc thường xuyên viết thư về cho gia đình, cho vợ con, người thân và bạn bè. Khi nhận được thư và trả lời thư, anh đã tự giúp mình và người thân giảm bớt nỗi ưu phiền xa cách.

Chỉ có trong xa cách mới cảm nhận được sự quý giá của những bức thư. Tôi đã tự nghiệm thấy điều đó. Đọc đi đọc lại nhiều lần các bức thư, lúc thì nở một nụ cười thầm, lúc thì trầm tư u buồn, một nỗi buồn nhớ khó tả... Và mỗi lần lại như vậy, mong chờ kỳ thư tới, mong tin nhà.

Trong các đoàn chuyên gia cấp trung đoàn, các chuyên gia quân sự thường xuyên sống cùng với nhau và cùng chung chịu mỗi nguy hiểm chết người, họ đã gắn bó với nhau không phải chỉ ở bề ngoài, mà là tình bạn của những người đàn ông thực sự, họ đọc thư cho nhau nghe và cùng trao đổi những tin tức từ gia đình.

Hiểu được giá trị như vậy của thư từ ở đây, lãnh đạo đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã lập một hệ thống riêng chuyên trách việc phân phối, chuyển thư theo từng địa chỉ. Trong tất cả các đoàn chuyên gia cấp trung đoàn đều có một hòm thư riêng. Khi có chuyển bưu điện thư từ mới đến, lập tức được phân loại theo tên họ, địa chỉ, hòm thư, giao cho người chuyển thư đến tận tay người nhận.

Phía Việt Nam thường xuyên cung cấp xe, phương tiện giao thông để có thể đưa thư từ và báo chí đến chỗ các chuyên gia quân sự Liên Xô một cách nhanh nhất. Hệ thống làm việc này rất chính xác và không có sự kêu ca khiếu nại nào đối với việc chuyển thư từ, báo chí của chúng tôi. Và việc chuyển thư về Liên Xô cũng làm như vậy.

Tôi đã gặp một số đồng chí đang sống trong cảnh xa cách rất nặng nề: đã lâu không nhận được thư, họ buồn nhớ và lãnh đạm, uể oải, họ bắt đầu uống rượu, dùng các loại thuốc gây nghiện. Cần phải có những lời khuyên giải chân tình và sự giúp đỡ thiết thực của bạn bè đối với những anh em đó. Chúng tôi đã cứu họ, lôi cuốn họ quan tâm đến người khác, giao nhiều công việc cho họ. Họ buồn chán, thích ở trần và sợ làm việc.

Các buổi tối chúng tôi thường tụ họp lại với nhau. Hát những bài hát về những thảo nguyên bao la bát ngát, về những rừng cây xanh, về những bầy chim sơn ca, về những người ruột thịt, người yêu, người thân, bè bạn. Đây là một liều thuốc tốt và có hiệu quả giúp tránh khỏi nỗi buồn chán và u sầu.

Hãy hình dung xem, buổi tối, ngoài phố nhiệt độ +40oC oi ả lử ve sầu kêu ra rả và từ các cửa sổ vọng ra bài dân ca Nga êm dịu thiết tha. Nhiều khi trong các buổi tối có nhiều người Việt Nam tụ tập đứng dưới cửa sổ nhà chúng tôi nín thở lắng nghe, sau đó đồng thanh hoan hô rất to. Họ rất thích các bài hát của chúng tôi. Nhân dịp tổ chức các ngày lễ lớn của Liên Xô hầu như tất cả các đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã tập trung tại nhà ăn lớn của khách sạn Kim Liên. Tại đây đã vang lên những bài hát Nga tuyệt vời do dàn đồng ca của mấy trăm giọng hát nam thực hiện. Hãy tin rằng những bài hát của chúng tôi đã vang lên một cách tuyệt vời ở bất cứ lục địa nào trên trái đất này và bao giờ cũng để lại dấu ấn trong những trái tim của những người dân địa phương. Đồng chí Đại sứ Lia Xécghêêvích Sécbacốp của chúng tôi cũng rất thích nghe dàn đồng ca của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô và động chí không bỏ qua một tiết mục nào.

Và sáng hôm sau lại tiếp tục làm việc - huấn luyện cán bộ chiến sĩ Việt Nam, điều chỉnh máy móc hoặc sửa chữa khí tài. Và cứ như thế suốt ngày này sang ngày khác.

Chính phủ Liên Xô đánh giá cao lao động quên mình của các chuyên gia quân sự Liên Xô trong sự nghiệp giúp đỡ quốc tế đối với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu trong những năm 1965-1975. Tổng cộng có 2190 người đã được tặng thưởng huân chương và huy chương chiến đấu của Liên Xô. Ngoài ra, trên 3 nghìn chiến sĩ quốc tế đã được tặng thưởng huân chương và huy chương của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi xin trích một đoạn trong bài thơ của bốn tác giả đã nêu.

Ngày tháng đã trôi qua,

Tôi đã hoàn thành nghĩa vụ, .

Trở về với gia đình, bạn hữu

Nhưng không bao giờ chúng tôi quên

Bạn tôi - Việt Nam đang chiến đấu.

Để kết thúc câu chuyện của mình, tôi muốn nói mấy điều sau:

Tháng 5-2001, sau 30 năm, trong thành phần của Đoàn đại biểu Hội cựu chiến binh đã tham gia chiến đấu ở Việt Nam, tôi có diễm phúc được trở lại Việt Nam. Chúng tôi đã tận mắt thấy rằng nhân dân Việt Nam đã có một bước tiến rất lớn trong hòa bình xây dựng và cả xã hội có thái độ vô cùng tôn kính đối với những người cựu chiến binh. Chúng ta có thể học người Việt Nam điều này.

Qua chuyến thăm này chúng tôi lại khẳng định được một cách chắc chắn rằng hiện nay nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã không chỉ quan tâm đến việc củng cố quan hệ kinh tế, mà cả sự hợp tác về kỹ thuật - quân sự với chúng tôi. Tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta cần phải được phát triển và củng cố hơn nữa.

Trong hồi ký của mình tôi đã viết lại đúng những gì đã diễn ra trong những năm tháng ấy - với tất cả những nỗi gian truân với những biến động thăng trầm và những niềm vui hiếm hoi. Tôi cố kể lại hết về tất cả mọi chuyện không hề cường điệu và thêu dệt thêm.

Tất nhiên, những sự kiện của những năm 70 của thế kỷ XX còn phong phú hơn nhiều những gì tôi viết, vì thực ra có nhiều điều đã bị quên. Tôi không viết nhật ký, chỉ còn giữ lại một quyển sổ tay nhỏ ghi lại một số việc và tên họ một số người.

Cuối cùng tôi xin được nói rằng những chi tiết, những cảm nghĩ, những suy nghĩ tôi đã viết chỉ muốn nói lên một sự thật là: mỗi con người Xôviết bất kể phải làm gì, bất kể số phận đã đưa anh ta đi đến đâu, thì anh ta vẫn mãi là một con người luôn trung thành với lý tưởng và nghĩa vụ của mình. Điều đó luôn luôn giúp con người đó chịu đựng được mọi thử thách.

Không thể quên được kinh nghiệm đó. Sau này kinh nghiệm đó còn có ích nhiều cho cán bộ chiến sĩ Liên bang Nga.

\*\*\*

Thành phố Xônnesonago năm 2002

# THIẾU TƯỚNG BLAGÔĐÊRÔP ANATÔLI VAXILIÊVÍCH. Phó tiến sĩ, Giáo sư, Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học quân sự

Ông sinh ngày 27-1-1927 tại tỉnh Calinin.

Năm 1947 ông vào học tại Trường Cao đẳng Hải quân Caxpiê và tốt nghiệp năm 1951. Ông tiếp tục phục vụ trên các tàu tuần dương “Sapaép”; “Áckhanghenxơ”, “Cách mạng tháng Mười” trong một hải đội thuộc Hạm đội Biển Bắc với các chức vụ chỉ huy tháp pháo trên chiến hạm, chỉ huy tiểu đoàn pháo nòng cỡ lớn, chỉ huy đơn vị pháo chiến đấu trên tuần dương hạm.

Năm 1965 ông đã tốt nghiệp xuất sắc với Huy chương vàng Học viện sĩ quan Binh chủng phòng không mang tên Giucốp và tốt nghiệp khoa nghiên cứu sinh thuộc Học viện quân sự nói trên.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ, 16 huy chương, trong đó có Huy chương Vì các chiến công, Huân chương Chiến công hạng III của Việt Nam và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# TRÍCH NHẬT KÝ CỦA TRƯỞNG NHÓM CHUYÊN GIA QUÂN SỰ LIÊN XÔ TẠI TRƯỜNG KỸ THUẬT - QUÂN SỰ CỦA QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Tôi có mặt tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ ngày 28-8-1970 đến ngày 24-7-1971, với chức vụ Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự của quân chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam. Trường này đóng tại xã Văn Phú, huyện Phù Ninh, cách thành phố Việt Trì 3 km (Việt Trì là trung tâm hành chính của tỉnh Vĩnh Phú). Nhóm chuyên gia này gồm 26 người, phân thành 4 tổ.

Tổ chuyên gia về tên lửa phòng không có 9 người, thuộc các trường quân sự phòng không Minxơ, Iarôxláp, Goócki và thuộc Trung tâm huấn luyện bộ đội tên lửa phòng không ở Côxtêrêvô, gồm: các Trung tá I. A. Vlàxencô, A.N. Baranốp, các Thiếu tá A. I. Cricun, V. M. Mitơrôphanốp, A. A. Xítnhicốp, V.M. Sêscô, V.X. Xmiécnốp, M.A. Alêsin. Tổ trưởng tổ chuyên gia này là Thiếu tá Alêchxanđrơ Ivanovich Cricun.

Tổ chuyên gia về kỹ thuật vô tuyến điện gồm có 4 người thuộc các trường binh chủng phòng không ở Craxnôia, Vinnhút và thuộc Tập đoàn quân phòng không Leningrát: các Thiếu tá V. M. Cápralốp, A. Đ. Đavútkin, G. M. Xôcôlốp và Đại úy Ph. M. Cuncô. Tổ trưởng tổ chuyên gia này là Thiếu tá Valentin Mikhailovich Cápralốp.

Tổ chuyên gia về phòng không không quân gồm 7 người thuộc Viện Hàn lâm công trình không quân mang tên giáo sư N. E. Giucốpki, thuộc các trường hàng không và kỹ thuật quân sự: các Trung tá M. A. Clôsikhin, M. M. Saidulin, các Thiếu tá Iu. I. Sêrêxốp, V. A. Kimxtasơ, X. E. Gigulép, các Đại úy E. P. Cácpốpki, V. P. Ruxcốp. Tổ trưởng tổ chuyên gia này là phó tiến sĩ khoa học kỹ thuật, Trung tá Mikhain Alêchxanđrôvich Clôsikhin.

Tổ chuyên gia về các máy kiểm tra - đo đạc gồm có 4 người thuộc các trường kỹ thuật vô tuyến điện ở Kiép và Vinnhút của binh chủng phòng không: các Trung tá A. Ia. Khôrêp, A. A. Nêven, Thiếu tá E. C. Vécvâyô, Thượng úy N.I. Luscô. Tổ trưởng tổ chuyên gia này là Trung tá Anatôli Iacôvlêvich Khôrêp.

Trong nhóm chuyên gia tại trường này có một bác sĩ thường trực: trước tháng 4-1971 là Thượng úy G. P. Madin, sau đó là Thiếu tá N.T. Beng.

Tôi giữ chức vụ Trưởng nhóm chuyên gia trong điều kiện chúng tôi thay thế nhóm chuyên gia trước đó theo kế hoạch, làm rõ vai trò và vị trí của nhóm chuyên gia chúng tôi trong việc giải quyết những nhiệm vụ trước mắt và những nhiệm vụ mới, vạch kế hoạch hoạt động huấn luyện chiến đấu và hoạt động hàng ngày của nhóm trong một năm và trong từng tháng, công tác giáo dục chính trị trong nhóm chuyên gia và hoạt động của tổ chức đảng trong nhóm chuyên gia này.

Vì rất nhiều người trong nhóm chuyên gia này bay cùng với tôi đến Việt Nam trên chuyến bay thuê bao, theo lộ trình Mátxcova - Tasken - Carachi - Cancútta - Hà Nội, cho nên tôi đã làm quen với nhiều đồng chí ngay từ trước khi đến Trường kỹ thuật quân sự của Việt Nam và tôi đã thấy rõ đó là những sĩ quan tốt, có thể trông cậy vào họ trong chiến đấu.

Ngày 31-8-1970 Trưởng nhóm chuyên gia về tên lửa phòng không và về lực lượng không quân thuộc Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, Đại tá V.A. Guđê đã giới thiệu tôi với nhóm chuyên gia làm việc tại Trường kỹ thuật quân sự của Việt Nam. Ông cũng nêu lên những nhiệm vụ dưới đây của nhóm chuyên gia tại trường này:

- Huấn luyện các học viên biết sử dụng trong chiến đấu các bộ khí tài tên lửa phòng không, trạm ra đa, bảo trì các máy bay tiêm kích và vận hành các máy móc kiểm tra - đo đạc;
- Nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của đội ngũ giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự của bộ đội phòng không - không quân nhằm phục vụ công tác giảng dạy cho các học viên;

Tham gia khắc phục những hư hỏng và trực trặc của vũ khí và các phương tiện kỹ thuật chiến đấu tại các đơn vị phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam và của cơ sở vật chất - huấn luyện tại Trường kỹ thuật quân sự Việt Nam;



- Soạn thảo các chương trình học tập và các tài liệu giáo khoa nhằm hoàn thiện quá trình huấn luyện và học tập tại trường này;
- Tham gia trang bị các yếu tố của cơ sở phòng thí nghiệm - học tập của trường này;
- Tư vấn cho ban chỉ huy của trường về các vấn đề tổ chức, thực hiện, kiểm tra và kiểm kê quá trình học tập.

Tháng 9, Đại tá V. A. Guđê đã phê duyệt kế hoạch công tác của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô cho niên khóa 1970 - 1971.

Các kế hoạch công tác giáo dục chính trị hàng tháng của nhóm chúng tôi thì do các vị phó trách công tác chính trị của Trường nhóm chuyên gia về tên lửa phòng không - không quân (thuộc Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô) Trung tá A. Ph. Pôđơđêp, còn từ tháng 4-1971 là Trung tá G. G. Xaphônốp phê duyệt.

Ngay từ những ngày đầu tiên có mặt nhóm chuyên gia chúng tôi tại Trường kỹ thuật quân sự Việt Nam, sự chú ý chủ yếu dành cho việc nhanh chóng đưa các chuyên gia quân sự Liên Xô tham gia vào hoạt động huấn luyện chiến đấu trong quá trình giảng dạy - huấn luyện cho các học viên và đội ngũ giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự. Nhằm mục đích ấy, chúng tôi đã tiến hành hội nghị về phương pháp huấn luyện và các buổi hội thảo về phương pháp huấn luyện, cũng như các hội nghị về những vấn đề phương pháp tổ chức lên lớp với các học viên, soạn thảo các chương trình học tập, viết các tài liệu giáo khoa, tiến hành các buổi tư vấn và lên lớp với các giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự của Việt Nam, tổ chức thao tác và tập luyện với các khí tài trong điều kiện của Trường kỹ thuật quân sự.

Vào đầu tháng 9, nhằm đảm bảo sinh hoạt hàng ngày và hoạt động của nhóm chuyên gia Liên Xô, chúng tôi đã lập ra các ban (các hội đồng) hoạt động thường trực: ban hậu cần, hội đồng phòng truyền thống Lênin, ban biên tập báo tường, tổ học tập tiếng Việt, ủy ban thể thao, tổ đồng ca, bổ nhiệm cán bộ chịu trách nhiệm về trạm phát điện lưu động.

Ngày 2-9-1970 nhóm chuyên gia chúng tôi đã tham gia cuộc mít tinh nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lần đầu tiên chúng tôi được nhìn thấy một tập thể hết sức đông đảo các học viên, giảng viên, ban chỉ huy, các cán bộ chính ủy, các đại diện chính quyền của tỉnh và của huyện đã quan tâm đến những vấn đề đào tạo cán bộ quân sự trong thời gian chiến tranh.

Ngày 2 và 8-9 đã diễn ra những cuộc họp đầu tiên với trưởng phòng huấn luyện, Thiếu tá Bảo và Phó Giám đốc của trường là thiếu tá Cung đã nói rõ thêm nhiệm vụ của những người tốt nghiệp trường này, trình độ chuyên môn khởi điểm của những người được cử đi học, họ phải có kinh nghiệm tác chiến có sử dụng vũ khí và khí tài quân sự; đã phối hợp các nhiệm vụ của các chuyên gia quân sự Liên Xô trong các khoa không quân tiêm kích, bộ đội tên lửa phòng không, bộ đội kỹ thuật vô tuyến điện, đã ấn định các cuộc gặp gỡ hàng tuần với trưởng phòng huấn luyện diễn ra vào thứ 5 và những cuộc gặp gỡ hàng tháng (từ ngày 20 đến ngày 25) với Giám đốc của Trường kỹ thuật quân sự và mỗi khi thấy cần thiết.

Ngày 10-9 trưởng phòng đo đạc kiểm tra của Cục Kỹ thuật thuộc Bộ Tư lệnh phòng không - không quân, Thiếu tá Tấn đã tới thăm trường. Đồng chí này đã tham dự buổi lên lớp với các học viên của tổ máy kiểm tra - đo đạc, do Trung tá A. Ia. Khôrêp tiến hành. Buổi học đã được đánh giá cao về nội dung, cũng như về phương pháp giảng bài. Sau buổi học đó, trong cuộc họp với trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô, với các giảng viên về môn máy đo đạc kiểm tra A. Ia. Khôrêp và N. I. Lusco đã có sự thỏa thuận về các vấn đề dạy phần lý thuyết máy đo đạc - kiểm tra, tiến hành thực tập và sát hạch, sự sẵn sàng của các giáo cụ trực quan và các dụng cụ.

Ngày 14-9, tại cuộc họp đầu tiên của tổ chức đảng đã bầu ra Thường vụ Đảng ủy gồm các đồng chí V. X. Xmiécnốp, A. Ia. Khôrêp, A. A. Lixiutin, E. C. Vécvâyco, A. A. Nêven.

Ngày 21-9 đã diễn ra buổi giới thiệu nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô với Giám đốc mới của Trường kỹ thuật quân sự của bộ đội phòng không - không quân, Trung tá Trần Nhẫn (Цан Ньян) Đồng chí ấy, trước khi đến nhận nhiệm vụ tại trường này, đã phục vụ tại Cục Kỹ thuật Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam. Trước nữa, đồng chí Trần

Nhấn đã tốt nghiệp Trường kỹ thuật tên lửa phòng không tại Kiép và Học viện pháo binh Leningrát của Liên Xô. Đồng chí thông thạo tiếng Nga. Vì vậy với tư cách là chuyên gia bên cạnh Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự của Việt Nam, tôi giao tiếp với đồng chí ấy khá dễ dàng và sự giao tiếp ấy có lợi cho cả hai phía.

Quãng thời gian phục vụ quân đội tiếp theo của đồng chí Trần Nhấn rất đáng chú ý. Tháng 5-1971 lúc đầu đồng chí được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc, rồi về sau được cử làm Giám đốc Trường sĩ quan phòng không tại thị xã Sơn Tây. Sau thời gian làm Giám đốc trường sĩ quan này, đồng chí được cử làm Cục trưởng Cục Kỹ thuật Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam, sau đó trở thành Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Sau chiến tranh được học tại Học viện quân sự của Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô, được phong quân hàm thiếu tướng, về sau được phong quân hàm trung tướng.

Trong cuộc gặp gỡ với các chuyên gia quân sự Liên Xô, đồng chí Trần Nhấn đã thông báo với các đồng chí Liên Xô về những sự kiện quan trọng nhất trong sinh hoạt quốc tế, đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á.

Cũng trong ngày hôm đó đã diễn ra buổi làm việc đầu tiên giữa đồng chí Trần Nhấn và A. V. Blagôđêrôp, Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự và Tổ trưởng tổ chuyên gia về kỹ thuật vô tuyến điện V. M. Cápralốp. Về phía Việt Nam, những người tham dự cuộc họp này gồm có Phó Giám đốc của Trường kỹ thuật quân sự, đồng chí Cung (Кунь) trưởng phòng phụ trách phục vụ các chuyên gia quân sự Liên Xô và giảng viên tiếng Nga trước chiến tranh, đồng chí Hiệp (Хиеп) và cán bộ phiên dịch Nguyễn (Нрызн).

Những vấn đề thảo luận gồm có: vấn đề biên chế các chuyên gia quân sự Liên Xô cho các năm 1971 - 1972; vấn đề thời hạn các chuyên gia hoàn thành công việc sau khi đến trường này từ sau ngày 1-9; vấn đề các đề án xây dựng cơ sở phòng thí nghiệm - huấn luyện; vấn đề sự hợp tác giữa các trường khoa và các giáo viên của Trường với các chuyên gia quân sự Liên Xô về tên lửa phòng không, không quân tiêm kích, kỹ thuật vô tuyến điện và máy kiểm tra - đo đạc trong quá trình soạn thảo các chương trình giảng dạy và các tài liệu giáo khoa.

Ngày 7-10, Tham mưu trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô về phòng không, Đại tá I. C. Bêlốp, và Trưởng phòng quan hệ đối ngoại Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam, Thiếu tá Tính (Тинь) đã đến thăm nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự.

Trong cuộc họp với Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhấn và Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự A. V. Blagôđêrôp, Đại tá I. C. Bêlốp đã nêu vấn đề triển vọng sử dụng các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự trong thời gian 1971 - 1972. Giám đốc của Trường kỹ thuật quân sự đã phát biểu về vấn đề này. Đồng chí ấy đã trình bày những kiến nghị về biên chế các chuyên gia quân sự Liên Xô.

Thực chất các kiến nghị ấy như sau: phía Việt Nam muốn cắt giảm số lượng chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường này bằng cách tuyển lựa các chuyên gia nắm vững một số hệ thống chuyên môn. Ví dụ, trong các bộ khí tài tên lửa - phòng không: hệ thống xác định tọa độ, hệ thống phát lệnh và máy phát lệnh vô tuyến; trạm kiểm tra - thử nghiệm di động và tên lửa phòng không có điều khiển; về kỹ thuật hàng không: cấu trúc của máy bay và cấu trúc của động cơ; các thiết bị liên lạc vô tuyến điện và thiết bị ra đa của máy bay, và v.v..

Trong dự thảo thoả thuận về biên chế các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự, Đại tá I. C. Bêlốp đề nghị bảo lưu khả năng biệt phái 2 - 3 chuyên gia quân sự Liên Xô đến Trường này, thay vì 1 chuyên gia, trong trường hợp gặp khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu tuyển lựa các chuyên gia thông thạo một số hệ thống. Các đồng chí Trần Nhấn và Tính, cũng như Phó Chính ủy của Trường này là đồng chí Tuyên (Тузн), cũng tham dự buổi họp này, đã đồng ý với điều bảo lưu ấy.

Ngày 14-10, Phó Trưởng đoàn phụ trách công tác chính trị của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Đại tá A. T. Trômbachép cùng các sĩ quan của phòng chính trị và củaban tham mưu P. P. Baranốp và I. X. Lônin đã đến thăm nhóm chuyên gia quân

sự tại: Trường kỹ thuật quân sự. Đại tá Trômbachép đã có cuộc họp với A. V. Blagôđêrôp Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự.

Đồng chí Baranốp P. P. đã trình bày trước nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô bản báo cáo về các vấn đề khó khăn trong đời sống trong nước và địa vị quốc tế của Liên Xô.

Ngày 16-10 cán bộ phụ trách công tác chính trị của phòng phục vụ chuyên gia Liên Xô là Trung úy Thuật (Tkyat), thông qua phiên dịch viên trưởng Lã (Ла), đã truyền đạt cho Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự thông tin dưới đây:

Nghị định của Bộ Nội vụ và Bộ Văn hóa của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về các quy định sử dụng máy quay phim và máy ảnh và các bản phác họa trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; về các biện pháp an ninh mà các chuyên gia quân sự Liên Xô cần tuân thủ khi tiếp xúc với dân chúng địa phương trong tình hình có những tư tưởng thù địch trong các tầng lớp tàn dư thuộc các giai cấp bóc lột, hoạt động của bọn phá hoại, bom và mìn hẹn giờ. Tất cả những trường hợp chuyên gia quân sự Liên Xô đi ra ngoài khu vực cư trú có hàng rào dây thép gai bao quanh phải được thỏa thuận - thông qua ban chỉ huy của Trường kỹ thuật quân sự - với các cơ quan an ninh quốc gia của tỉnh Vĩnh Phú. Đề nghị lập các bản kế hoạch hàng tháng về những lần ra khỏi khu vực cư trú của chuyên gia để tìm hiểu đời sống của nhân dân khu vực kề cận với Trường kỹ thuật quân sự.

Ngày 21-10, trong cuộc họp của Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô với Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân, với sự tham dự của Trưởng phòng phục vụ chuyên gia, đồng chí Hiệp và phiên dịch viên Nguyễn, đã thảo luận các vấn đề: cách thức và thời hạn áp dụng các đề cương chuyên đề nghiên cứu các môn học, do các giảng viên Liên Xô và Việt Nam soạn thảo, vào quá trình học tập; tăng cường trách nhiệm về các tài liệu phương pháp giảng dạy do các giảng viên Việt Nam và Liên Xô cùng soạn thảo và về việc xác định các chỉ số và các tiêu chí đánh giá chất lượng của các tài liệu ấy; soạn thảo các chương trình giảng dạy các môn học mới đối với Trường kỹ thuật quân sự về nguyên lý tự động hóa và đo đạc vô tuyến điện.

Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô đã thông báo với Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự về ý định của một số giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự muốn hướng công việc của các chuyên gia quân sự Liên Xô vào việc soạn thảo các tài liệu giáo khoa chủ yếu về các vấn đề các số liệu tính toán thiết kế của các cụm linh kiện và các thành tố của vũ khí và kỹ thuật quân sự. Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự khuyến cáo không thực hiện những đề nghị ấy và chỉ sử dụng các chuyên gia quân sự Liên Xô theo chức năng trực tiếp - với tư cách là những chuyên gia vận hành.

Ngày 3-11, đã có cuộc họp với đồng chí Nhật, Trưởng phòng huấn luyện mới của Trường kỹ thuật quân sự để thảo luận về quá trình học tập tại các khoa của bộ môn tên lửa phòng không, không quân tiêm kích và kỹ thuật vô tuyến điện, trình độ chuyên môn của các giảng viên Việt Nam. Đã xác định rõ các nhiệm vụ của chuyên gia quân sự Liên Xô. Cùng tham dự cuộc họp này còn có các tổ trưởng các tổ chuyên gia của các bộ môn: tên lửa phòng không, không quân tiêm kích và kỹ thuật vô tuyến điện A. I. Cricun, M. A. Clôsikhin, V. M. Cápralốp, Trưởng phòng phục vụ chuyên gia quân sự Liên Xô Hiệp và phiên dịch viên Nguyễn.

Mở đầu cuộc họp, đồng chí Nhật truyền đạt cho những người có mặt trong cuộc họp này sự đánh giá cao của ban chỉ huy Trường kỹ thuật quân sự về phương pháp giảng dạy do các chuyên gia quân sự Liên Xô soạn thảo, và đã xác định rõ các nhiệm vụ đặt ra cho Trường kỹ thuật quân sự: những đối tượng được tuyển vào học sẽ là những học sinh đã học xong lớp 7 phổ thông, tại trường này họ sẽ có được trình độ học vấn lớp 10 về toán học (với những phần toán học cao cấp), về vật lý và hóa học.

Các hình thức đào tạo gồm có; đào tạo trực tiếp tại trường và đào tạo hàm thụ. Thời hạn học tập 3 năm: năm thứ nhất - học đến trình độ hết trung học phổ thông, năm thứ hai và năm thứ ba - học các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và đào tạo chuyên môn. Khi đến tham dự các bài giảng của các chuyên gia quân sự Liên Xô, các giảng viên Việt Nam phải có đủ trình độ chuyên môn; phương pháp cơ bản để nắm vững kiến thức và các kỹ năng về các môn học phải là tự học và đào sâu kiến thức chuyên môn dưới sự chỉ đạo của các giảng viên là chuyên gia quân sự Liên

Xô.

Đã xác định rõ sự cần thiết phải mời các chuyên gia quân sự Liên Xô - về các hệ thống cụ thể thuộc các bộ môn: tên lửa phòng không, không quân tiêm kích và kỹ thuật vô tuyến điện - đến Trường kỹ thuật quân sự.

Ngày 6-11 đã diễn ra cuộc họp long trọng của toàn đội ngũ Trường kỹ thuật quân sự và các chuyên gia quân sự Liên Xô để kỷ niệm 53 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại.

Những người đã đọc báo cáo gồm có: chính ủy Trường kỹ thuật quân sự là đồng chí Tiên (Тиен) và trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự, đồng chí A. V. Blagôđêrốp.

Ngày 7-11, nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô, nhân ngày lễ này, đã tổ chức buổi đón tiếp long trọng. Những người được mời và đã tham dự buổi tiếp đón long trọng này gồm có: Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Vĩnh Phú Kim Ngọc (Ким Нрок), chủ tịch ủy ban hành chính tỉnh Vĩnh Phú Nguyễn Thành Độ (Нгуен Тхань До), Bí thư Huyện ủy huyện Phù Ninh Nguyễn Văn Thung (Нгуен Ван Тхун), Chủ tịch ủy ban hành chính huyện Hán Văn Hy (Хан Ван хи), chủ tịch ủy ban hành chính xã Văn Phú Cao Mạnh Hùng (Као Мань Хунь), Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân, Chính ủy Trường kỹ thuật quân sự Vũ Tiên (Бу Тиен), Trưởng phòng huấn luyện Nguyễn Văn Nhật (Нгуен Ван Ньят), Trưởng phòng phục vụ chuyên gia quân sự Liên Xô Trần Đức Hiệp (Цан Дык Хиеп), cán bộ chính trị của Phòng phục vụ chuyên gia Hoàng Thiện Thuật (Хоанг Тхиен Тхуат), các phiên dịch viên Lã, Nguyên, Hoè (Хуз); Long (Лохр).

Buổi tiếp đón này, cũng như hai buổi tiếp tân khác: ngày lễ dân tộc của nhân dân Liên Xô - ngày lễ đón năm Mới 1971 - và ngày lễ đón năm Mới theo âm lịch (Tết) của nhân dân Việt Nam, đều diễn ra trong không khí hữu nghị và tin cậy lẫn nhau.

Tiện thể xin nói thêm rằng tất cả những ngày hội trong nhóm chuyên gia - chủ yếu đó là những ngày sinh của các giảng viên, được tổ chức một lần trong tháng dành cho tất cả những người có ngày sinh trong tháng đó, - đều nhất thiết có mời các đồng chí Việt Nam tham dự. Thông thường, đó là Giám đốc của Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân, Chính ủy Vũ Tiên, Phó Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Thanh (Цан Тхань), các trưởng khoa và các phiên dịch viên. Cách tổ chức như vậy các ngày hội đã cho phép, một mặt, củng cố quan hệ, sự phối hợp hành động và quan hệ tin cậy giữa các chuyên gia quân sự Liên Xô và các đồng chí Việt Nam, mặt khác, cho phép hoàn toàn loại bỏ việc sử dụng rượu ở các cá nhân và ở các nhóm lẻ.

Ngày 11-11 đã diễn ra cuộc họp - thông qua phiên dịch viên Nguyên - giữa Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự và tổ trưởng tổ chuyên gia quân sự Liên Xô về các bộ môn máy kiểm tra - đo đạc A. Ia. Khôrép với Trưởng phòng kế hoạch của Trường kỹ thuật quân sự, đồng chí Thường và với tổ trưởng các lớp bổ túc sĩ quan là đồng chí Nại. Được sự ủy nhiệm của Trưởng phòng huấn luyện, đồng chí Thường thông báo cho biết Bộ tư lệnh phòng không - không quân đã đáp ứng đề nghị của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự và thông báo với ban chỉ huy Trường kỹ thuật quân sự là đồng ý mở một khóa học mới về chuyên ngành "đo đạc vô tuyến điện" và chuyên ngành mới của các học viên tốt nghiệp - "kỹ thuật viên về máy kiểm tra - đo đạc". Thời gian học của khóa học này là 200 - 250 ngày.

Ngoài ra, cũng có sự chấp thuận đối với đề nghị của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự tổ chức tại Trường khóa học "Nguyên lý tự động hóa". Học viên của tất cả các khoa phải theo học khóa này trong khoảng 240 giờ.

Đã có thỏa thuận về các vấn đề soạn thảo chương trình giảng dạy, đề cương chuyên mục và các tài liệu giáo khoa dành cho việc đào tạo các kỹ thuật viên về công tác đảm bảo tìm kiếm - cứu hộ phi công.

Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự đã đề nghị tổ chức giai đoạn đào tạo cuối cùng của các học viên khoa tên lửa phòng không bằng việc tổ chức phối hợp tác chiến cho các khẩu đội trong tiểu đoàn tên lửa trong thời gian 3 - 4 ngày. Những ngày đầu là tổ chức khâu thu dọn khí tài chiến đấu, hành quân, triển khai khí tài chiến đấu; ngày thứ hai là tổ chức tác chiến; ngày thứ ba là tổ chức thu dọn khí tài, hành quân, triển khai khí tài. Đã

có thông báo rằng đề nghị ấy sẽ được nghiên cứu.

Khoảng từ giữa tháng 10-1970 trong những chuyến đi Hà Nội và trong những lần đi ra ngoài phạm vi nơi cư trú của chúng tôi đều có thông báo rằng tại các điểm dân cư các hầm trú ẩn cá nhân và các hầm trú ẩn tập thể bắt đầu được sửa sang lại đề phòng không quân Mỹ tái diễn những cuộc bắn phá. Sau một thời gian ngắn tạm ngừng các vụ đánh phá các tỉnh trung tâm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đất nước này đã tăng cường cảnh giác đề phòng những cuộc bắn phá mới. Sự cảnh giác của dân chúng không phải là vô lý.

Ngày 21-11, vào khoảng 2 giờ 15 phút chúng tôi, các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự, đã bị đánh thức bởi cuộc bắn phá tàn khốc nhất của không quân Mỹ tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong năm 1970 đã bắt đầu diễn ra.

Nhóm chuyên gia Liên Xô đã tỉnh giấc vì tiếng gầm rú của động cơ những máy bay phản lực bay thấp, vì tiếng rít của các tên lửa phòng không có điều khiển và tiếng đạn pháo cao xạ nổ và hình như cả những tiếng bom nổ ở các hướng tây - nam và nam. Bằng mắt có thể nhìn thấy các máy bay bay theo hướng khoảng 2700. Đêm ấy có trăng, sao, trời rất sáng. Các máy bay bay ở độ cao 3 - 5 km trong chế độ đội hình tăng cường. Đã nghe thấy nhiều tiếng bom nổ. Đến sáng, từ 8 giờ đến 12 giờ những tiếng nổ diễn ra theo từng đợt.

Về sau chúng tôi mới hay biết rằng trong đêm hôm ấy bọn Mỹ đã thực hiện chiến dịch giải cứu các phi công bị bắt làm tù binh tại một trại giam ở gần thị xã Sơn Tây, cách Hà Nội 40km. Trong việc tổ chức chiến dịch này có sự tham gia của các sĩ quan cao cấp của Bộ quốc phòng Mỹ. Ý đồ của chiến dịch này là: chuẩn bị dồn dập trong 4 tháng cho việc đổ bộ trực thăng tại Phlorida, ở một địa điểm giống với trại giam ở gần thị xã Sơn Tây; tung quân đổ bộ từ Thái Lan, băng qua Lào, bay dọc theo sông Mê Công tới địa điểm có trại giam các phi công tù binh; đổ bộ các nhóm đánh cướp, nhóm đảm bảo và yểm trợ; giải cứu các phi công và đưa họ trở về Thái Lan theo lộ trình ngược lại; thực hiện các hành động dồn dập có phối hợp của các máy bay chiến thuật của hải quân và của các máy bay gây nhiễu sóng vô tuyến để che giấu mục đích thực sự của chiến dịch giải cứu các phi công Mỹ bị bắt làm tù binh.

Chiến dịch này đã được thực hiện hoàn toàn ăn khớp với ý đồ đã dự định, nhưng đã không đạt được mục tiêu chủ yếu của chiến dịch này. Nhóm đánh chiếm đã làm chủ trại giam mà lẽ ra phải có những phi công tù binh, nhưng tại trại này đã không có những phi công ấy. Khoảng 1 tuần trước khi diễn ra chiến dịch này, phía Việt Nam đã chuyển các phi công tù binh đến một địa điểm khác. Đội máy bay trực thăng đổ bộ của Mỹ đã trở về Thái Lan mà không bị tổn thất.

Ngày 29-11, trong cuộc họp với Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô, Bí thư tổ chức đảng của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô V. X. Xmiécnốp, tổ trưởng tổ chuyên gia về không quân tiêm kích M. A. Clôsikhin, với sự tham dự của Chính ủy Trường kỹ thuật quân sự, đồng chí Tiên, Trưởng phòng phục vụ chuyên gia, đồng chí Hiệp và phiên dịch viên Hoè, Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân đã thông báo tỉ mỉ về tình hình tại các mặt trận và về cuộc đánh phá của không quân Mỹ ngày 21-11. Đồng chí Giám đốc cũng đã thông báo về quyết định của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng II cho Trường kỹ thuật quân sự. Giám đốc và Chính ủy của Trường đã đề nghị ban đồng ca nghiệp dư của các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự biểu diễn văn nghệ cho toàn thể đội ngũ của Trường và dân chúng các làng kế cận thuộc xã Văn Phú vào ngày 22-12 nhân kỷ niệm 26 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Đề nghị này đã được chấp thuận.

Vào thời điểm ấy trong nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô đã hình thành một tốp nhỏ những người yêu ca hát, những bài hát được trình diễn là những bài hát của Nga và Ucraina, những bài hát về cuộc chiến tranh yêu nước và những bài hát trữ tình của hải quân, của không quân, v.v..

A. Ia. Khôrép đặc biệt rất yêu thích ca hát. Có một lần, đồng chí đã đề nghị tập hát những bài hát tiếng Việt để tạo bầu không khí hữu nghị giữa các chuyên gia quân sự Liên Xô với toàn thể đội ngũ Trường kỹ thuật quân sự và nhân dân các làng ở gần trường. Người phiên dịch thường trực của Khôrép về bộ môn máy kiểm tra - đo đạc là đồng chí Cao Văn Lã là một người hát rất hay và đã đồng ý giúp. Câu chuyện bắt đầu từ việc A. Ia. Khôrép đề nghị tôi - nhằm đẩy mạnh

thu hút các chuyên gia quân sự Liên Xô tham gia tập hát các bài hát Việt Nam - trong tư cách là Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự hãy hết sức tích cực và kiên trì học thuộc không chỉ phần lời của bài hát mà đây là chủ yếu nhất - còn nắm chắc ngữ điệu khi trình bày bằng tiếng Việt. Có 5 người mở đầu, thấy thích. Thế là chẳng bao lâu sau gần như mọi người đã tích cực học hát các bài hát Việt Nam.

Cần phải nói rằng niềm đam mê ca hát đã giúp rất nhiều cho các chuyên gia quân sự Liên Xô chịu đựng những khó khăn trong lao động sự phạm và cuộc sống trong điều kiện khí hậu nóng ẩm, hoạt động học tập - chiến đấu căng thẳng cùng với các học viên và giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự. Và không chỉ có thế. Tất cả chúng tôi đều tin chắc rằng việc cùng nhau tập hát và hát các bài hát Việt Nam đã cổ kết chúng tôi thành một tập thể ngày càng quý trọng đất nước Việt Nam nhỏ bé và nhân dân đất nước này, một dân tộc đã đứng lên chiến đấu chống lại Hoa Kỳ, nước hùng mạnh nhất trong số các nước tư bản chủ nghĩa.

Ngày 14-12 Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhẫn, trong cuộc họp của toàn thể các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường này, đã thông báo nội dung bức thư của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi đồng bào cả nước nhân việc Mỹ mở rộng các hành động xâm lược, thông báo lệnh của Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhân sự kiện này và về tình hình trên các mặt trận. Tại cuộc họp này cũng đã giới thiệu vị Phó Giám đốc mới của Trường kỹ thuật quân sự, Trung tá Thành (Тхань). Sau cuộc họp này đồng chí Trần Nhẫn thông báo với Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô A. V. Blagôđêrôp và Bí thư tổ chức đảng của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô V. X. Xmiécnôp về cách thức tổ chức kỷ niệm 26 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và về việc Trường kỹ thuật quân sự được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng II.

Cũng trong ngày hôm đó sĩ quan cao cấp thuộc ban tham mưu của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại tá B. I. Côtenhicôp đã đến thăm nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự. Đại tá Côtenhicôp thông báo thêm cho nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự về lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi nhân dân cả nước trước hành động Mỹ mở rộng xâm lược và về sự cần thiết phải nâng cao ý thức tổ chức và tinh thần cảnh giác.

Đầu tháng 12 tôi nhận được thông tin từ trụ sở: Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho biết vào hạ tuần tháng 12 nhóm chuyên gia tại đây phải chuẩn bị sẵn sàng đón tiếp nhà văn, nhà thơ và nhà soạn kịch nổi tiếng và được nhân dân Liên Xô và hầu hết nhân dân toàn thế giới yêu mến - đó là Cônxtantin Mikhailôvích Ximônôp.

Đương nhiên, mặc dù rất bận rộn với công tác huấn luyện và phương pháp giảng dạy theo thời khóa biểu lên lớp tại Trường kỹ thuật quân sự, song chúng tôi đã bắt đầu gấp rút chuẩn bị cho cuộc đón tiếp vị khách hết sức danh tiếng ấy. Chúng tôi đã đọc và ôn lại tất cả những tài liệu có trong tủ sách tuyển chọn của chúng tôi và rút ra những tác phẩm của Ximônôp và những gì viết về Ximônôp, chúng tôi đã học thuộc lòng một số bài thơ của Ximônôp. Chúng tôi đã chuẩn bị hát cho ông nghe 2 bài hát bằng tiếng Việt mà chúng tôi dự định sẽ trình bày vào ngày 22-12, kỷ niệm 26 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

Vậy là vào ngày 20-12 Cônxtantin Mikhailôvích Ximônôp đã đến thăm nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự. Cùng đi với ông còn có Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trung tướng N. C. Mácximencô, phu nhân của ông là bà Dôia Alếchxanđrôpna và người tháp tùng ông là Thiếu tá Tính.

Trong khoảng 2 giờ liền nhà văn Ximônôp đã kể về hoạt động sáng tác của ông, về những khó khăn, trở ngại mà ông đã gặp phải trên đường đời. Ông đã nói nhiều và sôi nổi về chiến tranh, về tình đồng đội trong quân ngũ, về Tổ quốc và lòng trung thành với nghĩa vụ, về những nỗi niềm của mình sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô. Ông đã chia sẻ với chúng tôi về những dự định văn chương của mình. Ông nói rằng đã thôi làm thơ. Chúng tôi đã rất lấy làm tiếc rằng lúc đó chúng tôi không có sẵn máy ghi âm.

Tôi xin đi chệch ra ngoài những hồi ức về cuộc gặp gỡ của chúng tôi với nhà văn Ximônôp, và tôi phải nói rằng sau chuyến đi thăm Việt Nam, Ximônôp lại trở lại với thơ. Năm 1971 nhiều

bài trong số những bài thơ ấy đã được đăng trên báo “Pravda”, sau đó được in trong cuốn sách “Việt Nam - Mùa đông năm 70”.

Có một bài thơ viết về các chuyên gia quân sự Liên Xô. Bài thơ ấy có nhan đề “Chuyên gia”:

Thật khó ngủ trong chiếc màn chống muỗi,  
Suốt cả tháng Chạp mưa rơi tầm tã,  
Ước gì ở đây có tuyết! Nhưng chẳng có ai.  
Gửi điều kỳ diệu ấy đến nơi này...  
Những cô gái Mátxcova, Rôxtốp, Leningrát,  
Mong sao tôi tốt vía,  
Mong sao có những bức thư của chồng - tất cả đều ổn -  
Sẽ đến tay vợ vào những ngày năm Mới  
Ở nơi xa xăm ấy, xa cách chồng  
Họ lao động với cả lương tâm Xôviết,  
Cho dù chúng ta chưa kịp viết  
Tiểu thuyết, những câu chuyện về họ.  
Họ không ném bom vào phụ nữ.  
Họ không tưởng nhớ vô duyên về Chúa.  
Họ không giết người - họ cứu người.  
Lòng tâm họ trong sáng như pha-lê.  
Lao động của họ hiến dâng cho nhân dân khổ đau .  
Do vậy lao động ấy là thiêng liêng, và vẫn lặng lẽ.  
Tôi mang những bức thư của họ vào dịp năm Mới.  
Mong sao tôi tốt vía...

Sau buổi chuyện trò hết sức lý thú, bổ ích và thú vị với nhà văn Ximônốp, chúng tôi đã tổ chức bữa liên hoan ăn trưa để chào mừng ông. Trong bữa liên hoan này có Trung tướng N. C. Mácximencô cùng phu nhân, ban chỉ huy của Trường kỹ thuật quân sự, Trưởng phòng phục vụ các chuyên gia quân sự Liên Xô là đồng chí Hiệp và các phiên dịch viên.

Khi chuẩn bị cho buổi gặp gỡ này, chúng tôi đã mua những chai rượu cô nhắc thương hạng của xứ Ácmênia: “đovin”, “Ácmênia”, “Đặc sản”. Nhân đây cũng xin nói rằng ở Việt Nam loại rượu cô nhắc này có giá thấp hơn nhiều so với giá ở Liên Xô.

Khi mọi người ngồi vào bàn thì Ximônốp chỉ trông thấy các chai rượu cô nhắc, ông liền hỏi: “Vậy ở chỗ các đồng chí không có rượu vốtca?”. Tất nhiên, cũng có cả rượu vốtca, cả trong bữa ăn trưa, cả trong nhiều cuộc nâng cốc. Ximônốp đã hồ hởi uống rượu vốtca. Trong bữa liên hoan ấy, chúng tôi tiếp tục nói về lòng dũng cảm, về chủ nghĩa yêu nước, về danh dự của người sĩ quan, chúng tôi đã đọc các bài thơ của ông, đã nghe những câu chuyện thầm kín về cuộc đời chinh chiến của phóng viên C. M. Ximônốp và đã hát các bài hát bằng tiếng Nga, tiếng Ucraina và tiếng Việt. Nhà văn Ximônốp rất ngạc nhiên khi thấy chúng tôi trình bày khá hay các bài hát bằng tiếng Việt Nam. Các đồng chí Việt Nam có mặt trong bữa liên hoan ấy cũng tỏ ra ngạc nhiên về điều này.

Nhà văn Ximônốp đã nhận được câu hỏi chuẩn bị sẵn của chúng tôi: “Trong số những bài thơ của ông bài thơ nào được yêu mến nhất, bài nào nghiêm túc nhất và bài nào không nghiêm túc nhất?”.

Và đây là câu trả lời của ông: “Bài thơ được yêu mến nhất là bài “Đợi anh về”, bài nghiêm túc nhất là bài thơ “Aliôsa, anh còn nhớ chăng những con đường về Xmôlênxcơ...” và bài thơ không nghiêm túc nhất là bài “Truyện cổ tích về thành phố Prôpôixcơ”.

Bài thơ nói sau cùng trên đây đã không được xuất bản trong một thời gian dài. Ông cho biết, chỉ mãi những năm gần đây nhất mới được in trên tạp chí “Tổ quốc”. Tôi xin dẫn ra đây một số câu trong bài thơ ấy:

Khi ta mệt mỏi vì chiến tranh,  
Vì tiếng nổ của đạn pháo, vì những đoàn quân,  
Thì cùng với bạn hữu ta sẽ kiếm ra tiền  
Để cùng đến thành phố Prôpôixcơ.  
... Chắc là ở thành phố Prôpôixcơ  
Con người sẽ đắc tội đến cùng kiểu Nga  
Anh ta sẽ uống rượu - như trên thiên đường - không cần thức nhấm.  
Anh ta uống rượu khi trời mưa, khi trời lộng gió, khi tuyết rơi.  
Chúng ta sẽ sống ở nơi ấy lặng thình  
Đến khi nào mọi người tìm thấy chúng ta.  
Đến khi nào hơi rượu nồng  
Chỉ đường cho vợ tìm thấy ta  
Và thế là trong hơi thở dịu hiền của vợ  
Tất cả chúng ta sẽ uống cạn vò rượu  
Rồi chúng ta sẽ gọi tên thành phố Prôpôixcơ  
Thành thành phố Prôrêdovenxơ,  
Khiến các bà vợ chúng ta vui sướng.

(Chú thích: Chơi chữ: Prôpôixcơ - thành phố say rượu; Prôrêdovenxơ - thành phố tỉnh rượu.)

Giờ đây có thể đọc toàn văn bài thơ này, chẳng hạn, trong văn tập: “Ximônốp C. Những bài thơ và những bài trường ca. - L: Nhà văn hiện đại. 1990”. Tuy bài thơ trên đây được gọi là “Truyện cổ tích”, nhưng thật ra thành phố Prôpôixcơ là có thật. Ngày nay nó có tên gọi là Xlápghôrốt.

Chúng tôi đã cùng chụp ảnh với nhà văn Ximônốp và Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trung tướng N. C. Mácximencô để kỷ niệm ngày các nhân vật này đến thăm nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự.

Vào hai ngày 21 và 22-12 nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự đã tham gia các hoạt động long trọng kỷ niệm 26 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và lễ trao tặng Huân chương Chiến công hạng II cho trường. Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự A. V. Blagôđêrốp đã trao tặng Giám đốc trường này cuốn sách “Chiến tranh giữ nước vĩ đại trong những năm 1941 - 1945”, và trao tặng Chính ủy của trường cuốn sách “Đảng Cộng sản trong chiến tranh giữ nước vĩ đại”. Các chuyên gia Liên Xô đã cùng với ban chỉ huy của trường tham dự các hoạt động thể thao của các khoa tên lửa phòng không, khoa không quân tiêm kích và khoa kỹ thuật vô tuyến điện, trong trận đấu bóng chuyền giữa các đội bóng chuyền của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô và của Phòng huấn luyện Trường kỹ thuật quân sự. Sau đó đã tham quan phòng triển lãm phản ánh sinh hoạt của Trường kỹ thuật quân sự trong 4 năm qua.

Ngày 22-12, vào lúc 7 giờ tối, tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô và ban chỉ huy của Trường kỹ thuật quân sự đã tham dự buổi biểu diễn văn nghệ nghiệp dư được tổ chức ngoài trời, có sân khấu dành cho những người lên biểu diễn. Đến xem buổi biểu diễn văn nghệ hôm ấy, ngoài các học viên, các giảng viên, công nhân viên của Trường kỹ thuật quân sự, còn có đông đảo bà con các làng gần đó. Những người tham gia biểu diễn văn nghệ là tốp đồng ca của các chuyên gia quân sự Liên Xô có 26 người trong danh sách, và số người hát là 23 người.



Chúng tôi đã hát các bài: “Lênin sống mãi” và “Tiếng chuông báo động ở Bukhenvan” bằng tiếng Nga và “Du kích quân” bằng tiếng Việt. Chúng tôi đã cùng với tập đồng ca của Phòng phục vụ chuyên gia trình bày bài “Cô gái Vácsava” bằng tiếng Nga và bài “Kết đoàn” bằng tiếng Việt. Tất cả các bài hát đều nhận được sự hoan nghênh và cổ vũ nồng nhiệt của khán giả. Còn những bài hát được trình bày bằng tiếng Việt nhận được những tràng vỗ tay rào rào của khán giả đứng cổ vũ và bàn chỉ huy của Trường kỹ thuật quân sự thì lên sân khấu chúc mừng và hoan nghênh từng người tham gia đội đồng ca của chúng tôi. Bài hát “Du kích quân” đã được chúng tôi trình diễn 2 lần do khán giả yêu cầu.

Sau lễ kỷ niệm 26 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, đặc biệt sau buổi chúng tôi biểu diễn các bài hát bằng tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy đã có sự chuyển biến mạnh mẽ theo chiều hướng tốt đẹp trong tình cảm của ban chỉ huy Trường, của các viên chính ủy, của các giảng viên, các học viên và của bà con các làng xung quanh dành cho chúng tôi. Mọi người đã tin cậy chúng tôi hơn, chào hỏi và tiễn đưa vui vẻ, quan tâm nhiều hơn đến việc giải quyết các vấn đề sinh hoạt của chúng tôi và - đây là điều quan trọng hơn cả - tỏ ra cố gắng nhiều hơn trong việc lĩnh hội các môn học do chúng tôi giảng dạy và gần như lập tức thực hiện những khuyến cáo của chúng tôi trong hoạt động chuyên môn.

Từ ngày 23-12, theo đề nghị của đồng chí Hoà (Xoa), Trưởng khoa tên lửa phòng không, tổ chuyên gia quân sự Liên Xô về bộ môn tên lửa phòng không đã tham gia công tác trợ giúp sửa chữa các bộ khí tài tên lửa phòng không của Trường.

Ngày 11-1-1971 đã diễn ra cuộc họp của Trường nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô với Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân, với sự có mặt của Trưởng phòng phục vụ chuyên gia Hiệp và phiên dịch viên Long.

Mở đầu cuộc họp, Giám đốc Trần Nhân đã phát biểu nhận định tình hình chính trị - quân sự ở Đông Dương. Sau đó đã giải quyết những vấn đề dưới đây:

1. Về việc thay thế đồng chí V. P. Ruxcốp, chuyên gia về thiết bị liên lạc vô tuyến trong máy bay, do đã mãn hạn công tác tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong thời gian 11 tháng rưỡi đồng chí Ruxcốp đã thực hiện khối lượng công tác giảng dạy và soạn giáo trình như sau: đã soạn thảo các chương trình học cho 15 môn học với tổng thời lượng 3108 giờ; đã soạn các đề cương chuyên mục nghiên cứu về hai môn học với tổng thời lượng 536 giờ; đã soạn thảo tài liệu giáo khoa cho một môn học với thời lượng 120 giờ; đã giảng bài 164 giờ; đã thực hiện 10 giờ tư vấn. Theo định mức được áp dụng trong các trường cao đẳng ở Liên Xô thì tổng khối lượng công tác giảng dạy và soạn giáo trình là 1418 giờ. Tổng khối lượng trên đây do đồng chí đã thực hiện trong thời gian công tác tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là 1833 giờ. Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự quyết định thay thế là cần thiết. Tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô khác tại Trường kỹ thuật quân sự cũng đã thực hiện khối lượng công việc tương tự.

Song, những chuyên gia đã hoàn thành các trách nhiệm của mình một cách đặc biệt có hiệu quả và với cường độ đặc biệt là các Trung tá A. Ia. Khô-rép và A. A. Nê-ven. Chỉ riêng khối lượng công tác giảng dạy và soạn giáo trình trong thời gian công tác tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lên đến hơn 1700 giờ.

2. Về việc giảng bài cho các giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự. Theo đề nghị của chúng tôi, Giám đốc của Trường đã phê chuẩn thời gian lên lớp là từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút, mỗi tuần hai lần, khi cần thiết thì lên lớp từ 7 giờ sáng. Đặc biệt chú ý đến việc dạy phương pháp soạn thảo các tài liệu giáo khoa. Cần có phương pháp khác nhau trong quá trình huấn luyện cho các giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự về chủ đề các buổi lên lớp, cũng như về thành phần các học viên.

3. Vấn đề lên lớp cho tất cả các giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự về môn sư phạm và tâm lý học. Người lên lớp sẽ là đồng chí A. V. Blagôđê-rốp. Chủ đề - sẽ thỏa thuận với Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự.

4. Vấn đề sử dụng đồng chí M. M. Saidulin, chuyên gia về lắp đặt dụng cụ trên máy bay, cùng lên lớp giảng dạy với các giảng viên Trường kỹ thuật quân sự tại một sân bay gần nhất. Ý kiến

của Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự là: việc lên lớp là cần thiết, nhưng sẽ trả lời sau khi có sự thỏa thuận với Bộ tham mưu của bộ đội phòng không - không quân.

5. Về vấn đề để bác sĩ của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô G. N. Madin lên lớp giảng về chủ đề: "Các chất độc hại trong các loại nhiên liệu tên lửa và phương pháp sơ cứu khi bị nhiễm độc" cho các giảng viên khoa tên lửa phòng không của Trường kỹ thuật quân sự. Quyết định đưa ra là: những bài giảng như vậy là quan trọng và cần thiết. Buổi lên lớp đầu tiên sẽ diễn ra trong tháng 2, sau đó hàng tháng sẽ có lên lớp giảng.

Ngày 20-1. Bí thư Đảng ủy Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trung tá A. Ph. Pôđơđêp đã đến thăm nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự. Đồng chí Pôđơđêp đã tìm hiểu hoạt động của nhóm chuyên gia tại đây, tham dự cuộc họp đảng, trao đổi với các đảng viên.

Từ ngày 2 đến ngày 6-2 tại Hà Nội đã diễn ra các cuộc họp của tất cả các trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô và các Bí thư tổ chức đảng. Đã có dịp gặp gỡ với nhiều đồng chí trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại các trung đoàn - là những sĩ quan đã tốt nghiệp Học viện sĩ quan chỉ huy của binh chủng phòng không. Chúng tôi đã có dịp nhớ đến các đồng chí cùng học tại Học viện. Được biết, đa số các bạn đồng môn của tôi - những sĩ quan thuộc khóa tốt nghiệp Học viện vào năm 1965 - đều đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam.

Trên thực tế, sau Chiến tranh vệ quốc vĩ đại, chỉ có binh chủng phòng không của Liên Xô đã có dịp trải qua kiểm nghiệm chiến đấu, qua những trận chiến đấu phòng không chống lại các phương tiện tấn công hiện đại nhất từ trên không của Hoa Kỳ.

Ngày 17-2 đã có cuộc họp của Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô và Bí thư tổ chức đảng V. X. Xmiécnốp với Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân và Chính ủy Vũ Tiên. Đồng chí Trần Nhân thông báo về kế hoạch cải tổ Trường kỹ thuật quân sự sẽ diễn ra vào tháng 4 và tháng 5.

Trên cơ sở Trường kỹ thuật quân sự của Binh chủng phòng không - không quân sẽ thành lập Trường kỹ thuật không quân. Tổ chuyên gia quân sự Liên Xô thuộc bộ môn không quân phòng không ở lại trường này, tổ trưởng là Trung tá M. A. Clôsikhin. Các chuyên gia thuộc bộ môn tên lửa phòng không, kỹ thuật vô tuyến điện, máy kiểm tra - đo đạc thì sẽ phải chuyển sang Trường sĩ quan phòng không ở Sơn Tây. Nhiệm vụ của các tổ chuyên gia thì vẫn như vậy

Ngày 23-2, theo lệnh của Bộ chỉ huy Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại Trường kỹ thuật quân sự đã tham gia buổi lễ trọng thể kỷ niệm Ngày Quân đội Xôviết và Hải quân Xôviết, tham gia buổi biểu diễn văn nghệ nghiệp dư tại Câu lạc bộ của Sứ quán Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau buổi biểu diễn của tập đồng ca chúng tôi với 3 bài hát bằng tiếng Việt đã được những người tham dự buổi lễ nhiệt hết hoan nghênh, chúng tôi đã được mời đến dự buổi chiêu đãi do Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa I. X. Sécbacốp tổ chức để chúc mừng chúng tôi.

Trong buổi tiếp, Đại sứ Sécbacốp thông báo rằng Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh giá cao nhóm chuyên gia chúng tôi vì đã biết tạo dựng các quan hệ hữu nghị thực sự và đầy tin cậy với ban chỉ huy và toàn thể đội ngũ của Trường kỹ thuật quân sự, và cần phải phổ biến kinh nghiệm này đến những nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô khác. Chúng tôi rất hài lòng với sự đánh giá như vậy về hoạt động của nhóm chuyên gia chúng tôi.

Ngày 15-3 đã có cuộc họp với trưởng phòng huấn luyện của Trường kỹ thuật quân sự là đồng chí Nhật. Đồng chí Nhật đã đánh giá cao các buổi lên lớp và các tài liệu giảng dạy và các tài liệu giáo khoa của các giảng viên chúng tôi. Đồng chí ấy thông báo đã thành lập ủy ban thẩm định chất lượng bản dịch các tài liệu giáo khoa, trong đó có 1 - 2 giảng viên của các khoa và 1 - 2 phiên dịch viên. Đồng chí cũng thông báo rằng Bộ tư lệnh phòng không - không quân đã quyết định tổ chức các khóa học về máy kiểm tra - đo đạc gồm 2 nhóm.

Nhóm thứ nhất sẽ bắt đầu lên lớp từ giữa tháng 4. Số lượng của nhóm này có 20 người. Thời gian khóa học là 4 tháng. Yêu cầu đối với học viên là trung sĩ thì phải học xong lớp 7 - lớp 9 và có kinh nghiệm làm việc trong quân đội từ năm 1966. Cần giảng dạy cho họ về những nguyên lý chung về máy kiểm tra - đo đạc; những nguyên lý về kỹ thuật vô tuyến điện và điện tử phải

do các giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự giảng.

Nhóm thứ hai bắt đầu lên lớp từ đầu tháng 5. Thời gian của khóa học là 3 tháng. Số lượng học viên nhóm này gồm 20 người. Đối tượng học viên là những người được cử làm trợ lý về máy kiểm tra - đo đạc làm việc tại các phòng kỹ thuật của các đơn vị quân đội. Những học viên này cũng phải học về các nguyên lý lý thuyết chung về máy kiểm tra - đo đạc và về cấu tạo các dụng cụ cụ thể. Các giảng viên của Trường kỹ thuật quân sự phải đảm nhiệm phần đào tạo về công tác bảo trì máy kiểm tra - đo đạc.

Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô A V. Blagôđêrôp đã yêu cầu phải có người thay thế các giảng viên về bộ môn máy kiểm tra - đo đạc A. Ia. Khôrêp và N. I. Luscô để đảm bảo tính chất liên tục của công tác giảng dạy ở các lớp học này sau khi các giảng viên đó rời khỏi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cũng trong ngày hôm ấy đã có buổi gặp của Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô và Bí thư tổ chức đảng V. X. Xmiécnốp với Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân và Chính ủy Vũ Tiên.

Đồng chí Vũ Tiên thông báo với chúng tôi về những nhiệm vụ mới mà Bộ tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân đặt ra, đó là; chuyển các tổ chuyên gia của các bộ môn tên lửa phòng không, kỹ thuật vô tuyến điện và máy kiểm tra - đo đạc sang Trường sĩ quan phòng không ở Sơn Tây. Việc này sẽ diễn ra sau khoảng 2 tháng nữa. Sau khi chuyển đến đơn vị mới các nhiệm vụ vẫn sẽ như trước kia, nhưng cần đặc biệt tập trung chú ý vào soạn thảo các tài liệu giáo khoa.

Đồng chí Trần Nhân đã thông báo về tình hình trên các mặt trận và về hoạt động chiến đấu của trung đoàn pháo cao xạ được thành lập gồm các học viên của Trường kỹ thuật quân sự và của trung đoàn hoạt động ở khu vực Đường 9 - Nam Lào dưới quyền chỉ huy của Thiếu tá Bảo, cựu trưởng phòng huấn luyện thuộc Trường kỹ thuật quân sự.

Ngày 3-4, Giám đốc Trường kỹ thuật quân sự Trần Nhân, với sự có mặt của cán bộ chính trị của Phòng phục vụ chuyên gia Thuật và phiên dịch viên Long, đã chúc mừng Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô nhân ngày khai mạc Đại hội XXIV Đảng Cộng sản Liên Xô. Đồng chí Nhân đã thông báo nội dung bài phát biểu của Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn tại Đại hội XXIV của Đảng Cộng sản Liên Xô. Đồng thời điểm chỉ tiết về diễn biến và kết quả của chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, đã kể về những thủ đoạn chiến thuật mà quân đội ngụy ở Nam Việt Nam và quân Mỹ đã áp dụng nhằm phá hoại "Đường mòn Hồ Chí Minh". Quân địch đã không đạt được các mục tiêu đề ra: Kết quả là 15.400 binh lính và sĩ quan Mỹ - ngụy chết và bị thương.

Ngày 19-4 đã có cuộc họp với Thiếu tá Cung, Phó Giám đốc Trường kỹ thuật không quân mới được thành lập thay cho Trường kỹ thuật quân sự của Binh chủng phòng không - không quân, với sự có mặt của Tổ trưởng tổ chuyên gia về phòng không không quân, Trung tá M. A. Clôsikhin, Bí thư tổ chức đảng V. X. Xmiécnốp, Thiếu tá Minh (Минь), Đại úy Quế (Квэ), chính trị viên của Phòng phục vụ chuyên gia Thuật và phiên dịch viên Tư (Ты).

Thiếu tá Cung đã thông báo về việc đồng chí ấy và Thiếu tá Minh được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc của Trường kỹ thuật không quân, Đại úy Quế được bổ nhiệm làm Trưởng phòng huấn luyện của Trường. Trường này sẽ đào tạo các kỹ thuật viên không quân, các sĩ quan dẫn đường, các sĩ quan dự bị, các phó ban tham mưu của các trung đoàn không quân. Tại trường này sẽ tổ chức các khóa đào tạo sĩ quan của các trung đoàn không quân. Đồng chí ấy cũng thông báo rằng sau này tất cả các vấn đề tổ chức quá trình học tập sẽ được thỏa thuận với Trung tá M. A. Clôsikhin.

Ngày 15-5 nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô, gồm các tổ chuyên gia về tên lửa phòng không, kỹ thuật vô tuyến điện và máy kiểm tra - đo đạc, đã chuyển sang Trường sĩ quan của Binh chủng phòng không tại Sơn Tây.

Ngày 17-5 đã diễn ra cuộc gặp gỡ đầu tiên với Giám đốc Trường sĩ quan phòng không, Thượng tá Tiến (Тиен). Những người có mặt trong cuộc gặp gỡ này gồm có A. V. Blagôđêrôp, Bí thư tổ chức đảng, V. X. Xmiécnốp và Trưởng ban kế hoạch của Phòng huấn luyện của

Trường.

Cuộc họp đã quyết định:

- Nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô chuyển đến từ Trường kỹ thuật quân sự vẫn thực hiện các nhiệm vụ như trước kia;
- Nhằm thỏa thuận về các vấn đề tổ chức và thực hiện quá trình học tập, Trường nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô sẽ gặp Trung tá Trần Nhân - người mới được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Trường sĩ quan phòng không - mỗi tháng 2 lần, khi cần thì nhiều hơn,
- Nhằm giải quyết các vấn đề trước mắt, hàng tuần các tổ trưởng chuyên gia về các bộ môn tên lửa phòng không, kỹ thuật - vô tuyến điện và máy kiểm tra - đo đạc sẽ làm việc với các trưởng khoa;
- Những cuộc tư vấn của các giảng viên của Trường sẽ diễn ra trong khuôn viên cư xá của các chuyên gia quân sự Liên Xô.

Ngày 19-6 đã có cuộc họp với Phó Giám đốc Trường sĩ quan phòng không Trần Nhân, với sự có mặt của chuyên gia quân sự Liên Xô về bộ môn máy kiểm tra - đo đạc A. Ia. Khôrép, Trưởng phòng phục vụ chuyên gia Thuật và các phiên dịch viên Tư và Túc (Tyk), để thảo luận các vấn đề biên chế của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại trường này đến khi mãn hạn công tác.

Cuộc họp đã quyết định:

- Các chuyên gia quân sự Liên Xô về môn máy kiểm tra - đo đạc A. Ia. Khôrép và P. I. Luscô có nhiệm vụ lên lớp giảng bài cho lớp bổ túc sĩ quan thuộc bộ môn máy kiểm tra - đo đạc trước khi lên đường thuộc Liên Xô vào ngày 17-7;
- Các chuyên gia về bộ môn hệ thống phát lệnh và trạm kiểm tra - thử nghiệm di động V. M. Sêscô và A. A. Lixiutin có nhiệm vụ lên lớp giảng bài và tiến hành các bài thực tập với các học viên trong nhóm học số 50;
- Chuyên gia Liên Xô về trạm ra đa P-12 Crincô có nhiệm vụ lên lớp giảng bài trong các buổi học của các trưởng trạm ra đa tại Bộ Tham mưu Bình chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam;
- Các chuyên gia Liên Xô về máy đo cao vô tuyến điện di động và về trạm ra đa P-15 A. Đ. Đavútkin và G. M. Xôcôlốp có nhiệm vụ lên lớp và tiến hành tư vấn với các giảng viên của trường về môn vận hành trạm ra đa;
- Các chuyên gia Liên Xô về bộ khí tài tên lửa phòng không A. I. Crincun, I. A. Vlaxencô và V. M. Mitôrôphanốp có nhiệm vụ hoàn tất việc soạn thảo các tài liệu giáo khoa theo kế hoạch;
- Các chuyên gia quân sự Liên Xô V. M. Cápralốp, M. A. Aliôsin, A. A. Xítnhicốp, A. A. Nêven và E. C. Vécâyô đã hoàn thành công tác giảng dạy và soạn tài liệu giảng dạy theo kế hoạch.

Nhằm mục đích bồi dưỡng trình độ soạn giáo trình của các giảng viên Việt Nam, chúng tôi đã kiến nghị tổ chức cho các chuyên gia Liên Xô tham dự các buổi lên lớp của họ với các học viên, tiếp sau đó sẽ tiến hành phân tích tại các khoa. Sáng kiến này đã được tán thành và được đem ra thực hiện.

Vào các ngày 19 - 20-7, Trường nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô về phòng không, Đại tá Iu. V. Côlenkin đã đến thăm nhóm chuyên gia của chúng tôi tại Trường sĩ quan phòng không. Cùng đi với đồng chí ấy còn có phó trưởng nhóm phụ trách chính trị là Trung tá G. G. Xaphônốp, các sĩ quan thuộc phòng chính trị và thuộc ban tham mưu P. P. Baranốp và I. X. Lônin.

Phần lớn nhóm chuyên gia này của chúng tôi đã đáp máy bay về nước vào các ngày 10, 17 và 24-7 theo lộ trình Hà Nội - Viêng Chăn - Cancútta - Carachi - Tasken - Mátxcova. Theo đánh giá của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và của Bộ chỉ huy Bình chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam, của Trường kỹ thuật quân sự thuộc bộ đội phòng không - không quân và của Trường sĩ quan phòng không thì nhóm chuyên gia của chúng tôi đã hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ đề ra về đào tạo các cán bộ quân sự cho Quân đội nhân dân Việt Nam trong điều kiện chiến tranh. Toàn thể các chuyên gia thuộc nhóm chúng tôi đã an toàn trở về với gia đình và các đơn vị cũ của mình.

Với lòng biết ơn tôi hồi tưởng về tất cả các đồng chí Liên Xô và Việt Nam đã cùng tôi hoàn thành vẻ vang nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ quốc tế của mình, bất chấp những điều kiện cực kỳ gian khổ của hoạt động giảng dạy và học tập chiến đấu trong thời chiến.

Thành phố Tôve, năm 2002

\*\*\*

# CLÂYMÊNỐP PHÊĐO IVANÔVÍCH

Ông sinh ngày 12-2-1911 tại thị trấn mỏ Iudôpca (hiện nay là thành phố Đôn hét) thuộc vùng mỏ Đôn bát, trong một gia đình thợ mỏ.

Năm 1927 ông bắt đầu cuộc đời lao động, làm công nhân trong một xí nghiệp mỏ.

Từ năm 1934 đến năm 1938 ông làm công tác lãnh đạo các công việc hầm mỏ, về sau là kỹ sư trưởng của mỏ "Pôtdemgadó" tại thành phố Goóclốp.

Năm 1935 ông tốt nghiệp Học viện công nghiệp Đôn hét.

Từ năm 1938 đến năm 1943 ông là kỹ sư trưởng, về sau là Giám đốc công ty "Pôtdemgadó" ở Mátxcova.

Từ năm 1943 đến năm 1949 ông là trưởng phòng, sau đó là Trưởng ban công nghiệp khí đốt của ủy ban kế hoạch nhà nước Liên Xô.

Từ năm 1953 đến năm 1957 ông là kỹ sư trưởng của Tổng cục khí đốt dưới lòng đất của Bộ công nghiệp than Liên Xô.

Từ năm 1957 đến năm 1960 ông là Thư ký khoa học trong ủy ban Hợp tác khoa học - kỹ thuật Xô - Trung.

Từ năm 1960 đến năm 1971 ông là Phó tham tán về các vấn đề kinh tế của Sứ quán Liên Xô tại Cộng hòa Ghinê.

Từ năm 1971 đến năm 1978 ông là Tham tán kinh tế của Sứ quán Liên Xô tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ông đã được tặng thưởng 3 Huân chương Lao động Cờ đỏ, Huân chương Danh dự, các Huân chương: Lao động hạng I và Hữu nghị, 9 Huy chương của Liên Xô, trong đó có Huy chương Lao động vẻ vang, Lao động vẻ vang trong Chiến tranh vệ quốc vĩ đại ngoài ra còn được tặng Huy hiệu danh dự Vinh quang thợ mỏ hạng I và hạng II, Huy hiệu Cán bộ xuất sắc của ủy ban Nhà nước về hợp tác kinh tế.

Ông mất ngày 11-8-2002.

# HỒI ỨC VỀ THỜI GIAN CÔNG TÁC TẠI VIỆT NAM

Tôi có dịp sang công tác tại Việt Nam, làm tham tán kinh tế của Sứ quán Liên Xô tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vào thời kỳ rất khó khăn của cuộc chiến đấu mà nhân dân Việt Nam tiến hành nhằm giải phóng miền Nam Việt Nam và thống nhất Tổ quốc - từ năm 1971 đến năm 1978. Tôi đón nhận nhiệm vụ này rất hời hợt nhưng đồng thời với lòng biết ơn về sự tin tưởng đã dành cho tôi. Vào lúc đó tôi đã ở tuổi 60, tôi đã có khá nhiều kinh nghiệm sống và kinh nghiệm nghề nghiệp, cũng như kinh nghiệm công tác ở nước ngoài. Điều đó cho tôi niềm hy vọng là tôi sẽ không phụ sự tin tưởng dành cho tôi.

Tất nhiên, tôi đã hình dung những khó khăn có thể đến với tôi trong thời gian làm việc tại Việt Nam. Nhưng tôi đã gặp phải những vấn đề nghiêm trọng hơn là tôi tưởng. Ngay khi máy bay sắp hạ cánh ở Hà Nội, tôi đã nhìn thấy - qua các ô cửa máy bay - những cánh đồng lúa mênh mông chìm ngập trong nước, những điểm dân cư bị chìm ngập trong nước. Cảnh tượng này làm tôi bị chấn động. Khi đến Hà Nội tôi được biết đã có gần 500 nghìn hécta lúa bị thiệt hại do lũ lụt, có nhiều nhà cửa bị hư hỏng, có nhiều súc vật bị chết. Ở đoạn chảy qua Hà Nội mức nước sông Hồng đã vượt quá mức 12 mét và đe dọa làm vỡ đê bao quanh thành phố này.

Ngay sau khi đến Hà Nội tôi đã được Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng tiếp. Sau khi chúc mừng tôi đã tới Hà Nội và chúc công tác thành công, Thủ tướng hứa sẽ dành sự giúp đỡ cần thiết để tôi hoàn thành sứ mạng của mình. Đồng thời Thủ tướng Phạm Văn Đồng còn nhờ chuyển đến Chính phủ Liên Xô lời đề nghị tìm kiếm khả năng và giúp đỡ Việt Nam khẩn cấp khắc phục hậu quả của lũ lụt.

Tất nhiên, lời đề nghị này đã lập tức được chuyển về Mátxcova. Chỉ sau vài ngày, Chính phủ Liên Xô đã quyết định gửi 3 chuyến máy bay chở thuốc men, thực phẩm, quần áo, lều bạt và các hàng hóa khác tới Hà Nội. Tại sân bay, khi tiếp nhận số hàng này, Bộ trưởng Trần Hữu Dực của Việt Nam đã thay mặt Chính phủ bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Liên Xô về sự trợ giúp này. Cần nói rằng trong việc khắc phục hậu quả tàn phá của trận lũ lụt này có sự tham gia tích cực của tất cả các chuyên gia Liên Xô có mặt lúc đó tại Việt Nam.

Bộ máy của tham tán kinh tế đã phải làm việc trong điều kiện chính trị - quân sự và kinh tế phức tạp, và tuy gặp khó khăn, nhưng đã nhanh chóng giải quyết các nhiệm vụ được đặt ra.

Vào thời gian đó tại Việt Nam, với sự trợ giúp kỹ thuật của Liên Xô, đã tiến hành xây dựng 26 công trình khác nhau. Tại những công trình ấy đã có 467 chuyên gia Liên Xô làm việc. Trong số những công trình lớn nhất có thể kể ra, chẳng hạn, Nhà máy nhiệt điện Uông Bí, Nhà máy thủy điện Thác Bà, các mỏ than, nhà máy sửa chữa thiết bị mỏ ở Cẩm Phả, công trình mở rộng cảng Hải Phòng, một số nhà máy chè, v.v.. Các chuyên gia Liên Xô đã cùng với các kỹ sư Việt Nam tiến hành các công việc thăm dò địa chất để tìm kiếm dầu mỏ, khí đốt, bôxít, apatít và những loại quặng hữu ích khác, các công việc khảo sát để phục vụ công trình xây dựng nhà máy thủy điện tương lai.

Cũng trong thời gian ấy đã diễn ra công việc tích cực xây dựng các công trình quân sự tại các vùng khác nhau ở trong nước. Nhưng đối với ban lãnh đạo Liên Xô và ban lãnh đạo Việt Nam, công trình đặc biệt là công trình xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh - người con vĩ đại của nhân dân Việt Nam và được nhân dân Liên Xô hết sức quý trọng.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô đã giúp các chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trong việc nắm vững các phương tiện kỹ thuật quân sự của Liên Xô - kỹ thuật tên lửa, hàng không, các phương tiện thông tin, kỹ thuật tăng - thiết giáp, kỹ thuật hải quân, v.v.. Họ đã nghiên cứu các vấn đề về cung cấp các phương tiện kỹ thuật ấy và vũ khí, cũng như giúp đào tạo các quân nhân cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Cần đặc biệt nêu rõ rằng Liên Xô đã giúp đỡ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rất nhiều cả trong việc đào tạo các cán bộ của nền kinh tế quốc dân, cũng như cho các lực lượng vũ trang. Từ năm 1964 đến năm 1977 đã có hơn 7000 công dân Việt Nam được gửi sang Liên Xô để học tập và đã có 6214 chuyên gia dân sự Liên Xô được cử sang công tác tại Việt Nam.

Bất chấp lời hứa sẽ chấm dứt tất cả các cuộc không kích vào Việt Nam từ ngày 1-11-1968,

nhưng từ ngày 21-9-1971 Mỹ lại ném bom. Vậy là đất nước Việt Nam lại bị vấy máu. Những cuộc ném bom đặc biệt tàn bạo đã được thực hiện nhằm vào các công trình được xây dựng trong khuôn khổ hợp tác Việt - Xô, trước hết nhằm vào các nhà máy điện. Ví dụ, đã có hơn 1500 quả bom được ném xuống Nhà máy nhiệt điện Uông Bí. Tổng cộng đã có 46 công trình bị hư hỏng do hậu quả của những cuộc ném bom liên tiếp.

Vào những ngày ấy đã diễn ra cuộc gặp thứ hai của tôi với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Tại cuộc gặp này Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đề xuất việc tạm thời sơ tán về nước - trong thời gian xảy ra các cuộc ném bom của không quân Mỹ - đa số các chuyên gia Liên Xô, ngoại trừ các chuyên gia khảo sát địa chất phục vụ Nhà máy thủy điện Hòa Bình tương lai, các chuyên gia địa chất và khoan dầu khí.

Tháng 10-1972 các cuộc ném bom đã chấm dứt, đã xuất hiện triển vọng hòa bình ở Việt Nam. Tuy nhiên, nhằm buộc nhân dân Việt Nam phải chấp nhận các điều kiện giải pháp của mình mà từ ngày 18-12-1972 Mỹ lại tiến hành các cuộc ném bom và bắn phá ồ ạt vào lãnh thổ Việt Nam. Đây là những cuộc ném bom tàn bạo nhất trong suốt tất cả những năm chiến tranh ở Việt Nam. Nền kinh tế của đất nước Việt Nam bị tổn thất to lớn. Hành động phong tỏa biển và thả thủy lôi chung quanh tất cả các cảng của Bắc Việt Nam đã làm trầm trọng thêm tình hình đất nước. Các chuyên gia Việt Nam thẩm định tổng thiệt hại của Việt Nam trong các năm diễn ra cuộc xâm lược của Mỹ - 1965 - 1972 - là 10 tỷ đô la. Tôi nghĩ rằng con số ấy là thấp, vì chiến tranh đã đẩy nền kinh tế của Việt Nam lùi lại hơn 10 năm.

Tháng 10-1971 Đoàn đại biểu Đảng - Chính phủ Liên Xô đã có cuộc viếng thăm chính thức nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Kết quả cuộc viếng thăm chính thức này là việc ký kết Hiệp định song phương về việc Liên Xô trợ giúp kỹ thuật cho Việt Nam xây dựng và hiện đại hóa 10 công trình mới, trong đó có mỏ than Mông Dương, nhà máy xi măng, nhà máy thiếc liên hợp. 3 trường dạy nghề kỹ thuật với quy mô mỗi trường có 800 - 1000 học sinh, và những công trình khác. Hiệp định này đã bổ sung đáng kể khối lượng công việc cho bộ máy của tham tán kinh tế. Cần phải nói rằng tính đến thời điểm ấy Liên Xô đã trợ giúp kỹ thuật trong việc xây dựng, cải tạo và mở rộng hơn 50 công trình khác nhau ở Việt Nam.

Sau khi ký kết Hiệp định Pari về lập lại hòa bình ở Việt Nam vào tháng 1-1973 - chúng tôi rất vui mừng về sự kiện này cùng với các bạn Việt Nam - miền Bắc Việt Nam đã bắt tay vào công cuộc xây dựng hòa bình. Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt các kế hoạch khôi phục thời kỳ 1973 - 1975 và bắt tay khởi thảo kế hoạch 5 năm phát triển nền kinh tế quốc dân của đất nước trong các năm 1976 - 1980.

Cuộc viếng thăm của Đoàn đại biểu Đảng - Chính phủ Việt Nam, do các đồng chí Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng dẫn đầu, sang thăm Liên Xô hồi tháng 7-1973 đã có ý nghĩa to lớn đối với việc thực hiện thành công các kế hoạch ấy. Trong tiến trình các cuộc hội đàm, phía Liên Xô thông báo rằng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Chính phủ Liên Xô đã quyết định coi toàn bộ khoản viện trợ trước kia đã dành cho Việt Nam là khoản viện trợ không hoàn lại. Ngoài ra, đã ký kết hiệp định về việc Liên Xô trợ giúp kỹ thuật cho Việt Nam trong việc khôi phục 13 công trình bị tàn phá trong những năm chiến tranh, cũng như xây dựng 15 công trình mới.

Trong những ngày ấy đã diễn ra cuộc gặp thường ký và rất đáng ghi nhớ của tôi với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Trong cuộc gặp này Thủ tướng nêu vấn đề đưa trở lại Việt Nam các chuyên gia Liên Xô trước kia đã được sơ tán. Vậy là họ đã nhanh chóng bắt đầu trở lại làm việc tại Việt Nam. Nhiều chuyên gia ấy sang Việt Nam cùng với gia đình. Điều này đã tạo thêm khó khăn cho cả chúng tôi, cho cả các đồng chí Việt Nam trong khâu đảm bảo nhà ở cho những người mới tới. Nhưng dần dần chúng tôi đã cùng nhau giải quyết được cả những vấn đề phức tạp ấy. Đến thời điểm kết thúc thời gian công tác của tôi tại Việt Nam - tháng 10-1978 - tại 56 công trình hợp tác Việt - Xô đã có hơn 650 chuyên gia Liên Xô làm việc.

Những chuyên gia Liên Xô làm việc tại Việt Nam trong những năm tháng đó đã tỏ rõ mặt ưu việt nhất của họ. Nhiều người trong số họ đã tham gia cuộc chiến tranh chống nước Đức phát xít, công cuộc khôi phục nền kinh tế quốc dân Liên Xô sau chiến tranh. Do vậy họ đã làm việc với thái độ thấu hiểu và với ý thức trách nhiệm to lớn. Ở khắp mọi nơi sự hợp tác chung sức



giữa các chuyên gia Liên Xô và các chuyên gia Việt Nam đã biến thành tình hữu nghị bền vững và có hiệu quả.

Có thể dẫn ra đây nhiều ví dụ về tình cảm tốt đẹp của nhân dân Việt Nam đối với các công dân Liên Xô, nhưng để làm việc này thì cần phải viết ra không phải một trang giấy. Nói chung tôi phải nói rằng toàn thể tập thể các công dân Xô viết làm việc hồi đó tại Việt Nam (các cán bộ của Sứ quán Liên Xô, của cơ quan đại diện thương mại, của bộ máy tham tán kinh tế, các chuyên gia dân sự và các chuyên gia quân sự, các nhà báo) đã sống một cuộc sống đồng thuận. Thường khi chúng tôi đã cùng với các đồng chí Việt Nam cùng nhau tổ chức các cuộc họp chung về sản xuất, các cuộc họp của các tổ chức đảng và những cuộc họp long trọng chung, các cuộc thi đấu thể thao và các buổi biểu diễn văn nghệ nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ của Liên Xô hoặc của Việt Nam.

Tôi còn nhớ rất rõ những ngày tháng 4 mùa Xuân năm 1975. Ngày ấy toàn thể nhân dân Việt Nam, từ trẻ đến già, và cả chúng tôi nữa đã đón chào ngày giải phóng miền Nam Việt Nam. Sau đó tại Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội thống nhất đã tuyên bố đổi tên nước Việt Nam thống nhất thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sự kiện này cũng được đón chào hết sức nhiệt liệt trên toàn quốc. Tháng 12 năm sau, Đại hội IV của Đảng cộng sản Việt Nam đã phê chuẩn kế hoạch 5 năm tiếp theo về phát triển kinh tế quốc dân của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các năm 1976 - 1980. Kế hoạch này nêu ra những quy mô to lớn về xây dựng công nghiệp, do đó, đã mở ra những triển vọng mới của công cuộc hợp tác kinh tế Việt - Xô.

Tháng 12-1975 đã ký hiệp định bổ sung về việc Liên Xô viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho Việt Nam trong việc xây dựng gần 40 công trình. Trong số những công trình xây dựng lớn nhất có cụm thủy điện Hòa Bình, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, mỏ Khe Tam và những xí nghiệp khác mà về sau đã trở thành một trong những bộ phận hợp thành quan trọng nhất của kế hoạch 5 năm tương lai.

Cần nói riêng về cụm thủy điện Hòa Bình, bởi vì nó không chỉ cung cấp điện cho đất nước hôm nay, mà còn vĩnh viễn giải thoát Bắc Việt Nam khỏi những trận lụt lội tàn phá của các con sông Hồng và sông Đà, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới nước hàng trăm nghìn héc ta đất canh tác và cho sự phát triển kinh tế của toàn khu vực tây - bắc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong những năm làm việc tại Việt Nam tôi đã yêu quý đất nước này với thiên nhiên phong phú và rất đẹp, với những người dân yêu lao động, dũng cảm và đôn hậu. Trong ký ức tôi còn lưu lại những cuộc gặp gỡ với nhiều nhà hoạt động nhà nước Việt Nam, các nhà lãnh đạo của nhiều ngành kinh tế quốc dân, các nhà khoa học và các chuyên gia. Những cuộc tiếp xúc với họ luôn luôn là việc làm lý thú và rất bổ ích đối với tôi. Nhưng những cuộc gặp diễn ra nhiều lần với Thủ tướng Phạm Văn Đồng vẫn là những cuộc gặp đáng ghi nhớ nhất và quý báu nhất. Ông chăm chú nghe tất cả những vấn đề mà tôi nêu ra, ông biết nhanh chóng tìm ra giải pháp cần thiết. Điều đó luôn luôn là định hướng tốt cho tôi trong công việc.

Về các vấn đề cụ thể thuộc công việc của tôi, thì tôi thường xuyên gặp gỡ với nhiều vị Bộ trưởng Việt Nam: Đỗ Mười, Hà Kế Tấn, Nguyễn Chân, Đinh Đức Thiện và nhiều nhân vật khác. Đáng ghi nhớ nhất là những cuộc gặp gỡ và trao đổi diễn ra nhiều lần với đồng chí Đỗ Mười vào thời gian chúng tôi xây Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và một số công trình quan trọng khác. Tôi đã có nhiều dịp cùng với đồng chí Đỗ Mười đến thăm các công trình quan trọng nhất nhằm mục đích thảo luận tại chỗ về những vấn đề cụ thể đang gây trở ngại cho quá trình thi công, và chúng tôi luôn luôn tìm được giải pháp cần thiết. Tôi rất hài lòng hồi tưởng lại những cuộc gặp gỡ với đồng chí Nguyễn Văn Hiệu, nhà khoa học nổi tiếng của Việt Nam, viện sĩ, người đã nhận giải thưởng Lênin, trong dịp xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học tại Hà Nội.

Sự kiện gây xúc động nhất và không thể nào quên được đối với tôi là lễ khánh thành Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tháng 5-1975. Lễ khánh thành này có sự tham dự của đoàn đại biểu cấp cao của Liên Xô, và đã trở thành sự kiện lớn trong sinh hoạt chính trị - xã hội của đất nước. Một sự kiện khác cũng mang ý nghĩa lịch sử đối với tôi, đó là lễ khánh thành tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh dài 1700km. Tuyến đường sắt này đã tạo những điều kiện cần thiết để liên kết kinh tế hai miền Bắc - Nam, cũng như để khôi phục sự giao lưu và quan hệ giữa

người dân của hai miền đất nước.

Sau khi trở về Tổ quốc vào năm 1978 và nghỉ hưu, vào những năm sau đó tôi vẫn thường xuyên gặp gỡ với các đồng chí Việt Nam. Những cuộc gặp này diễn ra trong khuôn khổ hoạt động của Hội hữu nghị hai nước chúng ta, và những cuộc gặp gỡ ấy đã tạo cơ hội cho tôi có thể thường xuyên theo dõi đời sống tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và luôn luôn gợi nhớ về thời kỳ tôi đã làm việc tại đất nước tươi đẹp này và về những con người tuyệt diệu mà tôi đã từng có dịp gặp gỡ tại đó.

Mátxcova, năm 2000.

\*\*\*

# ĐẠI TÁ PIATÔÉP TAUNÔ PHÊĐÔRÔVÍCH

Ông sinh ngày 7-10-1937 tại Bắc Carêlia.

Năm 1955 ông tốt nghiệp trung học phổ thông và vào học tại Trường pháo binh - tên lửa số 3 ở Lát via. Sau khi tốt nghiệp trường này vào năm 1958 ông trở thành sĩ quan chỉ huy trung đội hỏa lực tại thành phố Xêvêrôđvintcơ, sau đó ông chỉ huy đại đội trong Quân đoàn phòng không độc lập số 10.

Năm 1961 ông học xong khóa đào tạo lại về bộ khí tài tên lửa phòng không và tiếp tục tại ngũ, là sĩ quan chỉ huy đại đội kỹ thuật độc lập của bộ đội phòng không trên bán đảo Rurasi.

Năm 1969 ông tốt nghiệp xuất sắc và với Huy chương vàng Học viện sĩ quan phòng không Cờ đỏ mang tên Giucốp và được bổ nhiệm giữ chức phó chỉ huy trung đoàn tên lửa phòng không.

Từ tháng 7-1971 đến tháng 7-1972 ông tham gia chiến đấu tại Việt Nam, với cương vị Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô tại các Trung đoàn tên lửa phòng không 236 và 275 của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ tháng 12-1973 đến tháng 12-1977 ông chỉ huy Trung đoàn tên lửa phòng không "C200" thuộc Quân khu phòng không Mátxcova.

Từ năm 1977 đến năm 1984 ông là trưởng ban tác chiến của Quân đoàn phòng không Đặc nhiệm. Từ năm 1984 đến năm 1990 ông là trưởng ban huấn luyện tác chiến, trưởng ban tác chiến, Cục phó Cục tác chiến thuộc Ban tham mưu của Quân khu phòng không Mátxcova..

Ông được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ, Huân chương Vì phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô hạng III, Huân chương Chiến công hạng III của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 15 huy chương, trong đó có Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# CHÚNG TÔI CÒN NHỚ CUỘC ĐẤU TRANH CHUNG

Chuyến công tác của tôi sang Việt Nam bắt đầu khá bất ngờ. Vào đầu tháng 6-1971, vào tối thứ sáu, tôi nhận được lệnh kiểm tra sức khỏe để đến một đất nước có khí hậu nóng ẩm, làm mọi thủ tục xuất cảnh đi công tác ra nước ngoài. Đúng 9 giờ sáng thứ hai phải có mặt tại hội đồng quân sự của quân khu. Dù muốn hay không thì người ta cũng không đưa ra những câu hỏi đặc biệt.

Thời gian ấy Tư lệnh Binh chủng phòng không của Liên Xô là Nguyên soái Liên Xô P. Ph. Batixki. Ông chỉ thị: tất cả những ai có thể được bổ nhiệm làm chỉ huy trung đoàn tên lửa phòng không thì phải có kinh nghiệm chiến đấu. Tôi biết ơn ông sâu sắc về chỉ thị này.

Nhóm chúng tôi được chuẩn bị không lâu. Các thẻ đảng thì được chuyển giao lên Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Tất cả mọi giấy tờ công vụ thì được chuyển giao cho Tổng cục 10 của Bộ Tổng tham mưu. Chúng tôi được phát thường phục: bộ comple đầy ấn tượng, bộ quần áo làm việc trong rừng rậm, giày. Chúng tôi được tiêm những mũi tiêm chủng ngừa theo các quy định của y tế thế giới và đã được cấp các giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế. Quân phục của chúng tôi đã được gửi chuyển về đơn vị cũ: còn các sổ lương thì được chuyển cho vợ và báo cho họ địa chỉ sau này - "Mátxcova - 400", hòm thư 327.

Một cuộc thực tập ngắn trên khí tài chiến đấu (bộ khí tài tên lửa phòng không X-75, là loại tên lửa được cung cấp cho Việt Nam vào thời gian đó) tại bãi thử vũ khí Capuxtin Iarơ.

Trước khi máy bay cất cánh, người ta trao cho chúng tôi những tấm hộ chiếu xuất cảnh ra nước ngoài. Chúng tôi bay trên máy bay hành khách thông thường, loại máy bay IL-18, theo lộ trình: Mátxcova - Tasken - Cabun - Carachi - Cancútta - Viêng Chăn - Hà Nội.

Tất nhiên, tất cả chúng tôi mặc comple, cổ thắt cravat (tuyệt đối theo hướng dẫn) giống như vừa trong lò ấp chui ra. Nhưng trẻ con cũng hiểu ra rằng 50 người đàn ông trẻ, tóc ngắn, ăn mặc chỉnh tề ấy đang trên đường sang Việt Nam, bởi vì đó là điểm "nóng" nhất trên hành tinh vào thời kỳ ấy.

Tại sân bay Hà Nội, những người ra đón chúng tôi là các đồng chí quân nhân Liên Xô: họ mặc quần sóc, áo sơ mi ngắn tay và đi những đôi "dép" Việt Nam. Chúng tôi như thể đã lọt vào tiền sảnh của một nhà tắm nước nóng. Hết sức nóng và hết sức ẩm ướt, không khí bốc lên mùi đặc trưng và còn có một cái gì đó chỉ đặc trưng cho vùng nhiệt đới.

Trong những năm chiến tranh, toàn miền Bắc Việt Nam, về phương diện hành chính, được phân thành các quân khu. Trong mỗi quân khu ấy đều có chính quyền dân sự và chính quyền quân sự - Tư lệnh quân đội trong quân khu với biên chế của mình và các đơn vị quân đội trực thuộc.

Quân khu 4 gồm những tỉnh phía nam của Bắc Việt Nam và đặc khu Vĩnh Linh là khu trực tiếp kề cận với Nam Việt Nam chạy dọc vĩ tuyến 17 (người Việt Nam gọi đặc khu này là "bức tường thép Vĩnh Linh").

Nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô của chúng tôi làm việc với các tiểu đoàn tên lửa phòng không hoạt động tại Quân khu 4, nơi có những tuyến đường bộ chủ yếu nối Việt Nam với Lào - đó là đường số 12, 20, 10, 18, 16 và con đường số 15 nối liền những con đường đó với nhau. Đường số 15 chạy từ bắc xuống nam dọc theo chân dãy núi Trường Sơn.

Đó là những con đường vận chuyển những hàng hóa chủ yếu phục vụ các lực lượng yêu nước ở Nam Việt Nam và Lào - vũ khí, đạn dược, lương thực, nghĩa là tất cả những gì cần thiết để đảm bảo cho bộ đội. Tất nhiên, những con đường ấy và những ngọn đèo băng qua dãy núi Trường Sơn, những cây cầu, những bến phà vượt sông, những đường ngầm qua sông, những đoàn xe đang trên đường vận chuyển, những kho tàng, những binh trạm, các đơn vị tên lửa phòng không, pháo cao xạ đều là những mục tiêu cần lưu ý chặt chẽ của không quân và hải quân Mỹ, của không quân trinh sát cũng như không quân tấn công.

Vì vậy, tổ chuyên gia quân sự Liên Xô do tôi lãnh đạo trong trung đoàn tên lửa đã phải thường xuyên di chuyển dọc theo đường số 15: hồi tháng 8 - tháng 9-1971 chúng tôi di chuyển

giữa con đường số 12 và con đường số 20, hồi tháng 10 - tháng 11 thì chúng tôi di chuyển giữa các con đường số 20 và số 10, còn từ tháng 11-1971 đến tháng 5-1972 thì chúng tôi có mặt không xa cách chỗ giao nhau của đường số 15 và đường số 20. Cách làm này là nhằm đưa chúng tôi đến gần nhất với nơi có các trận địa chiến đấu của các tiểu đoàn tên lửa đang hoạt động trong khu vực này.

Tôi đến tiếp nhận tổ chuyên gia này vào những ngày đầu tháng 8, và tôi muốn nhanh chóng được làm quen với ban chỉ huy của trung đoàn này, nhưng người ta bảo tôi: “Hãy để sau này. Mọi người còn rất bận rộn, trung đoàn này vừa mới tới nơi và đang triển khai tại những trận địa mới”.

Tôi không vật nài. Về sau tôi đã hiểu ra rằng có thể giải thích nhiều điều bằng từ “Hãy để sau này”.

Trong khoảng 2 tuần lễ đầu, các bạn Việt Nam dành để thăm dò tìm hiểu tôi. Sau đó, viên phó chỉ huy trung đoàn, sau câu chuyện trao đổi kéo dài, đã đề nghị tôi đưa ra những khuyến cáo cho họ về tác chiến trong vùng rừng núi, ít ra cũng giải đáp cho 20 câu hỏi. Có đến 90% những câu hỏi ấy được tôi sẵn sàng trả lời và có thể đưa ra ngay lập tức những khuyến cáo. Nhưng ngay khi ấy phiên dịch viên trưởng đã giúp tôi, trong giờ giải lao người phiên dịch này gợi ý: “Đồng chí chỉ huy, bây giờ không nên đưa ra bất kỳ lời khuyến cáo nào hết. Đồng chí hãy bảo là “Hãy để sau này”. Đồng chí cần có vài ngày để suy nghĩ mọi điều, tham khảo ý kiến của cấp trên. Người Việt Nam không có thói quen trả lời ngay nếu chưa suy nghĩ kĩ. Họ có thể xem đây là một người thiếu nghiêm túc”.

Tôi đã làm theo cách đó. Tôi một lần nữa nêu lên toàn bộ phần lý thuyết, về Hà Nội tham khảo ý kiến các đồng chí của mình. Tôi đã vững tin vào ý kiến của mình qua những cuộc trao đổi và tham khảo ý kiến các vị chỉ huy trong nhóm chuyên gia tên lửa phòng không, sau đó tôi trở “về nhà”, về Quân khu 4.

Thông qua đồng chí trưởng phòng phục vụ, tôi yêu cầu triệu tập cuộc họp các vị lãnh đạo trong trung đoàn: các viên chỉ huy các tiểu đoàn, các viên phó của họ, các sĩ quan điều khiển tên lửa, các sĩ quan chỉ huy tất cả các cấp tham gia chiến đấu - tất cả những ai không bận vào công tác tác chiến. Tại sở chỉ huy chính của trung đoàn (một phòng họp rộng nhất) người ta đã chuẩn bị sẵn bản đồ, bảng phấn, các sổ ghi chép.

Vào một ngày đã hẹn trước, tôi cùng viên kỹ sư trưởng, phiên dịch viên và tổ bảo vệ đến sở chỉ huy vào lúc 8 giờ. Từ lúc ấy cho đến 20 giờ, có nghỉ giải lao, chúng tôi đã đưa ra những khuyến cáo về tất cả những vấn đề đã được nêu ra và trả lời tất cả các câu hỏi mà phía Việt Nam quan tâm. Họ quan tâm nhiều vấn đề, có cả những câu hỏi không liên quan đến những vấn đề chiến đấu: hoàn cảnh gia đình, nơi công tác và v.v..

Về câu hỏi: “Đồng chí sĩ quan sinh ra ở địa phương nào?”, tôi trả lời rằng tôi đã sinh ra và lớn lên ở nơi cách Bắc Cực 40km, nơi mà 8 tháng là mùa đông, còn lại là mùa hè, mùa hè và mùa hè. Câu trả lời này gây cú sốc thực sự cho tất cả những người có mặt – “liệu có sống ở đó được chăng?”. Nhìn chung, những cuộc gặp gỡ và những buổi làm việc với các sĩ quan của trung đoàn này đã diễn ra rất tốt và nhờ vậy “tảng băng đã bắt đầu tan”.

Ngay ngày hôm sau (ngày 20-8-1971) sĩ quan chỉ huy trung đoàn Tân (ТЭН) Và sĩ quan phòng trinh sát của trung đoàn Tường (Тынг) đã đến gặp chúng tôi. Hai vị ấy đã làm quen với nhóm chuyên gia chúng tôi (thật ra đây là nhóm chuyên gia mới), giới thiệu về tình hình, trình bày các vấn đề của mình. Có vô số những vấn đề cần giải quyết. Sau đây tôi sẽ nói về điểm này.

Vài ngày sau các viên phó chỉ huy và phó chính ủy Phấn ((ФЭН) và Tất (ТЭТ) cũng đến nơi ở của nhóm chuyên gia chúng tôi; đến tháng 9 thì phó chính ủy Sơn (Шон), đến tháng 10 có phó chỉ huy và phó chính ủy Cam (Кам) và Duynh (Дюнь) đến gặp chúng tôi. Chúng tôi đã cùng với họ thỏa thuận tất cả các vấn đề về công việc chung, về việc tổ chức và tiến hành các cuộc kiểm tra và lên lớp.

Theo yêu cầu của họ, chúng tôi đã đưa ra những khuyến cáo về những vấn đề phức tạp nhất trong khâu tổ chức chiến đấu của các tiểu đoàn và công tác đảm bảo toàn diện cho các tiểu đoàn. Những ý kiến khuyến cáo ấy đã được chấp nhận và được kiểm tra trong thực tiễn chiến

đấu các đồng chí Việt Nam đã nhận thấy rõ sự thống nhất trong những quan điểm của chúng tôi và ý nguyện chân thành của chúng tôi muốn giúp đỡ họ đến mức tối đa trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù. Dần dần chúng tôi đã có được những quan hệ tin cậy, cầu thị với ban chỉ huy của trung đoàn.

Nếu như trong khâu đánh giá các phương án tác chiến tình hình đều diễn ra tốt đẹp, thì tất cả chúng tôi đã phải có nhiều nỗ lực để có được sự hiểu biết rành mạch về những vấn đề như tổ chức như thế nào đội hình chiến đấu trong hoàn cảnh hết sức phức tạp đó, đảm bảo khâu thông tin bằng ra đa cho trung đoàn, sử dụng như thế nào đài điều khiển tên lửa, đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu, các chốt quan sát bằng mắt thường, xác định những khả năng chỉ huy tập trung, và các tiểu đoàn cần hành động ra sao trong trường hợp chỉ huy phi tập trung (trường hợp này thường xảy ra nhiều nhất trong hoàn cảnh các tiểu đoàn tác chiến theo phương án phục kích tại các khu vực giáp biên giới).

Những thông tin bằng ra đa về kẻ địch thường đến chậm 3 - 4 phút, khi mà các mục tiêu đã bay trên đầu hoặc đã bay qua các đội hình chiến đấu. Tuy nhiên ở phía các bạn Việt Nam lại rất phát triển hệ thống các chốt quan sát bằng mắt thường. Những chốt này đồng thời cũng làm chức năng các chốt điều chỉnh sự di chuyển, đặc biệt trên các tuyến đường mặt trận. Trên thực tế, đội ngũ trực tại các chốt liên tục thông tin về hoạt động của máy bay địch. Hơn nữa, đó là những thông tin đầy đủ: thành phần, số lượng, loại máy bay trong nhóm bay, cách sắp xếp đội hình bay. Họ thậm chí còn có thể xác định mục đích của các phi vụ của máy bay địch (trinh sát, trinh sát kèm theo tấn công, hoặc các tốp máy bay tấn công có kèm theo các tốp đảm bảo và yểm hộ).

Trên toàn lãnh thổ Việt Nam, tại mỗi điểm dân cư, dân chúng đều được thông báo máy bay địch đến gần bằng cách gõ keng - số lần gõ keng tương ứng với khoảng cách 1 chục kilômét để tính khoảng cách của các máy bay đến điểm dân cư.

Số lượng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô trong trung đoàn chúng tôi gồm có 10 người với trình độ chuyên môn cao thuộc mọi hệ thống trong bộ khí tài tên lửa phòng không. Mỗi chuyên gia Liên Xô đều nắm được 4 - 5 ngành chuyên môn ở cấp độ "kiện tướng" hoặc chuyên gia loại I. Đó là những bạn chiến đấu đáng tin cậy có khả năng tự chủ và lòng dũng cảm đặc biệt.

Kỹ sư trưởng là Thiếu tá Xtanhixláp Xécghêvích Nôvôxêlốp.

Tiểu đoàn kỹ thuật gồm có Thiếu tá Alếchxây Xvétcốp (đồng chí này cũng là chính ủy ngoài biên chế của nhóm chuyên gia), các Thiếu tá Vaxili Ruđacốp, Lêônít Pêkhôta.

Đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu "P-12" - có Trung úy Xécgây Alếchxêvích Nicônôvích.

Cabin "U" - có các sĩ quan điều khiển là các Đại úy Nicôlai Baranốp, Lép Nicôlaêvích Ivanốp.

Cabin "A" - có Đại úy Anatôli Bôburo (hệ thống xác định tọa độ), Trung úy Mikhain Dapôrôgiét, các Đại úy Anatôli Aphricantốp, Xôcôlốp, Thiếu tá Ivan Bưđiacốp (hệ thống phát lệnh), Đại úy Nicôlai Mácximốp, Trung úy Alếchxây Ôđinhét (máy phát lệnh vô tuyến, hệ thống phát lệnh).

Cabin "P" - có các Đại úy Xécgây Titốp, Bôrít Malixki, Ivan Bêlakaiúc.

Đại đội bộ phóng - có Thiếu tá Xécgây Vaxiliép, Thượng úy Piốt Alếchxandrốp, Thiếu tá Xécgây Titốp, Đại úy Cônxtantin Coóckin.

Các chuyên gia về năng lượng - có Thiếu tá Anatôli Bôburo, Đại úy Ôlếch Mukhin.

Nhóm chuyên gia chúng tôi có nhiệm vụ cụ thể và rõ ràng: đảm bảo khả năng sẵn sàng chiến đấu và hiệu quả chiến đấu cao của trung đoàn (lúc đầu là Trung đoàn tên lửa phòng không 275, sau đó là Trung đoàn tên lửa phòng không 236, cũng như của các tiểu đoàn độc lập thuộc các trung đoàn khác).

Sau một năm, số lượng trong nhóm chuyên gia chúng tôi đã được thay thế gần như toàn bộ.

Nhân vật đặc sắc nhất trong nhóm chuyên gia chúng tôi là Trung úy Misa Dapôrôgiét. Anh cao gần 2 mét, có thân hình lý tưởng với mái tóc màu sáng, mắt xanh và đẹp trai. Anh này đã giải cứu cho chúng tôi mỗi khi trên đường hành quân chúng tôi thỉnh thoảng dừng chân tại

những thôn nhỏ đặc biệt hẻo lánh. Lập tức tất cả dân chúng bỏ công việc đang làm và chạy đến vây quanh chúng tôi. Tất nhiên, chủ yếu gồm các chị em phụ nữ thuộc mọi lứa tuổi và trẻ em, vì đàn ông đã đi chiến đấu.

Khi phiên dịch viên cho họ biết chúng tôi là người Liên Xô thì thật khó tả nổi bằng lời phản ứng của dân chúng. Những đôi mắt nhỏ bé của họ bỗng trở nên tròn xoe vì ngạc nhiên và vui sướng. Khi chúng tôi bước ra khỏi xe để thư giãn thì anh Misa Dapôrôgiét lập tức trở thành trung tâm của sự chú ý của mọi người.

Tôi bảo anh ta; “Anh Misa ơi, hãy chịu đựng nhé. Hãy để cho chúng tôi có cơ hội nghỉ ngơi chút ít”. Và anh ấy đã chịu đựng. Các cô gái sờ vào người anh, nhìn vào mắt, vào tai, vuốt mái tóc vàng của anh. Họ có nhận xét chung là: chưa từng thấy những người đàn ông như vậy. Còn các cậu bé thì cố sờ vào mông anh Misa rồi bỏ chạy. Các phiên dịch viên sau đó đã giải thích như sau: họ tin rằng nếu sờ được vào chỗ nào đó đặc sắc ở người đàn ông khác thì ta sẽ có được chỗ đó trên người ta. Trong thời gian ấy chúng tôi đã kịp xả hơi, thư giãn. Có lệnh: “Lên xe!”, thế là chúng tôi lại tiếp tục đi

Lép Ivanốp là sĩ quan điều khiển tên lửa bẩm sinh. Khi anh ấy thao tác chiến đấu thì hoàn toàn tập trung, rất thành thạo, “đánh hơi” thấy mục tiêu và không biết sợ gì cả. Khi ở bên ngoài ca bin điều khiển anh ấy là “đèn tín hiệu” báo nguy. Anh ấy cảm nhận được nguy hiểm đang đến gần một cách nhanh hơn những người khác đến vài phút.

Có lần chúng tôi đi đến trận địa tiểu đoàn vào ban ngày trong khu vực bị đốt trụi (dọc theo hai phía dãy núi, ở khoảng cách 5km, phía bên phải và phía bên trái, bọn Mỹ đã phá huỷ rừng rậm bằng bom, bằng napan, rải chất độc hóa học), hố bom này đè lên hố bom khác, nhưng các bụi cây thì cứ ngoan cố mọc lên từ lòng đất. Ở nơi trống trải nhóm nhỏ chúng tôi - gồm khoảng 10 người cùng với tổ bảo vệ và phiên dịch viên - đã “lọt vào tầm ngắm” của hai máy bay “Con ma”. Chúng liền vòng trở lại để ném bom. Tôi ra lệnh: “Mọi người tản ra và nấp vào các hố bom”. Tất cả mọi người đều nấp trong các hố bom, chỉ có anh Lép Ivanốp nấp trong một bụi cây. Khi mọi chuyện đã kết thúc, tôi hỏi: “Tại sao cậu không nấp trong hố bom, mà lại chui vào bụi cây?”. Anh ta trả lời: “Bọn chúng nhìn thấy tất cả chúng ta nấp trong các hố bom, nhưng không nhìn thấy tôi nấp trong bụi cây”. Thế là không thể làm gì được với anh ta.

Công việc của chúng tôi chủ yếu diễn ra vào ban đêm. Tiểu đoàn tên lửa di chuyển (trong điều kiện rừng rậm, tốt hơn nên dùng cách nói “được lôi đi” đến địa điểm phục kích. Vào ban đêm chúng tôi đi theo đường mòn đến trận địa, với đội hình từng người nối đuôi nhau, để đến sáng thì hiệu chỉnh máy móc, kiểm tra mọi thứ và đưa ra kết luận - “Tiểu đoàn đã trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Có thể khai hỏa”.

Vậy là chúng tôi đi từng người một, nối đuôi nhau. Tối đen. Những đêm ở vùng nhiệt đới nói chung là tối đen: công vào đó là tán lá rừng nhiệt đới che lấp trên đầu. Để đề phòng bất trắc, chúng tôi chỉ rọi đèn pin bên dưới bàn chân, để khỏi vô tình bị đi chệch đường hoặc xéo phải một con vật gì đó cắn vào chân. Kính đèn pin được dán bằng giấy màu đen, chỉ ở giữa có một lỗ tròn với đường kính 5 milimét. Bỗng nhiên ở phía trên đầu nghe thấy tiếng gầm của chiếc máy bay “Con ma”, còn ở phía sau nghe thấy tiếng cành cây gãy cạnh đường mòn, ấy là anh Lép Ivanốp “đang ẩn nấp” tránh “Con ma”, vì biết đâu “Bỗng dưng nó phát hiện thấy thì sao?”. Không thể nào thuyết phục được anh ấy tin rằng không thể nào từ trên trời phát hiện được chúng tôi.

Phiên dịch viên trưởng Cảnh (Кань) thường xuyên làm việc cùng chúng tôi. Đó là một người rất đáng chú ý. Anh ấy có trình độ đại học, ngoài tiếng Nga, anh ấy còn thông thạo tiếng Trung Quốc và tất cả các phương ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ các dân tộc chủ yếu ở Việt Nam - chỉ tính riêng ở Bắc Việt Nam đã có đến 39 dân tộc như vậy. Anh ấy thuộc lòng các quy tắc xạ kích và Bản giải thích cho các quy tắc ấy (đó là một cuốn sách dày khoảng 700 trang) và có thể lên lớp giảng bài về những quy tắc ấy. Anh ấy có tình cảm hữu nghị chân thành đối với chúng tôi và đối với Liên Xô. Chúng tôi đã nhanh chóng tìm được tiếng nói chung với anh. Anh ấy đã giúp tôi hiểu nhiều về Việt Nam, về con người Việt Nam và tiếng Việt. Đó là một thế giới hoàn toàn khác. Cần phải hết sức nhanh chóng hiểu rõ và chấp nhận thế giới ấy.

Nhờ anh Cảnh giúp mà sau 4 tháng tôi đã hiểu tiếng Việt khá tốt. Sau đó người phiên dịch chỉ cần phiên dịch từ tiếng Nga ra tiếng Việt mà thôi. Tôi hiểu người Việt Nam nói gì, nhưng bản thân tôi lại không thể nói tiếng Việt được.

Công việc đầu tiên của chúng tôi ở Trung đoàn tên lửa phòng không 275 là phân tích vụ phóng tên lửa không thành công của Tiểu đoàn 69 đã phóng đi vào ngày 15-8-1971 nhằm hạ máy bay không người lái BQM - 34A. Kết luận cơ bản rút ra là: mặc dù gặp phải điều kiện khai hỏa phức tạp nhưng nguyên nhân khiến phóng không thành công 2 quả tên lửa ấy là những sai sót của người chỉ huy lần phóng tên lửa ấy - phó chỉ huy tiểu đoàn - trong việc xác định phương pháp điều khiển tên lửa và phương pháp kích nổ đầu đạn, ngoài ra còn có sự sai lệch của một thông số của mạch điều khiển tên lửa, sai lệch đến 2 lần so với thông số bình thường. Hậu quả là đường bay của tên lửa ở trong trạng thái "bị treo" và bộ phận kích nổ bằng vô tuyến đã được kích nổ từ mặt đất. Viên sĩ quan chỉ huy của tiểu đoàn ấy báo cáo rằng trong lần tác chiến trước đây khi phóng các tên lửa theo mạch kể trên thì không một mục tiêu nào bị tiêu diệt. Chúng tôi đã tìm ra nguyên nhân dẫn đến thất bại liên tục và đã khắc phục nguyên nhân ấy.

Trong vòng 3 tháng trời chúng tôi đã nhiều lần đến làm việc ở tất cả các tiểu đoàn thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 275 và đã có được những tình cảm tốt đẹp, hữu nghị với tất cả mọi người.

Đội ngũ các chiến sĩ tên lửa ở Trung đoàn tên lửa phòng không 275 đã được đào tạo chưa đầy đủ, ban chỉ huy còn thiếu kinh nghiệm chỉ huy và kinh nghiệm chiến đấu. Nhưng không lấy đâu ra những người khác. Mỗi tiểu đoàn đều có trong biên chế thời chiến của mình 3 khẩu đội chiến đấu với đầy đủ quân số. Một khẩu đội xử lý các phương tiện kỹ thuật trong thời gian 1 - 2 tuần lễ, khẩu đội thứ hai thì tiến hành lựa chọn và xây dựng trận địa, còn khẩu đội thứ ba thì học tập và nghỉ ngơi.

Những người chỉ huy các (tất cả) tiểu đoàn đều là những người mang quân hàm thượng úy (theo biên chế thì phải là trung tá), các viên phó của họ, các tham mưu trưởng đều là các sĩ quan mang quân hàm trung úy. Các đại đội thì được đặt dưới quyền chỉ huy của các thiếu úy, các trung sĩ. Các trung sĩ lại đảm nhiệm các chức vụ quan trọng và hệ trọng - các trưởng ban, các sĩ quan điều khiển tên lửa. Tại các tiểu đoàn tên lửa phòng không không có một chuyên gia nào có trình độ chuyên môn cấp đại học hoặc trung cấp, những người đảm nhận tất cả các chức vụ sĩ quan đều là những người chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông. Đa số các sĩ quan chỉ huy của tiểu đoàn tên lửa chỉ có 1 năm kinh nghiệm chiến đấu, tối đa là 2 năm chiến đấu. Có 7 thượng úy và thiếu úy trong các tiểu đoàn thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 275 có 5 - 6 năm kinh nghiệm chiến đấu; từ các trắc thủ vận hành bình thường họ đã trở thành các sĩ quan điều khiển tên lửa, các trưởng ban chuyên môn.

Chỉ có ở tiểu đoàn kỹ thuật thì những chức vụ chủ chốt mới thuộc về các sĩ quan có trình độ đại học dân sự và có 6 năm kinh nghiệm chiến đấu. Nhưng bộ đội tên lửa phòng không của Việt Nam là tinh hoa của dân tộc. Họ là những chiến sĩ kiên cường, kiên định, biết hy sinh quên mình và dũng cảm. Họ hiểu không nhiều về chiến thuật, về kỹ thuật, nhưng họ rất có mong ước hiểu nhiều. Họ thường bị kiệt sức vì mệt nhọc, nhưng vẫn hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu.

Toàn thể các chiến sĩ đều rất kiên trì nghiên cứu phần cấu tạo vật chất của tên lửa, các sơ đồ, học tập và tiến hành vô số những buổi thực tập về tác chiến. Các bạn Việt Nam đã học thuộc lòng tất cả những khuyến nghị của chúng tôi và đã nhiều lần thực tập trong thực tế. Ở đây phương pháp đã giúp ích là phương pháp đã được nghiên cứu đề xuất tại Liên Xô, tại căn cứ của Trung đoàn tên lửa phòng không 48 của chúng tôi (thành phố Iarôxláp) - đó là phương pháp đào tạo trong 2 tuần lễ các trắc thủ vận hành bằng tay thiết bị bám sát mục tiêu, được lựa chọn qua các kỳ trắc nghiệm những chiến sĩ hoàn toàn chưa được huấn luyện và đưa lên trình độ tối thiểu cấp 3.

Bằng phương pháp này, từ những chiến sĩ dù mới chỉ có kinh nghiệm chiến đấu không đáng kể vẫn có thể đào tạo họ rất nhanh chóng trở thành các trắc thủ vận hành máy bám sát bằng tay có đẳng cấp cao. Mức độ chính xác trong việc bám sát mục tiêu ở chế độ bám sát bằng tay do họ thực hiện đôi khi còn vượt mức độ chính xác trong chế độ tự động bám sát mục tiêu.



Điều này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong trường hợp bám sát mục tiêu trên nền có gây nhiễu và có "các sóng phản hồi địa vật" (đây là tín hiệu phản hồi từ các địa vật lồi lõm), khi hệ thống tự động bám sát đơn giản là "bị vô hiệu".

Trong khu vực tác chiến của Trung đoàn tên lửa phòng không 275 người ta đã xây dựng 15 trận địa chính cho các tiểu đoàn, ngoài ra còn có hệ thống các trận địa phóng dự phòng và các trận địa giả. Mỗi tiểu đoàn có 2 - 3 trận địa phóng tên lửa chính và 2 - 3 trận địa dự phòng.

Vào cuối tháng 8-1971 bắt đầu mùa mưa ở khu vực chúng tôi. Hơn thế, nó bắt đầu bằng một trận bão mạnh và trận lụt gây ra thảm họa lớn - người bị chết, những diện tích gieo trồng bị ngập nước, nhiều gia súc bị chết. Tất cả những nơi đóng quân của các tiểu đoàn hoàn toàn bị ngập nước, và nước tràn khắp mọi nơi. Ở các quả tên lửa nằm trên bệ phóng và trên các xe chở - nạp tên lửa, tất cả các tấm dán bảo vệ đều bị bong ra, nước thấm vào bên trong. Tất cả các bộ giảm áp trong khí tài đều ngập trong nước. Chúng tôi cùng với các bạn Việt Nam đã phải cố gắng nỗ lực để khắc phục hậu quả của trận bão và lũ lụt, bảo vệ khí tài đối phó với những trận mưa suốt ngày đêm.

Trận bão ấy rất mạnh. Xin hãy hình dung mà xem: khối nước bay gần như song song với mặt đất, với những trận gió thổi ào ào, nước dâng lên trông thấy được. Phải vất vả lắm chúng tôi mới dùng dây nịt giữ được nhà bạt của chúng tôi khỏi bay đi. Trong nhà bạt ấy, ở độ cao 1 mét rưỡi, chúng tôi bảo quản tài sản quý báu nhất của chúng tôi - đó là chiếc máy quay phim, máy chụp ảnh, hòm tủ sách, máy phát điện mini và các đồ dùng cá nhân. cơn bão ập đến từ hướng tây - nam và sau vài giờ nó hơi yếu đi một chút lại trở lại từ hướng đông - bắc. Trong 1 năm chúng tôi đã phải chịu 18 cơn bão. Sau cơn bão và những trận mưa xối xả thì nói chung không thể nào di chuyển được các khí tài. Những con suối biến thành những dòng thác hung dữ, những vùng đất thấp đều bị ngập nước.

Mùa mưa cũng đã trở thành trở ngại cả cho các phi vụ của không quân địch. Chúng tôi lợi dụng tình hình đó để khắc phục hậu quả của trận bão và trận lũ lụt, để chuẩn bị các khẩu đội sẵn sàng chiến đấu vào mùa khô. Công việc chiến đấu đòi hỏi phải có sự chú ý thường xuyên.

Vào thời gian ấy (từ tháng 9 đến tháng 10-1971) nhờ công sức của đội quân công nghiệp Liên Xô mà trong tất cả các bộ khí tài tên lửa phòng không đều đã có những cải tiến, hoàn thiện có tác dụng nâng cao khả năng chống nhiễu của mạch hồi trong đài điều khiển tên lửa, đã làm tăng 2,5 - 3 lần độ Điều khiển chính xác tên lửa nhằm vào mục tiêu đang cơ động. Đã sử dụng chế độ thông tin giả trong mạch của máy vô tuyến phát lệnh: Trong cơ cấu của đài điều khiển tên lửa có sử dụng máy "Bông tuyết" để các khẩu đội luyện tập trong điều kiện bị gây nhiễu. Đã giảm độ dao động trong mạch điều khiển tên lửa khi chuyển đổi các tỷ lệ

Tất cả mọi nỗ lực đều tập trung vào khâu kiểm tra và hiệu chỉnh khí tài, lần lượt tiến hành các công việc theo quy định bảo trì về cơ khí, sau đó về điện, tiến hành sấy khô máy móc, đặc biệt sấy khô các quả tên lửa. Với các pháo thủ thì chúng tôi tiến hành những buổi lên lớp nghiên cứu sâu về các yếu lĩnh bắn.

Vấn đề phức tạp nhất là vấn đề lựa chọn và xây dựng các trận địa tại vùng có các đèo núi để tổ chức các cuộc phục kích, sau đó là vấn đề di chuyển các tiểu đoàn đến các trận địa phóng tên lửa mới. Trên thực tế vào mùa mưa không thể làm được việc này vì không có đường di chuyển. Khi mùa mưa kết thúc và sau mùa bão lũ thì vấn đề cơ động cũng phức tạp do không quân Mỹ hoàn toàn khống chế bầu trời.

Hàng ngày không quân địch thực hiện trung bình 65 phi vụ tốp vào ban ngày, và 30 - 35 phi vụ tốp vào ban đêm. Các máy bay của hải quân Mỹ (có 2 tàu sân bay đậu cách bờ 160 - 190km) chủ yếu bắn phá các mục tiêu gần bờ biển, còn các máy bay của không quân Mỹ thì bắn phá các bến phà, các đèo, các địa điểm sơ tán khí tài, các trận địa pháo cao xạ, các kho tàng, các căn cứ. Có 12 máy bay trinh sát không người lái hoạt động tại đây.

Đôi khi thời gian tiểu đoàn tên lửa phòng không di chuyển đến trận địa phục kích kéo dài vài ngày bằng những chiếc xe di chuyển lẻ tẻ hoặc với những tốp nhỏ. Chỉ có những người rất lạc quan mới có thể gọi những con đường trong khu vực tác chiến của trung đoàn tên lửa chúng tôi là những con đường. Chúng tôi phân loại những con đường ấy căn cứ vào số lần

“mông bị va đập trong một phút”. Đa số các con đường ở mặt trận đều là những con đường có tần suất 120 “cú va đập mông” trên 1 phút. Các bộ khí tài tên lửa có trọng lượng lớn, cho nên khi cơ động phải di chuyển với tốc độ cao để vượt qua khu vực cần vượt trong khoảng thời gian trên trời không có các máy bay trinh sát hoặc máy bay tấn công của địch. Thông thường, việc cơ động được tiến hành vào ban đêm, không bật đèn pha, còn ở những khu vực nguy hiểm thì cũng không sử dụng đèn cốt.

Chẳng hạn, trên đường số 12 có một đoạn dài khoảng 15km liên tục bị bắn phá bằng súng cối và bằng những súng máy cỡ lớn của các nhóm biệt kích địch mà bọn Mỹ thường xuyên thả xuống đỉnh dãy núi Dăng Mản (Bị mây phủ kín quanh năm). Và chẳng có cách nào đánh bật bọn biệt kích ấy ra khỏi nơi ấy. Mà cũng chẳng ngoặt sang phía nào cả: ở bên trái là núi đá thẳng đứng dày đặc: ở phía bên phải là vực thẳm. Thật khó hiểu được, bằng cách nào mà các chiến sĩ lái các chiếc xe xích kéo pháo hạng trung và các xe nạp tên lửa và những loại chiến xa khác lại có thể tìm cách đưa những chiếc xe ấy vượt qua những đoạn đường như vậy cùng với những ca bin nặng nhiều tấn, với những quả tên lửa, những bộ phóng, trong bóng tối hoàn toàn, với tốc độ tối đa.

Sau những cuộc cơ động như vậy và sau khi triển khai khí tài trên trận địa thì nhất thiết phải kiểm tra kỹ lưỡng, khắc phục những sự hư hỏng và trục trặc. Đối với những quả tên lửa thì sau cuộc hành quân dài 200km và xa hơn thế sẽ phải kiểm tra lại chúng ở trạm kiểm tra - thử nghiệm di động. Nếu trận địa nằm ở biên giới với nước Lào thì cần đưa các quả tên lửa cách xa biên giới ít nhất 50km để tiến hành kiểm tra, nhằm “khỏi để lộ” cho trạm trinh sát vô tuyến điện trên mặt đất của địch biết việc nghiên cứu các bộ phát sóng phản hồi của tên lửa.

Trong khi tổ chức hoạt động tác chiến của các trung đoàn tên lửa phòng không cần phải tính đến vô vàn những “điều nhỏ nhặt” ấy. Cần phải xem xét lại một cách sáng tạo nhiều luận điểm về chiến thuật và về các quy tắc bắn có tính đến những điều kiện địa - vật lý và chiến thuật hành động của kẻ địch trên bầu trời.

Theo các số liệu được cung cấp bởi đại úy Trần Văn Duy, trưởng phòng trinh sát của Sư đoàn 377 bộ đội phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam, thì từ cuối tháng 9 đến giữa tháng 11-1971 tại địa phận tỉnh Quảng Bình đã có 714 tốp máy bay của không quân và của hải quân Mỹ hoạt động (F-4: F-105, A-6, A-7, OV-10, tổng cộng có 965 máy bay). Những máy bay này đã tiến hành trinh sát và đánh phá các mục tiêu trên các tuyến đường.

Ngoài ra, hàng ngày có 8 - 10 tốp máy bay hoạt động dọc theo các tuyến đường chạy từ các ngọn đèo ở biên giới vào sâu trong lãnh thổ - Việt Nam. Trong số đó có 3 - 4 tốp máy bay có sử dụng vũ khí gắn trên thân máy bay. 90% số cuộc ném bom được thực hiện bằng những máy bay đơn lẻ. Thông thường thì những trận bắn phá ò ạt được các tốp máy bay 3 chiếc thực hiện. Trong thời gian ấy, đã có đến 325 tốp B-52 (971 lần chiếc) hoạt động tại các điểm chốt giữ trên các tuyến đường ấy. Không quân Mỹ đã sử dụng các loại bom bị đã bị luật pháp quốc tế nghiêm cấm, các loại đạn nổ gây sát thương rộng, bom napan, các chất độc hại để diệt cây cối, tiến hành những trận bom rải thảm dẫn đến hậu quả là nhiều điểm dân cư đã thật sự bị san phẳng.

Không quân Mỹ đã tàn phá một cách có bài bản và dã man tột độ các công trình cơ sở hạ tầng của tỉnh Quảng Bình (còn từ tháng 4-1972 thì chúng thực hiện hành động này trên toàn lãnh thổ Bắc Việt Nam): các cơ sở công nghiệp: cầu cống, các bến phà, các bệnh viện, trường học. Chỉ cần nêu rõ rằng mỗi người dân ở tỉnh Quảng Bình, gồm cả các trẻ sơ sinh: đã phải hứng chịu 40 tấn bom mỗi năm, là có thể thấy rõ điều này. Chúng tôi đã chứng kiến những trận ném bom kiểu “rải thảm” do các máy bay ném bom chiến lược B-52 thực hiện đối với các điểm dân cư vô tội. Máy bay Mỹ ném bom không những các mục tiêu quân sự, mà còn săn tìm những chiếc xe đơn lẻ, tìm diệt những người dân lao động trên các đồng lúa.

Ban lãnh đạo nước Việt Nam đã kêu gọi nhân dân: khi làm việc ngoài đồng chị em phụ nữ cần mặc những chiếc áo nhuộm màu bảo vệ thay cho những chiếc áo màu trắng truyền thống để gây khó khăn cho các phi công Mỹ không thể ném bom và bắn trúng những người đang làm việc ở ngoài đồng; không được giết, mà phải bắt sống làm tù binh các phi công Mỹ đã nhảy dù từ những máy bay bị bắn rơi, để bắt chúng tính sổ đến bù những thiệt hại vật chất do những

cuộc ném bom gây ra.

Lòng căm thù đối với các phi công Mỹ lên đến mức là sau khi nhảy dù khỏi máy bay, các phi công ấy thực sự đã trở thành bia thịt trước khi chúng chạm đất. Bom bi và bom napan chống lại phụ nữ và trẻ em không thể nào khiến cho người ta tỏ lòng độ lượng đối với kẻ xâm lược. Mỗi người dân có khả năng cầm súng đều bắn vào máy bay địch. Tại tỉnh Quảng Bình có đài kỷ niệm vinh danh khẩu đội súng máy phòng không đã dùng súng đại liên bắn rơi máy bay F-4 ("con ma"). Người ít tuổi nhất trong khẩu đội ấy là một cụ già 65 tuổi.

Không chỉ có con người, mà cả các gia súc cũng được huấn luyện cho quen với chiến tranh. Trên các cánh đồng người ta có đào những đường hào dành cho trâu bò. Khi có báo động máy bay, chúng được lừa xuống đó và chờ đến khi kết thúc cuộc ném bom.

Lợn, gà - thực phẩm chính của các chiến sĩ - cũng ẩn nấp trong các đường hào khi có báo động, khi vang lên tín hiệu "Báo yên - lên đường" thì chẳng cần có lệnh bổ sung chúng cũng vào chỗ của mình trong các chiếc cũi trên thùng xe.

Tôi xin dẫn ra đây một vài ví dụ để thấy tình hình lúc đó phức tạp đến mức nào.

Tháng 10-1971, Tiểu đoàn tên lửa phòng không 68 được chuyển lên trận địa chiến đấu cách biên giới Lào - Việt 7km, trên đường 20. Nhiệm vụ của tiểu đoàn là tiêu diệt máy bay B-52. Lúc đầu nhóm chuyên gia chúng tôi đi bằng xe hơi để đến tiểu đoàn này, về sau đi bằng xe xích kéo pháo hạng trung, rồi sau nữa đi bộ theo đường mòn. Vào thời gian ấy, dọc theo đường 20 hàng ngày trung bình có 6 máy bay B-52 hoạt động. Ban ngày tiểu đoàn này bất động, mọi công việc chỉ tiến hành vào ban đêm, tuyệt đối tuân thủ mọi biện pháp ngụy trang. Tối ngày 6-11 chúng tôi bắt đầu tiến hành các công việc, sáng sớm ngày 7-11, sau khi kết thúc mọi việc kiểm tra và hiệu chỉnh khí tài và đưa ra kết luận bằng văn bản về tư thế sẵn sàng chiến đấu của tiểu đoàn này, chúng tôi rút khỏi trận địa. Theo kế hoạch, chúng tôi sẽ làm việc lần lượt tại các tiểu đoàn 69, 66, 67.

Ngày 9-11, vào lúc 21 giờ, Tiểu đoàn tên lửa phòng không 68 đã giao chiến với tốp B-52 và các tốp máy bay yểm trợ. Căn cứ theo các thông tin do đơn vị kỹ thuật vô tuyến điện cung cấp, đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu của tiểu đoàn này đã phát hiện các tốp mục tiêu ở cự ly 75km. Ở cự ly 35km đài điều khiển tên lửa của bộ khí tài tên lửa phòng không đã phát sóng nhưng đã không nhìn thấy mục tiêu do bị nhiễu rất mạnh. Do vậy đã chuyển sang chế độ tương đương. Lần thứ hai đài điều khiển tên lửa lại phát sóng ở cự ly 25km. Vẫn không thấy mục tiêu - lại chuyển sang chế độ tương đương. Lần thứ ba lại phát sóng ở cự ly 19km. Cường độ nhiễu đã giảm. Đã phát hiện thấy 3 chiếc B-52 ở khoảng cách 16km, độ cao 10km - vậy là đã chộp được mục tiêu, tiểu đoàn đã sẵn sàng phóng tên lửa.

Đúng vào thời khắc này 2 quả tên lửa kiểu "Sraico" chống ra đa đã nổ cách ca bin ăngten "P" 6 mét. Do bị nhiễu nên khẩu đội đã không phát hiện thấy các máy bay Mỹ đã phóng các quả tên lửa chống ra đa. Đài quan sát bằng mắt đã ghi nhận 2 máy bay F-105 đã phóng các tên lửa "Sraico" khi các máy bay này phóng qua phía trên tiểu đoàn này, nhưng đài quan sát bằng mắt đã không thể báo cáo được vì đúng vào lúc ấy nó cũng bị ném bom.

Tiểu đoàn bị loại khỏi vòng chiến. Trên các cột ăngten có hơn 70 lỗ thủng, có hơn 10 đoạn dây cáp dẫn đến ăngten và dây cáp cao thế bị đứt. Tại bộ phóng các đường dây cáp truyền dẫn điện và cáp điều khiển bị bật ra khỏi bộ phóng. Không có thiệt hại về người. Trong suốt 10 ngày sau đó các máy bay B-52 đã không xuất hiện ở khu vực này.

Ngày 18-11, trong cuộc gặp làm việc với sĩ quan chỉ huy và chính ủy của trung đoàn, chúng tôi đã thỏa thuận dứt khoát rằng chúng tôi là những chiến sĩ chứ không phải là các nhà ngoại giao. Cho nên chúng tôi sẽ nói một cách thẳng thắn về tất cả mọi công việc tác chiến của chúng tôi. Chúng tôi phải biết rõ mọi vấn đề nảy sinh trong công tác đảm bảo khả năng sẵn sàng chiến đấu của trung đoàn. Chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp ban chỉ huy trung đoàn vào ngày thứ sáu hàng tuần để lên kế hoạch làm việc chung và giải quyết những vấn đề nảy sinh.

Chúng tôi đã cùng với các đồng chí Việt Nam phân tích kỹ lưỡng từng trận đánh, rút ra những kết luận. Mà mỗi trận đánh đều là kết quả của việc chuẩn bị kỹ lưỡng khí tài và con người, là sự kết hợp giữa tinh thần dũng cảm, tinh thần kiên cường và lòng tin vào chiến thắng.

Bằng những nỗ lực chung: chúng tôi đã phấn đấu để tạo ra thái độ nâng niu và quý trọng đối với các khí tài, đối với các quy tắc bản, kiên trì bồi dưỡng ý thức không sợ sai lầm, biết suy nghĩ về phương thức bản trong đội hình nhóm tiểu đoàn và về sự yểm trợ cho nhau. Những điều này đã có tác dụng tốt trong các trận đánh diễn ra trong tháng 1 (10 cuộc khai hỏa), đặc biệt là những trận đánh trong tháng 4 (28 cuộc khai hỏa) và trong tháng 5 (20 cuộc khai hỏa) năm 1972. Đó là thời gian mở đầu những hoạt động quân sự mang tính chất quyết định của Quân đội nhân dân Việt Nam và của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở phía nam vĩ tuyến 17.

Vào ngày 22-11 Tiểu đoàn 66 đã vào chiếm lĩnh trận địa này, dần dần triển khai khí tài vào ban đêm: ngày 26-11 đã triển khai xong một bộ phóng, ngày 27-11 đã triển khai xong bộ phóng thứ hai.

Bất chấp địa hình rừng núi, song cuộc hành quân đã diễn ra bình thường, chỉ có một romoóc chở ăngten xác định vị trí góc (chúng tôi đã sử dụng bộ ăngten của Tiểu đoàn 68) và một xe chở và nạp tên lửa bị đổ, ngoài ra các cánh lái và bộ ổn định trên một tên lửa đã bị gãy. Tiểu đoàn này đã sẵn sàng chiến đấu và đến ngày 3-12, vào lúc 6 giờ 12 phút, với 2 quả tên lửa đã bắn rơi máy bay trinh sát chiến thuật O-2A.

Tên trung tá phi công thuộc lực lượng không quân Mỹ đã bị bắt làm tù binh. Vào thời điểm ấy, chúng tôi đang có mặt ở đài chỉ huy số 2 tại trận tuyến thuộc khu vực đường số 20. Một cô gái mang súng đã giải tên phi công ấy - với hai tay bị trói - đến đài chỉ huy số 2. Tên phi công đã nhảy dù trót lọt, nhưng khi tiếp đất, mắt của hắn đã đụng phải một cành tre làm cho hắn bị ngất xỉu. Trong chiếc máy bay bị bắn rơi và trên người tên phi công đã tìm thấy những dụng cụ máy móc đảm bảo cho việc cứu hộ phi công.

Cô gái phát hiện ra tên phi công Mỹ ấy là nữ chiến sĩ thuộc tiểu đoàn công binh. Cô đã giằng lấy và đập vỡ chiếc máy định vị vô tuyến điện dính trên bộ quân phục bay của tên phi công, tước vũ khí trên người hắn, bản đồ bay cùng với các loại tài liệu, trói hắn lại. Cô gái chờ đến khi tên phi công tỉnh lại, dí súng vào người hắn và giải hắn về sở chỉ huy. Hóa ra, bọn Mỹ cũng hiểu rất rõ ngôn ngữ của vũ khí. Còn cô gái ấy có thân hình nhỏ hơn tên tù binh của mình đến 5 lần. Tên tù binh được chuyển gấp về Hà Nội. Chắc chắn, đây là tên tù binh quan trọng, bởi vì chỉ sau một ngày nhóm chúng tôi đã được trao tặng phần thưởng danh dự của Chủ tịch nước - một lẵng hoa sen thiêng liêng. Ở Việt Nam người ta xem đó là phần thưởng cao quý hơn mọi huân chương và huy chương.

Cơ quan tìm kiếm - cứu hộ của lực lượng không quân Mỹ đã tìm cách giải cứu tên phi công thứ hai. Các máy bay A-6, F-4 và các trực thăng đã phong tỏa khu vực có khả năng tìm thấy tên phi công này. Nhằm không để tên phi công này bị tóm cổ làm tù binh, trong chu vi có đường kính 20km bọn Mỹ đã phun đầy chất tạo sương mù OB. Bọn Mỹ đã phát điên lên. Chúng tăng cường số lần đánh phá quân khu 4, với 150 tốp phi vụ mỗi ngày. Chỉ cần phát hiện thấy một cột khói ở trong rừng là chúng ném bom ngay. Nhưng những con đèo vẫn rộng mở cho các đoàn xe đi qua.

Vào cuối tháng 11-1971, khi các tiểu đoàn tên lửa phòng không bắt đầu cơ động trong khu vực có các trận địa chiến đấu để tổ chức các cuộc phục kích ở các con đèo, thì trong suốt một tuần lễ chúng tôi đã “bị mất” tin tức về tiểu đoàn 69.

Vào tháng 8 tiểu đoàn này từ một trung đoàn khác đã được nhập vào Trung đoàn 275. Sĩ quan chỉ huy của tiểu đoàn này là người có khá nhiều kinh nghiệm, các chiến sĩ của tiểu đoàn này là những người dày dạn trận mạc, không phải là lính mới. Viên sĩ quan chỉ huy của tiểu đoàn này hiếm khi nhờ đến sự trợ giúp của các chuyên gia quân sự Liên Xô, anh ấy nói “tự tôi có thể làm được mọi việc mà”.

Nhưng xảy ra tình huống là tiểu đoàn này phải “chui” vào một nơi rất bất lợi cho việc tổ chức phục kích trong khu vực đường 16 (đây là góc đoạn đường biên giới Lào - Việt). Đốc núi thẳng, chung quanh toàn là rừng rậm không có đường đi. Khi cố gắng đưa cabin “U” vào nơi dành cho nó thì chiếc xe xích kéo pháo hạng trung kéo cabin này đã giật mạnh. Hậu quả là hộp đựng các dây cáp dẫn ra và dẫn vào khối VK-1 đã bị bật phăng ra hoàn toàn. Mà không có hộp

chứa các đường dây cáp dẫn vào khối VK-1 thì tiểu đoàn “bị chết dí” cùng với tất cả các cabin của mình, các quả tên lửa và các bộ phóng của mình.

Nhóm phục vụ kỹ thuật của trung đoàn cùng với các phương tiện sửa chữa lại không thể đến chỗ ấy được. Chúng tôi đành mang theo ba lô lên xe ô tô (trong ba lô có văng, màn chống muỗi, các đồ dùng cá nhân, bình đựng nước, ống nhòm, máy ảnh), đội mũ sắt lên đầu rồi lên đường. Khi hết con đường có thể đi bằng xe GAZ-69 thì chúng tôi chuyển sang xe xích kéo pháo hạng trung. Quãng đường 15km cuối cùng chúng tôi đi bộ theo “Đường mòn Hồ Chí Minh”.

Chúng tôi thẩm định tình hình tại chỗ và thấy gay go. Trong hộp có hàng chục đường dây cáp - các tuyến cáp có bọc lưới kim loại cho đến các tuyến cáp đường dây liên lạc - và tất cả các dây cáp ấy đều “bị đứt”. Chúng tôi nhóm họp, thảo luận với nhau và bắt tay vào công việc. Để tiến hành công việc thì chỉ có các dụng cụ được cấp cho tiểu đoàn, các cờ lê, tuốc-nơ-vít, mỏ hàn. Phải làm cho tất cả các tuyến cáp “thông suốt”, phải tìm ra phần tương ứng của đoạn dây bị đứt, hàn chúng lại, bọc lớp cách điện, kiểm tra sự thông suốt của mạch điện. Chúng tôi đã làm việc liên tục 2 ngày, không hề có giải lao. Nhờ có sự tôi luyện và cố gắng của các chuyên gia quân sự Liên Xô mà khối VK-1 đã được phục hồi, máy móc đã được kiểm tra.

Công tác kiểm tra chức năng đã cho thấy tiểu đoàn đã ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Chúng tôi kết luận bằng văn bản rằng tiểu đoàn này có thể khai hỏa. Sau đó, chúng tôi đã yên tâm trở về căn cứ của mình. Sau đó 2 ngày chúng tôi nhận được tin cho biết tiểu đoàn này đã phóng tên lửa trúng đích. Tuy nhiên, sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn này tỏ ra không hài lòng. Đồng chí ấy khao khát bắn rơi B-52, nhưng lại chỉ hạ được máy bay trinh sát - đó là chiếc máy bay gây nhiễu RB-66. Đây cũng là mục tiêu quan trọng và quý giá.

Kể từ đó trở đi viên chỉ huy Tiểu đoàn 69 cố gắng bằng mọi cách nhấn mạnh sự quý trọng của anh ấy đối với chúng tôi. Đôi khi anh ấy yêu cầu cử nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô đến chỗ anh ấy thậm chí trong trường hợp không đặc biệt cần thiết.

Sau trường hợp này các chuyên gia của Liên Xô trong đơn vị công binh tên lửa phòng không ở Hà Nội đã phát biểu rằng nhóm chuyên gia chúng tôi ở đây đã làm được điều không thể làm được trong những điều kiện dã chiến.

Bây giờ xin nói vài lời về cuộc sống của chúng tôi trong điều kiện dã chiến.

Suốt 4 tháng trời chúng tôi sống ở căn cứ nằm dưới chân một núi đá (vách núi thẳng đứng và cao 300 mét) trong những ngôi nhà tạm bợ. Nơi đóng quân ở cách khoảng 3km, mới tới điểm giao nhau của hai con đường số 15 và số 20 và bến phà Xuân Sơn qua con sông nhỏ, nước chảy xiết. Địa điểm này thường xuyên “thu hút” các máy bay trinh sát và máy bay bắn phá của Mỹ. Vì vậy từ mỗi căn nhà tạm ấy người ta đào con hào chạy đến tận cửa hang núi. Khi có nguy hiểm thì chạy xuống đường hào rồi chạy vào hang. Trong hang núi bom không với tới được.

Nếu có cơ hội chúng tôi tổ chức ngày tắm hơi. Các bạn Việt Nam của chúng tôi không thể nào hiểu được tại sao chúng tôi lại tắm xông hơi và tắm bằng nước nóng trong khi ở ngoài trời nóng bức ghê gớm. Chúng tôi tìm cách dùng những tấm phen nứa làm thành các buồng tắm, trong đó có những hòn đá được hun nóng và nước.

Còn tại một địa điểm đóng quân nhóm chúng tôi đã rất gặp may: cách đó không xa có nguồn nước nóng, có tác dụng chữa bệnh. Bể nước nóng khá lớn, cho nên cả nhóm có thể cùng lúc tắm nước nóng. Nhưng xuất hiện một sự bất tiện: không biết vì sao dân chúng địa phương lại biết thời điểm chúng tôi đến tắm nước nóng. Cho nên đúng vào lúc chúng tôi tắm thì có rất nhiều khán giả vây quanh nguồn nước nóng, đó là các chị phụ nữ và trẻ em. Lúc đầu chúng tôi rất ngượng, về sau thấy quen.

Vào những ngày thời tiết xấu, vào các buổi tối, đôi khi cả vào ban đêm chúng tôi mang theo máy chiếu phim, màn ảnh chiếu bóng, máy phát điện đến một ngôi làng gần nhất. Chúng tôi báo trước cho dân chúng địa phương, rồi sau đó chiếu phim cho họ xem. Người Việt Nam đặc biệt thích bộ phim hoạt hình “Hãy đợi đấy!” không cần có phần lời dịch. Bà con Việt Nam có thể xem mãi tất cả các bộ phim chúng tôi có và họ vui sướng như các trẻ em. Hoặc, ví dụ như bộ phim chiến đấu kể về các chiến sĩ trinh sát của Liên Xô xâm nhập vào thành phố nghỉ mát ở

Crum đã bị bọn Đức chiếm đóng, cũng là bộ phim rất được khán giả Việt Nam yêu thích. Hình như cuốn phim ấy có tên là "Sứ mạng bất khả thi".

Trong khi chờ kỹ thuật viên chiếu phim thay cuộn phim tiếp theo, người phiên dịch giải thích nội dung của đoạn phim đang được chiếu cho người xem. Bà con có thể xem bộ phim ấy mấy lần. Nhất là các đồng chí Liên Xô ở Hà Nội không hào phóng lắm với chúng tôi trong việc cung cấp những bộ phim mới. Chúng tôi cũng chẳng có gì để trao đổi với các nhóm lân cận (tại Quân khu 4 còn có 2 nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô nữa hoạt động) - họ cũng giống như tình cảnh của chúng tôi.

Các bạn Việt Nam thường xuyên cảnh báo cho chúng tôi về nguy cơ bị quân địch tấn công trên bộ (nếu không có bộ phận bảo vệ thì không ra ngoài và không nên đi một mình, đặc biệt là khi làm việc trên các trận địa chiến đấu). Sáng ngày 25-12 đài quan sát bằng mắt của Tiểu đoàn 67 đã phát hiện thấy có 3 tốp lính dù đổ bộ sâu vào khu vực đường 20. Như vậy, nguy cơ bị tấn công là có thật, và những kẻ tấn công rõ ràng sẽ không phải là bọn nghiệp dư. Các chuyên gia quân sự Liên Xô có gì để đối phó với chúng? Chúng tôi làm việc trong điều kiện không mang vũ khí và hoàn toàn không mang theo các giấy tờ.

Có lần, khi gần kết thúc công việc tại một tiểu đoàn, tôi đã đề nghị viên chỉ huy tiểu đoàn này chỉ cho tôi trên bản đồ địa điểm đóng quân của chúng tôi. Người chỉ huy ấy cho tôi xem bản đồ. Hóa ra tiểu đoàn này đặt trận địa chiến đấu trên lãnh thổ Lào, cách biên giới quốc gia 10km.

Đến nay, khi nhớ lại thời kỳ chiến đấu, có thể đưa ra những kết luận nhất định nào đấy.

Có thể chia một cách ước lệ thời gian hoạt động của nhóm chuyên gia chúng tôi thành 3 giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất - tháng 8-1971 - cuối tháng 3-1972.

Giai đoạn thứ hai - cuối tháng 3 - tháng 4-1972.

Giai đoạn thứ ba - tháng 5 - tháng 7-1972.

Ở giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ của các tiểu đoàn thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 275 là gây tổn thất tối đa cho kẻ địch trong mưu toan của chúng định cắt đứt các con đường tiếp tế cho Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và cho du kích Lào và Campuchia (các con đường 12, 20, 16, 18 và các ngọn đèo băng qua dãy núi Trường Sơn).

Để chống lại các bộ khí tài tên lửa phòng không, không quân địch đã sử dụng tất cả kho vũ khí mà chúng có, tiêu diệt bằng hỏa lực, tất cả các phổ gây nhiễu, các tên lửa chống ra đa, thủ đoạn cơ động tích cực chống pháo cao xạ.

Bọn Mỹ biết khá rõ về bộ khí tài tên lửa phòng không X-75. Chúng biết rõ tất cả những mặt mạnh và mặt yếu của X-75. Chúng cũng biết rõ tầm bắn và tầm tiêu diệt mục tiêu, những thông số về tần số. Nhưng chúng vẫn sợ bộ khí tài này. Chúng chỉ phái các phi công có nhiều kinh nghiệm nhất, có khả năng "tránh" tên lửa, đến hoạt động ở vùng có sự hoạt động của các bộ khí tài tên lửa - phòng không X-75.

Chỉ trong một tuần lễ của tháng 1-1972 mỗi tiểu đoàn thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 275 đều bị hứng chịu 2 tên lửa chống ra đa. Tổn thất về người đã xảy ra ở nơi nào không kịp chuẩn bị nơi trú ẩn. Ban chỉ huy của các trung đoàn và của các tiểu đoàn đã giữ bí mật con số tổn thất của mình. Tôi cho rằng làm như vậy là đúng. Kẻ địch không được biết rõ hiệu quả hành động của chúng.

Các dây cáp bị mảnh tên lửa "Sraico" làm đứt ở nơi nào chưa kịp che lấp những dây cáp ấy. Khi các ăng ten ở đài điều khiển tên lửa bị các lỗ thủng thì vẫn có thể phóng tên lửa được. Đồ thị của hướng không thay đổi nếu như lỗ thủng không lớn hơn 15 x 15 xăngtimét. Song, cần vá lỗ thủng để nước không lọt vào bên trong ăngten.

Chúng tôi có những hồi ức tốt đẹp nhất về Trung đoàn tên lửa phòng không 275. Bảy tháng cùng làm việc chung trong những điều kiện phức tạp nhất đã tạo cơ hội gắn kết nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô và các khẩu đội chiến đấu của trung đoàn, đem lại kinh nghiệm hết sức

phong phú về tổ chức và tiến hành tác chiến trong điều kiện rừng núi nhiệt đới.

Các khẩu đội chiến đấu của các tiểu đoàn đã vượt tất cả các định mức có thể có trong công tác thu dọn khí tài. Chỉ sau 35 phút, tối đa là sau 40 phút sau khi phóng tên lửa là mọi việc đã được hoàn thành. Chuyển xe chở khí tài cuối cùng rút khỏi trận địa. Nếu không khẩn trương như vậy thì nhất định không tránh khỏi bị đòn trả đũa của không quân địch, do các máy bay trinh sát thường xuyên có mặt trên bầu trời chỉ điểm. Ở độ cao 4,5 km, khi trên bầu trời không có mây và vào ban đêm, từ trên máy bay ở cách xa 60 - 70km có thể nhìn thấy tên lửa phòng không được phóng đi.

Ngay từ tháng 1-1972 ban chỉ huy của trung đoàn tên lửa phòng không đã được biết về những sự kiện sẽ diễn ra sắp tới đó là cuộc tấn công lớn bằng qua Vĩnh Linh tiến vào phía nam nhằm giải phóng Nam Việt Nam. Tại cuộc gặp ngày 15-1-1972 với viên chỉ huy trung đoàn và chính ủy của trung đoàn diễn ra tại một sở chỉ huy tiền phương, viên chỉ huy trung đoàn đã tuyên bố rằng bộ đội tên lửa phòng không “đang chuẩn bị cho những trận đánh lớn và những chiến thắng to lớn” và yêu cầu tăng cường công tác giải trình các yếu lĩnh bản và hiệu chỉnh khí tài.

Căn cứ vào nhiều dấu hiệu chúng tôi cũng đã cảm nhận được những sự kiện quan trọng đang đến gần. Trung đoàn chúng tôi nhận thêm 240 quả tên lửa. Cần phải giúp đỡ lên kế hoạch bảo trì những tên lửa ấy, vận chuyển, bảo quản chúng.

Những trận đánh tại Quân khu 4 vẫn tiếp diễn. Trong 2 ngày - ngày 16 và ngày 17-2-1972 bộ đội tên lửa phòng không đã bắn rơi 5 máy bay, pháo cao xạ bắn rơi 1 chiếc. Đã có 6 phi công bị bắt làm tù binh - 4 Thiếu tá, 1 Đại úy, 1 Trung úy.

Ngày 24-2 các tiểu đoàn 67 và 68 thuộc Trung đoàn tên lửa phòng không 275 đã lên đường đi về phía nam để giúp sức cho các đơn vị đang chiến đấu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, 1 tiểu đoàn đã bị loại. Trung đoàn chỉ còn lại 1 tiểu đoàn. Thế là từ tháng 3 chúng tôi bắt đầu làm việc với Trung đoàn tên lửa phòng không 236 (đây là Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên của Việt Nam).

Với ban chỉ huy Trung đoàn 236 và với đội ngũ các chiến sĩ thuộc các tiểu đoàn của trung đoàn này thì làm việc dễ dàng hơn nhiều so với công việc ở Trung đoàn 275. Đến thời điểm ấy chúng tôi đã tích lũy được kinh nghiệm phong phú, mà về phía các bạn Việt Nam thì bộ phận chủ chốt cũng đã có kinh nghiệm chiến đấu cũng như kinh nghiệm làm việc chung với các chuyên gia Liên Xô. Mỗi tiểu đoàn đều đã có thành tích chiến đấu - đã tiêu diệt được từ 30 đến 50 máy bay Mỹ.

Sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng trong suốt tháng 3-1972, trung đoàn này đã được chuyển vào Quân khu 4, trên thực tế là đến những trận địa chiến đấu mà chúng tôi đã được biết đến rồi. Đó là những trận địa trước kia của Trung đoàn tên lửa phòng không 275. Tất nhiên, chúng tôi cùng lên đường theo trung đoàn này. Chúng tôi đã sống mấy ngày tại một khách sạn của thị xã Đồng Hới, còn ngày 1-4, khi có 3 sư đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam bắt đầu tiến quân vào Nam Việt Nam bằng qua vĩ tuyến 17 - thì chúng tôi lại vào ở trong các hang núi. Trong 7 ngày đầu tháng 4, các trận đánh đã diễn ra liên tiếp. Các máy bay của không quân và hải quân Mỹ đã dồn hết sức nhằm đè bẹp bộ đội tên lửa phòng không và pháo cao xạ của Bắc Việt Nam đang yểm trợ cuộc tiến quân của bộ binh.

Tại khu vực diễn ra cuộc tiến quân, có 2 trung đoàn tên lửa phòng không giao chiến với không quân địch dưới sự yểm trợ mạnh mẽ của pháo cao xạ. Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang của Mỹ đã điều 4 tàu sân bay đến vịnh Bắc Bộ, đã tung vào trận những lực lượng cơ bản của không quân Mỹ đóng căn cứ ở Thái Lan và Nam Việt Nam. Các trận đánh đã diễn ra ở phía tây Sài Gòn, ở phía nam vĩ tuyến 17 và ở khu vực giáp ranh giữa Lào, Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam.

Các tiểu đoàn tên lửa phòng không của chúng tôi đã hứng chịu các cuộc tấn công của các máy bay của hải quân và của không quân Mỹ, cũng như hứng chịu những cuộc bắn phá trong tầm bắn của các khẩu pháo đặt trên các chiến hạm Mỹ. Các máy bay ném bom chiến lược B-52 chủ yếu ném bom vào các đơn vị bộ binh đang mở cuộc tấn công.

Có thể xét về cường độ các trận đánh căn cứ vào con số sau đây: chỉ trong 4 ngày, 4 tiểu đoàn thuộc 2 trung đoàn tên lửa phòng không đã có 24 cuộc khai hỏa, đã phóng đi 36 quả tên lửa, đã bắn rơi 13 máy bay địch. Nếu cộng vào đó những cuộc ném bom liên tục, hỏa lực của pháo cao xạ và của các súng máy cao xạ, hỏa lực từ các chiến hạm bắn vào thì có thể hình dung được tình hình diễn biến ra sao. Trước thời điểm ấy, cũng như sau thời điểm ấy tôi và các đồng chí của tôi không nếm trải cảnh tượng nào như thế nữa.

Tình hình gây nhiễu của địch diễn ra đến mức là nhiều khi xảy ra tình trạng quá tải ở các mảng thu tín hiệu của đài điều khiển tên lửa, các màn hình thật sự đen ngòm. Trong những trường hợp này chúng tôi phóng tên lửa vào các tốp máy bay ném bom chiến lược B-52 theo phương pháp sau đây: 2 tiểu đoàn lần lượt bắn mỗi lần 2 - 3 tên lửa theo chỉ thị mục tiêu từ đài chỉ huy sư đoàn, theo phương pháp 3 điểm - góc phương vị, khoảng cách, độ cao. Phương pháp kích nổ đầu đạn tên lửa - khoảng cách thời gian kích nổ 11,5 giây.

Các trận giao chiến dữ dội giữa bộ đội tên lửa phòng không với không quân địch tại khu vực vĩ tuyến 17 đã diễn ra cho đến ngày 7-4 còn những trận đánh với cường độ nhỏ hơn thì diễn ra đến cuối tháng 4. Đầu tháng 5, Trung đoàn tên lửa phòng không 236 đã di chuyển về vùng ngoại vi Hà Nội để nghỉ lấy lại sức, bổ sung quân số bị thương vong và yểm trợ từ xa cho Thủ đô. Tại các trận địa này Trung đoàn 236 đã có 23 cuộc khai hỏa, đến cuối tháng 6 trung đoàn này lại nhận nhiệm vụ mới - di chuyển về phía nam, đến Quân khu 4 để tích lũy kinh nghiệm chiến đấu trước thềm các trận đánh mùa thu trên toàn lãnh thổ của đất nước, đặc biệt là ở khu vực Hà Nội và Hải Phòng. Nhóm chuyên gia chúng tôi vẫn tiếp tục làm việc với Tiểu đoàn 68 còn lại của Trung đoàn 275, đôi khi nhóm chúng tôi cũng đến Tiểu đoàn 86.

Trong suốt thời gian hoạt động tại Quân khu 4, không một ai trong nhóm chuyên gia chúng tôi làm việc trong trung đoàn bị thương, mặc dù có nhiều lần các chuyên gia Liên Xô bị rơi vào hỏa lực của địch trên đường hành quân cũng như trên các trận địa.

Có một lần mảnh tên lửa "Sraico" đã gây thương tích cho viên sĩ quan thuộc đơn vị công binh tên lửa từ Hà Nội vào để trợ giúp kỹ thuật, mà cũng do thiếu kinh nghiệm. Tại một tiểu đoàn đã xảy ra trục trặc ở khối thiết bị đồng bộ của các bộ phóng. Sau khi thông báo với tiểu đoàn về tư thế sẵn sàng cấp 1, sĩ quan này quyết định kiểm tra hoạt động của khối thiết bị đồng bộ trong bộ phóng. Thế là anh ấy nhổ người ra khỏi đường hào, mặc dù tôi đã hết sức nghiêm cấm rằng trong lúc diễn ra trận đánh không được nhổ người ra. Đứng vào thời điểm ấy quả tên lửa "Sraico" chổng ra đa đã phát nổ, mảnh của nó cắm vào gan viên sĩ quan ấy. Trong điều kiện đã chiến, các bác sĩ Việt Nam đã nhanh chóng phẫu thuật cho anh ấy: đã gấp mảnh đạn ra và khâu lá gan lại. Sĩ quan bị thương ấy nằm 3 ngày trong hang núi, ở chỗ tôi. Ngay khi tình hình trên bầu trời cho phép, anh ấy đã được chuyển về Hà Nội.

Trong thời gian một năm công tác ở Việt Nam, các tiểu đoàn của các trung đoàn - trong đó nhóm chúng tôi đã làm việc đã bắn tên lửa 77 lần, tiêu diệt 34 máy bay của không quân và của hải quân Mỹ, trong đó có 4 máy bay ném bom chiến lược B52, 22 máy bay tiêm kích ném bom F-4, F-8 và F-105, 5 máy bay trinh sát và chỉ huy OV-10, O-2A, 2 máy bay đặc nhiệm AS-130 và 1 chiếc L-19. Còn có 9 máy bay bị bắn rơi không được xác nhận (chúng rơi xuống những khu vực núi non khó đến được ở phía nam vĩ tuyến 17). Đã bắn 135 quả tên lửa, tính trung bình cứ 4 tên lửa hạ được 1 máy bay. Tôi thiết nghĩ, đây là kết quả không tồi.

- Từ Việt Nam chúng tôi mang về được những gì?

Đó là kinh nghiệm chiến đấu, khả năng đánh giá tình hình một cách thực tế trong mọi hoàn cảnh, kỹ năng tìm ra cách tiếp cận đúng đắn đến với mọi người để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong những điều kiện hết sức phức tạp. Tất cả những ai đã đi qua "Đường mòn Hồ Chí Minh" thì có sự đánh giá hoàn toàn khác về điều thiện và điều ác cũng như về chính cuộc sống.

Ngay cả những vị tướng và những sĩ quan làm việc tại Ban tham mưu của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam cũng không thể hiểu đầy đủ rằng làm sao chúng tôi có thể phục vụ quân ngũ trong rừng rậm nhiệt đới được. Đến cuối tháng 3 - đầu tháng 4-1972, khi cuộc tiến công ồ ạt đã bắt đầu diễn ra ở Nam Việt Nam và những trận đánh trong khu vực vĩ tuyến 17 thì chúng tôi, những sĩ quan trưởng các nhóm chuyên gia trung đoàn làm việc tại Quân khu 4 đã



được triệu tập về Hà Nội, được thông báo về tình hình, được giải thích rõ về những nhiệm vụ, sau đó chúng tôi được hướng dẫn rất lâu về việc phải xây dựng như thế nào Phòng Lenin tại nhóm chuyên gia (làm việc này trong các hang núi và trong các nhà tạm), phải bầu chọn như thế nào hội đồng phụ trách Phòng Lenin, thảo luận như thế nào những cuốn sách đã đọc và những bộ phim đã được xem, và những vấn đề khác tương tự như vậy.

Không nên nghĩ rằng chúng tôi đánh giá thấp vai trò của công tác đảng - chính trị và công tác giáo dục - chính trị. Chúng tôi đã tiến hành các cuộc họp của đảng, tiến hành cả các buổi sinh hoạt chính trị cũng như những buổi thông báo tình hình chính trị. Nhưng tất cả những công việc ấy được thực hiện trong những khoảng thời gian không làm công việc chính của mình.

Để cán bộ thông tin tình hình chính trị có thể dùng máy thu thanh thu được các buổi phát thanh từ Liên Xô, thì mỗi lần làm việc này anh ta phải trèo lên đỉnh núi đá (cao không dưới 300 mét), chỉ đứng trên đỉnh núi ấy mới “bắt” được những bản tin mới nhất. Trong khi ấy bọn Mỹ đã “chiêu đãi” chúng tôi rất có bài bản bằng những chương trình phát thanh mang tên “Theo yêu cầu của các chuyên gia quân sự Liên Xô”. Các đài phát thanh của chúng đặt trên các chiến hạm trong vịnh Bắc Bộ thì rất mạnh. Ngoài ra, theo định kỳ chúng còn thả truyền đơn nhằm quyến rũ chúng tôi cũng như các bạn Việt Nam bằng “những điều tuyệt diệu về dân chủ và tự do”. Chúng hiểu rõ vai trò của vũ khí truyền thông.

Ngoài ra tôi còn đem về nước 2 quả bom bi. Trong lần cuối cùng đi theo “Đường mòn Hồ Chí Minh” để đến tiểu đoàn hỏa lực người phiên dịch hỏi tôi xem tôi muốn đem gì từ Việt Nam về nước. Tôi trả lời rằng tôi muốn đem theo về nước quả bom bi. Lúc ấy chúng tôi đang có mặt tại một căn cứ. Anh phiên dịch gọi một cô gái đến - cô ấy là chỉ huy trung đội công binh và báo lại cho cô biết đề nghị của tôi. Cô gái mỉm cười dịu dàng và bảo chúng tôi đi theo cô ấy. Cách đó đúng 100 mét có một hố bom to, trong đó chứa đầy ắp những quả bom bi chưa nổ và những quả bom nổ chậm đã được tháo ngòi nổ. Cô gái khoát tay ra hiệu, ý muốn nói rằng “các anh hãy chọn đi”. Tôi chỉ vào hai quả bom bi mà tôi thích và trông giống như quả dưa. Cô gái thản nhiên cầm lấy 2 quả bom bi, tháo ngòi nổ, rồi đặt chúng vào rìa đồng lửa. Cô gái chờ đến khi thuốc nổ nóng chảy ra, hất thuốc nổ đi, gõ gõ vào hòn đá, rồi tặng 2 quả bom ấy cho tôi.

Tại trạm hải quan ở Tasken thậm chí không có ai quan tâm xem trong hành lý của chúng tôi có những gì. Mọi người thừa biết rằng chẳng có gì để đem từ nơi đó về nước. Chỉ mong sao còn sống để trở về.

Sau này tôi đã chuyển những quả bom ấy vào bảo tàng của Trung đoàn tên lửa phòng không 48 (thành phố Iarôxláp). Đến nay chẳng còn trung đoàn ấy, cũng chẳng còn bảo tàng.

Tôi nghĩ rằng 1 năm chiến đấu chống không quân Mỹ tại Việt Nam là “năm thăng hoa” của tôi. Đó chính là thời gian mà vì nó người ta đã huấn luyện chúng tôi ở các trường quân sự và các Học viện. Đó chính là thời gian mà vì nó chúng tôi đã phục vụ trong quân ngũ, và khi cần chúng tôi phải đứng lên bảo vệ Tổ quốc mình, cũng như chúng tôi đã đứng trong cùng một đội ngũ với các chiến sĩ Quân đội Việt Nam để bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa.

Cho đến nay tôi vẫn vững tin rằng chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa là một từ xứng đáng. Bất chấp tất cả những xung đột chính trị nhất thời. Nếu có tên cướp xông vào nhà người hàng xóm, dù tên cướp ấy khoác chiếc áo gì, thì nghĩa vụ của anh là giúp đỡ người hàng xóm đánh đuổi và tiêu diệt tên cướp ấy.

Cần phải làm cho mọi người biết rõ và nhớ đến cuộc chiến tranh ở Việt Nam chống xâm lược Mỹ. Thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh ấy, những tổn thất lớn về máy bay và về nhân mạng, cũng như sự hùng mạnh của Liên Xô đã kiềm chế ý đồ xâm lược của Mỹ trong suốt khoảng 20 năm.

Giờ đây chỉ có thể ngăn chặn bọn xâm lược ấy bằng những nỗ lực tập thể. Sự tham lam và tự tưởng điên rồ muốn thống trị thế giới của những con rối cầm quyền ở Mỹ sẽ giúp làm hồi sinh các lực lượng phản kháng. Không thể dùng bom, napan và lựu lê áp đặt tự do và dân chủ cho bất cứ một dân tộc nào, cho bất cứ một nền văn minh nào.

Đã hơn 30 năm trôi qua kể từ ngày đó, nhưng tôi mãi mãi nhớ về cuộc chiến đấu chung của

chúng tôi với các bạn Việt Nam, tôi vẫn chăm chú theo dõi những thành tích của Việt Nam. Tôi vẫn hồi tưởng đến đất nước tuyệt diệu ấy và dân tộc tuyệt diệu ấy. Đó là dân tộc chiến đấu. Đó là dân tộc chiến thắng. Tôi tự hào vì trong thắng lợi của nhân dân Việt Nam trước bọn xâm lược cũng có sự đóng góp của chúng tôi - những chuyên gia quân sự Liên Xô, những người đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam. Tôi vui mừng thấy rằng các bạn Việt Nam đã không đánh mất những thành quả chiến thắng và đã tìm thấy con đường phát triển của mình và đang vững bước đi theo con đường ấy dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản.

Mátxcova, tháng 4-2004.

\*\*\*

# ĐẠI TÁ CÔNACÔP VÍCHTO IACÔPLÊVÍCH

Ông sinh ngày 22-12-1932 tại tỉnh Xtalingrát.

Năm 1954 ông tốt nghiệp khoa kỹ thuật vô tuyến điện trường Cao đẳng kỹ thuật vô tuyến điện ở Kháccôp và được phân công công tác tại Quân khu phòng không Mátxcova.

Từ năm 1955 đến năm 1958 ông được cử làm trưởng nhóm tại trung tâm kỹ thuật vô tuyến điện điều khiển tên lửa của tập đoàn quân đặc nhiệm.

Từ năm 1958 đến năm 1968, ông là kỹ sư, sau đó là kỹ sư trưởng của Phòng công binh tên lửa trong Ban tham mưu của quân đoàn đặc nhiệm.

Từ năm 1968 đến năm 1985 ông phục vụ tại Bộ Tổng tham mưu Binh chủng phòng không Liên Xô với chức vụ sĩ quan cao cấp của nhóm ứng dụng chiến đấu thuộc ban đặc biệt, sau đó là sĩ quan tham mưu cao cấp thuộc Văn phòng Tư lệnh bộ đội tên lửa phòng không Liên Xô.

Trong thời kỳ này ông tham gia vào công cuộc giúp đỡ quốc tế trong lĩnh vực chuyển giao kỹ thuật tên lửa phòng không cho các binh sĩ của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Ấn Độ, Ai Cập, Cộng hòa Dân chủ Đức, Xiri, Tiệp Khắc, Hunggari, Angiêri.

Từ tháng 10-1971 đến tháng 3-1972 ông tham gia chiến đấu tại Việt Nam với chức vụ trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô về sửa chữa và chuẩn hóa máy kiểm tra - đo đặc trong các bộ khí tài tên lửa phòng không

Ông là hội viên Hội cựu chiến binh.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ, Huân chương Vì phục vụ Tổ quốc trong lực lượng vũ trang Liên Xô hạng III. Huy hiệu Chiến sĩ quốc tế và 15 huy chương các loại.

Ông được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng III và Huy chương Vì tình hữu nghị chiến đấu và tình đoàn kết.

# CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM - QUA SỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI ĐÃ THAM GIA - MỘT SĨ QUAN BỘ TỔNG THAM MƯU BINH CHỦNG PHÒNG KHÔNG LIÊN XÔ

Đối với tuyệt đại đa số nhân dân Nga và nhân dân Liên Xô thì cuộc chiến tranh ở Việt Nam là cuộc chiến tranh chưa được biết đến.

Tôi có dịp quan sát cuộc chiến tranh diễn ra tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có thể nói là từ trên xuống và từ dưới lên. Trong giai đoạn đầu, với trách nhiệm của một sĩ quan thuộc Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không thuộc Bộ Tổng tham mưu Binh chủng phòng không Liên Xô, tôi trực tiếp tham gia xử lý, phân tích các báo cáo của các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam, tham gia soạn thảo các tài liệu thông tin phục vụ bộ đội tên lửa phòng không Liên Xô, có sự phân tích hoạt động tác chiến của Binh chủng tên lửa phòng không tại Việt Nam. Trong những năm 1971 - 1972 tôi thực hiện nhiệm vụ chỉ huy trực tiếp tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chuyện này bắt đầu như sau. Năm 1967, kho tài liệu mật của ban tham mưu Quân đoàn phòng không đặc nhiệm - tại đây tôi là kỹ sư chính trong ban công binh tên lửa - có nhận được tài liệu giáo khoa "Sử dụng Binh chủng tên lửa phòng không trong chiến đấu theo kinh nghiệm tác chiến ở Việt Nam". Tác giả tài liệu giáo khoa này là nhóm sĩ quan của Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô. Đây là kinh nghiệm đầu tiên về tác chiến của bộ đội tên lửa phòng không.

Binh chủng tên lửa phòng không ra đời từ sau cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại, vào đầu những năm 1950. Hệ thống tên lửa phòng không cố định đầu tiên được triển khai nhằm bảo vệ thủ đô của Liên Xô - thành phố Mátxcova. Đó là giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển của Binh chủng phòng không Liên Xô, còn chính hệ thống này là kết quả của những thành tựu xuất sắc của nền khoa học Xôviết, nhờ những chiến công lao động của những người lao động thuộc công nghiệp quốc phòng và của những nỗ lực to lớn của các sĩ quan, các tướng lĩnh và binh sĩ Quân đội Liên Xô.

Vào nửa cuối những năm 1950, Binh chủng tên lửa phòng không đã bắt đầu được cung cấp các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75. Những bộ khí tài này là nền tảng của công cuộc phòng thủ trên không để bảo vệ các cơ sở hành chính và công nghiệp lớn khác.

Năm 1965 những bộ khí tài tên lửa phòng không đầu tiên X-75 cũng được triển khai tại các tuyến phòng thủ Hà Nội, Hải Phòng và tại các khu vực biên giới phía nam của Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Tôi bắt đầu chăm chú nghiên cứu kinh nghiệm tác chiến đầu tiên của bộ đội tên lửa phòng không tại Việt Nam. Tôi đã tranh thủ mọi cơ hội để nghiên cứu tài liệu giáo khoa "Sử dụng Binh chủng tên lửa phòng không trong chiến đấu theo kinh nghiệm tác chiến tại Việt Nam". Tôi lại càng quan tâm đến tài liệu này vào quý hai năm 1968, khi mà tại Ban tham mưu của quân đoàn người ta thông báo cho tôi biết rằng tôi chuẩn bị được chuyển sang công tác tại Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không thuộc Bộ Tổng tham mưu Binh chủng phòng không Liên Xô.

Tháng 9-1968 tôi được bổ nhiệm làm sĩ quan cao cấp trong nhóm ứng dụng chiến đấu tên lửa phòng không thuộc ban đặc biệt của Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không Liên Xô. Các nhiệm vụ chính của ban đặc biệt là: tổ chức và đảm bảo các công việc triển khai - tại các nước thân hữu và các nước đang phát triển - các đơn vị bộ đội tên lửa phòng không, vận hành các bộ khí tài tên lửa phòng không, huấn luyện các khẩu đội chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không tại các trung tâm huấn luyện của Liên Xô và trực tiếp tại nước ngoài; phân tích kinh nghiệm tác chiến của bộ đội tên lửa phòng không trong các cuộc chiến tranh cục bộ, chuyển giao kinh nghiệm ấy cho bộ đội tên lửa phòng không của Liên Xô và của các nước có triển khai các bộ khí tài tên lửa phòng không của Liên Xô.

Tôi đã có dịp tham gia trong việc nghiên cứu và phân tích các báo cáo được Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi về. Đó là những bản báo cáo hàng

tháng, hàng quý, nửa năm và hàng năm. Cho đến nay tôi vẫn nhớ cấu trúc của các bản báo cáo ấy.

Mỗi báo cáo đều có các phần:

1. Tình hình chính trị - quân sự.
2. Chiến thuật hoạt động của không quân Mỹ.
3. Nhóm phương tiện phòng không và những thay đổi của nó trong thời gian được báo cáo.
4. Các cuộc khai hỏa chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không.
5. Thiệt hại trong chiến đấu. Sửa chữa và khôi phục các khí tài.
6. Kết luận. Các kết luận và kiến nghị.

Ở phần thứ nhất trình bày các quan điểm của ban lãnh đạo chính trị và của Bộ Chỉ huy của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mục tiêu, tính chất, chiến lược và chiến thuật tiến hành chiến tranh.

Ở phần “Chiến thuật hoạt động của không quân Mỹ” trình bày quá trình hoàn thiện và phát triển việc sử dụng không quân Mỹ trong chiến đấu tại Đông - Nam Á. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến tài liệu trong phần này. Chúng tôi là những cán bộ chuyên môn trong bộ máy trung ương của Bộ Quốc phòng, cho nên chúng tôi hiểu rõ rằng xét trên góc độ quân sự thì chiến trường Đông - Nam Á, cuộc chiến tranh ở Việt Nam là bãi thử lớn để đánh giá - trong điều kiện chiến đấu - những tính năng kỹ thuật - chiến thuật của các phương tiện tấn công từ trên không của Mỹ, và để đưa ra những phương hướng và những biện pháp thực tế nhằm hoàn thiện những phương tiện ấy và chiến thuật sử dụng chúng trong chiến đấu.

Việc hoàn thiện các phương tiện tấn công từ trên không đã làm nảy sinh các biện pháp tương ứng nhằm hoàn thiện các phương tiện phòng không và hoàn thiện chiến thuật sử dụng các phương tiện phòng không trong chiến đấu. Sự đối đầu hổ tương ấy diễn ra tại Việt Nam. Nhưng kết quả của sự đối đầu ấy là quá trình phát triển và hoàn thiện vũ khí, kỹ thuật quân sự, các phương pháp sử dụng chúng trong chiến đấu trong các quân đội Mỹ và Liên Xô. Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã dẫn đến bước nhảy vọt mạnh mẽ trong sự phát triển của khoa học quân sự, của các xí nghiệp thuộc tổ hợp công nghiệp - quân sự, các công nghệ hiện đại. Cuộc chiến tranh ấy cũng tác động mạnh đến việc đào tạo các cán bộ quân sự.

Những người trực tiếp tham gia các hoạt động tác chiến tại nước Việt Nam xa xôi ấy gồm có các quân nhân của Quân đội nhân dân Việt Nam, các khẩu đội chiến đấu thuộc một số đơn vị và phân đội của Quân đội Liên Xô, các quân nhân của Quân đội Mỹ. Tuy nhiên, trong cuộc chiến tranh ấy, nhằm mục đích đạt được những kết quả và những ưu thế của các bên đối địch, đã diễn ra sự đối đầu về tiềm lực khoa học và nhân lực được che giấu trong một thời gian dài nhưng có thể cảm nhận thấy giữa hai siêu cường quốc của thời kỳ ấy - Mỹ và Liên Xô.

Trong cuộc chiến tranh ấy, ở cách xa Việt Nam, đã diễn ra cuộc đối đầu thường xuyên về trí não của hàng trăm nghìn, có thể là của hàng triệu người trên các mặt trận chiến đấu vô hình giữa các nhà khoa học trong các viện nghiên cứu khoa học và các phòng thiết kế, giữa các viên tướng và các sĩ quan tại các phòng làm việc của các bộ tổng tham mưu và các bộ tham mưu của các binh chủng thuộc các lực lượng vũ trang Mỹ và Liên Xô, giữa các khẩu đội chiến đấu tại các bãi thử vũ khí.

Những kết quả tích cực của cuộc đối đầu tổng hợp ấy đã được đem áp dụng trong quân đội các quốc gia có sử dụng kỹ thuật quân sự của Mỹ và Liên Xô.

Tôi là chuyên gia về tên lửa phòng không. Vì vậy, tôi có thể đưa ra một sự đánh giá, trên phương diện chuyên môn, về kết quả cuộc đối đầu giữa các phương tiện tấn công từ trên không và binh chủng tên lửa phòng không.

Năm 1971 tôi được phái sang công tác tại Việt Nam. Nhưng trong thời gian từ năm 1968 đến năm 1971 tôi đã tham gia trong cuộc chiến tranh ấy dưới hình thức phân tích các báo cáo của các chuyên gia quân sự Liên Xô gửi về từ chiến trường, vạch ra những biện pháp hoàn thiện và phát triển binh chủng tên lửa phòng không, đào tạo các cán bộ tên lửa phòng không

của Liên Xô, của Việt Nam, của các nước thành viên Hiệp ước Vácava, của binh chủng tên lửa phòng không Ai Cập, Xiri, Ấn Độ, Bắc Triều Tiên.

Trong bài viết này không thể trình bày được hết mọi tổng kết về cuộc chiến tranh Việt Nam. Vì vậy, tôi sẽ trình bày những điểm chính - đó là những sự thay đổi của các phương tiện tấn công từ trên không của Mỹ và chiến thuật hoạt động tác chiến của Mỹ trong những năm chiến tranh Việt Nam diễn ra như thế nào?

Vào thời kỳ đầu chiến tranh, khi binh chủng tên lửa phòng không của Việt Nam còn yếu cả đội ngũ nhân lực và trình độ chuyên môn, các máy bay Mỹ bay đến ném bom các thành phố và các mục tiêu quân sự với đội hình dày đặc với tốc độ trung bình, không có các phương tiện tháp tùng, không sử dụng các biện pháp gây nhiễu. Trong những điều kiện đơn giản như vậy, các phương tiện tấn công từ trên không của Mỹ đã đạt được những thắng lợi to lớn. Hậu quả là những thành phố, những trận địa quân đội các cầu cống, đường sá, hải cảng bị tàn phá, những tổn thất lớn về người, sự tàn phá nền kinh tế. Phương tiện phòng không chủ yếu là pháo cao xạ, lại không có hiệu quả. Tình hình trở nên gay gắt. Các phương tiện phòng không không có khả năng bảo vệ ngay cả những cơ sở chủ yếu của đất nước.

Theo đề nghị của ban lãnh đạo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ban lãnh đạo chính trị của Liên Xô và Bộ Tổng tham mưu đã thực hiện những biện pháp khẩn cấp: mùa xuân 1965 chúng ta đã đưa các phương tiện kỹ thuật chiến đấu của các bộ khí tài tên lửa phòng không cùng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để triển khai, vận hành các phương tiện kỹ thuật ấy và huấn luyện các khẩu đội Việt Nam tiến hành tác chiến. Về sau các chuyên gia của nền công nghiệp quốc phòng Liên Xô cũng được phái đến Việt Nam để sửa chữa và nhanh chóng hoàn thiện các khí tài chiến đấu. Trong Sứ quán Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thành lập bộ máy của Trường đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô. Trong một thời gian ngắn đã triển khai được khoảng 15 trung đoàn tên lửa phòng không với cơ cấu biên chế mỗi trung đoàn có 4 tiểu đoàn tên lửa phòng không.

Các trung đoàn tên lửa phòng không được triển khai ở 3 vùng chủ yếu: tại các tuyến phòng thủ của Hà Nội, Hải Phòng và ở khu vực liền kề với Nam Việt Nam dọc theo vĩ tuyến 17.

Sau ngày 24-7-1965 binh chủng tên lửa phòng không của Việt Nam bắt đầu phát triển rất nhanh. Hiệu quả của các đơn vị ấy đã liên tục tăng lên. Đã ghi nhận những trường hợp dùng 1 tên lửa bắn rơi được 2 máy bay địch bay theo đội hình dày đặc.

Không quân Mỹ bắt đầu chịu những tổn thất to lớn. Với mức tổn thất 10% và nhiều hơn thế số máy bay hoạt động trên bầu trời thì, về nguyên tắc, các phi công sẽ tránh xa khỏi vùng thuộc tầm bắn của bộ đội tên lửa phòng không.

Thế là bắt đầu những sự tìm kiếm nhanh chóng để có được chiến thuật khắc phục tác hại của các phương tiện phòng thủ bằng tên lửa chống máy bay. Những tìm kiếm ấy đưa đến kết quả là đã sử dụng những phương pháp hữu hiệu để chống lại các phương tiện phòng không của Việt Nam. Dưới đây xin kể ra những phương pháp chủ yếu.

Trong các tốp máy bay tấn công, các máy bay bay tán ra nhiều, bằng cách tăng khoảng cách và mật độ giữa các tốp máy bay ấy. Để tiếp cận mục tiêu có hiệu quả, Mỹ đã sử dụng những tốp máy bay đảm bảo nhiều thành phần: trinh sát trên không, các tốp tảo thanh trên không trung, các máy bay gây nhiễu, các tốp máy bay đánh lạc hướng, các tốp máy bay dùng hỏa lực khống chế trận địa tên lửa.

Mỹ sử dụng rộng rãi các thủ đoạn chiến thuật mới. Không quân Mỹ bắt đầu bay ở tầm thấp và cực thấp bên ngoài vùng phủ sóng radar và bên ngoài tầm phát hiện của các đài điều khiển tên lửa. Chúng sử dụng khéo léo những địa hình đồng bằng tự nhiên nằm giữa các ngọn núi, là những địa hình mà các trạm radar của các phương tiện trinh sát phòng không không quan sát được.

Đã xuất hiện những phương cách mới để khắc phục các vùng nằm trong tầm quan sát được của các phương tiện phòng không. Chúng bắt đầu sử dụng những máy bay trinh sát không người lái, cỡ nhỏ và hữu hiệu kiểu như BQM-34 để trinh sát các mục tiêu từ trên không. Nhằm dùng hỏa lực khống chế các đài điều khiển tên lửa và các đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu của

các phương tiện phòng không, Mỹ sử dụng rộng rãi các loại bom, các loại đạn rốc két và các tên lửa chống ra đa như kiểu tên lửa "Sraico". Không quân Mỹ bắt đầu áp dụng rộng rãi tầm bay thấp, cơ động tránh tên lửa, dùng hỏa lực khống chế và những biện pháp chiến thuật khác.

Để tiêu diệt sinh lực, Mỹ sử dụng các loại bom bi.

Hiệu quả của tên lửa phòng không giảm hẳn. Một bộ phận lớn các máy bay đã tiếp cận được mục tiêu, tiêu diệt các bộ khí tài tên lửa phòng không ngay trên trận địa.

Để bổ sung số lượng tên lửa phòng không bị tổn thất, Liên Xô đã gấp rút cung cấp các bộ khí tài tên lửa phòng không, khí tài chiến đấu. Những bộ khí tài tên lửa bị hư hại thì được phục hồi lại ở ngay trên trận địa nhờ sự trợ giúp của các chuyên gia quân sự Liên Xô.

Nhưng những biện pháp ấy đã không đảm bảo được tính chất ổn định của hệ thống phòng không bằng tên lửa. Cần có những biện pháp có tính chất quyết định nhằm cải tiến các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 thông qua việc hiện đại hóa căn bản những bộ khí tài này. Những biện pháp được áp dụng đã đưa đến kết quả là hiệu quả của những bộ khí tài ấy đã tăng lên đáng kể trong điều kiện diễn ra cuộc đối chọi bằng các phương tiện vô tuyến điện, không quân Mỹ áp dụng tầm bay thấp, cơ động tránh tên lửa, dùng hỏa lực khống chế và những biện pháp chiến thuật khác.

Các hướng chủ yếu trong việc hiện đại hóa là: nâng cao khả năng chống nhiễu, cải tiến mạch cộng hưởng điều khiển nhằm mở rộng tầm tiêu diệt và khả năng đối phó với các máy bay có sử dụng biện pháp cơ động tránh tên lửa, phòng tránh tên lửa chống ra đa bằng cách sử dụng, tại trận địa, các phương tiện phát sóng đánh lạc hướng và một loạt biện pháp có tính chất tổ chức - kỹ thuật. Đã mở rộng đáng kể các tính năng chiến đấu của tên lửa. Quá trình cải tiến bộ khí tài tên lửa phòng không diễn ra liên tục. Để đối phó lại với mỗi phương pháp chiến thuật mới của các phương tiện tấn công từ trên không của địch, phía chúng ta đã tìm kiếm các phương sách và phương pháp giảm hiệu quả của các phương tiện tấn công từ trên không.

Bắt đầu áp dụng rộng rãi phương pháp cơ động tiểu đoàn tên lửa nhằm tổ chức phục kích bất ngờ phóng tên lửa vào máy bay địch.

Cần phải nêu rõ rằng bên cạnh những hướng hiện đại hóa hữu hiệu đối với các bộ khí tài tên lửa phòng không thì cũng đã từng tồn tại những hướng thiếu suy tính kỹ, không đáp ứng sự mong đợi. Có người đề xuất sử dụng kênh quang học để phóng tên lửa trong điều kiện địch sử dụng các biện pháp gây nhiễu mạnh bằng sóng vô tuyến điện.

Để thực hiện biện pháp này trong cabin thu - phát của đài điều khiển tên lửa, người ta đặt một cabin nhỏ bằng kim loại, trong đó có bố trí một ống nhòm quang học có tầm nhìn nhỏ. Trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của Việt Nam và kích thước nhỏ của cabin thì pháo thủ của khẩu đội không thể làm việc được. Tầm nhìn để phát hiện lại không đủ. Độ chính xác của khâu bám sát mục tiêu lại không cao. Kênh quang học phụ trợ ấy đã không được sử dụng trong thực tế. Tuy vậy, sau này kênh quang học đã được cải tiến đáng kể và biến thành kênh truyền hình - quang học.

Các phương tiện tấn công từ trên không đã sử dụng đặc biệt hiệu quả phương pháp gây nhiễu bằng sóng vô tuyến điện. Ở giai đoạn tác chiến ban đầu các máy bay gây nhiễu cho các đài điều khiển tên lửa và đài trinh sát - chỉ thị mục tiêu trên thực tế đã làm tê liệt hoạt động của các phương tiện này. Không thể phóng tên lửa đánh mục tiêu được hoặc những lần phóng tên lửa cũng kém hiệu quả do những sai sót lớn ở khâu điều khiển tên lửa tiếp cận mục tiêu, vì lý do tín hiệu phản hồi từ mục tiêu bị sai lệch do nhiễu.

Việc tìm kiếm các phương pháp sử dụng các tên lửa phòng không chiến đấu trong điều kiện địch sử dụng phương pháp gây nhiễu bằng sóng vô tuyến điện đã trở thành nỗi đau đầu chủ yếu của các nhà chế tạo ra những bộ khí tài tên lửa phòng không, của các cán bộ ở các viện nghiên cứu khoa học và các chuyên gia ở Bộ Tổng tham mưu Bình chủng phòng không Liên Xô.

Để phục vụ công tác phân tích những cuộc phóng tên lửa chiến đấu trong điều kiện địch sử dụng biện pháp gây nhiễu bằng sóng vô tuyến điện và để chuẩn bị các biện pháp nâng cao hiệu quả của những lần phóng tên lửa, một nhóm đặc biệt đã được thành lập, gồm các chuyên gia

làm việc tại các phòng thiết kế, các viện nghiên cứu khoa học, các sĩ quan của binh chủng tên lửa phòng không.

Nhóm nghiên cứu này đã làm việc trong một thời gian dài ở Việt Nam tại các đơn vị chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không. Trên cơ sở những tài liệu nghiên cứu của nhóm chuyên gia này người ta đã tiến hành một loạt các công việc hiện đại hóa các bộ khí tài tên lửa phòng không, áp dụng vào thực tiễn các biện pháp có tính chất tổ chức - kỹ thuật, cải tiến những bản hướng dẫn và cẩm nang dùng cho hoạt động tác chiến của các khẩu đội.

Những biện pháp này đã cho phép nâng cao hiệu quả của những lần phóng tên lửa của bộ đội tên lửa phòng không trong điều kiện máy bay địch có sử dụng các biện pháp gây nhiễu tích cực và gây nhiễu thụ động. Tuy nhiên, đã không đạt được những kết quả tích cực một cách căn bản. Theo quan điểm của tôi, một trong những nguyên nhân chủ yếu là cơ sở vật chất - huấn luyện yếu trong khâu đào tạo các khẩu đội chiến đấu của tiểu đoàn trong điều kiện địch sử dụng các biện pháp đối phó bằng sóng vô tuyến điện.

Lực lượng không quân Liên Xô không có đủ số máy bay gây nhiễu để đảm bảo công tác huấn luyện cần thiết cho các khẩu đội chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không tại các bãi thử vũ khí, tại các trung tâm huấn luyện và tại nơi đóng quân cố định. Các bộ phận tạo tên lửa huấn luyện cần thiết cho bộ đội tên lửa phòng không kiểu "AK-KORD" đã được nghiên cứu chế tạo và đem sử dụng cho bộ đội tên lửa phòng không bị chậm trễ nhiều so với thời điểm các máy bay bắn phá của Mỹ sử dụng rộng rãi các phương pháp gây nhiễu.

Tuy nhiên, cần nêu rõ rằng kinh nghiệm tác chiến tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của các bộ khí tài tên lửa phòng không do Liên Xô sản xuất đã được áp dụng có kết quả trong việc đạt được, trong một thời gian rất ngắn, bước nhảy vọt về chất lượng và hiệu quả hoạt động của binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô và của những nước khác được cung cấp các bộ khí tài tên lửa ấy.

Công tác này được tiến hành theo các hướng chủ yếu sau đây:

1. Hiện đại hóa các bộ khí tài tên lửa phòng không và các đài trinh sát - chỉ thị mục tiêu.

2. Áp dụng những nguyên tắc mới trong cấu tạo các cụm đơn vị tên lửa phòng không.

3. Cải tiến đáng kể các tài liệu quy chuẩn về tác chiến của bộ đội tên lửa phòng không trong điều kiện không quân Mỹ sử dụng các phương pháp hiện đại nhằm đối phó với hệ thống phòng không bằng tên lửa và nhằm giáng các đòn đánh phá vào các trung tâm hành chính - công nghiệp và các trận địa quân đội.

4. Áp dụng những phương pháp và phương thức hiện đại hơn trong khâu chuẩn bị chiến đấu. Nghiên cứu chế tạo và áp dụng các bộ thiết bị phỏng tạo - huấn luyện. Chuyển từ phương pháp huấn luyện chiến đấu cho các trác thủ của các khẩu đội sang phương pháp tổ chức hiệp đồng đồng bộ các khẩu đội, các đại đội, các tiểu đoàn, các đơn vị và các hên đội.

5. Nâng vững các phương thức phục hồi tại các trận địa và tại các cơ sở sửa chữa đối với những bộ khí tài tên lửa phòng không bị hư hỏng.

Tôi xin đề cập đến những hướng phát triển chủ yếu của binh chủng tên lửa phòng không trên cơ sở những tổng kết chiến tranh. Kinh nghiệm chiến tranh ở Việt Nam đã cho thấy rằng cách bố trí đội hình các cụm tên lửa phòng không theo những nguyên tắc trước chiến tranh đã không đảm bảo hiệu quả và tác dụng của chúng nữa. Các khoảng cách giữa các tiểu đoàn tên lửa là quá lớn và không đảm bảo sự yểm trợ lẫn nhau bằng hỏa lực của các tiểu đoàn kế cận. Nếu máy bay địch ở trong tầm tiêu diệt của một tiểu đoàn, thì các tiểu đoàn bên cạnh không thể bắn chiếc máy bay ấy. Các vùng tiêu diệt mục tiêu của những tiểu đoàn ấy không chồng lên nhau. Hệ thống hỏa lực chỉ có một lớp. Với hệ thống hỏa lực như vậy, thì thông thường chỉ có một tiểu đoàn có thể phóng tên lửa theo lộ trình chuyển động của máy bay. Như vậy, đã không thể thực hiện được nguyên tắc đã biết về tập trung hỏa lực.

Ở Việt Nam các cụm đơn vị tên lửa phòng không đã được xây dựng trên cơ sở những bộ khí tài tên lửa phòng không cùng loại hoạt động trên cùng một tầng sóng vô tuyến, với sự chênh lệch nhỏ của các tần số làm việc của các tiểu đoàn bên cạnh. Với nguyên tắc cơ cấu như



vậy thì khả năng chống nhiễu của các cụm đơn vị tên lửa phòng không là thấp. Một máy bay gây nhiễu có thể phát sóng gây nhiễu trên băng tần sóng vô tuyến của tất cả hoặc của đa số các tiểu đoàn được triển khai trên tuyến phòng thủ một mục tiêu (như thường thấy, đó là cơ cấu có 4 tiểu đoàn).

Nhằm khắc phục những khiếm khuyết chủ yếu ấy của binh chủng tên lửa phòng không - đã được phát hiện ra nhờ những tổng kết chiến tranh ở Việt Nam - trong một thời gian tương đối ngắn người ta đã nghiên cứu và áp dụng nguyên tắc mới trong cơ cấu các cụm đơn vị tên lửa phòng không ở Liên Xô.

Trên tuyến phòng thủ các cơ sở lớn, thay vì các cụm đơn vị tên lửa phòng không cùng loại thì người ta xây dựng các cụm tên lửa phòng không hỗn hợp gồm những bộ khí tài tên lửa thuộc kiểu khác nhau với tầm bắn ngắn, trung bình và xa trên những băng tần sóng vô tuyến khác nhau, với những khoảng cách không lớn theo chiều ngang và chiều sâu. Những cụm đơn vị tên lửa phòng không có cơ cấu đội hình như vậy đã đảm bảo tuyến phòng thủ vòng tròn vững chắc như nhau, với hệ thống hỏa lực nhiều lớp ở dải tần rộng về độ cao tiêu diệt mục tiêu. Những cụm đơn vị tên lửa kiểu này đã trở nên có khả năng chống nhiễu một cách vững chắc. Trong điều kiện địch sử dụng hỏa lực để chế áp các trận địa chiến đấu thì sức sống của các cụm đơn vị tên lửa ấy được tăng lên đáng kể.

Để giảm các độ cao tầm bắn của bộ khí tài tên lửa phòng không, ở các đơn vị người ta đã có nhiều cố gắng trong việc chuyển các tiểu đoàn đến các trận địa mới, có lợi hơn, có sử dụng các cao điểm tự nhiên của địa hình để bố trí các ca bin thu - phát của đài điều khiển tên lửa. Đôi khi những cao điểm như thế được tạo ra một cách nhân tạo tại các trận địa được xây dựng sẵn. Các quân chủng phòng không của nước nhà đã có những cố gắng phi thường trong việc tạo ra các cụm đơn vị tên lửa phòng không có cơ cấu hỗn hợp. Thông thường toàn bộ công việc to lớn này được tiến hành bằng phương thức nội lực, tức là bằng lực lượng và các phương tiện của các phân đội và các đơn vị bộ đội tên lửa phòng không.

Kinh nghiệm tác chiến của bộ đội tên lửa ở Việt Nam đã được phổ biến và áp dụng không những trong binh chủng phòng không của Liên Xô, mà còn ở những nước khác. Người ta sử dụng những phương pháp khác nhau. Ví dụ, ban đặc biệt của chúng tôi đã chuẩn bị bản thảo và thông qua một nhà xuất bản chuyên trách in ra những bản thông báo kỹ thuật bằng nhiều thứ tiếng. Trong những bản thông báo ấy đăng tải những điểm tổng kết chiến tranh và những đề xuất về cải tiến cơ cấu các cụm đơn vị tên lửa phòng không trên cơ sở có xét đến kinh nghiệm của cuộc chiến tranh ấy.

Những thông tin thu thập được trong quá trình tác chiến ở Việt Nam đều được phổ biến rộng rãi trong các trường quân sự của Liên Xô, kể cả tại các trường quân sự có các cán bộ chuyên môn quân sự của nước ngoài theo học.

Kinh nghiệm này đã được sử dụng tại các trung tâm huấn luyện bộ đội tên lửa phòng không, là nơi đào tạo và huấn luyện các khẩu đội tên lửa phòng không của Việt Nam và của những nước khác. Có hai trung tâm như vậy: ở gần thành phố Craxnôvôtxcơ - tại khu vực ga xe lửa Iangátgia - và tại vùng ngoại ô Ba cu. Kinh nghiệm này đã được áp dụng trong các cuộc phóng tên lửa chiến đấu tại các bãi thử vũ khí Asulúc thuộc tỉnh Axtorakhan. Tại các trung tâm huấn luyện ấy và tại bãi thử vũ khí người ta đào tạo các khẩu đội chiến đấu thuộc các phân đội và các đơn vị tên lửa phòng không của Ai Cập.

Trong cuộc chiến tranh 7 ngày hồi tháng 6-1967, trên thực tế không quân Ixraen đã tiêu diệt hoàn toàn cụm đơn vị tên lửa phòng không gồm 7 tiểu đoàn tên lửa phòng không X-75 tại khu vực kênh Xuyê. Cụm đơn vị tên lửa phòng không này được cấu tạo theo các nguyên tắc cũ của Liên Xô, với hệ thống hỏa lực một tầng, không có sự yểm trợ cho nhau bằng hỏa lực. Các trận địa tên lửa phòng không thì không có được những công trình kỹ thuật bảo vệ ẩn nấp và không được nguy trang. Không quân Ixraen đã giành được sự khống chế bầu trời và trên thực tế đã tự do đánh phá các cơ sở của Ai Cập. Ban lãnh đạo của Liên Xô và Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang Liên Xô lại bắt đầu có những mối quan tâm mới. Nhưng giờ đây là ở vùng Cận Đông và trong cuộc đối phó với không quân Ixraen.

Cần phải nêu rõ rằng không quân của Ixraen đã sử dụng tất cả các phương pháp choc thủng hệ thống phòng không mà không quân Mỹ đã sử dụng ở Việt Nam. Bộ chỉ huy Liên Xô, trước hết là Bộ Tổng tham mưu Binh chủng phòng không đã khẩn trương thực hiện một cách đồng bộ các công tác kỹ thuật - quân sự phức tạp nhằm thành lập các cụm đơn vị bộ đội tên lửa phòng không của Ai Cập trên cơ sở có tính đến kinh nghiệm hết sức phong phú ở Việt Nam. Giờ đây, các sĩ quan thuộc Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô làm việc cho hai mặt trận: cuộc chiến tranh vẫn tiếp tục ở Việt Nam, lại có thêm không ít mối quan tâm đảm bảo xây dựng một cụm đơn vị tên lửa phòng không thực sự mới, mạnh hơn ở Cận Đông.

Nhằm đảm bảo thực hiện toàn bộ khối lượng công việc đồng bộ, trong Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không đã lập ra các nhóm hành động. Trên thực tế, mỗi buổi sáng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không báo cáo với Tổng Tư lệnh Binh chủng phòng không Liên Xô về kết quả các hoạt động tác chiến của bộ đội tên lửa phòng không trong ngày hôm trước, về các kết luận và những kiến nghị. Để xây dựng bản báo cáo người ta đã chuẩn bị các bản đồ, các biểu đồ, các hình vẽ và những công việc khác.

Các sĩ quan thuộc Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không đã làm việc cả ngày lẫn đêm, không tiếc sức mình và thời gian. Nhằm đảm bảo hoạt động tác chiến của bộ đội tên lửa phòng không tại Ai Cập, người ta đã sử dụng tối đa kinh nghiệm của cuộc chiến tranh tại Việt Nam. Tựa hồ như đã tồn tại chiếc cầu vô hình Hà Nội - Mátxcova - Cai rô.

Vẫn tiếp tục công tác phổ biến kinh nghiệm của cuộc chiến tại Việt Nam trong Binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô và của các nước tham gia Hiệp ước Vácsava. Người ta đã sử dụng mọi hình thức và phương pháp. Bộ chỉ huy Binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô đã tổ chức một cách có hệ thống những buổi thuyết trình và các buổi báo cáo về các ứng dụng chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không tại Việt Nam: trong các cuộc họp của giới chỉ huy Binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô và của các nước tham gia Hiệp ước Vácsava, tại các bãi thử vũ khí và tại các trung tâm huấn luyện, trước đội ngũ giáo sư giảng viên của các trường quân sự.

Mùa xuân 1969. Tôi được giao nhiệm vụ: chuẩn bị cho Tư lệnh bộ đội tên lửa phòng không Liên Xô bài thuyết trình "Sử dụng Binh chủng tên lửa phòng không trong chiến đấu trong điều kiện các phương tiện tấn công từ trên không của địch thực hiện đánh phá ở nhiều độ cao, sử dụng rộng rãi các hình thức nhiễu bằng sóng vô tuyến điện, thực hiện cơ động tránh tên lửa đất đối không và dùng hỏa lực khống chế các trận địa chiến đấu, dựa trên kinh nghiệm hoạt động tác chiến ở Đông Nam Á và tại Cận Đông. Đã có những sơ đồ đồng bộ được chuẩn bị phục vụ cho phần nội dung của bài thuyết trình. Bài thuyết trình này được chuẩn bị để trình bày trước Bộ chỉ huy Binh chủng phòng không của khối Hiệp ước Vácsava tại cuộc họp làm việc diễn ra tại Kiép, trong Trụ sở Bộ Tham mưu Quân khu Kiép.

Tôi có mặt trong nhóm các sĩ quan tên lửa phòng không đến thành phố Kiép để đảm bảo công việc của Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không tại cuộc họp này. Cuộc họp này được chủ trì bởi Tổng tư lệnh Binh chủng phòng không Liên Xô, Nguyên soái Liên Xô P.Ph. Batíxki.

Tôi còn nhớ những tình tiết nổi lên sự quý trọng ngưỡng mộ của các vị Tư lệnh binh chủng phòng không của các nước Hiệp ước Vácsava đối với vị Tư lệnh này, một nhân vật có trình độ chuyên môn, nghiêm khắc, nhưng đôi khi quá cứng rắn.

Tôi xin dẫn ra đây một tình tiết xảy ra trong cuộc họp hôm ấy. Tại Phòng báo chí người ta tổ chức một cuộc thi giữa các bộ tham mưu qua các tấm bản đồ. Cuộc thi có sơ đồ như sau: nhóm tác chiến công bố phương án tấn công của phương tiện tấn công từ trên không. Các bộ tham mưu của Binh chủng phòng không các nước Hiệp ước Vácsava phải đánh giá tình hình, đưa ra quyết định đánh trả cuộc tấn công và truyền đạt quyết định ấy đến các đơn vị bộ đội tên lửa phòng không.

Phương án bị thua trong cuộc thi là phương án đánh trả cuộc tấn công của không quân địch vào Budapét. Vị Tư lệnh Binh chủng phòng không của Hunggari báo cáo với Nguyên soái P. Ph. Batixki về những kết luận và quyết định đánh trả cuộc tấn công. Vị Tư lệnh này đã truyền đạt

trong khoảng thời gian 20 phút cho các đơn vị bộ đội về sự đánh giá tình hình trên bầu trời và quyết định đánh trả cuộc tấn công của địch.

Trong suốt 20 phút ấy Nguyên soái Batixki im lặng nghe. Sau khi bản báo cáo kết thúc ông tiến đến vị Tư lệnh Binh chủng phòng không của Hunggari, nhìn thẳng vào mặt vị này và nói:

“Đồng chí đã đánh giá tình hình và truyền đạt quyết định đến các đơn vị bộ đội mất 20 phút. Trong khoảng thời gian này máy bay địch đã lao được đến thành phố Budapét và đánh phá thành phố này rồi. Ai hành động theo cách như vậy? Kẻ ngu ngốc hoặc tên phản bội. Nếu là kẻ ngu ngốc thì cần phải phế truất khỏi chức vụ. Nếu là tên phản bội thì phải bị đem xử bắn. Chỉ được phép truyền đạt quyết định ấy - hành động theo phương án phòng không, ngoại trừ... - trong vòng 2 - 3 phút mà thôi, và liệt kê những công việc cần thực hiện bổ sung”.

Tiếp đó, Nguyên soái nói thêm: “Đồng chí đừng giận tôi nhé. Ở nước chúng tôi cũng có nhiều vị chỉ huy mắc phải bệnh nói nhiều. Họ cho rằng càng nói dài dòng thì càng tỏ ra am hiểu nhiều hơn. Nhưng đối với chúng ta, mỗi giây thời gian đều quý giá. Tất cả mọi người cần tuân theo nguyên tắc này”.

Các sĩ quan làm việc tại bộ máy trung ương của Bộ Quốc phòng thật là vất vả. Công việc hàng ngày ở đây rất căng thẳng, cực nhọc, đôi lúc phải làm việc trong điều kiện không đơn giản. Ngoài công việc phân tích phức tạp, bản thân chúng tôi phải cắt dán các bản đồ và biểu ngữ, đặt ra tình huống, xây dựng các sơ đồ và hình vẽ. Có nhiều vị chỉ huy thuộc cấp cao đã hoàn toàn không hiểu được và không đánh giá được xem ngay cả một sĩ quan thừa hành tài ba nhất phải mất bao nhiêu thời gian để chuẩn bị báo cáo, sơ đồ. Vì thế, họ thường hay phát ra mệnh lệnh chỉ với một nội dung: “Đến sáng phải hoàn thành”.

Và thế là chúng tôi lại lao vào công việc? Mệnh lệnh là mệnh lệnh. Trong cuốn Bộ Tổng tham mưu trong những năm chiến tranh tướng Stêmencô đã nhận xét một cách có lý rằng “các sĩ quan trong Bộ Tổng tham mưu làm việc như những cỗ máy, tưởng chừng như họ chẳng bao giờ biết mệt mỏi. Nhưng những công việc nặng nhọc về thể xác và thần kinh đã gây hậu quả. Sau chiến tranh đã có nhiều sĩ quan buộc phải xuất ngũ vì lý do sức khỏe và chỉ sống thêm được vài năm sau khi thôi công tác tại Bộ Tổng tham mưu”.

Nhưng đồng thời tôi cũng cảm ơn số phận. Tôi đã có dịp được nghe thấy và nhìn thấy nhiều điều thú vị và bổ ích trong những năm phục vụ tại bộ máy trung ương. Vì công việc mà tôi đã có dịp được tiếp xúc với những vị chỉ huy nổi tiếng của quân đội, với các nhà khoa học, những nhà chế tạo vũ khí. Đã phải học hỏi nhiều điều trong quá trình giải quyết những nhiệm vụ phức tạp, trong đó có công việc phân tích các hoạt động tác chiến ở Việt Nam.

Còn bây giờ xin nói về những công việc của tôi ở Việt Nam. Đầu năm 1971. Tôi được lệnh dẫn đầu và chuẩn bị một nhóm chuyên gia quân sự để tiến hành tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công tác chuẩn hóa và sửa chữa thường kỳ các máy kiểm tra - đo đạc phục vụ công tác kiểm tra và hiệu chỉnh các bộ khí tài tên lửa phòng không và các trạm kiểm tra - thử nghiệm di động, cũng như phục vụ kiểm tra và hiệu chỉnh các thiết bị, máy móc trong tên lửa.

Đó là nhiệm vụ chính thức và chủ yếu của tôi trong thời gian biệt phái sang Việt Nam. Nhiệm vụ thứ hai và không chính thức là đánh giá công việc tổ chức và cách thức các chuyên gia quân sự trong bộ máy của Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thu thập các tài liệu phục vụ cho việc phân tích hoạt động tác chiến của bộ đội tên lửa phòng không và chuẩn bị các báo cáo gửi Bộ Quốc phòng.

Cần tổ chức công việc này theo phương cách hiện diện tại trận địa của các tiểu đoàn, các đài chỉ huy của các đơn vị tên lửa phòng không. Đánh giá công tác xây dựng các trận địa ấy, cách bảo quản vũ khí và các phương tiện kỹ thuật chiến đấu tại trận địa. Có cả nhiệm vụ nghiên cứu sự phối hợp hoạt động giữa các nhóm chuyên gia quân sự: Liên Xô tại các trung đoàn tên lửa phòng không với các quân nhân Việt Nam.

Công việc chuẩn bị cho chuyển đi công tác sang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tiến hành theo hai hướng chính: chuẩn bị nhân sự của nhóm, cũng như chuẩn bị khí tài các dụng cụ, linh kiện, phụ kiện và vật liệu dự trữ.

Để phục vụ các nhiệm vụ chuẩn hóa các máy kiểm tra - đo đạc và các trạm kiểm tra - thử nghiệm di động ở nước ngoài, Văn phòng Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không Liên Xô đã thành lập một Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường và một khẩu đội tương ứng gồm các sĩ quan, các hạ sĩ quan và binh sĩ.

Các phương tiện kỹ thuật chủ yếu gồm: Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường - các dụng cụ chuẩn về đo đạc, được sử dụng để đánh giá độ chính xác của các dụng cụ và của các trạm kiểm tra thử nghiệm - di động được sử dụng tại các trận địa nhằm thực hiện công việc hiệu chỉnh trực tiếp các đài điều khiển tên lửa, các đài trinh sát và chỉ thị mục tiêu, cũng như các máy móc trong tên lửa.

Do vậy, Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường đã đảm bảo độ chính xác trong việc hiệu chỉnh các đài điều khiển tên lửa và các tên lửa và nhờ vậy, đảm bảo độ chính xác của khâu điều khiển tên lửa tiếp cận mục tiêu, tức là đảm bảo hiệu quả của những lần phóng tên lửa và nói chung, hiệu quả chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không. Theo thông lệ, mỗi năm tiến hành quy chuẩn một lần.

Điều đó có nghĩa là tại mỗi nước có triển khai tác bộ khí tài tên lửa phòng không do Liên Xô sản xuất, Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường phải làm việc mỗi năm một lần. Các máy móc lập chuẩn của Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường được bố trí theo hai cách: trong một phòng thí nghiệm lưu động được thiết kế đặc biệt hoặc trong những container đặc biệt. Các container đặc biệt ấy được máy bay hoặc tàu biển, đôi khi bằng cả hai cách ấy, chuyển đến nước "X".

Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường được chuyển sang Việt Nam bằng phương án hỗn hợp (đường không và đường biển): các máy bay hoặc xe lửa chở phòng thí nghiệm ấy đến Vladivostok hoặc đến Nakhótca, tiếp đó được chở bằng tàu biển.

Nhiệm vụ của chúng tôi không chỉ là cung cấp đầy đủ các dụng cụ quy chuẩn cần thiết cho phòng thí nghiệm, mà còn tiếp nhận, theo đơn đặt hàng, một số lượng cần thiết các linh kiện vô tuyến điện và các phụ kiện dự trữ để tiến hành sửa chữa nhỏ hàng ngày tại chỗ ở nước ngoài.

Các sĩ quan của phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường đảm nhiệm chủ yếu công việc chuẩn bị phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường để chuyển sang Việt Nam. Tôi đảm nhận việc tổ chức và kiểm tra công việc chuẩn bị ấy bằng cách đến phòng thí nghiệm được bố trí tại thành phố Liubécxư ở gần Mátxcova.

Không có đủ số lượng cán bộ chuyên môn của phòng thí nghiệm trung ương để tiến hành công việc ở tất cả các nước. Vì vậy đã phải triệu tập một bộ phận sĩ quan trực tiếp từ các đơn vị quân đội có chuyên môn về lập chuẩn.

Chẳng hạn, để phái sang làm việc tại Việt Nam, người ta đã thành lập một nhóm gồm 12 chuyên gia quân sự. Tôi được cử làm trưởng nhóm chuyên gia này.

Sau khi tiến hành tuyển chọn kỹ lưỡng các đối tượng được giới thiệu thì bắt đầu công việc chiếm nhiều thời gian là chuẩn bị thủ tục xuất ngoại cho từng chuyên gia.

Tiếp theo là khâu tập hợp các kết luận y tế về sức khỏe, các giấy chứng nhận tiêm chủng ngừa các loại bệnh truyền nhiễm. Ngoài ra còn thu thập những bản nhận xét công tác của mỗi chuyên gia, có chữ ký nhận xét của thủ trưởng đơn vị.

Tôi đã nhiều lần đến nhiều nước cùng với các tổ công tác để thực hiện nhiệm vụ, nhưng chưa có lần nào xảy ra trường hợp có ai đó trong số các chuyên gia được lựa chọn bị loại và không được cử ra nước ngoài.

Vậy là đội công tác đã được thành lập. Các quân nhân được giới thiệu đến từ các đơn vị quân đội đã được triệu tập và bố trí tại Mátxcova, trong nhà khách của Bộ Quốc phòng. Vé máy bay thì tự chúng tôi mua theo giấy giới thiệu của Bộ Tổng tham mưu. Rồi lên đường.

Chúng tôi đi trên loại máy bay IL-18. Cùng với nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô chúng tôi, đi trên chuyến bay này còn có 30 chuyên gia của xí nghiệp kỹ thuật - sản xuất chủ đạo thuộc Bộ công nghiệp vô tuyến điện. Nhiệm vụ của họ là hiện đại hóa các bộ kỹ thuật tên lửa phòng không X-75 nhằm hoàn thiện các khả năng chiến đấu trên cơ sở kinh nghiệm những thành tích

chiến đấu ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trưởng nhóm chuyên gia này là đồng chí Ivan Pêtorôvích Sápçun.

26 giờ bay trên máy bay. Những nơi hạ cánh dừng chân là: Tasken, Carachi (Pakixtan), Cancútta (Ấn Độ), Viêng Chăn (Lào). Chúng tôi cảm thấy khó chịu qua chuyến bay. Các múi giờ thay đổi. Bị mất cảm giác định hướng ngày và đêm.

Thế là đã tới sân bay Hà Nội, nơi tiếp đón các phái đoàn chính thức. Rà đón chúng tôi có 5 sĩ quan Việt Nam. Đã diễn ra một cuộc gặp mặt nhỏ. Bộ Tổng tham mưu đã chỉ định tôi, trưởng nhóm, nhân danh tất cả các chuyên gia Liên Xô đi trên chuyến bay đó phát biểu ý kiến. Tôi phát biểu trong tinh thần ngày ấy là sẵn sàng giúp đỡ nhân dân Việt Nam anh em trên tinh thần quốc tế trong cuộc chiến đấu anh dũng của họ chống đế quốc Mỹ.

Chúng tôi được bố trí tại khu chung cư Kim Liên thuộc thành phố Hà Nội. Có một số tòa nhà 3 tầng, có hàng rào, có trạm bảo vệ ở cổng vào khu chung cư. Tại khu nhà khách này chỉ có các chuyên gia ngoại quốc sinh sống. Họ đến từ các nước anh em thuộc Hiệp ước Vácsava, từ Bắc Triều Tiên. Ngoài ra, trong khu này còn có các nhân viên phục vụ. Tất cả mọi người đều sắp xếp thời gian thoải mái và có y phục thoải mái. Chỉ có các chuyên gia đến từ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên được mặc đồng phục màu đen có đeo huy hiệu mang hình Kim Nhật Thành trên ve áo. Họ xếp hàng tập thể dục buổi sáng, dưới sự chỉ huy của người đứng đầu. Chúng tôi được bố trí 2 - 3 người mỗi phòng. Khó có thể gọi khu này là khách sạn. Nó giống với doanh trại quân đội nhiều hơn.

Tôi và đồng chí phó của tôi được bố trí trong một phòng đôi. Trong phòng này có 2 chiếc giường thô sơ làm bằng ván gỗ, 2 chiếc ghế và 2 tủ con ở đầu giường. Phía trên giường có chiếc màn chống muỗi gắn trên một khung gỗ. Không có màn thì không thể ngủ được. Những con muỗi dữ tợn như lũ chó. Chúng tôi lên giường, vào trong màn và dùng đèn pin soi kỹ, dặt màn cẩn thận xuống đệm, ít phút sau ta cảm nhận thấy có vài con muỗi đã bằng cách nào đó lọt được vào trong màn. Ta thức dậy, bật đèn pin và tìm kiếm, rồi giết những con vật ghê tởm ấy. Mỗi đêm phải mất vài lần như vậy. Những chuyến bay dài, những đêm ngủ không yên, phải thích nghi với múi giờ mới - những điều này gây ra chứng đau đầu, hoàn toàn uể oải và buồn ngủ. Chỉ đến ngày thứ ba tôi mới ít nhiều hứng thú làm việc.

Nhưng ở đây lại xuất hiện những điều khó chịu mới. Phiên dịch viên tới và thông báo rằng theo tin tức tình báo thì đêm ấy có thể sẽ có cuộc bắn phá vào Hà Nội. Người ta chỉ cho chúng tôi biết hàm trú ẩn dành cho nhóm chúng tôi. Chúng tôi xem xét nó. Hàm trú ẩn chật chội và bị ngập nước đến một nửa. Các nhân viên khách sạn dùng xô tát nước ra khỏi hàm. Người ta khuyên chúng tôi ngủ trong bộ đồ thể thao và mang theo đèn pin để có thể nhanh chóng xuống cái hàm trú ẩn ẩm ướt đó. Tất nhiên, đã không có được sự nghỉ ngơi và giấc ngủ yên lành.

Chúng tôi đã tuân theo các quy tắc ấy trong suốt mấy ngày. Nhưng ngủ trong bộ đồ thể thao thì nóng không thể chịu nổi. Do vậy, chúng tôi chuyển sang phương châm "Muốn đến đâu thì đến, biết đâu mọi chuyện sẽ ổn". Thế là chúng tôi nằm ngủ không mặc quần áo chỉnh tề. Những sự cảnh báo về những cuộc bắn phá được đưa ra đều đặn. May mắn là khu khách sạn của chúng tôi đã không bị bắn phá. Bọn Mỹ biết rõ rằng trong khu này có các chuyên gia ngoại quốc cư trú, và rõ ràng là chúng sợ xảy ra xicăngđan quốc tế nên đã không bắn phá khu này.

Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo lường của chúng tôi được triển khai trong một ngôi nhà một tầng, trong khuôn viên của khu doanh trại quân đội thuộc sân bay Gia Lâm.

Chúng tôi đến nơi làm việc bằng một chiếc xe buýt công vụ với sự tháp tùng của phiên dịch viên là một quân nhân Việt Nam. Tên đồng chí ấy là Hồ Lân (Xo Лан). Nhưng anh ấy đề nghị gọi anh ấy bằng tên Nga là Côlia. Đồng chí Colia học tiếng Nga trong thời gian đồng chí ấy là trác thủ trong một khẩu đội chiến đấu huấn luyện tại Liên Xô. Anh ấy nói tiếng Nga không tồi. Tôi hiểu những gì anh ấy nói. Anh ấy thường xuyên bổ túc kiến thức về tiếng Nga. Anh ấy lắng nghe các chuyên gia trong nhóm chúng tôi nói với nhau.

Đôi khi anh ấy không thể hiểu được những từ có phần thô lỗ mà các binh sĩ Liên Xô đôi khi đã dùng trong những cuộc trò chuyện tâm tình ở nơi hút thuốc. Nhiều lúc anh ấy đến gặp tôi và nói: "Đồng chí chỉ huy, hãy giải thích mấy câu chữ do các chuyên gia của đồng chí dùng, vì tôi

không thể hiểu được những từ ngữ ấy”. Mà những từ ngữ ấy đôi khi là những từ ít khi tôi được nghe thấy và không thể giải thích rõ ràng nội dung ý nghĩa của các từ ngữ ấy.

Phải thấy rằng các bạn Việt Nam thông thạo tiếng Nga một cách nhanh chóng đến kỳ lạ. Chỉ trong 6 tháng huấn luyện ở Liên Xô thế mà họ đã có thể giao tiếp với chúng tôi bằng tiếng Nga.

Chúng tôi làm việc tại phòng thí nghiệm từ 8 giờ sáng đến 18 giờ, có nghỉ ăn trưa. Tại cơ sở làm việc không tổ chức bếp nấu ăn. Ở đó thường xuyên có những phích nước trà xanh. Thức uống này làm người cơ khát thường xuyên trong điều kiện khí hậu Việt Nam.

Người ta đưa đến cho chúng tôi bữa ăn do nhà ăn của khách sạn nấu. Ở đó có nấu các món ăn Âu và các bữa trưa với các món Việt Nam. Sau khi nếm thử món ăn Việt Nam chúng tôi đã nhanh chóng không dùng nó nữa. Cái gọi là “bữa trưa kiểu Việt Nam” thật khá đơn điệu. Đó là món nấu nóng của người Nga, phở, một món ăn hơi giống món thứ nhất và món thứ hai.

Trong suất ăn trưa kiểu Việt Nam hình như có mọi thứ: thịt và cá, bún phở và bắp cải, trứng và ớt, cơm và thậm chí có cả dưa.

Trong số các món ăn Âu thì các bạn Việt Nam cố gắng nấu những món mà chúng tôi đã quen ăn ở quê nhà. Khẩu ăn uống được thực hiện bình thường, nhưng tương đối đắt. Nó chiếm gần một nửa số lương của chúng tôi nhận bằng tiền đồng Việt Nam.

Sau bữa trưa chúng tôi lại đi xe đến nơi làm việc và đến chiều mới trở về.

Lộ trình của chúng tôi đi qua thành phố và qua một chiếc cầu xe lửa nổi tiếng bắc qua sông Hồng. Như đã biết, cây cầu này được xây dựng theo thiết kế của kỹ sư người Pháp Ép phen, ông này là tác giả của tháp Ép phen nổi tiếng ở Pa ri.

Cây cầu này thường chịu những cuộc đánh phá của máy bay Mỹ, nhưng nó lại được nhanh chóng sửa chữa. Để đảm bảo giao thông, trong thời gian cây cầu đường sắt này được sửa chữa, cạnh cầu này người ta đã bắc một cầu phao. Hàng ngày có đến 4 lần chúng tôi qua cầu này. May mắn là những lúc xe chúng tôi qua cầu thì cây cầu này không bị đánh phá.

Trước khi bắt đầu công việc tại Phòng thí nghiệm này, chúng tôi lên một kế hoạch chi tiết về công việc của chúng tôi và thời gian biểu tiếp nhận các máy kiểm tra - đo đạc và các trạm kiểm tra - thử nghiệm di động được chuyển đến từ các trận địa chiến đấu. Kế hoạch này được sự phê duyệt của Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam là Đại tá Lê Văn Tri

Đáng tiếc, không hiếm trường hợp bị vỡ kế hoạch tiếp nhận các dụng cụ và các trạm kỹ thuật thử nghiệm di động. Người ta giải thích cho tôi rằng điều đó là do thiếu phương tiện vận tải: các tiểu đoàn tên lửa phòng không thường xuyên phải di chuyển nơi đóng quân, do khẩu thông tin liên lạc kém, do các phương tiện vận chuyển bị bắn phá trên đường đi, v.v..

Thành thử, chúng tôi thường xuyên phải khẩn khoản yêu cầu vị đại diện Việt Nam tại phòng thí nghiệm này - một kỹ sư quân sự Việt Nam - có những biện pháp khắc phục. Không ít trường hợp phòng thí nghiệm này bị ngừng cung cấp nguồn điện. Với những biện pháp kiên trì tôi đã triển khai được một trạm phát điện cục bộ chạy bằng máy điêzen.

Với những khó khăn lớn chúng tôi đã đảm bảo được hoạt động của phòng thí nghiệm này. Đối với từng cụm máy kiểm tra - đo đạc và trạm kỹ thuật thử nghiệm di động đều lập biên bản ghi các công việc đã thực hiện. Trong các biên bản ghi rõ tên gọi của tất cả các dụng cụ, số hiệu sản xuất của chúng, bản liệt kê những khiếm khuyết và trục trặc đã được phát hiện, các công việc đã được thực hiện về hiệu chỉnh và sửa chữa, số linh kiện vô tuyến điện đã tiêu hao.

Các bạn Việt Nam đã quyết định sử dụng chúng tôi, như người ta vẫn thường nói! một cách hết công suất. Trong bản thỏa thuận giữa 2 bên có ghi nhiệm vụ của chúng tôi là quy chuẩn và sửa chữa nhỏ. Tuy nhiên, chúng tôi đã tiếp nhận các dụng cụ trong tình trạng mà nhiều thứ trong số dụng cụ ấy không thể phục hồi lại được ngay cả trong điều kiện có nhà máy. Chúng bị hư hỏng do bị mảnh bom và bị đạn rocket.

Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được trong điều kiện của chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã buộc phải sử dụng một số lượng lớn linh kiện vào khâu sửa chữa. Khoảng sau 1

tháng tôi đã nhận ra rằng với nhịp độ tiêu hao như vậy các bộ linh kiện dự trữ và dụng cụ chuyên dùng (ZIP) thì chỉ sau 1 - 2 tháng nữa là phòng thí nghiệm của chúng tôi sẽ phải ngừng hoạt động. Cần phải có những biện pháp khẩn cấp và bất thường.

Tôi gửi báo cáo về Mátxcova, trong đó có những ý kiến luận chứng và đề nghị gửi bổ sung cho tôi các bộ linh kiện dự trữ và dụng cụ chuyên dùng và các linh kiện thay thế. Trong một thời gian dài tôi không nhận được trả lời. Tôi hiểu rằng cần phải tìm kiếm những khả năng khác để đảm bảo hoạt động liên tục cho phòng thí nghiệm của chúng tôi.

Tôi kiên trì giải thích, tôi đề nghị và yêu cầu vị Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam cho phép chuyển một phần các thiết bị sửa chữa của xí nghiệp sửa chữa tên lửa phòng không của Việt Nam đến phòng thí nghiệm của chúng tôi để chúng tôi sử dụng tạm thời. Với chủ trương này tôi đã đến xưởng sửa chữa A-31 cách Hà Nội 50 - 60km. Tôi đã thảo luận với các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam về các biện pháp đảm bảo hoạt động của phòng thí nghiệm của chúng tôi.

Chúng tôi liệt kê các thiết bị và các linh kiện cần được vận chuyển về Hà Nội. Tôi đã được Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam, tướng Máximencô cho phép điều 2 chuyên gia sửa chữa của Liên Xô thuộc xưởng A-31 đến làm việc tại phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm của chúng tôi hoạt động nhịp nhàng. Tôi cảm thấy yên tâm, khí thế cũng được tăng cường. Các nhiệm vụ được hoàn thành.

Sau một tháng, tôi nhận được 1 container với những linh kiện cần thiết đã được yêu cầu gửi từ Mátxcova sang để phục vụ công việc sửa chữa. Tôi hiểu rõ rằng sẽ hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra cho tôi và cho toàn nhóm chúng tôi.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô được cử đến làm việc tại các trung đoàn tên lửa phòng không của Việt Nam thường hay báo cáo với ban chỉ huy Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô về những trường hợp các tiểu đoàn tên lửa phòng không khẩn cấp thu dọn khí tài, rồi di chuyển đến những trận địa khác. Sau đó vài giờ không quân Mỹ đã ném bom và bắn phá vào các trận địa bỏ trống với những mô hình tên lửa giả.

Phải nói rằng chiến thuật di chuyển cơ động các tiểu đoàn và phóng tên lửa từ trận địa phục kích đã được sử dụng rất rộng rãi và có hiệu quả trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Nhằm mục đích tăng hiệu quả và khả năng sinh tồn của các đơn vị tên lửa phòng không, ở Liên Xô, trong một thời gian ngắn, trong từng cụm đơn vị tên lửa phòng không cũng thiết lập hệ thống trận địa giả và các trận địa dự phòng.

Phòng thí nghiệm của chúng tôi hoạt động chủ yếu tại cơ sở nằm trong khu vực sân bay Hà Nội. Sau những nỗ lực lâu dài những bộ dụng cụ và trạm kiểm tra thử nghiệm di động đã chuyển đều dần tới đó. Tại phòng thí nghiệm này thường xuyên có mặt một phiên dịch viên người Việt và một chuyên gia về kỹ thuật đo đạc thuộc Bộ Tham mưu Binh chủng tên lửa phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam. Thông qua 2 quân nhân Việt Nam này tôi đã giải quyết mọi vấn đề nảy sinh về tổ chức và kỹ thuật. Chúng tôi đã cùng nhau xem xét kết quả công việc ở từng tiểu đoàn. Trên một bức ảnh đã ghi lại một buổi gặp làm việc như vậy. Trên tấm ảnh có tôi, phiên dịch viên và viên kỹ sư. Nhìn thấy rõ bảng chỉ tiêu, một vật điển hình cho thời kỳ còn chế độ Xôviết.

Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tá Lê Văn Tri đã 2 lần đến phòng thí nghiệm để có cuộc gặp làm việc với tôi. Tôi đã trình bày đề đồng chí ấy thấy rõ sự cần thiết của việc tôi mỗi tuần một lần xuống các trận địa chiến đấu của các tiểu đoàn tên lửa phòng không cùng với 2 - 3 sĩ quan trợ lý của tôi để kiểm tra các dụng cụ đo đạc trực tiếp đặt trên các bảng linh kiện của các khối và các hộp tử có trong các đài điều khiển tên lửa, và để kiểm tra khả năng hoạt động của các dụng cụ đã được sửa chữa trong quá trình tiến hành đo đạc các thông số của đài điều khiển tên lửa. Nhưng mục đích chủ yếu của tôi là xem xét và đánh giá việc xây dựng các trận địa của các bộ khí tài tên lửa, vấn đề nguy trang cho các bộ khí tài ấy, bảo dưỡng, bảo trì, bảo quản khí tài.

Tôi đã đưa ra những kết luận chính từ việc quan sát công việc tại các trận địa chiến đấu của các tiểu đoàn: những hầm trú ẩn dành cho khí tài và cho các khẩu đội tỏ ra thô sơ và không

đảm bảo bảo vệ được khí tài và sinh lực khi trận địa bị tấn công bằng bom và rốc két. Cũng đã không thấy có những nỗ lực lớn trong công tác gìn giữ bảo quản các khí tài Liên Xô tại các trận địa.

Không hiếm trường hợp phòng thí nghiệm tiếp nhận những trạm kiểm tra - thử nghiệm di động hoàn toàn mới. Khi kiểm tra chúng, chúng tôi phát hiện thấy tình trạng han gỉ trầm trọng ở các khung kim loại, các linh kiện, các tấm gắn các khối linh kiện v. v.. Phần cách điện ở những đường cáp nguồn và cáp công nghệ đã bị hư hỏng nhiều do chuột bọ. Tại các trận địa đã không sử dụng những trạm kiểm tra thử nghiệm di động ấy. Chúng được cất giữ trong núi, trong các hang động với những điều kiện khí hậu khiến cho chỉ trong một thời gian ngắn các phương tiện kỹ thuật trở nên vô dụng: Mà trạm kiểm tra thử nghiệm di động là phòng thí nghiệm đắt tiền được đặt trên xe buýt. Trong các đơn vị bộ đội tên lửa phòng không Liên Xô, chúng ta cảm thấy luôn luôn khan hiếm những trạm kiểm tra thử nghiệm di động ấy.

Các khẩu đội tên lửa phòng không Việt Nam thường xuyên vi phạm các quy tắc bắn, theo đó lần lượt bắn 2 - 4 quả tên lửa vào mục tiêu trên không. Rõ ràng các bạn Việt Nam đã tiết kiệm tên lửa, cho nên nhiều khi chỉ bắn quả tên lửa thứ hai sau khi quả tên lửa thứ nhất được phóng đi không đem lại kết quả. Với phương pháp bắn như vậy, các khẩu đội nhiều khi đã không kịp phóng quả tên lửa thứ hai hoặc thứ ba vào mục tiêu. Trong khi ấy mục tiêu đã thoát khỏi tầm bắn và bổ nhào bắn phá chúng ta.

Các chuyên gia Liên Xô đã dứt khoát yêu cầu tuân thủ các đòi hỏi ấy của quy tắc bắn. Các bạn Việt Nam đã đồng ý nhưng họ vẫn tiếp tục tiết kiệm tên lửa.

Điều đáng trân trọng ở các bạn Việt Nam là họ bảo vệ đến mức tối đa các chuyên gia nước ngoài. Các chuyên gia quân sự Liên Xô bị tổn thất tương đối ít. Sau khi có được kinh nghiệm cần thiết, các bạn Việt Nam thường tiến hành các trận đánh một cách độc lập. Và trong khi diễn ra trận chiến đấu họ đã cố gắng che chở và bảo vệ các chuyên gia quân sự Liên Xô. Tôi cảm nhận rõ điều này qua bản thân tôi. Trong những lúc làm việc tại trận địa đã xảy ra những trường hợp các tiểu đoàn bất ngờ vào trận để đánh trả các cuộc tấn công đã được trông đợi. Những trường hợp ấy chúng tôi lập tức được đưa xuống các đường hào hoặc vào hang núi.

Các bạn Việt Nam có thái độ thế nào với chúng tôi? Không thể đưa ra cùng một câu trả lời được. Tại các cuộc gặp chính thức, bề ngoài họ tỏ thái độ quý trọng và quan tâm. Sau khi chúng tôi tới Hà Nội, Bộ Quốc phòng của Việt Nam Dân chủ cộng hòa tổ chức buổi đón tiếp long trọng. Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đã tới dự. Tất cả 12 chuyên gia thuộc nhóm chúng tôi và 30 chuyên gia công nghiệp quân sự Liên Xô đều được mời tới buổi đón tiếp ấy. Trong buổi đón tiếp này cũng có mặt vị Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tướng N. C. Mácximencô.

Đã có những lời chúc rượu, những bài diễn văn của cả hai phía. Phía Việt Nam tuyên bố chắc chắn về thắng lợi sắp tới cảm ơn Liên Xô, toàn thể nhân dân Liên Xô về sự giúp đỡ. Phía Liên Xô đã hứa không tiếc sức lực và thời gian trong việc thúc đẩy đạt đến thắng lợi trước chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

Mặc dù hoàn cảnh thời chiến, nhưng bộ chỉ huy của Việt Nam đã thường xuyên quan tâm đến đời sống và sự nghỉ ngơi của chúng tôi. Cứ mỗi tháng một lần chúng tôi được tổ chức đi tham quan thành phố Hà Nội và các vùng phụ cận của thành phố. Người ta cũng không quên làm công tác tư tưởng với chúng tôi. Theo định kỳ, chúng tôi được mời nghe những buổi thuyết trình về những chiến công anh hùng của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Pháp và chống Mỹ. Tại Hà Nội đã tổ chức cuộc triển lãm thường xuyên được bổ sung các hiện vật, tại đây đã trưng bày các phương tiện của không quân Mỹ bị tiêu diệt. Chúng tôi đã xem triển lãm với một sự quan tâm lớn.

Việc đi nghe các buổi thuyết trình luôn luôn được đặt dưới sự giám sát của các cán bộ chính trị thuộc bộ máy của Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô. Các cán bộ chính trị này đòi hỏi tiến hành các buổi thuyết trình và các buổi hội thảo trong nhóm chuyên gia chúng tôi về công tác bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin. Đoàn phải sử dụng thời gian buổi tối của cá nhân vào công việc này. Không thiếu các sách báo chính trị. Ở mỗi khách sạn đều có góc nhỏ có các tờ



báo, tạp chí, trong đó có tạp chí Người công sản, Đảng viên công sản trong các lực lượng vũ trang. Nhưng trong góc để lại chỉ có vài cuốn phim của Liên Xô. Chúng tôi đã xem đi xem lại vài lần những cuốn phim ấy. Vậy là cả ở Việt Nam công tác giáo dục chính trị của chúng tôi vẫn được tiếp tục. Các cán bộ chính trị đã chứng minh rằng họ không vô dụng. Họ đã hoàn toàn chứng tỏ sự hiện diện của mình ở Việt Nam là hợp lý.

Trong ngày diễn ra các buổi sinh hoạt chính trị của Việt Nam, hoạt động của phòng thí nghiệm chúng tôi thường bị ngừng trệ. Lưới điện thì bị ngắt hoặc trạm phát điện cục bộ ngừng hoạt động. Những cố gắng triệu tập thợ vận hành máy điêzen đang tham gia các buổi sinh hoạt chính trị là vô hiệu. Về sau tôi đã không cố những cố gắng như vậy nữa.

Phải nêu rõ rằng ban lãnh đạo chính trị và bộ chỉ huy quân sự của Liên Xô đã thường xuyên dành sự quan tâm đến cuộc chiến tranh Việt Nam.

Để soạn thảo một trong số những văn bản về Việt Nam, tôi đã có bản sao bức thư riêng của L.I. Brêgionhép gửi Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn. Trong bức thư này ông Brêgionhép thông báo cho biết các quân nhân Việt Nam không phải lúc nào cũng trao đầy đủ cho các chuyên gia quân sự Liên Xô những tài liệu đã thu thập được về tác động của các hình thức gây nhiễu bằng sóng vô tuyến điện đối với các bộ khí tài tên lửa phòng không của Liên Xô. Tình trạng này không cho phép đưa ra những biện pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của các bộ khí tài ấy. Bức thư ấy đã có tác dụng nhất định.

Tổng Tư lệnh Binh chủng phòng không Liên Xô, Nguyên soái P. V. Batixki đã đích thân có mặt tại Việt Nam và đã đề ra tại chỗ những biện pháp cần thiết để giải quyết những nhiệm vụ cấp bách.

Hoạt động của tất cả các chuyên gia Liên Xô ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều được Sứ quán Liên Xô kiểm soát và chỉ đạo. Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Sécbacốp triệu tập tôi đến để nghe tôi thông báo về công việc: về quan hệ với phía Việt Nam.

Các bộ trưởng, những nhân vật quan trọng khác cũng đã đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tôi còn nhớ cuộc viếng thăm Việt Nam của bà E. A. Phuốcxêva, nguyên Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Bộ trưởng Văn hóa Liên Xô. Tình huống đưa đẩy khiến tôi đã có dịp được báo cáo với bà về công tác của mình.

Chuyện là thế này. Sau khi chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ, bộ chỉ huy quân sự của Việt Nam đã mời nhóm chúng tôi và nhóm chuyên gia công nghiệp quân sự Liên Xô nghỉ 3 ngày tại khu an dưỡng ở gần Hải Phòng, trên bờ vịnh Hạ Long huyền thoại.

Đến tối, vào giờ ấn định, chúng tôi đến phòng ăn để dùng bữa tối. Ở chính giữa phòng ăn, phía sau những chiếc bàn đã được xếp lại với nhau là một nhóm các bạn Việt Nam và các cán bộ Sứ quán Liên Xô đã ngà ngà hơi men.

Bà Phuốcxêva ngồi ở giữa. Chúng tôi ngồi ở chỗ dành cho chúng tôi, phía đối diện với bà Phuốcxêva. Bà nhìn chúng tôi, trò chuyện với vị đại diện của Sứ quán, hình như bà hỏi xem chúng tôi là ai. Vài phút sau bà đứng dậy và tiến về phía bàn chúng tôi. Tôi đứng dậy, tiến lại phía bà, tự giới thiệu, báo cáo với bà về thành phần nhóm chúng tôi, mục đích chuyến công tác của chúng tôi và lý do chúng tôi có mặt ở nơi này. Sau khi nghe tôi báo cáo xong, bà bắt đầu hỏi về quan hệ của các bạn Việt Nam với chúng tôi sinh hoạt của chúng tôi được đảm bảo như thế nào. Tôi trả lời rằng trong hoàn cảnh chiến tranh, cuộc sống của chúng tôi như vậy là hoàn toàn bình thường, chúng tôi không gặp phải những sự thiếu thốn lớn. Quan hệ giữa chúng tôi và phía Việt Nam mang tính chất cầu thị. Cuộc trao đổi diễn ra khoảng 15 phút. Sau đó bà Phuốcxêva vào ngồi sau chiếc bàn.

Sau đó một lúc, nhóm chuyên gia công nghiệp quân sự Liên Xô tới phòng ăn. Bà Phuốcxêva lại gần một người trong số họ, rồi hỏi họ là ai và họ làm công việc gì ở Việt Nam. Điều làm mọi người ngạc nhiên là: người được bà hỏi thì lại trả lời bằng câu hỏi: "Còn bà là ai?". Sau khi biết đây là những người công nhân, bà Phuốcxêva đã gọi một nhân viên quầy bar người Việt và yêu cầu mang đến bàn của các chuyên gia công nghiệp quân sự Liên Xô 5 chai rượu mạnh và bà sẽ thanh toán tiền cho 5 chai rượu ấy.

Sau khi bữa tối kết thúc, phiên dịch viên của chúng tôi đã mời toàn thể nhóm chúng tôi đến câu lạc bộ để tham dự buổi biểu diễn văn nghệ nghiệp dư của các bạn Việt Nam chào mừng bà Phuốcxêva.

Tôi còn có hai dịp được gặp bà Phuốcxêva tại Việt Nam. Trước khi lên máy bay rời Hà Nội, bà Phuốcxêva đã đến câu lạc bộ của Sứ quán để gặp gỡ với các nhà ngoại giao và với các chuyên gia Liên Xô. Tại cuộc gặp mặt ấy bà đã trả lời các câu hỏi của mọi người.

Tôi lại có dịp được gặp bà Phuốcxêva một lần nữa. Chúng tôi rời Hà Nội trên cùng một chuyến máy bay với bà. Chặng đường chân đầu tiên là Mianma. Tại đó bà Phuốcxêva đã rời sân bay. Chắc đó cũng là một chuyến viếng thăm chính thức.

Sau chuyến đến thăm Việt Nam bà Phuốcxêva sống không được bao lâu nữa. Chắc là công việc quá nặng nhọc đã làm suy sụp cơ thể bà. Ngay trong những lần được gặp bà, tôi đã chú ý đến vẻ mặt mệt nhọc và đau yếu của bà đầy những nếp nhăn, mặc dù ngày trước bà là người phụ nữ rất đẹp.

Các nhà hoạt động nổi tiếng trong lĩnh vực văn hóa cũng đã đến thăm Việt Nam. Tại Việt Nam lần đầu tiên tôi đã được tham dự cuộc gặp gỡ của giới sáng tác với nhà thơ nổi tiếng Épghêni Éptusencô.

Cuộc gặp mặt này đã để lại ấn tượng lớn và có tác động tình cảm mạnh mẽ đối với mọi người. Nhà thơ Éptusencô đã rất hào hứng đọc các bài thơ của mình. Ông đã kể về những sự truy bức mà ông đã phải gánh chịu vì những phát biểu chân thành của mình, về những trở ngại trong việc in ấn những bài thơ của ông.

Trong thời gian ngắn ngủi có mặt tại Việt Nam, nhà thơ này đã viết được một số bài thơ tuyệt vời. Tôi đặc biệt thích bài thơ Bánh mì đen. Trong bài thơ này ông mô tả các chuyên gia Liên Xô đã mang sang Việt Nam bánh mì đen như là món quà quý báu nhất.

Trong bài thơ Đường số 1, nhà thơ mô tả những chiến tích anh hùng của nhân dân Việt Nam trong việc đảm bảo công tác vận chuyển hàng hóa, kỹ thuật, và bộ đội từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam.

Công việc của nhóm tôi đã tới hồi kết thúc. Mặc dù gặp một loạt khó khăn về phương diện tổ chức - kỹ thuật, song nhiệm vụ đã hoàn thành. Đã mở đầu giai đoạn quan trọng là chuẩn bị và ký biên bản hai bên về những công việc đã được thực hiện.

Trước khi lên đường trở về nước, toàn thể nhóm chúng tôi đã được mời tới dự buổi chiêu đãi tại Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong buổi chiêu đãi này chúng tôi được trao tặng các Huy chương Vì tình hữu nghị và tình đoàn kết trong đấu tranh, các huy hiệu kỷ niệm "Chiến thắng trận đầu - 5-8" - để ca ngợi chiến công của bộ đội tên lửa Việt Nam tiêu diệt chiếc máy bay đầu tiên của Mỹ (ngày 5-8-1964), cũng như các quà tặng kỷ niệm - những bức tranh sơn mài truyền thống của Việt Nam.

Trong buổi tiếp đón này, các bạn Việt Nam đã chân thành cảm ơn chúng tôi về công sức lao động và sự giúp đỡ đã dành cho họ. Họ đã xin lỗi vì trước ngày tôi lên đường họ chưa kịp đề nghị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng cho tôi Huân chương Chiến công.

Tháng 4-1972 tôi cùng nhóm của mình đã đáp máy bay về Mátxcova.

Các phương tiện kỹ thuật của phòng thí nghiệm của chúng tôi, do 2 sĩ quan tháp tùng, đã được tàu biển chuyển từ Hải Phòng về nước. Trong lúc bốc xếp các phương tiện của phòng thí nghiệm lên tàu thì cảng Hải Phòng bị ném bom. Chiếc tàu biển đã bị hư hại, một bộ phận thiết bị của phòng thí nghiệm cũng đã bị hư hại.

Đã hơn 30 năm trôi qua kể từ ngày trở về từ Việt Nam. Nhưng cho đến nay có nhiều sự kiện và sự việc vẫn còn lưu lại trong ký ức.

Tôi mãi mãi nhớ đến nước Việt Nam của những năm chiến tranh: các chị phụ nữ mặc quần đen và những chiếc áo nâu. Còn vào những ngày lễ thì y phục sang trọng của họ vẫn là chiếc quần màu đen nhưng chiếc áo thì màu trắng. Thường thường họ đi chân đất. Loại dép phổ biến nhất là loại dép tự tạo: đế cao su làm từ vỏ lốp ô tô cũ, còn quai dép thì làm từ những chiếc sẫm

ôtô.

La động thủ công cực nhọc. Chị em làm việc trên các đồng lúa, gần như ngập trong nước đến thắt lưng, họ cấy lúa. Hầu như không trông thấy máy cày. Trâu được sử dụng để cày, bừa. Người ta dùng đòn gánh và những chiếc thúng để quẩy hàng. Mọi công việc được thực hiện dưới cái nóng làm kiệt sức và độ ẩm 100%.

Ăn uống thật đạm bạc. Khẩu phần điển hình gồm rau bắp cải và ít cơm. Các ngôi nhà trong làng chủ yếu làm bằng tre. Mái lợp bằng lá cọ hoặc bằng rơm rạ. Trong nhà đồ dùng là những chiếc giường chõng trái chiếu.

Tôi hiểu, nguyên nhân chủ yếu của cảnh sống như vậy là chiến tranh. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phần đầu thống nhất Bắc Nam bằng cái giá phải trả là những tổn thất to lớn về người, những khổ đau của nhân dân.

Sau khi trở về nước, tôi vẫn tiếp tục nghiên cứu đề tài Việt Nam tại Bộ Tổng tham mưu. Mấy tháng sau từ Hà Nội người ta đã gửi cho tôi, như đã hứa, tấm Huân chương Chiến công hạng III.

Cần nói rõ rằng những sĩ quan đã trải qua kinh nghiệm chiến đấu ở Việt Nam nhiều khi đã được cử giữ chức vụ cao hơn.

Không lâu sau khi trở về nước, người ta đã chuyển tôi từ Ban đặc biệt - tại đây tôi đã giữ chức vụ Trung tá theo biên chế - sang công tác tại Bộ tham mưu Binh chủng tên lửa phòng không Liên Xô với chức vụ tương ứng với quân hàm đại tá. Tôi bắt đầu nghiên cứu các vấn đề nội bộ của Binh chủng tên lửa phòng không. Nhưng kinh nghiệm về Việt Nam được tôi luôn luôn sử dụng trong thời gian phục vụ sau này trong quân đội.

... Sau 30 năm tình hình trên thế giới đã thay đổi đến mức không thể nhận ra được. Tình hữu nghị không gì phá vỡ được giữa các nước xã hội chủ nghĩa đã bị phá vỡ. Phe xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ. Còn nước Mỹ thì từ chỗ là "kẻ thù độc ác nhất của nhân dân Liên Xô" đã trở thành "đối tác làm ăn". Các tổng thống của hai nước đã gần như trở thành bạn hữu. Còn chúng tôi, các cựu chiến binh của Nga và Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam, trong những năm gần đây đôi khi có gặp gỡ nhau ở Mátxcova. Xin hãy chú ý: cho đến nay họ vẫn kiêu hãnh đeo những tấm huân chương mà họ được tặng vì Việt Nam. Giờ đây chúng tôi không coi nhau là kẻ thù, ngắm nhau qua thước ngắm trên đầu súng và qua các màn hình ra đa, mà đã ngồi cùng nhau chung những chiếc bàn như những người bạn, như là những con người bình thường đã từng trải qua chiến tranh. Chúng tôi bắt tay nhau, tặng quà kỷ niệm và chúc rượu lẫn nhau.

Chúng tôi cùng nhau thảo luận đề án hợp tác xuất bản cuốn sách: "Hồi ức của các cựu chiến binh Nga và Mỹ về cuộc chiến tranh Việt Nam". Nhưng những đề án ấy đã bị thất bại. Người Mỹ có nguyện vọng và tiền bạc. Chúng tôi thì chỉ có nguyện vọng. Người Mỹ có khả năng trông cậy vào các tổ chức cựu chiến binh của mình và vào nguồn tài chính của cá nhân để vượt đại dương đến với chúng tôi, mời chúng tôi tới dự bữa ăn thân mật tại nhà hàng.

Còn tổ chức của chúng tôi thì tồn tại chỉ nhờ vào số tiền đóng góp của cá nhân các cựu chiến binh. Những khoản chi chủ yếu của những khoản đóng góp ấy là để mua những vòng hoa viếng các đồng chí của chúng tôi qua đời hàng năm - những cựu chiến binh tham gia chiến tranh Việt Nam - và để mua những món quà khiêm tốn tặng các bạn cựu chiến binh còn sống nhân ngày sinh của họ.

Mục đích chủ yếu của các cựu chiến binh Mỹ khi thực hiện các chuyến sang thăm chúng tôi là tìm kiếm tin tức và tài liệu về các đồng đội của mình đã hy sinh hoặc đã mất tích tại Việt Nam. Xin nêu ra đây một ví dụ. Ngày 30-6-1997 tôi và những cựu chiến binh khác đã được mời đến Cung sĩ quan của Binh chủng phòng không để gặp gỡ với nhóm cựu chiến binh Mỹ đã tham gia chiến tranh Việt Nam, do ông Rô bốt Mít thượng nghị sĩ bang Niu Hơm sơ dẫn đầu. Ông Rô bốt Mít còn là đồng Chủ tịch ủy ban Liên chính phủ Nga Mỹ về tìm kiếm tù binh và những người mất tích.

Các cựu chiến binh Mỹ chăm chú tìm hiểu các hiện vật trưng bày trong Bảo tàng. Tại đây có một mảng hiện vật không lớn liên quan đến cuộc chiến tranh Việt Nam. Nhìn vào mảng hiện vật thì khó có thể hiểu được và đánh giá được toàn diện sự tham gia và sự đóng góp của các

quân nhân chúng tôi vào thắng lợi của Việt Nam.

Trong khi xem Bảo tàng, các cựu chiến binh Mỹ luôn luôn đề nghị: xin hãy kể và hãy cho xem mọi tài liệu và hiện vật liên quan đến tin tức về các phi công Mỹ. Trong bảo tàng này, chúng tôi không có những tài liệu ấy và không thể có những tài liệu ấy.

Sau cuộc tham quan Bảo tàng, các cựu chiến binh Nga và Mỹ lại tiếp tục cuộc gặp mặt. Thượng nghị sĩ Rô bốt Mít đề nghị chúng tôi, trong các bài phát biểu, hãy đặc biệt chú ý đến vấn đề: liệu chúng tôi có những tin tức gì về các phi công Mỹ bị bắn rơi và mất tích ở Việt Nam, và tại Việt Nam chúng tôi có gặp những phi công Mỹ ấy không.

Vị thượng nghị sĩ ấy đề nghị tôi phát biểu trước tiên. Tôi nói rằng chưa hề trông thấy các phi công Mỹ bị bắt, nhưng đã nhìn thấy những buồng giam họ khi họ là tù binh ở Việt Nam. Họ đề nghị tôi mô tả địa điểm có những buồng giam ấy. Sau đó tôi đã chia sẻ những kết luận của mình về cuộc chiến tranh ấy. Vị thượng nghị sĩ ấy đã chăm chú nghe các bài phát biểu của tất cả các cựu chiến binh chúng tôi.

Các vị nghĩ rằng ở đất nước chúng ta có ai đó quan tâm đến chúng tôi? Chỉ mãi đến năm 1990, 18 năm sau khi từ Việt Nam trở về Tổ quốc, tôi mới nhận được “Giấy chứng nhận quyền hưởng các ưu đãi” vì đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam. Về cơ bản tất cả những ưu đãi đều mang tính chất thuần túy tượng trưng. Còn những ưu đãi thật sự thì không được thực hiện. Ví dụ, người ta đã chấm dứt việc phát thuốc miễn phí tại các hiệu thuốc ở Mátxcova. Không ai hoàn trả tiền cho các hiệu thuốc. Vậy mà tất cả các căn bệnh của tôi lại được phát hiện tại phòng khám bệnh đầu tiên sau khi tôi từ Việt Nam trở về. Tôi nghĩ rằng đây không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Khí hậu khắc nghiệt, sự căng thẳng về thể xác và tinh thần đã dẫn đến hậu quả của nó.

Để nhận được “Giấy chứng nhận quyền hưởng các ưu đãi” thì đã phải có những nỗ lực to lớn của vị Cựu Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam là Thượng tướng V. N. Abramốp. Chỉ có nhân vật này, trước kia đã từng giữ chức Phó Tổng Tư lệnh Binh chủng phòng không của Liên Xô, mới có thể hóa giải mọi trở ngại quan liêu của các quan chức trong Bộ Tổng tham mưu, yêu cầu làm thủ tục và trao cho tôi “Giấy chứng nhận quyền hưởng các ưu đãi” và huy hiệu “Chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa”.

Tướng V. N. Abramốp đã có đóng góp to lớn vào việc thành lập tổ chức xã hội các cựu chiến binh tham gia chiến tranh Việt Nam, đảm bảo sự hoạt động của tổ chức này, tổ chức và tiến hành tất cả các cuộc gặp mặt của chúng tôi, kể cả với các cựu chiến binh Mỹ. Mặc dù giữ cương vị và quân hàm cao, nhưng ông luôn luôn đối xử với chúng tôi như các đồng nghiệp. Chúng tôi đã nhiều lần đến thăm ông tại nhà riêng.

Đáng tiếc là năm 1994 ông đã qua đời. Mong rằng những ký ức của tôi về ông sẽ là phần nhỏ trong sự quý trọng to lớn và sự biết ơn của tất cả các cựu chiến binh tham gia chiến tranh Việt Nam dành cho ông.

Trước mặt tôi là bản phụ lục của Đạo luật liên bang “Về các cựu chiến binh”, được Đuma quốc gia thông qua ngày 16-12-1994. Bản Phụ lục này đã liệt kê các quốc gia và các thời kỳ diễn ra chiến sự ở nước ngoài có sự tham gia chiến đấu của các công dân Liên bang Nga. Bản liệt kê này nêu lên 17 quốc gia mà trên lãnh thổ những quốc gia ấy, vào những thời kỳ khác nhau, các quân nhân nước Nga đã từng tham chiến. Đó là Tây Ban Nha, Trung Quốc, Triều Tiên, Mông Cổ, Angiêri, Ai Cập, Yêmen, Việt Nam, Xyri, Ănggôla, Môđambích, Êtiôpia, Ăpganixtan, Campuchia, Bắnglăđét, Lào, Libăng.

Những cuộc chiến tranh kéo dài nhất là cuộc chiến tranh ở Ăpganixtan (hơn 10 năm) và cuộc chiến tranh ở Việt Nam (13 năm).

Bắt đầu từ năm 1970 cho đến tận bây giờ, hàng năm vào Ngày đáng ghi nhớ 5-8 (ngày 5-8-1964 - ngày Mỹ mở đầu cuộc xâm lược chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - được kỷ niệm tại Việt Nam như Ngày tưởng nhớ những người đã hy sinh trong cuộc chiến tranh ấy) chúng tôi lại tụ hội gặp nhau ở Mátxcova.

Lúc đầu chúng tôi họp nhau tại Vườn hoa trước Nhà hát Lớn - dưới chân tượng đài Các Mác.

Trước kia, những cựu chiến binh đến tham gia cuộc gặp mặt không chỉ gồm những cựu chiến binh đến từ Mátxcova và tỉnh Mátxcova, mà còn có cả các cựu chiến binh đến từ những vùng miền khác của Liên Xô.

Đến dự cuộc gặp mặt của chúng tôi còn có các cán bộ của Sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cuộc gặp mặt có chương trình thật đơn giản: tổng kết hoạt động của tổ chức cựu chiến binh trong 1 năm qua, tưởng niệm các cựu chiến binh đã qua đời trong năm qua, chụp ảnh kỷ niệm, bữa ăn thân mật tại quán ăn hoặc nhà hàng.

Để kết thúc, tôi muốn bày tỏ nguyện vọng và niềm hy vọng rằng chúng ta và tất cả các thế hệ sau này được hưởng một cuộc sống không có chiến tranh lạnh và chiến tranh nóng. Mong rằng tất cả những cuộc chiến tranh đã qua đi sẽ lưu lại trong ký ức như những trang bị thảm trong lịch sử loài người.

Mong rằng trên các đường phố Hà Nội và Sài Gòn sẽ là những người dân Việt Nam đi trên xe đạp và xe gắn máy, chứ không phải là những người ngoại bang cưỡi trên xe tăng và xe bọc thép.

Mong rằng bên cạnh người dân Việt Nam sẽ là những khách du lịch người Nga, chứ không phải là các chuyên gia quân sự.

Thế giới cần có hòa bình, chứ không cần chiến tranh.

Thị trấn Đaria, ngày 12-2- 1998

\*\*\*

# ĐẠI TÁ XÔDRANỐP ANATÔLI KHÁTGIMURATÔVÍCH, Phó tiến sĩ khoa học quân sự.

Ông sinh ngày 4-3-1939 tại thành phố Bacu, thuộc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Adécbaigian.

Năm 1957 ông vào học tại Trường kỹ thuật không quân Kiécxanốp và đã tốt nghiệp trường này năm 1960. Ông tiếp tục phục vụ trong quân đội với chức vụ chỉ huy trung đội, kỹ thuật viên trưởng của một tiểu đoàn tên lửa phòng không trong tỉnh Đôn hét.

Từ năm 1963 đến năm 1968 ông theo học tại Học viện kỹ thuật vô tuyến điện mang tên Gôvôrốp thuộc binh chủng công binh tại thành phố Kháccốp. Sau khi tốt nghiệp Học viện, ông là chỉ huy phó, rồi chỉ huy trưởng đại đội kỹ thuật vô tuyến điện của tiểu đoàn tên lửa phòng không, phó chỉ huy, rồi chỉ huy tiểu đoàn tên lửa phòng không thuộc Quân khu phòng không Bacu, trưởng ban huấn luyện chiến đấu, Tham mưu trưởng Ban chỉ huy Phòng vệ dân sự thành phố Grôdnui.

Từ tháng 12-1971 đến tháng 9-1972 ông đã tham gia chiến đấu tại Việt Nam, với chức vụ kỹ sư trưởng Ban công binh tên lửa thuộc Nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô bên cạnh Bộ Tư lệnh phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ông đã được tặng thưởng 10 huy chương, trong đó có Huy chương Chiến công và Huy chương Hữu nghị của Việt Nam.

# 300 NGÀY TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM ANH HÙNG

Sáng ngày 3-12-1971 chúng tôi hạ cánh ở sân bay Hà Nội. Sau những ngày giá buốt ở Mátxcova, Hà Nội đón chào chúng tôi bằng khí trời nóng bức. So với Mátxcova thì mức chênh lệch nhiệt độ ở đây là hơn 50 độ. Ra đón chúng tôi có đại diện cấp Vụ thuộc Bộ Ngoại giao Việt Nam, Trung tá Hùng (Хун) và một Cán bộ chính trị thuộc Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam, Trung tá G. G. Xaphrônốp. Trong buổi đón tiếp chúng tôi được tặng những bó hoa lớn và sắc sỡ đến kỳ lạ.

Chúng tôi được ngồi bên chiếc bàn, mời uống trà xanh. Chúng tôi kể về bản thân, về công việc phục vụ trong quân ngũ, về gia đình. Trung tá Hùng phác họa tóm tắt tình hình chính trị - quân sự ở Đông Dương, đặc biệt ở Việt Nam. Trung tá Hùng lưu ý rằng sắp tới Mỹ có thể bắt đầu ném bom trên toàn lãnh thổ Bắc Việt Nam. Vì vậy, sự giúp đỡ của chúng tôi sẽ hết sức cần thiết.

Tôi vừa nghe Trung tá Hùng, vừa nhìn vào cửa sổ, ngắm thiên nhiên và nghĩ: “Tại sao con người lại đánh nhau, tại sao lại huỷ diệt cảnh đẹp như thế, tại sao người ta lại ném bom lãnh thổ nước khác?”.

Trong chuyến đi lần đầu đến các tỉnh phía nam của Bắc Việt Nam tôi đã nhìn thấy nhiều hố bom và hố đạn rốc két. Cũng có cả những hố bom mới xuất hiện - hậu quả của trận bom vừa xong.

Khi còn ở Liên Xô tôi đã đọc sách báo kể về nhân dân Việt Nam anh hùng, về cuộc chiến đấu gần 30 năm của họ để bảo vệ nền độc lập. Tôi khâm phục tinh thần anh hùng của người Việt Nam và đứng về phía họ. Vậy là giờ đây tôi đã đứng bên họ. Điều đã chinh phục tôi là tinh thần đoàn kết và chủ nghĩa yêu nước của nhân dân, lòng tin của nhân dân vào chiến thắng. Mặc dù miền Bắc Việt Nam phải đương đầu với cường quốc đế quốc hùng mạnh nhất, song điều tuyệt đối rõ ràng là Hoa Kỳ sẽ không bao giờ thắng trong cuộc chiến tranh này. Tôi đã đi đến kết luận như vậy sau mỗi cuộc trao đổi trò chuyện với những người dân Việt Nam.

Trong những chuyến công tác thường xuyên trên các nẻo đường của Việt Nam, chúng tôi được những lớp dân chúng đón tiếp. Chủ yếu đó là các chị phụ nữ, người già và những “đàn” rất đông các em nhỏ cời trần luôn làm cho tôi nhớ đến ba đứa con của tôi ở quê nhà. Hễ có cơ hội là tôi luôn luôn đãi kẹo các em. Tôi rất thích ngắm trẻ em chơi đùa, cười và vui sướng với cuộc đời của chúng. Trước kia tôi chưa bao giờ được nhìn thấy những cánh rừng cây khuynh diệp, rừng nứa và chuối, các lâm trường trồng cao su những cây dừa, những cây mít, những đồi trồng dứa, và dĩ nhiên, cả những cánh rừng nhiệt đới. Tôi luôn luôn chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Nam. Chính vì vậy mà tôi càng căm ghét chiến tranh. Tôi cho rằng cuộc chiến tranh tàn bạo và vô nhân ấy không thể không khiến những con người bình thường phải ghê tởm và căm ghét những kẻ đã gây ra cuộc chiến tranh ấy.

Tôi là con của một nông dân, vì vậy tôi cảm nhận được và gần gũi với những nỗi trăn trở của nông dân Việt Nam. Trong cái nóng không thể chịu nổi, suốt cả ngày dầm mình trong nước, với những chiếc nón lá của mình, bắt chấp những cuộc ném bom bắn phá thường xuyên diễn ra, những người nông dân Việt Nam vẫn canh tác những ruộng lúa của mình để nuôi gia đình và quân đội.

Tôi đã hiểu vì sao những cô gái còn rất trẻ, với những chiếc cuốc và xẻng trong tay, đã xây dựng và khôi phục những con đường; vì sao có hàng trăm và hàng nghìn dân thường, thậm chí cả trẻ em, đã đến giúp xây dựng các trận địa mìn cho các đơn vị tên lửa phòng không: họ đã dùng tay đắp các bức tường bao quanh các bệ phóng, họ chặt cây cối để xây các con đường dẫn vào trận địa.

Tôi thật sự khâm phục dân tộc Việt Nam vừa đánh trả những cuộc tấn công của không quân Mỹ, vừa tiếp tục lao động ngoan cường để hoàn thành các nhiệm vụ do Chính phủ đề ra.

Tất cả những điều đó khẳng định chân lý đúng đắn: chiến tranh đòi hỏi phải cống hiến toàn bộ sức lực, và toàn dân đứng lên bảo vệ Tổ quốc. Có thể nói không ngoa rằng lao động của công nhân và nông dân Việt Nam thực sự là chiến công, rằng nhân dân Liên Xô đã thể hiện chủ nghĩa

anh hùng tập thể giống như vậy trong những năm tiến hành cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Chiến tranh đã làm thay đổi sâu sắc toàn bộ lối sống của người Việt Nam. Suốt 30 năm chiến tranh đã trở thành nội dung của cuộc sống. Lúc đầu, đặc biệt trong thời kỳ đầu, chúng tôi cảm thấy tâm lý của mình khó thích nghi với hoàn cảnh chiến tranh.

Tôi đã sống ở Việt Nam 300 ngày - từ tháng 12-1971 đến tháng 9-1972. Trong nhóm chuyên gia công trình tên lửa của chúng tôi có mặt các chuyên gia thuộc tất cả các hệ thống trong bộ khí tài tên lửa phòng không. Tôi rất trân trọng hồi tưởng về tất cả những đồng chí đã cùng tôi thực hiện nghĩa vụ quốc tế ở Việt Nam. Tất cả các chuyên gia ấy đều có trình độ đại học về kỹ thuật quân sự, họ hết sức giỏi trong nghiệp vụ của mình và là những bạn chiến đấu tốt

Tôi muốn nêu tên tất cả những người ngày ấy là thành viên trong nhóm chuyên gia công trình tên lửa làm việc trong Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam: Trưởng nhóm - Trung tá Gheorghi Tikhonovich Ôcốp, phó trưởng nhóm - Trung tá Vladimia Aphanaxievich Baranốp, Thiếu tá Valentin Páplôvich Mascốp, Đại úy Anhít Iliaxôvich Ascarốp, Thiếu tá Anatôli Khátgimuratôvich Xôdranốp, Đại úy Vaxili Aléxhândrôvich Lômpxép, Thiếu tá Víchtô Đimitoriêvich Macarôskin, Thượng úy Aléxhây Iacôplêvich Iacôvencô, Thiếu tá Vladimia Nicôlaêvich Mukhin, Đại úy Nicôlai Nicôlaêvich Pôgrêpnhác, Thiếu tá Aphricantốp.

Trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô về phòng không làm việc trong Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam là Đại tá Ivan Stêpanôvich Pudanốp - một con người và một vị chỉ huy tuyệt vời, một con người hết sức đứng đắn, được chúng tôi quý trọng và rất dễ làm việc với ông.

Tham mưu trưởng của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô về phòng không là Đại tá Aléxhândrô Bôrixôvich Xôcôlốp - hoàn toàn trái ngược với nhân vật I.X. Pudanốp.

Nhóm chuyên gia quân sự phòng không có các nhiệm vụ chính dưới đây:

- Kiểm tra trạng thái kỹ thuật của vũ khí và tư thế sẵn sàng chiến đấu của bộ khí tài tên lửa phòng không;
- Khắc phục những hỏng hóc phức tạp trong các khí tài chiến đấu;
- Giúp đào tạo các khẩu đội chiến đấu;
- Tiến hành các buổi lên lớp với tập thể đơn vị liên quan đến những sự hoàn thiện và những đặc điểm hiệu chỉnh máy móc sau những lần hoàn thiện;
- Giúp khôi phục các bộ khí tài tên lửa phòng không bị hư hỏng trong những cuộc bắn phá của không quân Mỹ;
- Cùng với các chuyên gia Việt Nam thuộc Phòng kỹ thuật của Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam đã tiến hành phân tích những cuộc phóng tên lửa, phân tích các nguyên nhân khiến tên lửa bị rớt, và những biện pháp khác giúp nâng cao hiệu quả của các bộ khí tài tên lửa phòng không.

Từ những ngày đầu tiên có mặt ở Việt Nam nhóm chuyên gia công trình tên lửa chúng tôi - làm việc tại Phòng kỹ thuật của Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam - chủ yếu đã hoạt động vào ban đêm, di chuyển vào các buổi sáng hoặc chiều tối, nghỉ ngơi vào buổi trưa kéo dài không quá bốn giờ.

Trên thực tế, chúng tôi đã vài lần đi xe xuyên suốt dọc ngang toàn bộ đất nước Việt Nam. Chúng tôi đã phối hợp chặt chẽ hoạt động với Phòng kỹ thuật của Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chúng tôi đã có những quan hệ công việc chặt chẽ với các đồng chí Việt Nam. Họ tin cậy chúng tôi, còn chúng tôi thì cố gắng thực hiện trung thực nghĩa vụ quốc tế của mình. Tôi phải nói thật rằng gánh nặng chủ yếu trong công tác duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu cao của khí tài đã trút lên vai các nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc trong các trung đoàn tên lửa phòng không và tất nhiên lên vai những quân nhân Việt Nam phục vụ trong các tiểu đoàn



tên lửa phòng không. Có nhiều khi chính chúng tôi đã học tập ở các bạn Việt Nam kinh nghiệm sử dụng các bộ khí tài tên lửa phòng không trong chiến đấu trong một cuộc chiến thực sự chống lại một kẻ thù hết sức hùng mạnh - Hoa Kỳ.

Tôi muốn đặc biệt nhận xét rằng các sĩ quan và hạ sĩ quan Việt Nam rất chăm chỉ, được đào tạo không tồi trong việc sử dụng thực tế các bộ khí tài tên lửa phòng không.

Họ thành thạo, - như những cỗ máy, - trong việc thao tác các công việc được quy định, họ có thể, bằng trí nhớ, kể ra và chỉ ra bất kỳ điều mục nào, thuộc hết các thông số của mọi tín hiệu hoặc của mọi lệnh, nhưng họ lại hoang mang khi gặp phải một sự hổng hóc phức tạp. Nhưng chỉ cần một lần chỉ ra và cho họ thấy bằng cách nào có thể loại trừ một sự hổng hóc nào đó thì họ ghi nhớ rất lâu. Ngay cả các trắc thủ Liên Xô vận hành thiết bị không phải lúc nào cũng tỏ ra cần mẫn như vậy. Trong đội ngũ các sĩ quan Việt Nam có nhiều chuyên gia giỏi và thành thạo. Đa số họ đã học tại các trường quân sự ở Liên Xô.

Hầu như tất cả các sĩ quan chỉ huy và các chuyên gia đầu đàn đều nói thạo tiếng Nga. Điều này tạo điều kiện dễ dàng hơn cho công việc chung của chúng tôi.

Về phương diện chiến thuật, các đồng chí Việt Nam hành động một cách có hiểu biết, họ tổ chức các cuộc phục kích, đặc biệt ở các tỉnh phía nam. Họ xây dựng các trận địa trong rừng rậm để triển khai các bộ khí tài tên lửa phòng không trên những tuyến có nhiều khả năng bay qua nhất của không quân Mỹ. Sau khi triển khai bộ khí tài tên lửa phòng không tại trận địa mới, chúng tôi đã cùng với họ hiệu chỉnh bộ khí tài. Chỉ sau khi thực hiện xong khâu này mới phóng tên lửa vào tốp máy bay đánh phá.

Chiến thuật này tỏ ra đúng, vì họ đã tính đến tình hình là sau khi phóng tên lửa họ gần như không có cơ hội còn nguyên vẹn. Do vậy, tiểu đoàn phải di chuyển đến trận địa mới. Họ đã giải quyết nhiệm vụ này hết sức xuất sắc. Những ai phục vụ tại các bộ khí tài tên lửa phòng không X-75 thì đều biết rằng những bộ khí tài này rất cồng kềnh, thật vất vả mỗi khi thay đổi hướng quay của nó, đặc biệt ở trong các khu rừng rậm, trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, nhất là trong mùa mưa.

Nhưng, điều làm chúng tôi ngạc nhiên là các bạn Việt Nam đã thực hiện việc này rất nhịp nhàng và nhanh chóng. Nhờ vậy đã bảo vệ được các bộ khí tài tên lửa phòng không, và điều chủ yếu nhất là bảo vệ được con người. Tôi luôn luôn khâm phục trước việc các chàng trai Việt Nam mảnh khảnh ấy đã chịu đựng được những tải trọng lớn không tưởng tượng nổi ấy.

Bắt đầu từ tháng 12-1971 không quân Mỹ càng ngày càng tăng cường độ những cuộc ném bom. Nếu trước đó chúng chỉ ném bom các cơ sở quân sự, thì từ giữa tháng 12 chúng bắt đầu ném bom các xí nghiệp công nghiệp, trường học, bệnh viện và các công trình thủy lợi. Chẳng hạn, ngày 27-12-1971 chúng ném bom một trường học (tỉnh Quảng Bình), có 30 em bị chết; ngày 28-12-1971 chúng ném bom một trường ở thôn Hưng Lộc (tỉnh Nghệ An) làm 3 em học sinh chết, 8 em bị thương.

Số tổn thất của phía Mỹ cũng tăng lên. Tôi xin đưa ra đây các số liệu về số máy bay bị bắn rơi do phía Việt Nam cung cấp, tính từ ngày 26 đến ngày 31-12-1971:

Ngày 26-12 có 5 máy bay bị bắn rơi,

Ngày 27-12 có 1 máy bay bị bắn rơi,

Ngày 28-12 có 3 máy bay bị bắn rơi,

Ngày 29-12 có 1 máy bay bị bắn rơi,

Ngày 31-12 có 7 máy bay bị bắn rơi.

Tháng 4-1972 không quân Mỹ đã dùng máy bay B-52 ném bom ồ ạt vào các khu đông dân của thành phố Hải Phòng và các tỉnh phía nam của Bắc Việt Nam. Trong những lần ném bom tiếp đó không quân Mỹ đã tiến hành ném bom rải thảm xuống các thành phố và làng mạc Việt Nam.

Không phải mọi chuyến đi công tác của chúng tôi đều không bị tổn thất. Ví dụ, vào đêm 25 rạng ngày 26-12-1971 nhóm chúng tôi chuẩn bị khí tài cho Tiểu đoàn 52 thuộc Trung đoàn tên

lửa phòng không 267 để đánh trả các cuộc bắn phá của không quân Mỹ.

Tiểu đoàn 52 được triển khai ở phía nam thành phố Vinh.

Đến sáng, khẩu đội chiến đấu của tiểu đoàn tiến hành kiểm tra hoạt động của đài điều khiển tên lửa và cho đài này phát sóng. Trên màn hình xuất hiện các mục tiêu di chuyển về hướng thành phố Vinh. Lệnh báo động được phát ra. Các bộ phóng cho phát lệnh “khởi động đồng bộ”.

Sau lần phóng tên lửa thứ nhất và thứ hai, các bạn Việt Nam bắt đầu đưa chúng tôi ra khỏi nơi triển khai của tiểu đoàn. Tôi và Thiếu tá V.Đ. Macarôskin dừng lại và bắt đầu quan sát xem các tên lửa được phóng đi như thế nào.

Bất ngờ có một tiếng nổ mạnh ở ngay bên cạnh. Chúng tôi ngã lăn ra đất, mọi vật chung quanh trở thành màu trắng. Có ai đó hét toáng lên rằng bọn Mỹ sử dụng vũ khí hóa học. Chúng tôi lại không có mặt nạ phòng độc.

Sau khi định thần lại đôi chút, chúng tôi bắt đầu đứng dậy và nhìn thấy đất và cây cối chung quanh đều bị phủ một lớp bột trắng; quả tên lửa “Sraico” tự tìm mục tiêu do máy bay Mỹ phóng xuống đã rơi trúng kho phân bón ở cách đài điều khiển tên lửa không xa.

Các bạn Việt Nam chạy tới và kêu to: “Đồng chí Víchto” và còn nói những câu gì đó nữa.

Anh Víchto Macarôskin nằm sóng soài trên mặt đất cách chỗ tôi không xa. Anh ấy bị thương - máu chảy từ lưng ra và từ phía ngực trái. Các bạn Việt Nam băng bó cho anh. Trong biên chế nhóm chuyên gia chúng tôi không có ngay cả một y sĩ, hiển nhiên là để tiết kiệm tiền. Cùng với các bạn Việt Nam, tôi và Thiếu tá Vladimira Nicôlaêvích Mukhin đã đưa đồng chí Víchto đến bệnh xá xã tại một ngôi làng cách thành phố Vinh không xa và chúng tôi luôn có mặt bên cạnh đồng chí ấy. Các chuyên gia Liên Xô khác đã được các bạn Việt Nam đưa đến một nơi an toàn. Các bạn Việt Nam luôn luôn bảo vệ nhóm chuyên gia chúng tôi.

Tôi đặc biệt muốn nói rõ dân chúng địa phương đã có thái độ như thế nào về trường hợp bất hạnh này. Rõ ràng là đài phát thanh đã đưa tin một sĩ quan Liên Xô đã bị thương. Thế là chỉ một giờ sau đó hàng loạt các đoàn đại biểu đến trạm xá xã. Những đoàn đến trạm xá xã gồm có các em trong đội thiếu niên tiên phong và các thầy giáo, các bác nông dân và công nhân, các đại diện bộ chỉ huy Quân khu 4, các vị lãnh đạo thành phố Vinh. Họ bày tỏ sự cảm thông, mang hoa tặng cho người bị thương, đề xuất muốn giúp đỡ người chuyên gia bị thương ấy.

Tôi đặc biệt nhớ một phụ nữ đã đứng tuổi. Mặc dù đã có tuổi và sức khỏe kém, nhưng người phụ nữ ấy vẫn gắng sức đến thăm người chuyên gia bị thương. Người ta nói với tôi rằng người phụ nữ ấy là một trong số những nữ du kích đầu tiên cầm súng đánh bọn thực dân Pháp. Người phụ nữ ấy đã được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và có được một số phần thưởng chiến đấu. Đáng tiếc là tôi đã không ghi lại họ tên của người phụ nữ ấy.

Đồng chí Macarôskin vẫn tỉnh táo. Chúng tôi cảm ơn những người đã đến thăm, cảm ơn sự quan tâm và sự thông cảm của họ. Thế đấy, dân chúng Việt Nam đã dành sự quan tâm như vậy cho một đồng đội của chúng tôi bị thương. Tất cả họ đều nói những lời tốt đẹp về đất nước Liên Xô, bày tỏ lòng biết ơn về sự giúp đỡ trong cuộc chiến đấu chống quân xâm lược.

Viên bác sĩ trưởng của quân y viện Quân khu 4 đã đến trạm xá. Đó là Thiếu tá Trần Quang Vy (Чан Куанг Вий), nữ bác sĩ Trung úy Đào Thị Oanh (ДАО Тий Оанг), Các bác sĩ của Quân y viện Hà Nội, và cùng đến với họ còn có Đại tá Nicôlai Grigôriêvích Rômanốp - bác sĩ phẫu thuật thuộc Viện quân y Tasken.

Đến đêm thì V. Đ. Macarôskin được phẫu thuật. Đáng tiếc là người ta đã không lấy hết được tất cả các mảnh đạn ra khỏi cơ thể đồng chí ấy, vì không có máy chiếu X quang. Khi đồng chí Macarôskin tỉnh dậy sau gây mê, bác sĩ Rômanốp đã chìa cho anh ấy xem hai mảnh đạn đã được gắp ra khỏi cơ thể anh ấy, nhưng đã không nói gì về những mảnh đạn còn nằm lại trong cơ thể.

Đồng chí Macarôskin đã bình phục, cùng với chúng tôi đi công tác thêm nửa năm, hoàn thành tốt nghĩa vụ của mình, nhưng dần dần những cơn đau tăng lên vì các mảnh đạn đã bộc lộ. Vậy là anh ấy đã được chuyển về nước, về vùng ngoại ô Mátxcova. Tại đó, đồng chí ấy còn trải qua 2 lần phẫu thuật. Nhưng vẫn không gắp được hết mảnh đạn, vì chúng nằm ở phần tim và

trong thận. Đồng chí Macarôskin đã phục viên với quân hàm trung tá.

Tôi nghĩ, đồng chí ấy đã thể hiện chủ nghĩa anh hùng đích thực khi vẫn ở lại quân ngũ ngay cả sau khi bị thương. Vì chiến tích ấy, V. Đ. Macarôskin đã được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ.

Tôi còn lưu giữ bức ảnh chụp chung với đồng chí ấy ở khách sạn Kim Liên, trong căn phòng của chúng tôi, sau khi Macarôskin bình phục. Trên tường của căn phòng ấy có treo tấm ảnh của vợ anh ấy.

Cũng còn lưu giữ cả tấm bản đồ Việt Nam do viên sĩ quan chỉ huy Tiểu đoàn tên lửa phòng không 52 tặng cho Macarôskin, tại nơi anh bị thương, trên bản đồ ấy có ghi số hiệu của Trung đoàn tên lửa phòng không.

Năm 2000 tôi đã chụp lại tấm bản đồ này, khi tôi đến thăm anh Víchto Đimitoriêvích tại thành phố Ôrêkhôvô - Duêvô, nơi cư trú của anh ngày ấy.

Tôi cũng không thể không nhắc đến Thượng úy Mikhain Brindicốp. Vào trưa ngày 8-9-1972 anh ấy đã bị thương trong cuộc bắn phá và ném bom của không quân Mỹ vào trận địa của binh chủng tên lửa phòng không ở phía bắc Hà Nội. Khi chạy vào cánh rừng, anh đã rơi vào một địa hình trống trải, và khi chỉ cách bìa rừng vài chục mét, anh đã bị thương, vì anh đã lọt vào vùng bom bi.

Trong bom mẹ thường chứa đến 400 quả bom bi, trong mỗi quả bom bi con lại có đến 400 viên bi.

Sau lần thả bom bi mẹ, chiếc máy bay F-4 ("con ma") vòng lại, bổ nhào một lần nữa và thả quả bom mẹ thứ hai. Vậy là anh Brndicốp lại dính thêm hàng chục mảnh bom nữa. Tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô, các bạn Việt Nam đã hiến máu, nhưng đã không thể cứu được anh ấy. Anh Brndicốp đã mất vào ngày 10-9-1972 tại Hà Nội do các vết thương. Sau 10 ngày, chúng tôi mới đưa quan tài kèm đựng thi hài của anh lên máy bay để đưa về Liên Xô, vì 2 tuần lễ mới có 1 chuyến bay.

Tôi muốn kể thêm về những chuyến đi công tác của chúng tôi đến điểm tận cùng phía nam của Bắc Việt Nam. Do những cuộc ném bom ngày càng gia tăng cường độ, cho nên những chuyến đi của chúng tôi về phía nam đã diễn ra trong những điều kiện cực kỳ gian khổ. Không quân Mỹ bắt đầu ném bom ở khắp không chỉ các thành phố và làng mạc, mà chúng còn ném bom, bắn phá cả các cây cầu và những tuyến đường chiến lược.

Chúng tôi càng di chuyển về phía nam theo con đường số 1 các bạn Việt Nam gọi đường số 1 là "con đường sống" - thì lại càng thường xuyên gặp những hố bom và hố đạn hoàn toàn mới xuất hiện.

Có hàng nghìn phụ nữ và các cô gái trẻ làm việc trong việc khôi phục những con đường vừa bị tàn phá và xây dựng những con đường mới. Một số người dùng trâu, bò và xe đạp thồ để chuyển đất đá, những người khác thì dùng tay đập vỡ những tảng đá ấy, số người còn lại thì dùng đòn gánh quẩy các sọt đựng đá dăm.

Chiếc xe "UAZ" của chúng tôi leo từ từ lên núi. Phiên dịch viên Tuấn (Тяан) kể cho chúng tôi nghe về con đèo duy nhất trên đường số 1 - Đèo Lộc. Anh ấy cho biết bọn Mỹ ném bom con đèo này cả ngày lẫn đêm đã mấy năm liền. Chúng tôi hỏi anh: tại sao giờ đây máy bay Mỹ lại không ném bom con đèo này. Anh Tuấn mỉm cười và bảo rằng giờ này các phi công Mỹ đang nghỉ ăn trưa, sau giờ nghỉ trưa chúng sẽ tới.

Tôi đặc biệt còn nhớ các cô gái ngồi trên đỉnh một quả đồi. Các cô có nhiệm vụ quan sát các quả bom được máy bay thả xuống. Bọn Mỹ đã thả nhiều bom nổ chậm. Các cô gái ấy quan sát những quả bom đang rơi. Nếu chúng không nổ thì một cô gái phải chạy đến đó để đánh dấu chỗ quả bom rơi.

Mới đây, tại Cung Hữu nghị, nhân dịp kỷ niệm 28 năm Ngày toàn thắng của Việt Nam, các nghệ sĩ Việt Nam đã trình bày bài hát nói về những cô gái anh hùng ấy. Ngày nay ở ngã ba Đèo Lộc huyền thoại, người ta đã dựng một đài tưởng niệm. Vào thời kỳ ấy tôi đã có dịp 3 lần đi trên con đèo này.

Tôi còn lưu giữ những hồi ức tốt đẹp về Việt Nam, về dân tộc Việt Nam, về tất cả những người công dân nước chúng ta đã có mặt trong những ngày gian khổ ấy bên cạnh dân tộc anh hùng ấy. Tôi hy vọng rằng quan hệ hữu nghị truyền thống ấy sẽ được gìn giữ.

Khimki, ngày 18-5-2003.

\*\*\*

# THƯỢNG TƯỚNG KHIUPÊNEN ANATÔLI IVANÔVÍCH, Giáo sư tiến sĩ khoa học quân sự.

Ông sinh ngày 25-12-1928 tại thành phố Leningrát, trong một gia đình công nhân.

Năm 1947 ông tốt nghiệp trường đào tạo pháo binh Leningrát, năm 1950 ông tốt nghiệp Trường pháo binh Leningrát số 2.

Năm 1961 ông tốt nghiệp Học viện sĩ quan pháo binh.

Ông đã trải qua cuộc đời phục vụ quân ngũ từ chức vụ chỉ huy trung đội đến chức vụ Tư lệnh tập đoàn quân phòng không độc lập, Tư lệnh Binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô.

Năm 1991 ông kết thúc cuộc đời phục vụ quân ngũ với chức vụ Giám đốc Học viện sĩ quan Cờ đỏ của Binh chủng phòng không Liên Xô mang tên Nguyên soái Giucốp.

Từ năm 1995 ông là Chủ tịch Hội đồng thống nhất Liên hiệp cựu chiến binh của Binh chủng phòng không.

Từ tháng 12-1972 đến tháng 1-1975 ông đã tham gia công cuộc giúp đỡ quốc tế dành cho nhân dân Việt Nam, với cương vị Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ông đã được tặng thưởng các Huân chương Cờ đỏ, Sao đỏ, Cờ đỏ Lao động, Vì phục vụ Tổ quốc trong các lực lượng vũ trang Liên Xô hạng II và hạng III, Huân chương Chiến công hạng I (của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) và 29 huy chương.

# GIAI ĐOẠN KẾT THÚC CỦA CUỘC CHIẾN TRANH TRÊN KHÔNG

Những năm tháng qua đi nhanh chóng, và như lời một bài hát, chúng ta không kịp chạy theo - "...hết năm này lại đến năm khác cứ trôi đi". Vậy là hơn 30 năm đã trôi qua sau sự kiện có lẽ mang ý nghĩa tuyệt vời nhất trong cuộc đời tôi cuộc đời của một quân nhân chuyên nghiệp, của một chiến binh thuộc Binh chủng phòng không của đất nước chúng ta.

Xin kể theo trật tự..

Tháng 2-1972. Sở chỉ huy của quân đoàn độc lập thuộc Binh chủng phòng không. Những buổi huấn luyện. Tư lệnh tập đoàn quân này là Thượng tướng P. Ph. Sêvêlêp đã dùng máy bảo mật chuyên dùng để trao đổi với Tổng tư lệnh Binh chủng phòng không Liên Xô, Nguyên soái Liên Xô P. Ph. Batixki, và cung cấp ý kiến nhận xét tốt về một người nào đó, đề nghị không đùng đến người sĩ quan ấy, hãy để sĩ quan ấy tiếp tục phục vụ trong tập đoàn quân này vì lý do là thời gian đảm nhiệm chức vụ còn chưa nhiều.

Sau khi kết thúc báo cáo, Tư lệnh tập đoàn quân Sêvêlêp đưa tôi vào phòng làm việc của mình, truyền đạt quyết định của Tổng tư lệnh Binh chủng phòng không về việc phái tôi tham gia vào chuyển công tác đặc biệt - làm Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và hỏi ý kiến tôi.

Bước ngoặt ấy trong cuộc đời phục vụ quân ngũ của tôi thật hoàn toàn bất ngờ.

Thứ nhất, tôi chỉ mới có 8 tháng (gồm cả thời gian nghỉ phép) ở chức vụ Phó Tư lệnh thứ nhất của Tập đoàn quân độc lập thuộc Binh chủng phòng không Liên Xô.

Thứ hai, chức vụ Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chức vụ cực kỳ trọng trách không chỉ về phương diện quân sự, mà cả trên phương diện chính trị và là chức vụ được đảm nhiệm bởi các viên tướng của Binh chủng phòng không Liên Xô đã trải qua trường học to lớn là phục vụ quân đội với các chức vụ rất quan trọng và đã có kinh nghiệm của cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Tôi chỉ có thể đưa ra một câu trả lời: "Tôi sẽ không phụ sự tin cậy".

Chúng tôi (tôi và vợ tôi, bà Valentina Pêtrôpna) đã trải qua đợt kiểm tra y tế, sau đó trải qua sự kiểm tra của Hội đồng quân sự của Binh chủng phòng không Liên Xô và qua những cấp có thẩm quyền khác.

Từ ngày 1-4 tôi theo học khóa học 3 tháng thuộc Học viện ngoại ngữ của quân đội. Tiện đây xin nói thêm, việc tổ chức các khoá học này là quyết định sáng suốt của vị Tổng tham mưu trưởng Các lực lượng vũ trang Liên Xô, Đại tướng V. G. Culicốp. Các khóa học này cung cấp những kiến thức cần thiết cơ bản về đất nước sẽ đến: chế độ nhà nước và chế độ chính trị, kinh tế, chính trị, lực lượng vũ trang, những đặc điểm về điều kiện địa lý, thiên nhiên và khí hậu, ngôn ngữ, v.v.. Những kiến thức này cần thiết ngay trong những giờ đầu tiên có mặt tại nước sở tại, trong cuộc làm quen đầu tiên với những quân nhân dưới quyền.

Sau đó là nghỉ phép, 10 ngày nhận các chỉ thị và hướng dẫn tại Tổng cục 10 của Bộ Tổng tham mưu. Ngày 14-12-1972 tôi đáp máy bay sang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau suốt một ngày đêm bay một mạch bằng máy bay IL-18 theo lộ trình Mátxcova - Tasken - Đêli - Cancútta - Rănggun - Viêng Chăn - Hà Nội, đến sáng ngày 15-12 chúng tôi đã tới thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Thành phố Hà Nội (sân bay Gia Lâm). Sau Mátxcova đông giá thì ở đây cảm thấy ấm áp lạ thường và thậm chí có phần ngột ngạt, nắng chói chang.

Đã diễn ra cuộc đón tiếp ấm áp tại sân bay với các đại diện của Quân đội nhân dân Việt Nam, với Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô, Tướng Mácximencô, làm thủ tục các giấy tờ, đi xe về Hà Nội. Trên dọc đường đi có dịp làm quen lần đầu tiên với hậu quả các cuộc ném bom của không quân Mỹ vào các vùng ngoại thành, các xí nghiệp, cây cầu bắc qua sông Hồng và vào các mục tiêu khác. Chúng tôi đã tận mắt nhìn thấy những hành động dã man của bọn thực dân mới Hoa Kỳ. Ngay từ những giờ đầu tiên có mặt ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, những gì được nhìn thấy đã buộc tôi phải đánh giá theo cách mới đối với quan niệm về cuộc xung đột vũ trang ở Đông Nam Á.

Chúng tôi thu xếp chỗ ở tại khách sạn. Sau đó là buổi giới thiệu tôi với vị Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Liên Xô tại Hà Nội Iliá Xécghêêvích Sécbacốp, với tùy viên quân sự và với các cán bộ trong Sứ quán Liên Xô và của các nhóm đại diện. Cuộc làm quen với thành phần nhân sự trong bộ máy của Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô. Đâu đâu cũng thấy bầu không khí thân thiện, cố gắng nói rõ tình hình (quân sự, chính trị, kinh tế) của Việt Nam và nói chung ở Đông - Nam Á. Đến tối Đại sứ tổ chức buổi đón tiếp nhỏ. .

Sang ngày hôm sau là cuộc gặp mặt với Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thiếu tướng Phùng Thế Tài, sau đó ít lâu là cuộc gặp mặt với Tổng Tham mưu trưởng, Đại tướng Văn Tiến Dũng. Phía Việt Nam đánh giá cao các chuyên gia quân sự Liên Xô và bày tỏ lòng biết ơn về sự giúp đỡ dành cho nước Việt Nam anh em và bày tỏ mong muốn tiếp tục các truyền thống đó.

Ngày 17-12 đã diễn ra cuộc gặp với Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tá Lê Văn Tri và Chính ủy, Đại tá Hoàng Phương (Хоанг Фьонг). Tại buổi gặp này đã có sự đánh giá cao và cụ thể về hoạt động của các chuyên gia quân sự Liên Xô trong Binh chủng phòng không - không quân, đã đề cập đến khả năng những cuộc bắn phá của máy bay sẽ được tiếp tục trong những ngày tới đây và về quyết định đánh trả những cuộc bắn phá ấy. Sau đó bữa chiêu đãi cơm tối đã diễn ra trong bầu không khí thân mật. Trong buổi chiêu đãi này tôi đã được giới thiệu các món ăn Việt Nam và tôi đã thích những món ăn đó.

Buổi chiều tối (khoảng 19 giờ) ngày 18-12, trong lúc diễn ra cuộc tiếp đón của Bộ trưởng Quốc phòng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã vang lên còi báo động máy bay địch. Không quân Mỹ đã mở đầu chiến dịch trên không mang tên "Lainơ Béchơ - 2" bằng một trận bắn phá ồ ạt mà lực lượng nòng cốt của trận bắn phá này là những máy bay ném bom chiến lược B-52.

Bất giác tôi nhớ lại tháng 9-1941, Leningrát, cuộc dội bom ồ ạt của không quân Đức vào thành phố thân yêu của tôi tiếng nổ của những trái bom, tiếng nổ vang dậy, những sự tàn phá. Thoạt đầu cảm thấy sợ. Còn giờ đây vẫn lại đứng dưới làn bom rơi, hơn nữa lại là những quả bom của một nước "văn minh" nhất thế giới. Những quả bom giờ đây có sức công phá lớn hơn nhiều so với những quả bom trong cuộc chiến tranh ngày trước. Có thể hình dung được những quả bom ấy gây nên những sự tàn phá như thế nào, nỗi khủng khiếp như thế nào đối với dân thường, những người dân hoàn toàn chẳng có tội tình gì.

Vào lúc 12 giờ ngày 19-12 chúng tôi đã sơ bộ tổng kết cuộc đánh trả của binh chủng phòng không - không quân của Việt Nam chống lại 3 cuộc đánh phá dữ dội ban đêm của không quân chiến lược. Tổng cộng đã bắn rơi 5 máy bay: 2 chiếc B-52, 2 chiếc F-4, 1 chiếc F-111.

Chúng tôi đã tiến hành phân tích cặn kẽ các hoạt động tác chiến, nêu lên những điểm tích cực cũng như những điểm thiếu sót trong hoạt động của sở chỉ huy và của các khẩu đội binh chủng phòng không - không quân, đưa ra những đề xuất, đặc biệt trong vấn đề điều khiển của các khẩu đội thuộc sở chỉ huy của các trung đoàn.

Thời kỳ phục vụ quân ngũ của tôi ở Việt Nam mở đầu như vậy. Đến nay, khi người ta hỏi tôi: "Đồng chí có những ấn tượng ban đầu như thế nào về thời gian có mặt ở Việt Nam?" thì tôi trả lời bằng một câu hỏi: Tại sao, trên cơ sở pháp lý nào mà ban lãnh đạo chính trị - quân sự của nước Mỹ lại quyết định gây ra cuộc chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sử dụng những phương pháp man rợ chống lại nhân dân Việt Nam? Phải chăng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nhân dân Việt Nam đã đe dọa nền độc lập của Hoa Kỳ, phải chăng họ có thể dùng biện pháp kinh tế và quân sự để xâm chiếm và nô dịch nhân dân Mỹ? Thật là điều ngu xuẩn, điên rồ. Những nguyên nhân và những nhân tố quyết định cuộc xâm lược của Mỹ ở Việt Nam lại nằm ở chỗ khác.

Thứ nhất, đó là những tài nguyên kinh tế, chính là các tài nguyên thiên nhiên (thiếc, chì, cao su, vàng, than đá, dầu mỏ, v. v.).

Thứ hai, đó là vị trí hết sức quan trọng về mặt chiến lược - quân sự của nước Việt Nam trong khu vực Đông - Nam Á. Cự đại sứ Mỹ ở Sài Gòn - Cabốt Lốt - năm 1965 đã tuyên bố như sau:

"Ai nắm Việt Nam trong tay mình thì người ấy có cơ hội quyết định tương lai của Philippin

và Đài Loan - ở phía đông, nắm được Thái Lan và Mianma với lúa gạo dồi dào - ở phía tây, nắm được Malaixia và Indônêxia với nguồn cao su và thiếc - ở phía nam”.

Đối với Mỹ, nếu để mất ảnh hưởng của mình tại các nước Đông Dương thì có nghĩa là bị mất đi chính trái tim của Đông - Nam Á và phá vỡ mắt xích trung tâm quan trọng nhất trong hệ thống to lớn các căn cứ quân sự mà Mỹ đã phủ lên các nước thuộc khu vực này của thế giới, như một mạng nhện.

Sau hết, đó là những nhân tố mang tính chất chính trị. Đông Dương là khu vực mà tại đó chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã quyết định giáng đòn chủ yếu vào phong trào giải phóng dân tộc, bởi vì chính ở đây phong trào này có quy mô gây đe dọa cho chủ nghĩa đế quốc và có thể - bằng sức mạnh nêu gương của mình - khởi động tất cả những nước khác ở Đông - Nam Á.

Việt Nam (Đông Dương) là nơi xung đột giữa lợi ích của chủ nghĩa xã hội và những ý đồ xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Tướng Mỹ Taylo, sau này là Đại sứ Mỹ ở Nam Việt Nam, một trong số những kẻ khởi xướng gây ra cuộc xung đột quân sự này, đã từng tuyên bố. “Tại khu vực này chúng ta giao chiến với hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và đặc biệt với phong trào giải phóng dân tộc. Nếu chúng ta bẻ gãy cổ người Việt Nam thì chúng ta bẻ gãy cổ được phong trào giải phóng dân tộc và làm cho các nước nhỏ phải sợ hãi”.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nước xã hội chủ nghĩa và cố gắng truyền bá những tư tưởng xã hội chủ nghĩa ra toàn cõi Việt Nam. Về phía mình, chính quyền Sài Gòn lại có tham vọng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Như vậy, tại đây có sự đụng độ giữa những lợi ích của các nước lớn nhất trên thế giới (Liên Xô, Mỹ và Trung Quốc) và những lợi ích của chính các dân tộc ở Việt Nam.

Cuộc chiến tranh ở Việt Nam được mở đầu như một cuộc nội chiến (giữa Bắc và Nam). Hoa Kỳ đã ủng hộ chế độ Sài Gòn bù nhìn, đã khai thác mọi con đường gián tiếp để ủng hộ nó và tổ chức cuộc xâm nhập trực tiếp bằng quân sự vào Nam Việt Nam. Đồng thời chúng tiến hành việc này một cách trắng trợn. Về phần mình Liên Xô bắt đầu sự giúp đỡ toàn diện và ủng hộ toàn diện dành cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, về phương diện chính trị, kinh tế và quân sự.

Điều hợp lý là nhớ lại lịch sử cuộc xâm lược của Mỹ ở Đông Dương

Chủ nghĩa đế quốc Mỹ bắt đầu xâm nhập vào Đông Dương ngay từ ngày thực dân Pháp còn thống trị tại đó - trong thời kỳ nổ ra cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào những năm 1946 - 1954. Dưới thời Tổng thống Truman nước Mỹ đã giúp bọn thực dân Pháp bằng những nguồn tài chính to lớn. Dưới thời Tổng thống Aisenhao, sự can thiệp mang những hình thức rõ rệt hơn: Mỹ đã hoàn toàn thay thế Pháp và tự đảm nhận vai trò trực tiếp mở rộng xâm lược.

Ngay từ năm 1955 tại Sài Gòn đã thiết lập chế độ bù nhìn của Ngô Đình Diệm. Tên Ngô Đình Diệm đã đề nghị Mỹ đưa quân vào Nam Việt Nam. Năm 1962 số lượng quân nhân Mỹ ở Nam Việt Nam đã là 5.576 người, đến tháng 10-1963 đã lên đến con số 16,7 nghìn.

Năm 1963 Mỹ mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Các chiến hạm thuộc Hạm đội 7 của Mỹ bắt đầu tiến hành những vụ khiêu khích quân sự trực tiếp trong Vịnh Bắc Bộ. Những cuộc khiêu khích này, đến ngày 5-8-1965, đã biến thành những cuộc ném bom của không quân Mỹ đánh vào các mục tiêu trên bờ thuộc lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 5-1965 Mỹ đã đảm nhận thực hiện trực tiếp những hoạt động tác chiến chống lại Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tăng cường áp lực quân sự trực tiếp lên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Vậy là đã bắt đầu cuộc kháng chiến lần thứ hai của nhân dân Việt Nam, nhưng giờ đây là cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Năm 1968 tại Nam Việt Nam đã tập trung một khối lượng to lớn về lực lượng và phương tiện: 520 nghìn quân Mỹ, 59 nghìn quân của Ôxtrâyli, Nam Triều Tiên, Thái Lan. Ngoài ra, quân đội riêng của Sài Gòn có 750 nghìn người.

Mặc dù vậy, năm 1968 lực lượng của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, với sự giúp đỡ và ủng hộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã triển khai cuộc tấn công mạnh mẽ. Chính sách “bình định” đã hoàn toàn bị phá sản. Tại Pari, vào tháng 5-1968 đã bắt đầu



diễn ra cuộc đàm phán. Từ ngày 1-11-1968 những cuộc ném bom bắn phá Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chấm dứt (sau này được biết chỉ là tạm thời).

Tổng thống Níchxơn đề ra chủ trương mới, cái gọi là “học thuyết Guyam”. Học thuyết Níchxơn là sự thể hiện tập trung những nguyên tắc của chủ nghĩa thực dân mới hiện đại. Trên phương diện chính trị - quân sự học thuyết này đề ra chiến lược mới đối với Đông Dương. Thực chất của chiến lược này là tiến hành chiến tranh chống Việt Nam bằng sức của chính người Việt Nam. Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn Bancơ đã giải thích mục tiêu của “Việt Nam hóa” là “thay màu da của những xác chết”.

Mặt khác, Oasinhton tìm cách rút một bộ phận quân Mỹ, “giảm chi phí” cuộc chiến tranh, làm diu dư luận xã hội (từ tháng 1-1961 đến tháng 3-1973 Mỹ đã bị tổn thất ở Việt Nam hơn 57 nghìn nhân mạng, gần 2 nghìn người bị mất tích và hơn 300 nghìn người bị thương. Đây là số tổn thất lớn hơn 10 lần so với số tổn thất của Mỹ trong Chiến tranh thế giới thứ hai). Hy vọng chủ yếu nhằm vào việc vũ trang lại cho quân đội Sài Gòn bằng những kỹ thuật quân sự hiện đại. Trong hai năm “Việt Nam hóa” tổng quân số đã tăng lên thành 1.050 nghìn người.

Mỹ đã rút bộ binh, nhưng tăng cường lực lượng không quân và hạm đội. Từ năm 1969 đến năm 1972 Mỹ đã cung cấp cho chế độ Sài Gòn: 574 máy bay, 863 trực thăng, 580 xe tăng, 1200 khẩu pháo và súng cối, 60000 ô tô, 1800 xe vận tải bọc thép. Từ ngày 1-1-1961 đến 27-1-1973 tổng cộng Mỹ đã chi phí cho cuộc chiến tranh Việt Nam 140 tỷ đô la.

- Sự giúp đỡ của Liên Xô (chống xâm lược Mỹ)

Đáp lại đề nghị của ban lãnh đạo Bắc Việt Nam đề nghị ban lãnh đạo của Liên Xô giúp đỡ đánh trả cuộc xâm lược của Mỹ, Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã quyết định dành sự giúp đỡ toàn diện cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trên cơ sở quyết định này đã thành lập Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô để cử sang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việc thành lập Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô bắt đầu được tiến hành từ mùa xuân 1965 trên cơ sở các quân khu phòng không Mátxcova và Bacu. Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đầu tiên (gần 100 người) đã tới Việt Nam vào tháng 4-1965.

Thời kỳ đầu Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô là Trưởng nhóm chuyên gia quân sự về tên lửa phòng không, Đại tá A. M. Đứđa, từ tháng 9-1965 Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam là Thiếu tướng G. A. Bêlốp.

Đến cuối năm 1966 số lượng chuyên gia quân sự Liên Xô hoạt động tại 4 trung tâm huấn luyện đã lên đến 786 người. Sau này, trong thành phần Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô còn có cả các phi công, lực lượng kỹ thuật - kỹ sư các chuyên gia hải quân, chuyên gia xe tăng, các chuyên gia y tế. Trong thời gian chưa đầy một năm các chuyên gia quân sự Liên Xô đã huấn luyện và đào tạo 10 trung đoàn tên lửa phòng không, 3 trung đoàn kỹ thuật vô tuyến, 2 trung đoàn không quân tiêm kích.

Việc huấn luyện các chiến sĩ tên lửa Việt Nam được thực hiện theo phương châm gấp rút, với nguyên tắc “hãy làm theo tôi”. Mặc dù có những khó khăn và phức tạp trong việc đào tạo, nhưng đến ngày 24-7-1965 các khẩu đội Liên Xô đã bắn rơi 3 máy bay Mỹ. Phía Mỹ đã bị sốc. Đã chấm dứt sự thống trị trên bầu trời và những cuộc ném bom không bị trừng phạt xuống các cơ sở của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Những trận đánh đầu tiên do các khẩu đội Liên Xô thực hiện, còn các quân nhân Việt Nam, tuy tham gia vào tất cả các trận chiến đấu, nhưng trong tư cách thực tập và các trắc thủ dự phòng. Trong các trận đánh sau đó tất cả các công đoạn chuẩn bị phóng tên lửa và điều khiển tên lửa do các khẩu đội Việt Nam thực hiện, còn các chuyên gia tên lửa Liên Xô thì bọc lót cho họ, nhanh chóng sửa chữa các sai sót và khắc phục những trục trặc phát sinh. Trong các trung đoàn tên lửa phòng không đã đi vào hoạt động có những nhóm nhỏ các chuyên gia quân sự Liên Xô ở lại giúp, gồm 10 - 15 người.

Các chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc tại các trường huấn luyện quân sự của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo đội ngũ nhân lực của Binh chủng phòng không - không quân của Việt Nam. Chỉ trong thời gian 1966 - 1967 tại các trung

tâm huấn luyện tại Liên Xô đã có 5 trung đoàn tên lửa phòng không của Việt Nam được đào tạo, với tổng số khoảng 3000 người.

Trong các hoạt động tác chiến bản thân các chuyên gia quân sự Liên Xô lần đầu tiên đối mặt với kẻ địch như vậy trên bầu trời. Họ đã đưa ra những khuyến cáo và những chỉ dẫn về quy tắc bắn: bắn vào các mục tiêu cơ động, bắn vào các mục tiêu trong điều kiện địch sử dụng các kiểu gây nhiễu, trong điều kiện địch sử dụng các loại bom được la de chỉ thị mục tiêu, bắn tên lửa trong điều kiện đối phó với các phương tiện chống tên lửa của ta, như loại tên lửa không đối đất "Sraico" (Standar ARM) về kỹ thuật ngụy trang, kỹ thuật xây dựng các trận địa, di chuyển, cơ động các bộ khí tài tên lửa phòng không và về những vấn đề khác về tổ chức và tiến hành các trận chiến đấu chống máy bay và các trận chiến đấu trên không.

Nhằm giảm bớt tổn thất về lực lượng phi công, từ năm 1969 bộ chỉ huy của Mỹ bắt đầu sử dụng nhiều hơn các loại máy bay không người lái để trinh sát từ trên không đối với toàn lãnh thổ Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Trong điều kiện địch tích cực sử dụng các hình thức gây nhiễu và các máy bay không người lái bay ở tầm thấp nhất, hiệu suất bắn trúng của các tên lửa phòng không vào mục tiêu máy bay không người lái là 15 tên lửa trên một mục tiêu bị tiêu diệt. Đồng thời, bộ chỉ huy Binh chủng phòng không - không quân của quân đội nhân dân Việt Nam cũng có những hoài nghi nhất định về những khả năng chiến đấu của bộ khí tài tên lửa phòng không X-57 trong việc tiêu diệt các mục tiêu loại đó.

Cho nên, cần phải thực hiện tại chỗ các biện pháp nâng cao hiệu quả của các bộ khí tài tên lửa phòng không và khôi phục uy tín của các phương tiện kỹ thuật quân sự của Liên Xô. Nhằm mục đích này, Tham mưu trưởng của nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô về tên lửa phòng không, Đại tá E. M. Antônốp và là chuyên gia bên cạnh Tham mưu trưởng Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam (sau này là Thiếu tướng, tiến sĩ khoa học quân sự, giáo sư) ngay trong tháng đầu tiên đến làm việc đã thực hiện một cuộc phân tích cặn kẽ những lần phóng tên lửa chiến đấu trong năm 1969, đã đề xuất những khuyến cáo khắc phục các khiếm khuyết được phát hiện trong hoạt động tác chiến của các bộ khí tài tên lửa phòng không.

Tháng 11-1969 ông đã trình bày những kết quả phân tích và đưa ra những khuyến cáo tương ứng tại các cuộc họp chuyên môn của các trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc tại các trung đoàn tên lửa phòng không. Trước đây cũng đã có nêu ra một loạt nguyên nhân đã được phát hiện gây ra hiệu suất thấp của các phương tiện phòng không. Tuy nhiên, sự thay thế định kỳ các chuyên gia quân sự Liên Xô đã có kinh nghiệm chiến đấu bằng những chuyên gia quân sự Liên Xô mới tới và chưa quen với những điều kiện tác chiến tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và trong một số trường hợp là thái độ đòi hỏi chưa đầy đủ đối với các khẩu đội chiến đấu người Việt trong các tiểu đoàn tên lửa phòng không, - tất cả những yếu tố đó, trên một mức độ nào đó, đã làm giảm hiệu quả của những lần phóng tên lửa. Ngoài ra, kẻ địch trên không cũng bắt đầu sử dụng những thủ đoạn chiến thuật mới trong việc khắc phục tầm bắn của bộ đội tên lửa phòng không.

Sau khi tiến hành các cuộc họp chuyên môn kể trên với các chuyên gia quân sự Liên Xô tại Hà Nội, đã diễn ra rất nhiều buổi lên lớp về quy tắc bắn tên lửa vào các mục tiêu bay ở tầm thấp trong những điều kiện phức tạp và về những vấn đề cấp bách nhất của lý thuyết bắn tên lửa phòng không có điều khiển. Các Trung tá V. A. Gudê và E. M. Antônốp đã chuẩn bị và tiến hành những buổi lên lớp với bộ chỉ huy Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong một thời gian sớm nhất, kết quả của những biện pháp được đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả chiến đấu của bộ đội tên lửa phòng không đã bắt đầu bộc lộ. Đã có 20 máy bay không người lái bị tiêu diệt trong một thời gian ngắn, hiệu suất đạt được lên tới 8 tên lửa trên một mục tiêu bị tiêu diệt, có một máy bay ném bom chiến lược (B-52) bị tiêu diệt, trong điều kiện có gây nhiễu tích cực, bởi quả tên lửa đuổi theo (đây là lần đầu tiên trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam).

Khi xác định cung cấp các loại vũ khí và khí tài quân sự bộ linh kiện dự trữ và dụng cụ chuyên dùng, các yếu tố hợp thành, thì người ta đã sử dụng kinh nghiệm do quân đội Liên Xô đã tích lũy được trong việc vận hành và khai thác máy móc thiết bị trong những điều kiện khí hậu khác nhau của Liên Xô. Bộ Tổng tham mưu Bình chủng phòng không Liên Xô, bộ đội công trình tên lửa, bộ đội kỹ thuật vô tuyến của Bình chủng phòng không Liên Xô đã luôn luôn duy trì liên hệ với Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về các vấn đề vận hành và khai thác, cũng như sử dụng các bộ khí tài tên lửa phòng không và các bộ khí tài ra đũa trong chiến đấu.

Cần nêu rõ hoạt động có hiệu quả - xin nói thẳng rằng trong những điều kiện như vậy thì hoạt động này mang tinh thần anh hùng - của các đại diện nền công nghiệp quốc phòng trong việc khôi phục các phương tiện kỹ thuật bị hư hại, và chủ yếu là trong việc hiện đại hóa những phương tiện kỹ thuật ấy. Hơn 7 năm trời đồng chí Ivan Pêtrôvích Sápcur đã lãnh đạo đội quân công nghiệp quốc phòng. Lao động của ông đã được đánh giá xứng đáng bằng những phần thưởng cao quý của Liên Xô. Còn Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì đã tặng Huân chương Chiến công cao quý với tất cả các hạng cho đồng chí Sápcur. Đồng chí là người duy nhất ở Liên Xô nhận được loại huân chương ấy với cả ba hạng (đồng chí đã mất vào tháng 10-2003).

Tổng cục 4 của Bộ Quốc phòng Liên Xô và cá nhân Cục trưởng Cục 1, Trung tướng M. I. Vôrôbiép đã thật sự chú ý đến vấn đề đảm bảo cung cấp liên tục vũ khí và các phương tiện kỹ thuật quân sự, chất lượng của vũ khí và việc lựa chọn vũ khí cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng chí Vôrôbiép đã nhiều lần sang Việt Nam với nhóm cán bộ công nghiệp quốc phòng và các chuyên gia thuộc Tổng cục 4 của Bộ Quốc phòng Liên Xô. Những công lao của đồng chí Vôrôbiép cũng đã được đánh giá bằng những phần thưởng cao quý của Liên Xô và của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bộ Tổng tham mưu Bình chủng phòng không Liên Xô đã dành sự giúp đỡ có hiệu quả cho Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô. Để thực hiện điều này, vào những thời kỳ tác chiến Bộ Tổng tham mưu đã cử các nhóm tướng lĩnh và các sĩ quan sang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Kinh nghiệm chiến đấu tại Việt Nam đã được đem ra nghiên cứu trong các đơn vị thuộc Bình chủng phòng không của Liên Xô. Tổng Tư lệnh Bình chủng phòng không của Liên Xô đã ra lệnh thành lập một ủy ban chuyên trách vấn đề này, đứng đầu là Phó Tư lệnh Bình chủng tên lửa phòng không, Trung tướng X. Ph. Vikhorơ. Đã có những thay đổi trong các văn bản quy chuẩn, các phương tiện kỹ thuật quân sự của Liên Xô được hiện đại hóa.

Tổng Tư lệnh Bình chủng phòng không Liên Xô, Nguyên soái Liên Xô P. Ph. Batixki (ông đã có vài lần thăm Việt Nam), Tổng Tham mưu trưởng, Thượng tướng V. Đ. Xôdinốp, các tướng Ph. M. Bônđarencô, X. Ph. Vikhorơ, A. C. Vancốp đã có đóng góp to lớn vào việc hình thành Bình chủng phòng không - không quân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ ngày 11-7-1965 đến ngày 3-12-1974 đã có 6359 tướng lĩnh và sĩ quan và gần 4,5 nghìn binh sĩ và hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang Liên Xô tham gia chiến đấu trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

- Giai đoạn kết thúc cuộc xâm lược của Mỹ tại Việt Nam. Năm 1972 tình hình ở Việt Nam đã trở nên căng thẳng rõ rệt.

Ngày 30-3-1972 bộ đội của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chuyển sang tấn công ở miền Nam Việt Nam trên 3 hướng: hướng bắc, hướng trung tâm và hướng nam. Trong giai đoạn đầu họ đã giành được những thắng lợi đáng kể. Phía Mỹ đáp lại bằng hành động mở rộng phạm vi hoạt động của không quân ra toàn lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 15-4 Mỹ đã thực hiện phong tỏa đường biển (thả thủy lôi) của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại cảng Hải Phòng có 18 tàu biển nước ngoài bị phong tỏa, trong số đó có 10 tàu của Liên Xô. Tình hình của các lực lượng yêu nước trở nên phức tạp. Với sự yểm trợ của không quân Mỹ, quân đội Sài Gòn đã có sự kháng cự quyết liệt. Tổng thống Níchxon (trước khi diễn ra cuộc bầu cử) đã quyết định leo thang chiến tranh.

Từ tháng 6, chiến sự ở miền Nam Việt Nam có tính chất kéo dài. Sau khi đã có được những thắng lợi nhất định và mong muốn củng cố những thắng lợi ấy bằng con đường ngoại giao, ban lãnh đạo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và của Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã đưa ra sáng kiến hòa bình mới.

Tại Pari cuộc đàm phán lại được nối lại. Cả hai phía đều đã có những nỗ lực to lớn. Dự thảo Hiệp định đã được thảo xong, nhưng việc ký kết bị kéo dài. Lợi dụng thời gian tạm ngừng bắn, Mỹ đã tăng cường giúp đỡ cho chế độ Sài Gòn, cung cấp cho nó gần 600 máy bay và trực thăng, hơn 10 nghìn tấn trang thiết bị các loại.

Ở giai đoạn chót của cuộc đàm phán, phía Mỹ đã đưa ra một loạt điểm sửa đổi không thể chấp nhận được đối với các đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngày 13-12 Mỹ đã đình chỉ cuộc đàm phán, hứa sẽ trừng phạt Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và sẽ buộc Chính phủ Bắc Việt Nam phải ký bản hiệp ước với những điều kiện của Mỹ.

Cuộc chiến trên không của Mỹ chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã bước vào giai đoạn mới. Trên thực tế, Mỹ đã tung ra tất cả những lực lượng không quân và hải quân hiện có của Mỹ ở Đông - Nam Á để chống lại Việt Nam. Các hoạt động tác chiến của lực lượng không quân. Mỹ diễn ra hồi tháng 12-1972 là đỉnh điểm của toàn bộ cuộc chiến trên không của Mỹ - chống lại Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Theo ý đồ của ban lãnh đạo chính trị - quân sự của Mỹ thì những cuộc dội bom dữ dội và ồ ạt vào thủ đô của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Thành phố Hà Nội - và vào những thành phố khác thuộc các tỉnh trung tâm cần phải phá vỡ việc điều khiển đất nước, làm suy sụp tinh thần của nhân dân Việt Nam, bẻ gãy ý chí kháng cự của nhân dân Việt Nam và qua đó buộc ban lãnh đạo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải ký hiệp định theo những điều kiện có lợi cho Mỹ. Đồng thời còn thực hiện nhiệm vụ tiếp tục tàn phá các cơ sở quân sự và kinh tế, các tuyến giao thông, đè bẹp hệ thống phòng không của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Để giải quyết các nhiệm vụ đề ra và để đạt được mục tiêu chính trị cơ bản, bộ chỉ huy của Mỹ tại chiến trường đã thực hiện - từ ngày 18 đến ngày 30-12-1972 - chiến dịch tấn công từ trên không được hoạch định kỹ lưỡng, với việc điều động tất cả lực lượng không quân: không quân chiến lược, không quân chiến thuật và máy bay của hải quân. Tổng cộng trong chiến dịch này đã huy động hơn 800 máy bay chiến đấu, trong đó có 83 máy bay ném bom chiến lược B-52, 36 máy bay chiến thuật F-111, 54 máy bay của hải quân A-7D đã có sẵn tại khu vực chiến trường.

Một bộ phận lực lượng thuộc Hạm đội 7 đã được huy động để đảm bảo chiến dịch trên không này. Hoạt động đánh phá kiểu đơn lẻ (và theo tốp) cũng như những hoạt động tác chiến riêng lẻ đã được thay thế bằng việc sử dụng ồ ạt tất cả các loại máy bay theo kế hoạch thống nhất và theo ý đồ thống nhất, dưới một sự chỉ huy thống nhất với sự phân công rõ ràng các nỗ lực của các loại máy bay căn cứ theo các nhiệm vụ được phân công, theo các khu vực đóng căn cứ và thống nhất theo thời gian.

Chiến dịch trên không này đã được tiến hành có tính đến kinh nghiệm chiến đấu đã tích lũy được, với việc vận dụng các quan điểm mới trong nghệ thuật tác chiến và trong chiến thuật, trong điều hành và đảm bảo cho quân đội. Chiến dịch này cũng là sự thử thách thường lệ và mạnh mẽ nhất đối với vũ khí mới, những thủ đoạn mới và các phương thức tác chiến mới.

Cơ sở của ý đồ chiến dịch ấy là:

- Ngay trong những giờ đầu tiên của chiến dịch phải giành cho được sự thống trị tuyệt đối trên bầu trời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng những trận đánh phá vào các sân bay, phong tỏa các sân bay từ trên không, đè bẹp các phương tiện phòng không;

- Giáng những đòn đánh phá ồ ạt vào cơ sở chủ yếu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Thành phố Hà Nội, cũng như vào cảng Hải Phòng, vào các cơ sở hành chính - công nghiệp và các tuyến giao thông ở các tỉnh trung tâm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có dành một số lực lượng đáng kể để đảm bảo cho các nhóm oanh tạc, dùng pháo trên các chiến hạm thuộc Hạm đội 7

bắn phá vào các mục tiêu dọc bờ biển và các tuyến giao thông;

- Đánh phá liên tục vào các cơ sở (đánh phá cả ngày lẫn đêm).

Chiến dịch trên không này được tiến hành trong hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất - từ 18 đến 24-12, giai đoạn hai - từ 26 đến 30-12. Vào ngày 25-12, Ngày lễ Giáng sinh của các tín đồ Công giáo, đã không ghi nhận được một phi vụ nào của không quân Mỹ trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong giai đoạn đầu, mỗi đêm có 2 - 3 đợt oanh tạc ồ ạt bằng không quân chiến lược, giữa những đợt oanh tạc của không quân chiến lược là các hoạt động của các máy bay tiêm kích - ném bom tối tân nhất F-111, ban ngày thì không quân chiến thuật và các máy bay của hải quân thực hiện các cuộc đánh phá. Trong giai đoạn thứ hai, không quân chiến lược thực hiện 1 - 2 cuộc oanh tạc ồ ạt mỗi ngày. Số lượng đợt oanh tạc giảm đi được bù lại bằng việc tăng số lượng máy bay trong mỗi đợt oanh tạc, từ 26 chiếc tăng lên thành 72 chiếc, mật độ máy bay tăng từ 0,2 chiếc/phút lên thành 1,25 chiếc/phút, thay vì một hướng đã tăng lên thành 2 - 3 hướng bay đột nhập.

Các hướng tác chiến chính là hướng tây và đông - nam. Trong cả chiến dịch đã có 34 đợt oanh tạc ồ ạt được thực hiện, với 2814 lần chiếc (ban đêm có 1910 lần chiếc), cường độ trung bình ngày đêm là 234 lần chiếc (ban đêm là 151 lần chiếc).

Lực lượng oanh tạc chính yếu là không quân chiến lược. Nó tạo thành cơ sở của các cuộc oanh kích ồ ạt của lực lượng không quân và lần đầu tiên không quân chiến lược được sử dụng với số lượng lớn như vậy.

Cấu trúc cuộc oanh tạc của không quân chiến lược gồm:

- Nhóm thứ nhất (các máy bay F-4) - là nhóm gây nhiễu thụ động và phong tỏa các sân bay - bay ở tuyến đầu, bay trước các nhóm máy bay oanh tạc (B-52) 15 phút, ở độ cao 6-7km.

- Nhóm thứ hai (F-105) - là nhóm phát hiện và khống chế các phương tiện phòng không (4 - 6 máy bay được trang bị tên lửa chống tên lửa phòng không kiểu "Sraico", "Standar ARM") - bay trước 1 - 2 phút trước khi xuất hiện các nhóm máy bay oanh tạc mục tiêu, bay ở độ cao 3 - 4km.

- Nhóm thứ ba (F-4) - nhóm này trực tiếp yểm hộ các nhóm oanh tạc (có 2 - 4 máy bay F-4 yểm trợ 1 tốp B-52) - bay ở độ cao 8 - 9km.

- Nhóm thứ tư là nhóm oanh tạc, mỗi tốp gồm 3 chiếc B-52, bay trung bình ở độ cao 10,4km.

Các máy bay chiến thuật và các máy bay của hải quân đảm bảo cho các hoạt động tác chiến (60%), thực hiện các cuộc oanh tạc (36%), tiến hành trinh sát (4%).

Trong chiến dịch kể trên địch đã đặc biệt chú ý đến khâu tổ chức và tiến hành chỉ huy, và đảm bảo toàn diện.

Căn cứ theo kế hoạch thống nhất và ý đồ thống nhất thì công tác chỉ huy chung do trung tâm điều hành cơ động ở Thái Lan đảm nhiệm, công tác chỉ huy các hoạt động chiến đấu thì do Trung tâm chỉ huy tác chiến ở Sài Gòn đảm nhiệm, còn công tác chỉ huy trực tiếp thì do Sở chỉ huy trên không đảm nhiệm.

Khâu đảm bảo bao gồm: trinh sát, khống chế các phương tiện-vô tuyến - điện tử, trực tiếp yểm trợ cho các nhóm máy bay oanh tạc và yểm trợ bằng hỏa lực của các tàu chiến.

Đối với Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam thì chiến dịch trên không kể trên của không quân Mỹ không phải là điều bất ngờ cả trên phương diện chiến lược, cả trên phương diện chiến thuật. Trước khi diễn ra chiến dịch trên không này của không quân Mỹ, phía Việt Nam đã thực hiện một loạt biện pháp: sắp xếp lại các đơn vị quân đội; hoàn thiện công tác kỹ thuật xây dựng các trận địa và khâu nguy trang các trận địa; các đơn vị và các phân đội chiến đấu đã trải qua thực tiễn chiến đấu tại Quân khu 4, v.v..

Các khâu chuẩn bị, tổ chức và tác chiến đều được thực hiện theo đúng các luận điểm cơ bản của học thuyết chiến tranh nhân dân: tích cực tiêu diệt lực lượng địch, bảo vệ và củng cố lực lượng của mình; dùng lực lượng ít để thắng kẻ địch có ưu thế về số lượng; kết hợp chặt chẽ

chiến tranh du kích với chiến tranh thông thường, kết hợp chặt chẽ hoạt động chiến đấu của quân chính quy với hoạt động chiến đấu của quân địa phương và dân quân tự vệ. Do đó, nhiệm vụ của bộ đội tên lửa phòng không, của bộ đội pháo ca xạ, của không quân tiêm kích là tiêu diệt địch, bảo toàn lực lượng của mình.

Tính đến ngày 18-12 đã có 62% các tiểu đoàn tên lửa phòng không, 64% các tên lửa chiến đấu, 38% máy bay tiêm kích, khoảng 9% phi công (bay đêm, Đài huấn thi tầm trung), 25% sân bay chiến đấu cơ động, - đã trong tư thế sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ chiến đấu.

Sự đánh giá tình hình do bộ chỉ huy Binh chủng phòng không - không quân đưa ra là chính xác.

Ngày 16-12 chúng tôi đã được cảnh báo về khả năng địch tiến hành các đòn oanh tạc, đến ngày 17-12 đã xác định được chính xác thời gian diễn ra đợt oanh tạc thứ nhất.

Tư lệnh Binh chủng phòng không - không quân, Đại tá Lê Văn Tri (sau này là Trung tướng) đã triệu tập họp tất cả các sĩ quan chỉ huy sư đoàn và trung đoàn tại Sở chỉ huy trung tâm và giao nhiệm vụ chiến đấu cho họ. Nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội tên lửa phòng không và pháo cao xạ là tiêu diệt các máy bay ném bom B-52. Như vậy, nhiệm vụ chủ yếu không phải là phòng thủ cơ sở, tức là không để địch đánh phá cơ sở, mà chủ yếu là bắn rơi máy bay. Nhiệm vụ của không quân tiêm kích là chỉ hành động bằng những lực lượng thường trực.

Trong 11 ngày đêm đã tiêu diệt được 81 máy bay (trong đó có 34 máy bay B-52, 3 máy bay F-111).

Hoạt động của các binh chủng có đặc điểm dưới đây:

Bộ đội tên lửa phòng không là lực lượng chủ lực trong việc giải quyết các nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống phòng không của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bộ đội tên lửa phòng không đã đánh trả 25 cuộc oanh tạc ồ ạt, đã phóng tên lửa 181 lần, phóng đi 321 tên lửa (6 tên lửa bắn rơi 1 máy bay), đã bắn rơi 54 máy bay (trong đó đã bắn rơi 31 chiếc máy bay B-52).

Đã có 135 lần phóng tên lửa vào các máy bay B-52, đã phóng 224 quả tên lửa, bắn rơi 31 máy bay B-52, tức là 90% tổng số máy bay B-52 bị bắn rơi trong thời gian đó (hiệu suất là 0,23; 7,9 tên lửa bắn rơi 1 máy bay).

Đã có 46 lần phóng tên lửa vào các máy bay chiến thuật và máy bay của hải quân, đã phóng đi 77 quả tên lửa, bắn rơi 23 máy bay (hiệu suất là 0,5, tốn 3,3 tên lửa cho 1 máy bay bị hạ).

Rất đáng thú vị khi so sánh 2 trận đánh của sư đoàn phòng không Hà Nội: ngày 19-12 - từ 4 giờ 40 phút đến 5 giờ 46 phút, và ngày 26-12 - từ 22 giờ 45 đến 23 giờ 40 phút.

Ngày 19-12: cuộc oanh tạc được tiến hành từ một hướng, mật độ là 0,6 máy bay/phút. Đã thực hiện 19 lần phóng tên lửa, phóng đi 35 quả tên lửa, bắn rơi được 1 máy bay B-52.

Ngày 26-12: cuộc oanh tạc được tiến hành từ 3 hướng, mỗi chiếc ở trong phạm vi 10 - 15km, mật độ bay - 1,5 máy bay/phút. Đã thực hiện 24 lần phóng, đã phóng đi 45 quả tên lửa, tiêu diệt được 6 máy bay B-52.

Mặc dù gặp những điều kiện tác xạ phức tạp hơn, nhưng ngày 26-12 lại đạt được những kết quả cao hơn hẳn. Trong cuộc đánh trả đợt oanh tạc ngày 19-12, người ta thấy bộc lộ tình trạng thiếu kinh nghiệm tác chiến trong việc đánh trả cuộc oanh tạc ồ ạt trong những điều kiện đài điều khiển tên lửa bị gây nhiễu mạnh, sử dụng chưa thành thạo các chế độ hoạt động tích cực và thụ động của đài điều khiển tên lửa, số lượng tên lửa phóng đi bị hạn chế (do lượng dự trữ ít), những sai sót trong khâu nhận biết mục tiêu - 5 lần bắn (gần 20%) nhằm vào các máy bay thuộc lực lượng không quân chiến thuật.

Bộ đội tên lửa phòng không chịu những tổn thất không lớn. Đã có 10 cuộc bắn phá vào các trận địa tiểu đoàn tên lửa phòng không, trong đó có 4 cuộc bắn phá không gây thiệt hại cho khả năng sẵn sàng chiến đấu ~ đó là những trận địa đã để trống hoặc các trận địa giả), một cuộc bắn phá trong tên lửa "Sraico") đã hoàn toàn làm mất khả năng sẵn sàng chiến đấu, không thể phục hồi được khí tài; còn ở 5 tiểu đoàn còn lại thì khí tài bị hư hại một phần và đã được phục hồi sau 12 - 15 ngày.

Binh chủng tên lửa phòng không được phong danh hiệu Anh hùng”.

Pháo cao xạ: giữ vai trò quan trọng trong việc đối phó với các mục tiêu bay thấp, trong việc bảo vệ các trận địa tên lửa phòng không, bảo vệ các sân bay, cầu cống, v.v.. Đã bắn rơi 20 máy bay (24%), trong đó có 1 máy bay B-52 và 3 máy bay F-111.

Không quân tiêm kích đã có 10 trận không chiến, đã bắn rơi 7 máy bay (2 chiếc B-52 - 7%), tổn thất trong các trận không chiến - 3 máy bay.

Bộ đội kỹ thuật vô tuyến diện chủ yếu đảm bảo cung cấp thông tin về tình hình trên bầu trời cho quân đội và dân chúng biết. Đã phát hiện và đã bám sát 2875 máy bay (mỗi ngày 239 chiếc). Thiệt hại - một đài ra đa bị loại. Cần nêu rõ hoạt động có kết quả của các đại đội ra đa ở hai bên sườn (làm điểm tựa) trong điều kiện bị nhiễu mạnh. .

Nhìn chung cần thừa nhận những hoạt động chiến đấu của Binh chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam là có hiệu quả. Có thể khẳng định điều đó bằng những ví dụ:

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, cứ 1000 lần chiếc máy bay cất cánh thì có 9 chiếc bị bắn rơi, ở Triều Tiên cứ 1000 lần chiếc máy bay cất cánh thì có 4 chiếc bị bắn rơi, còn tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cứ 1000 lần chiếc cất cánh thì có 7 chiếc bị bắn rơi, riêng trong tháng 12-1972 thì cứ 1000 lần chiếc cất cánh có 34 chiếc bị bắn rơi.

Trong cuộc đấu này người thắng là bộ đội phòng không Việt Nam.

Ngày 30-12-1972 sau khi chịu những tổn thất nặng nề, Mỹ đã từ bỏ việc tiếp tục chiến dịch và đã không đạt được mục tiêu chính trị.

Cuộc đàm phán ở Pari được nối lại. Và đến ngày 27-1-1973 đã diễn ra lễ ký kết Hiệp định “Về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam”.

Theo Hiệp định, tất cả các hành động sử dụng vũ lực trên bộ, trên không và trên biển đều bị cấm và các bên đã cam kết như sau:

1. Hoa Kỳ chấm dứt hoạt động quân sự tại miền Nam Việt Nam;

- Chấm dứt ném bom các cơ sở của Việt Nam Dân chủ cộng hòa;

- Trong thời hạn 2 tháng phải rút quân đội ra khỏi miền Tam Việt Nam;

- Gỡ mìn tại các khu vực nội thủy thuộc lãnh hải Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. Trong thời hạn 2 tháng, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trao trả hết các tù binh Mỹ cho phía Hoa Kỳ.

3. Trong thời hạn 1 năm (28-1-1973 - 28-1-1974) Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Chính quyền Sài Gòn trao trả tù binh cho nhau.

Việc rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam có nghĩa là chấm dứt việc các quốc gia nước ngoài chiếm đóng lãnh thổ Việt Nam trong gần 100 năm.

Tại các vùng giải phóng của miền Nam Việt Nam chính quyền cách mạng đã được củng cố. Đến ngày 30-4-1975 thành phố Sài Gòn đã được giải phóng khỏi chế độ bù nhìn, đến ngày 2-7-1976 thì diễn ra việc tái thống nhất miền Nam và miền Bắc Việt Nam thành một quốc gia thống nhất - Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vậy là chính nghĩa đã toàn thắng trên đất nước Việt Nam.

Nhân dân Việt Nam đã có thể chiến thắng trong cuộc đánh trả xâm lược Mỹ cũng nhờ, ở mức độ đáng kể, vào sự giúp đỡ của Liên Xô dành cho Việt Nam, và lại đó là sự giúp đỡ rất lớn. Từ năm 1953 đến năm 1991 trên thực tế sự hợp tác kỹ thuật - quân sự đã diễn ra trên mọi phương diện. Trong thời gian kể trên tổng khối lượng vũ khí và kỹ thuật quân sự được cung cấp lên đến 15,7 tỷ đô la. Số lượng vũ khí đã cung cấp gồm có: 2000 xe tăng, 1700 xe bọc thép, 7000 khẩu pháo và súng cối, hơn 5000 pháo cao xạ và súng máy cao xạ, 158 bộ khí tài tên lửa phòng không, hơn 700 máy bay chiến đấu, 120 máy bay trực thăng, hơn 100 tàu chiến: đã đưa vào hoạt động 117 cơ sở quân sự” (báo “Độc lập”, số 126 ra ngày 21-10-1998).

Tuy nhiên, các chuyên gia quân sự Liên Xô cũng đã đóng góp phần to lớn vào thắng lợi của

Việt Nam. Họ đã anh dũng và hy sinh quên mình trong khi thực hiện nghĩa vụ quân nhân để giúp nhân dân Việt Nam theo tinh thần quốc tế chủ nghĩa.

Theo các số liệu của Tổng cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô, thì từ ngày 11-7-1965 đến ngày 31-12-1974 đã có 6359 sĩ quan và tướng lĩnh và hơn 4500 binh sĩ và hạ sĩ quan của các lực lượng vũ trang Liên Xô tham gia chiến đấu tại Việt Nam. Tổn thất về người trong thời gian đó là 13 người, trong đó 4 người hy sinh trên các trận địa chiến đấu.

Đã có 2190 quân nhân Liên Xô được tặng các phần thưởng nhà nước của Liên Xô, đã có hơn 3000 chuyên gia quân sự Liên Xô được tặng thưởng các huân chương và huy chương của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 2-1973, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Iliia Xécghêvích Sébacốp đã đánh giá công lao của các chuyên gia quân sự Liên Xô như sau: "... các chuyên gia quân sự Liên Xô đã hoàn thành một cách vẻ vang nhiệm vụ của mình. Bằng công lao chiến đấu của mình, họ đã tạo cơ hội và mở đường cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao tốt đẹp với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông - Nam Á. Giờ đây những quan hệ kinh tế sẽ phải được khởi động...".

Vị Đại sứ Liên Xô đã đánh giá cao như vậy về Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô là có cơ sở: Bản thân ông Đại sứ Liên Xô, người từng tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Liên Xô. đã ra mặt trận. Do vậy, ông đã đi sâu vào nhiều vấn đề của công việc phục vụ quân ngũ, các công việc và quan hệ giữa các chuyên gia quân sự Liên Xô với các quân nhân Việt Nam, đã thường xuyên quan tâm đến sinh hoạt và những điều kiện sống của các chuyên gia quân sự Liên Xô, đã cung cấp cho chúng tôi những bài học về những phong cách ngoại giao và ứng xử tế nhị,

Ông Sébacốp đã đảm nhiệm chức vụ Đại sứ từ năm 1964 đến tháng 11-1974. Đó là những năm diễn ra sự can thiệp quân sự mạnh nhất của Mỹ ở Đông Dương. Ông Sébacốp đã đón tiếp nhóm đầu tiên của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô và trên thực tế ông đã cùng với họ ở đây đến ngày kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam.

Trong đợt đánh trả chiến dịch trên không mang tên "Lainơ Béchơ - 2" Đại tá C. X. Babencô (sau này là Trung tướng), trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô bên cạnh Tư lệnh Bình chủng phòng không - không quân Quân đội nhân dân Việt Nam đã thiết lập được những quan hệ mang tính chất hết sức cầu thị, thân hữu và đầy tin cậy với vị Tư lệnh phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tá Lê Văn Tri. Ông cũng rất có uy tín với Bộ tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thông thường những khuyến cáo của ông đều luôn luôn được chấp nhận và thực hiện. Về phần mình, ông Babencô luôn được phía Việt Nam cung cấp kịp thời những tin tức chính xác tạo điều kiện cho các chuyên gia Liên Xô đưa ra những đề xuất đáp ứng tình hình mới xuất hiện. Chúng tôi sử dụng tài liệu này trong quá trình nghiên cứu xử lý các vấn đề về tổ chức tác chiến chống kẻ địch hiện đại trên không, hiện đại hóa và hoàn thiện vũ khí và khí tài quân sự cũng như trong việc đề ra nhiệm vụ kỹ - chiến thuật cho vũ khí và khí tài quân sự mới.

Kỹ sư trưởng về tên lửa phòng không, Đại tá M. E. Xapencô đã có những cố gắng to lớn. Duy trì khí tài trong tư thế sẵn sàng chiến đấu trong những điều kiện của Việt Nam, nhất là trong thời gian tác chiến, - đó là nhiệm vụ vô cùng phức tạp. Trong quá trình hiện đại hóa các khí tài đã có sự tham gia của Đại tá M. E. Xapencô. Ông đã quy định chế độ kiểm tra gắt gao đối với chất lượng những sự cải tiến. Các khí tài chỉ được chuyển giao cho phía Việt Nam sau khi đã có quyết định phê chuẩn của Đại tá Xapencô.

Thiếu tướng không quân, Anh hùng Liên Xô M. I: Phêxencô được cử làm Trưởng nhóm chuyên gia không quân Liên Xô bên cạnh Tư lệnh không quân Việt Nam. Đồng chí Phêxencô cũng được các phi công của lực lượng không quân Quân đội nhân dân Việt Nam rất tín nhiệm. Nhiệm vụ chủ yếu của ông là đào tạo các phi công chiến đấu và các kíp sĩ quan cho sở chỉ huy. Theo thông lệ, trong các trận không chiến phần thắng thuộc về các phi công Việt Nam. Tháng 12-1972 Mỹ đã bị tổn thất 7 máy bay trong các trận không chiến, phía Việt Nam chỉ bị tổn thất



3 chiếc.

Tham mưu trưởng của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô là Đại tá Ilisencô. Phải nêu rõ rằng nhìn chung hoạt động của ban tham mưu được tổ chức khá bài bản và tốt. Tinh thần này cũng được truyền cho các nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô làm việc tại các trung đoàn. Họ là những chuyên gia trực tiếp làm việc trong các đơn vị quân đội. Có thể biểu dương các nhóm chuyên gia mà các trưởng nhóm là Trung tá Xêrui và Trung tá V. I. Philíppốp. Tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô trong các nhóm này đều đã nhận được các phần thưởng của Chính phủ Liên Xô và của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tôi cũng phải biểu dương công tác của đồng chí Xuxlốp Paven Ivanôvích, Phó Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam của tôi. Đồng chí ấy rất quan tâm đến vấn đề cải thiện điều kiện sinh hoạt của đội ngũ Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam và đã làm được nhiều việc theo hướng này. Trong những thời kỳ đặc biệt nguy hiểm đồng chí đã luôn luôn có mặt cùng toàn thể đội ngũ chuyên gia.

Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã giữ liên lạc thường xuyên với Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam thông qua Phó Tổng tham mưu trưởng, Thiếu tướng Phùng Thế Tài (sau này là Thượng tướng). Về cơ bản, chúng tôi đã cùng đồng chí Tài giải quyết mọi vấn đề về hợp tác kỹ thuật - quân sự. Trường hợp giải quyết những vấn đề phức tạp nhất thì chúng tôi gặp Tổng tham mưu trưởng, Đại tướng Văn Tiến Dũng, thỉnh thoảng có gặp Bộ trưởng Quốc phòng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Thông thường, trước khi bước vào thảo luận, các vấn đề được nghiên cứu kỹ lưỡng và chỉ sau đó mới đưa ra quyết định.

Cả trong thời gian yên tĩnh, hoạt động của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô cũng rất căng thẳng. Cần tiến hành phân tích sâu sắc các hoạt động tác chiến của Binh chủng Phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam, thu thập một khối lượng lớn các số liệu về các trận đánh của bộ đội phòng không và về các trận không chiến, về tổ chức, lập kế hoạch, chỉ huy các phân đội, các đơn vị và các liên đội thuộc Binh chủng Phòng không - không quân, về hoạt động và khả năng của lực lượng không quân Mỹ ở Đông - Nam Á, đánh giá tình hình và đề ra những đề xuất cụ thể không chỉ đối với phía Việt Nam, mà cả đối với Binh chủng phòng không Liên Xô.

Những cuộc gặp gỡ đặc biệt quý báu - đó là những cuộc gặp gỡ với Tư lệnh Binh chủng Phòng không - không quân, Tướng Lê Văn Tri, cũng như - trong khuôn khổ đội ngũ chiến đấu - với các vị chỉ huy các sư đoàn phòng không, các trung đoàn, các tiểu đoàn (các phi đội, đại đội) thuộc binh chủng phòng không, tại các trường quân sự.

Cuối năm 1973, theo đề nghị của phía Việt Nam, chúng tôi bắt đầu soạn thảo các điều lệnh chiến đấu của Binh chủng phòng không - không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam và các binh chủng khác. Có một nhóm sĩ quan (8 người) từ Liên Xô sang Việt Nam. Họ là các cán bộ thuộc Học viện Phòng không và thuộc các trường quân sự Liên Xô. Công việc của họ đã diễn ra trong vài tháng cùng với bộ máy của Trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam. Chúng tôi đã giúp phía Việt Nam trong việc chọn địa điểm, cơ cấu và thiết lập mô hình Học viện quân sự. Các công việc hiện đại hóa và sửa chữa vũ khí và khí tài quân sự vẫn được tiếp tục. Vậy là công việc cũng đủ làm.

Chúng tôi đã có cơ hội kỷ niệm cùng nhau những ngày quốc khánh của Liên Xô và của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tổ chức những cuộc thi đấu thể thao, tham quan các bảo tàng và những địa điểm lịch sử của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chỉ có hoạt động nhịp nhàng của cả tập thể, nhận thức rõ các nhiệm vụ được giao phó, trình độ chuyên nghiệp, ý thức cao về nghĩa vụ và trách nhiệm mới có thể giúp chúng tôi, các chuyên gia quân sự Liên Xô, trụ vững một cách vẻ vang trước những thử thách như vậy và xứng đáng với lòng biết ơn của nhân dân Việt Nam.

Trong những năm 1973 - 1974 đã có một số đoàn đại biểu từ Liên Xô sang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để giải quyết các nhiệm vụ khác nhau về hợp tác kỹ thuật - quân sự. Ví dụ, tháng 2-1973, đoàn đại biểu do Tướng M. Xécgây-sích, Chủ nhiệm Tổng cục công trình thuộc ủy ban Nhà nước về hợp tác kinh tế của Liên Xô, dẫn đầu đã nghiên cứu các vấn đề giúp đỡ Quân đội

nhân dân Việt Nam trong lĩnh vực phục hồi các khí tài chiến đấu, hiện đại hóa các khí tài chiến đấu, chuyển giao cho Liên Xô những khí tài chiến tranh đã tịch thu được của Mỹ. Sau đó một năm đã có một nhóm tướng lĩnh và sĩ quan thuộc Tổng Cục 10 của Bộ . Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô, do Tướng Vintilốp dẫn đầu, sang Việt Nam làm việc, với nhiệm vụ kiểm tra hoạt động của Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam và giúp đỡ họ.

Từ ngày 21 đến 28-12-1974 đã diễn ra cuộc viếng thăm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của đoàn đại biểu quân sự Liên Xô, đứng đầu là Tổng Tham mưu trưởng các lực lượng vũ trang Liên Xô, Đại tướng V. G. Culicốp. Đoàn đại biểu quân sự này được mời sang dự kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Lần đầu tiên có một đoàn đại biểu quân sự ở cấp cao như vậy đến thăm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Buổi đón tiếp đoàn đã diễn ra hết sức nồng nhiệt với nội dung phong phú và diễn ra ở trình độ cao. Các ủy viên Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam - Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam Văn Tiến Dũng - đã có cuộc hội đàm với Tướng Culicốp. Hoạt động của đoàn đã được các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin rộng rãi và có được sự hưởng ứng hết sức tích cực.

Kết quả hoạt động của đoàn là sự củng cố hơn nữa tình hữu nghị giữa Liên Xô và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phát triển hơn nữa công cuộc hợp tác kỹ thuật - quân sự giữa hai nước Liên Xô và Việt Nam và giữa các lực lượng vũ trang của hai nước. Quy chế "chuyên gia quân sự Liên Xô" được thay bằng quy chế "cố vấn quân sự Liên Xô"; thay vì chức Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đã áp dụng chức vụ Trưởng cố vấn quân sự bên cạnh Bộ trưởng Quốc phòng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chuyến công tác biệt phái của tôi tại Việt Nam đã kết thúc ngày 15-12-1974. Song vì có chuyến viếng thăm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Tổng tham mưu trưởng các lực lượng vũ trang Liên Xô nên ngày tôi trở về Mátxcova đã được chuyển sang tháng 1-1975.

Ngày 9-1-1975 chúng tôi lên máy bay trở về nước. Nhân dịp kết thúc đợt công tác của tôi tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đại sứ Liên Xô, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh Binh chủng Phòng không - không quân đã tổ chức những buổi tiếp đãi nồng ấm, thân tình, đã diễn ra những buổi dạ tiệc gia đình giữa chúng tôi chia tay với các chuyên gia Liên Xô và các bạn Việt Nam.

Buổi chia tay với các tập thể chuyên gia quân sự Liên Xô, với ngoại giao đoàn, với tùy viên quân sự, với các bạn Việt Nam đã diễn ra với tình cảm bịn rịn. Chúng tôi để lại một phần trái tim của mình tại đây, tại đất nước Việt Nam trải qua nhiều đau thương. Cuộc tiễn đưa tại sân bay cũng nồng ấm như vậy.

Chúng tôi rời khỏi Việt Nam với ý thức của những người đã hoàn thành vẻ vang nghĩa vụ quốc tế. Cả đến hôm nay chúng tôi vẫn mang ý thức ấy.

Đối với cá nhân tôi, thời gian có mặt tại Việt Nam là một trường học lớn về cuộc sống của một quân nhân chuyên nghiệp và là của một công dân của Liên Xô vĩ đại. Tôi lấy làm kiêu hãnh và vinh hạnh mang danh hiệu chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa.

Tôi đã có cơ hội xem xét lại nhiều điều trong sự đánh giá những quan niệm của tôi về hòa bình, về binh nghiệp của một chiến sĩ thuộc Binh chủng phòng không. Lại một lần nữa tôi nhận thức rõ rằng chủ nghĩa đế quốc vẫn không thay đổi bộ mặt thật của mình là tên sen đầm tàn ác cho dù nó có ngụy trang bằng những mặt nạ nào chẳng nữa. Vì lợi nhuận, bọn tư bản sẽ đập bằng mọi nền tảng tinh thần và đạo lý. Nghề của tôi là bảo vệ Tổ quốc, đó không phải là một khẩu hiệu, không phải là lời hiệu triệu. Nó đã trở thành kim chỉ nam cho sự hoàn thiện một cách liên tục tri thức, những khả năng, những kỹ năng, nắm chắc không chỉ các nguyên lý, mà cả chiều sâu nghề nghiệp, sự nhận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp và về quyền sống, để ngăn chặn những kẻ xâm lược mới trên trái đất, không cho chúng phá hoại lao động hòa bình của chúng ta, sự bình yên và sự yên tĩnh của chúng ta.

Mátxcova, ngày 10-11-2003

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>